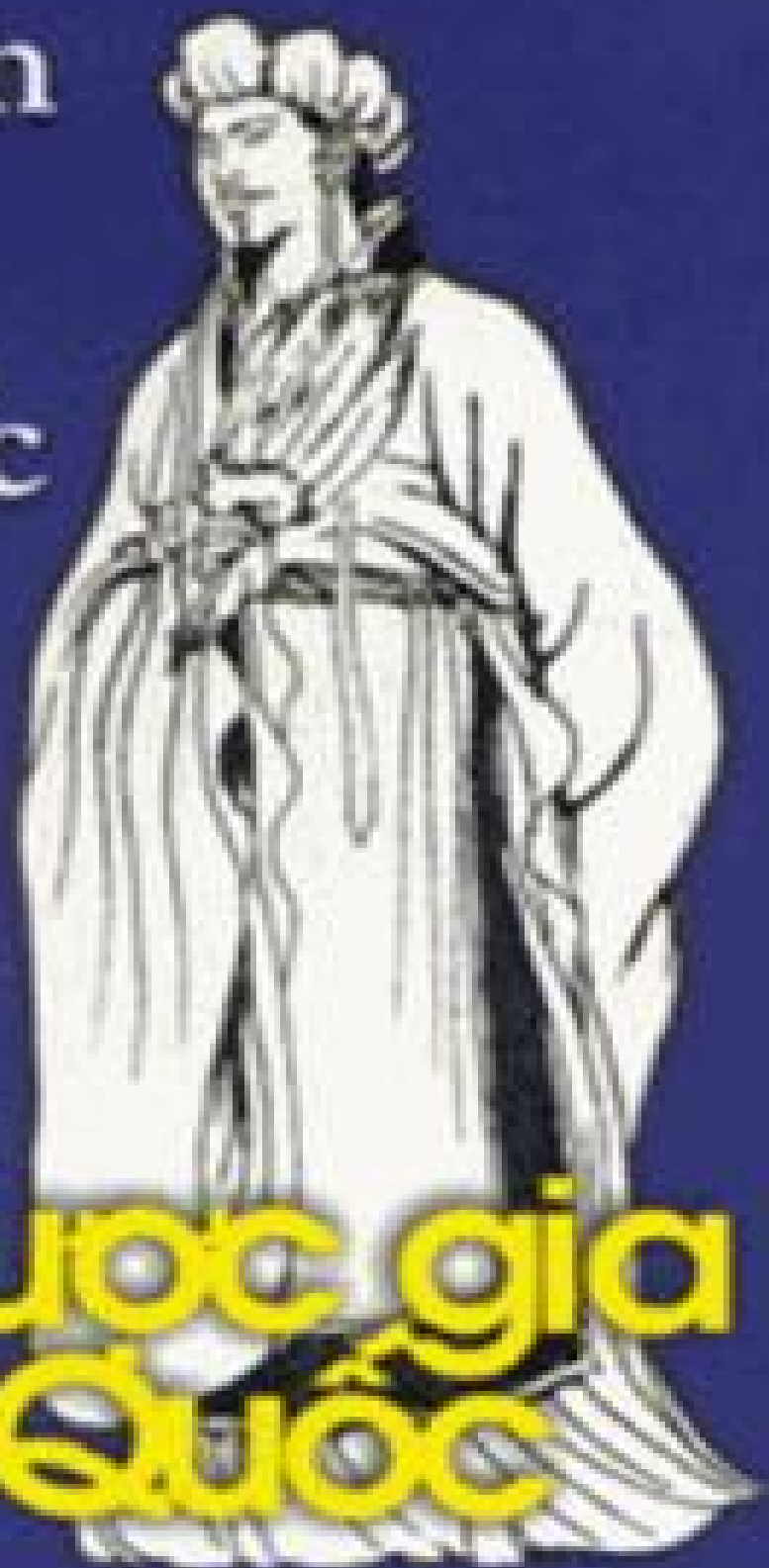


Đại Nội TANG DU

Những
mẩu chuyện
lịch sử
nổi tiếng
Trung Quốc



10
Đại
mưu lược gia
Trung Quốc

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



Thông tin ebook

Tên sách : 10 Đại Mưu Lược Gia Trung Quốc

Chủ biên : Tang Du

Dịch giả : Phong Đảo

Thể loại : Lịch sử

Nhà xuất bản : Thanh Niên

Ngày xuất bản : Quý III/2000

Số trang : 592

(Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục Lục

Lời nói đầu

I. Khương Thượng - Vị Thủ Tổ Các Mưu Lược Gia Trung Quốc

1. Sinh Vào Thời Loạn

2. Những Ngày ở Triều Ca

3. Buông Câu Tại Bàn Khê

4. Nửa Đêm Đến Viêng

5. Diệt Trừ Vây Cánh

6. Văn Vương Gởi Gắm Con Côi

7. Duyệt Binh Tại Mạnh Tân

8. Quyết Chiến Tại Mục Dã

9. Được Phong ở Tề Quốc

II. Phạm Lãi - Mưu Lược Gia Biết Tự Rút Lui Đúng Lúc

1. Đại Biền Lúc Giữa Đêm

2. Nghị Hòa Cứu Nước

3. Một Dạ Trung Thành

4. Cắt Tình Yêu, Dâng Người Đẹp

5. Phò Ngô Phục Thù

6. Mạnh Dạn Tự Rút Lui

III. Tôn Tản - Một Nhà Mưu Lược Quân Sự Nhẫn Nhục Bất

Khuất

1. Kết Nghĩa Kim Lang

2. Giả điên để tránh họa

3. Dùng Trí Thắng Đua Ngựa

4. Vây Ngụy Cứu Triệu

5. Lui Quân, Giảm Bớt Bếp Nấu

IV. Tô Tần - Mưu Lược Gia Về Thuật “Tung Hoành Bài Hợp”

1. Đâm Vào Đùi để Khô Học

2. Nghìn Dặm Đến Nước Yên

3. Làm Gián điệp ở Tề

4. Công Thành Thiệt Thân

V. Trương Nghi - Nhà Tung Hoành Đưa Nước Tần Trở Thành

Cường Quốc

1. Một Mình Vào Nước Tần

2. Đánh Ngụy và Làm Thừa Tướng Nước Ngụy

3. Thôn Tính Ba Thục

4. Chiếm Đoạt Hán Trung

5. Chết Tại Cố Quốc

VI. Phạm Thụ - Nhà Mưu Lược Giúp Tần Hoàn Thành Đế

Nghiệp

1. Đi Sứ Tề Bị Vu Cáo
2. Giữa Đêm Đi Gặp Vương Kê
3. Xuông Xe Đẽ Tránh Họa
4. Lời Nói Khôn Khéo
5. Hòa Hoãn Xa, Tấn Công Gần
6. Vững Cội Yếu Cành
7. Ổn Đền Oán Trả
8. Đố Kỵ Giết Bạch Khởi
9. Nhường Chức Cho Thái Trạch

VII. Trương Lương - Bậc Thầy Của Đế Vương

1. Nhận Sách Tại Hạ Phi
2. Mưu Lược Tây Tiến
3. Khuyên Chúa An Dân
4. Hồng Môn Đại Yến
5. Giúp Hán Diệt Sở
6. Khuyên Việc Định Đô
7. Xin Phong Cho Ung Xỉ
8. Rút Lui Khi Đã Thành Công

VIII. Quách Gia - Một Mưu Lược Gia Không Bao Giờ Tính

Toán Sai

1. Bỏ Viên Đầu Tào
2. Hiến Kế Quét Trung Nguyên
3. Bàn Về Mười Điều Thắng
4. Dự Đoán Về Tôn Sách
5. Dùng Trí Đánh Bại Họ Viên
6. Tuổi Trẻ Chết Sớm

IX. Lưu Cơ - Nhà Mưu Lược Xây Dựng Triều Minh

1. Năm Mười Mới Xuông Núi
2. Đánh Bại Trần Hữu Lượng
3. Kỳ Tập Thành Giang Châu
4. Hồn Chiến Tại Hồ Thâm Dương

5. Bình Định Trương Sĩ Thành

6. Bị Tiêu Nhân Phỉ Báng

7. Góp Ý Chọn Thừa Tướng

X. Phạm Văn Trình - Nhà Mưu Lược Đã Giúp Triều Thanh

Tiến Vào Quan ải

1. Sống Kiếp Nô Lệ

2. Nhờ Họa Được Phước

3. Dần Dần Nổi Danh

4. Được Sự Tin Dùng

5. Hóa Hung Thành Cát

6. Cuối Đời Tốt Đẹp

Lời nói đầu

Trong dòng sông dài đầy sóng gió của lịch sử Trung Quốc, trên mảnh đất bao la và trù phú của Thần Châu, suốt mấy nghìn năm qua, từng xuất hiện nhiều bậc anh hùng, hào kiệt, tiếng tăm lẫy lừng, xoay chuyển cả càn khôn. Họ chẳng khác gì những ngôi sao giữa bầu trời đêm tỏa sáng. Năm tháng trôi qua không thể xóa nhòa được thanh danh của họ. Bao nhiêu triều đại hưng phế, cũng không làm thay đổi sự nghiệp bất hủ của họ. Trong số họ, có những vị quân vương giỏi, biết thay đổi quốc pháp để mưu đồ sự cường thịnh, có những vị tướng soái hiên ngang trên lưng ngựa, vung gươm quét sạch hàng vạn quân thù, có những nhà mưu lược tài năng như thần, ngồi trong triều đình vận trù tính toán, đem lợi ích về cho nước nhà ; cũng như những bậc hiền thần, dám đem lời trung trực ra can gián. Họ đều là tinh anh của dân tộc, là rường cột của đất nước.

Tất nhiên, trong dòng chảy của con sông bao giờ cũng có lẫn lộn cát và bùn, rong và cá. Trong dòng sông lịch sử Trung Quốc, cũng lẫn lộn không ít những cận bã, những vị bạo chúa, hôn quân, độc đoán chuyên quyền, hoang dân xa xỉ, đàn áp nhân dân; có những bọn tham quan ô lại, khi có chức có quyền thì bóc lột vơ vét tài sản của nhân dân, có những bọn gian thần, những kẻ ôm ấp nhiều tham vọng, kết bè kết cánh với nhau để mưu đồ tư lợi. Bọn họ đều là cận bã của dân tộc, và bao giờ cũng bị đóng đinh trên cây trụ ô nhục của lịch sử.

Để khích lệ thế hệ mai sau, tăng cường lòng tự hào dân tộc, đồng thời cũng để đề cao cái thiện, phê phán cái ác, dùng đó là tấm gương lịch sử cho mọi người, chúng tôi tổ chức một số tác giả, có những sở trường nhất định, cùng nhau biên tập cuốn sách này. Những nhân vật được chọn lựa đưa vào bộ sách đều trải qua sự đánh giá kỹ lưỡng của các học giả, để thực chất của họ đều phù hợp với danh xưng. Về phương pháp viết, chúng tôi cố thực hiện cho được ba yếu tố chân thực, thú vị, và hấp dẫn để vừa tôn trọng sự thật của lịch sử, vừa có những tình tiết hấp dẫn bạn đọc.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

I. Khương Thượng - Vị Thi Tổ Các Mưu Lược Gia Trung Quốc

Từ xưa tới nay, mọi người vẫn tôn Khương Thượng là một bậc thần thánh, thậm chí, còn đặt ra câu chuyện ông đã "thay trời để phong thần", để lấy đó ký thác sự tôn sùng và ngưỡng mộ của mình đối với ông. Kể từ triều nhà Đường trở về sau, Khương Thượng được truy phong "Võ Vương", đứng ngang hàng với Khổng Tử, người được phong "Văn Tuyên Vương", và trở thành hai thần tượng một văn một võ trong lịch sử cổ đại của Trung Quốc.

Nhưng, Khương Thượng trong lịch sử là một con người như thế nào?

Phải chăng là người có thể đặng vân giá vũ, hô phong hoán vũ, và đoán biết trước mọi việc sắp xảy ra như trong truyền thuyết đã nói? Cho dù sử liệu không đầy đủ, khiến hiện nay chúng tôi không có cách gì để tìm hiểu thật tường tận về cuộc sống của Khương Thượng, nhưng với tư liệu hiện có, chúng ta vẫn có thể nhìn thấy được một phần nào về tư tưởng trác tuyệt và tài hoa siêu nhân của Khương Thượng. Ông quả không hổ danh là vị "Thi tổ khai sơn" của các nhà mưu lược Trung Quốc.

1. Sinh Vào Thời Loạn

Cuối triều nhà Thương, tại Doanh Khuru (nay là địa phương nằm về phía đông Tri Bác, thuộc tỉnh Sơn Đông), có một bộ tộc Đông Di quần cư ở đây. Người thủ lĩnh của bộ tộc này họ Khương, tên Thượng, tự Tử Nha, tục gọi Khương Thái Công.

Lúc tuổi trẻ, Khương Thượng là người khỏe mạnh, thông minh, học giỏi lại rất yêu binh pháp. Lúc bấy giờ là cuối đời nhà Thương. Ông vua cuối cùng của triều đại này là Trụ Vương, hết sức tàn bạo, suốt ngày chỉ biết rượu chè và tìm mọi thú vui, phung phí tiền bạc như rơm rác. Để thỏa mãn cuộc sống xa hoa và hoang dâm trụy lạc, Trụ Vương đã sử dụng hàng vạn công thợ xây cất "Lộc Đài" dài ba dặm, cao hàng nghìn xích, tại Bồi đô Triều Ca (nay là Kỳ Huyện, thuộc tỉnh Hà Nam) để làm nơi vui chơi riêng cho mình.

Trụ Vương còn cho đào một cái ao vuông trong khu vực "Lộc Đài", dưới ao đo đầy rượu ngon, gọi là "Tử Trì". Nơi khu rừng bên cạnh Tử Trì, Trụ Vương cho treo rất nhiều thịt, gọi là "Nhục Lâm", có mục đích làm cho người phi tần xinh đẹp của mình là Đắc Kỷ được vui. Nhưng sau khi mọi việc đã hoàn thành mà Đắc Kỷ vẫn không nở một nụ cười. Nhà vua bèn ra lệnh cho rất nhiều nam nữ, cởi bỏ hết y phục, rồi rượt đuổi nhau đùa giỡn dưới Tử Trì để làm trò cười cho Đắc Kỷ.

Trong khi Trụ Vương ngày đêm lo yếm ảm, hoang dâm vô độ, thì đông đảo những người nô lệ và bình dân áo không đủ mặc, cơm không đủ ăn. Để trấn áp những cuộc nổi dậy chống đối của nô lệ và bình dân, đồng thời, cũng để trừng trị những vị đại thần dám chống đối trước những thú vui của Trụ Vương, ông ta ngoài những hình phạt sẵn có trong ngũ hình như Kinh (tội xâm mặt), Nhị (tội cắt mũi), Nguyệt (tội chặt chân), Cung (tội thiến), Tịch (tội tử hình), Trụ Vương còn bày ra những hình phạt tàn khốc mới, như cho thợ làm một ống đồng rỗng ruột, bên trong đốt lửa, bắt các "phạm nhân" cởi bỏ hết y phục, rồi trói vào trụ đồng nóng bỏng đó để giết chết, gọi là "Bào Lạc".

Vì không thể chịu đựng được những bạo hành ngang ngược của Trụ Vương, đông đảo những người nô lệ và bình dân đã nổi dậy chống đối. Nhưng, vì lực lượng giữa đôi bên chênh lệch quá xa, tất cả những cuộc nổi dậy đều bị quân đội của Trụ Vương đàn áp thẳng tay và đẫm máu.

Cùng lúc đó, Trụ Vương cũng tiến hành một cuộc chinh phạt đối với bộ tộc Đông Di, bị xem là không phục tùng "vương mệnh". Bộ tộc Đông Di được Khương Thượng, vị thủ lĩnh của bộ tộc Lữ Thị kết hợp với các họ Ngư, họ Tang, họ Lâm, họ Lang, họ Điền, họ Loan, họ Khởi Lương, họ Bạc Cô, đứng lên chống lại quân đội của Trụ Vương một cách ngoan cường.

Nhưng dù Khương Thượng là người túc trí đa mưu, dũng cảm phi thường, nhưng do thể cô sức yếu, đã bị quân đội của Trụ Vương trấn áp một cách tàn khốc. Căn cứ địa của Lữ Thị là Doanh Khuru, bị Trụ Vương phóng hỏa thiêu hủy thành bình địa. Khương Thượng nhờ có võ công cao cường lại rất dũng mãnh, nên đã mở con đường máu thoát ra khỏi vòng vây đông đến mười vạn quân của Trụ Vương. Sau mấy tháng lẩn trốn, rốt cục Khương Thượng đã lưu lạc đến Triều Ca, và lấy nghề mổ bò để sinh sống.

2. Những Ngày ở Triều Ca

Triều Ca là Bồi đô của triều nhà Thương. Ở đây, Khương Thượng gặp được một người là Lâm Hồ, vị tộc trưởng họ Lâm trong nhóm chín họ đã từng liên chính chống triều đình nhà Thương trước kia. Lâm Hồ trong trận đánh với quân nhà Thương bị bắt sống, nhưng giữa đường ông trốn thoát, tìm tới Triều Ca mai danh ẩn tích, sống nhờ vào người bà con. Người bà con này làm quan trong triều đình, đã đứng ra mở một ngôi khách điếm giúp cho Lâm Hồ. Hằng ngày khách qua đường đến ở trọ rất đông, việc làm ăn cũng khá.

Lâm Hồ nghe Khương Tử Nha kể việc mình đã lưu lạc ở bên ngoài suốt những năm qua, không khỏi suýt xoa đồng tình. Hai người nhớ lại tình trạng cùng liên minh giữa chín họ để chống lại triều đình nhà Thương trước đây, cũng như hoàn cảnh trước mặt hiện giờ, đều cảm thấy bàng hoàng như chuyện xảy ra kiếp trước. Lâm Hồ nói:

- Nay hiền điệt đã tới đây rồi, thì đừng bận tâm tới chuyện đời sống nữa. Tất cả đều do tôi lo liệu. Hễ tôi ăn gì thì chú ăn nấy thôi.

Khương Tử Nha biết Lâm Hồ là người rất hào phóng, bèn nói :

- Thừa thúc phụ, tôi được gặp chú ở tại Triều Ca này, thật hết sức vui mừng. Tôi tạm thời xin được ở tạm trong khách điếm của chú. Nhưng tất nhiên phải tìm một việc buôn bán nhỏ gì đó để làm, chứ không thể ngồi không để chú nuôi.

Lâm Hồ hỏi :

- Hiền điệt định buôn bán gì ?

Khương Tử Nha đáp :

- Những công việc phức tạp thì cháu không thể làm, vậy thì đi bán bột mì cũng được. Hằng ngày đến lò xay bột mì mua mấy túi bột, rồi gánh ra phố rao bán lẻ. Chỉ cần tìm được một ít tiền lời để nuôi sống là tốt rồi.

Lâm Hồ thấy Khương Tử Nha đã quyết tâm, bèn nói :

- Được, bột mì sẽ do chú mua cho, còn cháu mua thêm một bộ gióng gánh, rồi gánh ra phố bán thử. Khi nào nghề này không làm được thì sẽ tính tới nữa.

Lâm Hồ thay Khương Tử Nha lo liệu mọi việc xong. Đến ngày hôm sau, Khương Tử Nha bèn gánh một gánh bột mì rao bán lẻ. Ông đi từ chợ phía Đông sang chợ phía Tây, từ đường phía Bắc đến đường phía Nam, nhưng không thấy ma nào hỏi mua cả. Đến lúc mặt trời sắp lặn xuống núi, ông bèn bước những bước chân nặng nề gánh bột mì trở về khách điếm của Lâm Hồ. Thấy vậy, Lâm Hồ lên tiếng an

úi.

- Nay hiền điệt đừng lo lắng quá, vạn sự khởi đầu nan đấy mà. Ăn cơm xong hãy đi nghỉ ngơi, ngày mai lại gánh ra phố bán tiếp.

Khương Tử Nha biết mình quá xui xẻo, nên cũng không nói gì nhiều, chỉ buồn bã đi ăn cơm rồi trùm mền lại ngủ một giấc.

Sáng sớm hôm sau, Khương Tử Nha lại gánh một gánh bột mì đi ra phố rao bán. Nhưng ông đi suốt một ngày, mà vẫn không bán được một lượng bột nào cả. Kịp khi trời sắp hoàng hôn, ông buồn bã gánh gánh bột mì đến dưới gốc cây cổ thụ ngồi xuống để nghỉ chân.

Vừa lúc đó, bỗng nghe từ xa có tiếng xa mã chạy đến, rồi trông thấy từ phía Đông có một cỗ chiến xa do bốn con ngựa kéo chạy tới như bay. Trên xe không ai cầm cương cả. Khương Tử Nha thấy vậy hết sức hốt hoảng, vội vàng nép vào lề đường để tránh. Nhưng không còn kịp nữa cỗ xe vượt qua như gió hốt, bánh xe đã cán lên gánh bột mì của ông. Tức thì, bột mì liền bị sức gió của cỗ xe hốt bay đầy đất. Riêng Khương Tử Nha thì bị cỗ xa hất ngã bên vệ đường, nằm bất tỉnh không còn dậy nổi.

Kịp khi ông cố gắng bò dậy, thì cỗ xe đã chạy đi mất hút từ lâu, chỉ còn lại gánh bột mì của ông đang nằm lăn lóc trên mặt đất, chung quanh đó bột mì đổ tung tóe. Khương Tử Nha hết sức đau đớn, to tiếng than :

- Hỡi trời xanh ơi ! Chẳng lẽ ông muốn dồn tôi vào con đường chết hay sao? - Dứt lời, ông té quy xuống đất bất tỉnh.

Đến nửa đêm, những người làm công cho Lâm Hồ cùng đốt đèn đi khắp tứ phía để tìm kiếm Khương Tử Nha, và họ đã phát hiện ông đang nằm bất tỉnh dưới gốc cây cổ thụ, bèn xúm lại khiêng ông về khách điếm. Sau mấy hôm nằm nghỉ dưỡng bệnh, Khương Tử Nha mới dần dần bình phục trở lại.

Lúc bấy giờ, tại Đông Thị của Triều Ca giá thịt heo mỗi ngày một tăng vọt. Có nhiều người đi xuống các địa phương mua heo sống mang về để bán, lời được rất nhiều tiền. Lâm Hồ sau khi biết tin này, bèn báo lại cho Khương Tử Nha biết, và cho ông mượn một số bạc làm vốn để đi buôn heo. Khương Tử Nha hết sức vui mừng, bèn xuống tận thôn quê mua hai mươi con heo sống, đi bất kể ngày đêm, mang trở về Triều Ca để bán lại. Nhưng khi ông tới Đông Thị, thì tất cả heo sống không ai hỏi mua nữa. Vì gần đây heo bị bệnh dịch, người trong thành không ai dám mua thịt heo để dùng. Do vậy, heo sống không bán được. Riêng hai mươi con heo của Khương Tử Nha, chỉ vài ba mươi hôm sau chúng đều lây bệnh dịch, chỉ trong vòng hai ba hôm đã chết sạch tất cả.

Sau nhiều phen làm ăn thất bại, Khương Tử Nha buồn khổ vô cùng. Ông lại ngã bệnh, nằm trên giường không muốn ăn uống chi cả. Suốt ngày ông chỉ đưa đôi mắt nhìn đăm đăm lên trần nhà. Cũng may có Lâm Hồ cho người ở của mình ngày đêm lo chăm sóc, còn rước cả thầy thuốc tới để bốc thuốc chữa bệnh. Riêng Lâm Hồ cũng đích thân đến khuyên lơn an ủi. Nhờ vậy, một tháng sau Khương Tử Nha mới lần lần bình phục.

Một hôm trời trong gió mát, Khương Tử Nha thấy nằm mãi trong khách điếm cũng buồn, nên ra ngoài

đề tản bộ. Khi ông đi đến một lò mổ bò, thấy trước cửa có dán một tấm giấy, cho biết hiện lò mổ đang cần một tay đồ tể, lương tháng là mười lạng bạc trắng, nếu ai muốn làm thì có thể đến thử việc vào ngày hôm sau.

Khương Tử Nha trở về khách điếm, không đem việc này nói lại cho Lâm Hồ biết. Sáng sớm hôm sau, ông lặng lẽ đi thẳng đến lò mổ bò. Người chủ lò mổ liền trao cho mỗi người ứng thí một con bò sống, một con dao, bảo họ tự chọc tiết làm thịt con bò để mình quan sát. Năm người thợ mổ bò đến dự tuyển, trước tiên dùng thừng trói bốn chân con bò lại, rồi mới quật nó ngã xuống đất, chọc tiết, mổ thịt. Riêng Khương Tử Nha không cần trói bốn chân của con bò, mà dùng hai tay nắm lấy sừng bò quật ngang cho con bò té xuống đất. Cùng lúc, ông đã nhanh nhẹn dùng con dao cầm sẵn trong tay, đâm thẳng vào tim con bò khiến nó chết tốt không kịp giãy giụa.

Người chủ lò mổ bò nhìn thấy hành động gọn gẩy, nhanh nhẹn của Khương Tử Nha thì hết sức vui mừng, bèn tuyển dụng ông trong số sáu người tới ứng thí.

Thì ra, thời còn trẻ tuổi, Khương Tử Nha rất thích đi săn bắn, và thường giết chết được cả cọp, beo, gấu, bằng hai tay không với ngón đòn như vừa rồi. Như vậy, nghề mổ bò đúng là nghề sở trường của ông.

Trước đây, lò mổ bò cứ mỗi hôm giết mười lăm con bò, và phải dùng hai thanh niên lực lưỡng làm trong một ngày mới xong việc. Nhưng hôm nay một mình Khương Tử Nha, cũng mổ với số lượng bò đó, mà chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ là xong tất cả. Người chủ lò mổ thấy thế, bèn tăng thêm cho ông mỗi tháng năm lạng bạc trắng nữa. Kể từ đó, đời sống của Khương Tử Nha tạm xem như đã ổn định.

Sau khi Trụ Vương trấn áp được những cuộc nổi loạn trong nước, cũng như bình định được sự phản kháng của bộ tộc Đông Di, nhà vua hết sức vui mừng, cho rằng từ nay về sau không còn ai dám chống đối mình nữa, bèn xuống lệnh tiếp tục xây dựng "Lộc Đài".

Viên đại thần chịu trách nhiệm xây dựng, thường gọi Khương Tử Nha tới nhà riêng của ông ta để mổ bò, nên biết tài mổ bò của Khương Tử Nha rất giỏi. Do vậy, ông ta bèn gọi Khương Tử Nha đến chuyên trách việc mổ bò, mổ dê, để cung cấp thịt cho thợ thuyền dùng.

Khương Tử Nha lo việc mổ bò, mổ dê cho thợ xây dựng "Lộc Đài" suốt bảy năm. Ngôi Lộc Đài này cao hằng trăm trượng, chung quanh được trang trí ngọc ngà, châu báu, lóng lánh huy hoàng. Đến ngày khánh thành, Trụ Vương và các đại thần của nhà vua lên Lộc Đài để quan sát, cảm thấy rất hài lòng, bèn xuống lệnh thăng chức cho những người có công xây dựng. Viên đại thần chịu trách nhiệm xây dựng Lộc Đài, thấy Khương Tử Nha cũng là người có công mổ bò, mổ dê, suốt bảy năm dài, nên đã tiến cử với vua Trụ, ban chức Đại Phu cho Khương Tử Nha. Từ đó, Khương Tử Nha chuyên lo việc mổ bò, mổ dê, mổ heo, cho cung đình.

Khương Tử Nha sống bằng nghề mổ bò, mổ dê, bán bột mì, buôn heo sống tại Triều Ca đã lâu. Suốt trong những năm đó, chính mắt ông trông thấy sự bạo ngược của vua Trụ, và chính mắt ông cũng trông thấy bá tánh đau khổ như thế nào. Cho nên ông hiểu rõ sự hủ bại của nhà Thương là đã đến mức cùng cực, vậy ngày diệt vong của nó cũng không còn bao lâu nữa. Ông lại được nghe ở Tây Kỳ có Châu Văn

Vương, là một nhà vua đang lo việc cải cách nên cai trị của mình, giảm nhẹ tất cả mọi hình phạt, giảm nhẹ mọi thứ thuế khóa, quan viên ai ai cũng liêm khiết và biết thương yêu dân. Nhà vua còn chiêu đãi hiền sĩ, lấy đức để trị dân, nên bá tánh hết sức ủng hộ, thế nước ngày một cường thịnh lên.

Khương Tử Nha nghĩ bụng : Ta phải tìm dịp tới Tây Kỳ phụ tá cho Văn Vương tiêu diệt vua Trụ của nhà Thương, để trả thù cho cha mẹ, và cứu bá tánh trong thiên hạ ra khỏi nước sôi lửa bỏng.

Có một đêm, Khương Tử Nha ngồi nói chuyện chơi với Lâm Hồ, được Lâm Hồ báo cho biết, gần đây có một câu chuyện “Phượng gáy ở Tây Kỳ” như sau :

- Châu Văn Vương vẫn thường tự mình mang cơm nước đến cho nông dân đang cày cấy ngoài ruộng, để khuyến khích nông dân lo việc trồng tía lúa thóc, hoa màu. Nhà vua còn đích thân dẫn thanh niên trong Vương thất xuống ruộng cày cấy, sống một cuộc sống cần kiệm, lao lực, giống y như mọi người dân. Nhà vua còn giáo hóa cho bá tánh ở Tây Kỳ phải biết hiếu kính cha mẹ, lo nuôi dưỡng dạy dỗ con em, và luôn luôn đề xướng một tinh thần công chính và tiết tháo, sẵn sàng giúp đỡ cho người neo đơn, cô quả, khiến Tây Kỳ dần dần trở thành một nước biết trọng lễ nghĩa. Do vậy, vùng đất nhà Châu đã trở thành một khu vực thịnh vượng. Bá tánh của những nước nhỏ ở chung quanh, bồng bế nhau cùng đến Tây Kỳ để sinh sống. Trên mười nước nhỏ chung quanh nhà Châu, đua nhau đến xin liên minh với nhà Châu và tôn Châu Văn Vương lên làm minh chủ.

Vào hôm tiến hành nghi lễ liên minh, Văn Vương bước lên tế đàn để cúng tế trời đất. Có một con thần điều từ núi Kỳ Sơn bay tới, đậu trên cành cây cao trước tế đàn. Con chim này có màu sắc rực rỡ, hết sức xinh đẹp. Đại phu Tản Nghi Sinh buột miệng kêu to:

- Đây là chim phượng hoàng !

Con chim giương cổ hót vang một tiếng, rung chuyển cả bầu trời và truyền đi xa hàng trăm dặm. Chỉ trong nháy mắt, từ bốn phương tám hướng, có vô số các loài chim đua nhau bay tới, đáp xuống đậu chung quanh con phượng hoàng. Chúng nhảy múa như triều bái con phượng hoàng. Sau khi triều bái xong, chúng lại nhảy múa và cất tiếng hót rất uyển chuyển, khiến ai nghe cũng đều say mê.

Sau đó, con phượng hoàng bèn hướng dẫn bầy chim vỗ cánh bay về hướng núi Kỳ Sơn. Chư hầu bốn phương thấy thế, bèn quỳ xuống chúc tụng Văn Vương. Họ cho rằng Văn Vương dùng đức để cai trị thiên hạ, nên cảm động đến lòng trời, nay phái phượng hoàng xuống để triều bái nhà vua. Phượng hoàng là vua trong bách điều, cảnh bách điều triều bái vừa rồi là một cảnh tượng hiếm có. Đây là điềm Văn Vương sắp được thiên hạ.

Khương Tử Nha nghe Lâm Hồ kể xong, trong lòng hết sức vui mừng, nghĩ bụng : “Trụ vương là tên hôn quân vô đạo, còn Văn Vương là một người hiền minh có đức độ khác nhau rõ ràng. Như vậy, người tương lai tiêu diệt vua Trụ của nhà Thương để cai trị thiên hạ, chắc chắn là Văn Vương chứ không còn ai vào đây nữa. Vậy ta hãy tìm hiểu kỹ hơn về nội bộ của nhà Thương, để khi tới Tây Kỳ, sẽ giúp đỡ cho Văn Vương”.

Đối với lòng dạ của Khương Tử Nha, Lâm Hồ đã biết rõ từ lâu, nhưng không bao giờ nói ra. Lâm Hồ lại nói :

- Còn một chuyện quan trọng này nữa, không rõ hiền điệt có biết chưa ?

Tử Nha hỏi :

- Còn có chuyện quan trọng chi nữa ?

Lâm Hồ nói:

- Trụ Vương sau khi nghe tin đồn có phượng hoàng đáp xuống Tây Kỳ, liền dùng dùng nổi giận, cho rằng đây là Văn Vương muốn bịa chuyện để lôi kéo nhân tâm, mưu đồ bất chính, cho nên Trụ Vương đã phái người đi bắt Văn Vương, và hiện đang chuẩn bị đem Văn Vương ra giết.

Khương Tử Nha nghe vậy không khỏi kinh hoàng thất sắc, buộc miệng hỏi:

- Như vậy thì biết tính sao ?

Lâm Hồ thấy Tử Nha quá cuống quýt, đoán biết Tử Nha đang hướng về Tây Kỳ, bèn nói :

- Hiền điệt chớ quá lo buồn. Nghe đâu ở Tây Kỳ đã phái người trưởng nam của Văn Vương là Bá Ấp Khảo và đại phu Tán Nghi Sinh đến Triều Ca, dùng nhiều tiền bạc và báu vật, hối lộ các đại thần triều nhà Thương. Đồng thời, họ cũng đem dâng cho Trụ Vương rất nhiều mỹ nữ, nên Trụ Vương đã bắt đầu thay đổi ý định, không giết Văn Vương nữa, mà chỉ đem giam ông tại Dũ Lý.

Tử Nha nghe đến đây bèn thở thào nhẹ nhõm, lên tiếng hỏi :

- Bá Ấp Khảo và Tán Nghi Sinh có thể cứu được Văn Vương chăng ?

- Đã là cát nhật tất nhiên sẽ có thiên tương. Hiện nay có không ít các đại thần ở Triều Ca đang hướng về Văn Vương, nên họ đã cực lực giúp đỡ Bá Ấp Khảo và Tán Nghi Sinh tiến hành việc cứu Văn Vương. Ngay như chúng tôi là những người buôn bán, cũng mong sẽ có ngày Văn Vương lên làm Thiên tử, nên ai ai cũng bí mật quyên góp vàng bạc, báu vật để cho Bá Ấp Khảo và Tán Nghi Sinh lo việc cứu Văn Vương ra khỏi ngục. Không giấu chi hiền điệt, chính Lâm Hồ tôi cũng đã quyên góp năm chục lượng bạc đấy nhé !

Khương Tử Nha chụp lấy cánh tay của Lâm Hồ, nói :

- Thúc phụ quả là người am hiểu đại nghĩa. Nay tôi xin thay mặt Văn Vương thi lễ trước chú vậy!

Khương Tử Nha làm nghề mổ bò và về sau lại được làm quan tại Triều Ca, cuộc sống ngày một khá hơn. Do vậy, ông đã trả lại tất cả số tiền trước đây đã mượn của Lâm Hồ. Lâm Hồ kiên quyết không nhận, nhưng thấy Khương Tử Nha nhất định đòi trả, nên ông bất đắc dĩ phải nhận lấy.

Một hôm, Khương Tử Nha trở về nhà sớm, cùng ngồi nói chuyện với Lâm Hồ. Trong dịp này, Lâm Hồ bèn nói:

- Nay hiền điệt, mấy năm qua, đời sống của hiền điệt đã được ổn định, lại được làm quan, dù là quan lớn hay quan nhỏ cũng thế. Vậy, nên cưới vợ sinh con, để thành gia thất mới phải. Chả lẽ hiền điệt định sống trọn đời một thân một mình như thế này mãi sao ?

Khương Tử Nha đáp :

- Xin đa tạ ý tốt của thúc phụ. Nhưng nay đã là người sáu mươi tuổi rồi, vậy còn cưới vợ sinh con chi nữa?

Lâm Hồ tươi cười, nói :

- Nếu hiền điệt có ý muốn thành gia thất, thì tôi sẵn có quen với một người họ Mã, tên gọi Mã Tài. Ông ta có một người em gái tên gọi Mã Châu, năm nay đã bốn mươi sáu, bốn mươi bảy tuổi. Nhà ông ta cách đây không xa. Vậy để tôi đến đây nói chuyện với ông ta, xem tình hình thế nào?

Nói dứt lời, Lâm Hồ đứng lên ra đi. Khương Tử Nha không cản lại.

Đêm đó, khi vừa đổ đèn, Lâm Hồ tươi cười trở về thấy mặt Khương Tử Nha, ông bèn nói :

- Nay hiền điệt, tôi xin chúc mừng chú đấy ! Mã Tài và cô em gái của ông ta đã bằng lòng. Nếu hiền điệt có ý lập gia đình, thì nên sớm tiến hành đi nào. Anh em Mã Tài không đòi hỏi lễ nghi phiền phức vậy không rõ ý hiền điệt nghĩ sao ?

Khương Tử Nha thấy nếu cưới vợ cũng được, vì một là có con cái để nối dõi tông đường, hai là không phụ lòng tốt của Lâm Hồ. Cho nên ông đã bằng lòng.

Lâm Hồ bèn chọn ngày hoàng đạo cát nhật, chuẩn bị mở tiệc cưới vợ cho Khương Thượng. Sáng sớm hôm ngày cưới, Lâm Hồ chuẩn bị sẵn một chiếc kiệu hoa, một đội nhạc nho nhỏ, vừa đánh trống thổi kèn vừa đi đến nhà họ Mã để đón dâu. Phòng tân hôn được đặt trong khách điểm của Lâm Hồ.

Người đời thường bảo : “Cô dâu mới bao giờ cũng siêng năng được ba hôm”. Sau khi Mã Châu về nhà chồng, mấy hôm đầu cũng tỏ ra chăm cần. Nào ngờ thời gian kéo dài thì chân diện mục của cô ta dần dần đã bộc lộ. Mã Châu là một cô gái thích ăn, biếng làm, suốt ngày thích đi sang nhà hàng xóm để tán gẫu, không chú ý gì tới chuyện nhà. Đêm đến, cô ta không chịu ngủ yên, mà bắt Tử Nha phải chơi đùa với mình. Tảng sáng, cô ta không chịu thức dậy sớm để lo nấu cơm, mà kéo mền phủ kín đầu ngủ đến mặt trời lên cao ba sào cũng chưa chịu dậy. Riêng Tử Nha thì phải vào triều đình làm việc rất sớm thường mang theo một chiếc bánh "mần thần" để ăn lót dạ. Đến trưa, Tử Nha trở về, Mã Châu chỉ nấu nướng sơ sài, chẳng khác nào bố thí cho kẻ ăn mày. Cũng may Tử Nha là người đã quen sống kham khổ, nên cũng không trách móc vợ. Nhờ vậy, hai vợ chồng vẫn sống yên ổn như mọi người. Sau một năm, Mã Châu sinh cho Khương Tử Nha một đứa con gái, đặt tên là Ấp Khương. Bé Ấp Khương thông minh lanh lợi, được mọi người chung quanh yêu thích. Đến năm bảy tuổi, cô bé càng thông minh, nên Tử Nha càng yêu quý, đặt hết hy vọng vào đứa con gái của mình. Những lúc có thì giờ rảnh rỗi, ông thường dạy con thi văn, viết chữ, vẽ tranh. Ấp Khương học gì biết nấy, càng ngày càng giỏi. Thỉnh thoảng cô bé con lấy thanh long kiếm của phụ thân ra múa, hết sức thích thú. Khương Tử Nha thấy vậy,

cũng dạy cho con gái một vài đường kiếm.

Một hôm, Khương Tử Nha từ lò sát sinh trở về nhà, thấy thì giờ còn sớm, nên muốn gọi Mã Thị lại để cùng nhau chuyện trò. Nhưng Mã Thị đang ở trong phòng cách một bức vách, la to :

- Có chuyện gì thì cứ nói, bà ở đây nghe được rồi.

Khương Tử Nha đáp :

- Chúng mình đã là vợ chồng với nhau, xem như cũng có duyên phận. Nay tuổi đã lớn, lại có một đứa con gái lanh lợi dễ thương như Ấp Khương, âu cũng là có kết quả tốt. Vậy chúng ta nên sống hòa thuận với nhau, hà tất hằng ngày cứ tức giận la ó như thế ?

Mã Thị nói:

- Kể từ ngày tôi lấy anh, chưa bao giờ được ăn một bữa cơm ngon, được mặc một bộ đồ đẹp. Cuộc sống như vậy, tôi không thể tiếp tục sống được nữa. Tôi đã suy nghĩ kỹ rồi, duyên phận của chúng ta tới đây là hết. Vậy tôi sẽ ly hôn với anh, mạnh ai đi đường nấy.

Khương Tử Nha thấy Mã Thị đã dứt khoát, không còn cách nào cứu vãn được, nên đi tìm hai vợ chồng Lâm Hồ. Vợ chồng Lâm Hồ lấy lời hơn lẽ thiệt khuyên nhủ cả buổi, nhưng Mã Thị quyết bỏ chồng ra đi, vậy còn có cách nào khác hơn được.

Khương Tử Nha đành phải viết tờ ly hôn với vợ, và nhờ Lâm Hồ làm chứng, rồi báo cho Mã Tài đến đưa em gái trở về nhà. Khương Tử Nha nghĩ tới tình vợ chồng từ bấy lâu nay, nhất là Mã Thị đã sanh cho ông một đứa con gái ngoan ngoãn nên đem hết tất cả tiền bạc mà bấy lâu nay ông dành dụm được, tặng cả cho Mã Thị để dùng về sau. Đứa con gái Ấp Khương thì đi theo cha.

Về sau, khi Khương Tử Nha đến gặp Văn Vương, và chẳng mấy chốc đã được cử làm chức Thái Sư của Văn Vương, hết sức danh dự. Lúc bấy giờ Mã Châu cảm thấy hối hận, nên đích thân tìm với phủ Thái Sư, yêu cầu được làm vợ chồng trở lại với Khương Tử Nha. Mặc dầu Khương Tử Nha vẫn chưa tục huyền, nhưng đối với việc Mã Thị đã bỏ ông trong lúc ông đang ở trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn, nên bất luận thế nào cũng không thể tha thứ được. Ông bưng ra một thau nước lạnh, đổ ào xuống đất, rồi hỏi Mã Thị:

- Cô có thể hót số nước đổ xuống đất kia trở lại hay không ?

Mã Thị thấy thế, biết lòng dạ của Tử Nha đã quyết, chắc chắn không làm sao chung sống trở lại được, nên rơi lệ như mưa. Sau khi trở về nhà, Mã Thị đóng cửa rồi thắt cổ tự tử. Khương Tử Nha nghe tin Mã Thị thắt cổ chết, nghĩ đến tình chồng vợ trước kia, nên không khỏi cảm động rơi lệ, sai người mua quan quách tẩm liệm, đưa về tận quê hương ở Tây Châu để cử hành tang lễ một cách long trọng.

3. Buông Câu Tại Bàn Khê

Sau khi ly hôn với Mã Thị, Khương Tử Nha lại tiếp tục sống tại Triều Ca mấy năm, thấy ở đây không thể tìm được lối ra cho mình, nên bàn với con gái là Ấp Khương, định dời đến Kỳ Châu để mưa sinh. Ấp Khương năm đó đã mười bốn, mười lăm tuổi, xinh đẹp như hoa như ngọc, lại biết cả văn chương lẫn võ nghệ. Cô ta nghe nói ở Tây Kỳ có Châu Văn Vương, người hiền lương đức độ, luôn chiêu hiền đãi sĩ, nên cũng rất thích nơi đó. Nhất là cô ta thấy cha già của mình tuy tuổi đã cao, nhưng vẫn còn nuôi chí lớn. Cho nên cô đồng ý với cha cùng dọn đến Tây Kỳ để ở.

Hai cha con gạt lệ từ giã vợ chồng Lâm Hồ, rời khỏi Triều Ca đi đến một địa phương có tên là Bàn Khê tại Tây bộ của Thiểm Tây để ở.

Bàn Khê là một thung lũng hẹp, nằm giữa hai ngọn núi cao của Tần Lĩnh, cũng được gọi là Phàm Cốc. Chung quanh núi non xanh rì, mây bay mù mịt. Một con sông có tên là Phạt Ngư Hà, từ giữa hai ngọn núi uốn lượn chảy qua, tiếng nước róc rách suốt ngày, rồi tiếp tục chạy thẳng đến phía Bắc để hòa vào dòng sông Vị Thủy. Bên cạnh Phạt Ngư Hà có một dòng suối tên gọi Tư Tuyền, nước trong leo lẻo, sóng gợn lăn tăn. Núi non nơi đây rất hùng vĩ, từng bách mộc xanh um, cảnh trí vô cùng xinh đẹp, trang nhã, lại yên tĩnh. Hai cha con thấy vùng đất này đều yêu thích, bèn cất tranh lợp nhà, lấy đá làm tường, để tạo cho mình một nơi ở yên ấm. Kể từ đó, Khương Tử Nha ngày ngày câu cá bên bờ Bàn Khê để mưu sinh, và cũng để giết thì giờ nhàn rỗi.

Khương Tử Nha buông câu bên bờ Bàn Khê được mấy năm, nhưng người chung quanh không ai để ý đến. Mọi người đều nghĩ hai cha con ông là một gia đình nghèo khó, lưu lạc tới đây nương thân mà thôi.

Một hôm, Khương Tử Nha đang ngồi câu cá bên bờ suối, bỗng nghe có người từ trên núi vừa hát vừa đi xuống. Ông quay đầu ngó lại, thấy đây là một người tiều phu. Người tiều phu này tuổi chừng ba mươi, ngoại hình khỏe mạnh, oai phong. Ông ta đặt gánh củi nặng chừng bốn năm trăm cân xuống đất, rồi bước tới sát bên cạnh Khương Tử Nha ngồi xuống để nghỉ chân và gọi chuyện.

Người tiều phu nói :

- Thưa lão trượng, suốt mấy năm qua tôi trông thấy ông ngồi câu ở đây, nhưng tại sao không thấy ông bắt được một con cá nào cả ?

Khương Tử Nha nghe hỏi, vừa ngạc nhiên vừa vui mừng nghĩ bụng: "Xem ra người tiều phu này đã chú ý ta từ lâu. Ta đến vùng núi non hẻo lánh này sống mấy năm qua, rất ít ai chủ động đến gọi chuyện, và cũng không ai để ý tới hành tung của ta. Nay người tiều phu này chẳng những tự động đến làm quen với ta, mà còn nói lên những điều bí mật của ta nữa. Xem ra, ngày ta xuất đầu lộ diện không còn xa !".

Người tiều phu vừa gọi chuyện, vừa đưa tay cầm lấy chiếc cần câu của Khương Tử Nha dờ lên cao

rồi chỉ vào lưới câu thăng như cây kim, nói :

- Như vậy có thể gọi là lưới câu được sao ? Rõ ràng đây chỉ là một cây kim may áo. Để tôi truyền cho ông một phương pháp làm lưới câu. Ông hãy dùng lửa đốt đỏ cây kim này, rồi uốn thành một cái móc, móc mỗi vào thì chắc chắn sẽ câu được cá đấy.

Khương Tử Nha bị thái độ ngay thẳng của người trai trẻ làm cho vui lây, nên liền cười ha hả, nói:

- Nếu vậy, lão cũng nói thật lòng của lão cho cậu nghe. Lão thà được những gì trong ngay thẳng, chứ không bao giờ đi tìm những gì trong quanh co. Lão nào chú ý đến những con cá bạc dưới suối kia mà chỉ nhằm câu Vương và câu Hầu mà thôi ?

Nói dứt lời, Khương Tử Nha lại lẩm nhẩm đọc trong miệng một bài thơ.

*Đoản can trường điều thủ Bàn Khê,
Giá cá cơ quan ná cá tri ?
Chỉ điều đương triều quân giữ thân,
Hà thường ý tại thủy trung ngư !*

Dịch :

*Cần ngắn câu dài tại Bàn Khê,
Điều thâm kín này mấy ai nghe ?
Chỉ câu quân thân trong triều nội,
Chứ nào để ý cá trong khe.*

Người tiểu phu nghe qua, cười to nói :

- Lão ông suốt ngày ngồi bên bờ suối, ngay đến một con tép riêu cũng không câu được, vậy nói gì đến chuyện câu Vương và Hầu ?

Khương Tử Nha nghe người tiểu phu nói chuyện rất vui, bèn hỏi :

- Xin hỏi tiểu huynh đệ người ở đâu, tính danh là gì vậy ?

Người tiểu phu đáp :

- Tôi họ Võ tên Cát, nhà ở tại thôn Tập Mậu bên bờ sông Vị Hà. Trong nhà có một mẹ già tuổi đã bát tuần, chỉ trông cậy vào nghề đốn củi của tôi để sinh sống - Vừa nói người tiểu phu vừa ngược mặt nhìn trời. Thấy thái dương sắp xuống núi, bèn đứng lên cáo từ - Thừa lão trượng, trời sắp tối rồi, ngày mai chúng ta sẽ gặp lại. Hiện giờ mẹ tôi đang trông chờ tôi về nhà nấu cơm chiều đây.

Dứt lời anh ta bèn gánh củi lên vai, rồi tiếp tục đi xuống núi.

Qua ngày hôm sau, Võ Cát lại gánh một gánh củi từ trên núi đi xuống, đến bên cạnh Khương Tử Nha,

để gánh củi xuống đất, rồi dùng chiếc nón bằng cỏ đan để quạt nói :

- Thưa lão trượng, đêm qua trở về nhà, tôi nằm suy nghĩ những lời nói của lão trượng, dù tôi là một người dốt nát, nhưng vẫn cảm thấy lão trượng là một bậc cao nhân có đạo hạnh, vậy lão trượng có thể bói toán để đoán số mạng hay không ?

Khương Tử Nha tươi cười đáp :

- Việc bói toán để đoán số mạng, chẳng qua là một trò chơi của con trẻ. Vậy anh hãy nói cho tôi biết anh muốn bói chuyện gì, để tôi xem một quẻ giúp cho anh ?

Võ Cát chỉ vào gánh củi của mình, nói :

- Xin lão trượng hãy bói xem, gánh củi này của tôi đem vào thành bán được bao nhiêu tiền ?

Khương Tử Nha đưa mắt nhìn sắc diện của người tiểu phu, đáp :

- Sắc mặt của anh rất hồng hào, như vậy là vận khí của anh rất đỏ. Gánh củi ngày hôm nay anh sẽ bán gấp hai lần số tiền của một gánh củi thường ngày.

Võ Cát nghe qua lời nói của Khương Tử Nha, tưởng đâu ông chỉ nói để lấy lòng mình, nên cũng không chú ý lắm. Nào ngờ khi anh ta gánh gánh củi đến chợ Tây Kỳ, chưa kịp để xuống, đã thấy có mấy người bước tới tranh nhau đòi mua. Võ Cát chưa kịp nói giá, thì lại thấy một người khác ăn mặc sang trọng, bước tới nói với anh :

- Gánh củi này đừng để xuống, xin gánh thẳng về nhà tôi, tôi sẽ trả một số tiền gấp đôi cho anh.

Võ Cát gánh gánh củi đi tới nhà người đó, thấy trong nhà có đám cưới, và đang cần củi để đun bếp. Không chờ Võ Cát kịp mở miệng nói gì, người này móc trong túi ra một bao lì xì màu đỏ, đưa cho Võ Cát và nói:

- Hôm nay trong nhà tôi có đám cưới, đang thiếu củi đun, thế mà được lão đệ đưa đến rất kịp thời. Như vậy là trong chuyện vui lại có thêm chuyện vui nữa. Vậy hãy nhận lấy số tiền này, xin đừng chê ít.

Võ Cát nhận bao tiền, mở ra đếm, thấy quả nhiên số tiền gấp đôi số tiền của một gánh củi bình thường, trong lòng không khỏi cảm thấy lạ.

Qua ngày hôm sau, Võ Cát lại gánh một gánh củi đến bên cạnh Khương Tử Nha, chưa kịp nói rõ chuyện xảy ra ngày hôm qua, thì anh ta lại hỏi :

- Thưa lão trượng, xin lão trượng bói xem ngày hôm nay vận số của tôi ra sao ?

Khương Tử Nha lại đưa mắt nhìn qua sắc diện của Võ Cát một lượt, rồi đưa tay lên vuốt râu, nói:

- Con mắt phía trái của anh hiện lên màu xanh, con mắt phía phải hiện màu đỏ. Như vậy, anh vào thành

sẽ đánh chết người đấy.

Võ Cát nghe qua không vui. Nhưng nhớ đến chuyện đã xảy ra ngày hôm qua, nên không khỏi lo lắng: "Như vậy ta vào thành cần phải thận trọng. Chờ xem ngày mai này ông ấy sẽ giải thích ra sao". Thế là Võ Cát bèn gánh gánh củi đi.

Suốt trên đường đi, Võ Cát bao giờ cũng tỏ ra cẩn thận, cứ thấy người ta thì tránh xa, không dám gọi chuyện nói với ai một câu nào cả. Anh ta gánh gánh củi đến trước cửa thành Tây Kỳ, vừa mới đi vào cửa, thì gặp binh sĩ gác cửa chặn anh ta lại, bảo mau lui ra, nói :

- Xa giá của Châu Văn Vương sắp đi qua, vậy người đi đường phải tìm chỗ lánh mặt.

Võ Cát là người có thân hình khỏe mạnh, gánh củi trên vai của anh bao giờ cũng nặng hơn tất cả mọi người khác. Khi anh vừa xoay qua, thì cỗ xe của Châu Văn Vương cũng vừa chạy tới, lướt qua mặt anh nhanh như một cơn gió lốc.

Binh sĩ giữ thành thấy vậy, to tiếng quát :

- Hãy mau tìm chỗ tránh ra !

Võ Cát quá hấp tấp nên khi xoay chuyển đã va mạnh gánh củi trên vai vào vách cửa thành, nên anh bị mất thăng bằng, mấy cây củi ở phía trước vượt dây văng ra, trúng vào ót một binh sĩ giữ thành, khiến anh ta ngã ra chết ngay tại chỗ.

Văn Vương trông thấy người bán củi gây tử vong cho binh sĩ giữ thành, bèn hạ lệnh bắt Võ Cát để chờ ông trở về sẽ xét xử. Nhà vua nói dứt lời thì ra lệnh cho cỗ xe tiếp tục chạy đi.

Binh sĩ của nhà Châu bắt giữ Võ Cát, chúng vẽ một vòng tròn trên mặt đất bảo anh đứng vào đó chờ đợi Văn Vương xét xử. Thời bấy giờ, triều nhà Châu không xây dựng những nhà giam, mà chỉ vẽ những vòng tròn trên mặt đất, tạm xem là nhà giam để giam giữ những người phạm tội. Cách làm đó được gọi là "vẽ đất làm nhà giam". Do Văn Vương là người biết bói quẻ bát quái, người phạm tội đứng trong vòng tròn nếu trốn đi đâu, ông cũng có thể tìm ra được. Khi bắt trở về tội sẽ nặng gấp đôi, nên không ai dám bỏ trốn bao giờ.

Võ Cát đứng trong vòng tròn đến nửa đêm, nghĩ bụng : "Tự cổ, phạm giết người thì phải đền mạng. Nay ta đùng chết một binh sĩ gác cửa thành, vậy chắc chắn phải đền mạng. Ta còn một bà mẹ già tám mươi tuổi, nếu ta chết thì ai nuôi mẹ ta cho đến ngày mãn phần đây. Vậy chi bằng ta lén trốn trở về nhà, rồi sẽ tìm cách đối phó sau".

Thế là Võ Cát bèn rời khỏi vòng tròn giam giữ mình ngay trong đêm trở về nhà gặp mẹ, nói rõ mọi việc cho mẹ nghe. Bà mẹ nói :

- Nay con, lão ông kia có thể đoán đúng mọi việc như vậy, thì chắc chắn cũng sẽ có biện pháp để giải cứu cho con. Vậy con hãy mau đến Bàn Khê xin lão ông cứu mạng.

Võ Cát không dám chệnh mảng, ngay trong đêm tìm đến Bàn Khê. Anh ta đánh thức Khương Tử Nha đang ngủ trong túp lều tranh của mình, vừa khóc vừa kể lể mọi việc đã xảy ra, và tỏ ý hối lỗi vì không biết nghe theo lời dạy của lão ông, nên đã gây ra họa lớn, xin lão ông cứu giúp.

Khương Tử Nha sau mấy lần gặp gỡ đã yêu thích người trẻ tuổi, chất phác này. Nhìn thấy anh ta đang quỳ trên đất khóc lóc van xin, lại nghĩ tới anh ta còn một bà mẹ tuổi đã bát tuần ở nhà, nên tươi cười nói:

- Ta vốn có cách, nhưng anh muốn ra tay cứu giúp thì phải có một điều kiện, đó là anh phải chịu làm đồ đệ của ta.

Võ Cát vội vàng quỳ ngay xuống đất dập đầu lạy, bằng lòng làm đồ đệ của Khương Tử Nha.

Khương Tử Nha nói :

- Ta dạy cho người một cách : khi trở về nhà, người hãy đào một cái hố trước sân, rồi bện một hình nhân bằng rơm chôn vào cái hố đó, lấp đất lại, thì mọi việc sẽ an toàn không gặp điều gì nguy hiểm nữa.

Võ Cát ghi nhớ lời dạy trong lòng, vội vàng sụp lạy sư phụ, rồi ngay trong đêm trở về nhà làm đúng theo cách sư phụ đã hướng dẫn.

Ngày hôm sau, binh sĩ báo cáo lên Văn Vương, người tiều phu đục chết binh sĩ gác cửa ngày hôm qua đã rời khỏi vòng tròn, bỏ trốn trong đêm. Văn Vương nghe xong, bèn dùng thuật bói toán theo bát quái, co tay tính nhẩm một lúc, bèn thở dài, nói :

- Gã tiều phu này thật là ngu ngốc. Ta biết anh ta do bất cẩn nên làm chết người. Ta không hề có ý muốn giết anh ta để đền mạng. Nhưng không ngờ anh ta quá sợ hãi, nên đã tự tử chết rồi. Thật đáng thương, thật đáng thương !

Từ đó, vụ án này xem như được bỏ qua.

Sau khi mọi việc đã yên, Võ Cát một mặt ngày ngày đi đốn củi để nuôi mẹ, một mặt lo học tập võ nghệ và binh pháp với Khương Tử Nha. Ngày tháng qua thật nhanh, không mấy chốc đã ba năm.

Năm đó, Khương Tử Nha đã hơn tám mươi tuổi. Có lẽ ông đoán biết ngày xuất đầu lộ diện của mình sắp tới, nên dạy Võ Cát hãy gánh củi vào thành Tây Kỳ để bán. Võ Cát sợ binh sĩ của Văn Vương nhận ra mình, Tử Nha liền nói :

- Dù có nhận ra nhà người cũng không có chi đáng sợ. Nhà người có thể đem tất cả sự thật nói cho Văn Vương nghe, nhà vua chẳng những không hại đến tính mạng của nhà người, mà còn có thể phong cho nhà người làm tướng làm quân nữa đấy!

Võ Cát tuân theo lời dặn dò của sư phụ, gánh một gánh củi đi vào thành Tây Kỳ rao bán. Ngày hôm đó người lính gác cửa thành cũng là nhóm binh sĩ trước đây từng bắt giữ Võ Cát, nên vừa trông thấy Võ

Cát là anh ta nhận ra ngay, vội vàng báo cáo lên cấp trên của mình.

Bọn binh sĩ bèn bắt Võ Cát đưa đến gặp Văn Vương. Văn Vương nhìn thấy, kinh ngạc đến há hốc cả mồm. Nhà vua nghĩ bụng : “Trước đây ta dùng quẻ bát quái để bói toán, thấy hấn vì sợ tội nên tự sát rồi, thế tại sao bây giờ lại còn sống ở đây?”

Võ Cát bèn đem câu chuyện được Khương Tử Nha giải cứu cho mình kể lại cho Văn Vương nghe. Nghe xong, Văn Vương cất tiếng than:

- Đứng là núi cao còn có núi cao hơn, người tài còn có người tài hơn. Khương Tử Nha có thể phá được quẻ bát quái của ta, thì chắc chắn đây là một nhân tài xuất chúng. Từ bấy lâu nay Cơ Xương ta muốn tìm người hiền tài như người khát nước muốn tìm nước để uống. Té ra người hiền tài ở sát bên cạnh mà không phát giác được.

Thế là, nhà vua bèn tuyên bố Võ Cát vô tội, và phong cho chức Võ Đức tướng quân. Đồng thời nhà vua quyết định trong vòng ba hôm, phải nhờ Võ Cát đưa đường đến Bàn Khê để gặp gỡ người hiền tài mà mình đang mong đợi.

Châu Văn Vương là nhà vua có hoài bão to, biết phép trị nước của một vị minh vương, phải biết sử dụng người hiền tài. Cho nên sau khi biết được tại Bàn Khê có một bậc đại hiền là Khương Tử Nha đang quy ẩn, trong lòng tha thiết muốn tới để mời ông ra giúp nước. Nhà vua quyết định sáng sớm ngày mai lấy cờ đi săn bắn, để đến Bàn Khê gặp mặt người hiền tài mà mình đang mong đợi.

Sáng sớm ngày hôm sau, Văn Vương trai giới tắm rửa xong, bèn dẫn con trai là Cơ Phát, Châu Công Đán, Đại Phu Tán Nghi Sinh, Đại tướng quân Nam Cung Thích, Võ Đức tướng quân Võ Cát, cùng một số văn võ đại thần khác cùng đến Bàn Khê để săn bắn.

Đến trưa ngày hôm đó, đại đội nhân mã của Châu Văn Vương đã vượt qua sông Vị Hà, còn cách Bàn Khê năm dặm đường nữa. Châu Văn Vương sợ đông đảo binh mã của mình kéo tới Bàn Khê sẽ làm cho Khương Tử Nha đang ngồi câu cá phải giật mình, nên ra lệnh binh mã hạ trại tại chỗ, và chuẩn bị sẽ dẫn một số ít người tới gặp Khương Tử Nha thôi.

Lúc đó, Thái tử Cơ Phát kiến nghị:

- Phụ thân nên tạm thời ở yên tại đây, để con tới thăm dò tin tức trước. Nếu thấy Khương Tử Nha đúng là đang ngồi câu cá tại đó, thì phụ thân sẽ đến sau cũng chưa muộn.

Châu Văn Vương nghe qua, bèn nói với người con :

- Khương Tử Nha là một bậc đại hiền, tài trí phi thường, vậy chắc chắn là người sẽ giúp cho nhà Châu chúng ta hoàn thành sự nghiệp lớn. Vậy con phải thật cẩn trọng, đừng bao giờ có thái độ lỗ mãng.

Thái tử tuân mạng, dẫn theo mấy tên thị vệ cùng đến Bàn Khê. Sau khi vào Phàm Cốc, đi không bao xa, đã trông thấy trong lùm cỏ dại có một lão ông đang ngồi trên đá, chuyên tâm câu cá. Nhưng lưới câu cách mặt nước đến ba xích, mà lại là một lưới câu thẳng, không có móc mồi.

Thái tử Cơ Phát nhìn thấy thế, trong lòng cảm thấy tức cười, bèn lặng lẽ đứng sau lưng lão ông quan sát. Chợt đâu có một con cá bé nhảy lên khỏi mặt nước, ngậm lấy lưỡi câu. Lão già thò tay bắt lấy con cá, ngắm nghía một lúc lâu. Thái tử Cơ Phát không khỏi kinh ngạc, vội vàng bước tới thi lễ, nói :

- Xin thi lễ trước lão ông !

Khương Tử Nha như không nghe thấy, tiếp tục nói lảm nhảm một mình :

- Câu câu câu ! Con lớn không đến con nhỏ đến ! Vậy già này sẽ trả ngươi về với dòng suối trong !

Dứt lời, lão ông thả con cá nhỏ vào dòng suối. Con cá quẫy đuôi rồi lội đi tuốt.

Thái tử Cơ Phát là người thông minh, nghe qua lời nói của Khương Tử Nha, biết ngay ngụ ý của lão ông muốn nói gì. Cơ Phát đoán biết muốn mời được lão ông này, ngoài phụ vương của mình ra thì không ai làm được cả. Do vậy, Thái tử Cơ Phát bèn lặng lẽ trở về doanh trại, đem mọi việc tâu lại cho Văn Vương nghe.

Nghe xong, Văn Vương vội vàng đưa tay lên vỗ nhẹ vào ót của mình, nói :

- Ta nhất thời đã hồ đồ, suýt nữa đã để lỡ mất một vị đại hiền. Giờ đây ta phải đích thân đến đó mới được.

Thế là, Châu Văn Vương lại tắm gội một lần nữa, thay áo sạch sẽ, rồi cùng Thái tử Cơ Phát đi thẳng vào phàm Cốc.

Sau khi vào Phàm Cốc, Châu Văn Vương nhìn thấy khắp nơi từng bách xanh um, khói mây mờ ảo, suối chảy róc rách, chim kêu vui tai, rõ ràng là một tiên cảnh, nên buột miệng than rằng :

- Núi sâu có cộp dữ, tiên cảnh có hiền tài. Ở đây đúng là một nơi có cảnh trí thật xinh đẹp.

Thái tử Cơ Phát dẫn Văn Vương đến nơi cụ già ngồi câu, chỉ thấy tảng đá trống trơn, còn người ngồi câu thì không thấy nữa. Thái tử Cơ Phát nghĩ bụng : “Chả lẽ cụ già lánh mặt, không muốn gặp mình hay sao”. Thái tử bèn quay sang Văn Vương, nói :

- Xin phụ thân hãy đứng đây chờ đợi, để con đi khắp nơi tìm kiếm.

Văn Vương ngăn lại, nói :

- Không thể lỗ mãng được ! Người ẩn cư bao giờ cũng thích sự thanh tịnh. Theo Võ Cát cho biết, cách đây không quá năm dặm về phía Nam, có một sơn động dùng làm tịnh thất. Nơi đó chính là nơi nghỉ ngơi của Khương ông. Chúng ta thông thả đi tìm vậy ?

Hai cha con lại tiếp tục đi theo đường núi, đến bên dưới bậc tam cấp của gian tịnh thất. Lúc bấy giờ Văn Vương đã quá mệt, hơi thở dồn dập, mồ hôi chảy ướt cả áo, đôi chân không còn di chuyển nổi

nữa. Thái tử Cơ phát khuyên cha:

- Phụ thân hãy ở lại đây nghỉ ngơi giây lát, chờ con lên đây xem qua - Nói dứt lời, Thái tử Cơ Phát đi lên bậc tam cấp và đã đến trước cửa gian tịnh thất.

Trong khi Thái tử Cơ Phát định đưa tay gõ cửa thì bỗng nghe cánh cửa chuyển động kèn kẹt rồi mở rộng ra. Một thiếu nữ xinh đẹp như hoa đào hoa lý, đứng sừng sững trước cánh cửa vừa mở, nhoen miêng cười hỏi:

- Xin hỏi công tử là ai ?

Tiếng nói của cô gái trong trẻo như tiếng oanh tiếng yến, uyển chuyển vui tai. Thái tử Cơ Phát bất ngờ nhìn thấy một cô gái xinh đẹp phi thường, không khỏi đứng sững sờ một lúc lâu mà không nói được tiếng nào.

Cô gái này chính là Áp Khương, ái nữ của Khương Tử Nha. Cô là người từng theo cha lưu lạc khắp mọi nơi, từ Triều Ca lẫn mò đến Bàn Khê, lúc nào cũng có dịp tiếp xúc với mọi người chung quanh, nên tánh tình tự nhiên, không e thẹn như các cô gái quen sống trong khuê các. Vừa nhìn thấy một vị công tử tuấn tú khôi ngô, cô gái có cảm giác rất ngộ nghĩnh, lên tiếng hỏi tiếp :

- Phải chăng ngài muốn tìm phụ thân tôi là Khương Tử Nha ?

Đến chừng đó, Thái tử Cơ Phát mới như bừng tỉnh cơn mộng. Ông biết mình đang mất tự nhiên, nên vội vàng đáp :

- Tôi là Cơ Phát, con trai của Văn Vương. Cha tôi hôm nay đến đây là muốn bái kiến đại hiền nhân Khương Tử Nha. Không rõ ông cụ hiện giờ ở đâu ?

Áp Khương tươi cười, đưa tay chỉ về dòng suối đang chảy. Nơi đó có một cụ già ngồi trên một chiếc thuyền vuông, vừa hát nghêu ngao vừa thả xuôi theo dòng nước. Cụ già đó chính là Khương Tử Nha.

Thái Tử Cơ Phát từ biệt Áp Khương rồi cùng phụ thân đi trở lại Tư Tuyên. Khi hai người ngược mặt nhìn, đã thấy Khương Tử Nha đang ngồi trên mặt đá lẳng lẳng buông câu.

Cha con của Văn Vương không dám gây tiếng động mạnh, sợ Khương Tử Nha giật mình. Hai người nhón gót đi thật nhẹ, đến sát bên cạnh Khương Tử Nha, đứng lẳng lẳng nhìn ông cụ đang câu cá. Họ thấy Khương Tử Nha cầm cần câu hướng về mặt suối, nhưng lưỡi câu lơ lửng trên không trung, chứ không chìm xuống nước. Bỗng có một con cá to và một con cá nhỏ màu vàng ánh, từ dưới nước quẫy đuôi nhảy vọt lên ngậm lấy lưỡi câu, rồi tiếp tục quẫy mạnh giữa không trung. Khương Tử Nha nói lẩm nhẩm một mình :

- Câu câu câu ! Cá lớn cá bé cùng cắn câu. Lại có cả đại thần văn võ cùng đến, ánh mặt trời đang chiếu rọi trên đỉnh đầu !

Nói dứt lời, cụ già bắt hai con cá vàng bỏ vào giỏ.

Văn Vương biết thời cơ đã đến, bèn cất tiếng nhỏ nhẹ nói :

- Hiền sĩ thích câu cá lắm sao ? Cơ Xương tôi hôm nay đến đây để vấn an hiền sĩ !

Khương Tử Nha quay mặt lại nhìn cha con Văn Vương, rồi vội vàng đáp lễ :

- Vì không biết Văn Vương giá đến, nên không kịp ra tận ngoài xa để nghênh đón, tội thật đáng chết ! Đáng chết !

Văn Vương vội vàng đỡ Khương Tử Nha đứng lên, đáp lễ nói :

- Vừa rồi Cơ Xương tôi không đích thân tới mời hiền sĩ, vậy xin hiền sĩ tha thứ.

Nhà vua bèn quay sang bảo con trai quỳ lạy ra mắt Khương Tử Nha.

Văn Vương cầm lấy một cánh tay của Khương Tử Nha, nói :

- Tiên vương là Thái Công từng tiên đoán, sau này sẽ có một vị đại hiền nhân tại Phương Đông đến để phụ tá cho Châu thất. Từ đó, Châu thất sẽ hưng thịnh lên. Vậy, vị đại hiền nhân mà Thái Công đoán đó có phải chính là hiền sĩ không ? Tiên Vương Thái Công đã trông ngóng ngài từ lâu rồi. Ngài chính là người mà Thái Công trông ngóng (Thái Công vọng) !

Từ đó Khương Tử Nha tự xưng mình là "Thái Công vọng".

Khương Tử Nha thấy cha con Văn Vương trọng người hiền tài như vậy, trong lòng hết sức cảm động, nói :

- Văn Vương tỏ ra yêu quý già này như thế, thử hỏi già này làm sao không khỏi cảm động ? Chẳng qua hiện nay già đã quá bát tuần rồi, e rằng lực bất tòng tâm, khó đảm đương nổi những trọng trách của Văn Vương giao phó, vậy xin Văn Vương hãy suy nghĩ kỹ.

Văn Vương vội vàng đáp :

- Người có chí lớn không bị hạn chế bởi tuổi già. Theo tôi, hiện nay Khương công tuy tóc đã bạc trắng, nhưng da dẻ vẫn hồng hào như người trai trẻ, sức khỏe còn rất tốt, tinh thần còn sung mãn, chắc chắn khôn phò Châu thất, đảm đương nhiều nhiệm vụ trọng đại. Nếu Khương công chấp thuận lời cầu xin của tôi, thì đó quả là một điều may mắn cho Châu thất.

Khương Tử Nha thở dài, đáp :

- Văn Vương không chê già, thì già này tất nhiên phải dốc hết tâm trí và sức lực của mình để đáp lại như loài khuyến mã. Chẳng qua vì già ngồi câu cá tại Tư Tuyền này đã nhiều năm qua, nên hai chân không còn đi đứng tự nhiên được nữa. Vậy biết làm sao đây ?

Văn Vương vội vàng đáp :

- Khương công chẳng cần phải lo nghĩ về điều đó. Nếu ngài bằng lòng giúp quả nhân xây dựng đất nước hưng thịnh, thì cha con quả nhân sẽ cống ngài xuống núi. Hiện giờ cỗ xe của quả nhân để cách đây không xa vậy xin mời hiền sĩ hãy ngồi cỗ xe của quả nhân mà đi.

Văn Vương liền sai Thái tử cho người đánh cỗ xe tới, rồi đỡ Khương Tử Nha lên xe. Thái tử Cơ Phát nhớ còn Ấp Khương ở trong nhà, nên vội vàng nhắc nhở phụ thân :

- Trong thạch thất hãy còn một người.

Khương Tử Nha nói:

- À, nó là tiểu nữ của già đấy.

Văn Vương nghe nói Khương Tử Nha còn có một người con gái, bèn sai Thái tử Cơ Phát đánh xe đến đó nghênh đón.

Để bộc lộ sự tôn kính của mình đối với Khương Tử Nha, Văn Vương ra lệnh cho tùy tùng tháo bỏ những con ngựa kéo xe, rồi chính mình bước vào để kéo cỗ xe đó. Khương Tử Nha không từ chối, vẫn ngồi yên trên xe, nói :

- Như vậy thì nhọc cho ngài quá !

Văn Vương bèn lấy dây cương ngựa buộc vào thân mình, rồi kéo cỗ xe xuống núi. Do đường tụt dốc, nên chẳng mấy chốc Văn Vương đã kéo được cỗ xe tới Tập Hiền Trang. Đến đây, đường núi bỗng chuyển thành lên dốc, Văn Vương phải ra sức kéo mạnh cỗ xe, nhưng bỗng sợi dây buộc vào mình nhà vua bị đứt, suýt nữa nhà vua bị té xuống mặt đường.

Lúc bấy giờ, Khương Tử Nha ngồi trên xe phá lên cười to ha hả, nói :

- Ngài đã đi được tám trăm lẻ tám bước, vậy tôi cần phải bảo vệ giang sơn của nhà Châu đúng tám trăm lẻ tám năm !

Văn Vương nghe nói kéo cỗ xe đi được mấy bước, thì giang sơn của mình có thể bảo vệ được mấy năm. Cho nên nhà vua muốn tiếp tục kéo cỗ xe nữa, để giang sơn của nhà Châu được tồn tại vĩnh viễn. Thế là nhà vua nói sợi dây lại, định tiếp tục kéo xe đi. Nhưng Khương Tử Nha nói :

- Số trời đã định như vậy, không thể cãi được.

Văn Vương mời Khương Tử Nha đến Tây Kỳ, cử ông làm Thái Su, chấp chương quân quyền của triều đình nhà Châu. Khương Tử Nha phụ tá cho triều đình nhà Châu với một tấm lòng trung thành tha thiết, và về sau đã hoàn thành trọng trách tiêu diệt được Trụ Vương của nhà Thương, khai sáng cơ nghiệp kéo dài hơn tám trăm năm cho triều đình nhà Châu.

4. Nửa Đêm Đến Viếng

Sau khi Văn Vương mời được Khương Tử Nha, cảm thấy chẳng khác nào như lúc gặp hạn lại được mưa xuân, cá mắc cạn lại gặp được nước sông lai láng, hết sức vui mừng, nhưng cũng hết sức nôn nóng. Nhà vua bèn phong cho Khương Tử Nha chức Thái Sư, và trao quân quyền của nhà Châu cho ông chưởng quản. Nhà vua hy vọng Khương Tử Nha sẽ bày mưu hiến kế, giúp cho nhà Châu nhanh chóng cường thịnh lên, để sớm tiêu diệt nhà Thương, thống nhất thiên hạ, hoàn thành sự nghiệp lớn của mình. Do vậy, Văn Vương thường tới phủ riêng của Thái Sư, chủ động bàn bạc các vấn đề quốc gia đại sự, và nghiêng tai lắng nghe nhưng ý kiến hay của Khương Tử Nha.

Văn Vương là một nhà vua có hoài bão lớn. Mục đích của Văn Vương là thống nhất thiên hạ. Riêng Khương Tử Nha là một bậc hiền tài, kinh luân đầy bụng, thao lược hơn người, nên luôn muốn báo đáp cái ơn tri ngộ với Văn Vương, một lòng một dạ phụ tá cho nhà Châu để tiến lên lật đổ sự thống trị của Trụ Vương hung bạo. Chính vì vậy mà ý chí của họ rất giống nhau, lòng dạ của họ đều hướng về một phía. Mỗi khi gặp nhau, đôi bên nói tất cả những ý nghĩ trong lòng mình, và tỏ ra rất tương đắc. Chỉ một thời gian ngắn, giữa nhà vua và Khương Tử Nha đã trở thành một đôi bạn tri kỷ.

Có một đêm nọ, sau khi dùng cơm tối xong, Châu Văn Vương bèn bước ra sân sau tản bộ. Lúc bấy giờ là mùa Thu, trời trong gió mát. Trên nền trời một vành trăng sáng đang treo lơ lửng, tỏa ra ánh sáng màu bạc rực rỡ khắp mọi nơi. Văn Vương ngược mặt nhìn bầu trời đang nhấp nháy vô số những vì sao, trong lòng tình cảm lai láng. Nhà vua đang nghĩ đến việc nhà Châu nhiều năm qua tuy được nghỉ ngơi dưỡng sức, đời sống của bá tánh ngày càng sung túc hơn, nhưng nếu đem so sánh giữa triều đình nhà Châu với triều đình nhà Thương, thì triều đình nhà Châu chỉ có một vùng đất bé nhỏ, sức nước lại yếu kém. Nếu không nhanh chóng đưa nhà Châu tiến lên thành một nước cường thịnh thì không mong chi lật đổ được triều đình nhà Thương để thống nhất thiên hạ. Nhưng phải làm sao để đẩy nhanh tốc độ phát triển của nhà Châu, đến đất nước ngày càng thêm giàu mạnh? Vấn đề này chính là một vấn đề luôn luôn gay gắt trong lòng của Văn Vương. Khi nghĩ tới đây, tâm trạng của nhà vua bỗng thấy rối bời như cuộn tơ vò không biết đầu là đầu mối Nhà vua bèn ngửa mặt nhìn trời thở dài, buồn bã.

Bỗng nhiên từ trên bầu trời cao, có một ngôi sao băng xẹt từ phía Tây sang phía Đông, rồi mất hút giữa bầu trời xanh thẳm. Hiện tượng này đã làm cho Văn Vương vô cùng xúc động. Phải đời người có khác chi một giấc mộng, chỉ trong nháy mắt là đã một trăm năm trôi qua. Nay ta đã bảy mươi tuổi rồi, vậy biết đâu có ngày nào đó cũng giống như ngôi sao băng kia, bay xẹt qua bầu trời rồi vĩnh viễn không còn tồn tại? Một ngôi sao băng trước khi tiêu diệt, nó có thể phát lên một thứ ánh sáng chói mắt. Vậy ta đâu chịu lẳng lặng ra đi, mà phải làm nên một sự nghiệp gì trong giai đoạn tuổi già. Cho dù không chính mắt trông thấy được triều nhà Thương bị diệt vong, ít nhất ta cũng phải đặt một cơ sở tốt cho con cháu sau này phát triển được thuận tiện.

Nhà vua không muốn tản bộ nữa, mà muốn đến ngay phủ riêng của Thái Sư để đôi bên cùng nhau bàn bạc những chuyện quốc gia đại sự. Trước khi đi, nhà vua bỗng nghĩ tới Thái tử Cơ Phát, nên liền gọi Thái tử đi theo đến viếng phủ Thái Sư ngay trong đêm.

Thầy Văn Vương và Thái tử đang đêm tới viếng, Khương Thái Công hết sức kinh ngạc. Chờ cho Văn Vương và Thái tử ngồi yên xong, Thái công mới vội vàng hỏi :

- Văn Vương ngài nửa đêm tới đây, không biết có điều gì chỉ dạy ?

Văn Vương đáp :

- Vừa rồi tôi tản bộ ở sân sau, thấy có một ngôi sao băng bay xẹt qua nền trời, gợi lên một số tâm sự, khiến tôi không sao ngủ được, nên mới đến đây tìm gặp Thái Công để cùng nói chuyện giải khuây.

Thái Công nghe qua, bèn hiểu ý, nói :

- Lão thần cũng đang có nhiều ý nghĩ muốn nói cho chúa công biết, vậy là dù đôi bên không hẹn nhau trước, nhưng lại gặp nhau ở đây.

Dứt lời, Thái Công sai người hầu dâng trà và các loại trái cây lên Văn Vương, rồi vừa uống trà vừa nói chuyện.

Văn Vương nói :

- Trụ Vương của nhà Thương là một hôn quân vô đạo tất nhiên không tránh khỏi trời tru đất diệt. Nhưng triều đình nhà Thương đã có cơ nghiệp hơn sáu trăm năm, lại có một đạo quân hơn mười vạn người. Trong khi đó, Kỳ Châu chỉ là một bang quốc bé nhỏ, nếu đem so sánh với triều đình nhà Thương thì chênh lệch nhau một trời một vực. Vậy xin hỏi Thái Sư làm thế nào để thay đổi tình huống đó, giúp cho Kỳ Châu của trẫm có thể mau chóng cường thịnh lên ?

Khương Thái Công suy nghĩ một lúc, đáp :

- Triều đình nhà Thương có đất đai rộng rãi, truyền qua nhiều đời. Nhưng những gì mà họ tích lũy được, rốt cục rồi sẽ tan thành mây khói. Trong khi đó Châu Quốc đang âm thầm chuẩn bị, ánh sáng của nó rồi đây sẽ chiếu rọi khắp bốn phương. Đức hạnh của thánh nhân là cái gì độc đáo, và sẽ dần dần cảm hóa được bá tánh, quy tụ được nhân tâm. Vấn đề mà một thánh nhân luôn luôn suy nghĩ tới, chính là phương pháp để thu phục nhân tâm.

Văn Vương vội vàng hỏi :

- Phải áp dụng phương pháp nào, thì mới có thu phục được nhân tâm trong thiên hạ ?

Thái Công bắt đầu nói thao thao :

- Thiên hạ là thiên hạ của mọi người trong thiên hạ, chứ không phải thiên hạ của một cá nhân. Nếu có thể cùng hưởng chung lợi ích của thiên hạ với mọi người trong thiên hạ, thì có thể lấy được thiên hạ. Độc chiếm lợi ích trong thiên hạ, thì sẽ bị mất thiên hạ. Điều có thể cùng hưởng chung với bá tánh trong thiên hạ, chính là nhân ái. Ai có nhân ái, thì thiên hạ sẽ thuộc về người đó. Phải giúp cho bá tánh thoát khỏi nguy nan, giải thoát cho bá tánh khỏi mọi sự khốn khổ, tiêu trừ cho bá tánh tất cả những tai

họa xảy đến, cứu mọi người ra khỏi chỗ hiểm nguy, thì đó là ân đức. Người thi ân ban đức thì thiên hạ sẽ thuộc về người đó. Mọi người ai cũng chán ghét sự chết chóc mà yêu quý sự sinh tồn, hoan nghênh ân đức và theo đuổi mọi lợi ích. Cho nên giúp cho mọi người trong thiên hạ được lợi ích, thì đó chính là Vương Đạo. Ai có thể thi hành Vương Đạo, thì thiên hạ sẽ thuộc về người đó.

Văn Vương vui vẻ nói :

- Lời nói của Thái Sư quá đúng. Trẫm nhất định sẽ ghi nhớ những lời nói này. Nhưng trẫm còn muốn biết thêm đạo lý cơ bản trong việc trị quốc. Muốn biết cách phải làm sao để một vị quân vương được mọi người tôn kính, và bá tánh được một cuộc sống yên ổn vui tươi ?

Thái Công đáp :

- Chỉ có cách duy nhất là biết thương dân.

Văn Vương lại hỏi :

- Phải làm như thế nào mới gọi là biết thương dân ?

Thái Công đáp :

- Phải biết xúc tiến việc sản xuất của lê dân, không bao giờ phá hoại họ. Phải biết bảo hộ lê dân, không bao giờ tùy tiện gây tổn thương cho họ. Phải mang đến cho lê dân những quyền lợi thiết thực và không bao giờ tước đoạt của họ. Phải giúp cho lê dân được an cư lạc nghiệp, không bao giờ làm cho họ phải đau khổ. Phải làm cho lê dân luôn được vui vẻ, không làm cho họ phải phẫn nộ.

Văn Vương gật đầu nói:

- Phải ! Phải ! Thế còn gì nữa ?

Thái Công lại nói tiếp:

- Làm một vị quân vương, cũng giống như phần đầu của một con rồng, luôn nhìn xa thấy rộng, quan sát tình hình, tìm hiểu sâu sắc tất cả mọi vấn đề, và phải lắng nghe ý kiến của mọi người, biết xét đoán tình thế. Riêng nghi biểu thì phải trang nghiêm đường hoàng, bình tĩnh không hấp tấp, khiến mọi người có cảm giác nhà vua là một vị hoàng đế cao siêu như bầu trời không ai với tới, thâm sâu như đáy biển không ai có thể dò được. Một vị quân vương còn phải có khí chất tĩnh táo ôn hòa, đứng trước mọi việc bao giờ cũng sẵn sàng quyết đoán. Nhất là phải biết cùng bàn bạc với thần dân, không cố chấp ý kiến của riêng mình. Đối với mọi người, luôn phải khiêm tốn vô tư, xử sự luôn phải công bình, không thiên lệch.

Văn Vương nghe xong, gật gù liên tiếp, nói :

- Lời nói của Thái Công đúng lắm! Đúng lắm! Nhưng Trụ Vương triều nhà Thương là người vô cùng tàn bạo, lạm sát không biết bao nhiêu người vô tội, nhân dân đang sống trong cảnh nước sôi, lửa bỏng,

vậy hiền sĩ hãy giúp trẫm tiêu diệt ông ta, cứu nguy cho thiên hạ. Vậy, hiền sĩ cảm thấy thế nào ?

Thái Công đáp :

- Nhà vua trước tiên phải tự tu dưỡng đức hạnh, biết chiêu hiền đãi sĩ, biết ban ân huệ cho nhân dân, lấy đó thu phục nhân tâm, rồi bình tĩnh quan sát sự thay đổi của đạo trời và đạo người. Khi đạo trời chưa có dấu hiệu thì không thể nói đến việc cử binh chinh phạt. Khi đạo người chưa xuất hiện sự loạn lạc thì chưa thể sách hoạch việc hưng binh, cần chờ khi có thiên tai và nhân họa xuất hiện, thì mới có thể sách hoạch việc chinh phạt. Hiện nay Trụ Vương triều nhà Thương tuy u mê bạo ngược, nhưng vẫn chưa tới trình độ chỉ cần xô là ngã. Riêng về phía chúng ta thì lực lượng vẫn chưa đủ sức lật đổ triều đình nhà Thương. Do vậy, tuyệt đối không thể nôn nóng, không thể hành động liều lĩnh được.

Văn Vương gật đầu cho là phải, rồi lại hỏi :

- Xin Thái Sư nói thêm phải làm sao để ban hành chính lệnh ?

Khương Thái Công đưa tay vuốt nhẹ hàm râu, nói :

- Việc ban hành chính lệnh phải được tiến hành từ trong sự cảm hóa âm thầm. Điều đó cũng giống như sự chuyển biến của thời gian là rất âm thầm, không ai cảm thấy được. Nhà vua cần phải suy nghĩ thật chín chắn tư tưởng "Vô vi nhi trị". Cũng giống như trời và đất, không hề tuyên cáo quy luật của chính mình, nhưng vạn vật đều sinh trưởng đúng theo quy luật đó. Thánh nhân cũng không cần thiết phải tuyên cáo tư tưởng "vô vi nhi trị" của mình. Nhưng nó tự nhiên sẽ bộc lộ được thành tựu huy hoàng của nó. Nên chính trị tốt đẹp nhất, chính là nền chính trị biết thuận theo lòng dân. Đề cao những ý thức chính trị tốt đẹp để cảm hóa người dân, khiến người dân từ trong sự cảm hóa đó biết phục tùng chính lệnh. Như vậy thì thiên hạ sẽ được yên ổn. Đó chính là "đức chính" (sự cai trị phù hợp với đạo đức) của một thánh nhân.

- Đúng ! Đúng ! - Văn Vương buột miệng khen liên tiếp - Thế thì tại sao nhà vua lại để mất đi khả năng khống chế đối với quốc gia ?

- Đó là do dùng người không đúng ? - Thái Công nói thẳng vào vấn đề - Nhà vua cần tuyển chọn những người có đầy đủ sáu tiêu chuẩn, và phải nắm chắc ba sự kiện trọng đại, thì mới không dẫn tới tai họa mất nước.

- Sáu điều tiêu chuẩn đó có nội dung ra sao? - Văn Vương vội vàng lên tiếng hỏi.

- Một là Nhân, hai là Nghĩa, ba là Trung, bốn là Tín, năm là Dũng, sáu là Trí - Thái Công đáp.

- Phải làm thế nào mới tuyển chọn được những người phù hợp với sáu tiêu chuẩn nói trên ?

- Tạo điều kiện cho họ trở thành giàu có, xem phải chăng họ có thái độ bất chấp lễ giáo và pháp luật. Nếu không, thì đó là người Nhân. Ban cho họ địa vị, xem họ phải chăng trở thành kiêu ngạo. Nếu không thì đó là người Nghĩa. Giao cho nhiệm vụ trọng đại, xem họ phải chăng có thể kiên quyết hoàn thành mà không thay đổi ý chí. Nếu có thể, thì đó là người Trung. Giao cho họ xử lý vấn đề, xem họ

phải chăng có thủ đoạn dôi trên gạt dưới. Nếu không, thì đó là người Tín. Dồn họ vào một hoàn cảnh nguy hiểm, xem họ phải chăng đứng trước sự nguy hiểm thì tỏ ra sợ sệt. Nếu không, thì đó là người Dũng. Giao cho họ xử lý những việc chuyển biến bất ngờ, xem họ phải chăng ứng phó một cách bình tĩnh. Nếu có, thì đó là người Trí.

Văn Vương lại hỏi :

- Ngoài việc dùng người, còn phải chú ý đến vấn đề gì khác nữa ?

Thái Công trình trọng đáp :

- Không nên trao quyền xử lý ba sự kiện trọng đại cho người khác.

- Đó là ba sự kiện trọng đại nào. - Văn Vương hỏi.

- Nông, Công, Thương. Tổ chức tất cả nông dân lại rồi cho họ tập trung ở vào một làng, để họ cùng nhau hợp tác, thì lương thực tự nhiên sẽ đầy đủ. Tổ chức những người công nhân lại để họ quần cư tại một nơi, cùng nhau giúp đỡ hợp tác, thì đồ dùng tự nhiên sẽ đầy đủ. Tổ Chức những thương nhân lại và tập trung cho họ ở vào một chợ, để họ có thể trao đổi với nhau những gì mình có, thì việc tài chánh và mậu dịch tự nhiên sẽ sung túc. Không bao giờ nên làm rối loạn những khu vực kinh tế này, cũng không nên tách rời gia tộc của họ ra. Đó gọi là "Tam bảo".

- ...

- Những người có đầy đủ sáu điều kiện tiêu chuẩn nói trên được trọng dụng, cũng như ba đại sự nói trên được hoàn thiện, thì sự nghiệp của nhà vua sẽ hưng thịnh, quốc gia sẽ được yên ổn lâu dài.

- Một vị quân vương nên tôn sùng ai, nên áp chế ai, sử dụng ai, loại trừ ai, nghiêm cấm việc gì, chặn đứng việc gì ? - Văn Vương lúc đó nôn nóng muốn đem hết tất cả những vấn đề thắc mắc từ bấy lâu nay trong lòng mình để hỏi Khương Tử Nha.

- Một vị quân vương nên tôn sùng những người có đầy đủ tài đức và áp chế những người bất tài lại thiếu đức. Nên trọng dụng những trung thần, biết giữ chữ tín và có thái độ thành thực, trừ đi những phường gian trá, hư nguy. Nghiêm cấm tất cả những hành vi bạo loạn, và chặn đứng nếp sống xa hoa.

- Tại sao một vị quân vương thường cố gắng hết sức để tuyển chọn người hiền tài, nhưng trong thực tế thì lại không thu được hiệu quả tốt đẹp như mong muốn ?

- Nhà vua thường cho rằng, một người được nhiều người khen ngợi là hiền nhân, còn người thường bị mọi người chê trách là không phải hiền nhân. Do vậy, những người có vây cánh đông thì thường được trọng dụng, người ít vây cánh thì bị bài xích. Thế lực gian tà bao giờ cũng kết thành bè đảng để mưu cầu tư lợi, nên hiền nhân luôn bị mai một, còn trung thần vô tội thì bị dồn vào chỗ chết. Bọn gian thần luôn lấy hư danh của họ để dối gạt bên trên, tranh thủ được chức tước lớn. Một xã hội như vậy, tất nhiên sẽ dẫn đến hỗn loạn. Quốc gia chắc chắn sẽ bị diệt vong.

- Phải làm thế nào để giữ được đầu óc tỉnh táo giúp cho quốc gia luôn được yên ổn và được trường tồn ?

- Trụ Vương triều nhà Thương chỉ biết quốc gia mình đang tồn tại, chứ không biết nó sắp diệt vong; chỉ biết vui chơi thỏa mãn, chứ không biết tai họa sắp giáng xuống đầu. Quốc gia được trường tồn hay không, là do khi sống trong hoàn cảnh yên vui, có biết nghĩ tới lúc nguy cấp hay không. Một nhà vua phải chăng có thể được vui vẻ lâu dài, là xem nhà vua đó trong khi vui vẻ thì có nghĩ đến lúc buồn lo hay không. Ngài đã có thể nghĩ với nhiều vấn đề cơ bản đối với sự tồn vong của một quốc gia như thế, vậy đâu sợ còn có chuyện gì xảy ra nữa ?

Nghe đến đây, Văn Vương đã hiểu mọi lý lẽ. Bao nhiêu điều thắc mắc cũng được giải tỏa rõ ràng. Nhà vua cảm thấy hết sức khâm phục Khương Thái Công, cho nên quên mất cái lễ giữa quân thần, vội vàng quỳ xuống trước mặt vị Thái Sư của mình sụp lạy, miệng nói:

- Lời nói của Thái Sư hết sức tinh tường, hết sức sâu sắc, hết sức chính xác. Trẫm nhất định sẽ không bao giờ quên, và sẽ dùng nó làm nguyên tắc để cai trị thiên hạ - Nói tới đây nhà vua quay sang Thái tử Cơ Phát nói tiếp - Con phải ghi nhớ mãi lời nói của Thái Sư. Đây chính là chân lý mà nghìn năm không bao giờ thay đổi!

Khương Thái công thấy cha con của Văn Vương đều quỳ xuống trước mặt mình, nên cũng vội vàng quỳ theo, nói :

- Chúa công và Thái tử xin mau đứng dậy, làm như thế khiến lão thần thật bối rối.

Văn Vương đứng lên, nói:

- Nghe qua lời nói trên của ngài, còn hơn đọc mười năm sách vở. Trẫm có một ý nghĩ, là muốn để cho Thái tử Cơ Phát lạy ngài làm Thượng phụ, không rõ Thái Sư có cho phép không ?

Khương Thái Công từ chối liên tiếp, nhưng thấy Văn Vương vẫn kiên quyết yêu cầu, nên đành phải bằng lòng. Thái tử Cơ Phát liền thi lễ phụ tử trước mặt Thái Công. Thái Công tiếp nhận Thái tử quỳ lạy xong, nói :

- Thần nguyên chỉ là một người quê mùa lưu lạc, nay được chúa công và Thái tử hậu ái như thế này, thần nguyện sẽ suốt đời làm thân trâu ngựa, cúc cung tận tụy cho đến chết mới thôi, để đền đáp lại với triều đình nhà Châu !

Vừa nói, hai hàng nước mắt của Khương Thái Công cũng trào ra ướt cả mặt.
Văn Vương xúc động nói :

- Trẫm được Thái Sư, thật chẳng khác nào cọp lại thêm cánh, cá được nước sâu !

Lúc bấy giờ, chân trời phía Đông đã bắt đầu sáng. Vàng thái dương màu đỏ đang từ từ nhô cao. Những tia nắng bình minh rọi thẳng vào khung cửa sổ, và chiếu sáng lên gương mặt đầy xúc động, hết sức vui tươi của Văn Vương, Thái tử, và Thái Công.

5. Diệt Trừ Vây Cánh

Tại vùng núi Lục Bàn Sơn nằm về phía Bắc Tây Kỳ, có một nước nhỏ tên gọi Mật Tu Quốc. Người Mật Tu lấy nghề chăn nuôi làm chính, giỏi việc cỡi ngựa bắn cung. Thường vượt qua khu núi phía Bắc xâm nhập vào Kỳ Châu để cướp lương thực, bắt tráng đinh. Họ đến rất nhanh và rút lui cũng rất nhanh, rất khó đối phó, trở thành mối họa đáng lo cho Châu Văn Vương.

Mùa Thu năm nay, khi đến thời điểm lúa mạch chín, có tin ngoài biên ải báo về cho biết, hai Vương tử của Mật Tu Quốc là Tây Cát và Hải Nguyên, dẫn một toán binh mã vượt qua quan ải, tiến sâu vào lãnh thổ nhà Châu, rồi tiếp tục tiến về hướng Tây Kỳ.

Châu Văn Vương vội vàng tìm Khương Thái Công để bàn kế hoạch phá địch. Khương Thái Công nói :

- Kinh địch của Kỳ Châu tại biên cương phía Tây Bắc là Mật Tu, còn kinh địch ở phía Đông chính là Sùng Quốc. Hai mối họa này nếu không trừ thì không thể khống chế được vùng đất Quan Trung. Một khi không thể khống chế được Quan Trung thì cũng không thể tiến hành đông chinh để phạt Trụ. Nếu không phạt Trụ, thì ý chí muốn tiêu diệt nhà Thương của đại vương cũng không thực hiện được. Đối với việc công phạt nước Mật Tu cũng như Sùng Quốc, thần đã có suy nghĩ đến từ lâu rồi. Cho dù họ không chủ động tìm tới xâm phạm ta, ta cũng phải tìm họ để đánh. Nay chúng chủ động kéo tới cửa ta, thì đây quả là dịp may trời cho.

Khương Thái Công bèn kể miệng sát tai Văn Vương nói nhỏ một lúc. Văn Vương nghe qua cả mừng, nói :

- Thượng phụ đúng là người tính toán như thần, vậy cứ theo kế sách đó mà hành sự.

Khương Thái Công biết hai Vương tử của nước Mật Tu kéo binh đến xâm phạm, mục đích chủ yếu là cướp lương thực tại lãnh thổ nhà Châu. Do vậy, ông bèn dặn dò Đại tướng Nam Cung Thích và Võ Cát, đối với việc chống lại Tây Cát và Hải Nguyên, không nên dàn binh đánh nhau, cũng không nên giết hại họ, mà phải tập trung lương thực lại, rồi phái bộ đội bảo vệ, giả vờ rút lui để dụ chúng tiến sâu vào khu vực bình nguyên của nhà Châu rồi bày mưu bắt sống chúng. Nam Cung Thích và Võ Cát tuân lệnh lui đi.

Trong khi đó, Khương Thái Công dẫn binh mã đến cửa núi mà quân đội của Tây Cát và Hải Nguyên phải đi ngang, đào hầm làm bẫy, nguy trang rất khéo léo, rồi cho bệnh sĩ mai phục trong rừng hai bên núi, chờ đợi binh mã của nước Mật Tu kéo tới.

Ít hôm sau, Nam Cung Thích và Võ Cát dẫn binh mã bảo vệ những cỗ xe lương thực rút lui đến trước cửa núi. Tây Cát và Hải Nguyên thúc binh mã đuổi theo không buông tha. Lúc bấy giờ Nam Cung Thích bèn xuống lệnh cho bộ đội dàn trận chặn quân địch. Chờ cho từng cỗ xe chở lương thực vượt qua hẻm núi, xong thì cánh quân chặn đường này cũng nhổ trại rút lui theo.

Tây Cát và Hải Nguyên không biết đây là mưu kế, nên vẫn tiếp tục thúc quân đuổi theo. Khi họ vừa xông vào cửa núi thì Tây Cát và Hải Nguyên cũng như binh sĩ tùy tùng của chúng đều rơi cả xuống hầm sâu.

Quân đội Mật Tu thấy thế, rối loạn cả hàng ngũ. Trong khi họ chưa biết át giáp gì, thì quân đội nhà Châu mai phục hai bên rừng núi, vừa hò reo vừa tràn ra sát phạt. Quân Châu còn dùng câu liêm để móc Tây Cát và Hải Nguyên kéo lên, bắt sống họ trói lại. Số binh sĩ của hai Vương tử Mật Tu này lớp chết, lớp bị thương, lớp bị bắt sống, chỉ còn một thiếu số tuôn rừng chạy được trở về Mật Tu.

Tây Cát và Hải Nguyên bị giải đến quân trưởng của nhà Châu để gặp Khương Thái Công. Hai người thấy Khương Thái Công, không chịu quỳ xuống, mà to tiếng mắng chửi Khương Thái Công đã dùng gian kế để bắt họ, không kể là hảo hán. Khương Thái Công cũng to tiếng quát nạt họ một lúc, rồi sai người áp giải cả hai nhốt vào đại lao. Riêng đối với những tù binh bị bắt sống khác, Khương Thái Công ra lệnh thả cho họ về nước để gọi quốc vương của nước này đến xin lỗi. Bằng không, thì nhà Châu sẽ giết chết hai Vương tử của họ.

Quốc vương Mật Tu được binh sĩ bại trận chạy trở về báo cho biết hai vương tử đã bị nhà Châu bắt sống, thì trong lòng hết sức lo sợ, định đưa toàn lực binh mã còn lại ở trong nước, tiến đánh Tây Kỳ để cứu hai Vương tử.

Nhưng vị quân sư của Mật Tu bèn lên tiếng can ngăn:

- Vương tử tuy đã bị bắt sống, nhưng người Châu không giết họ ngay đâu. Vậy kế hay nhất hiện nay là Đại vương nên chọn một nghìn con ngựa tốt, một nghìn bò dê, lại mang theo vàng bạc, châu báu, đến Tây Kỳ để nài nỉ, không chừng người Châu sẽ nể tình Đại vương mà thả hai vị Vương tử ra. Riêng tôi sẽ dẫn theo ngàn tinh binh đi tập hậu, để bảo vệ Đại vương, đề phòng bất trắc.

Quốc vương nghe qua lời nói của quân sư, thấy có lý nên cấp tốc sai người chọn ngựa, bò, dê, và vàng bạc châu báu, chờ ngay hôm sau sẽ đưa đến Tây Kỳ.

Thám tử của quân Châu sau khi dò xét biết được chuyện này, bèn báo với Khương Thái Công. Thái Công lấy làm vui mừng, nói:

- Kế ta đã thành công rồi !

Chỉ một vài hôm sau, Quốc vương Mật Tu đã đến Tây Kỳ. Văn Vương và Khương Thái Công đích thân ra thành nghênh đón ông ta, mở tiệc khoản đãi rất thịnh tình. Trong khi dự tiệc, Quốc vương Mật Tu nói với Văn Vương :

- Hai tên khuyển tử của tôi không kể chi phép nước, riêng tôi lại không biết dạy con, nên đã gây ra đại họa như thế này. Nay đích thân tôi tới để xin lỗi với Văn Vương, mong Văn Vương mở lượng khoan hồng, thả hai thằng khuyển tử của tôi ra. Được vậy, thì từ nay trở đi, tôi bằng lòng vĩnh viễn kết làm đồng minh với người Châu.

Văn Vương chưa kịp nói gì thì một vị võ tướng có mặt tại bàn tiệc, đã tuốt gươm nghe một tiếng reng

gắn giọng nói :

- Mật Tu Quốc đã bao phen xâm phạm bờ cõi Kỳ Châu, quấy nhiễu bá tánh của nhà Châu ở vùng biên cảnh, cướp đoạt nhiều lương thực của chúng tôi. Những tội lỗi đó chính bản thân Quốc vương Mật Tu cũng khó chạy chối ! Vậy hôm nay hai tên thảo tặc đã bị bắt sống, thì cần phải mang ra chém đầu, có đầu lại tha một cách dễ dàng như vậy ?

Vị võ tướng lên tiếng nói đó chính là Võ Cát.

Các tướng có mặt nghe Võ Cát nói có lý, cũng đồng thanh nói to :

- Hai tên thảo tặc này phải đem ra chém đầu mới được !

Họ vừa nói vừa tuốt kiếm ra cầm chặt trong tay, đôi mắt trợn tròn giận dữ, gầm hét rung chuyển cả buổi tiệc, ánh kiếm lập lòe, đằng đằng sát khí, khiến vua Mật Tu không khỏi sợ hãi đến toát mồ hôi, hai chân phát run, miệng há hốc, liếc mắt theo dõi thái độ của Văn Vương, chờ đợi nhà vua quyết định.

Văn Vương nói :

- Không phải tôi không nể tình Đại vương, nhưng vì quý quốc trong nhiều năm qua thường kéo quân tới quấy nhiễu, khiến nhân dân tề quốc vô cùng phần nộ. Nếu không trừng trị hai vị công tử của quý quốc, thì e rằng nổi bực tức của bá tánh khó xóa bỏ được !

Quốc vương Mật Tu nghe Văn Vương nói như vậy, đang định to tiếng cãi lại, thì bỗng có một thủ hạ của ông ta nhẹ chân đi vào báo cho biết, năm trăm binh mã tinh nhuệ mà quân sư dẫn theo, đã lọt ổ mai phục của quân Châu và đại bại, bỏ chạy trở về nước hết rồi.

Quốc vương Mật Tu nghe vậy, không khỏi kinh hoàng thất sắc, vội vàng quỳ mọp trước mặt Văn Vương, van xin :

- Tiểu nhân thật đáng chết, vậy xin Đại vương tha thứ. Nếu tôi bị mất đi hai công tử này, thì có thể nói hậu duệ của Mật Tu sẽ không còn nữa. Vậy xin ngài hãy niệm tình, từ nay nước Mật Tu chúng tôi bằng lòng trở thành một nước phụ thuộc của Kỳ Châu, nhất nhất đều tuân theo mệnh lệnh của Đại vương sai khiến.

Đến chừng đó Văn Vương mới đỡ Quốc vương Mật Tu đứng lên, ngó ý bằng lòng cùng nhau thương lượng. Khương Thái Công thấy thời cơ đã đến, bèn sai người lấy giấy bút để Quốc vương Mật Tu viết lại những lời mình đã nói, ký tên, lăn tay để làm bằng chứng, rồi mới nói với Quốc vương Mật Tu :

- Không phải tề quốc ép uổng chi ngài, mà thực ra vì thái tử của quý quốc đã hành sự quá đáng. Nay Đại vương đã bằng lòng ký kết làm đồng minh với Kỳ Châu, thì đôi bên trở thành người một nhà, vậy chúng tôi đâu lại làm hại quý công tử nữa ? Tuy nhiên, muốn thả hai người ra, mong Đại vương sẽ giúp cho Kỳ Châu một chuyện nhỏ.

Quốc vương vội vàng hỏi:

- Giúp cho chuyện gì ? Xin nói rõ !

Thái Công nói :

- Sùng Quốc là nước từ bấy lâu nay giao hảo với quý quốc. Vậy xin ngài hãy thuyết phục Sùng Quốc, để nước này giữ thái độ trung lập trong mối tương quan giữa nhà Châu với triều đình nhà Thương, đừng xem chúng tôi như thù địch. Được vậy, chúng tôi sẽ thả hai vị công tử ra ngay.

Quốc vương Mật Tu nói :

- Quốc quân của Sùng Quốc là Sùng Hầu Hồ, tánh tình hung bạo, lại có mối quan hệ rất mật thiết với Trụ Vương triều nhà Thương. Trụ Vương ra lệnh cho ông ta theo dõi mọi hành động của quý quốc, đồng thời, cho phép ông ta được quyền cử binh thảo phạt quý quốc bất cứ lúc nào. Nếu tôi đến đây du thuyết, ông ta chẳng những không bằng lòng, mà còn xem tôi như là thù địch, vậy tôi làm sao dám đi ?

Khương Thái Công nói :

- Chuyện đó chẳng sao. Tôi sẽ phái ba nghìn tinh binh gia làm quân nước Mật Tu, và dẫn luôn một nghìn con ngựa tốt, hai nghìn bò dê và tất cả những vàng bạc châu báu của quý quốc mang đến tặng cho chúng tôi, sang tặng lại cho Sùng Quốc, xem đó là lễ vật ra mắt. Ngài đến đó sẽ báo cho họ biết, là muốn kết làm đồng minh với họ, rồi chờ tình hình cụ thể mà hành sự.

Quốc Vương Mật Tu nghe đến đây, đã biết Khương Tử Nha muốn mình đi làm chuyện gì. Nhưng giờ đây mình đang là một tên tù binh của họ, hơn nữa, hai công tử cũng đang ở trong tay họ, vậy nếu không tuân lệnh thì tính mạng của cha con sẽ khó bảo toàn. Cho nên Quốc vương Mật Tu đành phải nghe theo.

Quốc vương Mật Tu dẫn ba ngàn tinh binh được cải trang thành quân đội của Mật Tu, mang theo cả ngàn con ngựa tốt và hai ngàn con bò dê, cũng như tất cả châu báu vàng bạc, cùng lên đường đi tới Sùng Quốc. Người tiên phong đã đến báo với Sùng Quốc trước, báo là Quốc vương Mật Tu đích thân đưa lễ vật đến để giao hảo. Sùng Hầu Hồ trước đây đã biết quốc vương Mật Tu là người đôn hậu, thành thực, nên không có ý hoài nghi chi cả. Riêng đối với ba nghìn binh mã mà ông ta dẫn theo, Sùng Hầu Hồ cũng cho rằng vì đường xa, phải đi ngang nhiều vùng của người Châu thống trị, nhất là phải hộ tống một nghìn con ngựa tốt, hai nghìn bò dê, cũng như bao nhiêu vàng bạc châu báu, vậy họ dẫn theo binh mã như thế này cũng là hợp lý thôi. Nhưng, Sùng Hầu Hồ chỉ cho phép một nghìn trong số ba nghìn binh mã của Quốc vương Mật Tu, được vào thành, còn hai nghìn kia thì đóng ở bên ngoài. Quốc vương Mật Tu đành phải tuân theo sự sắp xếp của Sùng Hầu Hồ.

Võ Cát lẫn lộn trong số ba nghìn binh sĩ đi theo. Ông ta nghe Sùng Hầu Hồ cho phép một nghìn binh sĩ được vào trong thành thì hết sức vui mừng, vội vàng trao hai nghìn binh sĩ còn lại cho tướng lĩnh khác chỉ huy, còn mình chọn một nghìn binh sĩ tinh nhuệ đi vào trong thành, chờ thời cơ mà hành sự. Ba hôm sau, quân thám báo bỗng về báo lại với Sùng Hầu Hồ, cho biết Tây Kỳ đang phái chừng một vạn binh mã kéo đến Sùng Thành. Sùng Hầu Hồ cả kinh, ra lệnh cho tướng sĩ lo giữ chặt cửa thành, tăng cường tuần tiễu, cảnh giác quân Châu tấn công thành. Công việc bố trí vừa xong, thì quân Châu đã kéo tới dưới chân thành. Khương Thái Công đích thân chỉ huy toán quân này, nhưng ông không ra mặt, chỉ để cho Đại tướng quân Nam Cung Thích lên tiếng khiêu chiến, và đòi Sùng Hầu Hồ phải giao trả Quốc

vương Mật Tu, vì nước Mật Tu đã cướp đi một số lương thảo của Tây Kỳ. Nhưng, Sùng Hầu Hồ làm sao chịu nghe theo ? Ông ta lên mặt thành, mắng chửi Tây Kỳ không biết tôn trọng pháp chế của nhà Thương, tùy ý xua quân thảo phạt các chư hầu, và hăm dọa quân Châu nếu không sớm rút trở về, thì ông ta sẽ báo lên Trụ Vương, cử đại binh của Vương thất đến chinh phạt Tây Kỳ.

Nam Cung Thích không hề để ý chi tới những lời nói của Sùng Hầu Hồ, chỉ xuống lệnh cho binh sĩ ở dưới thành liên tục mắng chửi ông ta. Khương Thái Công bí mật liên hệ với hai nghìn binh sĩ đang đóng sẵn ở bên ngoài Sùng Thành, lại phái người lẻn vào để liên lạc với Võ Cát, hẹn canh ba đêm nay, đốt lửa làm hiệu, tấn công chiếm Sùng Thành bằng cách ngoại công nội ứng.

Binh sĩ của Sùng Quốc đã chửi lộn với quân Châu suốt cả một ngày, đêm đến cảm thấy quá mệt mỏi nên trời vừa sụp tối là họ đã tìm chỗ nghỉ ngơi, vì cho rằng quân Châu đã lui ra xa mười dặm, hạ cờ im trống, chỉ còn để lại một thiểu số quân tuần tiểu, chắc chắn trong đêm nay sẽ không có hành động gì. Sau nửa đêm, do mọi người quá mệt mỏi, nên đã buông lơ sự cảnh giác.

Trong khi đó, thì quân Châu đã âm thầm kéo tới sát chân thành. Một vạn binh mã của quân Châu cộng thêm hai nghìn binh mã đã kéo tới trước vây chặt lấy bốn cửa thành. Khi gần với canh ba, thì toàn quân hò reo dữ dội, rung chuyển cả bầu trời. Quân dân của Sùng Quốc đều hoảng kinh. Sùng Hầu Hồ vội vàng phái người đi lo việc phòng thủ khắp bốn cửa thành. Nhưng các tướng sĩ đều bảo là không đủ người để bố trí phòng thủ. Do vậy, Sùng Hầu Hồ vội vàng bảo Quốc vương Mật Tu cho một ngàn binh sĩ dẫn theo, phụ lo việc canh phòng bốn cửa thành. Quốc vương Mật Tu đồng ý ngay và trong bụng nghĩ thầm : Phen này thì Sùng Hầu Hồ sẽ không còn manh giáp. Thế là ông ta bí mật chuẩn bị, kế thoát thân cho mình.

Võ Cát nghe nói Sùng Hầu Hồ sử dụng một ngàn binh mã của mình để giữ thành, trong lòng không khỏi thầm vui mừng. Ông lập tức chia một nghìn binh mã ra giữ ở bốn cửa Đông, Tây, Nam, Bắc cả ngôi thành. Cứ mỗi cửa được cắt cử hai trăm năm chục người để hợp sức phòng thủ. Đồng thời, ông cũng giao kết trước với quân Châu ở bên ngoài, là sẽ đốt lửa làm hiệu, mở toang cửa thành để cho quân Châu tràn vào.

Đến canh ba, quân Châu ở bên ngoài bốn cửa thành đồng loạt đốt lửa. Ngọn lửa bốc cao ngất trời, soi sáng bên ngoài lẫn bên trong thành như ban ngày. Quân Châu có mặt trong thành bèn giết chết quân giữ thành của Sùng Quốc, rồi mở toang bốn cửa thành ra để quân Châu ở bên ngoài tiến vào. Tiếng hò reo sát phạt rung chuyển cả bầu trời. Chờ khi Sùng Hầu Hồ biết sự thật, thì khắp cả ngôi thành đâu đâu cũng là quân Châu. Ông ta vội vàng đi tìm Quốc vương Mật Tu, nhưng không thấy quốc vương đâu cả, đoán biết chuyện này có điều khả nghi. Nhưng ông ta hối hận cũng không còn kịp nữa. Trong khi Sùng Hầu Hồ tuốt gươm chuẩn bị tự sát, thì Võ Cát đã nhanh nhẹn xông tới, đoạt lấy thanh gươm, rồi bắt sống ông ta trở lại.

Khương Tử Nha tiến vào Sùng Thành, lập tức xuống lệnh cho tam quân dập tắt ngay ngọn lửa rồi dán bản yết thị để trấn an dân chúng, và xuống lệnh cho quân Châu không được khuấy phá bá tánh trong thành, không được lạm sát những người vô tội. Sáng sớm ngày hôm sau, Văn Vương cũng dẫn Thái tử Cơ Phát và những người hộ vệ Vương thất cùng tiến vào Sùng Thành.

Sau khi tiến vào thành, nhà vua xuống lệnh đem chém Sùng Hầu Hồ để thị uy chúng, rồi ra lệnh mở kho lương thực cứu tế cho bá tánh trong thành. Tất cả bá tánh của Sùng Quốc, không ai là không vui mừng. Họ vỗ tay hò reo, tung hô vạn tuế inh ỏi.

Văn Vương, Thái tử Cơ Phát và Khương Thái Công thấy thành trì của ngôi Sùng Thành cũng như hoàn cảnh chung quanh rất đẹp, đúng là một địa điểm nhân kiệt địa linh. Nếu so với Tây Kỳ, thì tốt hơn rất nhiều. Hơn nữa, Sùng Thành lại cách kinh đô Triều Ca của triều nhà Thương gần hơn Tây Kỳ, dễ dàng nghe ngóng tin tức. Đối với việc chuẩn bị chinh phạt Trụ Vương là rất có lợi. Do vậy, Văn Vương và Cơ Phát bèn thương nghị với Khương Thái Công, dời kinh đô của nhà Châu từ Tây Kỳ đến Sùng Thành. Do Sùng Thành nằm sát bờ sông Phong Thủy, nên cũng có tên là Phong Đô. Từ đó, Kỳ Châu đã khống chế toàn bộ Trung Nguyên, oai danh nổi như cồn.

6. Văn Vương Gửi Gắm Con Côi

Châu Văn Vương tiếp nhận sách lược "không ủng hộ Ân Trụ, tiêu diệt vây cánh" (Ty sự ân Trụ, tiền kỳ vũ dục) của Khương Thái Công, trước tiên hàng phục nước Mật Tu ở tại lưu vực Kinh Thủy, xóa bỏ mối lo quan trọng của triều nhà Châu, rồi lại đánh chiếm Sùng Quốc tại khu vực Phong Thủy, mở thông con đường phát triển về hướng Đông. Như vậy, nhà Châu đã hoàn toàn khống chế được vùng Trung Nguyên. Trên cơ sở đó, Khương Thái Công đích thân dẫn quân đội viễn chinh đi đánh Lê Quốc ở vùng núi Lữ Lương Sơn, và Hàn Quốc ở vùng Hà Nam, lần lượt xâm chiếm lãnh thổ của triều đình nhà Thương, liên tục mở rộng chu vi cương thổ của mình.

Những điều ước mơ của Văn Vương trong mấy chục năm qua đã lần lượt được thực hiện. Nhà vua biết công lao này là của Thái Sư Khương Tử Nha, ông cũng biết tuổi mình đã cao, vậy hoài bão to lớn tiêu diệt triều đình nhà Thương chắc không thể thực hiện được. Sứ mệnh trọng đại này chỉ có thể chuyển giao lại cho con trai là Cơ Phát để hoàn thành. Nhưng, nếu không có Khương Thái Công thì Cơ Phát cũng khó làm tròn được trọng trách nói trên. Cho nên nhà vua muốn tìm cách để thắt chặt mối quan hệ giữa Thái tử và Thái sư, làm cho Khương Tử Nha một lòng một dạ phục vụ nhà Châu đến cùng. Nhà vua biết Thái Sư có một người con gái tên gọi Ấp Khương, dung nhan xinh đẹp lại giỏi cả văn lẫn võ. Đến nay vẫn chưa hứa gả cho ai. Nếu hỏi Ấp Khương cho Thái tử làm vợ, thì chẳng phải Thái Sư đã trở thành nhạc phụ của Thái tử rồi đấy sao? Nếu Thái tử là con rể của Thái Sư, thì Thái Sư chả lẽ lại không dốc hết tâm sức để bảo vệ giang sơn cho con rể của mình? Suy nghĩ tới đây, nhà vua cảm thấy rất hài lòng, nên phá lên cười một cách hả hê.

Giữa lúc đó thì bà vợ của Văn Vương bước vào. Thái hậu bưng trà vào cho Văn Vương, hỏi tại sao nhà vua lại cười vui như vậy. Văn Vương bèn đem ý nghĩ trong lòng mình nói ra cho Thái hậu nghe. Thái hậu cũng ngỡ ý tán thành.

Văn Vương và Thái hậu bèn cho người gọi Thái tử Cơ Phát đến, nói rõ chuyện nhà vua định hỏi con gái của Thái Sư cho Thái tử làm vợ. Riêng Thái tử Cơ Phát từ trước cũng đã có ý muốn cưới Ấp Khương, nhưng vì chưa hiểu ý của Văn Vương ra sao, nên từ bấy lâu nay không dám đề xuất. Nay thấy phụ vương và mẫu hậu chủ động nêu ra việc này, đúng với ý muốn của mình, nên trong lòng hết sức mừng rỡ.

Qua ngày hôm sau, Văn Vương đích thân đến phủ riêng của Thái Sư, ngõ ý với Khương Thái Công muốn cưới Ấp Khương cho Thái tử làm vợ. Thái công cũng vui mừng đồng ý. Nhưng Khương Thái Công không quên dè dặt, nói :

- Tiểu nữ là con gái quê mùa, không biết đại lễ, chỉ e sau này có điều xúc phạm đến sự tôn nghiêm của Thiên tử. Vậy mong sau khi kết hôn, nếu có chỗ sai sót, mong hoàng thượng và Thái hậu chỉ dạy cho nó.

Văn Vương đáp:

- Ấp Khương là một cô gái vừa có tài vừa có sắc, lại giỏi cả văn lẫn võ. Từ lâu tôi đã nghe tiếng, nếu được kết tóc xe tơ với Thái tử Cơ Phát, thì đúng là xứng đôi vừa lứa biết bao nhiêu.

Thế rồi nhà vua chọn ngày lành tháng tốt, cử đại phu Tán Nghi Sinh làm ông mai để đi nộp sính lễ, chờ ngày nghinh hôn.

Chỉ ít lâu sau, ngày lành tháng tốt đã tới, Văn Vương xuống chiếu chỉ ngỏ ý, đây tuy là một cuộc hôn nhân của hoàng gia, nhưng vẫn được tiến hành theo phong tục trong dân gian, để cho mọi người thấy nhà vua sẵn sàng hòa mình chung vui với bá tánh. Bá tánh ở Tây Kỳ nghe được tin này, đều truyền tụng nhau như một giai thoại.

Tháng tư năm đó là sinh nhật thứ tám mươi của Châu Văn Vương, đồng thời, cũng là sinh nhật thứ chín mươi của Khương Thái Công. Thái tử Cơ Phát và người trong hoàng gia quyết định mở một cuộc kháng chúc long trọng. Họ gộp chung hai ngày sinh nhật của hai cụ lại làm một, gọi là “Song ông thọ”.

Ngày hôm đó, tại Phong Đô mở tiệc mừng, trống kèn ồn ào náo nhiệt. Văn Vương cảm thấy rất vui sướng, nên cùng Thái Công nâng ly uống rất hả hê. Sau ba tuần rượu, Thái tử Cơ Phát, Châu Công Đản, Triệu Công Thích và phu nhân của họ lần lượt bước ra dâng rượu chúc mừng hai cụ già. Kế đó, những người em của Thái tử Cơ Phát như Thúc Tiên, Thúc Độ, Thúc Võ, cũng lần lượt bước ra dâng rượu chúc thọ cho Văn Vương và Thái Công. Khi Văn Vương tiếp nhận ly rượu chúc thọ của Thúc Tiên, thì bỗng nhớ lại một chuyện cũ trước đây, nên tự nhiên đầu óc choáng váng, xây xẩm mặt mày, không còn ngồi vững, và đã ngã quỵ sang một bên. Thái tử Cơ Phát hốt hoảng bước tới đỡ lấy Văn Vương, dìu vào giường nằm nghỉ. Ngự y trong triều đình cũng vội vàng bắt mạch lo việc chữa trị. Sau khi bắt mạch xong, ngự y bước ra nói với Khương Thái Công và số người của Thái tử Cơ Phát :

- Đại vương khí huyết đều suy nhược, mạch nhảy yếu lại bị tắc nghẽn, vậy phải dùng toa thuốc “hoạt huyết hóa ứ, lý khí chỉ thống” để trị liệu. Nhưng vì nhà vua tuổi đã cao, tim rất yếu, nên cũng cần phải chuẩn bị chuyện bất trắc, không nên xem thường.

Dứt lời, ngự y viết toa bốc thuốc, cho người mang đi sắc.

Văn Vương sau mấy ngày liên tiếp nằm thêm thiếp, giờ đây đã bắt đầu tỉnh lại. Khương Thái Công thấy Văn Vương hồi tỉnh, thở phào nói :

- Đại vương đã tỉnh lại rồi ! Tỉnh lại rồi ! ôi ! Làm lão thần khiếp sợ quá !

Văn Vương mở mắt nhìn, thấy Khương Thái Công, Thái tử Cơ Phát và Thái hậu đều có mặt trước giường, bèn chỗi tay muốn ngồi dậy. Thái tử Cơ Phát vội vàng ngăn Văn Vương, bảo ngự y có dặn là tuyệt đối không được cử động, phải nằm yên để tịnh dưỡng. Văn Vương không nghe, nhất định đòi ngồi lên. Thái tử Cơ Phát đành phải đỡ phụ vương ngồi dậy, rồi dùng một chiếc mền dày chêm ở sau lưng, để Văn Vương tựa lưng với tư thế nửa nằm nửa ngồi.

Văn Vương ra hiệu cho Thái hậu và Thái tử Cơ Phát rời đi. Nhà vua muốn nói chuyện riêng với Thái Công. Thái hậu và Thái tử Cơ Phát bèn lẳng lẳng bước ra ngoài.

Văn Vương nắm lấy một cánh tay của Thái Công, nói :

- Nay Thái Công ơi, e rằng tôi sắp phải đi gặp phụ vương Quý Lịch rồi. Kể từ khi gặp Thái Công tại Bàn Khê cho tới nay, triều nhà Châu của tôi đã ngày một cường thịnh. Thái Công đã phụ tá cho tôi Đông chinh Tây phạt, trước sau đánh bại được các nước như Sùng Quốc, Lê Quốc, Hình Quốc... và hàng phục được Mật Tu Quốc. Nay ba phần trong thiên hạ thì hai phần đã thuộc về nhà Châu. Tất cả những sự thắng lợi đó đều do mưu kế tuyệt vời của Thái Công. Giờ đây, trời già bắt tôi phải rời đi, không thể tiếp tục cộng sự để hoàn thành sự nghiệp lớn là tiêu diệt triều nhà Thương với Thái Công nữa. Gánh nặng này tôi đành phải để lại cho Thái Công và Thái tử chung sức hoàn thành. Nhưng hiện nay có một điều khiến tôi lo lắng nhất, là sau khi tôi chết, con cháu của tôi sẽ nổi loạn vì vấn đề kế thừa ngôi vua. Do vậy, tôi muốn cùng thương lượng việc truyền ngôi của nhà Châu với Thái Công, vậy xin Thái Công nên dốc hết tâm sức để ủng hộ tôi. Nếu bọn Thúc Tiên nổi loạn, thì Thái Công có thể thẳng tay diệt trừ chúng. Còn như Thái tử tỏ ra là người bất tài, thì Thái Công nên thay thế nó ở ngôi vị Thiên tử.

Nói dứt lời., Văn Vương thở hào hển tỏ ra rất mệt nhọc.

Khương Thái Công nghe xong, nước mắt giàn giụa, quỳ xuống trước giường bệnh của Văn Vương vừa khóc vừa nói :

- Xin Đại vương hãy an tâm. Lão thần sẽ dốc hết tâm trí của mình phụ tá cho Thái tử Cơ Phát lên nối ngôi, tuyệt đối không dám dựa vào binh lực mà làm điều trái đạo. Chỉ cần lão thần còn khỏe mạnh, thì dù cho tim óc có phơi ra đất, cũng nhất quyết phụ tá cho triều đình nhà Châu, không bao giờ có ý phản trắc, làm hành động mà trời đất đều không thể dung tha ?

Nói đoạn, Khương Thái Công đập mạnh đầu xuống đất đến trán chảy máu.

Văn Vương vừa thở vừa nói:

- Tôi biết Thái Công là người quân tử, nhân đức nên mới bàn riêng chuyện quan trọng này với Thái Công. Tôi tuyệt đối không bao giờ có lòng nghi ngờ Thái Công phản trắc cả. Tôi chỉ mong Thái Công hãy nói rõ, phải làm thế nào mới có thể giải quyết vấn đề truyền ngôi vua một cách thuận lợi đây.

Khương Thái Công đáp :

- Chuyện truyền ngôi là chuyện nhà của Đại vương, còn lão thần là người ngoài, vậy làm sao dám lạm bàn về việc này ?

Văn Vương rơi lệ, nói :

- Thái công là nhạc phụ của Thái tử, lại là Sư Thượng Phụ, tình cảm như tay chân, vậy làm sao bảo là người ngoài được ? Nếu Thái công không nói thì tôi chết không thể nhắm mắt đây !

Khương Thái Công nói :

- Không phải lão thần không muốn góp ý với Đại vương. Chẳng qua việc truyền ngôi là chuyện quốc gia đại sự, chỉ có thể do Đại vương tự quyết định. Nếu người ngoài tham dự, e rằng sẽ để lại hậu quả khó lường. Nhưng, nếu Đại vương nhất định vẫn kế nơi lão thần, thì lão thần xin mạo muội nói lên ý kiến của mình, mong Đại vương bảo mật đừng bao giờ nói cho ai biết.

Văn Vương lộ sắc vui mừng, nói :

- Đó là điều tất nhiên rồi.

Thái Công nói :

- Thái tử Cơ Phát là người trung hậu, nhân đức, vũ dũng kiên cường, thao lược hơn người nếu được lập làm Thái tử, thì đó là cái phúc của Đại vương, điềm lành của nhà Châu vậy. Đại vương có thể viết di chiếu nói rõ, lập Thái tử Cơ Phát lên làm “Trữ Quân” (vua chờ lên ngôi - ND). Đồng thời, tuyên bố bãi bỏ chế độ “anh chết thì em nối ngôi”. Phải chỉ rõ đây là nguyên nhân gây rối loạn của các triều đại Ân Thương, đồng thời, cũng ra lệnh nói rõ chế độ thừa kế của nhà Châu từ nay về sau là chế độ “đích trưởng thừa kế”. Tức sau khi Cơ Phát qua đời, thì con trưởng nam của Cơ Phát sẽ lên nối ngôi vua. Cứ thế mà kéo dài mãi, thì có thể tránh được nhiều chuyện rắc rối trong vấn đề nối ngôi. Riêng nhóm Thúc Tiên, Thúc Độ, Thúc Xứ... thì có thể phong cho họ làm chư hầu ở một vùng đất xa, khiến họ phân tán, không cho họ tham gia việc triều chính. Như vậy thì họ sẽ khó gây ra những cuộc biến loạn. Riêng hai người em của Thái tử là Đán và Thích, đều là những người quân tử, hoàn toàn có thể tin dùng. Vậy hãy để cho họ cùng phụ tá Thái tử. Sắp xếp như thế thì tuyệt đối không xảy ra điều gì đáng tiếc cả.

Văn vương cả mừng, nói :

- Những lời nói trên đúng là những lời nói từ tâm can, những lời nói quý giá, vậy xin Thái Công nói lại cho Thái tử biết, ngày mai hãy thiết triều rồi mời tất cả các thành viên trong vương thất, cũng như các văn võ đại thần hội họp để tôi có lời tuyên cáo.

Dựa theo ý chỉ của Văn Vương, triều đình nhà Châu tổ chức một buổi họp triều cuối cùng của nhà vua, để giải quyết vấn đề người nối ngôi, công bố chế độ kế thừa ngôi vua sau này, cũng như việc phong đất cho các con.

Văn Vương ngồi tựa lưng trên một tấm chăn dày, còn Khương Thái Công thì đứng bên cạnh, phía dưới có Thái tử Cơ Phát và đại phu Tán Nghi Sinh.

Tán Nghi Sinh chịu trách nhiệm ghi chép, còn những người tham gia họp triều khác như Thúc Tiên, Thúc Đán, Thúc Độ, Thúc Võ, Thúc Xứ, Thúc Chân Đạc, Thúc Khang, Thái Tôn Kiếm, Bá Cầm, Thứ Tử Thích, Nam Cung Thích, Quần Thiên, v.v... thì đứng theo thứ tự.

Văn Vương đưa mắt ngó quanh các con cháu một lượt, rồi từ từ nhìn về Thái Công, nói :

- Ta phó thác chuyện quốc gia đại sự cho Thượng Phụ Khương Thái Sư, vậy nếu có ai trong số các người trái lệnh, thì sẽ do Thượng Phụ bàn bạc để xử phạt.

Các con đều lên tiếng tuân lệnh.

Văn Vương lại nói tiếp :

- Sau khi ta chết, sẽ cho Thái tử Cơ Phát lên nối ngôi vua, còn các con cháu thì phải đồng tâm hợp lực giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành sự nghiệp lớn của triều đình. Về sau, chế độ kế thừa ngôi vua sẽ bãi bỏ chế độ anh chết em lên nối ngôi, mà áp dụng phép “đích trưởng kế thừa”. Chế độ “anh chết em nối ngôi” của các triều đại Ân Thương, chính là nguồn gốc tạo ra sự loạn lạc. Vậy, người Châu ta tuyệt đối không thể bắt chước theo họ. Từ nay về sau, nếu có ai dám chống lại chế độ “đích trưởng kế thừa”, thì được xem như phản nghịch, cả tông thất đều không thừa nhận.

Sau khi nghe qua những lời nói này, Thúc Tiên, Thúc Độ, Thúc Xứ, v.v... đều buồn thiu, cúi mặt nhìn xuống đất.

Văn Vương tiếp tục nói :

- Con cháu trong tông thất của triều nhà Châu, đều được phong đất để kiến tạo quốc gia, để làm phen giầu cho Vương thất. Thúc Tiên có thể phong ở đất Quản, Thúc Độ có thể phong ở đất Thái. Thúc Võ có thể phong ở đất Thành. Thúc Xứ có thể phong ở đất Hoắc, Chấn Đạc có thể phong ở đất Tào, Thúc Khang có thể phong ở đất Vệ.

Nói đến đây hơi thở của Văn Vương hết sức dồn dập. Nhà vua dừng lại một chốc rồi mới nói tiếp:

- Những lời nói trên được xem như là di chúc của ta. do Đại Phu Tán Nghi Sinh ghi chép, và do Thái Công Vọng chấp hành những điều di chúc này. Nếu ai cãi lệnh thì sẽ do Thái Công xử trí.

Văn Vương nói xong cảm thấy hai mắt tối sầm, hơi thở khó khăn, và cuối cùng đã ngất lịm. Các con thấy thế đều hết hoảng. Khương Thái công bèn xuống lệnh cho mọi người lui ra, rồi mời ngự y vào để đồ sâm cho nhà vua. Không mấy chốc sau, Văn Vương tỉnh trở lại, nói với Thái Công :

- Hãy mau truyền cho Cơ Phát vào yết kiến.

Thái tử Cơ Phát vội vàng vào gặp phụ vương. Ông thấy phụ vương sắc mặt hồng hào, có vẻ rất phấn chấn, hoàn toàn khác hẳn khi nãy, biết phụ vương đang ở trong tình trạng hồi dương, vội vàng quỳ xuống trước giường bệnh, chờ nghe nhà vua chỉ dạy.

Văn Vương đưa tay sờ nhẹ lên lưng của Thái tử Cơ Phát, nói :

- Ta sắp chết rồi, vậy xã tắc của nhà Châu ta ủy thác lại cho ngươi và Thái Công. Sau khi ta chết, Thái Công là á Phụ của ngươi. Mọi việc ở bên ngoài ngươi phải bàn bạc cùng Thượng phụ, còn mọi việc ở bên trong thì ngươi phải bàn bạc cùng hai em là Đán và Thích.

Thái tử Cơ Phát vừa khóc vừa đáp.

- Con xin ghi nhớ ! Con xin ghi nhớ !

Khương Thái Công đang đứng bên cạnh cảm động trào lệ ướt cả đôi má, và nghẹn ngào không thể khóc được.

Lúc bấy giờ, Văn Vương cảm thấy lồng ngực của mình đau nhói, đôi mắt tối sầm. Nhà vua thở hắt hắt một lúc, rồi mỉm cười nhìn Thái Công và Cơ Phát, chừng như muốn nói “Bây giờ thì ta an tâm rồi!”. Sau đó nhà vua từ từ khép kín đôi mắt lại.

7. Duyệt Binh Tại Mạnh Tân

Sau khi Châu Văn Vương qua đời, Châu Võ Vương (tức Thái tử Cơ Phát) liền khẩn trương chuẩn bị mọi việc cho cuộc thảo phạt tiêu diệt triều đại nhà Thương sắp tới. Một hôm, Châu Võ Vương triệu Khương Thái Công đến để cùng bàn bạc về chuyện này.

Khương Thái Công nói với Châu Võ Vương :

- Việc tiêu diệt triều đại nhà Thương là việc mà lão thần lúc nào cũng luôn chuẩn bị. Tuy nhiên, tình hình trước mắt chưa phải là thời cơ chín mùi. Lão thần có phái mật thám đến dò xét tại Triều Ca, qua tin tức của họ cho biết, thì môi mâu thuẫn nội bộ trong giới quý tộc của triều đình nhà Thương đang rất gay gắt, nhưng chưa đến mức độ bùng nổ toàn diện. Đại Vương nên biết, triều đại nhà Thương mặc dù hết sức hủ bại, nhưng nói cho cùng, họ là một đại quốc, trong tay có đến mấy chục vạn quân. Nếu chúng ta chỉ dựa vào vũ lực để thảo phạt họ, thì tất nhiên phải trả một cái giá rất đắt. Do vậy, chúng ta nên chờ đợi đến khi nội bộ của triều đình nhà Thương hỗn loạn rồi thừa cơ hội đó tiến công, thì có thể dùng một sức mạnh yếu hơn để thắng sức mạnh mạnh hơn của họ. Qua đó có thể giành được một sự thành công to lớn, mà chỉ phải trả một cái giá rất thấp.

Võ Vương sau khi nghe qua lời phân tích tình hình của Khương Thái Công, bèn nói :

- Lời nói của Thượng Phụ rất đúng, nhưng vì hiện nay tam quân tướng sĩ đều nôn nóng, muốn tiêu diệt triều đại nhà Thương, nhất là nhiều nước chư hầu, cũng yêu cầu chúng ta nên đứng lên dẫn dắt họ để tiêu diệt Thương Trụ. Như vậy, nếu chúng ta không có hành động gì thì e rằng nhuệ khí của tướng sĩ ta dần dần sẽ nguội lạnh, và quyết tâm chống Trụ của các nước chư hầu cũng sẽ nhạt dần. Cho nên tôi muốn nhân dịp tiến hành cuộc săn bắn mùa Thu sắp tới sẽ có một hành động gì đó để hâm nóng tinh thần của tướng sĩ và các nước chư hầu.

Không chờ Võ Vương nói hết lời, Thái Công vội vàng nói :

- Lão thần cũng đang có một ý nghĩ, nhưng chưa đem ra để thương lượng với chúa công. Vậy xin chúa công đừng vội nói rõ ý nghĩ của mình mà chúng tôi mỗi người sẽ viết ý nghĩ đó vào lòng bàn tay, rồi cùng xòe ra xem có tương đồng hay không ?

Võ Vương đáp :

- Được !

Thế là Võ Vương và Khương Thái Công mỗi người dùng một cây bút son viết năm chữ vào lòng bàn tay, rồi mới xòe ra để cùng nhau xem. Thật bất ngờ, vì ý nghĩ của đôi bên đều giống nhau. Thì ra trong lòng bàn tay của Võ Vương và Thái Công, đều viết năm chữ. “Duyệt binh tại Mạnh Tân”. Hai người nhìn nhau cười xòa.

Khương Thái Công nói :

- Ý nghĩ của chúa công đúng là rất anh minh. Vì tiến hành cuộc duyệt binh tại Mạnh Tân một là có thể kiểm nghiệm thử thái độ của các nước chư hầu đối với chúng ta, để từ đó chúng ta càng vững bụng. Thứ hai là xem phản ứng của Trụ Vương đối với hành động của chúng ta ra sao, từ đó tìm hiểu thêm hư thực của triều đình nhà Thương. Thứ ba là có thể lợi dụng cuộc duyệt binh này để chúng ta tiến hành một cuộc diễn tập cho quân đội của mình. Như vậy, chỉ một hành động mà được ba điều tốt.

Thế là Võ Vương quyết định vào cuối tháng mười, sẽ tổ chức một cuộc duyệt binh tại Mạnh Tân, và bố cáo quyết định này cho các chư hầu ở bốn phương biết.

Đầu tháng mười năm đó, Võ Vương và Thái Công đích thân dẫn ba vạn giáp sĩ, ba nghìn Hồ Bôn, một nghìn cỗ chiến xa rời Cảo Kinh, vượt ra Lâm Đồng, lại vượt qua Mãnh Trì, ồ ạt tiến về phía Đông. Đội ngũ này kéo dài đến hai mươi dặm.

Sau nhiều ngày hành quân, ba đạo quân đã tiến tới Lạc Ấp, còn cách Mạnh Tân không bao xa. Khương Thái Công đích thân chỉ huy ba vạn đại quân và nhiều xe chở theo lương thảo cùng vượt sông. Một đạo quân khác do đại tướng Nam Cung Thích chỉ huy, được xem là tả quân. Một đạo quân thứ ba do tướng quân Hoàng Hiếu chỉ huy, được xem là hữu quân. Riêng Khương Thái Công và Võ Vương thì chỉ huy trung quân, do đại tướng Võ Cát hộ giá. Trên mặt sông rộng mênh mông, ba đoàn thuyền dài như ba con rồng to, từ hướng Nam tiến lên hướng Bắc trông thật oai hùng.

Trong lần họp mặt để minh thệ với các nước chư hầu này, Võ Vương đã phát ra một trăm thiệp mời, nhưng số người nghe tin tự đến lên đến tám trăm. Họ dẫn theo ngoài một vạn binh sĩ. Vì các nước chư hầu đối với hành động ngang ngược, bạo tàn của Trụ Vương triều nhà Thương, từ lâu đã tỏ ra không nhận nhận được. Nay Tây Châu quật khởi, thật chẳng khác nào một bó đuốc sáng rực đốt cháy lên ngọn lửa hy vọng trong lòng các quốc vương ở các nước chư hầu. Đồng thời, Tây Châu cũng chẳng khác chi một cục nam châm lớn, thu hút tất cả các nước chư hầu về với mình.

Do vậy, sau khi nhận được thiệp mời của Võ Vương, không có nước chư hầu nào lại không vui mừng phấn khởi. Riêng những chư hầu không nhận được thiệp mời cũng tự động kéo tới bằng lòng tham gia cuộc liên minh này. Tuy nhiên, ở vùng Trung Nguyên có rất nhiều chư hầu, mặc dù họ đều thừa nhận Kỳ Châu là một nước chư hầu lớn nhưng vẫn xem Kỳ Châu là một chư hầu lạc hậu ở phía Tây, nên vẫn có ý dè dặt. Họ đến đây ngoài ý muốn được cùng liên minh, còn có một ý muốn khác là nhân cơ hội này xem Châu Võ Vương là người ra sao.

Chiếc thuyền to của Võ Vương và Thái Công ngồi đã sắp cập bến. Thái Công phóng mắt nhìn ra, thấy thủ lĩnh và binh sĩ của các nước chư hầu đã đứng thành đội ngũ trên bờ phía Bắc, chờ nghênh đón Võ Vương. Thái Công biết cuộc họp mặt liên minh ngày hôm nay đối với Tây Châu rất quan trọng. Ông biết một số chư hầu ở vùng Trung Nguyên ý mình có một nền kinh tế phát triển, nên ít nhiều xem nhẹ Tây Kỳ. Do vậy, ông bèn lên tiếng đề nghị :

- Khi thuyền cập bến xong, mời Võ Vương cưỡi ngựa để ngang nhiên tiếp nhận sự nghênh đón của các chư hầu. Vì một vị minh chủ cần phải có một phong độ hiên ngang, khí khái, đừng để người ta xem

thường. Vậy chóc nữa đây lão thân sẽ đi trước dẫn cương ngựa cho Đại dương, và mời Châu Công đi sau cầm roi ngựa để cho chư hầu các nước thấy được, văn võ đại thần của nước ta đều hết sức cung kính Đại vương. Qua đó sẽ làm tăng thêm uy danh của Đại vương trong các chư hầu.

Thử hỏi Võ Vương nào lại bằng lòng để cho Khương Thái Công cầm cương dẫn ngựa cho mình. Nhưng Châu Công cũng như văn võ đại thần đều bảo lời nói của Thái Công là hữu lý. Đứng trước một duyệt binh long trọng hôm nay, không thể có thái độ tùy tiện, mà phải làm cho thực trang nghiêm, đường hoàng. Cho nên Võ Vương đành phải đồng ý.

Võ Vương cưỡi ngựa, đi qua đội ngũ của các chư hầu đang đứng nghênh đón. Nhà vua không ngớt đưa tay lên để chào đại thần, binh lính các nước chư hầu, thái độ rất nhiệt tình, nhã nhặn. Các nước chư hầu thấy Võ Vương có diện mạo đường đường, oai phong凛冽, ra vẻ là một bậc đế vương, nên vô cùng ngưỡng mộ. Họ lại nhìn thấy Khương Thái Công là người nổi danh như cồn, lại đi bộ dẫn ngựa cho Võ Vương còn Châu Công thì đi sau cầm roi ngựa, nên vô cùng kinh ngạc. Họ nghĩ bụng: ngay đến một vị Thái sư mà cũng đi bộ cầm cương dẫn ngựa cho Võ Vương, như vậy đủ thấy tuy Võ Vương tuổi trẻ, nhưng uy tín rất cao, tất nhiên phải là người có đầy đủ thao lược, có uy danh của một bậc thiên tử nên mới được như thế. Do vậy, Võ Vương đi tới đâu, các chư hầu đều nhiệt liệt hoan nghênh tới đó.

Sau khi Võ Vương tiếp nhận sự chào đón của các nước chư hầu, bèn cùng tám trăm lãnh tụ của các nước nối gót nhau đi vào Mạnh Tân. Lúc bấy giờ trời đã sắp sửa hoàng hôn.

Ngay đêm đó, Võ Vương thiết tiệc tại Mạnh Tân để khoản đãi tám trăm chư hầu có mặt. Binh lính của Võ vương cũng như trên mười vạn binh sĩ của các nước chư hầu thì hạ trại đóng ở ngoài thành. Qua sự thương lượng và nhất trí của mọi người, ngày hôm sau sẽ cử hành một nghi lễ minh thế long trọng tại hiệu trường, tọa lạc về phía Tây của thành Mạnh Tân.

Trời vừa hửng sáng, binh mã của các chư hầu đều kéo tới hiệu trường nằm tại phái Tây thành Mạnh Tân. Bên trong hiệu trường cũng như bên ngoài, mười vạn binh mã của các nước chư hầu đứng thành hàng ngũ dày đặc, trông thực trang nghiêm, hùng tráng. Tại trung tâm hiệu trường được xây một đài cao, bên trên có bàn thờ trời đất. Hai bên đài cao là nơi đặt chỗ ngồi cho tám trăm thủ lĩnh của các nước chư hầu. Đến giờ Ngọ, hơn tám trăm chư hầu nối đuôi nhau từ cửa phía Tây đi vào hiệu trường, rồi theo trật tự ngồi xuống vị trí của mình. Lúc bấy giờ, Võ Vương được mười tám giáp sĩ đi theo hộ vệ, từ ngoài tiến vào hiệu trường, rồi bước lên đài cao cử hành nghi lễ cáo tế trời đất và các thánh thần. Tiếp đó, Khương Thái công mình mặc khôi giáp, dẫn theo một con ngựa trắng. Châu Công cũng mặc khôi giáp, dẫn theo một con bò đen. Cả hai từ phía sau đài cao bước ra trước đài, rồi đứng yên lại. Không khí tại hiệu trường hết sức trang nghiêm.

Võ Vương nhìn quanh hiệu trường một lượt, rồi đưa cao cánh tay phải lên, to tiếng nói :

- Thừa các vị thủ lĩnh các bang quốc bằng hữu ! Thừa toàn thể các tướng sĩ ! Tiểu tử Cơ Phát tuân theo di mệnh tiên vương, dẫn đại quân tiến về phía Đông để duyệt binh tại Mạnh Tân. Và cũng để bàn bạc kế hoạch tiêu diệt Thương Trụ với tất cả các vị. Hôm nay có mặt trên tám trăm chư hầu, ai ai cũng xem Thương Trụ là kẻ thù chung. Qua đó cũng đủ thấy, chúng ta đã hành động đúng theo ý trời và lòng người.

Câu nói vừa dứt thì tại hiệu trường nổi lên tiếng hoan hô như sấm động. Một lúc lâu sau, tiếng hoan hô mới dần dần lắng xuống.

Võ Vương lại nói tiếp :

- Vua Trụ triều nhà Thương, là một tên hôn quân hoang dâm vô độ, bạo ngược tàn nhẫn, lúc nào cũng xua quân đi chinh phạt khắp mọi nơi, làm cho bá tánh lâm vào cảnh nước sôi lửa bỏng. Vậy, nếu các vị thủ lĩnh của các bang quốc bằng hữu, cho rằng vua Trụ triều nhà Thương là đáng thảo phạt, thì xin hãy cùng minh thệ với tôi !

Câu nói của Võ Vương vừa dứt, thì phía dưới lại nổi lên tiếng hoan hô như sấm. Lúc đó, Khương Thái Công, Châu Công cùng tuốt kiếm đâm chết con ngựa trắng và con bò đen, rồi sai người khiêng đặt lên bàn. Võ Vương từ trên đài cao bước xuống, tay trái nắm lỗ tai con bò, tay phải cầm dao rạch một đường dài trên lỗ tai của nó. Sau đó, Võ Vương cùng thủ lĩnh của hơn tám trăm chư hầu uống rượu pha máu, để cùng minh thệ với trời đất : "Cùng nhau thảo phạt kẻ có tội để cứu dân lành, đồng tâm hiệp lực tiêu diệt Thương Trụ, có họa cùng chịu, có phúc cùng hưởng !"

Thề xong, tám trăm chư hầu cũng như văn võ bá quan của Kỳ Châu đều hết sức phấn khởi, yêu cầu nên nhân cơ hội này xua quân đánh vào Triều Ca, tiêu diệt Thương Trụ. Nhưng Võ Vương và Khương Thái công đã kịp thời giải thích với mọi người. Khương Thái công nói :

- Thương Trụ là một tên hôn quân vô đạo, con người cũng như thần thánh đều căm hận, đáng lý ra hẳn phải bị thiên tru địa diệt từ lâu rồi. Nhưng, vì triều đình nhà Thương là một đại quốc, đã có cơ sở thống trị hơn sáu trăm năm qua. Trong tay của nó có mấy mươi vạn quân đội. Cho dù hiện nay triều đình nhà Thương đang hết sức hủ bại, nội bộ mâu thuẫn ló ló, nhưng vẫn chưa tới thời kỳ sụp đổ. Cho nên, đối với một thế lực to lớn như vậy, chúng ta không thể manh động liều lĩnh. Nhất là qua cuộc duyệt binh tại Mạnh Tân hiện nay, triều đình nhà Thương chắc chắn đã có sự cảnh giác đề phòng. Vậy, chúng ta cần phải chờ đợi khi có thời cơ thuận tiện, chỉ cần khởi binh là giành được thắng lợi vào tay.

Chư hầu các nước nghe lời nói của Thái Công có lý, nên cùng hẹn hò nhau sẽ liên hệ chặt chẽ, báo cho nhau biết tin tức diễn biến hằng ngày. Chờ khi cơ hội đến, mọi người bằng lòng nghe theo lệnh chỉ huy của Võ Vương, đồng tâm hiệp lực thảo phạt Trụ Vương triều nhà Thương.

8. Quyết Chiến Tại Mục Dã

Hai năm sau khi duyệt binh tại Mạnh Tân, Châu Võ Vương cho rằng thời cơ các mặt đã chín mùi, có thể phát binh. Đông chinh để tiêu diệt triều Thương Trụ. Nhà vua bèn cho mời Thái Sư và những văn võ đại thần trong triều đình như Châu Công, Thiệu Công, Nam Cung Thích, đến để cùng thương nghị. Khương Thái Công nói trước tiên :

- Trước kia lão thần từng nói với Văn Vương, một vị quân vương trước tiên phải thể hiện đạo đức phải chiêu hiền đãi sĩ, phải thi ân đối với nhân dân, làm cho quốc gia mỗi ngày thêm cường thịnh. Đồng thời, phải quan sát sự cát hung của thiên đạo, phải chờ cho có thiên tai xảy ra, và lại có những nhân họa xuất hiện, thì mới có thể sách hoạch việc chinh phạt được. Giờ đây Trụ Vương đã cho xây “Nhục Lâm Tử Trì” tạo ra những dụng cụ cực hình như "Bào lạc, Sai bồn" (bồn đựng bọ cạp để cắn tội nhân), mở tìm vị trung thần Tử Cang, bắt ép người huynh trưởng là Vi Tử phải ra đi, làm cho cả triều đình lẫn ngoài dân gian không đâu được yên, lòng dân oán hận sôi sục. Hiện nay Trụ Vương đang lâm vào tình thế người thân xa lánh, bá tánh sẵn sàng đứng lên làm phản. Chẳng riêng người trong nước gồng gánh nhau bỏ trốn đi nơi khác, mà ngay đến Vương công quý tộc cũng trở mặt xa lìa ông ta. Gần đây nhất, Đông Di và một số bang quốc ở phía Nam đã đua nhau đứng lên chống lại Thương Trụ, khiến ông ta phải điều động đại quân đi đàn áp. Thậm chí, ông ta đưa cả ngự lâm quân gồm “ba trăm sáu chục người” của ông ta đi về phía Đông Nam để đánh giặc. Do vậy, tại Triều Ca đã hoàn toàn trống rỗng. Triều đình nhà Thương hiện nay nguy khốn như vậy mà Trụ Vương vẫn một mực lo hoang dâm sa đọa. Đây chính là dấu hiệu mất nước đến nơi. Tôi từng quan sát đồng ruộng của ông ta, thấy cỏ hoang mọc phủ cả mạ mới cấy. Tôi cũng từng quan sát quần thần của ông ta, thấy bọn đua nịnh áp đảo những người ngay thẳng công bình. Tôi cũng từng quan sát quan lại của ông ta, thấy chúng đều là một phường bạo ngược tàn nhẫn, tùy tiện giết người, không coi pháp luật ra gì. Thế mà bọn chúng vẫn u mê không thức tỉnh, vậy đúng là thời điểm diệt vong của chúng đã đến rồi. Cho nên tôi hết sức tán thành duyệt binh để thảo phạt Thương Trụ.

Châu Công, Thiệu Công, Nam Cung Thích và một số đại thần khác đều tán thành ý kiến của Khương Thái Công. Võ Vương thấy mọi người đều nhất trí nên hết sức vui mừng, bèn ra lệnh cho Thái sư bói toán để biết cát hung.

Thái sư liền bày bàn hương án, khấn vái trời đất, rồi lắc ống xăm để bói toán. Mọi người đều tập trung tia mắt theo dõi kết quả cuộc bói toán đang tiến hành.

Quẻ bói của Thái Sư là quẻ "Sư quái lục ngũ chi hào". Thái Sư mở lời bàn ra xem, thấy lời bàn chỉ viết tám chữ : "Trường tử soái sư, đệ tử dư thi" có ý nghĩa là, nếu Võ Vương chỉ huy binh mã xuất chinh, thì sẽ dùng xe chở xác chết của tướng sĩ trở về. Thái Sư không khỏi kinh hoàng thất sắc.

Võ Vương xem qua lời bàn, sắc mặt cũng sa sầm nguy. Châu Công, Thiệu Công, Nam Cung Thích cũng nhìn nhau ngơ ngác, không biết nói gì hơn. Một bầu không khí lo âu khiến cho mọi người cảm thấy hết sức ngột ngạt, khác hẳn sự vui vẻ phấn khởi lúc ban đầu.

Bầu không khí đó kéo dài khá lâu. Châu Công thấy ý trời như vậy, biết không thể cãi lại được, bèn nói :

- Chi bằng hãy tạm hoãn việc xuất binh, chờ sau này rồi sẽ tính.

Võ Vương vốn đang nôn nóng cử binh phạt Trụ, nghe Châu Công nói thế, giận dữ hỏi :

- Chúng ta đã chuẩn bị nhiều năm qua, chỉ chờ có ngày hôm nay. Hiện giờ Trụ Vương vẫn tàn bạo ngang ngược, khiến cho trời hờn người oán, ai ai cũng căm thù, vậy chả lẽ trời xanh còn bảo vệ cho ông ta hay sao ?

Lời nói của Võ Vương vừa dứt, thì trên trời bỗng sấm nổ ầm ầm, điện chớp sáng ngời, gió to cuốn tới. Một trận mưa to trút xuống như cầm tinh đổ. Trong trận mưa to này, còn mang theo cả những hạt đá to bằng quả trứng gà, đánh vỡ cả ngói, làm gãy cả nhánh cây. Mới đầu Đông mà đã xảy ra hiện tượng này thật là quái lạ.

Đứng trước hiện tượng thiên nhiên bất ngờ trên, bá quan văn võ đều vô cùng lo sợ. Ngay đến Võ Vương cũng sợ đến mặt mày tái mét. Chả lẽ ông trời thật sự đang nổi giận hay sao ? Chả lẽ Trụ Vương là một nhà vua tàn ác nhưng không thể chinh phạt được hay sao ?

Lúc bấy giờ chỉ có Khương Thái Công vẫn bình tĩnh như thường, ung dung nói :

- Gió, tuyết, mưa, mưa đá, là chuyện thường tình của trời đất, không có chi mà phải sợ hãi. Việc nước ta cử binh chinh phạt Ân Trụ, chính là thể thiên hành đạo, làm theo ý trời, chinh phạt kẻ hung tàn để cứu dân đen là một nghĩa cử. Như vậy, chắc chắn trời cao sẽ phù hộ cho chúng ta được thành công. Vậy, tôi có một kiến nghị, chọn một ngày hoàng đạo cát nhật khác, thỉnh Võ Vương đứng ra tế trời, rồi chính nhà vua bói một quẻ xem việc hung cát ra sao. Đến chừng đó sẽ tùy nghi định đoạt. Không rõ các vị thấy thế nào ?

Võ Vương và các đại thần nghe qua lời của Thái sư, trong lòng tạm thấy ổn định, bèn bàn bạc việc chọn ngày cát nhật, để Võ Vương tế trời rồi đích thân xem bói.

Hôm ngày tế trời, Võ Vương bước lên đàn tế, thấp nhang lâm râm khẩn vái :

- Cơ Phát tôi cử binh phạt Trụ, tuân hành theo ý của trời, chinh phạt kẻ có tội để cứu dân, mong trời xanh phù hộ cho tôi được thành công ?

Khẩn xong, đích thân nhà vua tiến hành việc bói toán. Khi mở ra xem, thấy đó là quẻ “Thái quái sơ cửu hào”. Lời bần nói : “Bạt mao như, dĩ kỳ hói, chinh cát”, nghĩa là mọi việc dễ dàng như nhổ cỏ, xuất chinh sự gặp đại cát. Võ Vương hết sức vui mừng, bèn đưa lời bần cho quần thần xem. Xem xong, tất cả các đại thần đều vui mừng nhảy nhót.

Võ Vương cảm thấy như trút được gánh nặng, bèn xuống lệnh:

- Hãy nhanh chóng chuẩn bị xuất sư, đồng thời, thông tri cho chư hầu bốn phương, vào ngày Giáp Tý hội sư tại Mạnh Tân, để tiến hành thảo phạt Thương Trụ.

Mùa đông, tháng mười hai, Võ Vương đích thân chỉ huy ba trăm cỗ binh xa, ba nghìn Hồ Bôn, bốn vạn năm nghìn giáp sĩ. Nhà vua lại sai Khương Thái Công làm Đại tướng tiên phong, rồi ồ ạt kéo binh về hướng Đông. Sau khi đại binh tới Mạnh Tân, thì chừng mười vạn quân sĩ của tám chư hầu gồm các bang quốc như Thục, Dung, Khương, Lu, Vi, Bành, Bộc v.v... đã tập hợp chờ đợi sẵn ở đó. Võ Vương đích thân tiến hành nghi lễ “Thái thệ” để cổ xúy tinh thần binh sĩ của mình, cũng như binh sĩ của tám trăm chư hầu, kêu gọi họ đồng tâm đoàn kết để chiến đấu.

Việc dụng binh quý ở chỗ nhanh chóng. Hơn mười vạn đại quân đi bất kể ngày đêm. Sáng sớm ngày Giáp Tý, họ bất ngờ xuất hiện tại Mục Dã, một địa điểm cách ngoại ô kinh đô của nhà Thương hơn một trăm bốn chục dặm.

Võ Vương một lần nữa cử hành đại hội thệ sư tại Mục Dã, và tuyên đọc bản “Mục thệ” hài rõ từng tội danh của vua Trụ, cổ xúy toàn quân đem hết tinh thần ra quyết chiến. Lúc bảy giờ mười vạn đại quân đều hết sức phấn khởi, người nào người nấy tinh thần rất cao, sẵn sàng chiến đấu để lập công diệt Trụ.

Đại tướng tiên phong là Khương Thái Công dẫn bốn vạn quân giáp sĩ, đánh ập vào trận địa của quân đội nhà Thương một cách bất ngờ, với khí thế mạnh như một bầy cọp từ trên núi tràn xuống, như những con giao long từ dưới nước vươn mình vọt lên. Trụ Vương vì trở tay không kịp, nên chỉ còn cách hối hả điều binh khiển tướng. Nhưng đáng tiếc là bộ đội tinh nhuệ của ông ta đã được phái đi chinh phạt Đông Di rồi, trong thành hiện nay đang trống rỗng. Trụ Vương bắt buộc phải sử dụng những tên nô lệ ở trong thành đi tác chiến. Triều đình Ân Thương đúng là một đại quốc, với sự chấp vá bằng những tên nô lệ trong thành, họ cũng tổ chức được một đạo quân đến mười bảy vạn người, nghênh chiến với đại quân của Võ Vương.

Nhưng, Khương Thái Công đã cho binh sĩ của mình cải trang thành quân đội triều đình Ân Thương, trà trộn vào đối phương từ lâu, tiến hành phao tin đồn nhảm, làm tan rã tinh thần binh sĩ của Thương Trụ. Khi họ trông thấy quân đội nhà Châu kéo tới nơi, nhất là họ biết rõ những người nô lệ bị bắt buộc, không có ý chí chiến đấu, nên đua nhau la to:

- Võ Vương đã đánh vào Triều Ca rồi ! Trụ Vương đã tự sát rồi !

Bọn binh sĩ nô lệ của Ân Trụ nghe thế, liền khởi nghĩa ngay mặt trận, trở giáo chạy theo quân đội nhà Châu. Họ hướng dẫn quân đội của Võ Vương đánh thẳng vào Triều Ca. Thế là cánh quân gồm có quân đội của Võ Vương, kết hợp với quân nô lệ khởi nghĩa, ào ạt tiến đánh như chẻ tre, đến đâu thắng đó. Binh sĩ của Trụ Vương bị giết chết đầy đồng, máu chảy thành sông.

Riêng Trụ Vương chẳng khác gì một con chó chết chủ, ngay trong đêm bỏ trốn khỏi Triều Ca. Ông ta thấy đại cục đã tiêu tan, bèn mặc áo mảo nhà vua rồi lên Lộc Đài, nổi lửa tự thiêu. Lộc Đài là một kiến trúc do Thương Trụ bóc lột tiền tài của nhân dân xây dựng suốt bảy năm dài mới xong. Đài này cao hằng trăm trượng, khi ngọn lửa bốc cháy thì chẳng khác chi một bó đuốc khổng lồ, soi sáng khắp cả vùng kinh thành Triều Ca.

Bá tánh ở trong thành cũng như ở ngoài thành, ngay trong đêm kéo ra ngoại ô, lập bàn hương án, quỳ

lạy đón tiếp Võ Vương tiến vào thành.

Võ Vương đứng lên tuyên bố để trấn an bá tánh, rồi ra lệnh cho hầu hết quân đội hạ trại đóng yên tại ngoài thành, còn mình và Khương Thái Công thì dẫn ba ngàn Hồ Bôn tiến vào Triều Ca. Võ Vương và Khương Thái Công cho quân đội dập tắt những đám cháy, rồi cùng bước lên Lộc Đài. Khương Thái Công nhìn thấy Trụ Vương đã bị lửa cháy sạm đen, hai mắt mở trừng trừng như hầy còn nuối tiếc, liền đưa tay chỉ thẳng vào xác Trụ Vương, mắng lớn :

- Bớ tên hôn quân vô đạo ! Nhà ngươi đã hạ chết không biết bao nhiêu lê dân bá tánh, ta phải chặt lấy đầu ngươi để báo thù cho bá tánh trong thiên hạ, mà cũng để báo thù cho cha mẹ và cửu tộc ở Đông Di trước kia!

Nói dứt lời, Khương Thái Công tuốt kiếm chém lấy thủ cấp của Trụ Vương. Võ Vương ra lệnh cho binh sĩ mang thủ cấp Trụ Vương treo lên sào cao, rồi đích thân mình lấy cung tên ra bắn vào chiếc thủ cấp đó ba phát để đánh dấu sự thống trị của triều nhà Thương đã chấm dứt từ đây.

9. Được Phong ở Tề Quốc

Năm hôm sau khi đại thắng tại Mục Dã, Châu Võ Vương liền tiến hành nghi lễ khai quốc đại điển, định đô tại Cảo Kinh, chánh thức xây dựng triều đại nhà Châu, lịch sử gọi là Tây Châu.

Châu Võ Vương mời Khương Thái Công, Châu Công, Nam Cung Thích và một số đại thần khác đến thương nghị, xem phải làm cách nào xử trí số dân do triều Ân Thương bị diệt vong để lại. Phải khống chế vùng cương thổ rộng lớn vừa mới chiếm được bằng cách nào. Phải củng cố chánh quyền vừa mới xây dựng ra sao. Kết quả của việc nghiên cứu là : Phong đất cho các chư hầu, bằng cách cử những người có tài năng trong các công thần, trong hoàng tộc của nhà Châu, cũng như trong những quý thích có quan hệ hôn nhân với triều đình, đến các địa phương trong cả nước để hưng bang kiến quốc, toàn quyền cai trị vùng đất được phong. Các chư hầu này có nhiệm vụ triều cống tài vật lên cho Châu Vương theo định kỳ, cũng như phải cung cấp quân đội để bảo vệ Vương thất.

Thế là, người con của Châu Công là Cầm được phong ở đất Lỗ, Khang Thúc được phong ở đất Vệ, Thúc Ngu được phong ở đất Tấn, Thiệu Công Thích được phong ở đất Yên... hình thành “giòng họ phong kiến, làm phen giậu cho nhà Châu”.

Nhưng khi phong cho con trai của Trụ Vương là Võ Canh, thì ý kiến của Khương Thái Công, Võ Vương và Châu Công có chỗ khác nhau. Người em của Võ Vương là Châu Công chủ trương phong cho Võ Canh ở tại kinh đô cũ của nhà Thương, để thực hành chính sách "lấy Thương trị Thương". Khương Thái Công chủ trương nên giết hết những hậu nhân của triều đại nhà Thương theo cách trăm thảo trừ căn, để tránh hậu hoạn. Nhưng Võ Vương lại ủng hộ ý kiến của Châu Công, phong Võ Canh ở tại kinh đô của nhà Thương cũ tức ở tại Triều Ca để quản lý dân của nhà Thương còn để lại. Nhằm ngăn ngừa Võ Canh làm loạn, Võ Vương phái ba người em trai của nhà mình là Quản Thúc, Thái Thúc, Hoắc Thúc theo giám sát Võ Canh, được lịch sử gọi là "Tam giám", Khương Thái công thấy Võ Vương đã quyết định như vậy, cũng không nói gì thêm, nhưng trong lòng luôn lo ngại.

Thế còn Khương Thái Công thì nên phong đi đâu ? Để tỏ lòng tôn trọng Khương Thái Công, Võ Vương đặc biệt trung cầu ý kiến của Khương Thái Công. Khương Thái Công đáp:

- Quê cũ của lão thần là Doanh Khuru (nay là Lâm Tri thuộc tỉnh Sơn Đông). Trước đây Trụ Vương phát binh Đông chinh, gần như đã san bằng cả Doanh Khuru, và giết chết cha mẹ của lão thần ở đây. Lão thần từ trước có lời thề, sau khi lật được Thương Trụ thì sẽ trở về quê cũ, lập lại bang quốc của mình. Do vậy lão thần khẩn cầu Chúa công nên phong cho thần về quê cũ tại Sơn Đông.

Võ Vương cả mừng, nói :

- Lời nói của Thượng Phụ rất hợp với ý cô gia. Một là Thượng Phụ đến Doanh Khuru có thể thực hiện được ước nguyện năm xưa, khôi phục lại bang quốc cũ. Thứ hai là các bộ tộc Cửu Di ở phía Đông không ngót quấy nhiễu lãnh thổ Trung Hoa, Thượng Phụ nếu về dựng nước tại Sơn Đông, thì có thể

khuất phục được các bộ tộc người Di ở phía Đông, khiến từ nay vùng đất phía Đông sẽ được thái bình, không còn giặc giã nữa.

Thế rồi nhà vua đã lấy vùng đất nằm giữa Bột Hải và Thái Sơn của Bạt Cô Thị xưa kia phong cho Thái Công đặt quốc hiệu là Tề, đóng đô tại Doanh Khuru.

Khương Thái Công tạ ơn trở về phủ riêng, chuẩn bị hành trang để lên đường đến vùng đất được phong.

Khương Thái Công là khai quốc công thần của triều Tây Châu, công lao hiển hách, lại là nhạc phụ của Võ Vương, cho nên Võ Vương đã đặc biệt thết tiệc để chiêu đãi Thái Công, tiễn đưa Thái Công trở về đất phong. Các thành viên trong tông thất nhà Châu cũng như các văn võ đại thần trong triều đình, ai ai cũng có mặt tại buổi tiệc tiễn đưa, không khí hết sức náo nhiệt và long trọng.

Khi mọi người uống rượu đến ngà ngà say, Châu Võ Vương bỗng cầm một cánh tay của Khương Thái Công nói :

- Thượng Phụ đã giúp cho nhà Châu của cô gia ngày càng mạnh lên luôn, Đông chinh Tây phạt, công lao số một trong triều đình. Ngày mai này Thượng phụ đến vùng đất phong tại Sơn Đông, không biết đến tháng năm nào mới gặp lại, khiến cô gia cảm thấy thật là lưu luyến, không muốn để cho ngài rời đi.

Vừa nói, nước mắt của Võ Vương vừa trào ra ướt cả đôi má.

Lúc bấy giờ Châu Võ Vương đã sáu mươi tuổi, còn Khương Thái Công đã là một cụ già đứng trăm tuổi rồi. Chỉ có điều tuy râu tóc cụ đã bạc phơ, nhưng da dẻ vẫn còn hồng hào như người trai trẻ. Đúng là một cụ già trường thọ. Nhìn thấy Võ Vương xúc động, Khương Thái Công cũng không khỏi mỉm cười, nước mắt trào ra khỏi khóe, nói :

- Chúa công bất tất phải quá lo lắng. Lão thần tuy tuổi đã cao, nhưng trước đây có học phép dưỡng sinh ích thọ, vẫn có thể sống thêm mấy mươi năm nữa kia mà. Lần đi đến Sơn Đông này, lão thần nhất định sẽ dốc hết sức mình để chấn chỉnh nước Tề, biến nước này thành phen giậu của triều nhà Châu.

Võ Vương, Châu Công, Thiệu Công nghe qua những lời nói của Khương Thái Công, ai ai cũng cảm động rơi lệ.

Sáng sớm ngày hôm sau, Võ Vương, Châu Công, Thiệu Công, Nam Cung Thích, Võ Cát và một số văn võ đại thần khác cùng đưa Khương Thái Công đến Bá Thượng, cách Cảo Kinh hai mươi dặm về phía Đông. Tới đây mọi người mới gạt lệ chia tay nhau. Nào ngờ lần chia tay này đã trở thành lần chia tay cuối cùng giữa Thái Công và Võ Vương. Vì chỉ hai năm sau đó, Võ Vương bị bệnh qua đời.

Sau khi Võ Vương qua đời, dựa theo chế độ người con trưởng nam được lên nối ngôi đã quy định, Thành Vương, con trai lớn của Võ Vương được lên ngôi làm Thiên tử. Lúc bấy giờ triều đình nhà Châu mới vừa được xây dựng, các mặt đều đang chờ đợi củng cố và phát triển, tình hình rất căng thẳng. Người em của Võ Vương là Châu Công sợ Thành Vương thiếu kinh nghiệm, làm hỏng quốc gia đại sự, nên không chú ý tới sự nghi kỵ bàn tán của các đại thần chung quanh, tự mình đứng ra thay thế Thành Vương để nhiếp chính.

Trước hành động trên của Châu Công, trong triều đình cũng như ngoài dân gian liền có nhiều dư luận phản ứng. Không ít người cho rằng Châu Công có tham vọng, muốn cướp lấy ngôi vị Thiên tử. Luồng dư luận trên truyền đi khắp các nơi, và truyền càng rộng thì càng có vẻ như chân thật, khiến các đại thần và chư hầu các nước cảm thấy không an tâm.

Châu Công là em của Võ Vương, còn Quản Thúc, Thái Thúc, Hoắc Thúc đang giữ nhiệm vụ giám sát Võ Canh cũng là em trai của Võ Vương. Ba người này thấy Châu công phong mình đi xa, trong khi chính ông lại xưng vương nhiếp chính, nắm hết đại quyền của triều đình, thì trong lòng rất bất mãn. Tất cả mọi việc xảy ra đều được người con trai của Trụ Vương là Võ Canh thấy rõ, nên cho rằng đây là một cơ hội để trả mối thù sát phụ, diệt quốc.

Võ Canh không phải là một con người tầm thường. Trước đây khi Châu Võ Vương phong ông ta làm người hậu duệ của triều đình nhà Thương, thì ông ta từng cảm động đến rơi lệ, thề sẽ một dạ trung thành với triều đình nhà Châu. Khi thấy Võ Vương phong ba người em trai của mình theo giám sát, ông ta biết người Châu không an tâm đối với mình. Do vậy, ngoài mặt ông ta tỏ ra rất ngoan ngoãn, nói gì tuân theo nấy. Hằng tháng ông ta đến vấn an Quản Thúc, Thái Thúc và Hoắc Thúc, báo cáo rõ tình hình nơi mình được phong chức và có nhiệm vụ cai quản, lại xin chỉ thị để thực hiện những việc làm sắp tới. Ngoài ra, ông ta thỉnh thoảng còn tặng cho ba vị giám sát nói trên nhiều vàng bạc, châu báu, và mỹ nữ, để mua chuộc họ.

Sau một thời gian lâu dài, ba vị giám sát đều cảm thấy Võ Canh là người rất tốt, nên mất đi sự cảnh giác lúc ban đầu. Thậm chí họ còn xem Võ Canh như một người bạn tri kỷ. Ngay đến những vấn đề bí mật nhất họ cũng nói cho Võ Canh nghe. Nhờ vậy mà Võ Canh biết ba vị giám sát này có lòng bất mãn đối với Châu Công, nhất là Quản Thúc lại là người căm ghét Châu Công nhất.

Quản Thúc bảo trước đây khi Võ Vương phong đất cho các chư hầu, thì Châu Công không đi nước Lỗ, mà để cho người con trai là Bá Cầm đi thay. Mục đích của Châu Công là muốn ở lại triều đình, để chờ cơ hội đoạt lấy đại quyền. Quản Thúc cũng cho rằng Châu Công phong đất của triều Ân Thương cũ cho mình, cũng như cho Thái Thúc, Hoắc Thúc, là sợ ba anh em ông ta cản trở không cho Châu Công thực hiện tham vọng đó. Quản Thúc cũng cho rằng sau khi Võ Vương chết nếu dựa vào chế độ nối ngôi do Văn Vương đã đặt ra lúc gởi gắm con côi với Khương Thái Công, thì ngôi vị nhà vua phải do Thành Vương, trưởng tử của Võ Vương kế vị. Nhất là Thành Vương hiện nay không phải còn nhỏ, mà hoàn toàn có năng lực để điều hành việc triều chính. Vậy mà Châu Công lại lấy cớ Thành Vương thiếu kinh nghiệm, tự mình xưng vương, rồi đứng ra nhiếp chính, có ý đồ cướp ngôi thiên tử. Hành động đó hoàn toàn trái ngược với di huấn của Văn Vương, chung sức tiêu diệt Châu Công, để trả quyền bính lại cho Thành Vương.

Thái thúc và Hoắc Thúc cũng tán thành ý kiến này của Quản Thúc.

Võ Canh bèn đem lời nói trên của Quản Thúc truyền đạt đến những người thân tín của ông ta, để những người này lại nhanh chóng truyền đạt đến những nước ở phía Đông. Nghe đâu Khương Thái Công biết được tin này, cũng có lòng hoài nghi đối với Châu Công.

Quản Thúc, Thái Thúc, và Hoắc Thúc thấy nhân tâm trong các nước chư hầu đều hoang mang, mọi người đều nguyện rửa Châu Công, thì trong lòng lấy làm đắc ý. Riêng Võ Canh bèn chụp lấy cơ hội này, liên hệ chặt chẽ với những bộ hạ cũ thời Ân Thương trước kia. Họ giả vờ yểm trợ cho Quản Thúc,

Thái Thúc và Hoắc Thúc đề thanh trừng chung quanh nhà vua, rồi từ đó phát động một cuộc phản loạn.

Riêng Quán Thúc, Thái Thúc và Hoắc Thúc cho rằng Võ Canh là người bạn tri kỷ của mình, muốn hiệp trợ với mình để thảo phạt Châu Công. Cho nên cả ba người bèn cầu kết với Võ Canh, giúp đỡ ông ta để thế lực của ông ta ngày càng mạnh. Thậm chí, Quán Thúc còn đích thân chỉ huy quân đội để trợ uy cho Võ Canh. Nhờ vậy mà thế lực phản loạn của Võ Canh ngày một mạnh thêm lên. Hẳn lại phái người đến các nước ở phía Đông, tiến hành hoạt động mang tính âm mưu. Do vậy mà có đến mười bảy nước ở phía Đông đã hưởng ứng cuộc phản loạn của Võ Canh, làm cho trong triều đình nhà Châu cũng như ngoài dân gian đều chấn động. Vùng đất phía Tây của người Châu trước kia cũng bị ảnh hưởng lây. Xem ra, cuộc biến loạn này có cơ sẽ lan rộng ra khắp toàn quốc.

Trong một cuộc hội họp khẩn cấp của triều đình nhà Châu, Châu Công cực lực chủ trương dùng vũ lực để trấn áp cuộc phản loạn. Nhưng trong vương thất có một số quý tộc tỏ ra do dự, không quyết định dứt khoát. Họ cho rằng người Di ở phía Đông từ trước tới nay không bao giờ yên ổn. Trong thời Ân Thương sự thống trị của triều đình không thực sự mở rộng tới đó. Cho nên tốt nhất là phái người đến đấy phủ dụ, để duy trì hiện trạng. Có người lại cho rằng Tây Châu vừa mới xây dựng, các mặt tài lực vật lực và nhân lực đều thiếu thốn, vậy nếu đưa quân đi chinh phạt xa thì có thể dẫn đến thất bại. Cũng có người tin theo lời đồn nhảm, hoài nghi Châu Công muốn mượn cơ Đông Chinh để mở rộng thế lực của mình, chuẩn bị cho việc soán đoạt đại quyền trong tương lai.

Châu Công biết, nếu để tình thế trước mắt tiếp tục diễn biến, thì sẽ tạo ra một cục diện hỗn loạn không thể khống chế được. Do vậy ông nên viết một phong mật thư gửi cho Khương Thái Công ở tận Sơn Đông xa xôi, rồi phái người tâm phúc tức tốc đi tới nước Tề để trao thư. Trong thư ông phân tích một cách sâu sắc tình thế trước mắt, và cũng nói thật lòng mình tại sao lại tự xưng vương, đứng ra nhiếp chính, mong Khương Thái Công nghĩ đến đại cuộc, giúp ông vượt qua cơn sóng gió, bảo vệ giang sơn do Văn Vương, Võ Vương và Khương Thái Công đã phân đấu suốt cả đời mới giành được. Trong thư này, Châu Công còn ủy quyền cho Khương Thái Công "Đông đến biển, Tây đến Hoàng Hà, Nam đến Mục Lăng, Bắc đến Vô Lệ, kể cả ngũ hầu cửu bá, đều có thể được quyền chinh phạt".

Khương Thái Công đọc xong bức thư mật của Châu Công, vô cùng cảm động trước một tấm lòng vì đại nghĩa, trước thái độ quang minh lỗi lạc, tận trung báo quốc của Châu Công. Khương Thái Công nhận thức được rằng, sự hoài nghi đối với Châu Công của mình trước đây là sai lầm. Cùng một lúc đó, Khương Thái Công cũng nhận được một bức thư của người con gái là Ấp Khương, (vợ của Võ Vương). Trong thư Ấp Khương nói:

"Kể từ ngày Châu Công xưng vương nhiếp chính cho tới nay, công cuộc trị quốc phát triển rất tốt. Châu Công lúc nào cũng sợ mình bỏ mất hiền nhân trong thiên hạ. Nếu có một hiền nhân tới xin gia nhập đội ngũ, cho dù Châu Công đang tắm, ông cũng dùng tay nắm mớ tóc đang gội còn ướt của mình bước ra tiếp kiến. Cho dù Châu Công đang ăn cơm, cũng buông ngay đĩa xuống ra tiếp họ. Thậm chí "một lần tắm phải ba lần nắm tóc, một bữa cơm phải ba lần gác đĩa". Việc nhiếp chính của Châu Công hoàn toàn là vì lợi ích của quốc gia, còn đối với ngôi vị thiên tử của Thành Vương thì ông không hề có tham vọng chi cả. Có lần Thành Vương bệnh nặng sắp chết, Châu Công bèn viết một tờ sớ để khẩn vái với trời đất, bằng lòng chết thay cho Thành Vương. Điều đó cho thấy Châu Công là người thành tâm thành ý bảo vệ Thành Vương. Mặc dù tuổi Thành Vương không còn nhỏ, nhưng đúng là thiếu kinh nghiệm trị quốc. Trước tình thế hết sức căng thẳng này, nếu Châu Công không ra mặt ủng hộ Thành

Vương, cứu vãn tình hình, thì triều đình nhà Châu chắc chắn sẽ lâm nguy. Cho nên mong phụ thân dốc hết sức lực của mình để hiệp trợ cho Châu Công, bình định loạn lạc”.

Đứng trước tình hình vô cùng nguy cấp đó, Khương Thái Công đã quyết định dứt khoát, dốc hết lực lượng trong toàn quốc ra để nhanh chóng bình định những cuộc loạn lạc. Một mặt ông phái đại tướng Lữ Báo, Lữ Hồ dẫn một vạn tinh binh đi bình định những bang quốc đang nổi loạn như Từ, Yêm, mặt khác, tự mình dẫn hai vạn tinh binh tiến xuống phía Nam, hiệp trợ với Châu Công để bình định cuộc nổi loạn của Võ Canh và mười bảy nước chư hầu. Ông viết rõ kế hoạch của mình vào một bức mật thư gửi đến cho Châu Công biết, và kiến nghị Châu Công nên xua quân Đông chinh để nhân cơ hội này triệt để chinh phục các bang quốc làm phản ở phía Nam, giúp cho giang sơn của triều Tây Châu vĩnh viễn được củng cố.

Châu Công nhận được thư của Khương Thái Công, tinh thần phấn chấn hẳn lên. Ông bèn đem ý kiến của Châu Công trong bức thư truyền đạt lại cho các thành viên trong triều đình nhà Châu, khiến những quý tộc đang dao động sợ hãi này củng cố lại niềm tin. Châu Công chấp thuận ý kiến của Khương Thái Công, chính mình dẫn năm vạn đại binh mở cuộc Đông chinh. Đồng thời, ông lấy địa vị Thiên tử để công bố một bản “đại cáo” nhằm cổ xúy tinh thần của các tướng sĩ. Trên đường Đông chinh, khi đi ngang qua nước Sở, Châu Công đã thuyết phục người Sở không tham gia vào cuộc nổi loạn. Thế là hai cánh quân của Châu Công và Khương Thái Công đã liên kết nhau, tiến đánh những vùng nổi loạn, khiến uy tín của nhà Châu được củng cố.

Mặc dù Khương Thái Công tuổi đã cao, nhưng vẫn còn đầy đủ khí phách anh hùng. Ông đã bôn ba khắp trên chiến trường, nương tựa với thể lực của Châu Công, cùng nhau tiến quân tiêu trừ những cuộc nổi loạn ở phía Đông Nam. Trải qua ba năm chinh chiến gian khổ, rốt cục đã bình định được cuộc nổi loạn có quy mô to lớn nói trên. Cuộc chiến tranh trấn áp loạn lạc này, trước sau đã tiêu diệt được lực lượng phản loạn của năm chục nước chư hầu ở vùng Đông Nam. Quy mô của cuộc chiến tranh này còn to lớn hơn quy mô chiến tranh phạt Trụ của Võ Vương. Bọn đầu sỏ phản loạn là Võ Canh, Quản Thúc đều bị Châu Công xử chém. Riêng Thái Thúc, Hoắc Thúc thì bị lưu đày. Các nước ở vùng Quan Đông đã triệt để bị chinh phục. Trải qua cuộc chiến tranh này, Tây Châu mới thực sự chinh phục được Quan Đông, từ đó triều đình nhà Châu mới củng cố được sự thống trị trên khắp cả nước.

Sau khi bình định được cuộc nổi loạn, Khương Thái Công lại trở về đất phong của mình là nước Tề, tiếp tục xây dựng lại quy mô nền kinh tế của đất nước. Trước tiên ông đặt ra sách lược "đại nông, đại công, đại thương", để tạo điều kiện cho nông công thương phát triển, cũng như các nghề đánh cá và làm muối được nhiều thuận lợi hơn. Ông đã tổ chức những người nông dân lại, đưa họ sống chung một nơi, để họ có thể hợp tác trong ngành công, khai khẩn đất hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp, để lương thực càng ngày càng đầy đủ hơn. Ông cũng tổ chức những thợ thuyền lại, rồi cho họ sống chung một nơi để có điều kiện hợp tác với nhau, tạo ra được nhiều sản phẩm cần dùng cho bá tánh, giúp cho đời sống của nhân dân trong nước được đầy đủ. Ông cũng tổ chức những thương gia lại với nhau, rồi cho họ sống chung một nơi, mở chợ buôn bán, trao đổi hàng hóa, nên về các mặt tiền và hàng hóa mỗi lúc một phần vinh hơn. Đối với nông nghiệp, ông thực hành phương châm đánh thuế một trên mười để giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân và cổ xúy cho việc sản xuất nông nghiệp.

Khương Thái Công gọi ba công việc làm chủ yếu trên là "Tam bảo". Ông cho rằng chỉ một mình nhà vua nắm quyền điều hành "Tam bảo", chứ không thể giao cho ai quản lý cả. Nhờ vậy mà chưa đầy ba năm, tình hình kinh tế xã hội của nước Tề đã phát triển rõ rệt. Tin tức này truyền đến Cảo Kinh, Châu

Công đang giữ vai trò nhiếp chính vương nghe được hết sức vui mừng. Vì chỉ trong vòng ba năm ngắn ngủi, mà Thái Công có thể cai trị đất Tề và đưa đất nước này lên một tình trạng phồn vinh hưng thịnh như vậy, thì quả là tuyệt vời ông xúc động nói :

- Thái Công đúng là càng già càng giỏi, trong đời không ai bì kịp.

Trong hoàn cảnh đất nước được phát triển, Khương Thái Công đã cho tu sửa thành ấp, dạy người dân trong nước học tập Châu Lễ, và thu dụng nhân tài khắp bốn phương. Đối với những người có tài năng trong cửu tộc thuộc Đông Di, ông đều tập trung lại để sử dụng theo tài năng. Tất cả những người được sử dụng, ông đều tạo điều kiện cho họ phát huy hết sở trường của mình. Nhờ đó mà chỉ trong một thời gian ngắn, nước Tề đã trở thành nước cường nhất tại phía Đông. Về sau, khi Châu thất suy vi, các nước thời Xuân Thu Chiến Quốc tranh giành nhau một cách hỗn loạn thì hậu duệ của Khương Thái Công là Khương Tiểu Bạch, từng xưng bá trong quần hùng, chín lần huy động chư hầu để khống chế nhà Châu, khiến nhà Châu kéo dài được trên bốn mươi năm. Khương Tiểu Bạch chính là vua Tề Hoàn Công rất nổi danh trong thời đó.

Với tài hoa trác tuyệt của mình, Khương Thái Công trước sau đã khống chế cho ba đời vua của nhà Tây Châu, trở thành một vị anh hùng mang tính truyền kỳ. Suốt mấy nghìn năm qua, ông được nhân dân Trung Quốc tôn sùng và yêu quý, không hổ danh là một nhà chính trị, quân sự nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Ông cũng không hổ danh là bậc ty tổ trong các nhà mưu lược của nước Trung Quốc.

II. Phạm Lãi - Mưu Lược Gia Biết Tự Rút Lui Đúng Lúc

Phạm Lãi tự Thiệu Bá. Ông giữ chức Đại Phu nước Việt vào cuối đời Xuân Thu. Khi Ngô vương Phù Sai đưa quân áp sát Cối Kê, thì ông cực lực chủ trương nghị hòa, và đã thu được thành công. Về sau, ông theo Việt Vương là Câu Tiễn đến nước Ngô để làm con tin ba năm, chịu đủ thứ gian khổ. Trong khi ở tại nước Ngô, ông được Ngô Phù Sai tín nhiệm về nhiều mặt, và đã bảo đảm để Câu Tiễn được trở về nước. Ông và một đại thần khác là Văn Chủng, đã đề xuất nhiều mưu lược, nhằm chữa trị vết thương chiến tranh, phát triển sản xuất, làm cho nước Việt ngày càng giàu mạnh, và cuối cùng đã theo Việt Vương tiêu diệt được nước Ngô.

Trong khi cả nước vui mừng trước sự thắng lợi, thì ông không màng chi danh lợi, mạnh dạn tự rút lui sau khi sự nghiệp đã thành công. Ông từ bỏ con đường sĩ hoạn, tới nước Tề lo việc buôn bán, và trở thành Đào Châu Công giàu có bậc nhất ở đó. Sự tích Phạm Lãi được hậu thế lưu truyền, và ông đã trở thành một người tiêu biểu về mặt biết tự rút lui đúng lúc, và được mọi người khen ngợi.

1. Đại Biễn Lúc Giữa Đêm

Một dòng sông nhỏ chảy ngưng chân núi Trữ La. Nước sông trong trẻo, phản ánh những vầng mây trắng trên bầu trời xanh. Trên dòng sông thảnh thơi có những chiếc thuyền đánh cá đi ngang. Tiếng hò tiếng hát của những người đánh cá từ những chiếc thuyền chở đầy ắp cá tươi. Những chiếc thuyền này tập nập đi về hướng thành Chư Ký. Bên bờ sông lúc nào cũng có những người phụ nữ xuống giặt y phục, hoặc xả tơ lụa. Những cậu bé mục đồng, trâu bò xuống bờ sông uống nước. Dòng sông nhỏ này mang đến cho người trong thôn ấp thật nhiều niềm vui.

Đây là một buổi chiều mùa Hè. Mặt trời đã chệch bóng và không hề có một tí gió nào. Không khí thật là nóng bức. Tiếng ve sầu kêu vang khắp đó đây.

Bông có ba cô gái trẻ búi tóc cao, mặc váy dài, tay xách một bó tơ lớn, bước đi những bước nhẹ nhàng đến bên bờ sông để xả tơ. Họ vừa đi vừa nói cười, khi đến bờ sông, cả ba đều cởi bỏ những chiếc hài thêu đang mang dưới chân ra, đi chân không bước vào một vùng nước sâu tới đầu gối. Họ cảm thấy cả người đều mát lạnh.

Một cô gái béo lùn, đã nghịch ngợm tát nước lên người của hai cô gái kia. Hai cô gái bị tát nước cất tiếng cười khanh khách, nói :

- Này Đông Thi, chị tấn công hai người chúng tôi, bộ không sợ chúng tôi liên kết tấn công lại chị sao ?

Cô gái có tên là Đông Thi cũng cất tiếng cười đáp :

- Này chị Tây Thi và Trịnh Đán, các chị cứ thử đi nào, em không sợ đâu !

Trịnh Đán, một cô gái có thân hình hơi cao, trẻ đẹp, nói :

- Chị không sợ thì được rồi. Chờ chút nữa đây, đừng khóc đấy nhé !

Cô gái tên là Tây Thi có vóc dáng không béo không gầy, thân người không cao không thấp, đôi mắt to và sáng, dù không cười đôi má cũng hiện rõ hai núm đồng tiền, trông thật duyên dáng, lên tiếng nói :

- Trịnh Đán đừng nói dài dòng nữa, chúng ta hãy ăn miếng trả miếng đi nào !

Thế là Tây Thi và Trịnh Đán, người đứng bên phải, người đứng bên trái, cùng tát nước tấn công Đông Thi. Nhưng Đông Thi không chịu thua, cô dùng cả hai cánh tay của mình tát nước để phản kích. Nhưng vì chỉ có một mình, cô không thể chống trả lại được hai người. Thời gian kéo dài, y phục của ba cô bị ướt sũng, một cô vội vàng đưa cả hai tay lên cao, nói :

- Thôi được ! Thôi được ! Tôi xin chịu hàng ! Tôi Xin đầu hàng !

Cả ba cô gái cùng phá lên cười một cách vui vẻ.

Đông Thi như chợt nhớ ra điều gì, lên tiếng nói:

- Này chị Tây Thi, hôm qua tôi thấy chị cau mày nhăn nhó, trông đẹp ghê, vậy để tôi bắt chước chị xem có đẹp không nào ?

- Được đấy ! Chị bắt chước cho tôi xem thử đi !

Đông Thi bèn cau mày nhăn mặt, làm ra vẻ như đang có tâm sự không vui. Tây Thi nhìn qua không nhịn được cười. Trịnh Đán cười ngặt nghẽo đến chảy nước mắt, nói :

- Xem chị kìa ! Đúng là xấu ơi là xấu !

Đông Thi trợn tròn đôi mắt, nói :

- Cùng là con gái như nhau, thế tại sao chị Tây Thi cau mày nhăn mặt thì trông đẹp đến như vậy?

Trịnh Đán nói :

- Đây là vì bản thân chị ấy đã đẹp sẵn rồi kìa mà !

Đông Thi bĩu môi, nói:

- Nếu nói như vậy, chẳng hóa ra tôi xấu lắm hay sao?

- Cái đó...

Trịnh Đán không tiện trả lời thẳng. Tây Thi sợ Đông Thi buồn, vội bước đến gần Đông Thi, cầm lấy cánh tay của cô :

- Này em ngoan của chị, có ai bảo em xấu đâu ? Chúng ta đều là những cô gái trẻ, giống như một đóa hoa tươi vừa hé nở, vậy có đóa hoa tươi nào xấu bao giờ ? Có đóa hoa tươi nào mà không làm cho người ta yêu thích?

- Đúng vậy. Một đóa hoa đẹp thì ong bướm luôn bay đến dập dìu !

- Phải rồi, nếu một đóa hoa mà không có ong bướm bay đến, thì đó là một đóa hoa không đẹp.

Khi tiếng cười lặng, trên bờ sông xuất hiện hai chàng công tử ăn mặc sang trọng, thái độ nham nhở. Bốn tia mắt của họ nhìn chăm chú vào những cô gái, trông như những con sói đói chực vồ mồi. Tây Thi nghiêm sắc mặt, nói :

- Các anh nên đàng hoàng một tí nhé !

Một chàng công tử gầy cao, nhìn qua Tây Thi với đôi mắt say mê, vội vàng cởi giày bước xuống bãi sông, nói :

- Em là Tây Thi cô nương phải không ? Anh nghe phương danh của em từ lâu rồi. Chúng mình chúng mình làm bạn với nhau nhé ? Cha anh đang làm quan to đấy!

Một chàng công tử có dáng dấp béo lùn, cũng nhìn Trịnh Đán qua đôi mắt say mê, nói :

- Em..., em là Trịnh Đán cô nương phải không ? Anh... Anh mong nhớ em từ lâu rồi, em bằng lòng lấy anh nhé. Nhà anh có nhiều tiền lắm !

Hai chàng công tử lẳng lơ bước từng bước đến gần Tây Thi và Trịnh Đán, có vẻ muốn trở ngón lưu manh. Đông Thi đứng bên cạnh hết sức sợ hãi, buột miệng kêu to :

- Bớ người ta!

Chàng công tử gầy cao nói :

- Có lẽ cô đây là Đông Thi phải không ? Đừng có sợ anh em chúng tôi sẽ không đụng chạm gì tới cô đâu.

Tây Thi và Trịnh Đán đang đứng dưới nước, vẫn phải lùi ra sau để tránh hai gã thanh niên. Nhưng, cả hai đều sẵn tới mục tiêu của mình đã chọn. Gã thanh niên gầy cao đưa tay sờ nhẹ lên má Tây Thi. Tây Thi trợn mắt giận dữ, vun tay tát cho anh ta một cái tát đích đáng. Nhưng gã thanh niên này vẫn tươi cười như thường, nói :

- Được lắm ! Đánh tức là thương, mắng tức là yêu. Không đánh không mắng thì sao gọi là yêu thương được ?

Vừa nói, hắn vừa thò tay ôm ngang eo lưng của Tây Thi.

- Bớ người ta ! Bớ người ta ! - Đông Thi thấy vậy liền to tiếng kêu cứu.

- Dừng tay lại !

Sau tiếng kêu cứu là tiếng quát vang rền như tiếng đại hồng chung.

Hai gã lưu manh không khỏi giật mình, quay mặt nhìn lại, thấy một người thanh niên mặc áo dài màu lam, diện mạo tuấn tú, mày rậm mắt to, đang từ xa chạy bay tới.

Gã thanh niên gầy cao buông Tây Thi ra, trợn đôi mắt hình tam giác của hắn lên, nói :

- Thế nào ? Tên tiểu tử nghèo kiết, ngươi định can thiệp vào chuyện riêng của người ta hả ?

Người thanh niên mặc áo màu lam với thái độ nghiêm nghị, nói to:

- Chuyện bất bình ở giữa đường thì ai cũng can thiệp được. Tôi không cho phép các anh trêu chọc phụ nữ nhà lành giữa ban ngày ban mặt như thế này !

- Mẹ kiếp ! Bộ anh đã uống mật gấu rồi chắc ? Sao lại dám phá chuyện vui của các cậu đây ? Đỡ mau!

Gã béo lùn vừa nói vừa đâm một đâm về phía người thanh niên mặc áo lam. Người thanh niên áo lam dùng tay phải đỡ nhẹ một cái...

- Ôi trời !

Gã béo lùn cảm thấy tay như bị té ra, đau đớn khó tả, buột miệng gào lên một tiếng to.

- Xem đây !

Gã gầy cao ý mình có học võ, nên vội vàng trèo lên bờ sông, giậm dừ co giò đá mạnh vào người thanh niên áo lam vẫn giữ thái độ bình tĩnh. Người thanh niên áo lam cũng co giò quét ra một cú đá nhanh như gió. Gã thanh niên gầy cao chỉ kịp la lên một tiếng "ôì trời" thì té lăn xuống bãi sông.

Thế nhưng hai chàng công tử con nhà giàu này vẫn không chịu thôi. Cả hai đứng lên vây đánh người thanh niên áo lam. Chỉ trong chốc lát, cả hai đã bị trừng trị đích đáng. Biết mình không phải là địch thủ của đối phương, nên chúng làm ra vẻ anh hùng hảo hán, vừa bỏ chạy vừa nói cứng :

- Được Được. Anh giỏi đây ? Nếu anh gan thì đừng rời khỏi nơi này. Bọn tôi đi một chốc rồi anh sẽ biết !

Cả hai bỏ chạy như bay. Tây Thi vội vàng quay sang người thanh niên áo lam, cúi mình thi lễ :

- Xin đa tạ đại ca đã dũng cảm cứu giúp chúng em !

Người thanh niên áo lam cũng đáp lễ một cách nhã nhặn. Kịp khi nhìn kỹ Tây Thi, thì người thanh niên này không khỏi kinh ngạc, nói:

- Cô... Cô là người quốc sắc thiên hương như thế này ư ?

Tây Thi nghe đối phương khen mình, thẹn thùng cúi đầu không nói chi cả. Trịnh Đán đứng bên cạnh liền lên tiếng :

- Té ra anh cũng là phùng ong bướm đây sao.

- Không! Không! Tôi... tôi đã thất lễ... đã thất lễ!

Người thanh niên áo lam vội vàng nhìn đi nơi khác, lên tiếng xin lỗi. Riêng Đông Thi tỏ ra rất khâm phục thái độ gan dạ của người thanh niên áo lam, bèn nói:

- Hai gã lưu manh vừa rồi đều là bọn mặt chai mày đá cả. Anh chỉ có một người mà không sợ chúng sao?

Người thanh niên áo lam đáp :

- Đối với lũ người như thế, nếu mình sợ thì cũng chẳng có ích lợi gì. Vì mình càng sợ chúng, chúng sẽ càng làm tới đây.

Tây Thi thấy người thanh niên áo lam khôi ngô, ăn nói trang nhã, lại có tinh thần nghĩa hiệp, dám can thiệp vào chuyện bất bình, nên rất có cảm tình. Cô lên tiếng hỏi:

- Xin hỏi tôn tính đại danh của anh là gì ?

- Tôi ư ? - Người thanh niên áo lam suy nghĩ một chốc, rồi mới nói tiếp - Tôi họ Phạm tên Lãi.

Trịnh Đán lắc đầu lia lịa, nói :

- Không ! Anh nói dối. Phạm Lãi là Đại phu của nước Việt chúng tôi kia mà. Ông ấy đang làm quan to ở đô thành, đâu lại đi một mình lang thang xuống làng quê như thế này đây ?

Phạm Lãi bèn nói rõ sự thật :

- Việc tôi làm quan ở đô thành là đúng. Tôi sợ dĩ ăn mặc y phục thường dân đi xuống vùng quê như thế này là muốn tìm hiểu đời sống thật sự của người dân ở mọi nơi.

- Hả ?

Tây Thi không khỏi buột miệng kêu lên một tiếng ngạc nhiên. Cô cảm thấy vị Phạm đại phu trước mặt cô tuy làm quan to nhưng lại không giống quan lại còn ăn mặc giả dạng thường dân đi một mình tìm hiểu đời sống của bá tánh đau khổ.

Phạm Lãi bèn cởi chiếc áo dài lam ra, giúp các cô gái giặt xả những cuộn tơ. Ông vừa làm việc vừa hỏi thăm tình trạng gia đình của mỗi cô gái, cũng như hỏi thăm các quan viên ở địa phương có ai tham ô, ngang ngược không kể chi pháp luật không. Ba cô gái đều trả lời đúng theo sự thật. Đôi bên nói chuyện có vẻ rất hợp ý nhau.

Sau khi họ xả tơ xong, mặt trời cũng vừa xuống núi. Tây Thi chủ động mời khách :

- Thôi chúng ta hãy về, đêm nay xin mời anh đến nhà em. Cha em là người rất hiếu khách. Cha em cũng là người hiểu biết rất nhiều việc ở địa phương.

Tối đêm đó, tại sân phơi lúa nơi nhà Tây Thi tập trung rất đông những vị hương thân trong làng. Dưới ánh trăng sáng và gió đêm mát mẻ những người dân quê kể cho Phạm Lãi nghe những nỗi khổ sở của người dân ở thôn quê. Nguyên vọng to nhất của họ là được giảm nhẹ tô và thuế, cũng như đừng bao giờ xảy ra chiến tranh. Họ muốn bá tánh được bình yên làm ăn để cùng nhau xây dựng cho dân giàu nước

manh. Phạm Lãi nhất nhất ghi nhớ những lời nói của họ vào lòng, và ngỏ ý khi trở về triều đình sẽ tâu lên cho Việt Vương biết. Tây Thi ngồi bên cạnh Phạm Lãi. Qua ánh trăng sáng, nàng chăm chú quan sát vị Đại phu trẻ tuổi, đẹp trai, ăn nói trang nhã của triều đình nước Việt. Tâm hồn vốn phẳng lặng của một cô gái quê, bắt đầu gợn lên những gợn sóng tình cảm, giống như những gợn sóng trên mặt sông. Cô thầm ao ước : "Nếu mình có được một vị lang quân như thế này thì hay biết bao nhiêu? "

Đêm hôm đó, Phạm Lãi và Tây Thi đều không ngủ được. Có thể nói hai người là một cặp trai tài gái sắc, đã quen biết nhau trong trường hợp cứu nạn cho Tây Thi, và đôi bên chỉ vừa gặp mặt nhau là đã thấy yêu nhau ngay. Trong lòng họ đang có nhiều vấn đề muốn thổ lộ với đối phương. Họ ngủ cách nhau chỉ có một tấm vách ván, nên đôi bên nghe rõ đối phương luôn trở mình. Cả hai đều muốn trời sáng cho nhanh, để tìm cơ hội thổ lộ tâm tình với nhau.

Nhưng đến khuya đêm đó, trời bỗng nổi gió to. Mây đen che kín trăng sáng. Bỗng có tiếng chó sủa rộ lên, rồi tiếng vó ngựa nối tiếp nhau từ xa tới gần. Phạm Lãi và Tây Thi đều ngồi dậy nghe ngóng. Họ nghe rõ tiếng của Thi đại gia hỏi :

- Các vị là ai ?

- Chúng tôi là công sai trong thành, phụng mệnh đến đây tìm Phạm đại phu có việc công khẩn cấp.

Phạm Lãi vội vàng thức dậy, mặc y phục ra cửa tiếp kiến công sai. Người công sai tay cầm chiếc lồng đèn nhà quan màu đỏ, trao cho Phạm Lãi một phong thư. Qua ánh sáng đèn, Phạm Lãi thấy đó là tờ chiếu thư của Việt Vương Câu Tiễn, cho biết đại quân của Ngô Quốc đã xâm nhập lãnh thổ nước Việt, xuống lệnh cho ông phải cấp tốc trở về triều đình để bàn chuyện chống giặc.

Phạm Lãi không dám chậm trễ, quay sang hai cha con nhà họ Thi nói rõ tình hình qua thái độ nặng nề lo lắng. Ông cho biết phải trở về triều đình ngay trong đêm. Tây Thi lưu luyến nói :

- Thưa Phạm đại phu, chuyện hưng vong của nước nhà, kẻ thất phu đều có trách nhiệm. Chỉ đáng tiếc tiểu nữ không phải là nam nhi, nên không thể ra trận tiền chống giặc, bảo vệ đất nước. Nhưng nếu thấy tiểu nữ có thể giúp được chuyện chi, xin ngài hãy viết thư cho biết. Tiểu nữ dù phải nhảy vào nước sôi lửa bỏng, cũng tuyệt đối không dám chối từ !

- Tốt. Tốt. - Phạm Lãi gật đầu liên tiếp, tỏ ý kính phục cô gái yếu đuối mà lại có ý chí báo quốc như vậy. Trước khi ra đi, Phạm Lãi nói tiếp – Tôi... tôi không bao giờ quên cô. Chúng ta... hẹn sẽ có ngày gặp lại !

Tiếng vó ngựa nện trên mặt đường xa dần. Tây Thi đứng tựa cổng làng dõi mắt trông theo người tình nhân trong ý tưởng. Nàng thầm chúc phúc cho tình lang : “Chúc anh mã đáo thành công, sớm khai hoàn trở về!”.

2. Nghị Hòa Cứu Nước

Phạm Lãi thức ngựa chạy suốt đêm, hồi hải trở về Đô Thành nước Việt là Cối Kê. Việt Vương vừa trông thấy Phạm Lãi, liền vội vàng nói:

- Nhanh lên ! Binh mã chuẩn bị cho khanh đã sẵn sàng. Vậy chúng ta hãy xua quân cùng đánh một trận sống chết với quân xâm lược của Ngô Quốc !

Thì ra, kẻ thù truyền kiếp của nước Việt ở phương Bắc là Ngô Vương Phù Sai, đích thân chỉ huy hai cánh quân do tướng quốc Ngũ Viên và Thái tử Bá Bử gồm một vạn binh mã, ồ ạt đánh vào nước Việt. Mục đích cuộc chiến tranh này của Ngô Vương là để trả thù tiên vương Hạp Lư của nước Ngô trước đây đã bị quân Việt đánh bại, mang thương tích và đã từ trần. Sau khi Phạm Lãi hỏi rõ địch tình, suy xét tình thế lúc bấy giờ, bèn nói :

- Theo thần thấy, chi bằng nên cầu hòa với Ngô Quốc, cắt cho họ một ít đất, thưởng cho họ một ít tài vật, rồi sau này sẽ tìm cách đối phó.

Việt Vương Câu Tiễn lắc lư chiếc mào vua đỉnh bằng đang đội trên đầu nói :

- Không được ! Không được ! Lời nói của nhị vị đại phu sẽ giúp cho khí thế của quân địch thêm cao, uy phong của ta thêm nhục. Ngô Quốc là kẻ thù truyền kiếp của chúng ta. Nay họ đã kéo binh đánh ta, thì chúng ta không thể có thái độ sợ địch như sợ cọp. Tục ngữ nói : "giặc đến thì chống, nước đến thì chặn". Binh mã của Ngô Quốc không có gì đáng sợ. Vậy hãy đánh, quả nhân đã quyết tâm đánh chúng rồi!

Việt Vương Câu Tiễn bác bỏ tất cả những lời bàn của các đại thần chung quanh, đích thân chỉ huy ba vạn binh mã, được Phạm Lãi và Văn Chủng cùng một số văn võ đại thần khác theo hộ vệ, bắt đầu lên đường nghênh chiến. Thủy quân của hai nước đã giao phong tại phù Tiêu, thuộc vùng Thái Hồ.

Ngô Vương Phù Sai đứng trên thuyền chỉ huy. Ông ta là một nhà vua trẻ tuổi, tinh thần đang hăng, mình mặc khôi giáp, chính tay đánh trống chiến để thúc quân. Do vậy, tất cả tướng sĩ của Ngô Quốc đều tỏ ra hết sức dũng cảm. Họ lại nhờ gió thổi xuôi, nên trương buồm cho chiến thuyền xông thẳng vào đội ngũ của quân Việt. Mặc dù quân Việt liều chết chống trả, nhưng vì binh mã quá ít, đã bị đánh đại bại.

Đại tướng Linh Như Thuận, và Tư Ngạn của quân Việt đều bị thương và bị chết trận. Phạm Lãi và Văn Chủng dẫn tinh binh, một người ở phía trái, một người ở phía phải bảo vệ Câu Tiễn, mở đường máu chạy thoát vòng vây. Nhưng quân Ngô bỏ thuyền đổ bộ, truy kích tới cùng. Câu Tiễn chạy đến núi Cối Kê thì cố thủ, không ra nghênh chiến. Quân Ngô bèn vây kín cả khu núi, dù nước cũng không thể chảy lọt.

Câu Tiễn kiểm điểm lại binh mã, thấy số quân giữ núi chỉ còn năm nghìn người. Ông ta hết sức hối hận

vì lúc ban chịu không chịu nghe theo lời khuyên của Phạm Lãi, nên mới lâm vào tình thế bị đất như thế này. Nhà vua nhìn cờ xí của quân Ngô san sát như rừng ở dưới chân núi, cũng như nghe tiếng hò reo vang rền của họ, không khỏi cuống cuống cả lên, hoàn toàn không thể nghĩ ra được cách đối phó hay ho nào, mà chỉ biết than vắn thở dài mà thôi. Lúc bấy giờ Phạm Lãi mới nói :

- Bẩm Đại vương, bây giờ nếu giảng hòa tuy đã muộn, cũng như người bị mất dê rồi mới sửa chuồng, nhưng vì sự tồn vong của quốc gia, chúng ta dù phải cắt đất bồi thường cũng không tiếc. Nhất là Đại vương còn phải nghĩ đến việc sang tận Ngô Quốc để dâng lễ vật và tạ tội với họ nữa.

Câu Tiễn mỉa máo, nói :

- Quả nhân thấy chỉ còn cách đó mà thôi. Nhưng liệu Ngô phù Sai có chịu ký hòa ước với ta, trong khi hẳn đắc thắng như thế này không ?

Văn Chủng đứng bên cạnh, cũng nói :

- Chìa nào thì mở ổ khóa này. Giờ đây chúng không nên đi gặp Phù Sai ngay, mà nên tìm gặp Bá Bì trước.

Câu Tiễn trừng mắt tỏ ra không hiểu, lên tiếng hỏi:

- Tại sao phải làm như vậy ?

Văn Chủng đáp :

- Phù Sai có hai vị đại thần được xem là cánh tay mặt, cánh tay trái của ông ta. Ngũ Viên là một đại thần trung kiên, dũng cảm, còn Bá Bì là một tên tham lam háo sắc. Vậy chúng ta nên đi tìm Bá Bì, tặng cho lễ vật trọng hậu để mua chuộc ông ta trước, rồi nhờ ông ta khuyên Phù Sai ký hòa ước với mình.

Phạm Lãi cũng nói :

- Kế đó rất tốt, vậy mong Đại vương nên nghe theo.

Câu Tiễn gật đầu đồng ý. Phạm Lãi bèn nhờ Văn Chủng mang hai vạn lạng vàng và hai mỹ nữ, thừa đêm tối lên đến doanh trại của Bá Bì. Quả nhiên Bá Bì là một người ham của háo sắc, vừa trông thấy vàng và gái thì tươi cười ngay. Đêm đến, ông ta tới trướng trung quân của Ngô Phù Sai, uốn ba tấc lưỡi khuyên Phù Sai nên làm một ông vua có nhơn nghĩa, biết tích đức, đừng dòn người vào bước đường cùng, nên cho phép nước Việt được xin cầu hòa.

Qua ngày hôm sau, khi Phù Sai tiếp kiến Văn Chủng, thì Văn Chủng đã dùng những lời nói hạ mình, khiêm tốn, hứa hẹn với Ngô Phù Sai, sẽ đem tất cả tài sản cũng như thiếu nữ xinh đẹp ở nước Việt sang cống hiến cho Ngô Quốc. Ngoài ra, vợ chồng của Việt Vương còn đích thân tới Ngô Quốc để nghị hòa và xin tội, bằng lòng làm nô bộc cho Ngô Vương. Phù Sai nghe thế đã mềm lòng, bèn đồng ý ngay. Khi Ngũ Viên biết được đã ra mặt phản đối, Ngô Phù Sai không bằng lòng nghe theo, làm cho Ngũ Viên tức tối giậm chân nói :

- Làm như vậy thì có khác nào thả cọp trở về rừng đâu !

Ngô Vương Phù Sai đã nhanh chóng tháo vòng vây tại núi Cối Kê. Câu Tiễn dẫn tàn binh của mình trở về đô thành. Ông ta cho người kiểm lại số vàng bạc châu báu cất trong quốc khố, cũng như chọn người mỹ nữ tuyệt đẹp ở hậu cung đưa sang dâng hiến cho Ngô Quốc Phù Sai. Sau đó, ông rơi lệ nói :

- Nay Phạm ái khanh, quả nhân biết ngài là người kinh luân đầy bụng, có tài năng an bang trị quốc. Nay quả nhân và phu nhân phải sang tận Ngô Quốc để xin tội, vậy ngài hãy ở lại thay quả nhân lo liệu đất nước đã rách nát này.

Phạm Lãi thấy Đại vương tín nhiệm mình như vậy, trong lòng rất cảm động. Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ, ông nói:

- Vì thần xin cảm tạ lòng tín nhiệm của Đại vương. Nhưng, việc cai trị quốc gia, phủ dụ bá tánh, thần không bằng Văn Chủng. Trái lại, đối phó với địch quốc, biết tùy cơ ứng biến, thì Văn Chủng không bằng thần, vậy theo ý thần chi bằng đề cho thần theo Đại vương sang Ngô Quốc, còn Văn Chủng ở lại cai trị nước nhà được chăng ?

Câu Tiễn đáp :

- Lành sang nước Ngô này là phải sống lâu dài bên cạnh kẻ thù. Sống bên cạnh kẻ thù thì có khác gì sống bên cạnh cọp dữ, vô cùng nguy hiểm đấy !

Phạm Lãi nói :

- Không vào hang cọp thì làm sao bắt được cọp con. Vì nước nhà, vì Đại vương thần dù có chết vạn lần cũng không từ chối !

Câu Tiễn thấy thái độ và lời nói của Phạm Lãi đều rất khản thiết, không có một tí gì gọi là miễn cưỡng, nên rất cảm động, nói:

- Nhà nghèo mới thấy con thảo, nước loạn mới thấy tôi trung. Nay Phạm ái khanh, ngài chính là một đại trung thần đấy !

3. Một Dạ Trung Thành

Vợ chồng Câu Tiễn và Phạm Lãi mang theo rất nhiều công phẩm và mỹ nữ, cùng rời khỏi Cối Kê với tâm trạng lưu luyến khó rời. Sau khi tới đô thành của nước Ngô là Cô Tô, Câu Tiễn sai Phạm Lãi mang một bộ phận lễ vật đến hiến dâng cho Bá Bì. Nhận được lễ vật, Bá Bì hết sức vui mừng, nên chờ cho Ngô Phù Sai chính thức tiếp kiến vợ chồng Câu Tiễn, thì ông ta đứng bên cạnh tìm cách nói tốt cho nhà vua nước Việt. Vợ chồng Câu Tiễn mặc y phục tội phạm, nước mắt giàn giụa, quỳ trước Ngô Phù Sai ngỏ ý đầu hàng và một dạ trung thành với nước Ngô. Phù Sai bắt giữ vua tôi ba người của Câu Tiễn ở lại nước Ngô lâu dài để làm con tin, đồng thời được giao cho trách nhiệm nuôi ngựa mã tại cung nhà Ngô.

Ba vua tôi của Câu Tiễn được vào ở trong hai gian nhà đá bên cạnh lăng mộ của tiên vương nước Ngô là Hạp Lư. Hai gian nhà đá này âm thấp tối tăm suốt năm không thấy ánh sáng mặt trời, nên đâu đâu cũng có mùi meo mốc. Họ mặc y phục bình dân, ăn cơm thô, uống trà nhạt. Mỗi hôm trước khi trời sáng, họ đội trăng sao đi quét chuồng ngựa. Sau khi ăn cơm sáng xong, họ phải đuổi bầy ngựa ra đồng cỏ để chăn giữ. Tối đến, họ phải thức để bỏ thêm cỏ cho ngựa.

Câu Tiễn từ ngày sinh ra đời đã sống một cuộc sống nhung lụa của hoàng gia, có bao giờ phải làm những công việc nặng nhọc, dơ bẩn như thế này ? Do vậy chỉ sau mấy tháng, người ông ta đã gầy còm, da mặt đen đúa, lúc nào cũng thở vắn than dài cho số phận và tương lai đen tối của mình. Phạm Lãi thấy vậy khuyên :

- Bẩm Đại vương, ngài phải nhẫn nại một tí. Phải chịu đựng được tất cả cái khổ trong cái khổ, thì mới có thể làm người trên người. Hôm nay ngài chịu nhẫn nhục là để ngày mai ngài có cơ hội rửa hận báo thù. Nước Việt của chúng ta là hậu duệ của vua Đại Vũ, vậy không thể để cho xã tắc mất người lo nhang khói cho tiên vương.

Câu Tiễn nghe vậy liên tiếp gãi đầu, ông ta đành nuốt nước mắt để làm vui đi nỗi đau trong lòng, và cũng lấy nước mắt để an ủi cho bao nhiêu đêm mất ngủ. Có một lần Phù Sai đi chơi, cố ý cho gọi Câu Tiễn đi bộ dẫn ngựa để lấy đó làm sự oai phong cho mình. Ngựa chạy rất nhanh, nên Câu Tiễn phải chạy lúp xúp theo, mệt đến mồ hôi vã ra như tắm, trông dáng điệu hết sức thiếu nhã. Người dân nước Ngô thấy vậy, đều đưa tay lên chỉ vào Câu Tiễn nói qua giọng khinh bỉ :

- Hãy xem kìa! Đây là Việt Vương Câu Tiễn. Chẳng phải nay ông ta trở thành anh giữ ngựa cho Đại vương của chúng ta rồi đây sao.

Câu Tiễn nghe thế tủi nhục, chỉ muốn tìm một khe đất để chui xuống trốn. Tối lại, khi trở về gian nhà đá, Câu Tiễn tức tối nói với Phạm Lãi :

- Ta xấu hổ đối với tổ tiên của nước Việt. Ta không xứng đáng là con cháu của vua Đại Vũ. Ta... ta hết sức nhục nhã, không còn mặt mũi nào nhìn thấy ai ! Ta ta không còn muốn sống nữa !

Phạm Lãi rót cho Câu Tiễn một chén trà nóng, và chờ cho ông ta lắng dịu trở lại mới lên tiếng khuyên :

- Biết nhục đã là một thái độ gần với thái độ dũng cảm rồi ? Đại vương cần phải nghiên rằng chịu đựng tiếp. Xưa kia Châu Văn Vương bị vua Trụ nhà Ân Thương bắt giam tại Dũ Lý, và giết người con trai của ông ấy là Bá Ấp Khảo, rồi lấy thịt làm thức ăn đưa tới cho Văn Vương. Văn Vương cắn răng chịu đựng, im lặng ăn thịt con của mình. Tất cả những sự chịu đựng đó đều nhằm để phục thù sau này. Do vậy mà về sau, Châu Văn Vương đã chuyển bại thành thắng, tiêu diệt được Trụ Vương, và xây dựng được triều đình nhà Châu hưng thịnh, trở thành một vị minh quân. Đây chính là tấm gương thuở xưa, và cũng là bài học nghìn đời sau này !

Câu Tiễn nghe những lời khuyên nhủ đó, lại cắn răng chịu đựng, tiếp tục sống những ngày nhục nhã.

Một hôm, Phù Sai triệu kiến vua tôi của Câu Tiễn trong cung. Câu Tiễn sợ hãi quỳ mọp trước mặt Phù Sai. Trong khi đó, phạm Lãi mặt vẫn không đổi sắc, tim không đập mạnh, đứng chững chạc ở phía sau.

Phù Sai đã nghe danh Phạm Lãi từ lâu, nay muốn chiêu hàng ông ta về với mình. Nhìn thấy thái độ của Phạm Lãi vẫn một mực hiên ngang, không kên kiệu mà cũng không tự tin, nên Phù Sai lại càng yêu mến con người có tài có đức này. Nhà vua bèn nói với Phạm Lãi:

- Quả nhân nghe nói, một cô gái thông minh thì không bao giờ chịu lấy một ông chồng có gia thế lụn bại, suy sụp. Một người đàn ông có tài năng thì không bao giờ chịu làm bề tôi cho một ông vua mất nước. Nay Câu Tiễn vô đạo, trên thực tế nước Việt đã mất rồi, thế tại sao ông còn bằng lòng chịu làm tù binh cùng với ông ta mà không cảm thấy đau buồn hay sao ? Nếu ông bằng lòng bỏ Việt về với Ngô, phụng sự cho một vị minh chủ khác, thì quả nhân nhất định sẽ trọng dụng ông. Đây là một dịp để cho ông được thăng quan tấn tước. Vậy không rõ ý ông như thế nào ?

Câu Tiễn nghe qua, cảm thấy rất đau khổ, nghĩ bụng : “làm như vậy chẳng phải đá chân tường cho bức tường nhà người ta sụp đổ hay sao ?”. Câu Tiễn sợ Phạm Lãi bỏ mình đi theo Ngô, thì mình sẽ càng cô độc càng bị thảm hơn. Nhưng phạm Lãi đã lên tiếng đáp :

- Bẩm Ngô Vương bệ hạ, thần nghe nói, một bề tôi vong quốc thì không thể bàn chuyện chính sự với ai cả. Một tướng quân bại trận, thì không thể nói chuyện dũng cảm với ai cả. Thần nay là một đại thần của nước Việt, không tài không đức, không trung không tín, nên mới không thể phụ tá cho Việt Vương, không khuyên ông ấy giữ tình hòa hiếu với thượng quốc, mà chỉ biết dùng binh lực để giao tranh, nên mới đắc tội với hệ hạ như thế này. Đây chính là cái tội của tiểu thần tại một hạ quốc. Bệ hạ không giết thần chính là đã ban ơn đức cho thần rồi, vậy thần nản dám có hy vọng chi cao hơn nữa ?

Ngô Phù Sai giả vờ tức giận, nói ông không nghe lời ta, không sợ ta giết hay sao.

Phạm Lãi ung dung đáp :

- Tiểu thần không sợ, vì nếu được như vậy thì chính là Đại vương đã giúp đỡ cho tiểu thần đây !

Ngô Phù Sai trợn mắt ngó ý khó hiểu hỏi :

- Giúp cho ông điều gì ?

Phạm Lãi mỉm cười, nói:

- Giúp cho tiểu thần trở thành một đại trung thần, oai vũ không thể khuất phục, bản tiện không thể dòi đổi !

- Thế thì...

Ngô phù Sai nghẹn họng, không nói được gì nữa.

Đứng trước mặt một người đàn ông hiên ngang, không sợ chết, Ngô phù Sai biết không thể ép Phạm Lãi được, nên ra lệnh cho vua tôi họ trở về gian nhà đá, tiếp tục nuôi ngựa.

Thời gian trôi qua thật nhanh. Câu Tiễn ở tại đất Ngô làm con tin đã được ba năm. Một hôm, Phù Sai và Bá Bì cùng lên Cô Tô Đài rất cao. Từ xa nhà vua trông thấy tại gian nhà đá ở dưới thấp, hai vợ chồng Câu Tiễn đang hì hục quét phân ngựa, còn Phạm Lãi thì đang bận rộn làm cơm. Ba người mặc dù bị giam lỏng, sống một cuộc sống của kẻ làm tù binh. Nhưng họ vẫn giữ nghiêm lễ quân thần, chồng vợ. Điều đó làm cho Ngô Phù Sai rất cảm động nên cảm thấy thương hại, bèn quay sang nói với Bá Bì :

- Câu Tiễn chẳng qua là vua của một nước nhỏ, còn Phạm Lãi chẳng qua là bề tôi của một nước nhỏ. Họ có thể chung sống lâu dài trong một hoàn cảnh hoạn nạn như thế này mà không bao giờ để mất lễ nghi giữa nhau, quả thực là đáng kính.

Bá Bì nói :

- Chẳng những đáng kính, mà còn đáng thương.

Ngô Phù Sai nói :

- Phải đấy, đã ba năm rồi còn gì. Quả nhân không nhẫn tâm bắt họ chịu khổ như thế này nữa. Khanh nói thử xem, bây giờ mình thả họ trở về nước được chưa ?

Bá Bì nghe qua rất vui mừng. Ông ta không ngót nhận được lễ vật của Văn Chung từ nước Việt đưa tới, nên đã có ý nghĩ muốn tâu xin với Ngô Vương thả Câu Tiễn trở về nước. Giờ đây nghe Ngô Vương nói như vậy, bèn tỏ ý tán đồng :

- Đại vương là nhà vua nhơn đức, trong thời gian qua từng ban ân to lớn cho Câu Tiễn. Đường xa biết sức ngựa, sống gần nhau lâu biết lòng người. Trong thời gian ba năm qua, Câu Tiễn đối với Đại vương không hề có ý oán trách, mà cũng không muốn bỏ trốn. Điều đó chứng tỏ ông ta đã hoàn toàn có lòng thần phục. Nếu Đại vương khai ân thả cho ông ta trở về nước, chắc chắn ông ta sẽ nghĩ đến ân đức của Đại vương mà báo đáp không ngừng.

Ngô Phù Sai gật đầu liên tiếp, nói :

- Như thế cũng được. Vậy hãy bảo Thái Sư chọn ngày lành tháng tốt để thả Việt Vương trở về nước.

Đêm hôm đó, Bá Bì sai người đến ngôi nhà đá báo tin vui cho Câu Tiễn. Câu Tiễn cao hứng cười to liên tiếp và đem tin vui này nói lại cho Phạm Lãi nghe.

Nhưng, Phạm Lãi sau một lúc suy nghĩ, bình tĩnh nói :

- Bẩm Đại vương, xin chớ vui mừng vội. Đại vương đừng bao giờ quên còn có Ngũ Viên là một cửa ải chúng ta chưa vượt qua được đây!

Câu Tiễn nghe thế, lại đổi sự vui mừng thành sự lo âu, cúi đầu buồn bã. Câu Tiễn biết Ngũ Viên là một vị lão thần làm việc qua hai triều của nước Ngô, chính vua Phù Sai cũng do ông ta đưa lên. Rất nhiều vấn đề quan trọng, Ngô Phù Sai đều phải trung cầu ý kiến của ông ta. Ông ta bao giờ cũng đề phòng việc Ngô Phù Sai có thể thả cọp về rừng.

Ngũ Viên hay tin Ngô Phù Sai định thả Câu Tiễn trở về nước thì hết sức hốt hoảng. Ông ta vội vàng vào cung xin gặp Ngô Phù Sai. Qua giọng tha thiết và thành khẩn, ông ta nói :

- Bẩm Đại vương, bệ hạ không thể thả cọp về rừng một cách dễ dàng như vậy! Trảm thảo mà không trừ căn thì mùa xuân tới nó lại mọc lên như cũ. Xưa kia vua Kiệt nhà Hạ bắt giam Thành Thang mà không trừ, vua Trụ nhà Ân bắt giam Châu Văn Vương mà không giết, để về sau họ nổi lên chống lại, đánh bại cả hai triều đình, và vua Kiệt cũng như vua Trụ đều trở thành những ông vua bị mất nước. Hôm nay Đại vương nếu không giết Câu Tiễn, e rằng chuyện cũ của vua Kiệt và vua Trụ sẽ tái diễn trở lại đây ?

Ngô Phù Sai nghe qua, mặc dù ngoài miệng bảo Ngũ Viên là lo lắng thái quá, nhưng trong lòng cũng không khỏi xúc động, bắt đầu có ý nghĩ muốn giết Câu Tiễn. Nhà vua bèn truyền lệnh, cho gọi Việt Vương vào cung gặp mặt, để tiến hành xem xét kỹ lưỡng lại rồi mới quyết định sau.

Đêm hôm đó, Bá Bì lại sai người tâm phúc đến báo tin cho Câu Tiễn hay. Nghe qua, Câu Tiễn không khỏi kinh hoàng thất sắc, bảo lại cho Phạm Lãi biết để tìm cách đối phó, Phạm Lãi khuyên:

- Xin Đại vương đừng sợ. Ngô Vương giam giữ Đại vương đã ba năm rồi. Trong ba năm đó ông ta không giết Đại vương, vậy không thể trong nhất thời lại thay đổi ý kiến giết Đại vương được. Vậy ngày mai này, khi vào triều gặp Ngô Vương, Đại vương nên có thái độ tỏ ra phục tùng một cách chân thành hơn, lời nói phải khiêm tốn, hạ mình hơn, thì bảo đảm Đại vương sẽ không có chuyện gì đáng lo cả.

Câu Tiễn nghe qua tạm thấy yên lòng. Nhưng đêm đó Câu Tiễn không làm sao ngủ được, cứ nơm nớp lo sợ mình sẽ bị Phù Sai giết chết.

Hôm sau, khi trời chưa sáng, thì vua tôi của Câu Tiễn đã đi triều kiến Ngô Vương với một tâm trạng nơm nớp lo âu. Họ đứng chờ trước cửa cung thật lâu, mới thấy thái giám ra bảo:

- Hôm nay Đại vương miễn triều !

Vua tôi Việt Vương liên tiếp ba hôm đến trước cửa cung chờ vào triều kiến, nhưng đều không vào được, đành trở về gian nhà đá của mình. Tới ngày thứ tư, Bá Bì từ trong cung bước ra nói với Câu Tiễn.

- Đại vương của chúng tôi đang ngã bệnh, vậy ông hãy trở về ngôi nhà đá mà chờ lệnh.

Câu Tiễn trở về gian nhà đá, lúc nào cũng lo âu như một tội nhân chờ phán quyết. Phạm Lãi bèn nghĩ ra một kế cho Câu Tiễn. Câu Tiễn nghe qua hết sức bối rối, nhưng Phạm Lãi lại khuyến khích một lần nữa, Câu Tiễn đành phải miễn cưỡng hứa với Phạm Lãi là sẽ tiến hành đúng theo kế hoạch đó. Ngô Vương Phù Sai nằm trong tấm cung, vì suốt mấy ngày qua cảm thấy không được khỏe, ăn gì cũng không biết ngon. Buổi sáng ngày hôm đó khí trời mát mẻ, Bá Bì vào cung vấn an và thăm bệnh, nói :

- Bẩm Đại vương, Câu Tiễn tới để vấn an bệ hạ.

Phù Sai đang bực bội, lắc đầu đáp :

- Ta không tiếp !

Bá Bì lại nói:

- Câu Tiễn bảo ông ta am hiểu y thuật, nên muốn xin vào thăm Đại vương để tỏ chút lòng trung thành.

Ngô phù sai suy nghĩ một chốc, đáp:

- Nếu thế, thì cho ông ta vào.

Bá Bì dẫn Câu Tiễn vào tấm cung. Ngô Phù Sai đang nằm trên long sàng cảm thấy bụng đầy khó chịu và đang muốn đi đại tiện. Thái giám bèn mang thùng tới để nhà vua đại tiện. Câu Tiễn không đi tránh, lên tiếng nói :

- Bẩm Đại vương, tội thần trước đây có được danh y ở Đông Hải chân truyền biết xem màu sắc của phân người bệnh cũng như biết nếm mùi vị của phân người bệnh đoán bệnh tình của bệnh nhân tốt hay xấu.

Ngô Phù Sai hỏi :

- Nhà ngươi thật sự muốn nếm phân của ta ư ?

Câu Tiễn gật đầu. Phù Sai lấy làm kinh ngạc, nghĩ bụng : "Trong trời đất này không chuyện lạ gì mà không xảy ra. Người đời có ai bằng lòng chịu nếm phân của ta như vậy ? Hôm nay, ta cần phải xem thử thái độ thực lòng của ông ta như thế nào !"

Sau khi Ngô Phù Sai tiêu vào thùng xong, Câu Tiễn bèn lấy một cái môi nhỏ múc lên một môi, rồi híp mắt quan sát thật kỹ, sau đó dùng lưỡi nếm phân. Phù Sai và Bá Bì không ngớt nháy mắt ra hiệu,

khuyến khích Câu Tiễn tiếp tục hành động.

Sau khi Câu Tiễn đã ném phân xong, bèn quỳ xuống trước mặt Ngô Phù Sai, nói :

- Xin chúc mừng Đại vương ! Xin chúc mừng Đại vương ! Bệnh tình của Đại vương chỉ trong vòng mười hôm nữa là khỏi hẳn.

Ngô Phù Sai hỏi :

- Tại sao nhà ngươi biết ?

Câu Tiễn đáp :

- Phân người chính là do ngũ cốc sinh ra. Người do ăn ngũ cốc nên có thể bị trăm thứ bệnh. Vậy nếu mỗi vị của phân phù hợp với thời tiết hiện hành thì bệnh nhân sẽ sống. Trái lại, nếu nghịch với thời tiết thì bệnh nhân sẽ chết. Nay phân của bệ hạ trong vị đắng có vị chua, hoàn toàn tương ứng với thời tiết mùa Xuân và mùa Hè. Điều đó cho thấy khí độc trong người bệ hạ đã bài tiết ra ngoài hết rồi, cho nên xin chúc mừng ngự thể của Đại vương sẽ được bình phục trong một thời gian ngắn.

Ngô Phù Sai nghe qua hết sức vui sướng, lên tiếng khen:

- Người làm bề tôi cũng như người làm con, thử hỏi có ai lại dám ném phân của quân phụ như thế này ? Thái Tể, ngài có dám không ?

Bá Bì trả lời thành thực:

- Thần không dám !

Ngô Phù Sai nói :

- Chẳng những khanh không dám, mà e rằng Thái tử của quả nhân cũng không dám! Hôm nay Câu Tiễn dám làm như vậy, đã nói lên lòng trung thành của ông ấy hơn cả mọi người !

Bá Bì gật đầu phụ họa thêm :

- Đúng vậy! Việt Vương trung thành và kính yêu Đại vương hơn cả các thần tử đối với quân vương, hơn cả những người con đối với cha già.

Ngô phù Sai vui vẻ nói :

- Nay Việt Vương, nhà ngươi hãy trở về nghỉ ngơi đi nào ! Chờ khi trầm hết bệnh, trầm sẽ tiễn ngươi trở về nước Việt. Lòng tốt của ngươi, nhất định sẽ được báo đáp.

Câu Tiễn vội vàng dập đầu tạ rồi lui ra. Khi ông ta ra khỏi cửa cung, cảm thấy hết sức buồn nôn, vì trong miệng vẫn còn mùi hôi thối. Ông trừng mắt nhìn Phạm Lãi đang đi bên cạnh, nói :

- Này Phạm Lãi! Kế này của khanh làm cho ta không còn một tí nhân cách nào cả !

Phạm Lãi vội vàng đưa tay ra hiệu, nói :

- Suyt. Hãy cẩn thận, đừng để cho người ta nghe thấy đấy !

Sau mười hôm, quả nhiên bệnh tình của Phù Sai đã khỏi hẳn. Ông ta bèn xuống chiếu chỉ đưa vua tôi Việt Vương trở về nước, và hứa từ nay hai nước sẽ giao hảo lâu dài.

Ngũ Viên nghe nói bèn ra mặt ngăn cản. Phù Sai giận dữ, nói :

- Này Ngũ tướng quốc, tại sao khanh cứ làm trái ý trẫm như thế kia ? Trong khi ta bị bệnh nặng, thì khanh ở đâu ? Câu Tiễn tỏ ra còn yêu quý ta hơn cả con đẻ của ta nữa. Ông ta có thể ném phân của ta, còn khanh thì sao. Khanh đừng bao giờ nói xấu ông ta nữa. Trẫm không nghe đâu ! Không nghe đâu !

4. Cắt Tình Yêu, Dâng Người Đẹp

Một buổi sáng mùa Thu trên bầu trời trong veo, từng bầy nhạn xếp thành hình chữ nhân bay về phía Nam. Vua tôi Việt Vương sau khi rời khỏi thành Côi Tô giống như ba con chim vừa mới sổ lồng, cổ hít lấy hít để bầu không khí tự do. Suốt ba năm bị giam cầm đã làm cho họ cảm thấy quá ngột ngạt.

Phạm Lãi cầm roi tự điều khiển một cỗ xe ngựa thật sang trọng. Bên trong cỗ xe hai vợ chồng Câu Tiễn mình mặc hoàng bào, cùng ngồi sánh vai nhau. Tiếng vó ngựa nện đều trên mặt đường, cỗ xe chạy như bay, thế mà họ còn cho là chậm, chỉ muốn làm thế nào đi một bước thì đến được cố quốc đã xa cách ba năm.

Văn Chung sống tại thành Côi Kê hay tin Việt Vương trở về nước, bèn dẫn bá quan văn võ đi ra xa bốn mươi dặm để nghênh đón. Khi vua tôi gặp nhau, ai ai cũng có cảm giác như gặp lại ở bên kia thế giới. Mọi người nước mắt giàn giụa. Việt Vương cảm động, nói :

- Hôm nay quả nhân còn sống trở về, đều là công lao của Phạm Đại Phu cả.

Phạm Lãi nói :

- Tất cả đều do Đại vương đã kiên tâm trì chí, chịu đựng mọi khó khăn đầy thối. Mong Đại vương đừng bao giờ quên cái khổ sống trong gian nhà đá trong ba năm qua, gắng sức đưa đất nước trở nên giàu mạnh. Được vậy, thì mối thù đối với Ngô Quốc sớm muộn gì cũng sẽ trả được.

Việt Vương sau khi trở về cung, không bao giờ dám nghĩ đến một cuộc sống an nhàn hưởng lạc. Nhà vua luôn giữ đúng theo lời nói của người xưa : “Việc báo thù của người quân tử, dù mười năm cũng chưa phải muộn”. Tất cả mọi việc, Việt Vương đều bắt đầu từ đầu làm lại. Nhà vua cử Phạm Lãi giữ chức Trưởng Quan về mặt quân sự, để lo mở rộng binh lực khổ luyện tinh binh. Nhà vua cũng ủy thác cho Văn Chung lo chủ trì triều chính, lo điều kiện để đất nước tiến lên. Dưới sự phụ tá của hai vị đại thần này, Việt Vương lúc nào cũng chiêu hiền đãi sĩ, kính mến người già, thương yêu con trẻ, lo đầy mạnh sản xuất, cổ xúy sinh đẻ. Nhà vua lúc nào cũng ăn uống giản dị, nằm gai nệm mật, hằng ngày cất cử một người luôn nhắc nhở : “Bớ Câu Tiễn, bộ ông quên cái nhục ở núi Côi Kê rồi hay sao?”.

Phạm Lãi tiến hành sửa chữa thành đô, xây tường cao hơn, đào hào sâu hơn, nhưng cổng thành hướng về phía Tây Bắc thì ông không bao giờ cho đóng lại, cao rao : “Nước Việt vĩnh viễn thần phục nước Ngô, nên không ban giờ dám đóng kín cửa thành, mà mở nó rộng ra để tiện việc tiến công”. Ngô Phù Sai nghe thế, lại càng tin tưởng nước Việt không bao giờ dám phản bội lại mình.

Thời gian tiếp tục trôi qua. Vua tôi nước Việt một lòng một dạ, quân dân luôn luôn nhất trí với nhau, cả nước lo việc sản xuất, lo huấn luyện quân đội, nhân khẩu cũng ngày một đông hơn. Một hôm, nhân lúc họp triều, Câu Tiễn bèn hỏi văn võ bá quan:

- Quả nhân trở về nước đã được bốn năm rồi, bây giờ có thể xua quân phạt Ngô, trả mối thù cũ được

không ?

Phạm Lai bước ra khỏi hàng ngũ, tâu :

- Bẩm Đại vương, dù sốt ruột tới đâu cũng không thể húp nhanh cháo nóng. Việc xua quân phạt Ngô là việc to không thể nôn nóng được. Ngô hiện nay đang dòm ngó Trung Nguyên, muốn tranh đoạt địa vị bá chủ, thế lực của Ngô Quốc rất to, danh tướng Ngũ Viên vẫn còn nắm quyền chỉ huy quân đội. Trời cao vẫn chưa ban cho chúng ta một thời cơ tốt.

Văn Chủng cũng nói :

- Chúng ta phải tìm cách làm hủ hóa nội bộ của kẻ thù, làm tiêu ma ý chí của họ, làm tổn hao tài lực vật lực của họ, rồi chờ đợi một thời cơ thuận tiện ra quân phạt Ngô cũng không muộn.

Câu Tiễn nói :

- Lời nói của hai vị đại phu rất có lý. Quả nhân bằng lòng nghe theo hai vị.

Văn Chủng nói thêm :

- Thần nghe nói chim bay trên trời luôn chết vì miếng ăn ngon. Cá lội dưới nước cũng luôn chết vì miếng mồi béo. Vậy chúng ta có thể dựa vào sở thích của kẻ thù, để khiến chúng tự tiêu hao lấy mình.

Phạm Lãi nói :

- Nghe đâu Ngô Phù Sai đang lo xây cất cung điện mới, để có thể sống một cuộc sống xa xỉ hào hoa, nhưng đã bị Ngũ Viên ngăn cản. Nước chúng ta có rất nhiều gỗ quý, vậy Đại vương có thể phái người vào rừng tìm gỗ to nhất, tốt nhất, đốn về rồi mang đem dâng cho Ngô Phù Sai xây cất cung điện, để làm tiêu hao tài lực cũng như ý chí của ông ta.

Câu Tiễn gật đầu, phái ba trăm tráng đinh khỏe mạnh vào rừng đốn gỗ.

Văn Chủng lại nói :

- Phù Sai rất háo sắc. Riêng nước Việt của chúng ta, núi sông đều đẹp, nhân kiệt địa linh, có rất nhiều mỹ nữ. Đại vương có thể phái người ra sức lùng tìm gái đẹp mang về hiến cho Phù Sai. Như vậy, một mặt có thể biểu lộ lòng trung thành của ta đối với Ngô Vương, mặt khác có thể tạo điều kiện cho Ngô Vương bị đắm chìm trong nữ sắc, tiêu ma ý chí của ông ta. Số mỹ nữ này, không thua chi mười vạn giáp binh cả.

Phạm Lãi cũng nói :

- Ý kiến của Văn đại phu rất hay. Việc này xin trao lại cho thần lo được không ?

Câu Tiễn nói :

- Được. Phạm ái khanh thường đi sâu vào dân gian, chắc là đã biết ở đâu có người đẹp rồi chẳng?

Lúc bấy giờ, Phạm Lãi chỉ muốn gắn cánh để bay ngay đến thôn Trữ La nằm dưới chân núi Trữ La mà trước đây ông có lần đi đến. Ông nhớ lại năm đó mình gặp Tây Thi đang xả tơ bên bờ sông nhỏ. Ông biết Tây Thi rất yêu ông, trong khi đó ông cũng rất yêu Tây Thi. Nếu nước nhà không bị nước Ngô tấn công đột ngột, khiến hai người phải xa cách nhau, thì không biết chừng họ đã trở nên một đôi vợ chồng đầy ân ái rồi. Từ khi ông đi theo Đại vương vào nước Ngô để làm con tin suốt ba năm. Hình bóng Tây Thi lúc nào cũng lảng vảng trong tâm khảm của ông. Nhưng khi nhớ lại vận mạng của tổ quốc đang lâm nguy, cũng như tính mệnh của cá nhân mình không biết sống chết như thế nào, thì ông không còn nghĩ tới chuyện tình yêu trai gái nữa.

Sau khi trở về nước, triều đình đang đứng trước trăm việc ngổn ngang, nên ông cũng không có thời giờ để lo tới chuyện cá nhân của mình. Vì ông là một vị đại thần đứng đầu trong triều đình, vậy trong khi hận thù của đất nước chưa trả, thì làm sao dám nghĩ tới chuyện cá nhân. Hơn nữa, sau nhiều năm xa cách, e rằng Tây Thi đã đi lấy chồng rồi chẳng? Lần này đi chọn người đẹp hình bóng của Tây Thi lại xuất hiện trong tâm khảm của ông. Triết Đông là vùng có nhiều gái đẹp vậy thử đến thôn Trữ La một lần nữa xem sao?

Khi Phạm Lãi một lần nữa có mặt trong nhà của Thi đại gia tại thôn Trữ La, thì Tây Thi vui mừng như phát điên. Riêng Phạm Lãi khi biết Tây Thi vẫn còn độc thân, thì ngạc nhiên đến há hốc cả mồm. Phạm Lãi lên tiếng hỏi Thi đại gia :

- Lệnh ái năm nay có lẽ đã ngoài hai mươi tuổi rồi chẳng? Thế tại sao chưa chọn một tử đệ con nhà lành nào đó để kết hôn?

Thi đại gia thở dài, nói:

- Ôi! Con gái của tôi ấy à. Tánh tình của nó rất cứng rắn, và luôn ngó rất cao. Mỗi khi tôi và má nó nói đến vấn đề hôn nhân, nó đều bảo nước nhà đang gặp hoạn nạn, vậy chuyện hôn nhân của con gái có thể chậm lại một tí cũng không sao. Thế rồi năm này sang năm khác, kéo dài mãi cho tới hôm nay.

Phạm Lãi bèn lên tiếng thăm dò :

- Phải chăng Tây Thi cô nương đang chờ đợi một ý trung nhân nào đó ?.

Thi đại gia đáp :

- Nào ai có biết? Con gái khi trưởng thành thì tâm sự của nó không bao giờ tiết lộ cho những người già như chúng tôi biết đâu!

Phạm Lãi lưu lại thôn Trữ La để đốc thúc các quan viên địa phương đi khắp mọi nơi tìm gái đẹp. Một buổi hoàng hôn, Phạm Lãi một mình tản bộ qua cổng làng và men theo bờ sông.

Bầu trời đang xám xịt và không có một tí gió, tất cả lá cây đều đứng im. Phạm Lãi trông thấy bóng dáng một cô gái đang giặt tơ bên bờ sông. Hình bóng của cô gái này trông rất giống Tây Thi. Phạm Lãi

vội vàng bước nhanh đến thì quả nhiên thấy đó là ý trung nhân của mình. Bồn mắt nhìn nhau đầy vẻ ai oán. Tây Thi vẫn trẻ đẹp như xưa, vẫn không cao không lùn, không mập không gầy, vẫn có hai núm đồng tiền trên đôi má dù không cười vẫn xinh đẹp đến ai nhìn thấy cũng phải say mê.

Phạm Lãi và Tây Thi sánh vai ngồi dưới gốc cây trên bờ sông. Màn trời đêm từ từ bao phủ lấy họ. Phạm Lãi biết mình đã làm cho Tây Thi phải chờ đợi, lỡ làng năm tháng, nên trong lòng rất ái ngại nói:

- Nay Tây Thi cô nương, tôi thực có lỗi với cô.

Tây Thi gượng cười, đáp :

- Điều đó không thể trách chàng được, mà chỉ nên trách Ngô Phù Sai hung bạo kia, chỉ nên trách số mạng của em đây quá khổ. Tuy nhiên, trời già luôn có mắt, em... em đã chờ đợi chàng và chàng cũng đã trở về. Anh nào có biết, giữa đêm khuya trước kia khi anh lên ngựa đi, thì không giờ phút nào em lại không nhớ đến anh. Em lo khi anh ra chiến trường đao kiếm của giặc có thể làm hại anh. Em sợ anh đi làm con tin ở nước Ngô, Phù Sai có thể giết anh. Đã biết bao nhiêu lần em quỳ dưới đất khăn vái trời xanh, xin thần linh phò hộ cho anh được bình an vô sự. Em nghe nói anh và Đại vương được bình yên trở về nước, cảm thấy vui mừng như điên. Em đã nhiều lần muốn tìm đến kinh thành để gặp anh, nhưng nghĩ rằng mối thù của đất nước đến nay chưa trả, hằng ngày anh phải lo liệu giải quyết không biết bao nhiêu công việc của triều đình. Cho nên dù em mong nhớ anh, nhưng không muốn đi quấy rầy anh. Em... em lúc nào cũng tưởng nhớ đến anh và tin rằng anh không bao giờ quên em cả. Anh nhất định sẽ trở lại.

Tây Thi càng nói càng xúc động, hai dòng nước mắt chảy dài trên đôi má như hai dòng suối nhỏ.

Phạm Lãi vô cùng cảm động, cầm lấy hai cánh tay của Tây Thi, nói :

- Xem này, chẳng phải anh anh đã đến đây rồi hay sao ?

Hai người ôm chặt lấy nhau và hôn nhau rất âu yếm. Trong lòng họ đều nghĩ : Nếu trên đời này không có chiến tranh, không có hận thù giết chóc, để cho tất cả những cặp tình nhân đều được yêu thương nhau một cách tự do, thì hay biết chừng nào ?

Một trận gió mát thổi đến, làm cho lồng ngực vốn nóng ran của hai người cảm thấy dễ chịu. Tây Thi từ trong tình cảm gái trai đậm đà dần dần tỉnh táo trở lại, bình tĩnh nói :

- Em biết rồi. Lần này anh đến đây là có sứ mạng riêng. Anh đến đây để tuyển chọn mỹ nữ chứ không phải đi tìm vợ. E rằng sau mấy năm đợi chờ giữa chúng ta, chỉ là một sự đợi chờ vô ích ! Em đã suy nghĩ kỹ, không chờ anh mở miệng nói trước không tạo khó khăn cho anh, em bằng lòng là người đầu tiên giúp anh hoàn thành sứ mệnh.

Phạm Lãi cảm thấy hơi bất ngờ, nói :

- Có phải em bảo, em sẵn sàng đi sang Ngô Quốc chẳng ?

Tây Thi trả lời một cách kiên quyết :

- Phải ! Chuyện riêng của hai ta nếu so với mối thù của nước nhà thì bé nhỏ hơn nhiều. Không phải em tự khoe khoang chứ với nhan sắc của em đây, nhất định Ngô Phù Sai sẽ mê mết. Em tin em có thể sánh bằng mười vạn giáp sĩ. Vậy, chỉ cần trong lòng anh vẫn giữ hình ảnh của em, thì em sẽ cam tâm tình nguyện đi cứu nước bằng sắc đẹp của một người con gái !

Lúc bấy giờ trong lòng của Phạm Lãi như mặt sông đang nổi gió, cuộn cuộn bao nhiêu đợt sóng to. Người ta bảo tình yêu bao giờ cũng ích kỷ, trong đời có ai bằng lòng đem người yêu của mình hiến dâng cho người khác bao giờ. Phạm Lãi muốn cưới ngay Tây Thi, rồi chọn một mỹ nữ khác để hiến dâng cho Ngô Vương. Nhưng, có cô gái nào đẹp hơn Tây Thi được ? Người bạn gái của Tây Thi là Trịnh Đán tuy cũng là một cô gái đẹp nhưng nếu so với Tây Thi thì hãy còn thua xa. Tây Thi chẳng những đẹp về ngoại hình, mà còn đẹp về tâm linh. Với một cô gái đẹp và yêu nước như Tây Thi, mà đưa sang Ngô Quốc để mở rộng mặt trận mới thì sức mạnh đó quả không thể nào tiên liệu được. Nó có thể còn hơn cả một đạo quân mười vạn giáp binh. Phạm Lãi cũng giống như Tây Thi : vừa yêu người yêu của mình, nhưng lại càng yêu tổ quốc hơn. Do vậy, Phạm Lãi cô chịu đau, nói :

- Nay Tây Thi cô nương, mong cô cố chịu thiệt thòi cho đất nước còn nhiều hoạn nạn của chúng ta. Hãy... hãy chờ đợi anh thêm mấy năm nữa !

Tây Thi ghen ngào đáp :

- Em... em sẽ chờ ! Em sẽ chờ ? Nhưng e rằng đến ngày trả thù xong cho nước, thì anh... anh chê em đã nhụy rữa hoa tàn !

- Anh không bao giờ ! Anh không bao giờ ! - Phạm Lãi to tiếng nói rõ lòng mình - Anh có thể thề với trời đất : anh sẽ vĩnh viễn yêu em tận đáy lòng ! Hai ta sẽ cùng gắng sức trên một chiến trường chung ! Anh tin tưởng rằng, rồi đây chúng mình sẽ có ngày sống chung nhau một cách vui vẻ, và không bao giờ chia tay nhau nữa !

Công việc chọn lựa mỹ nữ được Phạm Lãi triển khai khắp toàn quốc. Qua nhiều lớp tuyển lựa, cả nước chọn được hai mươi mỹ nữ. Nhưng chọn tới chọn lui cũng không ai hơn được Tây Thi. Thế là Tây Thi được xếp số một. Trịnh Đán xếp số hai. Câu Tiễn truyền lệnh cho họ vào yết kiến, cũng không ngớt khen ngợi sắc đẹp của các cô gái vừa chọn được. Nhà vua bèn ra lệnh cho nhạc sư cung đình dạy các mỹ nữ múa hát, rồi mới để cho Phạm Lãi dẫn đi hiến cho Ngô Quốc.

Phù Sai vừa trông thấy Tây Thi, Trịnh Đán, tưởng đâu họ là những tiên nữ giáng phàm. Đôi mắt của ông ta dán chặt vào thân người của các mỹ nhân, giống như bị keo dán, không sao dời đi được. Ngô Phù Sai bèn xuống lệnh đưa vào hậu cung và ban thưởng cho Phạm Lãi.

Lúc đó Ngũ Viên cũng có mặt, liền lên tiếng can ngăn :

- Tâu Đại vương, thần nghe nói, nhà Hạ bị mất nước là do Muội Hi. Nhà Ân mất nước là do Đắc Kỷ, nhà Châu mất nước là do Bạo Tự. Mỹ nữ chính là những cô gái đẹp dẫn đến tai họa mất nước. Vậy

ngài không thể tuyên họ đưa vào cung được !

Ngô Phù Sai đang cao hứng, nên đâu chịu nghe theo lời khuyên can của Ngũ Viên. Nhà vua đã dẫn chứng những chuyện trong sách sử, nói :

- Khổng Tử từng nói : Ăn, uống, nam, nữ, đó là những điều ham muốn lớn của con người. Háo sắc là thiên tính của đàn ông ! Ta là một quốc vương, hậu cung đang có hàng nghìn người đẹp, vậy thêm hai cô gái đẹp nữa thì có can gì ? Khanh đừng nói những lời nói xúi quẩy như vậy ! Chả lẽ quả nhân đây là phường hôn quân vô đạo hay sao. Hơn nữa, Câu Tiễn được những cô gái đẹp này mà không dùng, lại sai người mang sang đây hiến cho quả nhân. Qua đó đủ thấy tấm lòng trung thành của ông ta rồi. Nay lão tướng quốc, xin khanh đừng can dự vào những chuyện vu vơ như thế này nữa.

5. Phò Ngô Phục Thù

Tây Thi và Trịnh Đán sau khi vào cung nhà Ngô liền được Ngô Phù Sai đặc biệt sủng ái. Trịnh Đán chẳng bao lâu bệnh chết, Tây Thi trở thành người đẹp duy nhất được Ngô Phù Sai yêu thương. Ngô Phù Sai đã trở thành tên tù binh của Tây Thi. Suốt ngày cùng ăn uống vui chơi với nàng, không màng chi việc triều chính, cũng không màng đến đông đảo cung phi ở hậu cung. Nhưng thấy thế, Tây Thi bèn làm mặt giận, nói với Ngô Phù Sai:

- Tâu Đại vương, ngài là một vị quân vương anh minh kia mà, vậy tại sao bằng lòng tiêu ma ý chí trong phần son mỹ nữ ? Ngày nay thiên hạ vẫn chưa thái bình, dù nước Việt đã thực tâm thần phục, nhưng ở phía Bắc còn nước Lỗ, nước Tề, ở phía Tây vẫn còn nước Sở, nước Tấn. Vậy tại sao Đại vương không đi tranh bá với họ, học theo tấm gương của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công trong lịch sử, để lưu lại tiếng thơm nghìn đời ?

Ngô Phù Sai nghe qua lời nói này của Tây Thi, không khỏi nhìn nàng với đôi mắt khác hơn. Nhà vua cảm thấy Tây Thi chẳng phải là một cô gái tóc dài nhưng kiến thức ngẩn, chỉ biết tranh giành sự sủng ái. Trái lại, nàng là một mỹ nhân có đầu óc chính trị. Cho nên từ đó, nhà vua lại càng sủng ái Tây Thi hơn, lúc nào cũng nghe theo lời khuyên của nàng, phát động mấy triệu dân phu cho đào một con kinh nối liền giữa sông Trường Giang với Hoàng Hà. Phù Sai ngồi chiến thuyền theo con kinh tiến lên phía Bắc, trước sau đã đánh nhau nhiều trận với nước Lỗ và nước Tề, trận nào cũng đắc thắng.

Hai năm sau đó, tướng quốc của nước Ngô là Ngũ Viên nghe tin nước Việt lúc nào cũng đẩy mạnh việc xây dựng quốc gia, để tiến lên con đường nước giàu dân mạnh, tích cực chuẩn bị chiến tranh, trong khi Phù Sai thì không nghe theo lời khuyên ngăn của mình. Do vậy, ông đoán biết nước Ngô sớm muộn gì cũng mất, nên trong chuyến phụng mệnh đi sứ nước Tề, đã đem người con trai là Ngũ Phong gửi lại nhà của quan Đại phu nước Tề là Bào Túc. Việc này bị Ngô Phù Sai biết, lại bị Bá Bử gièm pha, khiến nhà vua rất giận, buộc tội Ngũ Viên tư thông với ngoại quốc để mưu đồ bất chính, buộc Ngũ Viên phải tự sát. Trước khi chết, Ngũ Viên trời lại rằng : Hãy đem đầu tôi treo lên thành lầu phía Nam, để tôi được tận mắt chứng kiến quân Việt đánh vào thành.

Ngũ Viên là danh tướng của nước Ngô. Cái chết của Ngũ Viên chính là Phù Sai tự chặt bỏ một cánh tay đắc lực của mình. Vua tôi nước Việt hay tin lấy làm mừng rỡ, nhân dịp Ngô phù Sai đi tận Trung Nguyên để dự cuộc hội họp Hoàng Trì, cùng tranh giành địa vị minh chủ với nước Tấn, Phạm Lãi bèn chỉ huy đại quân đánh lén vào nước Ngô. Thái tử nước Ngô là Hữu ở lại giữ thành, xua quân nghênh chiến. Nhưng, ông ta bị Phạm Lãi đánh bại và đã chết giữa trận mạc. Phù Sai nhận được hung tin, tức tốc kéo quân trở về và hồi hã ứng chiến, nhưng lại bị quân Việt đánh cho đại bại.

Đến chừng đó, Phù Sai hối hận không nghe theo lời khuyên của người đại trung thần là Ngũ Viên, và đã giết oan ông ta. Nhưng không còn cách nào khác hơn nữa, Phù Sai ra lệnh cho Bá Bử mang nhiều tiền tài bảo vật đến quân Việt để cầu hòa. Câu Tiễn không thể quyết định dứt khoát. Phạm Lãi nói :

- Theo thần thì tạm thời nên cho họ cầu hòa.

Câu Tiễn hỏi :

- Tại sao không đánh thẳng vào thành Cô Tô ?

Phạm Lãi đáp :

- Quân lực của Ngô Quốc rất hùng hậu, ta không thể tiêu diệt họ một cách dễ dàng. Nếu tiếp tục đánh thì đôi bên đều bị tổn thất nặng, vậy chi bằng ta nên rút quân, chờ đợi cơ hội tốt hơn sẽ liệu.

Câu Tiễn bèn nghe theo ý kiến của Phạm Lãi, bằng lòng để cho Ngô Quốc cầu hòa, và xem đó là một sự trả thù của mình.

Sau khi hai nước nghị hòa, Phù Sai vẫn tiếp tục đam mê sắc đẹp, không màng tới việc triều chính. Ông ta còn cho xây dựng thêm cung điện, và đã xây dựng riêng cho Tây Thi một tòa cung điện hết sức hào hoa, sang trọng, tốn nhiều sức người sức của, khiến quốc khố của nước Ngô bị trống rỗng. Cùng lúc đó, nước Ngô lại liên tiếp nhiều năm gặp thiên tai như lụt lội hạn hán, bá tánh không sống được, tiếng than oán đầy đường. Câu Tiễn biết được tin tức đó, lại tìm Phạm Lãi vào cung để bàn bạc. Phạm Lãi nói :

- Cơ hội đã đến rồi, vậy xin Đại vương dốc hết binh lực toàn quốc, tiến đánh nước Ngô để tiêu diệt họ.

Tháng ba năm công nguyên 476, Việt Vương sai Phạm Lãi chỉ huy hữu quân, sai Văn Chung chỉ huy tả quân, còn mình thì chỉ huy trung quân, giương cờ giống trống tiến quân vào nước Ngô. Trước khi xuất binh, phạm Lãi đã đại diện cho Việt Vương tuyên cáo với tướng sĩ:

- Ai hai cha con cùng đi lính, thì cha được trở về nhà. Ai hai anh em cùng đi lính, thì anh được trở về nhà. Ai còn cha mẹ già nhưng là con một, cũng được trở về nhà.

Qua lời tuyên bố trên, các tướng sĩ đều hết sức cảm kích. Những người đáng lý được trở về nhà cũng không bằng lòng về nhà nữa. Mọi người đều đồng tâm sẵn sàng tiến lên diệt địch, để trả mối thù cho đất nước trước kia.

Sau khi đại quân của nước Việt tiến vào lãnh thổ của nước Ngô, Phù Sai vội vàng phái binh ứng chiến. Nhưng qua ba trận đánh đều bị bại cả ba, thương vong nặng nề, buộc phải rút lui vào thành cố thủ. Quân Việt thừa thắng tiến tới bao vây kín thành Cô Tô, dù nước cũng không chảy lọt. Phù Sai không còn biện pháp nào, sai Bá Bì một lần nữa đến doanh trại của quân Việt để cầu hòa. Bá Bì lấy cơ mình bị bệnh không đi. Phù Sai bèn phái Dương Tôn Lạc đi làm sứ thần để cầu hòa. Vương Tôn Lạc gặp Việt Vương, nói:

- Vua nước tôi trước đây có thể giết chết Đại vương tại Cối Kê, có thể tiêu diệt được quốc gia của ngài, nhưng vì lòng nhân nghĩa nên đã cho phép hai nước được nghị hòa. Nay tôi hy vọng Đại vương bái sát đi, bái quy lại, cho phép nước chúng tôi được cầu hòa. Chúng tôi sẽ mang nhiều vàng bạc,

của cải và mỹ nữ dâng cho Đại vương.

Câu Tiễn nghĩ đến cái ơn trước đây Phù Sai không giết mình, nên đã xiêu lòng, muốn cho phép nước Ngô được cầu hòa. Nhưng Phạm Lãi vội vàng can ngăn :

- Không thể được ! Không thể được ! Đại vương đã chuẩn bị mười năm, đã học được bài học mười năm trước, từng nằm gai nếm mật, từng trải qua bao nhiêu gian khổ mới có ngày nay, vậy tuyệt đối không thể bắt chước theo người đời, lấy nhân nghĩa để giải quyết chuyện nước mà phải chịu thiệt thòi hồi hận về sau.

Câu Tiễn nghe qua, bèn dứt khoát không cho phép Ngô Vương xin cầu hòa.

Phù Sai cầu hòa bất thành, trong khi những người thân cũng như những đại thần đều xa lánh. Ngay như Bá Bì là một người được nhà vua sủng tín, thế mà cũng trốn ra ngoài thành xin đầu hàng với quân Việt. Như vậy, trận giặc này làm sao tiếp tục đánh nữa ? Quá cùng đường, Phù Sai đành tuốt gươm tự sát. Trước khi chết, ông ta cho người lấy ba lớp vải bịt kín mắt mình lại, bảo là để sau khi chết, không thể nhìn thấy người đại tướng trung thành là Ngũ Viên ở dưới chín suối.

6. Mạnh Dạn Tự Rút Lui

Câu Tiễn tiêu diệt được nước Ngô, vui vẻ trở về nước không biết bao nhiêu là chiến lợi phẩm. Ông ta ngày nào cũng đắm chìm trong niềm vui thắng lợi, chưa nghĩ tới việc phong thưởng cho các công thần, thì đã vội phái người đi khắp nơi để tìm Tây Thi. Có người trở về báo. - Tây Thi đã chết trong loạn quân rồi.

Cũng có người báo :

- Tây Thi đã bị hoàng hậu nhận nước chết rồi, vì sợ Tây Thi sẽ làm cho Đại vương đam mê.

Câu Tiễn nghe xong, cảm thấy tiếc uổng.

Một hôm, Phạm Lãi vào cung ra mắt Câu Tiễn, xin cho mình rút lui về làm ẩn sĩ. Ông nói :

- Trong sách cổ có nói, chúa bị nhục thì bề tôi phải chết. Trước đây Đại vương bị nhục tại Cối Kê, nhưng thần không chết, là muốn giữ lại cái mạng của mình để tìm cách báo thù cho Đại vương. Nay Ngô Quốc đã bị tiêu diệt, Phù Sai đã chết, nếu Đại vương tha tội chết cho thần, và bằng lòng để cho thần trở về giang hồ quy ẩn, sống một cuộc đời nhàn tản như mây bay trên trời, như con hạc tự do ngoài đồng nội, thì không còn chi vui sướng hơn.

Câu Tiễn cảm thấy hơi bất ngờ, cố tìm lời khuyên ngăn để giữ Phạm Lãi ở lại, nhưng Phạm Lãi đã kiên quyết ra đi. Câu Tiễn nói :

- Này Phạm ái khanh, khanh là đại công thần số một đã giúp cho quả nhân trả được mối thù. Hôm nay quả nhân định tưởng thưởng xứng đáng cho khanh, thế tại sao khanh lại bỏ quả nhân ra đi ? Nếu khanh chịu ở lại, thì quả nhân bằng lòng cùng hưởng vinh hoa phú quý với khanh, trái lại, nếu khanh nhất quyết ra đi thì quả nhân sẽ giết chết cả nhà của khanh. Vậy, chọn con đường nào, khanh nên suy nghĩ cho kỹ !

Phạm Lãi ung dung đáp:

- Chết sống đều có số mệnh, phú quý là do trời. Mọi việc đều do Đại vương quyết định, còn vi thần thì nhất định ra đi.

Vào một đêm tối nọ, Phạm Lãi đã mất tích một cách khó hiểu. Qua ngày hôm sau, Câu Tiễn phái người đi tìm nhưng không tìm được Phạm Lãi, trong lòng cảm thấy không vui, bèn nói với Văn Chủng :

- Có thể tìm được Phạm Lãi trở về hay không ?

Văn chủng đáp :

- Ai có chí nấy, không thể miễn cưỡng được. Theo thần hiểu rõ Phạm đại phu từ lâu, một khi ông ấy quyết định chuyện gì thì dù có mười con bò cũng không thể kéo trở lại được. Nay đại sự đã thành công, ông ấy muốn rút lui không làm quan, vậy xin Đại vương hãy chấp nhận ý muốn thanh cao đó của ông ấy là hơn.

Câu Tiễn thờ dài thườn thượt, sai người dùng vàng đúc một pho tượng Phạm Lãi dựng tại triều đình để kỷ niệm dài lâu.

Riêng Văn Chủng cũng nhận được một bức thư của Phạm Lãi sau khi ông đã bỏ đi. Trong thư nói : “Sau khi cáo cây đã chết, thì chó săn cũng bị giết theo. Khi nước địch đã bị đánh bại, thì mưu thần cũng sẽ bị tiêu diệt. Việt Vương là người có cô cao, miệng nhọn, chỉ có thể cùng chịu hoạn nạn, chứ không thể cùng hưởng phú quý. Nếu ngài không bỏ đi thì chắc chắn sẽ gặp tai hoạ”.

Văn Chủng cho rằng bức thư đã nói quá sự thật, ông tin Câu tiễn không bao giờ giết chết một công thần như ông. Nhưng, sau đó không lâu, Câu Tiễn do sợ Văn Chủng là người có công to, sẽ uy hiếp đến địa vị của nhà vua, nên đã tìm cách buộc Văn Chủng phải tự sát. Trước khi chết Văn Chủng tỏ ra hối hận, do trước đây mình không nghe theo lời khuyên trung thực của Phạm Lãi, nên mới bị chết oan ức như thế này.

Riêng Phạm Lãi đã bỏ đi đâu ? Trong đêm Phạm Lãi ra đi, ông lái đò trên Thái Hồ trông thấy một mỹ nhân tuyệt thế xuất hiện trong khoang thuyền của mình. Người mỹ nhân đó chính là Tây Thi, là một công thần tiêu diệt nhà Ngô mà tiếng tăm trong đời ai ai cũng biết.

Phạm Lãi đã dẫn Tây Thi theo đường Thái Hồ vào biển Đông, để đến nước Tề, đổi tên là Xi Di Tử Tịch, và làm thương nhân. Ông kinh doanh có phương pháp, chỉ lấy lời nhẹ nhưng bán được hàng nhiều, lại biết kính trọng mọi khách hàng, dù cho đó là một cậu bé hay một cụ già đã lắm cảm, nên đã nhanh chóng đã trở thành cự phú. Vua Tề nghe tin, bèn phái người mang ấn Tề Tướng đến mời ông ra làm quan cho nước Tề. Phạm Lãi liền đem gia sản phân chia cho người nghèo trong vùng, rồi treo quả ấn lên tại chỗ, ra đi đến đất Đào để định cư, lấy biệt hiệu là Đào Chu Công. Ông lại làm thương nhân và lại trở thành cự phú. Ông còn chuyên tâm viết một quyển sách có tựa là “Kỹ thuật để làm giàu”, lưu truyền lại cho thiên hạ. Nghe đâu những thành tựu của ông, là nhờ có sự hiệp lực của Tây Thi, người vợ hiền của ông và cũng là một đại mỹ nhân thời bấy giờ !

III. Tôn Tần - Một Nhà Mưu Lược Quân Sự Nhấn Nhục Bất Khuất

Tôn Tần là nhà quân sự lớn của nước Tề thời Chiến Quốc. Ông là hậu duệ của Tôn Võ, một nhà quân sự lớn khác. Trước đây đôi với tác giả bộ sách Tôn Tử Binh Pháp! nổi tiếng, mọi người không hiểu rõ nó là tác phẩm của Tôn Võ hay là của Tôn Tần (có người cho rằng đây là tác phẩm hợp tác giữa hai người). Mãi đến thập niên bảy mươi của thế kỷ này, ngành khảo cổ học đào được những thẻ tre của bộ “Tôn Tần Binh Pháp”, mới chứng minh được hai người ai có tác phẩm riêng nấy. Hai bộ binh thư trên đều là sản phẩm của lý luận và kinh nghiệm thực tiễn kết hợp với nhau. Mỗi bộ đều có chỗ hay riêng của nó, đều là di sản quý báu về quân sự của Trung Quốc, luôn được các nhà quân sự cao cấp và các học giả của các nước trọng thị, nghiên cứu và vận dụng.

1. Kết Nghĩa Kim Lang

Thời Đông Châu tại Dương Thành có một sơn cốc (khe núi). Do núi cao khe sâu, rừng rậm nước nhiều, suốt ngày khói mây bao phủ, đâu đâu cũng nghe có tiếng chim hót vượn kêu, lại do nó cách xa thành thị, rất ít người lui tới, trùm kín một bầu không khí thần bí, nên người ta đặt tên nó là Quỷ Cốc. Trong sơn cốc này có một lão tiên sinh, râu tóc bạc phơ, nhưng da dẻ hồng hào, tài học cao sâu, được mọi người gọi là Quỷ Cốc Tử.

Quỷ Cốc Tử đi vân du khắp trong thiên hạ, không muốn ra làm quan. Khi tới sơn cốc này, ông thấy cảnh trí u tịch, xinh đẹp hấp dẫn, bèn đốn cây làm nhà, rồi sống luôn tại đây, chuyên tâm lo dạy môn đồ để bồi dưỡng nhân tài hữu dụng cho xã hội. Trong số học sinh có Tô Tần, Trương Nghi, Tôn Tần, Bàn Quyên, đều là những nhân vật nổi danh trong lịch sử. Đúng là thầy giỏi thì có môn đồ tài ba.

Vào buổi chiều của một mùa Hè, ánh thái dương chênh chếch đang soi sáng khắp cả vùng sơn cốc. Trên núi cũng như dưới núi cây cỏ xanh um, trăm hoa đua nở. Trên con đường dốc tại đây có hai người đàn ông tuổi chừng ba mươi đang từ trên đi xuống. Trên vai của mỗi người đều có gánh một cặp thùng còn trống không, đi về hướng bờ suối nằm trên sườn núi. Một luồng gió nhẹ lùa qua khuôn mặt đang đầm đìa mồ hôi của họ, làm cả hai đều cảm thấy rất phấn chấn. Người đi trước có làn da trắng trẻo, hơi gầy, quay về người da ngăm đen, râu quai nón, thân hình cao lớn hơn đang đi ở phía sau, nói :

- Này Bàn Quyên, hãy đi nhanh lên một tí nào, cậu đang suy nghĩ gì thế ?

Bàn Quyên đáp :

- Tôi theo kịp anh ngay ! Tôi theo kịp anh ngay ! Này Tôn Tần, chân anh ngắn hơn chân tôi, thì tại sao anh lại đi nhanh hơn tôi như vậy ?

Tôn Tần tươi cười, hỏi ngược lại :

- Thế chân anh dài hơn chân tôi, vậy tại sao anh lại đi không kịp tôi vậy ?

Bàn Quyên hít mạnh vào một hơi, nói :

- Này, chúng ta đến đây học hỏi đã ba năm rồi, hiện giờ tôi muốn hạ sơn để đi tìm công danh phú quý.

Tôn Tần nói :

- Gấp chi chuyện đó ? Sự phụ còn rất nhiều tài năng mà chúng ta vẫn chưa học được kia mà.

- Chuyện học mệnh mông như biển, biết đâu là bờ bến, vậy học bao giờ mới hết được ? - Bàn Quyên có vẻ rất đặc ý, ngược mặt lên cao nói tiếp - tôi đã học xong binh pháp, chuyên nghiên cứu về cách

đánh địch để thủ thắng, tấn công chiếm lĩnh thành trì và đất đai. Như vậy cũng đủ cho tôi trở thành một tướng quân, một vị nguyên soái chỉ huy mấy mươi vạn binh mã rồi.

Hai người đã đi tới bờ suối, ai nấy đều múc đầy hai thùng nước suối trong, rồi cùng gánh lên vai đi trở về. Vì đường trở về là đường lên dốc, trên vai lại có hai thùng nước rất nặng, nên họ không còn đi thoải mái như lúc từ trên đi xuống nữa. Chiếc áo dài của hai người đã ướt đẫm mồ hôi, hơi thở hổn hển. Tôn Tần nói :

- Chúng ta hãy để xuống nghỉ một chốc đi nào !

Bàng Quyên nghe thế, liền để gánh nước xuống, rồi tới một gốc cây tòng cổ thụ ngồi bẹp lên mặt đất, nói :

- Đói bụng rồi, vậy chúng ta hãy đi tìm hái quả rừng ăn trước đã.

Tôn Tần cũng đặt gánh nước xuống đất, nói:

- Anh hãy ngồi nghỉ đi, tôi biết trèo cây, vậy để tôi đi hái quả.

Trong Quý Cốc đâu đâu cũng có rất nhiều cây rừng có quả ăn được. Mùa này lại là mùa trái cây chín, nên Tôn Tần nhanh nhẹn trèo lên cây chọn hái những quả ngon. Ông dùng vạt áo dài của mình để bọc đầy những quả đào, quả hạnh chín đỏ, đi tuột xuống, vui vẻ đi tới trước mặt Bàng Quyên, đổ ào lên mặt đá bao nhiêu là trái cây đã hái được. Đây là những quả đào quả hạnh chín mọng. Chúng lăn lông lốc trên mặt đá sạch. Bàng Quyên nhìn thấy đã thèm rỏ dãi, chụp ngay quả đào to nhất đưa lên miệng.

- Khoan đã ? - Tôn Tần ra hiệu ngăn lại không cho Bàng Quyên ăn.

- Thế nào ? Bộ anh tiếc rẻ những trái cây này, không muốn cho tôi ăn hay sao ?

- Không phải tiếc rẻ, mà chúng ta nên chọn những quả to nhất mang về dâng lên cho sư phụ.

Bàng Quyên bĩu môi, có ý không tán thành, nói :

- Những trái cây rừng này cũng không phải là vật chi quý, vậy cần chi phải làm thế ?

Tôn Tần nói :

- Sao lại nói như vậy ? Sư phụ là sư phụ. Một ngày là thầy của chúng ta, thì phải được xem là cha của chúng ta suốt đời. Kẻ làm đệ tử bất luận làm chuyện chi, trong lòng bao giờ cũng phải nhớ tới sư phụ.

- Như vậy...

Bàng Quyên tuy bề ngoài có vẻ đồng tình, nhưng trong lòng thì chưa tâm phục. Ông ta không cần quả đào đã đưa lên sát môi mà đặt nó trở xuống.

Tôn Tần chọn năm quả đào và năm quả hạnh to nhất để lại xong, hai người mới bắt đầu ăn ngấu

nghiên. Chờ khi ăn quả đên no, họ lại cùng gánh hai gánh nước lên đường trở về. Tôn Tản đi trước, chẳng mấy chốc đã bỏ rơi Bàn Quyên ở lại phía sau thật xa. Ông quay đầu ngó lại, nói :

- Này Bàn Quyên, đi nhanh lên một tí nào !

Bàn Quyên có thân hình to béo, bình thường chỉ biết lo học hành, thiếu vận động cơ thể, nên thể lực không được dẻo dai như Tôn Tản. Ông ta lên tiếng đáp :

- Ôi chao! Gánh nước này nặng quá. Vậy để tôi đổ bớt nước ra được không ?

- Không nên ! Không nên ! - Tôn Tản vội vàng để gánh nước xuống, nói tiếp : Anh hãy nghỉ tại chỗ đi, để tôi gánh thay cho.

Nói dứt lời, Tôn Tản quay trở lại gánh giúp gánh nước cho Bàn Quyên, để ông ta đi không theo phía sau. Cả hai đi được một đoạn đường, Tôn Tản mới trao gánh nước lại cho Bàn Quyên. Bàn Quyên cảm động nói :

- Này bạn, anh đúng là người lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ cho người khác, để lấy đó làm niềm vui.

Với phương pháp gánh thay từng đoạn đường như trên. Tôn Tản đã trở đi trở lại ba lần gánh giúp cho Bàn Quyên qua một đoạn đường lên dốc khá xa. Khi họ đi hết đoạn đường dốc, và lên đến một khu vực tương đối bằng phẳng, thì cách chỗ ở không còn xa nữa. Bàn Quyên bỗng nói:

- Tôn Tản, anh thật tốt. Tục ngữ có câu, ở nhà nhờ cha mẹ, ra ngoài nhờ bạn bè. Theo tôi, chúng mình nên kết nghĩa làm anh em khác họ, vậy anh bằng lòng không ?

- Tốt lắm !

Tôn Tản đồng ý ngay, thế là hai người bẻ nhánh cây làm cây nhang, lấy trái cây rừng làm lễ vật để cúng, rồi quỳ xuống đất ngó lên trời cao, cùng lạy tám lạy. Xong, họ cùng to tiếng thề :

- Có trời cao chứng giám, chúng tôi là Tôn Tản và Bàn Quyên, hôm nay bằng lòng kết nghĩa làm anh em khác họ. Tôn Tản lớn hơn một tuổi nên làm anh, Bàn Quyên nhỏ hơn một tuổi nên làm em. Từ nay về sau, chúng tôi có phước cùng hưởng, có khó khăn cùng chịu, đôi bên giúp đỡ lẫn nhau, nắm tay cùng tiến bước lên con đường đời. Ai làm trái thì sẽ bị trời đánh, lửa thiêu, chết không tốt lành.

- Ô! Hai người làm gì ở đây vậy ?

Bỗng có một giọng nói to từ sau lưng vọng đến. Hai người quay sang mặt nhìn, thầy Quỷ Cốc Tử, sư phụ của họ, râu tóc bạc phơ, tay chỏm gậy đầu rồng từ xa bước tới. Tôn Tản vội vàng cúi mình thi lễ, rồi nói rõ sự thật cho sư phụ nghe :

- Kính bẩm sư phụ, đệ tử Tôn Tản cùng với Bàn Quyên đi xuống núi để gánh nước trở về, trong khi tạm nghỉ, chúng con cùng lạy trời đất kết nghĩa làm anh em khác họ.

Quý Cốc Tử đưa bàn tay phải lên vuốt nhẹ hàm râu bạc, tươi cười nói :

- Tốt lắm ! Tục ngữ bảo một sợi tơ thì không thành chỉ, một cây độc mộc thì không thành rừng kia mà.

- Thừa sư phụ, xin mời sư phụ dùng trái cây.

Bàng Quyên vội vàng lấy những quả đào, quả hạnh to dâng lên cho thầy. Quý Cốc Tử ngồi xuống mặt đá, vui vẻ ăn một quả đào, cảm thấy nó vừa ngọt vừa giòn, nên lên tiếng khen :

- Đào rất ngon ? Đào rất ngon !

Bàng Quyên nhìn thấy sư phụ vui vẻ, bèn lên tiếng khen ngợi tư cách cao thượng của Tôn Tản. Vì trong đời sống hằng ngày cũng như trong vấn đề học hỏi, lúc nào Tôn Tản cũng chiếu cố tới mình. Bàng Quyên khen đến nỗi Tôn Tản cảm thấy áy náy. Quý Cốc Tử nói :

- Này Bàng Quyên, hai người vừa là bạn học, lại vừa là anh em kết nghĩa, vậy từ nay về sau cần phải học hỏi nhiều với Tôn Tản đây nhé !

Bàng Quyên gật đầu liên tiếp, đáp :

- Đệ tử xin nghe theo lời dạy của sư phụ.

Về sau, Tôn Tản và Bàng Quyên quả nhiên đã trở thành đôi bạn thân mật, luôn chiếu cố giúp đỡ lẫn nhau. Một hôm, người bạn thân của Quý Cốc Tử là Mặc Tử, dẫn Cẩm Hoạt, một môn đồ của mình đến Quý Cốc Tử. Hai người bạn thân đã lâu mới gặp nhau, cùng ngồi uống rượu và luận đàm đến những đại sự trong thiên hạ. Cả hai nói chuyện tỏ ra rất hợp ý nhau. Mặc Tử cho biết, hiện nay Ngụy Huệ Vương đang trưng bảng cầu hiền khắp mọi nơi, có ý muốn dùng người hiền tài để đưa đất nước trở thành giàu mạnh.

Bàng Quyên nghe được tin đó, ngay trong đêm đã đến gõ cửa phòng của thầy, đề xuất ý định xuống núi của mình:

- Đệ tử theo học với thầy đã ba năm nay, học xong nhiều sách lược chiến tranh trong binh pháp, nay được nghe Mặc Tử tiên sinh cho biết, hiện Ngụy Huệ Vương đang chiêu hiền đãi sĩ, đúng là một cơ hội tốt. Cho nên đệ tử muốn trở về quê hương của mình, để thi triển tài năng đã học.

Quý Cốc Tử nhíu môi, châu mày trầm tư suy nghĩ. Bàng Quyên thấy thế lại nói thêm :

- Bẩm sư phụ, xin sư phụ nên rộng lòng để cho đệ tử trở về quê được không ?

Quý Cốc khẽ gật gật, nói:

- Được ! Nơi đây của thầy, từ bấy lâu nay không từ chối ai đến, mà cũng không giữ lại ai muốn đi.

Bàng Quyên nghe thế, vui mừng nói :

- Xin đa tạ tôn sư ! Đệ tử đi lần này, nếu được vinh hóa phú quý, thì nhất định sẽ trở về báo đáp.

Quý Cốc Tử cười lơ đãng, nói:

- Thầy là người quy ẩn, từ lâu đã hiểu thấu hồng trần. Với tài học của người nếu xuống núi thì chắc chắn sẽ được làm quan to và hưởng nhiều bổng lộc. Đến chừng đó, thầy không mong mỏi gì hơn là người nên giúp đỡ cho người nghĩa huynh của mình là Tôn Tần. Được vậy là thầy đã mãn nguyện lắm rồi.

Bàng Quyên liền lên tiếng hứa:

- Đệ tử nhất định sẽ giúp ! Đệ tử và Tôn huynh là anh em kết nghĩa, từng thề có phước cùng hưởng, có họa nạn cùng chịu kia mà !

Sáng sớm ngày hôm sau, trời quang mây tạnh, đúng là thời điểm tốt để lên đường. Tôn Tần đi cùng Bàng Quyên tới cáo biệt sư phụ, rồi phụ trách hành lý của Bàng Quyên cùng xuống núi. Hai người đi hết ngọn đồi này sang ngọn đồi khác, hết khúc quanh này lại sang khúc quanh khác, quyên luyện không nữa chia tay. Bàng Quyên cảm động, nói :

- Xin Tôn huynh hãy dừng lại. Đệ đi lần này nếu có chỗ đứng chân vững, thì sẽ gửi thơ đến báo cho Tôn huynh hay. Anh em chúng ta đồng tâm hợp lực để cùng xây dựng cho nhau, không phải là điều vui sướng hay sao ?

Tôn Tần hoàn toàn tin ở lời nói của Bàng Quyên, đáp :

- Rất tốt ! Chúc đệ vạn sự được như ý, có một tương lai không bờ bến. Ngu huynh sẽ ở đây chờ đợi tin vui của hiền đệ !

Hai người tuy còn không biết bao nhiêu lời lẽ để trao đổi với nhau, nhưng thấy mặt trời đã đứng bóng, nên đành ôm siết nhau, rồi gạt lệ chia tay. Bàng Quyên đi một khúc đường thật xa, quay lâu ngoá lại, vẫn thấy Tôn Tần đứng trên sườn núi cao dõi trông theo mình, và không ngớt vẫy tay từ biệt.

Sau khi Tôn Tần trở về tới núi, Quý Cốc Tử thấy trên mặt ông hãy còn vết lệ, bèn hỏi:

- Có phải con đã khóc để giã biệt Bàng Quyên đấy không?

Tôn Tần bèn nói thực :

- Con và Bàng Quyên vừa là bạn học, vừa là anh em kết nghĩa, nên thực không nỡ chia tay với cậu ta.

Quý Cốc Tử hỏi:

- Con nói thử xem, với tài năng của Bàng Quyên có thể trở thành một vị đại tướng hay không ?

Tôn Tần đáp :

- Bàng Quyên là người rất thông minh, có tài cán lại được sư phụ tận tâm dạy dỗ suốt ba năm, vậy theo con thì tương lai Bàng Quyên sẽ trở thành đại tướng, hoặc trở thành tể tướng, tên tuổi vang dội khắp bốn biển là chuyện tất nhiên.

Quý Cốc Tử gật đầu tỏ vẻ đồng ý, nhưng sau đó lại lắc đầu nói :

- Theo thầy thì Bàng Quyên vị tất mọi việc đều được như ý cả.

Tôn Tản vội vàng hỏi :

- Thưa thầy, tại sao vậy.

Quý Cốc Tử chỉ cười mà không trả lời. Ông thò tay lấy thanh bảo kiếm treo trên tường, rồi bắt đầu múa.

Vào một buổi chiều trời trong gió mát, Quý Cốc Tử sau khi giảng bài xong cho môn đồ dưới một góc tùng to, nhánh xòe như một cây dù, nói :

- Trong phòng ngủ của thầy có quá nhiều chuột, suốt đêm làm ồn ào không ngủ được, vậy các đệ tử có thể đến phòng thầy để trực luân phiên, đuổi chuột giúp thầy.

- Vâng! - Mọi người đều đồng thanh đáp.

Bắt đầu từ đêm hôm đó, các đệ tử luân lưu nhau đến phòng ngủ của Quý Cốc Tử để trực đêm. Ban đầu mọi người còn làm việc nghiêm chỉnh, nhưng sau một thời gian dài thì làm qua loa, hoặc đến trễ đi sớm, hoặc ngủ gà ngủ gật tại chỗ. Chỉ riêng có Tôn Tản là lúc nào cũng làm việc đường hoàng, chẳng những đến trực đuổi chuột rất đúng giờ, mà còn có sáng kiến làm ra bẫy chuột để bắt chúng. Do vậy, cứ mỗi lần đến phiên trực của Tôn Tản thì lũ chuột sợ hãi, không dám bò ra khỏi hang. Nhờ vậy mà Quý Cốc Tử ngủ rất ngon giấc, ngày hôm sau có đầy đủ tinh thần để giảng bài.

Lại một đêm tới phiên trực của Tôn Tản, ông đến phòng ngủ của thầy vừa lo việc bẫy chuột, vừa cầm trong tay một cây gậy, thức suốt đêm để xua đuổi chúng. Đến giữa khuya, Quý Cốc Tử thức giấc, từ trong màn thò đầu ra, nói :

- Nay Tôn Tản, con hãy tới đây.

Tôn Tản vội vàng bước tới trước giường của thầy.

Dưới ánh sáng lù mù của ngọn đèn dầu, ông thấy sư phụ đang nhắm mắt ngồi xếp bằng trên giường, bèn cúi mình thi lễ, hỏi :

- Bẩm sư phụ, phải chăng đệ tử đã làm ồn nên thầy không ngủ được ?

Quý Cốc Tử đáp :

- Không phải đâu. Cứ mỗi lần tới phiên con trực, thì thầy ngủ rất ngon. Bây giờ giữa khuya không có ai, nên thầy muốn tặng cho con vật này. Vậy hãy cầm đi.

Tôn Tản thò tay nhận lấy, thấy đó là một cuộn sách bằng thẻ tre, nhưng không biết nội dung nói gì.

Quý Cốc Tử nói:

- Đây là mười ba chương binh pháp của Tôn Tử, do cụ cố của con sáng tác. Trước đây ta và ngài có mối tương giao rất thâm hậu. Trước khi ngài lâm chung, đã tặng cho ta quyển sách này. Ta đã dùng một thời gian trên mười năm để chú thích. Bên trong toàn bộ là bí quyết đối với việc hành binh từ trước tới nay. Thầy không hề truyền nó lại cho ai, nay thấy con là người trung hậu, siêng năng học hỏi, nên mới truyền cho con !

Tôn Tản nói :

- Đệ tử ngay từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, nhưng có nghe nói cụ cố từng viết binh thư. Sư phụ giữ được quyển sách này, tại sao không truyền dạy cho Bàn Quyên, mà chỉ truyền lại cho một mình con như thế ?

Quý Cốc Tử đáp:

- Đây là một quyển sách quý vô giá. Trước kia cụ cố của con đã dùng nó đánh bại quân Sở và giúp cho nước Ngô xưng bá tại Trung Nguyên. Ai được quyển sách này, nếu vận dụng tốt thì sẽ giúp ích cho đời rất nhiều, nhưng nếu vận dụng không tốt, thì cũng sẽ làm hại đời không ít. Bàn Quyên thì làm sao so sánh được với con.

Tôn Tản nhận lấy binh thư, quỳ xuống lạy tạ sư phụ, rồi trở về phòng riêng của mình. Ông khêu đèn ngồi lặng lẽ đọc suốt đêm. Càng đọc càng thấy hứng thú, ngay đến trời sáng mà cũng không hay. Trong vòng ba hôm, ông đã đọc xong toàn bộ quyển sách, kể cả phần chú thích. Đêm đến, ông chủ động đề nghị đến trực đuổi chuột tại phòng ngủ của thầy sớm hơn, chờ đến khuya không còn ai lui tới, bèn quỳ xuống hoàn trả quyển sách lại cho sư phụ. Quý Cốc Tử bèn đặt nhiều câu hỏi để hỏi Tôn Tản, ông đều đối đáp trôi chảy. Chẳng những ông có thể trả thuộc lòng toàn bộ pho sách, mà còn phát huy được nhiều sáng tạo của cá nhân qua sự học hỏi pho sách trên. Quý Cốc Tử hết sức vui mừng, vỗ nhẹ bàn tay xuống cạnh giường nói :

- Tốt ! Tốt! Con có thể chuyên tâm học hỏi như vậy thực chẳng khác nào cụ cố của con được tái sinh !

2. Giả Diên Để Tránh Họa

Bàng Quyên là người nước Ngụy. Sau khi trở về đến đô thành của nước Ngụy là Đại Lương, được người tiến cử vào yết kiến Ngụy Huệ Vương. Ngụy Huệ Vương là một nhà vua khoáng đạt, quyết tâm đưa đất nước trở thành giàu mạnh, và đang chiêu hiền đãi sĩ. Nhà vua trông thấy Bàng Quyên có thân hình cao to, ăn nói không tầm thường, lại biết Bàng Quyên là môn đồ của Quý Cốc Tử, vị danh sư tất nhiên sẽ có học trò giỏi, nên càng tín nhiệm hơn. Sau mấy lần yết kiến, Bàng Quyên luôn luận bàn thao thao chuyện thiên hạ đại sự, khiến Ngụy Huệ Vương hết sức tán phục, bèn phá lệ cử ông ta làm Nguyên soái kiêm Quân sư. Con trai của Bàng Quyên là Bàng Anh, cháu là Bàng Thông, Bàng Mao, đều được phong làm tướng quân. Người thời bấy giờ gọi họ là Ngụy Gia Tướng.

Một khi đã có đại quyền nắm trong tay, thì Bàng Quyên bèn thi thố ngay tức khắc. Ông ta phân khởi định ra một kế hoạch mở rộng quân đội và luyện tập quân đội, được Ngụy Huệ Vương phê chuẩn để thi hành. Sau đó, nhanh chóng Bàng Quyên đã xây dựng được một đạo quân có sức chiến đấu rất lớn. Ông ta đã chỉ huy đạo quân này, trước tiên xâm chiếm thành quách và đất đai của nước Vệ và Tống, thu được thắng lợi rất to. Kế đó, Bàng Quyên lại đánh lui quân Tề tiến công vào nước Ngụy. Trong nhất thời tiếng tăm của Bàng Quyên nổi như cồn khắp các nước chư hầu. Ông ta dương dương tự đắc, xem dưới mắt không còn ai. Lúc bấy giờ, ông ta đã thực sự quên mất người nghĩa huynh Tôn Tản của mình, vẫn còn đang tiếp tục học hỏi tại Quý Cốc.

Tôn Tản vẫn miệt mài lo việc học hành tại Quý Cốc. Do nơi đây rất hẻo lánh, ít người lui tới, nên tin tức ở bên ngoài Tôn Tản không biết chi cả. Một hôm Mặc Tử lại đến chơi Quý Cốc Tử lần thứ hai, và đã gặp Tôn Tản. Tôn Tản khiêm tốn bàn qua chuyện chiến lược chiến thuật trong binh pháp với vị sư thúc này. Mặc Tử nghe qua, trong lòng không khỏi ngạc nhiên về tài năng và sở học của Tôn Tản. Mặc Tử nói:

- Nay ngươi đã học xong, vậy tại sao không xuống núi để đi tìm công danh phú quý và giúp ích cho đời.

Tôn Tản đáp :

- Bạn học của con là Bàng Quyên, hiện đang làm quan tại nước Ngụy. Trước khi chia tay ra đi, Bàng Quyên có nói sau khi mình đứng vững chân, sẽ tiến cử con với nhà vua.

Mặc Tử nói :

- Bàng Quyên hiện đã trở thành Nguyên soái kiêm Quân sư của nước Ngụy, thế tại sao anh ta không tiến cử nhà ngươi ?

Tôn Tản vẫn nghĩ tốt về người bạn của mình, đáp:

- Có thể do Bàng Quyên quá bận rộn, nên tạm thời chưa nghĩ đến đó thôi.

Mặc Tử nói:

- Lần này ta sẽ vân du đến nước Ngụy, và sẽ gặp Bàng Quyên, xem anh ta ăn nói ra sao?

Mặc Tử đến nước Ngụy và đã gặp Bàng Quyên. Khi nhắc đến việc Tôn Tần vẫn còn ở tại Quỷ Cốc, chờ được Bàng Quyên tiến cử, thì Bàng Quyên khôn khéo tìm lời lẽ chống chế nói cho qua, chứ hoàn toàn không có thành ý. Mặc Tử tức giận, bèn trực tiếp tiến cử Tôn Tần với Ngụy Huệ Vương. Sau khi biết Quỷ Cốc Tử còn có một môn đồ giỏi chờ người tiến cử ra làm quan, Ngụy Huệ Vương cảm thấy rất vui mừng, hỏi Mặc Tử:

- Giữa Tôn Tần và Bàng Quyên, ai có tài học cao hơn?

Mặc Tử đáp :

- Hai người họ tuy là bạn học, thầy dạy ai cũng thế, còn sự thu thập được hay không là do cá nhân. Riêng Tôn Tần còn là cháu của Tôn Võ, được sự bí truyền của người ông. Do vậy theo tôi thì tài học của Tôn Tần còn cao hơn cả Bàng Quyên.

Sau khi Mặc Tử rời đi, Ngụy Huệ Vương bèn triệu kiến Bàng Quyên, nói:

- Quả nhân nghe nói khanh còn có một người bạn học tên gọi Tôn Tần, tài học rất tốt, thế tại sao khanh lại không viết thư mời ông ta về đây để làm việc cho quả nhân ?

Bàng Quyên nghe qua, trong lòng cảm thấy không vui. Ông ta cho Mặc Tử là người thích xía vào chuyện riêng của người khác. Nhưng nay Ngụy Huệ Vương đã nói như vậy, thì mình không làm cũng không được. Cho nên Bàng Quyên liền làm ra vẻ là một người rất yêu nước, nói :

- Tôn Tần là người có tài năng nhất định, nhưng ông ấy là người nước Tề, vậy nếu ta mời ông ấy làm quan cho nước Ngụy, thì chắc chắn không bao giờ ông ấy lại quên tổ quốc của mình. Thần là người nước Ngụy, một lòng một dạ trung thành với nước Ngụy, cho nên mới không tiến cử Tôn Tần.

Ngụy Huệ Vương nói:

- Điều lo ngại của khanh có quá đáng chăng? Tục ngữ đã nói, “kẻ sĩ sẵn sàng chết cho người tri kỷ của mình”. Nếu quả nhân được Tôn Tần, nhất định sẽ trọng dụng và hậu đãi ông ta. Khi ông ta cảm động trước ân đức của trăm ban cho, tất nhiên sẽ vì nước Ngụy mà đóng góp tài sức của mình.

Bàng Quyên là một con người lòng dạ hẹp hòi, ngoài miệng nói thế này, nhưng trong lòng lại nghĩ thế khác. Lúc Bàng Quyên còn học tập ở Quỷ Cốc, luôn làm ra vẻ mình là người chất phác, thành thực, nên đã mê hoặc được Tôn Tần. Nay Bàng Quyên đã trở thành giàu có, nên sợ Tôn Tần với tài năng cao hơn mình thì mình sẽ bị bắt lợi. Do vậy, ông ta không muốn tiến cử Tôn Tần. Giờ đây khi nghe lời của Ngụy Huệ Vương, Bàng Quyên không dám không tuân theo, nên nghĩ bụng : “Chờ cho Tôn Tần đến đây thì mình sẽ tùy cơ mà hành sự vậy”.

Sau khi Tôn Tần nhận được thư của Bàng Quyên, cũng như sứ thần của vua Ngụy Huệ Vương đến mời, trong lòng hết sức mừng rỡ. Tôn Tần nghĩ Bàng Quyên đúng là không quên tình nghĩa anh em, nên từ biệt Quý Cốc Tử lên đường đi đến Đại Lương. Trước tiên, Tôn Tần đến phủ riêng của Bàng Quyên để cảm tạ sự tiến cử của ông ta. Bàng Quyên bày chuyện nói láo mà không hề đỏ mặt.

- Giữa chúng ta là bạn học, lại là anh em kết nghĩa kia mà. Anh tới thật đúng lúc, khiến đệ vui mừng đến đổi trong giấc ngủ còn phá lên cười to.

Qua ngày hôm sau, Ngụy Huệ Vương tiếp kiến Tôn Tần. Hai người bàn qua chuyện quân quốc đại sự, cảm thấy vô cùng hợp ý nhau. Vua Ngụy Huệ Vương mời được Tôn Tần, có cảm giác như cá được nước, và luôn tiếc rẻ là gặp nhau quá muộn. Ngụy Huệ Vương vui vẻ nói với Bàng Quyên cũng đang có mặt ở đây:

- Ta muốn phong cho Tôn Tần làm Phó Quân sư để hai người cùng nắm binh quyền, vậy ý khanh ra sao?

Trong lòng Bàng Quyên đang cảm thấy khó chịu, nhưng ngoài mặt vẫn giả vờ tươi cười đáp :

- Điều đó tất nhiên là được. Nhưng, thần và Tôn Tần là anh em kết nghĩa, Tôn Tần là anh, còn thần là em. Vậy có đâu huynh trưởng lại chịu lép, giữ chức phó thấp hơn em. Theo ý kiến của thần, chi bằng tạm thời phong Tôn Tần làm Khách Khanh, chờ khi ông ấy lập được đại công, thì thần sẽ nhường địa vị lại cho ông ấy.

Ngụy Huệ Vương cảm thấy lời nói của Bàng Quyên rất có lý, nên phong Tôn Tần làm Khách Khanh - lấy lễ để đổi đãi, và ban cho phủ đệ để ở riêng. Sau mấy hôm, Ngụy Huệ Vương muốn thử tài năng của Tôn Tần, bèn ra lệnh quy tụ quân đội tại Quốc Đô đến giáo trường, bảo Tôn Tần và Bàng Quyên mỗi người cầm cờ lệnh để diễn tập trận pháp. Trận pháp do Bàng Quyên bố trí, Tôn Tần vừa nhìn qua là hiểu ngay đó là trận pháp gì, dùng phương pháp nào để tấn công. Nhưng, trận pháp do Tôn Tần bố trí, Bàng Quyên nhìn qua không hiểu át giáp chi cả. Thế là ông ta bèn lên thỉnh giáo với Tôn Tần. Tôn Tần nói thật :

- Đây gọi là "Điên đảo bát môn trận".

Bàng Quyên lại hỏi :

- Nó có diễn biến không ?

Tôn Tần cũng nói thật:

- Có, một khi bị tấn công, nó sẽ diễn biến thành "Trường xà trận" theo hình chữ nhật.

Bàng Quyên bèn đem những lời nói của Tôn Tần biến thành lời nói của mình, nói lại cho Ngụy Huệ Vương nghe. Nhà vua tưởng tài năng của Tôn Tần và Bàng Quyên suýt soát nhau, nên trong lòng lấy làm mừng rỡ, tưởng thưởng riêng cho cả hai người.

Sau khi diễn tập trận pháp xong, Bàng Quyên trở về phủ riêng cảm thấy rất ganh tức. Ông ta nghĩ bụng : “Tôn Tần tài học hơn hẳn ta, vậy một núi làm sao chứa được hai con cọp ? Nếu ta không trừ hẳn đi, thì địa vị của ta làm sao bảo toàn được ?”. Thế là Bàng Quyên một mặt tới lui thân mật với Tôn Tần, nay tặng cho vật này, mai tặng cho vật nọ, nhưng mặt khác lại xúi bẩy người tâm phúc, gièm pha Tôn Tần trước mặt Ngụy Huệ Vương. Họ nói :

- Tôn Tần là người nước Tề, mặc dù đang làm quan ở nước Ngụy, nhưng luôn luôn nhớ tới tổ quốc của ông ta. Nếu trao cho ông ta binh quyền lớn, e rằng đối với nước Ngụy sẽ có nguy hiểm.

Nhưng, Ngụy Huệ Vương không hề chú ý đến những lời gièm pha đó.

Sau mấy hôm, Bàng Quyên mang lễ vật trọng hậu đến phủ riêng của Tôn Tần để thăm hỏi. Trong một bữa tiệc giữa hai người, Bàng Quyên nói:

- Huynh trưởng hiện đã làm quan cho nước Ngụy, vậy tại sao không đưa hết bà con của huynh về đây để cùng hưởng phước ?

Tôn Tần nghe qua, không khỏi bùi ngùi nhớ đến quê nhà xứ sở, bèn ngán lệ đáp:

- Nay hiền đệ, chúng mình tuy là bạn học, nhưng hiền đệ nào biết huynh từ nhỏ đã là một đứa trẻ mồ côi. Năm lên bốn tuổi thì cha chết, lên chín tuổi thì mẹ chết, hoàn toàn nhờ ở sự giúp đỡ, nuôi nấng của người chú ruột. Sau khi chú chết, người anh em họ nội là Tôn Bình, Tôn Cát, đã dẫn huynh đi khỏi quê hương để trốn cảnh đói kém, nhưng lại bị thất lạc tại Lạc Dương, mãi cho tới nay vẫn không nghe được âm tín gì. Huynh hiện giờ là người không có nhà để trở về, không có bà con thăm viếng.

Bàng Quyên lén dùng nước bọt quẹt lên cho ướt hai mắt, giả vờ cảm động, nói :

- Nỗi bất hạnh của huynh trưởng chính là nỗi bất hạnh của đệ đây. Tuy nhiên, chắc là huynh trưởng cũng không quên mộ phần của cha mẹ chứ ?

Tôn Tần đáp :

- Uổng nước nhớ nguồn, thử hỏi có ai lại quên được công ơn cha mẹ ? Chẳng qua hiện nay huynh đang làm quan tại nước Ngụy, chưa lập được công lao gì, nên mới tạm gác chuyện đó lại đây thôi.

Ba tháng sau, có một người tự xưng tên là Đinh Ất, thương nhân từ nước Tề đến phủ đệ của Tôn Tần để xin ra mắt chủ nhân. Ông ta bảo mình được người cùng quê ủy thác, đến Quý Cốc để tìm Tôn Tần nhưng không gặp. Nay biết Tôn Tần đang làm quan tại nước Ngụy, nên mới tìm tới Đại Lương để trao thư nhà cho Tôn Tần. Ông ta nói đoạn, bèn từ trong áo lấy ra một phong thư, Tôn Tần nhận thư xem qua, thấy chữ viết của người anh em họ nội là Tôn Bình và Tôn Cát. Trong thư nói rõ họ sau khi lạc nhau ở Lạc Dương, từng đi khắp nơi để tìm kiếm Tôn Tần nhưng không gặp, trong lòng vô cùng áy náy. Giờ đây, họ đã trở về quê hương xứ sở, cần mẫn lo việc canh tác lại buôn bán thêm, nên gia cảnh đã ấm no đầy đủ. Nay họ được tin Tôn Tần đang theo học với thầy tại Quý Cốc, nên mới nhờ Đinh Ất nhân tiện đi buôn bán, tìm tới để trao thư. Vậy, sau khi nhận được thư này, đệ mau trở về quê hương để đoàn tụ, cùng tảo mộ tổ tiên, làm tròn chữ hiếu.

Tôn Tần xem qua vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, và cũng cảm thấy sung sướng, vì hai người anh họ đã làm ăn khấm khá. Như vậy, sau này mình sẽ có ngày “lá rụng về cội” như mọi người khác.

Đinh Ất hỏi Tôn Tần định chừng nào về quê ? Tôn Tần nói rõ hiện nay mình đang làm quan với nước Ngụy, vậy chuyện đó để sau này mới tính. Thế là Tôn Tần cho bày tiệc trọng hậu để chiêu đãi Đinh Ất, rồi viết một phong thư nhờ ông ta mang về quê hương. Trong thư trước hết Tôn Tần bày tỏ tình cảm giữa anh em, rồi cho biết mình hiện nay đang làm quan ở nước Ngụy, nhưng chưa lập được công lao gì, vậy chờ khi công thành danh toại, mới tính tới chuyện trở về quê hương.

Đinh Ất sau khi cất phong thư và một đỉnh vàng Tôn Tần tặng cho rồi từ biệt ra đi. Hắn đi vòng đến phủ riêng của Bàng Quyên để nói rõ mọi việc. Thì ra, Đinh Ất không phải có tên thật là Đinh Ất, mà hắn chính là một tên tâm phúc của Bàng Quyên, có tên Từ Giáp. Trước đây, khi Bàng Quyên tìm hiểu được lịch sử gia đình của Tôn Tần, bèn bảo Từ Giáp ngụy tạo một bức thư của Tôn Bình và Tôn Cát, gạt lấy bức thư trả lời của Tôn Tần mang về. Bàng Quyên xem qua bức thư của Tôn Tần, vui mừng như bắt được của quý, bảo Từ Giáp bắt chước theo bút tích của Tôn Tần rồi viết một bức thư khác có nội dung hoàn toàn khác hẳn. Bảo là mình đang làm quan ở nước Ngụy, nhưng lòng dạ lúc nào cũng hướng về nước Tề. Sau này nếu có cơ hội xuất chinh, sẽ quay giáo phản lại nước Ngụy để trở về nước Tề, báo đáp công ơn của tổ quốc.

Bức thư ngụy tạo này nhanh chóng được trình lên trước mặt Ngụy Huệ Vương. Nhà vua xem qua cho là thật, hết sức kinh hoàng. Bàng Quyên lại từng bước gièm pha, nói:

- Cụ cố của Tôn Tần là Tôn Võ, trước đây làm đại tướng của Ngô Vương, nhưng về sau vẫn quay về nước Tề. Đất nước của cha mẹ, thì thử hỏi có ai quên được ? Tôn Tần hiện nay trong lòng đang hướng về nước Tề, vậy Đại vương dùng ông ta, một khi ông ta nắm binh quyền, sẽ hết sức nguy hiểm. Hơn nữa, tài năng của Tôn Tần cũng không thua chi thần, vậy nếu ông ta được nước Tề trọng dụng, thì sẽ tranh bá với nước ta tại vùng Trung Nguyên này. Tốt nhất xin Đại vương hãy giết quách ông ta đi, để trừ hậu hoạn cho nước nhà.

Huệ Vương suy nghĩ một chốc, nói :

- Trước đây chính trẫm đã cho sứ thần đi mời Tôn Tần về với nước Ngụy, nay tội trạng không có đủ bằng chứng, nếu ta giết Tôn Tần, thì e rằng người đời sẽ có điều dị nghị không hay.

Bàng Quyên nghe thế bèn đổi giọng :

- Lời nói của Đại vương rất có lý, vậy thần có một cách này có thể thử thách ông ta thêm một lần nữa.

Huệ Vương nói:

- Khanh có cách gì hãy nói cho trẫm nghe đi nào.

Bàng Quyên nói:

- Thần sẽ đi khuyên Tôn Tần nên ở lại với nước Ngụy, nếu ông ta bằng lòng thì Đại vương sẽ phong

thường cho ông ta. Trái lại, nếu không bằng lòng thì chứng tỏ ông ta có tội muôn đầu Tề rồi. Chừng đó, Đại vương có thể bắt ông ta giao cho phủ Quân Soái, rồi thân sẽ đứng ra xử trị.

Sau khi Bàng Quyên rời khỏi cung vua, liền đi thẳng tới phủ riêng của Tôn Tần hỏi thăm phải chăng vừa có người nhà đến tìm ?

Tôn Tần bèn nói đúng sự thật. Bàng Quyên giả vờ chúc mừng Tôn Tần đã tìm được người thân, rồi khuyến khích Tôn Tần nên xin phép trở về nước Tề để thăm bà con của mình. Bàng Quyên hứa sẽ nói thêm với Ngụy Huệ Vương, chắc chắn nhà vua sẽ bằng lòng.

Tôn Tần bị những lời nói ngon ngọt của Bàng Quyên mê hoặc, lại động lòng nhớ tới quê hương xứ sở, nhất là hiện nay chưa có công việc quan trọng gì để làm, nên quyết định xin phép về nước Tề thăm thân nhân.

Ngay đêm đó, Bàng Quyên vào cung vua, dùng những lời gièm pha nói với Huệ Vương :

- Tôn Tần đang hướng về nước Tề, kiên quyết không chịu ở lại, mà cũng không chờ đợi có chiến tranh giữa hai nước mới phản Ngụy đầu Tề, mà sẽ trở về nước Tề ngay. Hơn nữa, từ bấy lâu nay ông ta có lòng oán hận, vì Đại vương không phong cho ông ta quyền cao chức cả. Vậy nếu ông ta có dưng sớ xin phép đi về nước Tề thăm thân nhân, thì đó là bằng chứng phản nghịch của ông ta rồi.

Buổi họp triều vào sáng hôm sau, quả nhiên Tôn Tần dưng sớ xin phép trở về nước Tề để thăm thân nhân và tảo mộ. Huệ Vương xem qua cả giận, ghép tội Tôn Tần tư thông với địch, nên bắt giam, rồi giao cho phủ Quân Soái xét xử.

Tôn Tần làm sao có thể ngờ, mình vừa mới được nhà vua xem là thượng khách, thì cũng liền đó trở thành một tên tội phạm. Huệ Vương không bằng lòng nghe những lời giải bày của Tôn Tần. Binh sĩ liền bắt trói Tôn Tần, đưa đến phủ Quân Soái. Bàng Quyên nhìn thấy giả vờ giật mình, hứa sẽ đi gặp Huệ Vương để xin tội cho Tôn Tần. Tôn Tần nói:

- Tất cả đều nhờ hiền đệ giải cứu giúp cho huynh.

Bàng Quyên vào cung ra mắt Ngụy Huệ Vương, nói :

- Tôn Tần mặc dù bị nghi là tư thông với địch quốc, nhưng tội chưa đáng chết, vậy theo ngụ ý của thần, chi bằng áp dụng hình phạt chặt chân để cho ông ta tàn phế suốt đời. Hình phạt này vừa trừ được hậu hoạn cho nước Ngụy, vừa tránh tiếng Đại vương giết người hiền tài, chẳng phải lưỡng toàn hay sao ?

Sau khi được Huệ Vương chuẩn tấu, Bàng Quyên bèn trở về phủ nói với Tôn Tần :

- Đáng lý Đại vương ra lệnh giết huynh, nhưng đệ đã tâu xin hết lời, đổi tội tử hình thành tội chặt chân. Đây là quốc pháp của nước Ngụy, không phải đệ không cố gắng giúp huynh nhưng biết làm sao ?

Nói dứt lời. Bàng Quyên bèn làm ra vẻ rất đau đớn. Tôn Tần tuy bị xử oan, nhưng vẫn cảm kích cái ơn cứu mạng của Bàng Quyên. Bàng Quyên bèn ra lệnh hành hình, và lấy có không nữ chứng kiến, nên

tránh đi nơi khác.

Người hành hình đập vỡ xương bánh chè trên hai đầu gối của Tôn Tản, khiến ông đau đớn đến ngất lịm đi. Sau đó, người hành hình lại xăm lên mặt Tôn Tản bốn chữ "Tư thông ngoại quốc". Hành hình xong, Bàng Quyên mới ra mặt òa lên khóc to, tỏ ý thương xót. Đích thân ông ta lấy thuốc rịt vết thương cho Tôn Tản, rồi lo liệu đủ điều để Tôn Tản mau bình phục.

Hai tháng sau, vết thương nơi chân của Tôn Tản đã lành, nhưng ông không còn có thể đứng lên đi lại như người bình thường nữa. Tôn Tản đã trở thành người tàn phế, và từ đó sống nhờ vào sự nuôi dưỡng của Bàng Quyên. Do vậy, Tôn Tản cảm thấy Bàng Quyên đúng là một con người có ơn có nghĩa. Bàng Quyên nhân đó yêu cầu Tôn Tản truyền lại cho mình "Tôn Tử Binh Pháp", có cả lời chú thích của Quỷ Cốc. Tử tiên sinh trước kia đã truyền dạy riêng cho Tôn Tản. Tôn Tản vui vẻ bằng lòng. Thế là, ông thành tâm thật ý nhớ lại từng chữ một trong "Tôn Tử Binh Pháp", và lần lượt viết vào thẻ tre.

Bàng Quyên phái một người tên gọi Thành Nhi, hằng ngày lo phục vụ cho Tôn Tản. Tuy danh nghĩa là phục vụ, nhưng kỳ thật là để theo dõi nhất cử nhất động của Tôn Tản. Mỗi hôm Thành Nhi đều trở về báo cáo lại cho Bàng Quyên biết những lời nói cũng như những việc làm của Tôn Tản. Nhưng, Thành Nhi là một con người tốt, cho nên sau khi được nghe Bàng Quyên nói với người tâm phúc của mình là Từ Giáp, bảo chờ cho Tôn Tản viết xong bộ sách "Tôn Tử Binh pháp" thì sẽ giết chết Tôn Tản bằng cách bỏ đói không cho ăn uống. Do Thành Nhi rất đồng tình với Tôn Tản, nên đã đem chuyện này tiết lộ cho Tôn Tản nghe.

Nghe xong, Tôn Tản mới chợt hiểu ra Bàng Quyên đúng là kẻ mặt người dạ thú, trong nụ cười chứa toàn gươm đao. Do vậy, Tôn Tản lại nghĩ bụng: một người bất nghĩa như Bàng Quyên, tại sao ta lại truyền binh pháp cho hắn ? Nhưng, Tôn Tản lại suy nghĩ tiếp : hiện nay mình ở trong tay họ, vậy làm sao không khuất phục, tuân theo ý muốn của họ được ? Nếu ta không chịu viết tiếp nữa, thì tính mạng của ta cũng sẽ khó giữ được. Thế thì phải làm sao đây ? Tôn Tản đã mất ngủ suốt một đêm, và lúc nào cũng moi trí để nghĩ cách đối phó.

Buổi cơm sáng ngày hôm sau, Thành Nhi vẫn chiếu lệ đưa một mâm cơm thịnh soạn có cả rượu đến để cho Tôn Tản dùng. Nhưng Tôn Tản liền trợn to đôi mắt, nghiêng răng trèo trẹo, quát to một tiếng rồi đá bay mâm cơm xuống đất. Tôn Tản lại đưa tay chỉ vào Thành Nhi, quát :

- Người người tại sao dám dùng độc dược để hãm hại ta?

Dứt lời, Tôn Tản hốt mớ thẻ tre đang viết dở dang quyển "Tôn Tử Binh Pháp", ném cả vào lò lửa đang cháy. Sau đó Tôn Tản khi khóc khi cười một cách không bình thường. Thành Nhi bèn báo cáo mọi việc với Bàng Quyên. Bàng Quyên vội vàng tới phòng khách xem qua, thấy Tôn Tản bỏ tóc xỏa, hai mắt ngó trừng trừng về phía trước, chụp lấy một cánh tay của Bàng Quyên, nói :

- Bớ sư phụ Quỷ Cốc Tử, thầy hãy mau cứu lấy con !

Bàng Quyên vội vàng giật cánh tay lại, nói :

- Đệ là Bàng Quyên, không phải sư phụ.

Tôn Tần nói :

- Không, không, không ! Thầy là sư phụ. Đừng có dối gạt con. Con có mười vạn thiên binh thiên tướng, người nào người nấy đều chinh chiến tài ba. Thế mà Ngụy Vương lại muốn giết oan con, thật là một ý tưởng điên rồ. Hả hả hả !

Vừa cười Tôn Tần vừa nhào lặn dưới đất, ăn nói lung tung.

Bàng Quyên nghi Tôn Tần giả điên, nên ra lệnh cho Thành Nhi dẫn Tôn Tần bỏ vào chuồng heo. Tôn Tần thấy phân heo đầy đất, mùi hôi ngọt ngọt, bèn ngã xuống nằm rồi không chịu trở về phòng, bảo nơi đây là chỗ tốt hơn tất cả mọi nơi khác.

Bàng Quyên lại phái một mỹ nhân tuyệt sắc, ăn mặc tươm tất, mang rượu thịt tới mời Tôn Tần và nói khẽ :

- Thiếp là vũ nữ trong phủ quân sư, vì thấy thương tình hoàn cảnh của tiên sinh, nên quyết tâm tới đây cứu tiên sinh thoát khỏi chỗ này, và bằng lòng phục vụ tiên sinh suốt đời. Vậy tiên sinh hãy mau ăn đi rồi thiếp sẽ cống tiên sinh đi trốn.

Tôn Tần trợn đôi mắt lên, giận dữ phun nước bọt vào mặt cô gái đẹp, nói :

- Nhà ngươi không phải vũ nữ, nhà ngươi là yêu tinh ! Còn đây không phải là rượu thịt mà là thuốc độc ! Ta không ăn ? Ta đã có sẵn bao nhiêu sơn hào hải vị ở đây rồi !

Nói dứt lời, bốc phân heo lên nhai ngấu nghiến. Cô gái trở về báo lại với Bàng Quyên. Chừng đó Bàng Quyên mới tin Tôn Tần là điên thật, và không chú ý tới Tôn Tần nữa, để mặc cho Tôn Tần kêu la, bò ra bò vào chuồng heo, sống một cuộc sống như súc vật.

Sau một tháng điên loạn, Tôn Tần trở thành gầy đét. Khi ông nằm ngủ, thật chẳng khác nào một xác chết đói bên vệ đường. Dù vậy, Bàng Quyên vẫn ra lệnh cho Lý Giáp ở ngoài khu phố mỗi hôm đều báo cáo hành động của Tôn Tần về cho mình.

Hè qua thu đến, bông cúc nở rộ. Vào một buổi chiều nọ, Tôn Tần nằm lẩn ngoài hè phố nói toàn những lời nói điên loạn, khiến một số trẻ con bu quanh đến xem. Bỗng có tiếng ngựa chạy, rồi mọi người đua nhau tránh vào vệ đường. Có người lên tiếng nói:

- Đây là Cầm Hoạt, sứ thần của nước Tề. Ông ta chính là đệ tử của Mặc Tử.

Đêm đến Tôn Tần bò tới trước cửa nhà khách nơi Cầm Hoạt nghỉ ngơi, lúc khóc lúc cười thật to. Những vệ sĩ gác cửa biết Tôn Tần là người điên, nên đuổi đi nơi khác. Cảnh náo loạn đó đã làm Cầm Hoạt chú ý. Ông vội vàng bước ra cửa thấy đúng người điên này là Tôn Tần. Cầm Hoạt đang làm quan ở nước Tề, và đang giữ chức đại phu. Lần đến nước Ngụy này là để thi hành lời chỉ dạy của Mặc Tử và mật chiếu của Tề Uy Vương, đến Đại Lương tìm cách cứu Tôn Tần. Lúc bấy giờ Tôn Tần cũng nhận ra Cầm Hoạt. Nhân lúc xung quanh không có ai, Tôn Tần bèn nói khẽ:

- Tôi là Tôn Tần đang bị Bàng Quyên hãm hại, chứ không có điên thật đâu.

Hai ngày sau, Cầm Hoạt rời khỏi nước Ngụy trở về nước Tề. Tôn Tần được giấu kín vào một chiếc thùng gỗ chở trên xe ngựa của Cầm Hoạt. Trong khi đó, thì người tôi tớ của Cầm Hoạt giả dạng Tôn Tần, vẫn đi trên phố diễn trò điên rồ. Bọn trẻ con lại vây quanh để xem. Do vậy, khi Bàng Quyên đưa Cầm Hoạt ra về, hoàn toàn không có lòng nghi ngờ chi cả. Lại hai hôm sau, Lý Giáp về báo cho Bàng Quyên biết: Bên miệng giếng ở ngoài phố có một bộ đồ rách nát của Tôn Tần. Mọi người đều cho rằng Tôn Tần đã nhảy xuống giếng tự tử chết rồi.

3. Dùng Trí Thắng Đua Ngựa

Sau khi Cầm Hoạt đã dùng kế "ve sâu lột xác", cứu được Tôn Tần ra khỏi nước Ngụy bèn thúc ngựa chạy nhanh trở về đô thành của nước Tề là Lâm Tri. Tôn Tần tắm rửa xong, thay quần áo mới, ăn no mấy hôm, đã khôi phục gương mặt oai dũng của mình. Do được Mặc Tử tiến cử, lại biết Tôn Tần dùng kế giả điên để thoát thân, nên Tề Uy Vương rất kính nể Tôn Tần, định phong một chức quan to cho ông. Nhưng Tôn Tần từ chối, nói :

- Thần một là chưa có công lao gì nên không thể nhận bổng lộc, lại nữa, nếu Bàng Quyên biết được thần đã trốn về nước Tề, thì hẳn tất sẽ gây sự. Vậy tạm thời để thần mai danh ẩn tích, chờ Đại vương có cơ hội dùng đến thần, thì thần sẽ góp sức với triều đình.

Đại tướng Quân Điền Kỵ là người muốn biết tài năng của Tôn Tần, nên đứng ra nói :

- Xin mời Tôn tiên sinh tạm thời đến ở tại nhà tôi, để tôi được cơ hội sớm hôm học hỏi.

Thế là Tôn Tần được Điền Kỵ mời về phủ riêng làm thượng khách. Điền Kỵ là người chiêu hiền đãi sĩ, khiêm tốn cẩn thận. Bất cứ chuyện quốc gia đại sự hay chuyện trong gia đình, ông đều hỏi ý kiến Tôn Tần. Hai người gặp nhau lấy làm tương đắc, chỉ tiếc là gặp nhau quá muộn. Có một hôm Điền Kỵ từ ngoài trở về phủ riêng, đôi mày cau chặt, buồn bã không vui. Ông bèn mời Tôn Tần đến nói cho biết nguyên nhân khiến mình mất vui : Thì ra, tại đô thành của nước Tề đang thịnh hành trò chơi đua ngựa, Uy Vương muốn dùng trò chơi này để đề cao tinh thần thượng võ của nhân dân trong khắp cả nước. Bản thân nhà vua cũng tham gia. Mỗi lần đua ngựa nhà vua đặt tiền cá cược rất lớn, nên hấp dẫn văn võ bá quan ai cũng đến tham dự. Trong tàu ngựa của vua Uy Vương đều là ngựa tốt, ngựa giỏi. Điền Kỵ tham gia đua ngựa mấy lần, đều bị thất bại. Hôm nay ông lại thua đến một trăm lạng vàng cho nhà vua. Tôn Tần nghe xong bèn lên tiếng an ủi :

- Xin tướng quân đừng buồn nữa. Tôn Tử binh pháp có nói, "biết người biết ta trăm trận không thua". Đua ngựa cũng như đánh giặc, vậy lần sau có đua ngựa, thì tướng quân dẫn tôi theo để xem cho biết tình hình, rồi tôi sẽ có ý kiến góp cùng tướng quân.

Ít lâu sau, nhà vua lại tổ chức một cuộc đua ngựa tại giáo trường. Điền Kỵ dẫn Tôn Tần đi theo đến giáo trường để xem. Tôn Tần thấy ở đây cờ xí rợp trời, đủ màu sắc, ngựa hí vang rền, tiếng người nói chuyện ồn ào không ngớt. Sau khi cuộc đua bắt đầu, Tôn Tần mới hiểu cách đua ngựa được tổ chức ở đây. Ngựa đua được chia làm ba hạng, ngựa giỏi xếp hàng "thượng đẳng", ngựa trung bình xếp hàng "trung đẳng", ngựa dở xếp hàng "hạ đẳng". Nếu trong ba trận đua mà thắng được hai, thì kẻ là thắng. Giữa ba hạng ngựa này tốc độ của nó cũng chênh lệch không bao xa. Do vậy nên mới có đội thắng đội bại. Tuy nhiên, ngựa trong cung của Uy Vương toàn là ngựa hay, ngựa tốt, nên một trận đua nào nhà vua cũng thắng cả. Lần đua này, Điền Kỵ cũng tiến hành như lần trước, và cuối cùng lại bị thua.

Sau khi Điền Kỵ về phủ riêng, Tôn Tần bèn nói với ông ta :

- Tôi đã nghĩ ra một phương pháp mới để đua ngựa. Lần sau tướng quân tham gia đua ngựa tôi bảo đảm tướng quân sẽ chuyển bại thành thắng.

Điền Kỵ nói:

- Nếu tiên sinh bảo đảm tôi có thể đắc thắng, thì tôi sẽ đi xin với Đại vương lần đua này đặt tiền cược lên đến một nghìn lượng vàng.

Tôn Tần trả lời một cách đầy tự tin :

- Tướng quân cứ khiêu chiến đi, nếu thua tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điền Kỵ vội vàng đi yết kiến vua Uy Vương để khiêu chiến. Uy Vương nói:

- Khanh là bại tướng, vậy còn dám khiêu chiến sao ?

Điền Kỵ đáp :

- Lần này thần đã quyết tâm, nhất định đoạt được thắng lợi, đồng thời, sẽ đặt tiền cá cược lên đến nghìn lượng vàng.

Uy Vương nói :

- Tốt lắm! Nếu vậy ngày mai trăm sẽ thắng được của Khanh nghìn lượng vàng đấy !

Lại một cuộc đua ngựa nữa được tổ chức tại giáo trường. Bá tánh trong thành nghe tin nhà vua và Điền Kỵ đặt tiền cá cược rất cao, nên tất cả mọi người trong thành đều đua nhau tới giáo trường để xem.

Trước, khi khởi đầu trận đua ngựa, Điền Kỵ nói với Tôn Tần:

- Nay huynh trưởng, có diệu kế gì hãy mau dạy cho đệ đi nào ! Lần này nếu thua thì tôi thê thảm lắm đấy!

Tôn Tần nói :

- Tất cả ngựa tốt đều ở trong cung vua nước Tề. Vậy, tướng quân chắc chắn khó đối địch nổi. Hôm nay, mình phải dùng kế để thủ thắng thôi.

Kế đó, Tôn Tần bèn kê miệng sát tai Điền Kỵ nói nhỏ một lúc lâu. Điền Kỵ gật đầu liên tiếp, và luôn luôn mỉm cười.

Sau ba hồi trống, ngựa thượng đẳng bắt đầu cuộc đua. Ngựa của vua Uy Vương vừa chạy thì đã vượt lên phía trước, bỏ ngựa của Điền Kỵ ở lại phía sau thật xa. Kết quả Điền Kỵ bị thua.

Sang trận thứ hai, đến lượt con ngựa trung đẳng cũng đua. Ngựa của Điền Kỵ bất ngờ vọt lên thực

nhanh, khán giả đua nhau hò reo nhiệt liệt :

- Nhanh lên Nhanh lên ! Cố vượt lên cho nhanh nào !

Kết quả, ngựa của Điền Kỵ đã thủ thắng.

Sang trận đua thứ ba, là trận đua giữa những con ngựa hạ đẳng. Ngựa Điền Kỵ một lần nữa lại thắng. Kết cục, Điền Kỵ đã thắng hai, thua một, như vậy là Điền Kỵ đã thắng, được một nghìn lạng vàng của vua Uy Vương.

Khán giả có mặt hò reo như sấm dậy, tiếng vỗ tay vang dội khắp nơi nơi, Uy Vương cảm thấy rất bất ngờ, bèn hỏi Điền Kỵ:

- Này Điền khanh, mấy lần đua ngựa trước khanh đều bại cả. Thế mà hôm nay bộ mặt trời mọc từ hướng Tây rồi hay sao ? Chẳng lẽ những con ngựa của khanh đều uống thuốc tiên, và đã trở thành ngựa thần cả rồi hay sao ?

Điền Kỵ đáp :

- Không, ngựa của thần vẫn là ngựa trong phạm trần, và mặt trời cũng không bao giờ mọc ở hướng Tây. Đây chẳng qua là diệu kế của Tôn Tản tiên sinh mà thôi.

Uy Vương nghe qua đôi mắt bừng sáng, hỏi :

- Đua ngựa chứ nào phải đánh giặc, vậy mà cũng có diệu kế sao ?

Điền Kỵ đáp :

- Những điều kỳ bí trong vấn đề này, xin mời Tôn tiên sinh giải thích vậy!

Uy Vương bèn gọi Tôn Tản đến hỏi. Tôn Tản đáp :

- Thần biết Đại vương rất thích đua ngựa, là vì muốn huấn luyện cho có nhiều ngựa hay để sau này dùng trong những cuộc chinh chiến. Trường đua ngựa chính là chiến trường. Chẳng những phải đấu dũng mà còn phải đấu trí nữa. Trong quân đội được chia làm trung, thượng, hạ ba thứ quân. Trong ngựa cũng được chia làm ba bậc, thượng, trung, hạ. Thần đã nói với Điền tướng quân : dùng ngựa hạ đẳng của mình để đua với ngựa thượng đẳng của Đại vương, rồi dùng ngựa thượng đẳng của mình để đua với ngựa trung đẳng của Đại vương, và lấy ngựa trung đẳng của mình để đua với ngựa hạ đẳng của Đại vương. Như vậy, lực lượng giữa hai đội ngựa có sự chuyển biến, nên bị thua một trận mà thắng được hai trận. Điều đó binh pháp gọi là : "Biết người biết ta, tránh chỗ mạnh mà đánh vào chỗ yếu, xuất kỳ bất ý đánh vào chỗ không phòng bị".

- Tuyệt thay! Tuyệt thay! - Vua Uy Vương đưa cao một ngón tay cái lên, khen Tôn Tản liên tiếp - Chỉ qua việc này, cũng thấy được tiên sinh tuy là người thân phế nhưng chí không phế, là người túc trí đa mưu cao hơn người khác một bậc !

4. Vây Ngụy Cứu Triệu

Mùa Thu năm 354 trước công nguyên, Bàng Quyên cho rằng Tôn Tần đã chết, trong thiên hạ không còn ai là đối thủ với mình. Do vậy, ông ta muốn biểu lộ tài năng xuất chúng của cá nhân, để giúp nước Ngụy mở rộng cường thổ, bèn thuyết phục Huệ Vương. Vua chuẩn tấu, rồi dẫn mười vạn tinh binh tiến lên phía Bắc để xâm chiếm nước đồng minh với nước Tề. Ngụy Gia Tướng xua quân đi đầu, đánh thốc vào nước Triệu. Kinh đô của nước Triệu là Hàm Đan bị bao vây. Và nước Triệu phải đi cầu cứu với nước Tề. Tề Uy Vương quyết định cử Tôn Tần làm soái, xua quân đi cứu Triệu. Tôn Tần từ chối, nói:

- Không thể được, không thể được. Thần là người tàn phế, nếu cử thần làm soái thì chúng tỏ nước Tề không còn nhân tài, kẻ thù sẽ cười chê. Hơn nữa nếu Bàng Quyên biết thần chưa chết, thì sẽ đề phòng kỹ lưỡng hơn. Như vậy, đối với cá nhân thần cũng như đối với nước Tề đều có hại. Vậy xin Đại vương cử Điền Kỵ tướng quân làm soái là hơn.

Uy Vương gật đầu bằng lòng, cử Điền Kỵ làm soái, cử Tôn Tần làm quân sư, ra quân đi cứu Triệu ngay.

Hôm ngày ra quân, Điền Kỵ hạ lệnh cho quân Tề kéo thẳng đến Hàm Đan. Tôn Tần nói:

- Không được ? Không được ?

Điền Kỵ cảm thấy bất ngờ hỏi:

- Chúng ta không phải mang quân đi cứu Triệu hay sao ? Việc cứu Triệu gấp rút như cứu hỏa, nếu đến chậm, thì e rằng Hàm Đan không còn giữ được nữa !

Tôn Tần nói:

- Quân Triệu không phải là đối thủ của Bàng Quyên. Khi quân ta chưa kéo tới nơi, thì Hàm Đan đã mất từ lâu rồi. Như vậy, chẳng phải sau cơn mưa ta mới đưa dù tới sao?

Điền Kỵ bèn hỏi :

- Thừa quân sư, nếu vậy thì ngài có biện pháp.

Tôn Tần nói:

- Ta phải tránh chỗ quân địch mạnh mà đánh vào chỗ quân địch yếu, phải đánh Đông kích Tây, phải xua đại quân đánh thẳng vào thủ đô của nước Ngụy là Đại Lương. Khi Bàng Quyên hay tin, tất nhiên sẽ rút quân trở về cứu nguy cho nước Ngụy. Đến chừng đó, chúng ta sẽ chặn đường Ngụy, rồi dùng quân đội được nghỉ ngơi, đánh mạnh vào toán quân đang mệt nhọc, thì nhất định sẽ thắng lợi thôi !

Điền Ky nghe qua gậy đầu liên tiếp, nói :

- Đây là diệu kế. Như vậy sẽ chiếu theo cao kiến của quân sư mà thi hành.

Quả nhiên, Bàng Quyên đã dốc hết binh lực hạ được thành Hàm Đan và đang chuẩn bị tiếp tục truy kích tàn quân của Triệu, để bình định và chiếm lĩnh cả nước Triệu trong vài ngày tới. Nhưng, bỗng Bàng Quyên nhận được thánh chỉ của vua Ngụy Huệ Vương, xuống lệnh bảo ông ta cấp tốc rút quân trở về để giải vây Đại Lương. Bàng Quyên không dám chần chừ, ra lệnh cấp tốc hành quân để trở về Kinh Sư.

Quân Tề sau khi tiến vào nước Ngụy, không gặp một cuộc phản kháng nào quan trọng, nên đã xua quân tiến thẳng đến dưới chân thành Đại Lương. Quân Tề bao vây mà không đánh, lại rút quân về Quế Lăng. Tôn Tấn biết Quế Lăng là một địa phương mà quân Ngụy khi rút trở về tất phải đi ngang, bèn chọn nơi có địa hình tốt, bố trí tinh binh mai phục, chờ cá cắn câu.

Bàng Quyên kéo binh trở về, một ngày đi một trăm dặm đường. Họ đi suốt gần mười hôm, tướng sĩ đều hết sức mỗi mệt. Khi còn cách Quế Lăng hơn hai chục dặm nữa, thì bỗng nghe trống chiêng đánh vang lên, rồi có một cánh quân ủa ra chặn đường tấn công. Người chỉ huy cánh quân này là nha tướng Diên Đặc của nước Tề. Bàng Quyên thấy quân Tề ít, nên sai đưa cháu là Bàng Thông chỉ huy một cánh quân ứng chiến. Hai bên đánh nhau được hơn hai chục hiệp, Diên Đặc giả vờ thua bỏ chạy. Bàng Quyên xua quân truy đuổi theo, khi đến gần Quế Lăng thì phía trước lại có toán quân Tề dàn trận chờ sẵn. Bàng Quyên đứng từ trên cao nhìn xuống, thấy đây đúng là "Điên đảo bát môn trận" mà khi Tôn Tấn vừa đến Ngụy Quốc đã dàn ra tại giáo trường cho vua Ngụy Huệ Vương xem.

Bàng Quyên không khỏi lấy làm lạ, tự nhủ: "Tại sao Điền Ky lại biết trận pháp này ? Chẳng lẽ ông ta đi tìm học nơi Quý Cốc Tử hay sao ?". Trong khi Bàng Quyên còn suy nghĩ, thì bỗng nghe một hồi trống đánh lên vang dội, rồi từ trong quân Tề có một viên chủ tướng mình mặc khôi giáp, tay cầm giáo dài, trên lá quân kỳ đi theo sau có thêu một chữ "Điền" to lớn. Điền Ky dưới sự bảo vệ của tiên phong Điền Anh, cất tiếng nói to:

- Bớ thẳng nhóc Bàng Quyên, hãy mau ra đây chịu chết !

Bàng Quyên giận dữ, trợn to đôi mắt, nói :

- Điền Ky ông có tài cán gì, mà lại dám đối trận với đại nguyên soái Bàng Quyên ta ?

Điền Ky cười nhạt, nói :

- Bớ Bàng Quyên, nhà ngươi đừng có ỷ tài. Nhà ngươi biết đây là trận pháp gì không ?

Bàng Quyên đáp :

- Đây là "Điên đảo bát môn trận".

Điền Ky lại hỏi :

- Nhà ngươi có dám đánh vào trận pháp này không.

Bàng Quyên tỏ ra do dự, nghĩ bụng : "Nếu ta bảo dám thì chưa chắc đánh thắng, còn bảo không dám chẳng hóa ra mất mặt hay sao?". Do vậy, Bàng Quyên bèn liều mạng nói:

- Ta sẽ đánh ?

Điền Ky thăm vui mừng, nói:

- Tốt ! Vậy chúng ta hãy thử xem nào !

Điền Ky dẫn Điền Anh trở vào trong trận pháp.

Bàng Quyên bèn nói với Bàng Thông, Bàng Mao và Bàng Anh đang đứng bên cạnh:

- Ba người mỗi người dẫn một toán quân chờ lệnh xuất kích. Riêng ta thì sẽ cùng một toán quân dẫn đầu đánh vào trận địa. Nếu các người thấy trận địa chuyển biến thì cả ba đội cùng tiến, để giữ cho đầu và đuôi của địch không thể tiếp ứng với nhau được.

- Tuân lệnh!

Ba gia tướng họ Bàng đều mạnh dạn tuân lệnh, rồi chia quân nhau mỗi người một cánh để sẵn sàng chiến đấu. Bàng Quyên dẫn năm trăm tinh binh xông tới phá trận. Ông ta vừa xâm nhập vào trận địa, thì thấy tám hướng cờ xí dày đặc, chuyển đổi liên tục, khi xông vào hướng Đông, khi chuyển sang hướng Tây, không sao tìm được lối ra. Giữa lúc đó bỗng nghe tiếng trống đồng của quân Tề nổi lên vang rền. Từ trong trận địa của quân Tề có một cỗ xe đẩy ra, bên trên có một nhân vật mày râu, mắt to, dáng điệu oai hùng, tay cầm cờ lệnh chủ tướng, ở sau lưng cũng có một cây đại kỳ thêu một chữ "Tôn" thật lớn. Bàng Quyên buột miệng kêu lên :

- Hãy đánh ma! Hãy đánh ma!

Tôn Tần cũng to tiếng nói:

- Bớ Bàng Quyên, ngươi là kẻ mặt người dạ thú, là phường tiểu nhân, hám lợi, ta không phải ma, mà chính là nghĩa huynh Tôn Tần bị ngươi hại nhưng không chết đây. Trời cao có mắt, oan gia thường gặp nhau trên đường hẹp. Hôm nay nếu ngươi dám phá "Điền đảo bát môn trận" của ta thì ta sẽ cho ngươi thành ma!

Bàng Quyên nghe nói không khỏi hết sức kinh hoàng, vội vàng ra lệnh lui quân. Tôn Tần vẫy mạnh lệnh kỳ trong tay, tức thì mấy đội quân Tề ủa tới sát phạt, khiến Ngụy quân chết nằm chật đất, hoặc đua nhau cởi bỏ khôi giáp mà chạy. Bàng Quyên thấy chết tới nơi, nhưng may mắn được ba tướng của nhà họ Bàng kịp thời tới giải vây. Đôi bên lại tiếp tục ác chiến. Bàng Mao bị Điền Anh đâm một giáo chết tốt. Bàng Anh, Bàng Thông cố liều chết chiến đấu, hao binh tổn tướng quá nửa mới cứu được Bàng

Quyên, thoát ra khỏi trận pháp.

Bàng Quyên sau khi thoát chết, không còn dám tiếp tục đánh nhau nữa, vội vàng dẫn bại tướng tàn binh chạy về kinh thành Đại Lương như một con chó chết chủ, rồi đóng kín cửa thành lại tử thủ, không dám ra ứng chiến nữa!

5. Lui Quân, Giảm Bớt Bếp Nấu

Tôn Tản trông thấy Bàn Quyên bại binh bỏ chạy, trong khi mục đích cứu Triệu đã hoàn thành, nên cùng bàn với Điền Kỵ rút quân thắng trận trở về nước.

Bàn Quyên mặc dù bị bại trận, nhưng lại có công hạ được thành Hàm Đan, nên Ngụy Huệ Vương vẫn không bắt tội, và vẫn cho ông ta chưởng quản binh quyền như cũ. Bàn Quyên không chịu phục, quyết tâm tìm cơ hội để trả lại mối thù bại trận tại Quế Lăng.

Bàn Quyên phái người mang nhiều vàng bạc sang nước Tề để tiến hành kế ly gián. Chúng đặt điều vu khống cho Điền Kỵ là có ý muốn làm phản để đoạt ngôi của vua Tề. Tề Uy Vương bị trúng kế, có lòng nghi ngờ Điền Kỵ. Điền Kỵ biết được, bèn lấy cờ bệnh trao lại binh quyền để giải tỏa lòng nghi ngờ đối với Uy Vương. Tôn Tản cũng từ chức quân sư của mình, ở nhà lo làm thơ đọc sách.

Bàn Quyên nghe tin vua Tề bị trúng kế hết sức vui mừng, nói :

- Hả hả! Ngày hôm nay Bàn Quyên ta có thể hoành hành trong khắp thiên hạ, mà không ai đối địch nổi rồi!

Thế là ông ta thuyết phục Ngụy Huệ Vương xua quân xâm chiếm nước Hàn.

Năm 343 trước công nguyên, Ngụy Huệ Vương phong cho Thái tử Thân làm Giám Quân, Bàn Quyên làm Đại Tướng, đốc hết binh lực toàn quốc tiến đánh nước Hàn, muốn chỉ qua một cuộc hành quân là tiêu diệt được nước này.

Hàn Ai Hào thấy thế lực của quân Ngụy đánh đâu thắng đó, thế như chẻ tre, tiến nhanh vào đất nước của mình thì hết sức hốt hoảng, phái người đi sang nước Tề cầu cứu. Lúc bấy giờ Tề Uy Vương đã chết, con là Tuyên Vương lên nối ngôi. Sau khi nhận được lời cầu cứu của một nước đồng minh, Tề Tuyên Vương bèn phục chức cho Điền Kỵ và Tôn Tản, lại quy tụ bá quan văn võ đến họp triều đình để tìm cách giải cứu cho nước Hàn.

Tướng quốc Trâu Kỵ nói :

- Hai nước Hàn-Ngụy đánh nhau, đó là chuyện riêng của họ. Nước ta có thể ngồi yên nhìn hai con cọp giao đấu, không cần phải can thiệp đến.

Điền Kỵ lắc đầu, nói :

- Không được, không được ! Nước Ngụy mạnh nước Hàn yếu. Một khi nước Ngụy tiêu diệt được nước Hàn, thì chẳng khác chi cọp lại thêm cánh, sẽ quay sang nước ta để báo mối thù bại trận tại Quế Lăng. Đến chừng đó, chẳng phải quân ta tác chiến cô độc một mình hay sao ?

Trong quân thần có người ủng hộ ý kiến của Trâu Ky, có người ủng hộ ý kiến của Điền Ky. Hai bên tranh chấp không ngã ngũ. Tề Tuyên Vương trông thấy Tôn Tần ngồi cắn môi làm thỉnh, không tỏ ý gì, bèn lên tiếng hỏi :

- Nay quân sư, tại sao ngài không nói chi cả vậy. Chẳng lẽ ý kiến của hai người đều sai cả sao ?

Tôn Tần gật đầu, đáp:

- Đúng vậy ! Đúng vậy !

Tề Tuyên Vương cảm thấy khó hiểu, lại hỏi :

- Chẳng lẽ ngài có ý kiến thứ ba của riêng mình chăng.

Tôn Tần lại gật đầu, nói :

- Đúng vậy! Đúng vậy! Chúng ta không cứu nước Hàn, thì có nghĩa là bỏ rơi nước Hàn, và để mặc cho nước Ngụy càng thêm cường thịnh. Nhưng nếu bây giờ chúng ta đi cứu ngay nước Hàn, thì có nghĩa là chúng ta đánh giặc thay cho nước này, để họ ngồi không tọa hưởng, còn ta thì gánh vác sự tổn thất nặng nề của chiến tranh. Do đó, thần cho rằng hai ý kiến trên đều không thể chấp nhận được.

Tề Tuyên Vương nôn nóng hỏi :

- Đại địch đang kéo tới, vậy quân sư hãy mau nói rõ ý kiến thứ ba của mình đi.

Tôn Tần bình tĩnh đáp :

- Thần nghĩ rằng, ta nên cử binh sau để giành phần chiến thắng. Trước tiên chúng ta nên hứa với vua nước Hàn là sẽ cử binh tiếp ứng, để cho nước này an tâm chống lại quân đội của nước Ngụy. Chờ cho nước Hàn và nước Ngụy đánh nhau đều bị thương vong, đều bị tổn thất, thì chúng ta mới thừa cơ đó mà xuất binh. Như vậy, ta dùng sức ít mà lại thu lợi to !

- Đúng là diệu kế ! Đúng là diệu kế !

Tề Tuyên Vương vui mừng, to tiếng khen tặng. Thế là nhà vua nhanh chóng tiếp kiến sứ thần của nước Hàn, nói :

- Xin trở về tâu lại với quốc quân của ngài, hãy cố gắng chống lại quân Ngụy, đừng bao giờ rút lui. Đại quân của nước tôi sẽ đến ngay tức khắc, để hợp sức đánh bại quân Ngụy.

Sau khi sứ thần của nước Hàn đi, Tôn Tần liền phái người vào đất Hàn để quan sát chiến cuộc, rồi liên tục báo tin về. Chờ cho quân Hàn trải qua năm trận đánh đều bị bại cả năm, phải rút lui vào kinh thành cố thủ. Tôn Tần cho rằng thời cơ đã đến, xin Tề Tuyên Vương xuống chỉ xuất quân. Tề Tuyên Vương liền cử Điền Ky làm Đại Tướng, Điền Anh làm Phó Tướng, Tôn Tần làm Quân Sư, dẫn mười vạn đại binh đi cứu nước Hàn.

Điền Ky sau khi nhận mệnh lệnh của vua, liền chọn tinh binh và tướng mạnh chuẩn bị lương thảo đầy đủ, rồi xuống lệnh tiến thẳng vào nước Hàn. Nhưng, Tôn Tần vội vàng ngăn lại, nói :

- Không thể được, không thể được ! Trước kia chúng ta- cứu Triệu, quân ta không vào Triệu mà vẫn cứu được Triệu. Nay đi cứu nước Hàn, thì quân ta vẫn không vào nước Hàn mà lại cứu được nước Hàn?

Điền Ky bưng hiểu ra, nói :

- Ý của quân sư là chúng ta lại xua quân bao vây nước Ngụy để cứu nước Hàn chẳng ?

Tôn Tần chỉ cười mà không đáp. Thế là mười vạn quân Tề theo đại lộ như đi cứu nước Triệu thuở trước, tiến nhanh vào đất Ngụy như một mũi tên bắn thẳng vào quả tim của nước này là đô thành Đại Lương.

Bàng Quyên sau khi xua quân tiến vào đất Hàn, tuy gặp phải sự kháng cự ngoan cường của quân Hàn, bị tổn thất không phải nhỏ, nhưng rốt cục qua năm trận đánh to đều được đắc thắng, và đã xua quân tiến tới bao vây đô thành của nước Hàn. Xem ra, đại công của ông ta sắp sửa hoàn thành. Bàng Quyên đang tính toán việc vào thành để tiếp nhận nghi thức đầu hàng của nước Hàn, nên trong lòng không khỏi dương dương tự đắc. Bỗng, ông ta lại nghe tin quân Tề xâm nhập vào nước Ngụy, nhất là Tôn Tần và Điền Ky lại được phục chức, nên không khỏi sợ hãi.

Ông ta vốn có ý nghĩ để mặc cho hậu phương ra sao thì ra, cố gắng đánh chiếm kinh đô của nước Hàn. Nhưng Ngụy Huệ Vương đã liên tiếp sai ba lượt người đến truyền thánh chỉ, khiến Bàng Quyên đành phải xuống lệnh bỏ nước Hàn kéo trở về Ngụy Quốc.

Tôn Tần được tin Bàng Quyên kéo quân trở về, bèn nói với Điền Ky:

- Quân Ngụy từ trước đến nay hung hăng háo chiến, lại rất khinh thường quân Tề. Chúng ta có thể lợi dụng tâm lý này của họ, giả vờ như sợ đánh nhau để làm tăng thêm tính kiêu ngạo của họ, rồi sau đó mới xuất kỳ bất ý đánh bại chúng.

Điền Ky lại vẫn kế thêm với Tôn Tần. Tôn Tần kể miệng sát tai Điền Ky thì thậm nói nhỏ một lúc. Điền Ky tỏ ra vui mừng, bèn xuống lệnh thi hành đúng theo kế hoạch của Tôn Tần.

Bàng Quyên dẫn đạo quân chiến thắng cấp tốc trở về nước. Ông ta quyết đánh một trận sinh tử với Tôn Tần. Sau mấy hôm, quân đội của Bàng Quyên đã về tới đất nước của mình. Quân Tề tránh không đánh nhau với Bàng Quyên, mà kéo quân lui về nước. Bàng Quyên đắc ý cười to, nói:

- Hả hả! Thằng què họ Tôn Tần này thì không được như lần trước rồi. Chắc là nhà người sợ ta chứ gì ?

Con trai của Bàng Quyên là Bàng. Anh nói:

- Soái phụ chớ nên khinh địch đấy !

- Ô! - Bàng Quyên gật đầu nói tiếp - Lần này ta không liều lĩnh tiến quân như lần trước nữa đâu.

Ông ta bèn ra lệnh cho Bàng Anh dẫn người đi đến doanh trại của quân Tề vừa rút lui, đếm xem số bếp của quân Tề nấu là bao nhiêu. Qua đó, ông ta đoán được quân Tề đông đến mười vạn người, bèn nghĩ bụng : “Mười vạn người là một con số không nhỏ, vậy ta phải hết sức cẩn thận” Bàng Quyên bèn xuống lệnh :

- Hãy cẩn thận truy kích, tuyệt đối đừng để lọt vào ổ mai phục của địch.

Qua ngày hôm sau, Bàng Quyên lại sai người đến doanh trại của quân Tề vừa rút lui để đếm số bếp của họ nấu cơm, và tính ra chỉ còn lại có năm vạn người. Bàng Quyên không khỏi vui mừng, nghĩ bụng : “Hả hả ? Đúng là quân Tề nhát gan, sợ đánh nhau. Chỉ trong vòng một ngày mà chúng bỏ trốn đến năm vạn người. Vậy thì hãy truy kích. Nhất định phải truy kích đến cùng!”

Quân Ngụy lại tiếp tục đuổi theo quân Tề suốt một ngày nữa. Bàng Anh đêm đó lại tìm đến doanh trại của quân Tề vừa rút bỏ để đếm số bếp nấu cơm, thấy số bếp này chỉ dùng đủ cho ba vạn người. Bàng Quyên hết sức cao hứng, đưa tay lên vỗ trán, nói :

- Hả hả ! Mười vạn quân Tề nay đã bỏ trốn hết quá nửa. Bớ gã què họ Tôn ơi ! Ngày chết của nhà ngươi không còn xa nữa!

Thái tử Thân thấy Bàng Quyên quá vui mừng, bèn nhắc nhở ông ta :

- Tôn Tản là người có nhiều mưu kế đa đoan, vậy Bàng tướng quân không nên coi thường.

Bàng Quyên nói một cách đầy kiêu ngạo :

- Thằng què họ Tôn đó tuy có mưu kế đa đoan, nhưng lính của nó thiếu can đảm, không bằng lòng bán mạng cho nó, thì thử hỏi nó có cách gì hơn? Nếu Thái tử sợ, thì chúng mình có thể chia quân ra làm hai toán. Thần sẽ dẫn quân đi trước để truy kích chúng, quyết bắt sống cho được Tôn Tản, trả lại mối thù bại trận tại Quế Lăng trước kia.

Thái tử Thân nghe vậy, suy nghĩ một lúc, bèn nói :

- Như vậy cũng được. Nếu tiền quân của ngài có bị sơ thất, thì hậu quân - của tôi sẽ dốc hết sức để chi viện.

Tôn Tản co tay tính nhẩm, thấy với tốc độ hành quân của Ngụy quân, đoán chắc vào chiều ngày hôm nay trước khi mặt trời lặn, họ sẽ đến địa giới Mã Lăng Đạo. Mã Lăng Đạo là nơi địa hình hiểm trở, núi cao rừng rậm, hẻm núi chỉ vừa đủ cho một người cưỡi ngựa đi qua. Nơi đây, đúng là nơi có địa thế tốt để bố trí phục binh. Tôn Tản bèn xuống lệnh :

- Toàn quân hãy dừng lại, nấu cơm ăn cho no, rồi mai phục hai bên núi, lấy một đạo quân nghỉ ngơi khỏe mạnh, đánh một đạo quân mệt nhọc của chúng.

Bàng Quyên vì nóng lòng muốn lập công, nên đã dẫn năm nghìn binh mã đi bất kể ngày đêm để truy kích. Khi đến Mã Lăng Đạo thì mặt trời vừa lặn xuống phía Tây. Lúc bấy giờ là cuối tháng mười. Trên trời không trăng lại không sao, hai bên đường những cây tùng cổ thụ cao ngất trời, nên chung quanh tối đen, ngửa bàn tay ra nhìn không thấy, người đi sau cũng không thấy được người đi trước. Tiên phong là Bàng Anh quay lại báo :

- Phía trước có nhiều cây cối đốn đẽ chặn đường, quân ta rất khó tiến lên.

Bàng Quyên nói :

- Đó là do quân Tề sợ quân ta đuổi theo, nên chúng mới hạ cây đẽ chặn đường, chúng tỏ chúng rất sợ hãi, vậy hãy mau dọn cây, tiếp tục tiến lên.

- Xin tuân lệnh !

Bàng Anh quay lưng bỏ đi, ra lệnh cho binh sĩ đốt đuốc lo dọn những cây rừng bị đốn đẽ chặn đường, dẹp hết mọi chướng ngại. Bàng Anh trông thấy trên một thân tùng cổ thụ gần đấy, vỏ cây đã bị lột bỏ, để lộ thịt cây trắng tinh, và có viết một số chữ lên đó, nên vội vàng trở lại báo cho Bàng Quyên biết.

Bàng Quyên ra lệnh cho một tiểu binh cầm đuốc đi theo mình đến xem, thấy trên thân cây viết bảy chữ to rất bắt mắt : "Bàng Quyên sẽ chết tại gốc cây này".

Vừa xem xong, Bàng Quyên cảm thấy như bị sét đánh ngang mày, buột miệng nói to:

- Nguy rồi ! Nguy rồi ! Ta đã trúng kế thằng què họ Tôn rồi ? Mau rút lui! Mau rút lui!

Lời nói của ông ta chưa dứt, thì hai bên núi trống chiến của quân Tề đã nổi lên ầm ầm rồi đạn lửa bắn ra như mưa. Quân Ngụy bị trúng tên lóp ngã chết, lóp đạp nhau bỏ chạy. Riêng Bàng Quyên bị trúng liên tiếp mấy mũi tên. Máu chảy đầm đề, đau đớn khó tả. Bàng Quyên tự biết mình khó thoát khỏi nơi này, nên ngước mặt lên trời cao than rằng :

- Hỡi trời! Đáng tiếc là trước kia ta không giết chết thằng què đó cho rồi, để ngày hôm nay nó được công thành danh toại!

Nói dứt lời, thì bị trúng thêm mấy mũi tên nữa. Bàng Quyên tuốt bảo kiếm ra tự sát tại chỗ.

Riêng Bàng Anh cũng bị tên bắn khắp cả người, trông chẳng khác nào một con nhím, ngã chết bên cạnh cha. Quân Tề thừa thắng, truy kích đánh quân Ngụy tan tác, lóp chết, lóp đầu hàng, không ai có thể chạy thoát vòng vây.

Lúc bấy giờ Thái tử Thân đang chỉ huy hậu quân, hay tin tiên quân đã bị phục kích, nên vội vàng xuống lệnh hạ trại không tiến lên nữa. Nhưng không ngờ hành động của ông ta đã muộn. Điền Anh đã xua quân xông lên sát phạt. Thái tử Thân vội vàng chỉ huy quân đội của mình chống lại. Tiếp đó, quân đặc thắng của Điền Ky, cũng quay lại tiếp ứng với Điền Anh. Quân Ngụy thấy vậy càng thêm sợ hãi, hàng

ngũ rồi loạn, không còn tinh thần chiến đấu nữa. Thái tử Thân bị Điền Anh bắt sống. Bàng Thông cũng rút khí giới đầu hàng. Hơn mười vạn đại quân của Ngụy đã bị tiêu diệt.

Quân Tề đắc thắng kéo trở về nước. Tiếng tăm của quân Tề vang dội khắp các chư hầu, và đã xưng bá ở phía Đông. Tề Tuyên Vương thưởng Điền Kỳ lên làm Tướng quốc. Riêng Tôn Tản thì không nhận sự phong thưởng. Ông để một số thì giờ viết bộ sách “Tôn Tản binh pháp” hiến cho quốc gia, rồi sau đó đi tới một vùng núi sâu không rõ tên để quy ẩn, hàng ngày làm bạn với mây trời và suối trong...

IV. Tô Tần - Mưu Lược Gia Về Thuật “Tung Hoành Bài Hợp”

Tô Tần là một nhân vật có tính truyền kỳ trong lịch sử thời Chiến Quốc.

Theo sách "Sử ký" phần "Tô Tần liệt truyện" chép, thì Tô Tần cùng với Trương Nghị từng giữ nhiệm vụ Tướng quốc của sáu nước. Cả hai đều là "tung hoành gia". Họ chủ trương "hợp tung" để đối phó với nước Tần mạnh mẽ thời bấy giờ, làm cho quân Tần không dám dòm ngó Hàm Cốc Quan suốt mười lăm năm. Nhưng, rốt cuộc do các đại phu của nước Tề tranh giành sự sủng ái của nhà vua, nên đã dẫn tới Tô Tần bị giết chết tại nước Tề.

Trên đây chính là hình tượng Tô Tần trong tâm khảm của mọi người. Hình tượng đó chủ yếu bắt nguồn từ sách “Sử ký” của Tư Mã Thiên. Nhưng, trên thực tế hình tượng đó so với sự thật lịch sử có chỗ khác nhau ít nhiều.

Tháng mười hai năm 1973 đã khai quật được một bộ sách lụa (bạch thư) tại ngôi mộ người nhà Hán ở Mã Vương Đồi tại Trường Sa thuộc tỉnh Hồ Nam. Sách này gồm có tất cả hai mươi bảy chương. Người có trách nhiệm chỉnh lý mệnh danh sách này là "Chiến Quốc tung hoành gia thư" (gọi tắt là sách lụa).

Trong bộ sách này có tất cả mười tám chương ghi chép về sự tích của Tô Tần, và có khoảng 60% nội dung không hề thấy ghi chép trong những bộ sách "Sử ký", "Chiến quốc sách" thuộc ấn bản hiện nay. Việc khai quật được bộ “sách lụa” nói trên, đã vén lên màn bí mật về Tô Tần suốt hai nghìn năm qua. Nó cũng giúp cho các học giả có thể hình dung lại các sự tích về Tô Tần. Chúng tôi dựa vào tư liệu này, để tái hiện chân diện mục của nhà tung hoành cổ đại này trong lịch sử, để quý vị độc giả tham khảo.

1. Đâm Vào Đùi Để Khổ Học

Tô Tần là người thôn Thừa Thiên, thuộc Lạc Dương (nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hồ Nam) thuộc lãnh thổ của Đông Châu. Ông xuất thân từ một gia đình nông dân bình thường. Tô Tần có tất cả năm anh em, ông là con út nên lấy tự là Quý Tử. Các anh của ông gồm có Tô Đại, Tô Lệ, Tô Bích, Tô Cốc, đều là những nhà mưu lược về thuật “tung hoành” nổi tiếng một thời.

Năm sinh đích xác của Tô Tần cho đến nay không có tư liệu nào để tham khảo. Theo sách "Sử ký" phần “Yên thế gia” chép thì : "(Văn Công) năm thứ hai mươi tám (334 trước công nguyên), Tô Tần mới bắt đầu yết kiến". Dựa theo "Sách lược" thì sự ghi chép này là sai lầm. Theo chương thứ hai mươi trong "Sách lược" thì : "Tề tấn công Ngụy, Vi Ông Thị nước Sở đánh bại Tần tại Khuất Cái", lại nói : "Chùng đó Tô Tần mới đến". Như vậy, rõ ràng lúc đó Tô Tần vừa mới bước chân vào vũ đài chính trị, và đó là những lời du thuyết của ông đối với Trần Chẫm. Nếu căn cứ vào câu "Tần bại Khuất Cái" vào năm 32, và nếu đặt giả thiết Tô Tần là thanh niên lần đầu tiên xuất hiện trong vũ đài chính trị khoảng hai mươi tuổi, thì có thể đoán được năm sinh của ông là khoảng trước sau năm 332.

Lúc bấy giờ, chính là giai đoạn giữa của thời Chiến Quốc, các nước đang tranh giành đất đai giữa nhau một cách quyết liệt. Cho nên, có rất nhiều kẻ sĩ đi du thuyết về thuật tung hoành với các chư hầu. Họ dùng ba tác lưởi để tìm phú quý công danh, và trở thành các bậc khanh tướng áo trắng, có uy quyền rất to, tiếng tăm vang dội. Đối với những người này, Tô Tần tỏ ra rất ngưỡng mộ. Hơn nữa, ngay từ nhỏ ông đã chịu ảnh hưởng của các người anh, nên lập chí đi theo con đường này. Ông đơn thân độc mã tìm tới nước Tề, và xin vào học với một bậc đại sư về thuật tung hoành là Quỷ Cốc tiên sinh, để học tập về môn này.

Sau khi học xong, Tô Tần trước sau đến du thuyết tại các nước như Châu, Tần, Triệu v.v... nhưng đều không được trọng dụng, nên đành phải quay về nhà và cảm thấy rất thẹn. Sau khi về tới nhà, vợ và chị dâu của Tô Tần đều xem khinh ông, chê cười ông là người không lo làm ăn chính đáng như làm nghề nông, nghề thương. Họ cho rằng với tài năng của Tô Tần, mà muốn đi bon chen tìm công danh thì có khác nào như chuyện nằm mộng.

Tô Tần nghe qua, chẳng những không buồn nản, mà trái lại, suốt ngày đóng cửa phần chí lo việc học hành. Ông ngày đêm nghiên cứu học hỏi các chương sách như "Âm phù", "Sủy Tình", "Ma ý" v.v... để tìm hiểu phương pháp thuyết phục các vị vua chúa. Ông học đến nửa đêm thường ngủ gật, nên đã “dùng dùi đâm vào đùi, máu chảy tới bàn chân” (chương một trong Tân Sách). Tinh thần khắc khổ học hỏi đó, được người đời sau liên tục truyền tụng. Việc Tô Tần dùng dùi nhọn đâm vào đùi để học, cũng giống như chuyện Tôn Kính treo tóc mình lên xà nhà để chống ngủ gật, đều được đưa Vào Sách Tam Tự Kinh, và được xem là tấm gương phần chí để học hỏi. Tất nhiên, mục đích đâm dùi vào đùi để lo học của Tô Tần, chính là muốn mưu cầu công danh phú quý. Nhưng ý chí tiến thủ và tinh thần phần chí học tập của ông vẫn là việc mà ngày nay cũng nên đề xướng.

Quả nhiên, sự đời không bao giờ phụ lòng người có chí. Chỉ một năm sau, trình độ học vấn của Tô Tần đã thật vượt bậc, thuật thăm dò tìm hiểu của ông cũng được đề cao không ít. Tô Tần lại bắt đầu đi du

thuyết các nước. Lúc bấy giờ, hai nước Tề và Tần là hai nước khá cường thịnh và đều nuôi tham vọng tiêu diệt sáu nước để thống nhất thiên hạ. Trong khi đó, các nước yếu thì hoặc công khai hoặc ngầm ngầm đấu tranh với nhau, rất dễ bị nước mạnh lần lượt tiêu diệt từng nước một. Tô Tần cực lực chủ trương “hợp tung”, tức liên hiệp những nước yếu lại, để chống những nước mạnh. Do vậy, ông trước tiên đến nước Yên, là một nước nhược tiểu nhất thời bấy giờ.

2. Nghìn Dặm Đến Nước Yên

Nước Yên nằm ở một góc xó, là một quốc gia yếu nhất trong "thất hùng". Thái sử Công từng nói: “Yên nằm sát Man Lạc, bên trong phải chịu nghe theo sự sắp xếp của Tề và Tấn, nằm lẫn giữa các cường quốc, nhưng lại là nước yếu nhất, đã mấy lần suýt bị tiêu diệt”(Theo “Yên thế gia” trong sách “Sử ký”).

Nước Yên sống giữa bão táp, “phía Đông không bằng Tề, phía Tây không bằng Triệu (Theo chương một quyển “Yên sách”). Kinh địch của nước Yên trước tiên phải là hai nước Tề và Triệu láng giềng. Nhất là nước Tề là nước luôn có sự uy hiếp to lớn nhất đối với nước Yên.

Năm 314 trước công nguyên. Yên Vương là Khoái Pháp Cổ nhường ngôi cho người Tướng quốc của mình là Tử Chi dẫn đến nội loạn. Nước Tề nhân cơ hội đó liên kết với Trung Sơn tiến chiếm nước Yên. Yên Vương Khoái và Tử Chi đều chết. Bá tánh của nước Yên bị chiến tranh tàn phá, đói kém mất nhà cửa, phải bỏ đất đi lang thang khắp mọi nơi. Cuộc sống thật là đồ thán. Yên Chiêu Vương (công tử Chức) là một nhà vua anh minh, đã lên nối ngôi trong một khung cảnh đổ nát hoang tàn, ông quyết chí đánh bại nước Tề rửa mối thù đẫm máu.

Muốn phục thù thì trước tiên phải chấn hưng nước nhà, muốn chấn hưng nước nhà thì cần phải cầu người hiền tài. Yên Chiêu Vương sau khi nghe Quách Quỷ nói câu chuyện cổ tích về “nghìn vàng mua xương ngựa”, bèn mạnh dạn dùng Quách Quỷ làm soái, rồi xây một cái đài bằng vàng, bên trên để hàng nghìn lượng vàng, với mục đích chiêu tập hiền sĩ từ bốn phương về với mình.

Tô Tử được tin, bèn từ nước Châu đến nước Yên. Trâu Diễn, được tin bèn từ nước Tề đi đến nước Yên. Lạc Nghị được tin, bèn từ nước Triệu đi tới nước Yên. Khuất Cảnh được tin, bèn từ nước Sở đi tới nước Yên. Tất cả bốn nhân tài này đều tập trung cả về nước Yên. Và quả nhiên đã giúp được nước Yên đối đầu với nước Tề mạnh hơn. (Theo phần "Quần đạo" trong sách "Thuyết uyển"). Tô Tử nói ở đây tức là Tô Tần. Tô Tần khi đi về nước Yên là năm thứ ba sau khi Yên Chiêu Vương đã dùng Quách Quỷ làm soái, tức trước năm 308 trước công nguyên.

Sau khi Tô Tần đến nước Yên, Yên Chiêu Vương đối với ông tỏ ra trọng thị, tự mình đi ra tận ngoại ô để nghênh tiếp, rồi bày tiệc thịnh soạn khoản đãi, dùng lễ rất trọng hậu. Tô Tần cũng không phụ lòng Yên Chiêu Vương, ông thăm dò tìm hiểu và biết được tâm sự của nhà vua, nên tích cực lo mưu hoạch chuyện đánh Tề giúp Yên Chiêu Vương. Tổng chiến lược dùng để đánh bại nước Tề của Tô Tần là khuyên nước Tề đánh nước Tống, để từ đó nước Tề bị cô lập và tiêu hao tiền tài, vật lực, và cũng để nước Tề bớt đi sự cảnh giác đối với nước Yên, rồi mới thừa cơ đánh bại họ. Tô Tần nói với Yên Chiêu Vương:

- Trong thiên hạ gồm có bảy chiến quốc, mà Yên là nước yếu nhất, nếu đánh một mình thì không được, vậy có điều kiện liên hợp với ai thì phải hết sức trọng thị. Nếu vương có thể tạm gác tình thương, đưa con, mẹ, và em sang nước Tề làm con tin rồi lại dùng găm vóc, châu báu hối lộ cho các đại thần của

họ, khiến nước Tề có thái độ hòa hoãn với nước Yên, rồi chỉ lo tiêu diệt nước Tống, thì nước Tề cuối cùng cũng sẽ bị mất thôi.

Để báo đáp cái ơn tri ngộ với Yên Chiêu Vương, Tô Tần mạnh dạn đề xuất, bằng lòng đứng ra để hoàn thành tổng chiến lược tiêu diệt nước Tề của mình, bằng cách tự mình sang Tề để làm nội ứng. Tô Tần nói :

- Vương tự lo việc đối ngoại, còn Tần thì sẽ báo tin mật ở bên trong, qua đó đã tạo được cái thế đánh bại nước Tề. Nhưng, do phải rời nước Yên lâu dài sang nước Tề làm gian tế, là một chuyện vừa nguy hiểm, mà lại còn dễ bị gièm pha, ly gián, khiến Yên Vương có lòng hoài nghi đối với mình. Cho nên Tô Tần bèn kể cho Yên Chiêu Vương nghe một câu chuyện cổ về người có lòng chung tình mà lại gặp sự báo đáp đau thương.

Câu chuyện như thế này : có một người nọ đi làm ăn xa đã ba năm, vợ ở nhà tư thông với người khác. Khi nghe chồng sắp trở về, bà vợ và cả người tư thông đều sợ hãi. Người này hỏi bà vợ phải đối phó ra sao ? Gian phụ đã có sự tính toán trước, nên chuẩn bị sẵn rượu có bỏ thuốc độc để đầu độc chồng. Sau khi người chồng về tới nhà, bà vợ bèn sai người thiếp của chồng đưa rượu tới mời chồng uống, với ý đồ giá họa cho người khác. Người thiếp nghĩ bụng: “Nếu đưa rượu này cho chồng uống thì chắc chắn chồng sẽ chết. Trái lại, nếu đem sự thật tố cáo bà vợ chánh, thì bà vợ chánh chắc chắn sẽ bị đuổi đi. Cả hai phương pháp này đều không tốt”. Thế là, người thiếp giả vờ vấp chân té, làm đổ tất cả rượu độc xuống đất. Bà vợ chánh thấy độc kế của mình đã hỏng, bèn xúi bẩy chồng đánh đập người thiếp. Ông chồng đang tức giận, bèn trói người thiếp lại rồi dùng roi quất tui bụi.

Tô Tần đem chuyện người tiểu thiếp trung thành với chồng, nhưng trái lại bị chồng đánh tàn nhẫn nói cho Yên Vương nghe, hy vọng trong thời gian ông sang nước Tề để hoạt động gián điệp, thì Yên Chiêu Vương ở nhà đừng nghe theo lời gièm pha ly gián của người khác, mà phải tin tưởng, không đời đời đối với ông, đừng để ông phải chịu cảnh ngộ như người tiểu thiếp kia, do lòng trung thành với chồng mà lại bị đánh đập tàn nhẫn.

Yên Chiêu Vương nghe qua kiến nghị của Tô Tần, bèn nói :

- Được ! Trẫm sẽ cử khanh giữ chức Thượng Khanh, ban cho khanh một trăm cỗ xe, khanh dựa vào đó để giúp quả nhân sang phía Đông du thuyết nước Tề.

Đoạn văn trích dẫn trên đều lấy từ "Yên sách" trong quyển "Chiến quốc sách". Nhưng có điều là người biên soạn đã làm lẫn Tô Tần trong đoạn văn này là Tô Đại. Chỉ cần tham khảo "Sách lược" thì biết rõ sự thật.

3. Làm Gián Điệp ở Tề

Năm 300 trước công nguyên, Yên Chiêu Vương sai người em của mình là Tương An Quân sang nước Tề để làm con tin. Tô Tần cũng đi theo sang nước Tề. Nhiệm vụ của Tô Tần là : "Làm cho nước Tề không nghi tới nước Yên, kế đó là làm cho mối bang giao giữa nước Tề và nước Triệu trở thành xấu đi". Tô Tần đi vào nước Tề lần này, mặc dù không bị tráng như lần tổng biệt tại Dịch Thủy, không khí cũng không thê lương bằng lúc Kinh Kha sang Tần làm thích khách, nhưng Tô Tần cũng giống như Kinh Kha, ôm ấp chí nguyện "một đi không trở về". Để quyết tâm ra đi, Tô Tần nói với Yên Chiêu Vương :

- "Thần lấy cái chết để làm tròn nhiệm vụ", "thần lấy cái chết để tạo mối bang giao hòa hoãn giữa Tề và Yên" (chương bốn, Sách lược).

Như mọi người đều biết, hai nước láng giềng lớn của Yên là Tề và Triệu đều là cường quốc cả. Tô Tần lần thứ nhất sang Tề, đúng lúc Triệu Võ Linh Vương đang thực hành việc ăn mặc theo người Hồ và tập cưỡi ngựa bắn cung, mạnh dạn tiến hành cải cách rộng rãi, nên nước nhà mỗi ngày một mạnh thêm. Trong khi đó ở nước Tề, vua Tề Mân Vương cũng vừa lên ngôi, nhưng quyền binh hoàn toàn nằm trong tay của Tiết Công Mạnh Thường Quân. Mạnh Thường Quân liên tiếp nhiều năm lo việc xua quân đánh Sở và đánh Tần, tích cực lôi kéo nước Triệu là một nước đang mạnh dần lên, để cùng nước này liên hợp với nhau. Vào năm 296 trước công nguyên, họ tiêu diệt được nước Trung Sơn. Tình thế về mặt khách quan bất lợi đối với việc Tô Tần phải hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Sau khi Tô Tần đến nước Tề, cố hết sức tạo mối quan hệ tốt với Mạnh Thường Quân. Qua đó, ông cực lực khuyên ngăn Mạnh Thường Quân đừng vào nước Tần để làm Tể Tướng, lại từng hiến kế sách cho Mạnh Thường Quân nên bắt giữ Thái tử của nước Sở, để lấy đó trao đổi với nước Sở (Chương ba, Tề Sách).

Tô Tần đến Tề lần này, trước sau ở lại năm năm. Mặc dù trên mức độ nào đó, ông đã hòa hoãn được mối quan hệ vốn căng thẳng giữa Tề và Yên, tranh thủ được sự tín nhiệm của Tề Mân Vương, nhưng vẫn không có cách nào lung lạc được Mạnh Thường Quân nên việc thực hiện mục tiêu "làm cho mối bang giao giữa Tề và Triệu xấu đi", không thể hoàn thành được.

Cuối năm 289 trước công nguyên, Tô Tần lần thứ hai lại từ nước Yên đi sang nước Tề. Khác hẳn với lần trước, lần này Yên Chiêu Vương chuẩn bị cho Tô Tần rất nhiều của cải quý báu, dựng đầy cả một trăm năm chục cỗ xe, nên đội ngũ đi vào nước Tề rất bề thế.

Nước Tề tiếp đãi Tô Tần trọng hậu. Thừa tướng của nước Tề là Hàn Dàn đích thân ra trước cửa quốc đô để nghênh đón và tự mình đánh xe cho Tô Tần.

Lúc bấy giờ, tình hình khách quan đã có sự thay đổi khá lớn. Phụng Dương Quân Lý Đaoái của nước Triệu bao vây giết Triệu Võ Linh Vương, rồi tự mình chuyên quyền ở nước Triệu. Nước Tề cũng do

Mạnh Thường Quân xúi quẩy quý tộc của nước này là Điền Giáp mưu sát Tề Mân Vương không thành, nên Mạnh Thường Quân phải bỏ chạy về đất phong của mình là đất Tiết. Tề Mân Vương nhờ đó mà tự mình nắm hết quyền bính của quốc gia.

Khi Tô Tần đến nước Tề, gặp lúc Ngụy Nhiễm của nước Tần cũng sang Tề để rủ nước Tề cùng xưng đế. Tần sẽ xưng là Tây Đế, còn Tề sẽ xưng là Đông Đế. Sau đó, hai bên lại hợp tác với nhau để đánh Triệu. Kiến nghị này đánh trúng vào tâm lý háo công háo thắng của Tề Mân Vương, nên được nhà vua tiếp nhận ngay.

Nhưng, khi Tề Mân Vương hỏi ý kiến của Tô Tần vừa mới đến nước Tề, thì Tô Tần kiên quyết phản đối, và đề xuất kiến nghị không xưng đế, mà quay sang đánh Tống như ông trù hoạch từ lâu. Tô Tần nói :

- Tề buông bỏ việc xưng đế, thì thiên hạ sẽ yêu Tề mà ghét Tần. Còn đánh Triệu thì không lợi bằng đánh Tống. Do vậy, thần mong Đại vương sẽ bỏ việc xưng đế để thuận theo lòng thiên hạ, đồng thời cũng để nước Tần bị tất cả mọi người chống đối càng mạnh hơn. Nước Tề trút được gánh nặng đó, để chỉ lo việc đánh Tống mà thôi (Theo chương 4, Tề Sách).

Kiến nghị trên đây của Tô Tần, ngoài như chỉ nghĩ tới quyền lợi của Tề Mân Vương, nhưng kỳ thật thì chính là một sự toan tính có lợi cho nước Yên. Nước Yên nằm về phía Bắc của nước Tề, còn nước Tống thì nằm về phía Nam của nước này. Nếu Tề cử binh đánh Tống, thì tất nhiên việc biên phòng ở phía Bắc sẽ lỏng lẻo đi, giúp nước Yên có cơ hội để lợi dụng. Kế đó, hai nước Sở và Ngụy, đều tiếp giáp với Tống, nên một khi Tề đánh Tống thì Sở và Ngụy cũng xua quân để giành đất. Riêng nước Tần cũng không để yên. Do vậy một khi Tề đánh Tống thì sẽ lâm vào cảnh bốn mặt đều thù địch. Kế này của Tô Tần là kế chỉ bắn ra một viên đạn, mà bắt được đến mấy con chim, quả là sáng suốt.

Quả nhiên, Tề Mân Vương đã cắn câu. Đất Tống nằm tại một vị trí xung yếu, sản vật phong phú, từ bấy lâu nay các nước chung quanh đều tỏ ra thèm thuồng. Tề và Tống gần nhau trong gang tấc, nếu sau khi diệt được Tống, thì tất cả đất Tống sẽ quy vào bản đồ của nước Tề. Điều này đối với Tề Mân Vương mà nói, thì rõ ràng có sức hấp dẫn quá to. Tề Mân Vương nghe theo kiến nghị của Tô Tần, lập tức bãi chức Thừa tướng của Hàn Dàn, cử Tô Tần lên thay chức vụ này. Năm 288 trước công nguyên, Tề Mân Vương và Triệu Huệ Vương gặp nhau tại A, cùng bàn bạc về việc liên hợp để đánh Tần. Nước Tề bãi bỏ việc xưng đế hiệu. Tề Mân Vương xưng đế chỉ vỏn vẹn có hai tháng. Cuộc họp nói trên là một cuộc họp quan trọng, đánh dấu sự liên minh giữa Tề và Triệu được chính thức hình thành, và cũng đánh dấu kế hoạch thúc đẩy nước Tề bãi bỏ xưng đế và cử đánh Tần đã được bắt đầu thực thi. Tô Tần tham gia cuộc hội nghị tại A, trở thành một nhân vật trung tâm từ bên trong lẫn bên ngoài cuộc họp.

Sau cuộc họp tại A, quân Tề an tâm mở cuộc tấn công vào nước Tống. Hai nước Triệu và Ngụy cũng phát binh phối hợp. Nước Yên càng tích cực hơn, phái hai vạn quân để tương trợ nước Tề đánh Tống. Dưới áp lực nặng nề, nước Tống bất đắc dĩ phải cắt nhường phần đất phía Bắc sông Hoài cho nước Tề để giảng hòa.

Trở lực lớn nhất đối với nước Tề trong việc tiêu diệt nước Tống chính là nước Tần. Nước Tề lần đầu tiên đánh Tống, thì nước Tần phái ngự sử Khởi Giả đến Tề để ngăn cản. Do vậy Tề Mân Vương sau khi tạm thời giảng hòa với Tống, bèn phái Tô Tần sang Yên và Tam Tấn, để tổ chức một cuộc "hợp tung" nhằm đánh Tần, rồi nhân cơ hội đó sẽ tiêu diệt nước Tống. Tô Tần đi lần này, ngoài mặt là thay

cho Tề Mân Vương đi liên hợp cùng năm nước đánh Tần, nhưng kỳ thực bên trong là để sách hoạch một cuộc liên minh giữa năm nước chống Tề.

Đến cuối năm 288 trước công nguyên, Tô Tần từ nước Tề trở về nước Yên. Cùng lúc đó, Tề Mân Vương đã giết chết tướng Yên được phái sang để giúp Tề đánh Tống. Yên Chiêu Vương nghe tin giận dữ, nhưng sau khi được Tô Tần và Phàm Do khuyên ngăn, nhà vua biết nếu chuyện nhỏ không nhẫn nhịn thì sẽ hại đến mưu lớn. Vì vậy, Yên Chiêu Vương bèn phái sứ sang Tề nhận lỗi để che giấu đại kế diệt Tề phục thù của mình. Yên Chiêu Vương nhận "mình chọn người thiếu cẩn thận" (Theo chương Hành Luận trong Lã Thị Xuân Thu).

Hành động này của Yên Chiêu Vương làm cho Tề Mân Vương tin tưởng nên lại tiếp tục nằm ngủ ngon trên miệng núi lửa sắp bùng nổ. Để xúc tiến việc Tề đánh Tống, Yên Chiêu Vương lại phái hai vạn binh đến tham gia liên quân chuẩn bị liên hợp để tấn công Tần. Sau đó, Tô Tần lại từ nước Yên sang nước Ngụy (đầu năm 287 trước công nguyên), để tiện việc tổ chức năm nước tấn công Tần. Lúc bấy giờ, Mạnh Thường Quân đã vào nước Ngụy làm Tể tướng. Ông này hết sức căm hận Tề Mân Vương. Cho nên giữa Tô Tần và Mạnh Thường Quân tỏ ra rất hợp ý nhau, ngoài mặt Tô Tần là sứ nước Tề sang liên lạc với năm nước để chuẩn bị đánh Tần, nhưng kỳ thật bên trong Tô Tần đã hứa hẹn với Mạnh Thường Quân, là khi có cơ hội sẽ cùng liên minh chống Tề.

Trong khi Tô Tần đến nước Ngụy, thì liên quân năm nước chuẩn bị chống Tần đã tập kết giữa vùng đất Huỳnh Dương và Thành Cao của nước Ngụy, đồng thời, cử Phụng Dương Quân Lý Đaoái làm chủ soái. Nhưng bề ngoài năm nước như liên kết nhau, còn trong thực tế thì mỗi người đều có mỗi ý định khác nhau. Hơn nữa, Tô Tần tuy danh nghĩa là sứ thần của Tề, nhưng bên trong thì lại bí mật liên hệ lo việc chống Tề. Do vậy, liên quân vẫn chần chừ do dự, để chờ tình thế, không thực sự chuẩn bị việc đánh Tần.

Nhằm xúc tiến liên quân chống Tần nhanh chóng hành động, để cho Tề nhân cơ hội đó đánh Tống. Tề Mân Vương hứa sẽ cắt đất Bình Lăng và Âm Hứa của nước Tống làm đất phong cho Mạnh Thường Quân và Phụng Dương Quân.

Nước Tề vào đầu năm 287, trước công nguyên, đã phát động cuộc tấn công nước Tống lần thứ hai. Qua cuộc đánh Tống này của nước Tề, đã làm cho nước Yên và Tam Tấn đều bất mãn. Họ cảm thấy bị nước Tề bán đứng mình. Do vậy, liên quân tấn công Tần đã lâm vào tình trạng sắp tan rã. Riêng Yên Chiêu Vương thì nhân cơ hội đó liên bí mật liên hệ với Mạnh Thường Quân của nước Ngụy, và Hàn Tử của nước Triệu, định cùng tấn công Tề. Nhưng do kế hoạch của họ bị tiết lộ, Tề Mân Vương hay được bèn xuống lệnh cho quân đang tấn công Tống quốc kéo trở về nước vào tháng tám năm đó, để đề phòng đối phó với cuộc tấn công của nước Yên. Do vậy, nên cuộc đánh Tống lần thứ hai của nước Tề đã bị phá sản.

Cuối năm 287 trước công nguyên, Tô Tần lại đi nước Triệu. Triệu Quốc rất trọng thị Tô Tần, phong ông làm Võ An Quân. Trong Tam Tấn thì Triệu là nước có thế lực mạnh nhất. Hàn và Ngụy đều phải dựa vào chí hướng của Triệu mà hành sự. Nếu muốn liên minh để chống Tề, thì Triệu là một lực lượng đáng kể nhất.

Trong khi đó, người đang cầm quyền bính tại nước Triệu là Phụng Dương Quân Lý Đaoái, lại chủ

trương liên minh với Tề. Do vậy, Tô Tần đến nước Triệu để hoạt động gặp nhiều khó khăn. Bất đắc dĩ Tô Tần phải đi liên kết với Hàn Tử là một nhân vật chỉ thấp hơn Phụng Dương Quân một bậc. Hàn Tử là ngoài oán ghét nước Tề, nên đã tán thành việc tấn công Tề. Nhưng việc Tô Tần bí mật lôi kéo người để chống Tề, bị Phụng Dương Quân biết được bèn phái người bắt giữ Tô Tần. Bí quá, Tô Tần phải liên tục viết thư về cho Yên Vương, và qua sự can thiệp của Yên Chiêu Vương, nước Triệu mới chịu thả Tô Tần ra.

Sau khi thoát khỏi sự câu lưu của nước Triệu, Tô Tần liền trở về nước Tề và việc đầu tiên là tìm cách chặn đứng Tề Mân Vương muốn phong đất cho Phụng Dương Quân. Hành động này đã khéo léo làm cho mối quan hệ giữa Tề và Triệu trở thành xấu đi. Thêm vào đó nước Tề đã bí mật giao hảo với nước Tần, nên rốt cục đã dẫn đến sự trở mặt công khai giữa nước Tề và nước Triệu.

Phụng Dương Quân vào năm Triệu Huệ Văn Vương thứ mười ba (286 trước công nguyên), phái Hàn Tử dẫn binh tấn công Tề (Theo Triệu Thế Gia trong sách Sử ký). Cũng trong năm đó, Tề Mân Vương đã triệu hồi Hàn Dàn trở về làm Tể tướng, và Tề cũng liên hợp với Tần. Nhân dịp nước Tống có nội loạn, Tề bèn xua quân đánh Tống lần thứ ba. Tống Vương là Uyển bỏ chạy sang nước Ngụy và chết ở đó. Trận đánh Tống lần này của Tề Mân Vương rốt cục đã được thành công, tiêu diệt được Tống. Nhưng liên quân năm nước do Tô Tần tổ chức để chống Tề, cũng đã kéo tới chân thành của nước này.

4. Công Thành Thiệt Thân

Năm 285 trước công nguyên, mặt trận liên hợp chống Tề do năm nước Tần, Triệu, Hàn, Ngụy, Yên tổ chức đã được hình thành. Tất nhiên, việc hình thành mặt trận liên minh chống Tề này phải quy công cho sự hoạt động bí mật của Tô Tần. Nguy cơ bị tiêu diệt của nước Tề đã hiện ra trước mắt.

Đến năm 284 trước công nguyên, Yên Chiêu Vương đích thân sang Triệu để hội kiến với Triệu Huệ Văn Vương, chính thức tuyên bố tuyệt giao với nước Tề. Tiếp đó, liên quân năm nước đã nhanh như chớp từ khu vực có sự phòng thủ yếu kém của nước Tề ở phía Bắc, kéo quân đánh thốc vào nước này. Quân đội của nước Tề liêu chết chống trả và đã diễn ra một trận đánh to giữa quân Tề và liên quân năm nước tại phía Tây của nước Tề. Kết quả, toàn bộ quân đội của Tề đã bị tiêu diệt.

Sau trận đánh to tại phía Tây của nước Tề, thì Tần, Triệu, Hàn, Ngụy đều án binh bất động. Chỉ riêng có quân đội của nước Yên do tướng Lạc Nghị chỉ huy, tiếp tục đánh thẳng vào nội địa nước Tề, và đã hạ được thủ đô của nước này là Lâm Tri. Tề Mân Vương bỏ chạy đến Cử Thành, bị Náo Xỉ giết chết. Yên Chiêu Vương nằm gai nếm mật suốt hai mươi tám năm, rốt cục đã thực hiện được ý nguyện của mình, trả được mối thù ô nhục từ lâu.

Cuộc đại thắng nước Tề của Lạc Nghị, cố nhiên là không thể tách rời sự lãnh đạo anh minh của Yên Chiêu Vương, cũng như tài năng quân sự của Lạc Nghị. Nhưng bất cứ thế nào, cũng không thể đánh giá thấp tác dụng phản gián của Tô Tần. Trong chương "Dụng gián" của sách "Tôn Tử" có nói: "Xưa kia nước Ân được hưng thịnh, là do có Doãn Chí ở Hạ. Châu sở dĩ được hưng thịnh, là do có Lữ Nha ở Ân". Và, gần đây bộ sách "Tôn Tử" viết trên thẻ tre vừa mới khai quật được trong ngôi mộ đời Hán tại núi Ngân Tước, lại thấy có viết thêm một câu: "Yên sở dĩ hưng thịnh, là do có Tô Tần tại Tề". Như vậy việc khẳng định tác dụng quan trọng qua hành động phản gián của Tô Tần là không còn điều gì phải nghi ngờ nữa.

Sau khi quân Yên đem toàn lực đánh Tề (284 trước công nguyên), thì hành động phản gián của Tô Tần cho nước Yên đã hoàn toàn bộc lộ. Tề Mân Vương hết sức thịnh nộ, bèn hạ lệnh bắt Tô Tần dùng xe để xé xác. Lúc Tô Tần chết mới có năm mươi tuổi. Cả cuộc đời của nhà "tung hoành" này, đã hiến dâng trọn cho nước Yên. Trong bài bình luận về Tô Tần, Phục Kiên có nói: "Tô Tần không giữ chữ tín với nước Tề, nhưng lại giữ chữ tín một cách chung thủy với nước Yên" là người đã "chung thủy với nước Yên". (Phần "Lỗ Trọng Liên, Trâu Dương Truyện trong sách "Sử ký").

Tô Tần chết vì đã đến nước Tề làm phản gián cho nước Yên, bị người thời bấy giờ chê cười, nên sự tích cũng dần dần bị chìm trong sự quên lãng. Nhưng Tư Mã Thiên đối với việc này lại tỏ ra rất cảm động. Trong sách "Sử ký" phần "Tô Tần liệt truyện" ông đã nói: "Tô Tần do làm phản gián mà chết, nên thiên hạ đều cười chê, tránh không học cái thuật của ông. Nhưng người đời nói về Tô Tần có chỗ khác nhau. Cứ thấy những gì tương cận với chỗ khác nhau đó, thì đều dồn cả về cho Tô Tần. Tô Tần là người xuất thân từ giới bình dân, nhưng đã lôi kéo được sáu nước đứng chung thành một trận tuyến, chứng tỏ cái trí của ông hơn người. Chính vì vậy mà tôi đã ghi chép mọi việc làm của ông theo thứ tự

thời gian, chứ chả lẽ để ông phải mang tiếng xấu mãi hay sao? "

Thái Sử Công muốn chính danh cho Tô Tần, dụng tâm đó thực là khổ thay, nhưng do sử liệu thiếu thốn, nên khó tránh được đi vào vết xe cũ là "chuyện gì không tốt cũng dồn cả về cho Tô Tần". Nhưng nay sau khi "Sách lược" được khai quật, thì chân tướng về Tô Tần đã rõ mồn một trước thiên hạ. Như vậy, Thái Sử Công có lẽ cũng đã ngậm cười nơi chín suối.

Một khi chân tướng đã rõ thì đối với Tô Tần cũng nên có một sự đánh giá trở lại. Ông tuy do "sự liên minh không được kéo dài nên chưa thể trở thành Tướng quốc của sáu nước", nhưng kỳ thực thì ông đã là Tướng quốc của ba nước. (Yên, Triệu, Tề), nổi danh khắp cả các nước chư hầu. Và đã thực hiện được cái gọi là "Thành cao nghìn trượng, địa điểm xung yếu dài hàng trăm xích, cũng bị bẻ gãy được giữa những phiên họp" (Chương năm trong Tề Sách).

Lý Bạch từng có một bài thơ :

*Lạc Dương Tô Quý Tử,
Kiếm kích sâm từ phong,
Lục ấn tuy vị bội,
Hiên xa nhược phi long.*

Dịch:

Tô Quý Tử người Lạc Dương,
Lời nói sắc bén tương đương giáo dài.
Sáu ấn tuy chưa khoác vai,
Nhưng کیا xe ngựa thua ai bao giờ.

Năm 288 trước công nguyên, nước Tần xưng đế ở phía Tây, còn nước Tề xưng đế ở phía Đông. Cả hai nước đều có tham vọng gồm thu thiên hạ, và thực lực cũng tương đương nhau. Do thuật "tung hoành" của Tô Tần thành công, mà bất ngờ xuất hiện cục diện nước Yên yếu kém đã đánh thắng nước Tề mạnh hơn. Sự ngẫu nhiên đó trong lịch sử, đứng về mặt khách quan mà nói, đã tạo điều kiện tất yếu cho nước Tần nhất thống cả Trung Quốc.

Sau khi nước Tề suy sụp, thì cục diện chống mặt nhau giữa Tề và Tần đã bị phá vỡ. Cho nên nước Tần đã vươn lên thành một cường quốc hàng đầu rất dễ dàng. Từ đó, nước Tần đã trở thành nước đóng vai trò thống nhất của Trung Quốc, để lật sang một trang mới cho lịch sử Trung Quốc.

Việc Yên Chiêu Vương phá Tề là một sự kiện mang tính bước ngoặt trong lịch sử thời Chiến Quốc. Tô Tần đã phát huy tác dụng trong bước ngoặt đó. Cho nên địa vị trong lịch sử của ông không thể nào đánh giá thấp được. Nếu bảo Yên Chiêu Vương là nhân vật kiểu Việt Vương Câu Tiễn, thì Tô Tần chính là Phạm Lãi, Văn Chủng của Yên Chiêu Vương. Trần Tử Ngang, một thi nhân đời Đường có bài thơ rằng :

*Nam Lăng Kiệt Thạch quán,
Dao vọng Hoàng Kim Đài,*

*Khuru Lăng tận kiêu mịch,
Chiêu Vương an tại tai?*

Dịch :

Trèo lên Kiệt Thạch phía Nam,
Xa nhìn viễn cảnh kia Đài Hoàng Kim.
Núi đồi cổ thụ liên miên,
Chiêu Vương thưở ấy còn thiêng không nào ?

Người hậu thế khi hoài niệm Yên Chiêu Vương, một nhà vua anh minh thời Chiến Quốc, thì cũng không nên quên Tô Tần, người đã chung thủy cả đời mình với nước Yên.

V. Trương Nghi - Nhà Tung Hoành Đưa Nước Tần Trở Thành Cường Quốc

Giữa thời Chiến Quốc, sau nhiều năm đánh chiếm lẫn nhau, các nước chư hầu đã hình thành một số nước khá lớn, chủ yếu là Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy và Tần. Thời đó người ta gọi là Chiến Quốc thất hùng. Giữa thất hùng này lúc nào cũng nhìn nhau lom lom, vì số người muốn thống nhất nước Trung Quốc không phải ít. Nhưng, đứng về mặt thực lực mà nói, những nước đủ điều kiện để thống nhất toàn quốc, chỉ có ba nước là Tần, Sở và Tề.

Lịch sử đấu tranh giữa ba nước này tức là lịch sử thống nhất cuối thời Chiến Quốc. Nếu so sánh lực lượng của ba nước, thì giữa họ có chỗ mạnh chỗ yếu khác nhau. Trong khi đó, ở các nước lại xuất hiện một số đông những nhà du thuyết. Có người đề xướng "hợp tung", có người đề xướng "liên hoành", hoặc "tung hoành bài hợp", ai cũng cho thuyết của mình là hay, được người lúc bấy giờ gọi là "Tung hoành gia".

Số "Tung hoành gia" nói trên, nếu hiểu theo ý nghĩa hiện giờ thì họ chính là những nhà ngoại giao. Một khi họ được các nhà chư hầu sử dụng, thì sẽ trở thành khanh tướng áo trắng, chấp chương quốc chính, tác dụng của họ không thể xem thường.

"Hợp tung" có nghĩa là mấy nước liên hợp lại để cùng đánh một nước. Còn "liên hoành" là phá vỡ sự liên hiệp của đôi phương, để đánh bại từng nước một. Trong khi các nước chư hầu tranh giành thế lực tại Trung Nguyên, thì hai sách lược này tất nhiên phải được áp dụng. Cho nên "Tung hoành gia" hầu hết được trọng dụng, đó cũng là cái thế tất nhiên của thời bấy giờ. Trương Nghi là một trong những "Tung hoành gia" có tiếng. Ông là người cùng một thời với Công Tôn Diễn (cũng có tên là Tê Thủ), đều là những nhân vật nổi bật. Người Sở là Cảnh Xuân từng nói:

- Công Tôn Diễn, Trương Nghi là những đại trượng phu chân chính. Hai người họ khi nổi giận thì tất cả chư hầu đều sợ hãi. Nhưng, khi hai người họ bình tĩnh, thì thiên hạ cũng sẽ được hưởng thái bình, vô sự!

Trương Nghi là người nước Ngụy, thuộc hàng thứ dân của nước này. Ở nước Ngụy ông không được trọng dụng. Tương truyền ông thường theo học với Quỷ Cốc Tử, chuyên nghiên cứu về thuật "Tung hoành". Sau khi học thành tài, Trương Nghi trước tiên đến nước Sở để du thuyết. Có lần Trương Nghi dự một buổi tiệc do Thừa tướng nước Sở khoản đãi. Trong buổi tiệc, vị Thừa tướng này đánh mất một miếng ngọc bích. Bọn thủ hạ của vị Thừa tướng hoài nghi Trương Nghi lấy cắp nên bắt giữ ông. Chúng không cần biết ắt giáp chi cả, thẳng tay đánh đập Trương Nghi để tra hỏi, đồ máu ướm cả áo. Nhưng Trương Nghi nhất quyết phủ nhận. Vị Thừa tướng thấy không có bằng cứ gì, buộc phải thả Trương Nghi.

Trương Nghi trở về đến nhà, bà vợ bèn chê cười:

- Ông bảo ông đi du thuyết để làm quan, thế tại sao lại bị người ta xem là trộm và đã đánh đập không

nương tay vậy ?

Trương Nghi buồn bã không muốn trả lời, chỉ há miệng ra hỏi vợ:

- Bà xem thử chiếc lưới của tôi còn không ?

Bà vợ đáp :

- Khắp mình ông đều bị thương, nhưng chỉ có chiếc lưới là không hề hấn gì cả.

Trương Nghi an tâm, nói :

- Chỉ cần chiếc lưới còn là đủ rồi. Làm nghề của tôi, hoàn toàn phải nhờ vào chiếc lưới. Nếu chiếc lưới còn, thì thử hỏi có lo chi không tìm được vinh hoa phú quý ?

“Hễ núi còn thì không sợ thiếu củi đốt”, đó chính là niềm tin của Trương Nghi. Với ba tấc lưới của mình, ông nhất định sẽ có một ngày trở thành Đại tướng, hoặc Tướng quốc. Cái nhục ở nước Sở, ông nhất định phải tìm cơ hội để trả thù. Ông suy nghĩ thấy muốn đối phó với nước Sở, tốt nhất là phải dựa vào nước Tần. Do vậy, Trương Nghi lại lên đường sang nước Tần. Sự nghiệp của ông sau này, từ đầu chí cuối lúc nào cũng gắn bó với nước Tần cả.

1. Một Minh Vào Nước Tần

Năm 329 trước công nguyên, Trương Nghi vượt qua sông Hoàng Hà, đơn thân độc mã từ nước Ngụy đi vào nước Tần. Lúc bấy giờ, Tần Hiếu Công, một nhà vua tích cực cải cách đã chết, vào năm 337 trước công nguyên người con là Tần Huệ Văn Quân lên nối ngôi. Giữa Tần Huệ Văn Quân và Trương Ưởng có mối thâm thù, nên vừa lên ngôi thì nhà vua giết ngay Trương Ưởng, một nhân vật đang chủ trương cải cách pháp luật cho nhà Tần. Lúc bấy giờ, thế nước của nhà Tần vẫn đang tiếp tục vươn lên. Tần Huệ Văn Quân có rất nhiều tham vọng, nên đã tích cực tiến hành những cuộc chiến tranh thôn tính, mưu đồ thống nhất Trung Quốc.

Trương Nghi dùng thuyết "liên hoành" để dụ thuyết Tần Huệ Văn Quân, thực hành chính sách nước xa thì giao hảo, nước gần thì tấn công. Rốt cục đã đánh bại sáu nước. Phương lược cụ thể là trước tiên đánh nước Ngụy, để tranh thủ quyền khống chế vùng trung du Hoàng Hà, rồi tiếp tục thôn tính Ba Thục ở phía Tây, chiếm Thượng Quận ở phía Bắc, chiếm Hán Trung ở phía Nam, xây dựng một vùng căn cứ địa rộng lớn, trên cơ sở đó tiếp tục tiến về phía Đông, thôn tính tất cả sáu nước để thống nhất Hoa Hạ.

Kế hoạch trên, hoàn toàn phù hợp với ý nghĩ của Tần Huệ Văn Quân, nên được Tần Huệ Văn Quân tán thành. Đồng thời, nhà vua còn phong cho Trương Nghi làm Khách Khanh. Qua năm sau (328 trước công nguyên), lại cử Trương Nghi làm Thừa tướng. Dưới sự cổ xúy của Trương Nghi, Tần Huệ Văn Quân nối gót theo sau hai nước Ngụy và Tề, chính thức xưng vương vào năm 325 trước công nguyên, tức Tần Huệ Văn Vương. Trong lịch sử nước Tần, Trương Nghi là vị thừa tướng thứ nhất, còn Tần Huệ Văn Vương là vị Vương thứ nhất.

Kế đó, nước Tần bèn dựa theo kế hoạch của Trương Nghi, mở cuộc chiến tranh giành đất dữ dội với nước Ngụy. Nước Ngụy trong thời kỳ đầu của Chiến Quốc, đã tiến hành cải cách trước tiên. Ngụy Văn Hầu trọng dụng Lý Khôi, thực hành pháp trị, và đã lần lượt sử dụng những nhân tài như Đoàn Can Mộc, Quan Khởi, Tây Môn Báo, Lạc Dương v.v... nhanh chóng đưa đất nước trở thành phú cường. Ngụy Vệ Vương thiên đô về Đại Lương, trọng thị việc xây dựng thủy lợi, phát triển kinh tế, nên thế nước ngày một thịnh.

Năm 344 trước công nguyên, Ngụy Huệ Vương mở cuộc đại hội liên minh tại Phùng Trạch, có mười hai nước chư hầu tham gia, và Ngụy Huệ Vương trở thành bá chủ. Trương Nghi thực hành chính sách nước xa thì kết giao, nước gần tấn công, trong khi ranh giới của Tần và Ngụy dính liền nhau, nên trong cuộc chiến tranh đầu Tần đã giành được thắng lợi, cướp một vùng đất của nước Ngụy. Chính vì vậy giữa Tần và Ngụy cứ xảy ra chiến tranh liên miên, không bao giờ dứt.

2. Đánh Ngụy Và Làm Thừa Tướng Nước Ngụy

Ngay từ năm 333 trước công nguyên, khi Tần sử dụng Công Tôn Diễn thì nước Ngụy đã bắt buộc phải hiến vùng Âm Tấn (nay là huyện Hoa âm, thuộc tỉnh Thiểm Tây) cho nước Tần. Tần đổi tên đất này là Ninh Tần. Kể từ đó, Tần xây dựng nơi này thành một đầu cầu để tiến về phía Đông.

Năm 330 trước công nguyên, Công Tôn Diễn dẫn binh đánh bại quân Ngụy tại Điều Âm (nay là vùng đất nằm về phía nam huyện Cam Tuyền, tỉnh Thiểm Tây), bắt sống được tướng Ngụy là Long Dã, và chiếm được đất Hà Tây của Ngụy.

Năm 329 trước công nguyên, quân Tần lại đánh chiếm Phần Âm, Bì Thị, thuộc vùng Hà Đông, và chiếm Tiêu, Khúc Ốc, thuộc vùng Hà Nam của Ngụy. Trương Nghi sau khi làm Thừa tướng cho nước Tần, bèn bài xích Công Tôn Diễn, nên ông này phải ra đi. Công Tôn Diễn không có cách nào khác hơn, đành phải trở về nước Ngụy làm tướng.

Đối với Ngụy, Trương Nghi đã áp dụng phương châm ban ân lẫn uy hiếp, quân sự lẫn ngoại giao. Một mặt Trương Nghi muốn liên tục cướp đoạt đất đai của Ngụy, nhưng mặt khác, lại hy vọng Ngụy cảm đầu nhiều chư hầu khác khuất phục nước Tần.

Năm 328 trước công nguyên, Trương Nghi và công tử Hoa xua quân tiến chiếm vùng Bồ Dương (nay là Tháp Huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây) của nước Ngụy, nhưng sau đó lại giả ân giả nghĩa, trả lại Bồ Dương cho Ngụy. Ngụy Huệ Vương không biết đó là mưu kế, trái lại tỏ ra hết lòng cảm kích đem mười lăm huyện ở Thượng Quận (bao gồm cả Thiệu Lương, tức Hàn Thành thuộc tỉnh Thiểm Tây ngày nay) hiến dâng cho nước Tần. Thế là, Tần không tốn một tí sức lực nào, đã lấy được vùng đất chiến lược Thượng Quận mà họ hằng mơ ước.

Đến năm 327 trước công nguyên, nước Tần lại trao trả cho Ngụy các vùng đất Tiêu và Khúc ốc, là những vùng đất không quan trọng lắm về mặt chiến lược. Ngụy Huệ Vương lại tỏ ra cảm kích. Nhưng nào ngờ đến năm 324 trước công nguyên, thì Trương Nghi lại xua quân tấn công Ngụy, chiếm Thiểm Thành, và lập đồn trại để giữ.

Đến đây, Tần đã chiếm được những vùng đất như Hà Tây, Thượng Quận, đồng thời cũng chiếm được một số đất đai ở vùng Hà Đông và Hà Nam. Tại bờ Tây sông Hoàng Hà, quân Tần đã lập nhiều căn cứ địa, tiến có thể công, thoái có thể thủ, đoạt được những thắng lợi chưa từng có.

Sau đó, để đối phó với các nước “Hợp tung” chống Tần ở phía Đông, Trương Nghi từng đại biểu cho nước Tần, mở một cuộc hội họp với các đại thần của nước Tề, Sở, tại Nghiết Tang. Đến năm 322 trước công nguyên, nước Ngụy đã khuất phục nước Tần và mời Trương Nghi sang làm Tướng quốc cho Ngụy, đui nhà chánh trị trứ danh là Huệ Thi ra đi. Trương Nghi đòi nước Ngụy Quốc phải công khai rời bỏ "hợp tung", đơn độc “liên hoành” với nước Tần. Ngụy Huệ Vương không nghe. Do vậy, Tần lại ra quân đánh chiếm hai thành mà trước kia đã trả lại cho Ngụy là thành Khúc Ốc tại Hà Đông

(nay là địa phương nằm về phía Đông Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây), và thành Bình Châu (nay là địa phương nằm về phía Tây huyện Giới Hưu, tỉnh Sơn Tây).

Năm 319 trước công nguyên, năm nước Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, liên hợp chi viện cho Ngụy đánh bại quân Tần. Ngụy Huệ Vương được năm nước trên ủng hộ. Trương Nghi bị đuổi trở về nước Tần, và Công Tôn Diễn lại được Ngụy sử dụng làm Thừa tướng.

Công Tôn Diễn chủ trương hợp tung để đánh Tần. Vào năm 318 trước công nguyên, năm nước Sở, Triệu, Yên, Hàn và Ngụy liên hợp nhau đánh Tần. Sở Hoài Vương được đề cử làm "Tung Trưởng". Nhưng, do giữa các nước liên hợp đều có những mưu tính riêng, không thể đồng tâm hiệp lực, nên quân đội của năm nước đều bị quân Tần đánh bại tại hàm Cốc Quan, phải rút trở về.

Tuy sự liên hợp của năm nước bị thất bại, nhưng nước Tần vẫn chịu một áp lực rất lớn. Năm 317 trước công nguyên, dưới sự xúi bẩy của Công Tôn Diễn, một quốc gia thuộc dân tộc thiểu số là nước Nghĩa Cù, đã thừa cơ đứng lên tấn công và đánh bại quân Tần tại Lý Bạch. Mưu đồ phát triển sang phía đông của Tần gặp trở lực. Từ đó trở đi, Tần đã quay mũi giáo tấn công về Ba Thục, ở phía Tây Nam.

3. Thôn Tính Ba Thục

Năm 316 trước công nguyên, hai nước chư hầu nhỏ ở phía Tây Nam của nước Tần là nước Ba và nước Thục có sự bất hòa với nhau. Thục vương xua quân đánh Thục Hầu là một nước có quan hệ mật thiết với nước Ba.

Thục Hầu phải chạy sang Ba để cầu cứu. Rốt cục, cả nước Ba và nước Thục đều đưa sứ đến cáo cấp với nước Tần.

Vậy phải làm sao lợi dụng cơ hội này để mở rộng quyền lợi của nước Tần, lấy đó tạo điều kiện cho sự nghiệp thống nhất toàn quốc của Tần sau này. Tần Huệ Văn Vương tỏ ra do dự, chưa quyết định dứt khoát. Triều thần của nước Tần cũng có ý kiến khác nhau. Một phái lấy tướng quân Tư Mã Thác làm đầu, chủ trương nên thừa lúc hai nước Ba và Thục có nội loạn, xua quân đoạt lấy cả hai nước này để mở rộng bờ cõi cho nước Tần, qua đó sẽ tăng cường được nhiều tài nguyên, đồng thời cũng có thể uy hiếp được nước Sở. Một phái khác do Trương Nghi cầm đầu. Trương Nghi không phải không tán thành công nước gần, nên chủ trương tấn công nước Hàn trước, rồi sau đó uy hiếp thiên tử nhà Châu để ra lệnh cho các chư hầu.

Tần Huệ Văn Vương so sánh sự lợi hại, cuối cùng đã quyết định theo ý kiến của Tư Mã Thác, ra quân chiếm hai nước Ba, Thục.

Tần Huệ Văn Vương phái Trương Nghi, Tư Mã Thác, đô úy Mặc và một số người nữa xua đại quân theo đường Kim Ngưu Đạo để tiến công Ba, Thục. Theo truyền thuyết thì Kim Ngưu Đạo trước kia vốn không có cái tên đó, mà được gọi là Thạch Ngưu Đạo, một con đường quan trọng để tiến vào đất Ba, Thục.

Trước khi đại quân xuất phát, mọi người đều lo lắng con đường đi này quá hiểm trở, vì tục ngữ thường nói, đường đi vào Ba Thục còn khó hơn đi lên trời xanh. Cho nên Tần Huệ Văn Vương bèn nghĩ ra một biện pháp, đặt điều dối gạt vua Thục, bảo nước Tần sẽ mang năm con bò bằng vàng tặng cho nước Thục, vậy nhà vua phải sửa sang lại con đường sơn đạo, để chuẩn bị nghênh đón.

Thục vương là người tham lam, không biết đây là mưu kế, bèn phái nhiều đại lực sĩ lo sửa chữa con đường này, để chờ đón những con bò vàng của nước Tần đưa tới tặng cho nước Thục. Không ngờ, bò vàng đâu không thấy, mà chỉ thấy thiên binh vạn mã của nước Tần kéo tới sát phạt.

Thục vương vội vàng lo chỉnh đốn quân đội, đích thân chỉ huy chống Tần tại Hà Manh Quan (Nay là địa phương nằm về phía Đông Bắc Kiếm Các, thuộc tỉnh Tứ Xuyên). Sau một trận kịch chiến, quân Thục bị đánh tan rã, Thục vương bị giết chết trong chiến loạn. Quân Tần thừa thắng tiến đánh nước Thục, nước Ba, và đã thắng lợi hoàn toàn, bắt sống được vua nước Ba. Như vậy là nước Tần đã triệt để chinh phục hai nước Ba, Thục, và đưa đất đai của họ vào bản đồ của mình.

Sau khi Tần thôn tính Ba, Thục, liền đặt quận, huyện, cử Trương Nhược làm thái thú Thục quận, đồng thời di dân ở vùng Quan Trung hàng vạn gia đình vào đất Thục để sinh cơ lập nghiệp. Trương Nghi, Trương Nhược và Tư Mã Thác còn cho xây dựng “Đại thành” và “Thiếu thành” tại Thành Đô. Chính trị và kinh tế ở Ba Thục đều phát triển nhanh chóng, tăng cường thực lực về mặt kinh tế cho nước Tần. Về sau, Trương Nhược còn nhiều lần xua quân tại Thục quận chi viện cho Tư Mã Thác và Bạch Khởi tấn công nước Sở, đóng góp cho nước Tần trong sự nghiệp thống nhất Trung Quốc rất quan trọng. Một điều cần nói rõ thêm, ấy là Trương Nghi tuy ban đầu không tán thành xua quân tiến chiếm Ba, Thục, nhưng thực tế trong quá trình đánh chiếm Ba, Thục, tác dụng của ông không thể đánh giá thấp. Ông đã lập đại công cho nước Tần.

4. Chiếm Đoạt Hán Trung

Sau khi thôn tính được Ba, Thục ở phía Tây Nam, quân Tần liền quay mũi giáo về hướng Đông, tấn công Tam Tấn. Năm 314 trước công nguyên, quân Tần lại tiến công nước Ngụy, và lại chiếm Tiêu và Khúc ốc. Kế đó, Tần lại tấn công Ngạn Môn của nước Hàn. Nước Hàn không địch nổi, bèn cầu hòa với Tần, và phái Thái tử của nước Hàn sang làm con tin ở nước Tần. Năm 313 trước công nguyên, Tần lại đánh bại quân Triệu ở Lạn (Nay là vùng đất phía Tây huyện Ly Thạch, tỉnh Sơn Tây), và đã bắt sống được tướng Triệu là Triệu Cang. Triệu cũng phải khuất phục nước Tần. Đến đây, Tam Tấn đã hoàn toàn phục tùng nước Tần. Hai nước Sở và Tề là hai nước lớn, lúc bấy giờ đã liên kết với nhau, để đối kháng với Tần và Tam Tấn.

Đứng trước việc hai nước lớn là Tề và Sở liên minh với nhau, khiến cho kế hoạch phát triển về hướng Đông của nước Tần bị chặn đứng. Trương Nghi bèn mạnh dạn xin với vua Tần đi ly gián Tề và Sở. Kế hoạch của Trương Nghi là xuống tay đối với Sở trước, để nhân cơ hội này đoạt lấy quận Hán Trung của Sở, rồi sáp nhập cả vùng đất Ba Thục với quận Hán Trung thành đất của Tần.

Đối với nước Sở, Trương Nghi vốn có mối thù riêng. Ông không bao giờ quên cái nhục do Thừa tướng nước Sở gây ra cho ông. Ngay lúc đầu, khi Trương Nghi mới vừa làm Thừa tướng của nước Tần, ông đã gửi ngay một hịch văn cho nước Sở, người từng ra lệnh đánh đập ông trước đây, công khai cho biết: “Trước kia tôi tham gia buổi tiệc của ông, không hề lấy cắp ngọc bích của ông, thế mà ông đã vô cớ ra lệnh đánh đập tôi. Vậy bây giờ ông hãy rán lo giữ lãnh thổ của nước Sở, vì tôi nhất định sẽ cướp lấy thành trì của Sở Quốc để trả thù”. Bây giờ thì cơ hội đã đến, Trương Nghi bèn ra tay thực hiện kế hoạch báo thù của mình. Năm 313 trước công nguyên, Tần Huệ Văn Vương giả vờ bãi chức Thừa tướng của Trương Nghi, để Trương Nghi vào nước Sở ra mắt Sở Hoài Vương. Sau khi Trương Nghi tới nước sở, bèn tìm đủ mọi cách để lấy lòng Sở Hoài Vương. Đồng thời, dùng nhiều vàng bạc để mua chuộc những người thân tín chung quanh Sở Hoài Vương.

Sau khi tranh thủ được sự tín nhiệm của Sở Hoài Vương, Trương Nghi bèn nói dối với ông ta, nước Tần sẵn sàng đem sáu trăm dặm thuộc vùng đất Thương Ư (nay là vùng đất nằm về phía Tây Nam Triệt Huyện thuộc tỉnh Hà Nam) mà Tần đã cưỡng chiếm trước đây, trả lại cho nước Sở với điều kiện là Sở phải tuyệt giao với Tề, và thân với Tần.

Sở Hoài Vương thấy lợi nên híp mắt, hoàn toàn không biết đây là mưu kế của Trương Nghi. Nhà vua dương dương tự đắc, cho rằng sáu trăm dặm đất ở Thương Ư đã lọt vào tay của mình. Tất cả triều thần đều chúc mừng Sở Hoài Vương, chỉ riêng có mưu thần Trần Chấn là cực lực phản đối chuyện đó. Trần Chấn phân tách cho Sở Hoài Vương thấy, Tần sở dĩ trọng thị Sở, là do Sở đã liên minh với Tề. Nếu tuyệt giao với Tề, thì Sở sẽ bị cô lập, chẳng những có lỗi với Tề, mà cũng không được Tần trọng thị nữa. Trần Chấn cho rằng lời nói của Trương Nghi là không đáng tin. Nếu làm theo Trương Nghi, thì Sở chắc chắn sẽ có lỗi với Tề. Như vậy, Tề và Tần sẽ cùng phát binh tấn công Sở.

Sở Hoài Vương do háms lợi nên mất trí khôn, hoàn toàn không nghe lọt vào tai ý kiến đứng đắn Trần

Chấn. Nhà vua hoàn toàn tin tưởng ở những lời nói lừa dối của Trương Nghi, bèn phái một tướng quân theo Trương Nghi sang Tần để nhận lại số đất do Tần chiếm được trước kia. Nào ngờ Trương Nghi sau khi trở lại nước Sở, thì giả vờ say rượu té xuống xe, rồi cáo bệnh ba tháng không ra làm việc. Sứ thần của nước Sở phải chịu cảnh khổ do bị chủ nhân đóng cửa bỏ ở ngoài. Sở Hoài Vương cho rằng do Tần còn hoài nghi Sở chưa có thái độ tuyệt giao hẳn với Tề nên phái ngay một dũng sĩ tới Tề mang chửi, nhục mạ. Tề Dấn Vương nghe qua cả giận, bèn bẽ gãy “minh phù”, tuyên bố tuyệt giao với Sở, rồi liên hợp với Tần.

Chờ cho Tề và Sở triệt để đoạn giao, và sự giao hảo giữa Tề và Tần đã trở thành sự thật. Trương Nghi mới ra làm việc. Ông nói với sứ giả của nước Sở phái tới, là mình đang chuẩn bị cắt sáu dặm đất được phong của riêng mình để trao cho Sở, mà hoàn toàn không nhắc chi đến việc trả lại cho Sở sáu trăm dặm đất tại Thương Ư. Sứ giả của Sở thấy mọi việc bất thành, bèn trở về báo lên cho Sở Hoài Vương biết. Sáu dặm và sáu trăm dặm, quả là hai con số chênh lệch nhau một trời một vực, khiến Sở Hoài Vương bùng tỉnh ra, biết mình đã bị Trương Nghi đánh lừa.

Sở Hoài Vương hết sức giận dữ, xuống lệnh đoạn giao với Tần, và lập tức phái binh đi đánh Tần. Lúc bấy giờ Trần Chấn lại ra mặt khuyên ngăn, cho rằng lúc này xuất binh đánh Tần, chắc chắn sẽ bị bại trận. Nhưng Sở Hoài Vương vẫn làm theo ý mình, tiếp tục tiến binh. Kết quả quân Tần và quân Sở đánh nhau một trận tại Đơn Dương (tức vùng đất ở phía Bắc Đơn Giang, nằm giữa hai tỉnh Thiểm Tây và Hà Nam bây giờ), quân Sở đại bại, giáp sĩ bị giết hơn tám vạn người, đại tướng Khuất Cái và phó tướng Phùng Hầu Sửu cùng với hơn bảy mươi người khác bị bắt làm tù binh, quận Hán Trung (là vùng Nam Trịnh thuộc tỉnh Thiểm Tây) bị quân Tần chiếm lĩnh.

Sau khi thất thủ quận Hán Trung, Sở Hoài Vương hết sức giận dữ, bèn điều động binh lực trong toàn quốc, thọc sâu vào tận Lam Điền (nay là vùng Lam Điền, thuộc tỉnh Thiểm Tây) của nước Tần, quyết chiến với quân chủ lực của Tần tại đây. Bấy giờ, Sở lại liên minh với Tề và Tống, thề sẽ trả thù sự thất bại nói trên.

Tại Lam Điền, quân Sở một lần nữa lại bị quân Tần đánh bại. Những nước liên minh với Tần như Hàn, Ngụy, cùng tiến công vào hậu phương nước Sở. Rốt cục, quân Sở phải hối hả rút trở về nước và chịu thất bại một cách triệt để.

Sau cuộc chiến tại Lam Điền hai năm (311 trước công nguyên), nước Tần lại muốn liên hiệp với Sở để đối phó với Hàn, bèn sai sứ đi yết kiến Sở Hoài Vương, hứa hẹn sẽ trả lại cho Sở phân nửa quận Hán Trung, để tạo tình hòa hiếu. Sở Hoài Vương vẫn còn đang tức giận về chuyện Trương Nghi đã dối gạt mình, nên muốn dồn Trương Nghi vào chỗ chết, ngó ý sẵn sàng không nhận đất Hán Trung, và chỉ muốn nước Tần đưa Trương Nghi sang cho nhà vua là được.

Trương Nghi biết chuyện này, chủ động xin với Tần Huệ Văn Vương đi sứ sang Sở. Tần Huệ Văn Vương sợ Trương Nghi sang Sở sẽ gặp chuyện nguy hiểm, nhưng Trương Nghi bảo rằng ông và người sủng thần của Sở Hoài Vương là Cận Thượng có mối giao hảo rất tốt. Cận Thượng lại có sự quan hệ mật thiết với người sủng cơ của Sở Hoài Vương là Trịnh Tụ, mà Sở Hoài Vương chuyện gì cũng nghe theo lời của Trịnh Tụ cả. Như vậy, những người này chắc chắn có thể giúp đỡ cho ông, nhất là đã có nước Tần làm hậu thuẫn, thì Sở Hoài Vương chắc chắn không dám làm gì ông cả. Trương Nghi cuối cùng đã thuyết phục được Tần Huệ Văn Vương, và chỉ ngồi một cỗ xe nhẹ, dẫn theo một số tùy tùng rất

ít, ngang nhiên đi sứ sang nước Sở.

Sau khi Trương Nghi đến nước Sở, liền bị bắt giam vào ngục thất. Sở Hoài Vương chuẩn bị giết chết Trương Nghi cho hả cơn giận trong lòng. Cận Thượng bèn nói với Sở Hoài Vương :

- Nếu giết chết Trương Nghi, thì tất nhiên sẽ đắc tội với Tần Vương. Như vậy, giữa Tần và Sở làm sao liên minh với nhau được ? Một khi Sở mất đi sự ủng hộ của Tần, thì các nước chư hầu khác sẽ xem khinh Sở ngay.

Do vậy, Cận Thượng kiến nghị với nhà vua nên thả Trương Nghi. Sở Hoài Vương còn đang do dự chưa quyết định dứt khoát, thì Cận Thượng lại đi gặp người sủng cơ của nhà vua là Trịnh Tự, nói :

- Tần Vương rất tin nhiệm Trương Nghi, nhất định phải chuộc Trương Nghi trở về nước. Nghe đâu Tần Vương đang chuẩn bị dùng sáu huyện tại Thượng Dung và mười mỹ nữ tuyệt sắc để đổi lấy Trương Nghi. Nếu Tần đưa mỹ nữ sang Sở thì với sắc nước hương trời của họ, tất nhiên sẽ giành được lòng sủng ái của Sở Hoài Vương. Như vậy nhà vua sẽ không còn yêu quý bà nữa. Vậy chi bằng nên khuyên Sở Hoài Vương hãy thả Trương Nghi ra, để Tần Vương đừng mang mỹ nữ sang dâng cho vua Sở.

Trịnh Tự nghe qua cảm thấy có lý, bèn thuyết phục Sở Hoài Vương thả Trương Nghi ra.

Sở Hoài Vương chẳng những thả mà còn thiết tiệc khoản đãi Trương Nghi. Trong buổi tiệc này Trương Nghi đã to tiếng bàn về mối giao hảo giữa Tần và Sở. Sau khi tiệc tan, Trương Nghi nhanh nhẹn trốn trở về nước Tần. Lúc bấy giờ, Tam Lư đại phu là Khuất Nguyên vừa đi sứ nước Tề trở về, bèn kiến nghị với Sở Hoài Vương nên giết quách Trương Nghi để trừ hậu hoạn. Sở Hoài Vương cũng cảm thấy hối hận, bèn sai người đuổi theo để giết Trương Nghi. Nhưng với một con người khôn ngoan như Trương Nghi, đã lanh chân thoát ra khỏi nước Sở từ lâu rồi. Do vậy, nước Sở vừa không nhận được đất của Tần đề nghị trả lại, mà còn để cho Trương Nghi vượt ra khỏi tay mình, đúng là vừa "mất phu nhân, lại vừa tổn hao binh tướng" (Câu nói trong dân gian Trung Quốc, chỉ việc Tôn Quyền đời Tam Quốc đã gả em gái cho Lưu Bị - ND).

Trương Nghi với lòng dũng cảm của mình, đã bảo toàn cho nước Tần khỏi trả lại phân nửa quận Hán Trung. Từ đó quận Hán Trung của Sở đã bị nước Tần sát nhập vào bản thổ của mình, để nối liền với vùng đất mới chiếm được ở Ba, Thục, thành một khu vực rộng lớn. Nhờ đó mà nước Tần lại càng thêm giàu có hơn, thực lực càng mạnh mẽ hơn. Việc chiếm được Hán Trung đã làm cho kế "liên hoành" của Trương Nghi phát triển đến đỉnh cao tột độ. Tần Huệ Vương muốn biểu dương Trương Nghi, nên đã ban cho ông năm phong ấp, và phong cho Trương Nghi làm Võ Tín Quân. Trong vấn đề đối phó với Sở, Trương Nghi vừa trả được mối thù riêng, lại vừa được chức cao lộc cả. Có thể nói hành động là hành động "nhứt cử lưỡng đắc".

5. Chết Tại Cổ Quốc

Năm 311 trước công nguyên, Tần Huệ Văn Vương là người một mực tín nhiệm Trương Nghi đã giá băng. Người con là Tần Võ Vương lên nối ngôi. Thiên tử nào triều thần nấy, đó là việc vẫn thường xảy ra. Đối với Trương Nghi, Tần Võ Vương không có cảm tình lắm, trong khi các đại thần chung quanh nhà vua trẻ này, lại đua nhau nói xấu Trương Nghi đủ điều. Riêng các nước khác cũng oán ghét cách ở đời của Trương Nghi. Nước Tề cao rao là phải dồn Trương Nghi vào cửa tử mới hả dạ. Địa vị của Trương Nghi do vậy trở thành bấp bênh. Ông không còn con đường để phát triển ở nước Tần nữa. Trương Nghi thấy tình thế không hay đối với mình, bèn chủ động xin rời khỏi nước Tần trở về nước Ngụy. Tần Võ Vương thấy vậy, liền chuẩn tâu lời xin của Trương Nghi ngay.

Sau khi Trương Nghi được cử giữ chức Thừa tướng tại nước Ngụy một năm, (309 trước công nguyên) thì qua đời. Lúc chết ông hơn sáu mươi tuổi. Người mưu sĩ từng bán mạng cho nước Tần này, rốt cục rồi phải trở về chết ở cổ quốc, nơi mà mình từng nhiều phen làm hại. Quả thực là một sự chua chát. Đối với cuộc đời của Trương Nghi, có kẻ khen người chê khác nhau. Về mặt nhân cách, đối với việc không giữ tín nghĩa, thù vặt, thường bị người đời chê cười. Nhưng, riêng đối với việc xét đoán tình hình, tính toán mưu lược, tài trí tuyệt vời và lòng dũng cảm hơn người của ông, đều là chỗ đáng khen ngợi. Công lao của ông trong việc đóng góp để nước Tần có thể đi tới thống nhất cả nước Trung Quốc sau này, cũng không thể không khẳng định. Trong mối quan hệ giữa Tần và Sở, ông đã khôn khéo lợi dụng sự u mê bất tài của Sở Hoài Vương, xoay nhà vua này trên lòng bàn tay của mình một cách dễ dàng, đã giúp cho Tần tăng cường lực lượng và làm cho Sở mỗi lúc mỗi suy nhược thêm. Tác dụng này là hết sức nổi bật.

Giai đoạn giữa của thời Chiến Quốc, thất hùng mở những cuộc chiến tranh thôn tính nhau ngày càng quyết liệt. Đúng như câu nói "Đánh nhau để giành đất, người chết nằm đầy đồng. Đánh nhau để giành thành, người chết chất đầy thành quách". Lúc bấy giờ nước Ngụy là nước từng xưng bá trong thời kỳ đầu Chiến Quốc, nay mỗi lúc càng suy yếu dần. Trong khi đó, ba nước lớn, có thể lực ngang ngửa nhau là Tần, Sở và Tề, thì đều có ý đồ thống nhất thiên hạ. Nước Tề với địa thế hiểm yếu, dựa vào núi cao biển rộng, sau khi kế phản gián của Tô Tần được thành công, cũng như sự ngu muội u mê của Tề Dàn Vương, đã từng bị thảm bại dưới tay liên quân năm nước do Lạc Nghị chỉ huy. Về sau, mặc dù có Điền Đơn dùng trận "hỏa ngư" để đẩy lui nước Yên, nhưng thực lực đã bị tổn thất nghiêm trọng, không còn đủ sức mạnh để tranh giành với Tần, và cuối cùng để mất đi khả năng thống nhất Trung Quốc.

Riêng một nước to mạnh như nước Sở, "đất rộng năm nghìn dặm, giáp binh hằng triệu người, chiến xa hằng nghìn cỗ, ngựa chiến hằng vạn con", đó là một cường quốc trong thiên hạ, thế tại sao trong trận giằng co với Tề và Tần, lại bị thất bại, và chịu để khả năng thống nhất toàn quốc rơi vào nước Tần? Điều đó không thể không quy công cho thuật "liên hoành" rất thành công của Trương Nghi.

Nước Sở bắt đầu suy yếu từ đời vua Sở Điệu Vương. Danh tướng Ngô Khởi bị giết, quý tộc trong nước gây ra nội loạn, khiến tiềm lực của Sở bị tổn thương. Nhưng điều quan trọng nhất lại chính là Sở Hoài Vương đã mắc mưu Trương Nghi, dẫn đến cuộc chiến tại Đơn Dương và Lam Điền, nối tiếp bị

thất bại. Kể đến, Sở lại bị mất Hán Trung, nên cuối cùng không còn đủ sức mạnh để tranh hùng nữa.

Việc Trương Nghi muốn trả thù cá nhân, đó là việc thể hiện phẩm chất không tốt của ông đứng về mặt khách quan mà nói, ông đã giúp Tần tăng cường sức mạnh và làm cho Sở ngày một suy yếu. Ông đúng là một nhà "liên hoành" đã giúp Tần mạnh, và làm yếu nước Sở. Tác dụng lịch sử của ông trong việc xóa bỏ chương ngại lớn nhất là nước Sở để nước Tần thống nhất cả Trung Quốc, quả có một ý nghĩa không thể đánh giá thấp được.

VI. Phạm Thù - Nhà Mưu Lược Giúp Tần Hoàn Thành Đế Nghiệp

Phạm Thù (? - 255 trước công nguyên), tự Thúc, là người nước Ngụy thời Chiến Quốc. Phạm Thù phụ tá cho Tần Chiêu Vương, đối với trên ông là người kế thừa thành quả của Hiếu Công và Thương Ưởng đã thay đổi pháp luật để đưa đất nước trở thành cường thịnh, đối với dưới ông là người đã tạo nền tảng cho Tần Hoàn và Lý Tư hoàn thành sự nghiệp thống nhất cả nước. Ông là một mưu lược gia có thành tích về hai mặt chính trị và ngoại giao. Ông làm Thừa tướng cho nước Tần mười năm, đối nội đã củng cố triều đình, chặn đứng mọi tiêu cực, củng cố chế độ trung ương tập quyền vừa mới nảy sinh. Đối ngoại ông cực lực chủ trương chính sách "giao hảo với nước xa, tấn công nước gần", để xây dựng nền tảng vững chắc cho nước Tần thống nhất cả thiên hạ sau này. Ông chẳng những là một vị Thừa tướng giỏi trong lịch sử của nước Tần, mà còn là một nhà chính trị thời cổ hiếm có của nước Trung Quốc.

1. Đi Sứ Tề Bị Vu Cáo

Phạm Thù thuở nhỏ nhà nghèo, muốn đi khắp thiên hạ để du thuyết các chư hầu, thi triển kinh luân đầy bụng của mình, nhưng khổ nỗi nhà ông chỉ có bốn tấm vách trống trơn, trong túi thì trống rỗng, không tiền bạc, nên không có thể đi đâu được. Do vậy, ông đành phải ôm ấp chí lớn, ngồi bó gối trong nhà để tiêu ma thời gian. Sau đó, ông vốn có ý phụ tá cho Ngụy Vương để giúp nước nhà trở thành một quốc gia có binh lực cường thịnh, có một nền kinh tế sung túc. Nhưng vì không ai tiến cử, lại không có tiền để mua chuộc người có quyền thế, tìm cách ngai lên, nên cũng đành chịu. Nhưng, ông không cam tâm để thời gian trôi qua một cách vô nghĩa. Sau nhiều ngày suy nghĩ, ông đến xin làm môn hạ tại phủ của quan Trung đại phu là Tu Dã, để chờ đợi thời cơ tìm đường tiến thân.

Ít lâu sau, Ngụy Vương phái Tu Dã đi sứ nước Tề. Phạm Thù với tư cách là xá nhân tùy tùng cùng đi theo. Năm đó, Tề Dẫn Vương là một ông vua vô đạo, nên đại tướng nước Yên là Lạc Nghị đã quy tụ bốn nước, cùng kéo binh đánh Tề, trong đó có cả nước Ngụy. Dưới sự chỉ huy của tướng Lạc Nghị, liên quân các nước tiến tới đâu thắng tới đó, liên tiếp hạ được ngoài bảy mươi thành của nước Tề, và đã nhanh chóng chiếm được quốc đô của nước này là Lâm Tri. Chỉ riêng có hai thành Cự và Tức Mặc thì không hạ được. Về sau, do tướng Tề là Điền Đơn đã sử dụng trận “hỏa ngư” đại phá được liên quân của năm nước, nên nước Tề mới được phục hưng.

Sau khi vua Tề Tương Vương lên nối ngôi, đã gắng sức chấn chỉnh đất nước, khiến nước Tề càng cường thịnh. Vua Ngụy lo sợ nước Tề sẽ trả thù, nên mới phái Tu Dã đến Tề để giao hảo.

Sau khi Tu Dã đến nước Tề. Vua Tề đối với ông hoàn toàn không vị nể, đã lên tiếng quở trách thẳng thừng. Nhà vua bảo nước Ngụy là nước phản phúc vô thường, lại bảo cái chết của tiên vương là Tề Dẫn Vương có liên quan tới nước Ngụy, làm cho mọi người đều căm hận Ngụy quốc. Đối với những lời chỉ trích mạnh mẽ của vua Tề, Tu Dã chỉ trở mặt líu lười, không biết tìm chỗ nào để trốn, hoàn toàn không thể đối đáp chi được.

Phạm Thù thấy vậy đã ung dung biện bác, nghiêm giọng nói rõ :

- Tề Dẫn Vương là người kiêu ngạo lại tàn bạo. Sau khi đánh bại nước Sở và Tam Tấn cũng như tiêu diệt được nước Tống, thì còn muốn sát hại thiên tử nhà Châu để thay thế địa vị đó. Bản thân Tề Dẫn Vương không biết tự lượng sức, nên mới trở thành kẻ thù của năm nước, chứ nào phải một mình nước Ngụy đâu. Nay Đại vương là người anh hùng cái thế, vậy nên tiếp nối thành tích huy hoàng của Tề Hoàn Công, Tề Uy Vương, để chấn chỉnh nước Tề thì mới tốt. Nếu chỉ biết so đo về những ân oán trong thời Tề Dẫn Vương, luôn trách cứ người khác mà không biết tự kiểm điểm mình, thì e rằng Đại vương lại đi vào vết xe đổ của Tề Dẫn Vương trước kia thôi.

Tề Tương Vương từ lâu đã nghe nói Phạm Thù là người ăn nói hoạt bát, kiến thức rộng rãi, lại có chí an bang định quốc, nay trực tiếp nghe những lời hùng biện không tự ti mà cũng không tự cao, có tình có lý của Phạm Thù, trong lòng nhà vua không khỏi kính nể.

Ngay đêm đó, nhà vua phái người đi du thuyết Phạm Thur, có ý muốn giữ ông ở lại nước Tề, và hứa sẽ phong làm Khách Khanh. Phạm Thur nghe qua, với một thái độ đầy chính nghĩa, nghiêm giọng từ chối:

- Tôi cùng sứ giả của nước Ngụy đi sứ sang nước Tề, nếu không cùng họ trở về nước, thì đó là người thiếu tín nghĩa. Như vậy, về sau tôi còn mặt mũi nào để làm người ?

Viên thuyết khách trở về báo lại với Tề Vương. Nghe qua, Tề Vương lại càng kính trọng Phạm Thur hơn, nên đã ban cho ông mười cân vàng, còn ban thêm cả bò và rượu.

Phạm Thur lần đầu tiên đi sứ, trên vai có trách nhiệm nặng nề, vậy làm sao dám nhận lễ vật riêng của nước Tề ? Do vậy một lần nữa ông lại từ chối.

Tu Dã là người giữ vai trò chính sứ, thế mà bị vua Tề cư xử với một thái độ lạnh nhạt. Trong khi đó, vua Tề lại ban nhiều ân huệ cho người tùy tùng, trong lòng ông ta cảm thấy thật bất mãn.

Sau khi nghe Phạm Thur báo cáo mọi việc đúng sự thật, Tu Dã ra lệnh cho Phạm Thur niêm phong số vàng để trả lại cho vua Tề, riêng bò và rượu thì giữ lại. Phạm Thur không nói gì, chỉ tuân theo lệnh của Tu Dã. Nhưng ông không làm sao ngờ được, mình đi sứ sang nước Tề không hề bị lợi lộc quyền rũ, giữ khí tiết một cách trong sạch, luôn đứng trên lập trường chính khí, thế mà lại bị kẻ tiểu nhân hại ngầm, suýt nữa mất mạng.

Sau khi trở về nước Ngụy, Tu Dã đã báo cáo lên Thừa tướng của nước Ngụy là Ngụy Tề, bảo Phạm Thur sang Tề đã tự ý nhận hối lộ, và đã bán rẻ tin tức mật của nước Ngụy cho Tề, làm nhục sứ mạng của người đi sứ. Ngụy Tề nghe qua cả giận, không cần biết trắng đen phải trái, ra lệnh cho người bắt Phạm Thur rồi dùng cực hình để tra tấn.

Phạm Thur vô cớ bị cực hình, tất nhiên là không tâm phục. Ông đã bị tra tấn đến cả người bầm dập, máu me đầy mình, thịt nát răng rụng, hết sức bi thảm. Phạm Thur vốn là người ôm áp chí lớn, muốn thi thố tài năng của mình với đời, thế mà nay chưa làm được gì, há lại chịu chết oan như thế hay sao ? Khi nghĩ tới đây, ông bèn giả vờ chết, để chờ cơ hội thoát thân.

Nghe tin Phạm Thur đã chết, Ngụy Tề đích thân xuống xem qua, thấy thân thể Phạm Thur máu me đầm đìa, không còn một chỗ da lành lặn, nằm thẳng chân dưới đất không cử động, bèn sai tới bốn chiếu bó xác Phạm Thur lại, rồi đem vớt ra cầu xí. Lại bảo những tân khách ở trong nhà thay nhau đá lên xác chết của Phạm Thur, để ông dù có thành ma thành quỷ, cũng bị nhơ nhớp. Ngụy Tề muốn lấy hành động đó để răn đe những người chung quanh.

Trời mỗi lúc càng tối, Phạm Thur từ trong chiếu mở mắt ra lên nhìn, thấy bên cạnh có một người tới tới ngồi canh giữ. Ông bèn nói khẽ với người này :

- Tôi bị trọng thương đến như vậy, dù vẫn còn tỉnh táo nhưng chắc chắn không sao sống được. Vậy xin ngài hãy thương tình cho tôi được chết ở trong nhà, để người nhà tôi tiện việc tần liệm. Như vậy người nhà tôi sẽ tạ ân cho ngài.

Người tới tới này trông thấy cảnh ngộ của Phạm Thur cũng thương hại, lại tham lam tiền bạc mà Phạm Thur đã nói đến, nên vào báo dối với Ngụy Tề rằng :

- Bẩm ngài, Phạm Thư đã chết từ lâu rồi.

Ngụy Tề lúc đó đang dự tiệc với các tân khách, uống rượu đã say, nên không có thì giờ đi kiểm tra lại xem đúng sự thật hay không, bèn ra lệnh cho người tôi tớ mang xác Phạm Thư vứt ra đồng hoang.

Chờ cho người tôi tớ bỏ đi, Phạm Thư cắn răng chịu đau, cố bò trở về nhà, rồi bảo người nhà đem chiếc chiếu vứt trở lại chỗ cũ, để che mắt thiên hạ. Sau đó, Phạm Thư lại đi tìm gặp một người bạn thân là Trịnh An Bình nhờ người này giấu mình vào nhà dân, rồi đổi tên thành Trương Lộc. Phạm Thư dặn dò người nhà sáng sớm ngày hôm sau thì phát tang.

Quả nhiên đúng như mọi sự tiên liệu của Phạm Thư, qua ngày hôm sau, khi Ngụy Tề tỉnh rượu, bèn có lòng nghi ngờ Phạm Thư chưa chết, nên lại sai người ra đồng hoang để xem qua, thấy chỉ còn một manh chiếu nên lại cho người đến nhà Phạm Thư để dò xét. Người này tới nơi, thấy gia đình Phạm Thư đang làm lễ tang, nên tin Phạm Thư đã chết thực, còn xác thì bị chó hoang tha đi ăn hết rồi. Từ đó, Ngụy Tề mới không còn nghi ngờ chi nữa.

2. Giữa Đêm Đi Gặp Vương Kê

Nửa năm sau, cũng vào năm 44 vua Châu Noãn Vương (năm 271 trước công nguyên), Tần Chiêu Vương phái sứ thần là Vương Kê sang nước Ngụy. Nước Tần kể từ ngày Thương Ưởng cải cách pháp luật trở đi, có một chính sách truyền thống : “Người tiến cử hiền tài thì cùng được thưởng như người được tiến cử. Ai tiến cử những người không tốt thì cũng có tội liên đới”. Nói cụ thể, phạm ai tiến cử người có tài năng (bất luận người đó ở đâu, xuất thân cao sang hay bần tiện), chỉ cần lập được đại công cho nước Tần, hoặc có những cống hiến xứng đáng, thì sẽ được Tần Vương tưởng thưởng. Và, người đã tiến cử trước đây cũng được tưởng thưởng y như vậy. Trái lại, nếu tiến cử người không có tài năng, hoặc là kẻ xấu, làm điều có hại cho nước Tần, phạm phải trọng tội, thì người tiến cử cũng bị liên đới, cũng bị hình phạt giống như người mình đã tiến cử.

Kể từ ngày ban bố chính sách đó, những người hiểu biết ở trong nước Tần, luôn luôn lưu ý để tìm người có tài năng. Trong nhất thời, nhiều kẻ sĩ có tài năng khắp trong sáu nước, đều đua nhau đi về phía Tây để tới nước Tần. Do vậy, nước Tần tập hợp được người tài đông đảo, và đã tiến nhanh trên con đường nước giàu binh mạnh. Từ chỗ là một tiểu quốc không được mọi người trọng thị ở Tây Nhung, nước Tần dần dần vươn lên đứng trong hàng ngũ của những cường quốc. Trước tiên, Tần trở thành một trong Ngũ bá đời Xuân Thu. Kế đó, lại trở thành nước đứng đầu trong thất hùng thời Chiến Quốc. Và, cuối cùng thì thống nhất được thiên hạ, xây dựng được một đế quốc đại Tần chưa từng có. Đây là chuyện sau này.

Nhắc lại, Trịnh An Bình nghe nói có sứ giả của nước Tần đến Ngụy, cho rằng thời cơ đã tới, bèn giả người hầu để tới công quán phục dịch Vương Kê. Trịnh An Bình là người nhanh nhẹn, nên tranh thủ được sự yêu thích của Vương Kê. Chỉ một thời gian ngắn, mối quan hệ giữa hai người tỏ ra rất dung hòa, và dần dần không có gì lại không nói cho nhau nghe.

Một hôm, Vương Kê bí mật hỏi riêng Trịnh An Bình :

- Ở quý quốc phải chăng có người hiền tài, nhưng chưa có dịp đi làm quan ? Những người đó có bằng lòng theo tôi đến nước Tần hay chăng ?

Trịnh An Bình chính vì việc này mà tới đây. Cho nên khi nghe sứ giả hỏi, cố dè nén sự vui mừng trong lòng, bình tĩnh đáp :

- Hiện nay trong nhà của thân có một tiên sinh tên gọi Trương Lộ, trí mưu hơn người, do trong nước có người thù, nên không thể xuất đầu lộ diện. Bằng không, thì chắc đã ra làm quan từ lâu rồi, đâu phải chờ cho tới ngày hôm nay ?

Vương Kê vội vàng ngó ý cho Trịnh An Bình biết, nếu người đó ban ngày không tiện gặp nhau, thì có thể chờ đêm khuya tới đây gặp ông ta.

Trịnh An Bình bèn bảo Trương Lộc cải trang thành một người nô bộc, lợi dụng đêm khuya lén tới công quán để gặp Vương Kê. Hai người ngồi cạnh nhau bàn luận đại cuộc trong thiên hạ. Phạm Thu ăn nói thao thao, những lời hay ý đẹp tuôn ra như suối, phân tích mọi vấn đề cụ thể như phơi bày trước mặt. Không chờ Phạm Thu nói hết lời, Vương Kê đã tin Phạm Thu là một nhân tài hiếm có, bèn hẹn với Phạm Thu, chờ khi ông làm việc công xong xuôi, thì xin Phạm Thu đến “Tam Đình Cương” ở gần biên giới nước Ngụy, chờ đợi để theo ông ta về nước Tần.

Vương Kê làm xong công việc của vua Tần giao phó, bèn từ biệt Ngụy Vương và quân thần của nước này, lên xe trở về nước Tần. Khi cỗ xe đi đến “Tam Đình Cương” thì thấy trong rừng bước ra hai người, chính là Trương Lộc và Trịnh An Bình. Vương Kê cả mừng, sau mấy câu hàn huyên, vội vàng mời họ lên xe cùng đi về phía Tây.

3. Xuống Xe Để Tránh Họa

Khi cỗ xe đi tới Hồ Quan của nước Tần, thì từ phía xa xa bỗng thấy cát bụi tung lên mù mịt, rồi thấy một toán xe ngựa chạy ngược chiều sắp tới nơi. Phạm Thu là người luôn cảnh giác, thấy vậy vội vàng hỏi :

- Số người sắp đến đó là ai ?

Vương Kê nhận ra số người đi đầu, nên suy nghĩ một lúc, đáp :

- Đó là Thừa tướng đương triều của nước Tần, Nhượng Hầu Ngụy Nhiễm. Xem ra, có lẽ đi về phía Đông để thị sát tình hình các huyện.

Nhượng Hầu Ngụy Nhiễm là em trai của Tuyên thái hậu, là cậu của Tần Chiêu Vương, đang nắm quyền triều chính, điều hành quốc gia đại sự, thế lực không ai bằng. Tuy Tần Chiêu Vương có lòng bất mãn, nhưng vì sợ Thái hậu nên đành phải để ông ta muốn làm gì thì làm.

Nhượng Hầu Ngụy Nhiễm cùng với Hoa Dương Quân, Kinh Dương Quân, Cao Lăng Quân được mọi người gọi là "Tứ quý của nước Tần". Riêng Nhượng Hầu Ngụy Nhiễm là người có địa vị cao nhất, lại được Thái hậu đỡ đầu, nên đã trở thành người cầm đầu trong "Tứ quý", quyền lực không ai sánh bằng, mọi người đều phải nể mặt. Hằng năm, ông ta kéo đại đội binh mã, thay mặt cho vua Tần đi du hành khắp cả nước để thị sát quan lại, xem xét thành trì, duyệt qua binh mã, phủ dụ bá tánh, dương oai tác phúc đủ điều.

Phạm Thu tuy là người có địa vị thấp kém, nhưng đối với tình thế của các nước thì ông rất quan tâm. Một nhân vật quyền uy tốt đỉnh như Nhượng Hầu Ngụy Nhiễm, tất nhiên là ông đã có nghe danh, và cũng biết rõ nhân cách, nên quay sang Vương Kê nói :

- Nghe đâu Nhượng Hầu là người chuyên quyền và lộng hành trong nước, lại là người ganh ghét kẻ hiền tài, nhất là rất ghét việc chiêu nạp các tân khách từ các nước chư hầu đến. Nếu tôi gặp mặt ông ấy, e rằng sẽ bị nhục. Vậy chi bằng tôi tạm thời trốn vào ra thùng xe, để tránh khỏi chuyện đáng tiếc có thể xảy ra.

Vương Kê đồng ý để cho Phạm Thu làm theo ý mình. Chỉ trong chốc lát đoàn xe ngựa của Nhượng Hầu chạy tới nơi. Vương Kê vội vàng xuống xe nghênh bái. Nhượng Hầu cũng xuống xe để gặp Vương Kê. Sau vài lời khuyến khích và an ủi, Nhượng Hầu bèn hỏi:

- Tình hình ở Quan Đông như thế nào ? Trong các chư hầu có chuyện gì xảy ra không ?

Vương Kê vòng tay thi lễ, đáp:

- Bẩm không !

Nhượng Hầu liếc mắt nhìn vào cỗ xe, lại quan sát kỹ số người tùy tùng, rồi nói :

- Lần này ngài đi sứ nước Ngụy, có mang về những vị tân khách ở các nước chư hầu không ? Những người để chỉ dựa vào lời nói suông của mình để làm rối loạn quốc gia của người khác, với mục đích là tìm lấy phú quý vinh hoa, toàn là những người nói suông vô ích cả!

Vương Kê phụ họa theo, đáp :

- Lời nói của Thừa tướng rất đúng.

Nhượng Hầu thấy không có gì khả nghi, bèn ra lệnh cho đoàn xe tiếp tục đi về phía Đông.

Qua cơn sợ hãi, Vương Kê đang định thúc ngựa đi tiếp, thì Phạm Thụ từ trong thùng xe chui ra, nói :

- Nhượng Hầu là người tuy có mưu trí, nhưng làm việc trì trệ, vừa rồi ông ấy có liếc mắt nhìn vào xe, và có vẻ nghi ngờ. Lúc bấy giờ tuy ông ấy không cho lục soát, nhưng chỉ trong chốc lát nữa đây, ông ấy có thể đổi ý, quay lại lục soát cũng nên. Do vậy, tôi cần phải xuống xe để tránh mặt mới được.

Vương Kê thấy vừa rồi Phạm Thụ phán đoán rất đúng, nên qua mấy lời phân tích ngắn gọn nhưng rất chính xác của ông về Nhượng Hầu, cũng cho rằng Nhượng Hầu rất có thể quay trở lại. Do vậy, ông bèn để Phạm Thụ và Trịnh An Bình xuống xe men theo đường mòn tiếp tục đi tới.

Chẳng mấy chốc, Vương Kê bỗng nghe ở phía sau lưng mình có tiếng lục lạc ngựa. Khi quay lại, quả nhiên thấy có hơn hai mươi kỵ sĩ từ hướng Đông chạy bay đến, bảo phụng mệnh Thừa tướng trở lại để lục soát. Số người này bèn lục tìm trong thùng xe, mục đích xem có giấu những người từ Quan Đông đi vào nước Tần hay không. Họ thấy không có gì, mới chịu lên ngựa bỏ đi.

Vương Kê thầm vui mừng vì đã thoát nạn, bèn lên tiếng khen :

- Trương tiên sinh đúng là một nhà trí sĩ, ta không làm sao bằng !

Dứt lời, Vương Kê thúc ngựa đi tới. Chẳng mấy chốc thì gặp Trương Lộ và Trịnh An Bình, bèn mời lên xe, rồi nhắm hướng Hàm Dương, kinh đô của nước Tần tiếp tục đi tới.

4. Lời Nói Khôn Khéo

Sau khi Phạm Thù đến Hàm Dương, không có cơ hội nào gặp được Tần Chiêu Vương cả. Mặc dù Vương Kê đã chạy chọt nhiều nơi, cố gắng hết sức mình, nhưng vẫn không có hy vọng đưa Phạm Thù gặp được nhà vua.

Phạm Thù thấy thời gian quý báu trôi qua một cách vô ích, trong lòng tiếc rẻ, nhưng không có cách nào khác hơn. Mỗi ngày ông phải trọ tại khách xá loại hạng bét, dùng cách đọc sách và đi xem xét dân tình để giết thời giờ.

Trong thời điểm này, Tần Chiêu Vương đã ngồi trên ngai vàng được ba mươi sáu năm, thế nước ngày một cường thịnh. Đại tướng Bạch Khởi chỉ huy quân đội nước Tần, càn quét khắp mọi nơi, đi đến đâu thắng đến đấy. Ở phía Nam họ đánh Sở và cố chiếm cho kỳ được hai vùng đất quan trọng là Yên và Sính (quốc đô của Sở). Nước Sở từ đó bị suy yếu luôn, không còn vươn lên được để trở thành đối thủ với Tần nữa. Kế đó, Tần lại quay sang liên hợp với quân đội của bốn nước phía Đông là Hàn, Triệu, Ngụy, Yên, đánh bại quân Tề, và đã trừ được một kinh địch ở phía Đông là nước Tề. Sau đó, quân Tần còn đánh bại được quân của ba nước Hàn, Triệu, và Ngụy, khiến Ngụy và Hàn phải chịu cúi đầu nghe theo lệnh của Tần. Thời bấy giờ, triều thần nhà Tần liên tiếp vào chúc mừng nhà vua.

Khi đó, trong triều đình nhà Tần cũng đầy dẫy nhân tài, "Tứ quý" thì nắm trọn quyền bính và bao giờ cũng bài xích những người không ăn cánh với mình. Tần Chiêu Vương lúc nào cũng ở tận trong nội cung, lại bị các quyền thần quý thích bao vây, nên không thể nắm được tình hình cụ thể ở bên ngoài.

Thời Chiến Quốc là một thời kỳ tình hình luôn xáo trộn, trên vũ đài chính trị những mưu sĩ, những nhà thuyết khách đông đảo, đi khắp nơi để tìm cơ hội tiến thân, vàng thau lẫn lộn, cho nên số người trong tập đoàn thống trị cấp trên của nước Tần, không có ấn tượng tốt đẹp đối với những tân khách, biện sĩ từ các nước Chư hầu đến. Họ cho số người này là bất tài, kém học, chỉ biết nói suông chứ không có khả năng gì. Do vậy, Phạm Thù dù nghĩ đủ cách, vẫn khó chen chân vào được triều đình nhà Tần, để thi triển sở học của mình.

Trong khi không còn cách nào khác hẳn, Phạm Thù bèn nhờ người gặp Tần Chiêu Vương để giới thiệu về gia thế của mình. Chủ yếu nói : "Hiện nay có một người nước Ngụy, tên gọi Trương Lộ tiên sinh, trí mưu hơn người, là bậc kỳ tài trong thiên hạ. Ông ấy muốn bái kiến Đại vương, và bảo: hiện nay nước Tần đang lâm vào cảnh hết sức nguy hiểm. Nếu để mất Trương Lộ thì sẽ gặp nguy, mà được Trương Lộ thì sẽ an toàn. Nguyên nhân tại sao, Trương Lộ phải gặp mặt Đại vương mới có thể nói hết được"

Rõ ràng đây là những lời nói có ý phóng đại để cho Tần Chiêu Vương phải trọng thị. Nhưng, Tần Chiêu Vương đâu phải là một nhà vua thiếu kiến thức ? Những chuyện na ná như thế, không phải mới xảy ra lần đầu. Tần Chiêu Vương cho rằng, những mưu sĩ, những nhà du thuyết trong thiên hạ thường thường vẫn thích rêu rao như thế. Cho nên nhà vua cũng không chú ý.

Thê là Phạm Thù lại thất bại. Ông trở về nhà trọ tiếp tục ăn cơm thô, uống trà nhạt. Phạm Thù sống trong hoàn cảnh lo âu như vậy, không mấy chốc đã trôi qua một năm. Trên bầu trời thường có những cụm mây đen mà không ai đoán biết trước, cũng như đời người thường có chuyện họa phúc tới với mình mà không ai hay. Vui quá thành buồn, bi cực thái lai, đó là chuyện thường tình trong cuộc sống. Đến năm Châu Noãn Vương thứ 45 (năm 270 trước công nguyên), Thừa tướng Nhượng Hầu Ngụy Nhiễm muốn xua quân vượt qua nước Hán và nước Ngụy, để đi đánh nước Tề, chiếm lấy hai vùng đất Cương, Thọ, nhằm mở rộng phạm vi vùng đất phong của cá nhân mình ở Định Đào. Phạm Thù cho rằng đây là cơ hội tốt trời ban, hoàn toàn có thể chụp lấy để tiếp xúc với Tần Chiêu Vương, tranh thủ nhà vua để chen chân vào triều đình nhà Tần.

Ngụy Nhiễm và Hoa Dương Quân đều là em trai của Tuyên Thái hậu. Lúc Chiêu Vương còn nhỏ, Tuyên Thái hậu đã lâm triều chấp chánh, và đã ủy nhiệm cho Ngụy Nhiễm làm Thừa tướng, phong chức Nhượng Hầu, và cũng phong chức cho người em trai khác làm Hoa Dương Quân, để nắm quyền cai trị đất nước. Sau khi Chiêu Vương trưởng thành, bèn phong cho em trai của mẹ mình chức Kinh Dương Quân và Cao Lăng Quân, có ý muốn chia bớt quyền hành trong tay bà mẹ. Chính vì vậy, mà những người trong tông thất, trong quý thích có dịp nắm quyền trực lợi. Gia đình riêng của họ còn giàu hơn cả Vương thất, khiến Chiêu Vương cảm thấy như nằm trên gai, nhưng không thể nói ra được.

Lần này, Nhượng Hầu muốn đánh Tề để chiếm thêm hai vùng đất Cương và Thọ, với mục đích mở rộng thêm đất phong của mình ở Định Đào. Kết quả của hành động này chắc chắn sẽ tiến lên một bước nữa, củng cố thực lực của Ngụy Nhiễm, khiến gốc càng to mà nhánh càng dày, tạo ra tề đoan là thần tử còn mạnh hơn cả triều đình.

Dựa vào tình trạng phức tạp đó, cũng như dựa vào sự tìm hiểu, phân tích và phán đoán thế giới nội tâm của Chiêu Vương suốt trong một năm qua, Phạm Thù mạnh dạn và dứt khoát gửi lên Chiêu Vương một bức thư nữa, với mục đích bày tỏ lòng đại nghĩa của mình. Ông nhắm đúng vào những tề đoan đang tồn tại trong triều đình cũng như nỗi băn khoăn lo lắng của Chiêu Vương để đánh động nhà vua. Trong bức thư này Phạm Thù viết : "Tôi nghe nói một vị vua anh minh khi chấp chánh, thì sẽ thưởng thưởng cho người có công với nước, uy nhiệm trọng trách cho người có tài năng. Người có công to thì được hưởng lộc hậu, có tài cao thì được tước vị cao. Cho nên người bất tài không dám lạm chức, người có tài cũng không bao giờ bỏ rơi nhiệm vụ của mình. Trái lại, một nhà vua u mê bất tài, thì không phải như vậy, mà chỉ thưởng cho người mình yêu thích, phạt người mình ghét bỏ. Sự thưởng phạt hoàn toàn không có căn cứ, mà chỉ dựa vào cảm tình trong nhất thời. Tôi cũng nghe nói, người giỏi làm giàu cho cá nhân mình, thường lấy của cải từ quốc gia, còn người giỏi làm giàu cho quốc gia, thì thường lấy của cải từ của chư hầu. Khi thiên hạ có một vị quân vương anh minh, thì chư hầu sẽ không thể chuyên quyền chuyên lợi. Đó là tại sao ? Vì vậy một nhà vua anh minh, bao giờ cũng giỏi việc cắt bớt quyền bính của chư hầu. Một vị lương y có thể đoán biết sự chết sống của một bệnh nhân, còn một vị minh chúa có thể đoán biết sự thành bại của nước nhà. Thấy việc có lợi thì thực hành, thấy việc có hại thì xóa bỏ. Khi có lòng nghi thì bớt đi sự thưởng thưởng. Từ xưa tới nay, những vị minh quân như vua Thuấn vua Ngu, đều làm như vậy cả. Có một số lời không tiện nói sâu ở bức thư này, nhưng nếu nói không sâu thì không đủ làm cho Đại vương chú ý. Tôi mong Đại vương có thể cho một chút thời giờ nhàn rỗi, để tôi được gặp mặt nói thẳng. Nếu những lời nói của tôi đối với việc trị quốc hưng bang không có hiệu quả gì, thì tôi bằng lòng chịu sự trừng phạt nghiêm khắc. Vậy xin đừng vì khinh thường tôi mà khinh thường cả người đã tiến cử tôi".

Chỗ đáng quý và hiếm có trong bức thư du thuyết của Phạm Thụ, là có một tư tưởng chính trị sâu sắc, trực tiếp đề cập đến vấn đề chế độ dùng người. Về cách dùng người, ông cực lực chủ trương chọn dùng những người hiền tài, trọng thưởng cho những người có công về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, cực lực phản đối cách dùng người chỉ nhắm vào những người thân. Trong thời kỳ đầu của xã hội phong kiến, từ lâu đã quen dùng bà con giòng họ của mình. Cho nên tư tưởng này quả là một tia sáng lấp lánh. Kế đó, Phạm Thụ còn cực lực đả kích hiện tượng quyền thần nắm hết quyền bính của quốc gia, và chỉ rõ mối nguy hại của việc triều đình thì suy yếu còn thân tử thì lại mạnh lên. Đối với việc tăng cường trung ương tập quyền và củng cố địa vị thống trị của nhà vua, đó là những ý kiến rất sáng suốt.

Tần Chiêu Vương là một nhà vua có hoài bão lớn thế nhưng tông thất và quý thích trong vương thất, đã chiếm hầu hết quyền hành, khiến kế hoạch muốn làm cho nước giàu binh mạnh của nhà vua bị cản trở. Đó chính là một nỗi băn khoăn mà nhà vua vẫn để trong lòng từ bấy nhiêu năm qua. Những lời nói trong bức thư của Phạm Thụ đã đánh trúng vào nỗi băn khoăn đó của Tần Chiêu Vương. Hơn nữa, những lời nói bí ẩn, hàm súc viết trong thư làm cho Tần Chiêu Vương càng phải băn khoăn suy nghĩ, muốn được giải đáp ngay. Nhất là trong bức thư Phạm Thụ có thể, bảo đảm mình là người đủ mưu lược để trị quốc, và có thể giúp cho Tần Chiêu Vương thoát khỏi cảnh lúng túng trước mắt. Chính vì vậy, Tần Chiêu Vương không thể không triệu kiến Phạm Thụ. Qua đó cho thấy, Phạm Thụ chẳng những là người kinh luân đầy bụng, mà còn là người rất giỏi tính toán. Tần Chiêu Vương xem xong bức thư quả nhiên rất xúc động, và cũng rất cao hứng, bèn cho người trọng thưởng Vương Kê đã tiến cử được người hiền tài. Đồng thời, cũng phái người hướng dẫn Phạm Thụ vào cung để gặp mặt nhà vua. Một người có mưu trí xuất chúng, trong khi cơ hội chưa đến với mình, có thể cố chịu đựng sự buồn tẻ. Nhưng một khi có cơ hội đã xuất hiện, thì họ sẽ tìm đủ cách để lợi dụng cơ hội đó. Vì họ biết thời cơ không thể để mất. Phạm Thụ cũng là một người như vậy.

Trước khi Phạm Thụ vào cung Tần, trong lòng đã suy nghĩ đầy đủ mọi việc. Ông đã chuẩn bị đầy đủ mọi chi tiết khi ra mắt nhà vua. Cho nên sau khi bước xuống xe, ông liền đi thẳng vào cung cấm. Tần Chiêu Vương được mọi người theo hầu đang từ trong đi ra. Phạm Thụ không tránh né, chững như xem chung quanh không có ai. Hoạn quan thấy thế, to tiếng quát bảo :

- Đại vương đã đến, tại sao không tránh mặt ?

Phạm Thụ bình tĩnh phản bác :

- Nước Tần nào có Vương, mà chỉ có Thái hậu và Nhượng Hầu!

Lời nói đó rõ ràng là nhằm khích chí Tần Chiêu Vương. Do lời nói nhắm thẳng vào tề đoan đương thời, và đánh trúng vào tâm trạng của Tần Chiêu Vương nên đã thu được hiệu quả rất cao. Tần Chiêu Vương nghe vậy, chẳng những không giận, mà trái lại mời Phạm Thụ vào gian phòng kín, cư xử theo bậc thượng khách, rồi hai người cùng nhau đàm luận mọi việc.

Phạm là người túc trí đa mưu, bao giờ cũng có thể xử lý một cách thích đáng giữa hư và thực, giữa sự căng thẳng và sự buông lỏng. Cho nên Phạm Thụ đã nắm vững tâm lý của đối phương, càng muốn đi sâu vào vấn đề cốt lõi, thì lại càng tỏ ra không quan co, tránh né. Tần Chiêu Vương kính cẩn lên tiếng hỏi :

- Tiên sinh có điều gì để dạy quả nhân ?

Phạm Thụ lại "áp a áp úng", tránh trả lời thẳng câu hỏi trên. Phạm Thụ tỏ thái độ như thế đến ba lần. Tại sao vậy ? Một là ông muốn Tần Chiêu Vương ghi nhớ buổi nói chuyện này có tính cách rất quan trọng ; hai là nhằm đề cao địa vị của mình trước mặt nhà vua.

Thấy Tần Chiêu Vương thiết tha muốn thỉnh giáo, nên thái độ của Phạm Thụ rất thành khẩn, uyển chuyển đáp :

- Thần vốn không dám làm như vậy. Xưa kia Khương Thượng ngồi buông câu bên bờ Vị Thủy, chờ khi gặp được Châu Văn Vương, thì chỉ trong một lời nói là Văn Vương đã gọi bằng Thượng Phụ. Sau đó nhà vua đã dùng mưu lược của Khương Thượng, tiêu diệt được nhà Thương và giành được thiên hạ. Trong khi đó thì các đại thần như Cơ Tử, Tỷ Can, nguyên là quý thích và cũng là một bậc trung thần, thường có lời can gián vua Trụ nhà Ân, nhưng vua Trụ chẳng phải không nghe, mà còn biến họ xuống làm nô lệ, hoặc trừng trị bằng cực hình. Rốt cục, mọi người đều rời xa, nên Trụ Vương đã lâm vào cảnh nước mất nhà tan, hết sức bi thảm. Hai thái độ đó, hai kết quả đó, không có nguyên nhân chi lạ, mà chủ yếu là khác nhau ở chỗ tin nhiệm và không tin nhiệm. Nếu như Châu Văn Vương xa lánh Khương Thượng, không tin mưu lược của người, thì Châu Văn Vương đâu phải là người có cái đức của bậc thiên tử, và Văn Vương cũng như Võ Vương, sẽ không thể nào hoàn thành Vương nghiệp của mình. Nay thần là người rời bỏ quê hương, từ xa đến đây sống nơi đất nước xa lạ, chung quanh không có người thân, mà những lời cần nói, đều là đại kế có tương quan đến sự hưng vong của quốc gia, hoặc có tương quan đến sự thân sơ đối với người cốt nhục của Đại vương. Nếu nói không sâu thì không hết ý, không cứu được nước Tần. Và lại, nếu nói quá nông cạn, thì cái họa của Cơ Tử và Tỷ Can trước kia, sẽ giáng ngay xuống đầu thần. Cho nên Đại vương ba lần hỏi mà thần không dám nói, là vì không biết Đại vương tin hay không tin đấy thôi.

Những lời nói mở đầu của Phạm Thụ, chính là những lời nói mà ông suy nghĩ thật chín chắn. Phạm Thụ đã xem Chiêu Vương như Châu Văn Vương, Châu Võ Vương, làm cho lòng hiếu danh của nhà vua cảm thấy thực thỏa mãn, giúp cho bầu không khí khi nói chuyện được thuận lợi hơn, cảm tình hơn giữa hai người cũng được đậm đà hơn. Phạm Thụ tự ví mình như Khương Thượng, tuy đang sống giữa chốn núi non, nhưng lại là người có tài trị quốc, có thể giúp cho một vị minh chúa hoàn thành sự nghiệp một cách oanh liệt. Vấn đề cốt lõi là ở chỗ quân vương có "tin hay không tin". Có "dùng hay không dùng". Nếu là người hiền tài mà không được dùng, thậm chí đem giết đi, thì vị quân vương đó tự hạ mình thành một vị bạo chúa, cũng như vua Trụ đời nhà Thương. Giết hiền tài có hại cho đất nước, là điều đại kỵ của các vị minh quân từ xưa tới nay. Những lời nói đó chẳng những gióng lên một tiếng chuông cảnh báo cho Tần Chiêu Vương, mà còn tranh thủ được sự an toàn cho bản thân mình.

Tiếp đó, Phạm Thụ đã xoay quanh chủ đề "tin và không tin" để bàn luận thao thao :

- Đại vương tin lời nói của thần, thì dù chết thần cũng không xem đó là tai họa thiệt thân, không lấy đó làm buồn. Dù phải xâm khắp mình mấy để làm một thằng hủi, bỏ tóc xõa để làm một thằng điên, thần cũng không cảm thấy đó là nhục. Thần chỉ sợ người trong thiên hạ thấy thần tỏ lòng tận trung mà lại bị chết, rồi từ đó về sau không ai dám lên tiếng nói gì, không ai dám bước chân đến nước Tần này nữa.

Những lời nói bi tráng và đầy khảng khái trên, bước thêm một bước nữa chứng tỏ ông là người sẵn sàng phơi gan trái mật, và đã xúc động được lòng Tần Chiêu Vương qua tình cảm chân thật của mình. Ông đã gạt bỏ ra ngoài tất cả những gì về mình, và chừng như cơ bản đều xuất phát từ lợi ích của nước Tần, nói lên những lời nói đầy đại nghĩa, khiến đối phương càng thêm tin tưởng ở mình.

Sau những lời dọn đường đó, cuối cùng Phạm Thụ mới đề cập đến những vấn đề thực chất, chỉ rõ những tệ đoan về mặt chính trị của nước Tần thời bấy giờ.

- Đại vương trên thì sợ uy nghiêm của Thái hậu, dưới thì bị mê hoặc bởi sự dục vọng của gian thần, suốt ngày ở sâu trong cung cấm, ít đi ra ngoài, suốt ngày không rời khỏi hai bàn tay nâng niu của người hầu, thì chắc chắn cả đời sẽ bị mê hoặc, khó phán đoán được đâu là thiện, đâu là ác. Thời gian nếu kéo dài ra, thì cái hại lớn sẽ dẫn đến làm nghiêng ngả xã tắc tông miếu, cái hại nhỏ là bản thân bị cô lập và sẽ lâm nguy. Đây là điều mà thần rất sợ. Nếu thần phải chết mà nước Tần được trị, thì thần có chết cũng còn hơn là sống vậy.

Thực ra, những tệ đoan nói trên là đang tồn tại, nhưng không phải là chuyện cấp bách phải giải quyết của nước Tần. Phạm Thụ sở dĩ phóng đại lên như vậy, là có ý muốn nương theo nguyện vọng "lành mạnh triều đình và làm yếu các thần tử chung quanh" của Tần Chiêu Vương. Đồng thời, ông cũng dựa vào đó để lật đổ những kẻ thù chính trị, giúp mình đứng vững cũng như xác lập địa vị của mình trong triều đình nhà Tần sau này. Chỉ cần địa vị được vững, thì tất cả mọi vấn đề khác sẽ tự nhiên cũng được giải quyết êm xuôi theo. Dụng tâm của một nhà mưu lược, vẫn thường biểu lộ trong một lời nói, một việc làm. Để thực hiện mọi ý đồ chính trị của họ, họ luôn luôn vắt óc để suy nghĩ ra mọi biện pháp.

Do những lời nói của Phạm Thụ đã đánh trúng tâm trạng thầm kín của vua Tần, nên vua Tần mới xem phạm Thụ là người tri âm. Nhà vua dùng đại lễ đối với Phạm Thụ, rồi nói lên những lời nói tận tâm can của mình :

- Nước Tần ở vào một góc xó xa xôi, còn quả nhân là người kém trí. Nay tiên sinh tới đây, quả là trời đã ban ân cho nước Tần. Từ nay về sau, mọi chuyện lớn nhỏ, bên trên có liên quan tới Thái hậu, bên dưới có liên quan tới các vị đại thần, mong tiên sinh sẽ chỉ dạy cho quả nhân, đừng có thái độ nghi kỵ chi cả.

Thế là Phạm Thụ đã được Tần Chiêu Vương hết sức tín nhiệm, tạo đây đủ điều kiện cơ bản để ông vào chính trường, và mạnh dạn tiếp tục bước những bước vững chắc lên vũ đài chính trị đầy phức tạp.

5. Hòa Hoãn Xa, Tấn Công Gần

Sau đó, Phạm Thur lại phân tích tình hình nước Tần cho Tần Chiêu Vương nghe:

- Nước của Đại vương, biên thùi bốn bên đều vững chắc. Phía Bắc có Cam Tuyền và Cốc Khẩu bảo vệ, phía Nam có hai dòng sông Kinh, Vị, tạo thành một vành đai, phía phải có Lũng Thục, phía trái có Quan, Bản. Đất Tần là đất hiểm trở, trong thiên hạ không đâu bì kịp. Khi thấy có lợi thì vươn ra tấn công, khi thấy bất lợi thì lui vào cố thủ. Đây chính là đất của bậc vương giả. Lại thêm nước Tần có hùng binh hàng triệu người, chiến xa hàng nghìn cỗ, riêng về giáp binh thì rất giỏi, thiên hạ không ai địch nổi. Bộ binh Tần lại rất thiện chiến, xa kỵ lại đông đảo, dùng nó để trị chư hầu chẳng khác gì dùng chó săn giỏi để bắt loài thỏ rừng. Thế nhưng, việc mưu toan thôn tính các nước lại không tạo được thành tựu, đại nghiệp bá vương không thể hoàn thành. Đó chẳng phải là do trong mưu kế của các vị đại thần có chỗ sai sót hay sao?

Phạm Thur là người rất có nghệ thuật trong ăn nói. Ông nắm tâm lý của người có địa vị cao, bao giờ cũng thích nghe những lời nói khen tặng. Cho nên trước tiên ông từ chỗ phân tách ưu thế của nước Tần, để tranh thủ sự chú ý của nhà vua. Quả nhiên, ông đã nắm đúng tâm lý của Tần Chiêu Vương. Nghe đến đây, Tần Chiêu Vương bèn chồm người tới, hỏi :

- Xin nói rõ kế hoạch sai sót là ở chỗ nào ?

Phạm Thur thấy mình mới chân ráo chân ướt vào nước Tần, căn cơ chưa vững, nên không dám bàn đến việc trong triều đình, mà trước tiên nói đến việc ở bên ngoài, nhằm ném đá dò đường, xem thái độ của Tần Vương ra sao. Ông nói :

- Thần nghe Nhượng Hầu định vượt qua hai nước Hàn và Ngụy để tấn công nước Tề. Kế đó rõ ràng là sai lầm. Nước Tề cách nước Tần rất xa, ở giữa lại có nước Hàn và nước Ngụy. Nếu Tần ra quân ít thì không đủ sức đánh bại nước Tề. Trái lại, nếu ra quân nhiều, thì sẽ tạo ra mối lo ở trong nước. Vì nhân đó, các nước Hàn, Ngụy, Triệu, thậm chí cả nước Sở cũng có thể xua quân để xâm chiếm. Trong trường hợp đó, nước Tần sẽ rất nguy hiểm, rất có hại. Phạt Tề mà không thắng, thì là cái nhục của nước Tần. Cho dù phạt Tề có thắng, cả hai nước Tần và Tề đều tổn thất nặng nề. Các nước Hàn, Ngụy, Triệu, v.v... sẽ thừa cơ thủ lợi một cách dễ dàng, đối với Tần có chi là tốt đâu? Thay vì xua quân đi đánh xa, chỉ có hại và không có lợi, tổn hao vô ích, thì chi bằng dùng sách lược “hòa hoãn với nước xa, để tấn công nước gần”. Hòa hoãn với nước xa, để tấn công nước gần”. Hòa hoãn với nước xa sẽ tạo được tình hòa hiếu với những nước đó, còn tấn công nước gần thì sẽ mở rộng được đất đai của ta. Từ gần ta phát triển đến xa, như con tằm ăn lá dâu từ từ, thì tất cả mọi nước trong thiên hạ này đều bị chinh phục hết !

Tần vương lại hỏi :

- Sách lược “hòa hoãn nước xa, tấn công nước gần” là thế nào ?

Phạm Thù đáp :

- Hòa hoãn với nước xa, cụ thể là hòa hoãn với Tề và Sở, còn tấn công nước gần cụ thể là tấn công Hàn, Ngụy. Một khi đã chiếm được Hàn và Ngụy thì Sở há tồn tại được chăng ?

Tần Vương vỗ tay cho là phải, trong lòng hết sức vui mừng, liền phong Phạm Thù làm Khách Khanh và gọi là Trương Khanh. Nhà vua sử dụng kế sách của Phạm Thù, xua quân sang phía Đông đánh Hàn và Ngụy, đồng thời, xuống lệnh cho Bạch Khởi ngưng tấn công nước Tề.

Qua lời nói trên của Phạm Thù, đã xác định rõ tư tưởng mang ý nghĩa chiến lược trong chủ trương "hòa hoãn với nước xa, tấn công nước gần". Chủ trương này chính là sự cống hiến kiệt xuất của Phạm Thù đối với nước Tần, vì nó đã đặt nền tảng lý luận để cho Tần theo đó lần lượt thôn tính sáu nước, và đi đến thống nhất cả thiên hạ. Đồng thời, nó cũng có một ảnh hưởng sâu xa đối với hậu thế, và là một trang huy hoàng trong bộ sử về tư tưởng chính trị ngoại giao của nước Trung Quốc.

Ngụy Nhiễm giữ chức Thừa tướng của nước Tần từ năm Tần Chiêu Vương thứ 2 (294 trước công nguyên) có thể nói là người đã đóng góp nhiều công lao đối với sự nghiệp lớn của nước Tần. Nhưng, ông cũng đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng trong quyết sách mang tính chiến lược tổng thể của quốc gia, dẫn đến một số thiệt hại nhất định cho nước này. Thí dụ như trong vấn đề đối xử với "Tam Tấn", Ngụy Nhiễm đã áp dụng phương châm chiến lược đánh nước mạnh trước, đánh nước yếu sau. Ông xem thường hai nước Ngụy và Hàn là hai nước ở sát nách của nước Tần, mà lại đưa quân vượt qua hai nước này để viễn chinh nước Triệu ở xa, làm mệt sức dân và tổn hao nhiều tiền của. Lúc bấy giờ nước Triệu đang ở vào giai đoạn cường thịnh, quân Triệu được vị danh tướng của họ là Triệu Xa chỉ huy, đã dùng quân đội nghỉ ngơi tại chỗ để đánh quân Tần từ xa đến đang mệt nhọc, bị tổn thất nặng nề, phải trả giá đắt. Cũng như việc Ngụy Nhiễm đã đối phó với nước Tề, từng mấy lần cử binh chinh phạt, tuy đôi bên có thắng có bại, nhưng quân Tần vẫn không thể tạo được những cuộc chiến thắng mang tính chiến lược. Về mặt nhân lực cũng như tài lực, quân Tần đều bị tổn thất nặng nề. Trong khi đó thì hai nước Ngụy và Hàn ngồi yên xem hai con cọp dữ đánh nhau để tùy cơ thủ lợi. Như vậy cái được sẽ không hơn cái mất.

Phạm Thù qua sự chỉ đạo của nguyên tắc "hòa hoãn nước xa, tấn công nước gần" tiến lên một bước nói rõ ý nghĩ về cách thống nhất thiên hạ của nước Tần :

1. Khuất phục hai nước Hàn, Ngụy ở gần, để xóa bỏ mối lo sát nách, cũng để tăng cường thực lực cho nước Tần.
2. Sau khi khuất phục được hai nước Hàn và Ngụy, thì tiến đánh nước Triệu ở phía Bắc, nước Sở ở phía Nam. Giúp đỡ cho những nước yếu, áp chế những nước mạnh, để tranh thủ vùng đất Trung Nguyên, không chế sự phát triển của các nước.
3. Sau khi các nước Hàn, Ngụy, Triệu, Sở chịu nội thuộc vào nước Tần, thì dẫn quân lực của năm nước tiến lên uy hiếp nước Tề là một nước ở xa, và là một đối thủ mạnh của nước Tần thời bấy giờ. Để cho họ tránh né không tranh hơn với nước Tần nữa.

4. Trên cơ sở nói trên, lần lượt tiêu diệt từng nước một như nước Hàn, nước Ngụy, nước Triệu và các nước khác, để cuối cùng đạt đến mục đích thống nhất thiên hạ.

Sau khi nguyên tắc "hòa hoãn với nước xa, tấn công nước gần" của Tần được xác lập, thì Phạm Thu đã kịp thời giúp cho Tần đặt kế hoạch thu phục nước Hàn. Nước Hàn là nước yếu nhất trong bảy nước thời bấy giờ. Phạm Thu đã chọn đúng đột phá khẩu.

Trước tiên, ông phân tích cho Tần Chiêu Vương nghe ý nghĩa chiến lược về việc thu phục nước Hàn :

- Nước Tần và nước Hàn có lãnh thổ đan chéo với nhau. Nước Tần mà có nước Hàn thì chẳng khác nào gỗ có sâu mọt, con người có bệnh nội tạng. Khi thiên hạ không có biến loạn gì thì thôi, một khi có biến loạn thì kẻ gây ra tai nạn lớn nhất cho nước Tần không ai khác hơn nước Hàn. Vậy Tần Vương nên thu phục nước Hàn trước.

Tần Chiêu Vương nói :

- Cô gia vốn cũng muốn thu phục nước Hàn, nhưng nước Hàn không chịu nghe theo thì biết làm sao ?

Phạm Thu đã chuẩn bị sẵn ý kiến trong lòng, liền đáp :

- Nước Hàn làm sao dám không nghe theo lệnh, dám không chịu quy phục Đại vương chứ ? Nếu Đại vương phái binh trước tiên đánh chiếm Huỳnh Dương là trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự và giao thông của nước Hàn, làm cho con đường từ Cung và Thành Cao bị gián đoạn, phía Bắc cắt đứt với con đường Thái Hành, khiến quân Hàn ở Thượng Đảng không làm sao xuống được. Như vậy, chỉ với một trận đánh mà có thể cắt nước Hàn ra thành ba đoạn. Một khi quân Hàn không còn chống trả được, thì họ tại sao lại không quy phục Đại vương chứ ?

Tần Chiêu vương gật đầu cho là phải, đồng ý với phương án của Phạm Thu. Từ đó trở đi, mới liên tiếp những cuộc tấn công có tính cách hủy diệt.

Năm Tần Chiêu Vương thứ bốn mươi hai (265 trước công nguyên) quân Tần tấn công và chiếm lĩnh Thiểu Khúc (nay là vùng Đông Bắc Tế Nguyên của tỉnh Hà Nam) của nước Hàn, và Cao Bình (nay là vùng đất nằm về phía Nam của Tế Nguyên).

Năm Tần Chiêu Vương thứ bốn mươi ba (264 trước công nguyên), Đại tướng Bạch Khởi của Tần đánh chiếm Hình Thành (nay là vùng Đông Bắc Khúc Ốc thuộc tỉnh Sơn Tây).

Năm Tần Chiêu Vương thứ bốn mươi bốn (263 trước công nguyên), Bạch Khởi tấn công và chiếm được Nam Dương nằm ở phía Nam Thái Hành Sơn của nước Hàn. Năm sau lại đánh chiếm Dã Vương (nay là Tầm Dương thuộc tỉnh Hà Nam).

Đến đây, nước Tần đã chặt nước Hàn ra làm ba đoạn, khiến vùng Thượng Đảng đã hoàn toàn bị cô lập.

Dưới những đòn tấn công sấm sét của quân Tần, nước Hàn đã bị cắt manh mún, chỉ còn chờ chết.

Trái lại, nước Tần trải qua những cuộc chiến tranh đối với Ngụy, Hàn, đã thu được nhiều nhân lực, vật lực để bổ sung cho mình, khiến thực lực của nước Tần vươn lên nhanh chóng. Các nước chư hầu đều lác mắt, đều run rẩy. Tiếp đó, Tần đã đẩy nhanh sự hoạt động của mình về phía Đông, mở rộng quy mô chiến tranh đối với hai nước Triệu và Sở.

6. Vững Cội Yếu Cành

Sau mấy năm ở tại nước Tần, tài năng của Phạm Thụ bắt đầu bộc lộ, tạo được nhiều thành tích trác tuyệt, nên mỗi ngày càng được Tần Chiêu Vương sủng tín. Đến năm Châu Noãn Vương thứ bốn mươi chín (261 trước công nguyên), Phạm Thụ bắt đầu thi hành việc cải cách đối với nội chính của nước Tần, bằng phương châm "Vững cội yếu cành", tăng cường độc quyền đối với trung ương.

Một hôm, Phạm Thụ nói với Tần Chiêu Vương :

- Thần được Đại vương tin dùng, những lời nói cũng như kế hoạch của thần đều được Đại vương sử dụng. Cho nên, dù thần có tan xương nát thịt đi nữa cũng không thể báo đền được. Nay thần có một kế hoạch ổn định nước Tần, nhưng chưa dám đem toàn bộ kế hoạch đó hiến lên Đại vương.

Tần Chiêu Vương nôn nóng hỏi :

- Quả nhân đem chuyện nước ủy thác cả cho tiên sinh, vậy tiên sinh có kế hoạch nào để ổn định nước Tần, nên dạy cho trẫm biết, còn đợi đến bao giờ nữa ?

Phạm Thụ đáp :

- Khi thần ở Sơn Đông, chỉ nghe nói nước Tề có Mạnh Thường Quân chứ không nghe nói có Tề Vương. Và, chỉ nghe nói nước Tần có Thái hậu, Nhượng Hầu, Hoa Dương Quân, Cao Lăng Quân, Kinh Dương Quân, chứ không nói có Tần Vương. Phạm người điều khiển quốc gia thì gọi là Vương, quyền sinh sát đều nắm trong tay mình, chứ không cho ai can dự. Nay Thái hậu ý mình là quốc mẫu, suốt hơn bốn chục năm qua nắm quyền không xem ai vào đâu. Còn Nhượng Hầu một mình làm Tể tướng của nước Tần, có Hoa Dương Quân phụ tá, còn Kinh Dương Quân, Cao Lăng quân đều tự mình có thể lực riêng, tất cả thành một hệ thống, quyền sinh sát nắm cả trong tay, không hề biết kiêng sợ ai. Tài sản tư nhân của họ còn to gấp mười lần tài sản của quốc gia. Đại vương tuy là Quốc vương, nhưng chỉ có cái tên suông mà thôi. Chẳng lẽ điều đó không phải là nguy hiểm sao ? Xưa kia, Thôi Trứ chuyên quyền tại nước Tề, rốt cuộc đã thí Tề Trang Công. Lý Đoái một mình nắm hết đại quân của nước Triệu, rốt cuộc cũng đã thí vua. Nay Nhượng Hầu bên trong ý thế của Thái hậu, bên ngoài trộm uy danh của Đại vương, hễ dụng binh thì các nước chư hầu run sợ, giải giáp thì các nước chư hầu cảm ơn. Hơn nữa, ông ấy còn đặt tai mắt chung quanh Đại vương, nhất cử nhất động của Đại vương ông ta đều hiểu rõ mồn một. Thần thấy Đại vương bị cô lập trong triều đình, không phải chỉ ngày một ngày hai đâu. Thần e rằng nghìn năm về sau, kẻ nắm đại quyền của nước Tần này, không phải là con cháu của Đại vương nữa !

Tư Mã Thiên từng nói : "Thiên hạ đều hướng về phía Tây mà cúi đầu. Đó là công của Nhượng Hầu vậy". Nếu nói cho công bằng, thì Ngụy Nhiễm là người có công lao trong lịch sử của nước Tần, không thể xóa nhòa được. Phạm Thụ đã phủ nhận tất cả công lao đó, chứng tỏ ông quyết bài xích những người không ăn cánh với mình. Trong khi đó, đối với việc tông thất, quý thích chuyên quyền cũng như

thê lực ngày càng - bành trướng, Tần Chiêu Vương đã từ lâu cảm thấy bất mãn trong lòng. Cho nên khi nghe những lời biện luận hùng hồn của Phạm Thư, đánh trúng tâm trạng của mình, nhà vua cảm thấy hết sức đồng ý. Tần Chiêu Vương vừa cao hứng, lại vừa lo lắng, bất an, thậm chí cảm thấy gai ốc nổi đầy mình, nên đã bái tạ liên tiếp Phạm Thư, nói :

- Lời dạy của tiên sinh chính là những lời nói từ tâm can. Quả nhân chỉ đáng tiếc là mình nghe được những lời nói này quá muộn.

Sau đó không lâu, Tần Chiêu Vương liền bãi chức Thừa tướng của Nhượng Hầu Ngụy Nhiễm, cử Phạm Thư lên thay thế làm Thừa tướng, và phong đất tại Ứng (nay nằm về phía Đông Lỗ Sơn, thuộc tỉnh Hà Nam) trước gọi Ứng Hầu. Năm sau, Tuyên Thái hậu chết, nhà vua bèn xuống chiếu cho Nhượng Hầu, Kinh Dương Quân đều dọn về đất phong để ở. Khi Nhượng Hầu dọn nhà, đã sử dụng đến hàng nghìn cỗ xe. Số đồ quý giá của ông ta, còn nhiều hơn cả bảo vật trong quốc khố của nước Tần.

Việc xác lập và không ngớt cường hóa đối với chế độ trung ương tập quyền trong thời Chiến Quốc, là một xu thế lớn trong quá trình phát triển của lịch sử, là sự thay đổi quan trọng của xã hội. Ý nghĩa của nó ở chỗ làm suy yếu khuynh hướng ly tâm, do chế độ cắt đất phong hầu thời trước đã tạo ra, để xúc tiến chế độ phong kiến cát cứ đi về hướng phong kiến đại thống nhất.

Sở dĩ nước Tần có thể hoàn thành sự nghiệp lớn của mình là thống nhất nước Trung Quốc, thực ra nó có liên quan mật thiết với sự trưởng thành của cả chế độ chính trị nói trên. Trong khi đó, Phạm Thư đối với việc hoàn thiện chế độ trung ương tập quyền của nước Tần, có một tác dụng không thể xem nhẹ. Cuối thời Chiến Quốc, Lý Tư là Khách Khanh của nước Tần, từng viết một phong thư "can gián lệnh đuổi khách" gửi lên cho Tần Vương Chính, đã nhắc đến những vị tân khách từng tạo nhiều tác dụng trọng đại đối với sự phát triển lịch sử của nước Tần, "giúp cho Tần được giàu có về mặt vật tư, và "to mạnh hơn về mặt tiếng tăm". Trong bức thư đó Lý Tư đã đánh giá Phạm Thư có những công hiến kiệt xuất : "Chiêu Vương được Phạm Thư, tăng cường sức mạnh trong triều đình, chặn đứng mọi tề đoan, tầm thực các nước chư hầu, khiến Tần hoàn thành đế nghiệp".

Thực tiễn đã chứng minh, nếu so với "Tứ quý" của nhóm Ngụy Nhiễm, thì Phạm Thư về mặt chính trị lại càng giàu tinh thần tiến thủ hơn, tư tưởng càng nhạy bén hơn, tầm nhìn càng xa rộng hơn. Kể từ đó trở đi, các hoạt động về chính trị, quân sự, ngoại giao của nước Tần so với trước càng có sức sống hơn.

7. Ôn Đèn Oán Trả

Ngụy Vương biết tin Tần Vương mới dùng Trương Lộc làm Thừa tướng, nay muốn cử binh phạt Ngụy, nên cấp tốc triệu tập quân thần để bàn bạc cách đối phó.

Tín Lăng Quân Vô Kỵ nói:

- Binh Tần đã nhiều năm không xâm phạm biên cảnh của nước Ngụy, nay vô cớ lại cử binh tiến đánh, rõ ràng xem khinh ta không thể chống cự nổi với họ. Nếu vậy, ta nên đắp thành cao, đào hào sâu, dàn trận chờ đợi họ đến.

Tướng quốc Ngụy Tề nói :

- Không thể được. Tần mạnh, Ngụy yếu, nếu đánh chắc chắn sẽ bị bại trận. Nghe đâu Trương Lộc Thừa tướng của nước Tần vốn là người Ngụy, vậy chả lẽ ông ấy không nghĩ đến một chút tình cố hương hay sao ? Nếu ta sai người mang vàng bạc châu báu, sang đút lót cho Thừa tướng Trương Lộc trước, rồi sau đó vào bái kiến Tần Vương, chịu nạp con tin, triều cống của cải gấm vóc rồi xin cầu hòa, thì hy vọng bảo toàn được cho nước Ngụy.

Lúc bấy giờ Ngụy Chiêu Vương đã chết, con là Tử An Ly Vương mới lên nối ngôi, chưa quen trận mạc, sợ chiến tranh, nên dùng kế sách của Ngụy Tề, sai Trung Đại Phu Tu Dã đi sứ nước Tần.

Tu Dã phụng mệnh nhà vua chở đầy vàng bạc châu báu nhắm kinh đô Hàm Dương xuất phát. Phạm Thụ biết được tin này, vui mừng nói :

- Tu Dã đến đây, chính là một dịp tốt để ta trả mối thù xưa.

Ông bèn thay đổi y phục bình dân, làm ra vẻ hàn vi rách rưới, rồi lén rời khỏi phủ riêng, đến dịch quán nơi Tu Dã tạm nghỉ. Ông đi bộ vào dịch quán xin yết kiến Tu Dã.

Tu Dã vừa nhìn thấy Phạm Thụ, không khỏi giật mình nói :

- Té ra Phạm tiên sinh được bình an vô sự sao ? Tôi nghĩ rằng tiên sinh đã bị Ngụy Tướng quốc đánh chết rồi, có sao lại có thể trốn được sang đây ?

Phạm Thụ đáp:

- Trước kia tôi bị đánh đến chết ngất, nên bị bó xác đem ném ngoài đồng hoang. Ngày hôm sau tôi tỉnh lại may mắn gặp được một thương nhân đi qua nghe tiếng rên rỉ, nên đã cứu tôi. Tôi không dám trở về nhà, mà trốn tránh tìm đường lặn lội tới nước Tần này. Không ngờ hôm nay lại gặp được ngài Đại phu ở đây.

Tu Dã hỏi :

- Muốn đi du thuyết nước Tần chẳng ?

Phạm Thư đáp :

- Trước kia tôi đã đắc tội với nước Ngụy phải trốn sang đây, được sống kể là hân hạnh quá rồi, có đâu nói đến chuyện quốc sự nữa ?

Tu Dã lại hỏi :

- Phạm tiên sinh sống ở đất Tần, làm nghề gì để sinh nhai ?

Phạm Thư đáp :

- Tôi đi làm đầy tớ cho người ta để kiếm cơm sống qua ngày.

Tu Dã bỗng cảm thấy thương hại, nên bảo ở lại ngồi chơi. Lúc bấy giờ đang mùa Đông, Phạm Thư mặc áo mỏng lại rách, nên có vẻ lạnh run. Tu Dã lên tiếng than :

- Phạm tiên sinh lại sa sút đến như vậy ư ?

Dứt lời, Tu Dã bèn sai người lấy một chiếc áo dài may bằng lụa dày ra, trao cho Phạm Thư mặc, đồng thời lại mời Phạm Thư uống rượu và ăn uống. Phạm Thư nói :

- Tôi là người không xứng đáng mặc áo của đại phu.

Tu Dã nói:

- Giữa mình với nhau là người quen biết cũ, hà tất phải quá khiêm tốn như vậy ?

Phạm Thư bèn mặc chiếc áo vào, và đa tạ liên tiếp rồi hỏi :

- Đại phu tới đây có chuyện chi ?

Tu Dã đáp :

- Nay vị Thừa tướng họ Trương của nước Tần mới vừa lên điều hành chính sự, tôi muốn đến gặp gỡ. Nhưng chỉ đáng tiếc là không có ai quen để giới thiệu. Ông ở đây lâu ngày, vậy biết có ai quen với Trương Tướng quốc hay không. Nếu có, dẫn tôi vào gặp Trương Tướng quốc có được không ?

Phạm Thư đáp:

- Chủ nhân của tôi có mối quan hệ rất thân mật với Trương Thừa tướng. Tôi cũng có lần theo chủ nhân

vào phủ Thừa tướng. Thừa tướng là người thích nói chuyện, nên thường hỏi chủ nhân tôi một số vấn đề. Nhưng có khi chủ nhân tôi không trả lời được. Thấy vậy, tôi liền mạn phép thay thế chủ nhân để trả lời. Thừa tướng cho rằng tài ăn nói của tôi rất tốt, nên thường ban cho tôi rượu và thức ăn. Sau một thời gian lâu, tôi và Thừa tướng cũng có mối quan hệ rất thân cận. Nếu ngài muốn gặp Thừa tướng, tôi có thể hướng dẫn ngài vào, và cùng đi chung với ngài đến đó.

Tu Dã nghe qua rất vui mừng, nói với Phạm Thư :

- Nếu vậy, thì xin phiền ông vào Tướng phủ hẹn ngày giờ trước giúp tôi.

Phạm Thư đáp:

- Thừa tướng hằng ngày rất bận rộn. Nhưng hôm nay Thừa tướng lại có rảnh, vậy tại sao chúng ta không đi ngay bây giờ.

Tu Dã nói :

- Cỗ xe to bốn ngựa kéo của tôi, bây giờ đang bị gãy trục, và một con ngựa cũng bị què chân, nên không thể đi ngay được, vậy biết làm sao ?

Phạm Thư đáp :

- Không sao, chủ nhân của tôi có xe, có thể mượn để tạm dùng, vậy xin đại phu chờ giây lát, tôi sẽ về đánh xe tới đây.

Không chờ Tu Dã nói gì thêm, Phạm Thư liền cáo từ trở về phủ, lấy một cỗ xe lớn bốn ngựa kéo, rồi tự mình đánh thẳng đến trước cửa dịch quán, nói với Tu Dã :

- Xe ngựa đã chuẩn bị xong, vậy mời ngài lên xe, tôi sẽ đánh xe đưa đường cho ngài.

Tu Dã không nói chi thêm, vui vẻ bước lên xe. Phạm Thư cầm cương đánh xe đi về hướng Tướng phủ. Trên đường đi, mọi người nhìn thấy Thừa tướng tự đánh xe thì ai ai cũng ngó, và cung kính đứng nép hai bên đường, hoặc vội vàng lánh mắt. Tu Dã tưởng đâu những người đó kính nể mình, nào biết họ tỏ ra kính nể Phạm Thư.

Đến trước cửa Tướng phủ, Phạm Thư nói với Tu Dã :

- Đại phu hãy ngồi trên xe chờ tôi giây lát, để tôi vào bẩm báo giúp ngài một lời. Nếu Thừa tướng bằng lòng thì có thể vào yết kiến.

Nói xong, Phạm Thư bèn đi thẳng vào cổng Tướng phủ.

Tu Dã xuống xe đứng trước cổng chờ đợi thực lâu, chỉ nghe trong phủ có tiếng trống đánh, rồi có người ra trước cửa huyện lệnh :

- Thừa tướng thẳng đường!

Các quan viên trong Tướng phủ đi lại rộn rịp, nhưng không thấy có tin tức gì về Phạm Thụ cả.

Tu Dã bèn tới hỏi thăm người gác cửa :

- Một người cố tri của tôi là Phạm Thúc (tên tự của Phạm Thụ) vừa đi vào Tướng phủ để thông báo, sao lâu quá không thấy trở ra, vậy ngài có thể giúp tôi vào gọi ông ấy chẳng ?

Người gác cửa hỏi :

- Phạm Thúc mà tiên sinh nói đã vào phủ từ lúc nào ?

Tu Dã đáp:

- Người đánh xe cho tôi khi nãy chính Phạm Thúc đấy.

Người gác cửa nói :

- Người đánh xe khi nãy chính là Trương Quân, Tướng quốc của nước chúng tôi. Ông ấy đi một mình đến dịch xá để thăm bạn, nên ăn mặc theo bình dân, tại sao lại có một Phạm Thúc nào xuất hiện nữa ?

Tu Dã nghe nói như bị sét đánh giữa giấc mộng, quả tim nhảy rộn lên, mồ hôi toát ướt cả áo, cất tiếng than rằng :

- Ôi ! Ta đã bị Phạm Thụ dối gạt, như vậy là ngày chết của ta đã tới nơi rồi!

Lời tục thường nói : "Cô dâu dù xấu tới đâu cũng không thể tránh không ra mắt cha mẹ chồng". Tu Dã nghĩ bụng : Việc đã đến nước này, vậy chỉ còn cách là hạ mình xin tội mà thôi. Biết đâu Phạm Thụ sẽ khoan dung tha ta khỏi chết ?

Do vậy, ông ta bèn cởi áo dài, bỏ dải lụa cột lưng, bỏ cả mũ đội trên đầu, đi chân không, quỳ xuống ngay trước cổng Tướng phủ, rồi nhờ người vào báo và nói:

- Tội nhân ở Ngụy Quốc là Tu Dã đang quỳ ở ngoài để chờ chết !

Một lúc lâu sau, bên trong có lệnh của Thừa tướng truyền cho vào. Tu Dã càng thêm sợ hãi, gục đầu đi bằng hai đầu gối, theo cửa hông vào trong, và tiếp tục đi bằng hai đầu gối cho tới trước bệ, rồi đập đầu liên tiếp, miệng nói :

- Tội đáng chết !Tội đáng chết !

Phạm Thụ với vẻ oai phong lẫm liệt ngồi trên ghế cao, lên tiếng hỏi :

- Này Tu Dã, ngươi biết tội ngươi chưa ?

Tu Dã phủ phục xuống đất, nói :

- Tôi biết tội rồi ! Tôi biết tội rồi !

Phạm Thư hỏi :

- Nhà ngươi biết nhà ngươi có mấy tội ?

Tu Dã đáp :

- Tội của Tu Dã tôi dù có nhỏ tóc cũng khó đếm hết.

Phạm Thư nói :

- Nhà ngươi có ba tội : Một tổ tiên ta đều ở nước Ngụy, cho nên ta không muốn ra làm quan tại nước Tề. Thế mà ngươi đứng trước mặt Ngụy Tề đã ăn nói bừa bãi, làm diên đảo sự thật, bảo ta nào là cung cấp tin tức bí mật của nước Ngụy cho nước Tề, nào là ta làm gián điệp cho nước Tề, khiến Ngụy Tề că giận. Đó là tội thứ nhất của ngươi. Khi Ngụy Tề nổi giận, dùng cực hình đối với ta, đánh ta đến đổi da tan thịt nát, rụng bao nhiêu chiếc răng, mà nhà ngươi vẫn bình chân như vại, không hề lên tiếng can ngăn đó là tội thứ hai của nhà ngươi. Kịp khi ta bị đánh gãy lỵ, bị vút vào cầu xí, nhà ngươi lại dám dẫn tân khách đến đái trên mình ta. Đây là tội thứ ba của nhà ngươi. Nay nhà ngươi đến đây, đáng lý ta phải chém đầu ngươi cho ngươi chịu đổ máu tại đất Tần, để rửa mối hận thù trước kia. Nhưng ta không làm như vậy, chủ yếu là vì thấy ngươi còn nghĩ tình cố nhân. Hồi sáng này ngươi còn tặng cho ta một chiếc áo dài bằng lụa dày để mặc cho ấm, nên ta tha chết cho ngươi. Ngươi có biết không nào ?

Tu Dã dập đầu tạ ơn liên tiếp. Phạm Thư giữ tay áo đuôi hất đi. Tu Dã vội vàng đi bằng hai đầu gối để trở ra ngoài. Kể từ đó, trong triều đình cũng như ngoài dân gian mới biết Thừa tướng Trương Lộc chính là Phạm Thư, người nước Ngụy.

Ngày hôm sau, Phạm Thư vào bái kiến Tần Vương, nói :

- Nước Ngụy sợ hãi, nên sai sứ là Tu Dã sang cầu hòa, để tránh động can qua. Đây là do uy phúc của Đại vương cả.

Tần Vương nghe qua hết sức vui mừng, Phạm Thư tâu :

- Thần có một tội khi quân, xin Đại vương tha thứ thần mới dám nói thật.

Tần Vương hỏi :

- Khanh có tội khi quân gì. Vậy cứ nói ra, quả nhân không bắt tội đâu.

Phạm Thư tâu :

- Thần thực ra không phải có tên là Trương Lộc, mà thần chính là Phạm Thu, người nước Ngụy. Thần thuở bé mồ côi, nên phải đến xin vào làm xá nhân ở cửa Tu Dã. Có lần thần cùng đi với Tu Dã sang sứ nước Tề, Tề Vương đã bí mật tặng cho thần nhiều vàng bạc, nhưng thần cương quyết không nhận. Chẳng ngờ Tu Dã đem việc này báo lại cho Tể tướng của nước Ngụy là Ngụy Tề, bảo thần làm gián điệp, bán tin tức bí mật của nước Ngụy cho nước Tề. Ngụy Tề không cần biết phải quấy, trắng đen đánh đập thần cho đến chết. Cũng may mạng thần lớn, nên đã tỉnh lại, rồi đổi tên thành Trương Lộc bỏ trốn sang Tần, may mắn được sự hậu ái của Đại vương, cất nhắc lên giữ chức Thừa tướng. Nay Tu Dã phụng mệnh đi sứ sang Tần, nên tên thật của thần đã bị lộ. Vậy thần xin dùng lại tên cũ của mình, và mong Đại vương tha thứ.

Tần Vương nói :

- Quả nhân không biết khanh lại chịu hàm oan đến thế. Nay Tu Dã đến đây, có thể chém đầu hắn để hả cơn giận cho khanh.

Phạm Thu đáp:

- Tu Dã đến đây là vì chuyện chung giữa hai nước. Tự cổ, hai nước đã đánh nhau cũng không bao giờ chém sứ, huống hồ chi hiện nay ông ta đến đây để cầu hòa, như vậy thần nào dám lấy chuyện riêng để làm tổn hại tới chuyện công. Hơn nữa, kẻ nhẫn tâm giết thần chính là Ngụy Tề, không liên quan gì tới Tu Dã cả.

Tần Vương nói :

- Khanh biết đặt chuyện công lên trên chuyện tư có thể nói đây là người đại trung rồi. Mọi thù đối với Ngụy Tề, quả nhân nhất định sẽ trả giúp cho khanh. Riêng sứ giả của nước Ngụy tới đây thì tùy nghi khanh giải quyết.

Phạm Thu tạ ân lui ra. Tần Vương chấp nhận cho nước Ngụy được cầu hòa.

Sau mấy hôm, Tu Dã đến tạ từ Phạm Thu. Phạm Thu nói :

- Cổ nhân đến đây, không thể không thết tiệc khoản đãi trọng hậu.

Dứt lời, Phạm Thu bảo xá nhân giữ Tu Dã ở lại, rồi ra lệnh cho thủ hạ bày tiệc thịnh soạn. Tu Dã thâm cảm ơn trời đất. "Thực xấu hổ ! Thực xấu hổ ! May mắn được Thừa tướng khoan hồng đại lượng, không nghĩ tới mối thù xưa. Thế mà còn được khoản đãi như thế này, đúng là thủ lễ thái quá".

Phạm Thu lui vào trong, Tu Dã ngồi một mình ở đấy nhưng vì có lính canh gác, nên không dám đi đâu.

Chờ đến trưa, Tu Dã cảm thấy trong bụng trống rỗng. Nghĩ thầm : "Hôm trước tại dịch quán, ta mời Phạm Thúc dùng rượu thịt, nay tới phiên khách đãi lại để tỏ tình cố nhân. Nhưng, hà tất phải quá long trọng như thế này?".

Một chốc sau, tiệc đã bày xong tại gian phòng to. Trong phủ phát ra thiệp mời để mời tất cả sứ thần các nước, và tân khách trong bản phủ, nhưng không thấy có thiệp nào đưa tới cho mình. Tu Dã nghĩ

bụng :

- Có lẽ những người khách này mời đến dự tiệc cùng ta, nhưng không rõ họ là người nước nào ? Vậy chốc nữa đây, trong vấn đề vị trí ngồi, ta cũng phải kỹ lưỡng, không thể ngồi sai vị trí được.

Tu Dã đang suy nghĩ, thì thấy sứ thần và tân khách kéo đến đông đảo, và cùng bước lên bậc tam cấp. Người chủ quan buổi tiệc liền lên tiếng báo:

- Khách đã đến đủ!

Phạm Thư bước ra bàn tiệc để tương kiến. Sau khi thi lễ xong thì mạnh ai ngồi vào chỗ nấy. Tiếng nhạc hai bên hành lang cùng trỗi lên, nhưng không thấy ai đến mời Tu Dã cả. Lúc bấy giờ Tu Dã cảm thấy vừa đói vừa khát, lại vừa buồn rầu, xấu hổ, bực tức. Có thể nói sự phiền muộn trong lòng ông ta không thể hình dung ra được. Sau ba tuần rượu, Phạm Thư lên tiếng :

- Còn có một cố nhân ở đây, vừa rồi lại quên mất !

Tất cả khách khứa cùng đứng lên, nói :

- Thừa tướng có cố nhân tới, vậy chúng tôi cần phải lấy lễ để hầu.

Phạm Thư nói :

- Tuy đây là một cố nhân, nhưng không dám cùng ngồi chung bàn với các vị.

Phạm Thư bèn sai tôi tớ bày một chiếc bàn nhỏ ở phía dưới, rồi cho gọi sứ giả của nước Ngụy là Tu Dã vào. Ông lại sai hai bên tội đồ bị xâm mặt, ngồi kẹp hai bên. Trên bàn không để rượu và thức ăn, mà chỉ có một đĩa đậu rang chín. Hai tội nhân xâm mặt dùng tay bưng đĩa lên để đút cho Tu Dã ăn, giống như đút cho ngựa. Mọi người thấy thế cảm thấy khó hiểu, bèn hỏi :

- Tại sao Thừa tướng lại làm như vậy ?

Phạm Thư bèn kể rõ mọi việc cho tất cả mọi người nghe. Nghe xong, tất cả đều nói :

- Chuyện như vậy, thực khó trách tại sao Thừa tướng đã tỏ ra giận dữ.

Tu Dã mặc dù bị nhục, nhưng cũng không dám cãi lệnh, đành phải nhẫn nhịn ăn hết đĩa đậu rang để cho đỡ đói. Ăn xong, còn phải dập đầu cảm ơn.

Phạm Thư trừng mắt, giận dữ nói :

- Bớ Tu Dã, hãy nghe cho rõ lời nói của ta đây. Tần Vương mặc dù cho người cầu hòa, nhưng mối thù của ta đối với Ngụy Tề là không thể không trả. Ta tha chết cho cái mạng kiến của nhà ngươi, để nhà ngươi trở về nói lại với Ngụy Vương, hãy mau chóng đem đầu Ngụy Tề sang đây dâng lên, và đưa cả gia quyến của ta sang Tân Quốc, thì hai nước mới giao hảo trở lại. Bằng không, ta sẽ đích thân dẫn quân sang tàn sát Đại Lương. Đến chừng đó, thì có hối hận cũng muộn đấy ?

Câu nói trên đã làm cho Tu Dã sợ đến bay hồn, vâng vâng dạ dạ liên tiếp rồi lui ra.

Tu Dã sau khi được Tần Vương bằng lòng cho nghị hòa, ngay đêm đó nhanh chóng trở về Đại Lương, đem những lời nói của Phạm Thụ dặn dò, tâu lại cho Ngụy Vương nghe. Việc đưa cả gia quyến của Phạm Thụ sang Tần là việc nhỏ, nhưng việc chém đầu Tướng quốc đưa sang Tần là việc làm tổn thương đến thể diện của đất nước. Do vậy, Tu Dã ấp úng thật lâu mới dám nói ra. Ngụy Vương nghe qua, đắn đo suy nghĩ. Riêng Ngụy Tề được tin này, vội vàng vứt bỏ quả ấn Tề tướng, ngay trong đêm bỏ trốn sang nước Triệu, đến tá túc tại nhà của Bình Nguyên Quân Triệu Thắng.

Sau đó, Ngụy Vương đã dùng xe sang trọng, chở theo vàng ròng hai trăm lạng, gấm vóc hàng nghìn xấp đưa gia quyến của Phạm Thụ cùng đến Hàm Dương. Sứ giả nói rõ việc Ngụy Tề nghe tin đã bỏ trốn, nay tá túc tại phủ riêng của Bình Nguyên Quân, không can hệ chi đến nước Ngụy.

Phạm Thụ đem việc đó tâu lên cho Tần Vương biết. Tần Vương nói :

- Triệu và Tần bấy lâu nay kết giao thân mật. Tại cuộc họp ở Mãnh Trì đã kết nghĩa làm anh em, lại đưa vương tôn là Dị Nhân sang làm con tin ở Triệu, để củng cố tình giao hảo giữa hai nước. Trước đây, Tần cử binh đánh Hàn, vây Hàn tại Yên Dữ, Triệu phái tướng Lý Mục sang cứu Hàn, đánh bại quân Tần, quả nhân còn chưa hỏi tội, thế mà nay lại dám chứa kẻ thù của Thừa tướng. Kẻ thù của Thừa tướng tức là kẻ thù của quả nhân, vậy quả nhân nhất định sẽ cử binh phạt Triệu, một là để rửa hận bị bại binh tại Yên Dữ, hai là để đòi Ngụy Tề.

Tần Vương bèn xuống lệnh cử Vương Tiễn làm Đại tướng, chỉ huy hai mươi vạn binh mã kéo đi phạt Triệu, và đã liên tiếp chiếm được ba thành.

Triệu Vương nghe tin binh Tần tiến sâu vào đất mình, rất lo sợ. Lúc bấy giờ Lạn Tương Như bị bệnh nên đã cáo lão về hưu. Ngu Khanh được cử thay làm Tướng Quốc, bèn phái Đại tướng Liêm Pha dẫn binh chống giặc, đôi bên giằng co không ai thắng ai.

Ngư Khanh bèn nói với Huệ Văn Thái hậu :

- Sự tình rất khẩn cấp, vậy thần xin Trường An Quân đi sang làm con tin ở Tề, để xin Tề ra quân cứu Triệu.

Huệ Văn Thái hậu bằng lòng. Thế là nước Triệu đưa Trường An Quân là con nhỏ của Huệ Văn Thái hậu sang làm con tin tại nước Tề. Tề liền cử Điền Đơn làm Đại tướng, chỉ huy mười vạn quân đi cứu Triệu.

Được tin Tề cử binh cứu Triệu, tướng Tần là Vương Tiễn bèn tâu lên Tần Vương :

- Nước Triệu có rất nhiều tướng giỏi, lại có người hiền tài như Bình Nguyên Quân, không dễ chi đánh bại họ. Nay viện binh của Tề đã sắp tới nơi, vậy chi bằng rút quân về nước chờ có cơ hội sẽ tính sau.

Tần Vương nói :

- Không bắt được Ngụy Tề, quả nhân làm sao ăn nói với Ứng Hầu đây ?

Tần Vương bèn sai sứ sang gặp Bình Nguyên Quân, nói :

- Nước Tần cử binh phạt Triệu lần này, không có nguyên nhân chi khác, mà chỉ muốn đòi nước Triệu phải giao trả Ngụy Tề mà thôi. Nếu bằng lòng đưa Ngụy Tề ra, thì nước Tần sẽ lui quân tức khắc.

Bình Nguyên Quân nói với sứ giả :

- Ngụy Tề hoàn toàn không có ở tại nhà tôi, xin nói lại với Tần Vương đừng nghe lời đồn đại không đáng tin.

Sứ giả đi lại ba lần, nhưng Bình Nguyên Quân vẫn một mực không nhận nuôi giấu Ngụy Tề. Tần Vương không có cách nào, trong lòng cảm thấy kém vui, muốn tiếp tục đánh Triệu nhưng lại sợ Tề và Triệu liên hợp chống trả, thắng bại không biết ra sao. Nhà vua cũng muốn rút quân trở về, nhưng vì chưa bắt được Ngụy Tề nên cảm thấy mất mặt. Trong cơn bối rối, nhà vua bỗng nảy ra một ý, bèn viết thư tạ lỗi với vua Triệu, đại khái nói : "Quả nhân và ngài là anh em, quả nhân đã nghe lầm tin đồn đại, Ngụy Tề đang trốn trong nhà Bình Nguyên Quân, nên mới hưng binh để đòi giao ông ta lại cho nước Tần. Nếu không phải vậy, quả nhân há dám tùy tiện xâm phạm biên cảnh của Triệu ? Nay quả nhân bằng lòng trả lại ba thành đã chiếm của Triệu để giữ tình giao hảo như xưa, đôi bên qua lại như bình thường".

Vua Triệu cũng phái sứ mang thư trả lời, cảm tạ việc Tần rút quân và trả lại thành trì đã chiếm. Điền Đơn nghe tin quân Tần đã lui, cũng rút quân trở về nước Tề.

Khi Tần Vương về đến Hàm Cốc Quan, lại sai người đưa thư đến cho Bình Nguyên Quân Triệu Thắng. Bình Nguyên Quân xé thư ra xem, thấy viết : "Quả nhân được biết ngài là người có khí tiết trong sạch, cao quý, nên muốn cùng ngài kết bạn áo vải. Nếu ngài tin ở quả nhân, thì quả nhân bằng lòng cùng uống rượu với ngài suốt mười hôm, cho say mềm mới thôi".

Bình Nguyên Quân sau khi được thư, liền cầm bức thư vào ra mắt Triệu Vương. Triệu Vương cũng không biết phải làm thế nào để cho thích hợp, bèn triệu tập quần thần bàn qua kế hoạch đối phó. Tướng Quốc Ngụ Khanh nói :

- Tần là một nước dữ như cọp, như sài lang. Trước kia Mạnh Thường Quân vào nước Tần suýt nữa không trở về được, huống chỉ bây giờ Tần Vương đang nghi Ngụy Tề trốn ở nước Triệu, vậy Bình Nguyên Quân đi vào Tần chắc chắn sẽ gặp rủi nhiều may ít, không thể đi được.

Liêm Pha nói:

- Trước kia Lạn Tương Như mang viên ngọc bích Hòa Thị đơn thân độc mã đi vào nước Tần, thế mà vẫn đem được viên ngọc trở về nước Triệu. Tần không dỗi gạt nước Triệu. Nếu không đi, thì sẽ bị Tần nghi ngờ thêm.

Triệu Vương nói :

- Quả nhân cũng thấy đó là ý tốt của Tần Vương, vậy không thể làm trái.

Nhà vua bèn sai Triệu Thắng đi cùng sứ thần đến Hàm Dương. Tần Vương vừa trông thấy Triệu Thắng thì tỏ ra rất vui mừng, ngày ngày bày tiệc cùng uống rượu với ông ta. Sau mấy hôm, Tần Vương nhân lúc uống rượu cao hứng, đưa cao ly rượu lên nói với Triệu Thắng :

- Quả nhân có một việc muốn nhờ ngài giúp cho, nếu ngài hứa thì xin uống cạn ly rượu này.

Bình Nguyên Quân đáp :

- Nếu Đại vương có lệnh, Thắng này nào dám không nghe.

Dứt lời, Triệu Thắng uống một hơi cạn ly rượu. Tần Vương bèn nói tiếp:

- Xưa kia Châu Văn Vương vừa được Khương Thượng liên phong làm Thái Công. Tề Hoàn Công được Quản Trọng liên phong làm Trọng Phụ. Nay Phạm Quân cũng là Thái Công, Trọng Phụ của trẫm. Phạm Quân có một người thù là Ngụy Tề, hiện đang ở trong nhà ngài, vậy ngài có thể sai người về lấy đầu ông ta, để rửa mối thù cho Phạm Quân, thì quả nhân sẽ hết sức vui mừng, nhất định sẽ ban cho ngài nhiều tiền tài, bảo vật.

Bình Nguyên Quân đáp:

- Thần nghe nói : "Sau khi phú quý mà vẫn còn giữ được tình bạn, là do giữa họ có mối tương giao trong hoạn nạn với nhau" . Ngụy Tề là bạn của thần, cho dù thật sự ông ta đang ở trong nhà thần đi nữa, thần cũng không nỡ bán đứng ông ta, huống hồ chỉ hiện giờ ông ta hoàn toàn không có ở trong nhà thần ?

Tần Vương thay đổi sắc mặt, nói :

- Nếu ngài không trao Ngụy Tề ra, thì quả nhân sẽ không cho ngài được ra khỏi quan ải !

Bình Nguyên Quân đáp :

- Việc cho ra khỏi quan ải hay không đó là quyền của Đại vương. Đại vương cho gọi thần đến bảo là để cùng uống rượu, thế mà lại dùng uy quyền để bắt ép thần, chẳng lẽ không sợ thiên hạ chê cười hay sao ?

Tần Vương biết Bình Nguyên Quân không chịu trao Ngụy Tề ra, nên vẫn giữ ở lại Hàm Dương, và giam lỏng tại dịch quán. Đồng thời, nhà vua sai người mang thư cho vua Triệu, đại khái nói : "Em trai của Vương là Bình Nguyên Quân đang ở tại nước Tần. Phạm Quân có kẻ thù là Ngụy Tề hiện đang trốn tại nhà Bình Nguyên Quân. Vậy, nếu sáng sớm ngày nay đưa đầu của Ngụy Tề sang Tần, thì chiều lại Bình Nguyên Quân sẽ trở về Triệu Quốc. Bằng không, quả nhân sẽ cử binh tiến sang nước Triệu, đích thân đòi cho được Ngụy Tề, và cũng không cho Bình Nguyên Quân ra khỏi quan ải. Vậy xin Vương nên

cần nhắc kỹ lưỡng, rồi hồi âm nhanh chóng".

Triệu Vương xem thư xong vô cùng sợ hãi, bèn cho tập hợp quần thần lại, nói :

- Quả nhân có đâu lại bảo vệ cho một đại thần đang bỏ trốn của nước khác, để đánh đổi một vị "Trần công tử" (tức công tử Trần Quốc) của quả nhân ?

Dứt lời, nhà vua bèn phát binh đi bao vây phủ riêng của Bình Nguyên Quân, lục soát để tìm Ngụy Tề.

Các tân khách ở trong nhà của Bình Nguyên Quân có mối giao hảo tốt với Ngụy Tề, nên khi nghe tin, họ bèn để cho Ngụy Tề giữa đêm bỏ trốn, đến phủ riêng của Tướng quốc Ngu Khanh tạm trú. Ngu Khanh bèn nói với Ngụy Tề :

- Triệu Vương sợ Tần chẳng khác chi sợ cọp, không thể dùng lời nói để làm thay đổi ý định của nhà vua được. Vậy chi bằng hãy đến Đại Lương để nương nhờ Tín Lăng Quân. Tín Lăng Quân là người luôn chiêu hiền đãi sĩ. Những người bỏ trốn một tai họa gì đó khắp trong thiên hạ, thường đến nương nhờ, và được Bình Nguyên hậu đãi, che chở. Nhưng tất nhiên ngài không thể bỏ trốn một mình, mà tôi sẽ cùng đi với ngài.

Nói dứt lời, Ngu Khanh bèn cởi chiếc ấn đeo trong mình ra, viết thư tạ lỗi với Triệu Vương, rồi cùng Ngụy Tề lên ra ngoại ô. Ngu Khanh an ủi Ngụy Tề :

- Tín Lăng Quân là người đại trượng phu, hào phóng, chúng ta đến đó nương nhờ chắc chắn sẽ được nghênh đón ngay, tuyệt đối không bao giờ để cho chúng ta chờ đợi lâu cả.

Ngu Khanh đi bộ đến trước cửa phủ Tín Lăng Quân, nhờ người vào trong thông báo. Tín Lăng Quân thấy khách đến là Thừa tướng của nước Triệu, hết sức kinh ngạc, vội vàng mời vào phủ bày tiệc tầy trần. Đồng thời, hỏi Ngu Khanh đến Ngụy là có chuyện chi. Ngu Khanh đang nôn nóng, nên kể đại lược chuyện Ngụy Tề đắc tội với nước Tần và chính mình đã bỏ ấn Thừa tướng để đưa ông ta tới đây cho Tín Lăng Quân nghe. Nghe xong, vì sợ nước Tần, nên Tín Lăng Quân có vẻ khó xử. Ông không muốn để cho Ngụy Tề được vào phủ riêng của mình, nhưng lại thấy Ngu Khanh đã từ nghìn dặm tìm tới đây, thật không tiện từ chối. Vì thế mà Tín Lăng Quân tỏ ra do dự, chưa quyết định dứt khoát.

Ngu Khanh nhìn thấy sắc mặt của Tín Lăng Quân có vẻ khó xử, không muốn tiếp nhận mình, nên cả giận bỏ đi. Tín Lăng Quân bèn hỏi các xá nhân trong phủ:

- Ngu Khanh là người như thế nào ?

Một xá nhân là Hầu Sinh đang đứng bên cạnh, cười to nói :

- Chẳng lẽ công tử không nhận ra hay sao ? Ngu Khanh đã dùng tài ăn nói của mình, tranh thủ được chức vị Thừa tướng của nước Triệu, lại được phong làm Vạn Hộ Hầu. Nay Ngụy Tề vì cùng đường nên phải tới nương nhờ Ngu Khanh, được Ngu Khanh không màn tước vị lợi lộc, cởi bỏ ấn Thừa tướng ra đi để tìm cách giúp đỡ cho Ngụy Tề. Thử hỏi trong đời này có mấy ai được như thế ? Công tử chẳng lẽ không nhận ra ông ấy là người hiền hay không hiền sao ?

Tín Lăng Quân nghe qua lấy làm xấu hổ, vội vàng vén tóc đội mũ, rồi bảo người đánh xe đuổi theo ra ngoài ô.

Trong khi đó, Ngụy Tề nhóng cổ trông chờ thực lâu nhưng không thấy tin tức gì. Ông ta nghĩ bụng : “Ngu Khanh bảo Tín Lăng Quân là người đại trượng phu, hào phóng, nếu tới nương nhờ thì sẽ được nghênh đón tức khắc, thế tại sao đi lâu như vậy mà không thấy trở về. Chắc là chuyện không thành rồi !”. Một chốc sau, Ngụy Tề thấy Ngu Khanh trở lại với đôi mắt ứa lệ, nói :

- Tín Lăng Quân không phải là người đại trượng phu. Ông ta sợ nước Tần trả thù nên đã có ý từ chối tôi. Vậy tôi sẽ cùng ngài tìm đường tắt đi vào nước Sở.

Ngụy Tề nói :

- Trước đây do nhất thời tôi không chú ý, nên đã đắc tội với Phạm Thúc, làm liên lụy đến Bình Nguyên Quân, rồi lại liên lụy đến tiên sinh nữa. Tiên sinh đã vì tôi mà không ngại gian khổ, vượt núi vượt sông đến Đại Lương, nhưng không ngờ bị người ta từ chối. Nay nếu tiếp tục đi sang nước Sở là nước mình chưa biết rõ nội tình, để tìm người che chở, để sống hết kiếp tàn thì chi bằng chết quách đi cho xong.

Nói dứt lời, Ngụy Tề rút thanh gươm ra tự sát. Ngu Khanh vội vàng bước tới đoạt lấy thanh gươm, nhưng không ngờ lưỡi gươm bén đã cắt đứt cổ họng Ngụy Tề rồi. Ngu Khanh đang hết sức đau đớn, thì cỗ xe của Tín Lăng Quân cũng đuổi theo kịp. Ngu Khanh nhìn thấy, vội vàng tìm cách lánh mặt, không gặp Tín Lăng Quân. Khi Tín Lăng Quân trông thấy xác chết của Ngụy Tề, bèn ôm xác khóc to, nói :

- Đây chính là cái lỗi của Vô Kỵ (tên tự của Tín Lăng Quân)

Lúc bấy giờ Triệu Vương chưa bắt được Ngụy Tề, lại hay tin tướng quốc Ngu Khanh đã bỏ đi, đoán biết hai người sẽ dẫn nhau sang nước Hàn hoặc nước Ngụy. Nhà vua bèn sai bốn phi kỵ tức tốc đuổi theo để bắt lại. Khi những sứ giả này đến ngoại ô kinh thành của nước Ngụy, được biết Ngụy Tề đã tự sát bèn vào tâu lại cho vua Ngụy biết, muốn cắt lấy đầu của Ngụy Tề để mang đi đánh đổi cho Bình Nguyên Quân được trở về nước Triệu. Tín Lăng Quân sai thủ hạ tẩn liệm xác Ngụy Tề, trong lòng cảm thấy rất bất nhẫn. Sứ giả nước Triệu bèn nói :

- Bình Nguyên Quân cũng giống như ngài vậy. Bình Nguyên Quân đối với Ngụy Tề rất có tình cảm không khác hơn ngài bao nhiêu. Ngụy Tề nếu còn sống, thì thần không bao giờ dám nói những lời nói này. Nhưng nay Ngụy Tề đã chết, vậy với một xác chết vô tri mà lại khiến cho Bình Nguyên Quân phải bị Tần bắt giữ, chả lẽ ngài nhẫn tâm hay sao ?

Tín Lăng Quân bắt đắc dĩ, phải cắt lấy thủ cấp của Ngụy Tề, dùng một chiếc hộp đựng gọn, rồi phong kín trao cho sứ giả nước Triệu. Riêng xác của Ngụy Tề, ông cho mai táng ở ngoại ô thành Đại Lương.

Ngu Khanh sau khi cáo biệt thi thể của Ngụy Tề, cảm thấy cuộc đời quá nhiều điều hiểm ác, nên ngao ngán cho cuộc sống ở hồng trần, không muốn tiếp tục làm quan nữa. Rốt cục, Ngu Khanh đã đến núi Bạch Vân quy ẩn, và viết sách để phổ biến học thuyết của mình, với nội dung thường mĩa mai chê

trách thế sự.

Sách này được gọi là “Ngu Thị Xuân Thu”. Có người làm thơ khen rằng :

*Bát thị cùng sầu khảng trước thư,
Thiên thu cao thượng thuyết Ngu hề.
Khả lân hữu dụng văn chương thủ,
Tướng án khinh phao tuần Ngụy Tề!*

Dịch:

Không phải quá buồn đau viết sách ?
Nghìn thu cao thượng ấy Ngu hề.
Đáng thương người giỏi văn chương ấy,
Bỏ ấn từ quan theo Ngụy Tề !

Triệu vương bèn đem thủ cấp của Ngụy Tề cấp tốc đưa đến Hàm Dương. Tần Vương đem chiếc thủ cấp này tặng lại cho Phạm Thư. Phạm Thư hết sức cảm kích.

Sau khi mang thủ cấp về phủ riêng, Phạm Thư ra lệnh cho thợ làm đồ sơn chế tác chiếc thủ cấp thành một cái bô để tiểu đêm, và nói :

- Trước đây nhà ngươi sai xá nhân tiểu lên mình ta, vậy nay ta cho ngươi ở dưới cửu tuyền, luôn phải ngâm nước tiểu của ta mãi mãi!

Tần Vương thấy đã thực hiện được lời hứa, bèn dùng nghi lễ tiễn đưa Bình Nguyên Quân trở về nước Triệu. Một trận phong ba đã lắng đi từ đó.

Sau khi Phạm Thư rửa được mối thù, bèn nghĩ tới những ân nhân của mình là Vương Kê và Trịnh An Bình, bèn tâu lên vua Tần:

- Thần nguyên là một kẻ trốn chui trốn nhủi ở nước Ngụy, nếu không nhờ Vương Kê có lòng trung thành với Đại vương, chịu cho thần lánh nạn sang nước Tần, cũng như nếu không được sự anh minh của Đại vương, thì thần làm sao có được một đời sống phú quý như ngày hôm nay. Thế nhưng cho tới bây giờ, Vương Kê vẫn còn là một Yết Giả, cũng như Trịnh An Bình trước kia đã cứu thần ra khỏi nước sôi lửa bỏng, thế mà bây giờ vẫn chưa được trọng dụng. Vậy xin Đại vương gia ân cho hai vị này, để giúp thần có thể ơn đền nghĩa trả, dù thần có chết cũng không còn chi ân hận.

Tần Vương nói:

- Nếu Thừa tướng không nhắc thì quả nhân như quên mất.

Sau đó, vua Tần bèn cử Vương Kê đi làm Thái thú tại Hà Đông, còn Trịnh An Bình được cử làm Thiên Tướng Quân. Từ đó Tần Vương luôn luôn sử dụng những mưu lược của Phạm Thư, trước tiên tấn công nước Hàn và nước Ngụy, rồi sai sứ đi giao hảo với nước Tề và nước Sở.

Một hôm, Phạm Thụ nói với vua Tần:

- Thần nghe Vương hậu của nước Tề là người hiền thực lại có mưu trí. Thần có một kế, vậy có thể phái người đến đây để thử. Nếu Vương hậu nước Tề làm được, thì ta không thể xâm phạm nước họ.

Tần Vương bằng lòng. Phạm Thụ bèn sai sứ giả mang đôi vòng ngọc dính liền vào nhau, đến hiến lên cho Vương hậu nước Tề nói:

- Nếu nước Tề có người lấy được hai vòng ngọc này rời ra, thì vua Tần sẽ bãi phục.

Wương hậu nước Tề bèn sai người đem búa sắt đến, rồi đập vỡ một vòng ngọc, để lấy vòng ngọc kia ra, nói với sứ giả của nước Tần :

- Xin sứ giả hãy về tâu lại với Tần Vương, là mẹ già này đã mở được hai vòng ngọc ra rồi đây !

Sứ giả về báo lại, Phạm Thụ nói :

- Vương hậu của nước Tề đúng là bậc hào kiệt trong nữ giới, ta không thể xâm phạm nước họ.

Qua đó, nước Tần bèn ký kết liên minh với nước Tề, đôi bên không ai xâm phạm ai, giúp cho Tề sống được những ngày yên ổn.

Riêng Thái tử của nước Sở là Hùng Hoàn đến nước Tần để làm con tin. Nước Tần đã giữ Hùng Hoàn ở lại mười sáu năm mà chưa cho về. Nhân dịp có sứ giả nước Tần sang nước Sở để giao hảo, sau khi xong việc, sứ giả nước Sở là Chu Anh bèn theo sứ giả nước Tần đến Hàm Dương. Châu Anh cho biết Sở Vương hiện nay bệnh nặng, e khó qua khỏi, vậy xin Thái phó Hoàng Yết nói lại với Thái tử Hùng Hoàn :

- Sở Vương bệnh nặng mà Thái tử ở xa tận nước Tần, vạn nhất Sở Vương giá băng, không có Thái tử ở bên cạnh, các công tử khác sẽ lập mưu lên nối ngôi, thì xã tắc của nước Sở e không phải là của Thái tử nữa. Vậy thần xin Thái tử yết kiến Thừa tướng của nước Tần là Phạm Thụ, để xin Tần cho Thái tử trở về Sở.

Thái tử đồng ý, Hoàng Yết liền đến phủ Thừa tướng, nói lại với Phạm Thụ :

- Thừa tướng có biết Sở Vương đang bị bệnh nặng không ?

Phạm Thụ nói :

- Sứ giả nước Sở có nói cho tôi biết rồi.

Hoàng Yết lại nói :

- Thái tử nước Sở đã ở làm con tin tại nước Tần từ lâu, có mối tương quan mật thiết với các đại thần ở

nước Tần, nếu nay Sở Vương giá băng mà Thái tử lên nối ngôi, thì chắc chắn sẽ nhất mực cung kính nước Tần và trở thành nước bạn bè với Tần. Nếu Tướng quốc có thể nhân lúc này cho Thái tử trở về Sở để lên nối ngôi, thì Thái tử chắc chắn sẽ vô cùng cảm kích Tướng quốc. Trái lại, nếu không tha Thái tử trở về, để những vị công tử khác lên nối ngôi nước Sở, thì Thái tử tiếp tục ở nước Tần sẽ chỉ là một người bình dân mà thôi. Hơn nữa, nếu người Sở thấy Thái tử của họ không được trở về, sau này sẽ không bao giờ đưa Thái tử đến Tần làm con tin nữa. Vậy thay vì để Thái tử Hùng Hoàn trở thành một người bình dân áo vải, từ đó mất thiện cảm với nước Sở, thì chi bằng nên kịp thời để Thái tử trở về Sở là hơn. Không rõ ý của Tướng quốc như thế nào ?

Phạm Thù gật đầu bằng lòng, nói:

- Lời nói của ngài đúng lắm.

Bèn dựa vào lời của của Hoàng Yết tâu lên vua Tần. Tần Vương nói:

- Có thể bảo Thái phó là Hoàng Yết trở về Sở để xem bệnh tình của vua Sở trước. Nếu đúng là bệnh nặng, thì mới trở qua rước Thái tử.

Hoàng Yết nghe tin Thái tử không thể đi cùng mình trở về nước Sở ngay, bèn bàn riêng với Thái tử :

- Tần Vương giữ Thái tử mà không chịu trả, tức muốn giữ lại trò cũ. Như trước đây Hoài Vương vì quá nôn nóng, nên chịu cắt đất để cầu hòa. Vậy, nếu nước Sở cử người sang đây đón Thái tử thì lại trúng kế của nước Tần. Còn như không cử người sang đón Thái tử, thì Thái tử sẽ vĩnh viễn trở thành tù binh của nước Tần?

Thái tử quỳ xuống đất, nói:

- Vậy theo ý Thái phó thì chúng ta phải tính sao ?

Hoàng Yết đáp :

- Với ngu kiến của thần, chi bằng Thái tử cải trang thành người bình dân rồi bỏ trốn. Hiện nay sứ giả của nước Sở sắp trở về nước, vậy không nên bỏ lỡ cơ hội quý báu này. Thần sẽ một mình ở lại nước Tần, mọi hậu quả do thần gánh hết ?

Thái tử nói :

- Nếu chuyện này mà thành, thì Thái phó sẽ là người làm chủ phân nửa giang sơn của nước Sở.

Hoàng Yết bèn tự mình đi gặp Chu Anh, đem kế hoạch Thái tử bỏ trốn nói cho. Chu Anh biết. Chu Anh hoàn toàn tán đồng. Thế là Thái tử Hùng Hoàn liền cải trang như bình dân, ngồi đánh xe rồi cùng sứ giả của nước Sở là Chu Anh vượt ra khỏi Hàm Cốc Quan. Lính canh giữ quan ải của nước Tần không hề phát giác được.

Hoàng Yết ở lại một mình tại lữ quán, Tần Vương ra lệnh cho ông ta trở về nước Sở để xem bệnh tình

của vua Sở ra sao, nhưng Hoàng Yết bèn tâu :

- Thái tử đang có bệnh, không ai trông nom, vậy chờ Thái tử bình phục thì thần mới trở về Sở để thăm bệnh vua Sở được.

Nửa tháng sau, Hoàng Yết đoán biết Thái tử đã vượt ra khỏi Hàm Cốc Quan rồi, nên vào xin ra mắt Tần Vương, dập đầu tạ tội nói :

- Thần Hoàng Yết vì sợ Sở Vương giá băng bất ngờ, Thái tử sẽ không được nối ngôi, sau này sẽ không thể phụng sự cho nước Tần, nên đã tự mình để Thái tử trở về nước Sở. Nay chắc là Thái tử đã ra khỏi Hàm Cốc Quan, vậy thần có tội khi quân, vậy xin Đại vương xét xử, thần dù có chết cũng không oán hận.

Tần Vương cả giận nói :

- Người nước Sở đúng là xảo trá đa đoan, lại dám cả gan làm như thế ư ?

Tần Vương bèn sai tả hữu bắt Hoàng Yết mang đi chém. Tướng quốc nước Tần là Phạm Thư can rằng :

- Dù có chém Hoàng Yết thì cũng không thể bắt Thái tử nước Sở trở về. Trái lại vì đó mà hai nước sẽ tuyệt giao, không còn giữ được tình hòa hiếu nữa. Vậy chi bằng khen thưởng ông ta là người có lòng trung thành, rồi thả cho trở về Sở. Một khi Sở vương chết, Thái tử lên nối ngôi, Hoàng Yết chắc chắn sẽ được cử làm Thừa tướng. Như vậy, vua tôi của nước Sở sẽ cảm tạ ân đức của nước Tần, tất nhiên họ cũng sẽ một lòng vì nước Tần, và luôn chịu nghe theo mạng lệnh của nước Tần.

Tần Vương cảm thấy có lý, nên đã ban thưởng trọng hậu cho Hoàng Yết, rồi để ông ta được trở về nước Sở. Sau khi Hoàng Yết trở về được ba tháng thì vua Sở giá băng, Thái tử Hùng Hoàn lên nối ngôi vua, tức là Sở Khảo Liệt Vương, cử Thái phó Hoàng Yết làm Tướng quốc, và lấy vùng đất Giang Đông làm đất phong cho Hoàng Yết, ban hiệu là Xuân Thân Quân.

8. Đố Kỵ Giết Bạch Khởi

Tần Chiêu Vương sau khi giao hảo với nước Tề và nước Sở, tức đã hoàn thành sách lược "giao hảo với nước xa", liền thực thi sách lược "tấn công nước gần". Nước Hàn do giáp ranh với nước Tần, lại là một nước yếu nên chẳng may đã trở thành vật hy sinh đầu tiên sách lược này.

Châu Noãn Vương năm thứ năm mươi ba (262 trước công nguyên), Tần Chiêu Vương sai Đại tướng Vương Hột dẫn đại quân đi phạt Hàn, chiếm được thành Dã Vương (nay là Tầm Dương, thuộc tỉnh Hà Nam). Con đường từ Thượng Đảng dẫn về đô thành của nước Hàn bị gián đoạn. Viên đại thần trấn giữ Thượng Đảng thấy đại cuộc đã hỏng, trong khi bối rối, bèn nghĩ ra một cách "giá họa" cho người khác. Ông nói với thuộc hạ của mình :

- Tần chiếm Dã Vương, thì Thượng Đảng cũng sẽ khó giữ được. Vậy, nếu phải đầu hàng Tần thì chi bằng nên đầu hàng Triệu. Tần tức giận Triệu ngồi không mà chiếm được Thượng Đảng, tất nhiên sẽ xua quân đánh Triệu. Một khi Triệu bị Tần đánh, tất nhiên phải liên kết với nước Hàn. Như vậy, Hàn và Triệu sẽ trở thành hai nước cùng chung hoạn nạn, phải hợp tác lo chống Tần. Như vậy, biết đâu có hy vọng thắng được.

Ông ta bèn phái sứ giả cầm thư và bản đồ Thượng Đảng, đến hiến lên cho Triệu Hiếu Thành Vương. Triệu Vương mở thư ra xem, thấy đại khái nói : "Tần tấn công Hàn gấp, Thượng Đảng sắp vào tay Tần. Quan và dân ở đây không muốn lệ thuộc vào Tần, bằng lòng lệ thuộc vào Triệu. Thần không dám trái ý quan dân ở đây, nên xin đem mười bảy thành thuộc phạm vi cai trị của thần, dâng lên cho Đại Vương, mong Đại vương nhận lấy". Triệu Vương xem qua cả mừng, vui vẻ nhận tám bản đồ Thượng Đảng.

Bình Dương Quân Triệu Báo can rằng :

- Thần nghe vô cớ mà thu được lợi, ấy chính là tai họa. Vậy xin Đại vương suy nghĩ rồi mới làm, đừng tiếp nhận dễ dàng như thế.

Triệu Vương nói :

- Dân ở Thượng Đảng sợ Tần và hướng về Triệu, nên mới lệ thuộc vào ta, vậy tại sao gọi là vô cớ được ?

Triệu Báo đáp:

- Tần có ý muốn chiếm dân và đất của nước Hàn, nên mới ra sức đánh chiếm Dã Vương, để cắt đứt đường đi Thượng Đảng, không cho liên hệ nhau. Tần xem Thượng Đảng là món ăn trong túi của mình, thò tay vào là lấy được. Một khi Triệu chiếm lấy Thượng Đảng, thì Tần sau nhiều năm sử dụng can qua, mong đạt mục đích, há chịu để cho người ngồi không phông tay trên sao ? Điều đó chính là chỗ thần muốn nói "cái lợi vô cớ". Hơn nữa, Phùng Đình sở dĩ không nạp đất cho Tần, mà lại đưa về cho

Triệu, là có ý đồ muốn giá họa họ Triệu, để giải vây cho Hàn. Đại vương chả lẽ không thấy điều đó sao ?

Triệu Vương cho lời nói trên là không xác đáng, nên lại triệu Bình Nguyên Quân Triệu Thắng đến để quyết định. Triệu Thắng nói:

- Phát hăng triệu binh mã để đi đánh nước người, trải qua nhiều năm tháng mà chưa chiếm được thành. Nay chẳng hao một binh, một tốt nào cả, vậy mà lại chiếm được mười bảy thành. Một nguồn lợi to như vậy, nghìn năm chưa gặp, vậy bây giờ không nhận còn đợi đến bao giờ ?

Triệu Vương nói :

- Ý kiến của khanh rất hợp với trẫm.

Nhà vua bèn cử Bình Nguyên Quân dẫn năm vạn binh mã đi Thượng Đảng để tiếp nhận vùng đất này. Đồng thời, phong cho Phùng Đình ba vạn hộ, ban hiệu là Hoa Lăng Quân, và vẫn có nhiệm vụ giữ đất Thượng Đảng. Phùng Đình đóng cửa ngòi khóc, không ra tương kiến Bình Nguyên Quân. Bình Nguyên Quân cố nài nỉ, Phùng Đình nói :

- Tôi có ba điều bất nghĩa, nên không thể gặp mặt sứ giả. Tôi giữ đất cho chúa, chưa chết mà đã đầu hàng, đó là một điều bất nghĩa. Chưa được lệnh của chúa, thế mà tự mình dám quyết định, mang đất hiến cho nước Triệu đó là hai điều bất nghĩa. Bán đất của chúa để được phú quý vinh hoa, đó là ba điều bất nghĩa.

Bình Nguyên Quân khen rằng :

- Phùng Đình quả là một vị trung thần !

Thế là ông ngồi ì trước cửa chờ đợi suốt ba hôm, không chịu rời đi. Phùng Đình thấy hành động của Bình Nguyên Quân lấy làm cảm động, bèn ra tương kiến, nhưng vẫn rơi lệ. Phùng Đình ngỏ ý giao đất, nhưng không muốn giữ chức vụ tiếp tục cai quản đất này, xin Bình Nguyên Quân hãy chọn người khác.

Bình Nguyên Quân bèn an ủi :

- Tâm sự của ngài, Thắng tôi đã biết. Nhưng nếu ngài không lãnh nhiệm vụ giữ vùng đất này, thì không ai có đủ uy tín trong bá tánh tại Thượng Đảng này hơn ngài cả.

Phùng Đình bèn đồng ý tiếp tục giữ chức vụ, nhưng không thụ phong.

Trong khi Bình Nguyên Quân sắp rời đi, Phùng Đình nói :

- Đất Thượng Đảng sở dĩ được đưa cho Triệu là vì không đủ sức chống lại Tần, vậy mong công tử tâu lại với Triệu Vương, mau phát binh sĩ, danh tướng đến đây mới là thượng sách.

Bình Nguyên Quân trở về báo lại cho Triệu Vương. Triệu Vương bèn bày tiệc linh đình, một là để tẩy trần cho Bình Nguyên Quân, hai là ăn mừng Triệu không cần đánh mà lại được rất nhiều đất. Nhà vua

nào nghĩ tới, đại họa sắp giáng xuống đầu.

Tần vương được tin Phùng Đình đã chạy theo Triệu Quốc, bèn ra lệnh cho Vương Hột cấp tốc tiến quân vào Thượng Đảng để chiếm vùng đất này. Phùng Đình cố thủ được hai tháng, nhưng vẫn không thấy quân Triệu tiếp viện. Rốt cục Phùng Đình không chống giữ nổi đã rút tàn binh bỏ chạy sang Triệu. Thượng Đảng bị mất. Lúc bấy giờ Triệu Vương cử Liêm Pha làm Thượng Tướng, dẫn quân hai chục vạn đi chi viện cho Thượng Đảng. Nhưng đại đội binh mã của Liêm Pha kéo tới Trường Bình Quan (nay là huyện Cao Bình, thuộc tỉnh Sơn Tây) thì gặp Phùng Đình, mới biết Thượng Đảng đã mất, và quân Tần đang truy đuổi theo. Liêm Pha bèn ra lệnh cho tướng sĩ hạ trại, xây đắp hào lũy, từ Đông chạy sang Tây gồm mười mấy dặm, đông như sao giăng. Liêm Pha lại phái một vạn binh để Phùng Đình giữ thành Quang Lang (nay là địa phương nằm về phía Nam huyện Cao Bình hai mươi lăm dặm). Lại phái thêm hai vạn binh để Đô úy Cái Phụ, và Cái Đồng chia nhau chỉ huy, giữ Nhị Chương thành ở phía Đông và phía Tây. Liêm Pha lại phái tùy tướng Triệu Gia, xua quân đi thăm dò binh Tần.

Triệu Gia chỉ huy năm nghìn quân, ra khỏi Trường Bình Quan hai mươi dặm thì gặp tướng Tần là Tư Mã Cảnh. Triệu Gia sợ hãi, và bị Tư Mã Cảnh chém chết dưới ngựa giữa lúc chưa kịp lấy lại bình tĩnh. Tư Mã Cảnh tiếp tục xua quân về hướng Đông để sát phạt quân Triệu. Liêm Pha nghe tin biết quân Tần nhuệ khí rất cao, không thể chống trả, nên xuống lệnh cho các doanh trại :

- Phải cố thủ, không được ra ứng chiến với quân Tần.

Đồng thời, ông cũng xuống lệnh cho quân sĩ đào hào thêm sâu, đắp lũy thêm cao, cố thủ không ra. Vương Hột khiêu chiến mấy lần, quân Triệu vẫn không ra. Quân Tần và quân Triệu chong mặt nhau đến hơn bốn tháng. Vương Hột không làm gì được, nên phái người trở về báo cáo với Tần Vương. Tần Vương bèn triệu Phạm Thụ đến để bàn bạc đối sách. Phạm Thụ khuyên rằng :

- Liêm Pha là người có nhiều mưu lược, biết quân dân sĩ khí hiện nay rất cao nên không dám giao phong, mà cố ý tránh va chạm. Ông ta cho rằng quân dân từ xa kéo đến đất nước của người khác, không được địa lợi lại mất nhân hòa, sự bỏ sung lương hướng, vũ khí, binh sĩ, đều hết sức khó khăn, cho nên cần tốc chiến tốc quyết và không muốn đánh kéo dài. Do vậy, ông ta mới đào hào sâu, đắp lũy cao để cố thủ, chờ cho binh mã của Tần mệt mỏi thì mới tìm cách đánh bại. Vậy, theo ý kiến của thần, con người này mà không tìm cách hạ bệ thì không sao phá được Triệu.

Tần Vương nói :

- Khanh có kế gì để hạ bệ được Liêm Pha ?

Phạm Thụ cho những người chung quanh lui ra, mới nói riêng với Tần Vương :

- Muốn hạ bệ Liêm Pha thì phải dùng kế phản gián. Phải làm như vậy... như vậy mới được, và phải chịu tổn nghìn vàng thì mới thành công.

Tần Vương cả mừng, xuống lệnh mở quốc khố lấy đủ số vàng trao cho Phạm Thụ. Phạm Thụ bèn sai những người môn khách tâm phúc đi theo đường tắt lên vào Hàm Đan, dùng nghìn vàng để hối lộ những người chung quanh Triệu Vương, để họ phao tin đồn nhảm rằng :

- Triệu tướng là Duy Mã Phục (tức Triệu Xa), là người dụng binh và đánh giặc giỏi nhất. Nghe đâu con trai của ông này là Triệu Quát còn dũng cảm hơn cả cha. Nếu cử Triệu Quát làm tướng, chắc chắn sẽ đánh bại được quân Tần. Liêm Pha tuổi đã già, mất dũng khí nên đánh trận nào thua trận nấy, để chết quân Triệu lên đến ba bốn vạn. Nay đứng trước sức uy hiếp của quân Tần, chắc chắn không bao lâu ông ta sẽ đầu hàng nước Tần thôi !

Triệu Vương trước tiên nghe tin Triệu Gia bị tướng Tần chém chết, lại để mất liên tiếp ba thành, nên sai người đến Trường Bình để đốc thúc Liêm Pha xuất chiến. Liêm Pha kiên quyết chủ trương cố thủ trong hào sâu lũy cao của mình, không bằng lòng ra đánh nhau với quân Tần. Triệu Vương thấy vậy, hoài nghi Liêm Pha tuổi già nên sợ đánh nhau, nhất là khi nghe những lời đồn nhảm từ những người chung quanh, nhằm ly gián giữa nhà vua với Liêm Pha, thì tin là sự thật, bèn cho triệu Triệu Quát đến hỏi :

- Khanh có thể chia sẻ nỗi buồn với trẫm không ? Có thể xua quân đánh Tần không ?

Triệu Quát đáp:

- Nếu Tần cử Võ An Quân làm tướng, thì thần còn phải trù hoạch mọi cách đối phó, chứ để một tên miệng còn hôi sữa như Vương Hột làm tướng, thì có đáng gì ?

Triệu Vương nói :

- Tại sao ?

Triệu Quát đáp:

- Võ An Quân Bạch Khởi chỉ huy quân Tần đã nhiều năm, trước tiên đánh bại quân Hàn và Ngụy tại Y Khuyết, giết chết hai mươi bốn vạn người. Kế đó lại tấn công Ngụy, chiếm lấy sáu mươi một thành. Rồi lại tấn công Sở ở phía Nam, chiếm lấy Yên, Sính, bình định Vu Kiềm. Chẳng bao lâu sau lại tấn công Ngụy, chiếm Mang Mão, chém mười ba vạn quân của đối phương. Xong, lại tấn công Hàn, chiếm được năm thành, chém năm vạn quân, rồi lại chém tướng Triệu là Giả Yển, nhận chìm hai vạn binh sĩ của ông này xuống dòng sông. Bạch Khởi hễ đánh là thắng, hễ tấn công thành là hạ được, oai danh truyền đi khắp nơi, binh sĩ nghe đến đều run cầm cập. Nếu thần đắp lũy xây hào để chong mặt với ông ta, thì thắng hay bại mỗi bên đều một nửa, nên cần phải tốn thời giờ trù hoạch mới đối phó được. Còn như Vương Hột mới ra làm tướng cho Tần, chỉ thừa lúc Liêm Pha sợ đánh nhau, nên mới dám tiến quân sâu vào đất ta. Nếu là thần, thì thần đã quét họ như gió mùa Thu quét lá vàng, nhanh chóng đuổi quân Tần ra khỏi Thượng Đảng rồi ?

Triệu Vương nghe thế cả mừng, bèn cử Triệu Quát làm Thượng tướng, ban cho nhiều vàng bạc, gấm vóc, bảo cầm cờ tiết đi thay thế Liêm Pha, đồng thời, lại cấp cho Triệu Quát thêm hai mươi lăm vạn binh mã, ra lệnh cho ông ta nhanh chóng kéo đến Trường Bình.

Triệu Quát sau khi kiểm duyệt binh mã xong, chở hết vàng và gấm vóc về nhà ra mắt mẹ già. Bà mẹ nói:

- Phụ thân của con có dặn dò trước khi lâm chung, bảo con tuyệt đối không bao giờ được làm tướng, chả lẽ con quên rồi hay sao ? Vậy hãy mau đến gặp Triệu Vương từ chức đi nào!

Triệu Quát đáp :

- Không phải con không bằng lòng từ chức Thượng tướng, mà do trong triều đình không còn ai bằng con cả ?

Triệu mẫu thấy không thể thuyết phục con trai mình, bèn dâng thư lên vua can gián : "Con trai tôi là Triệu Quát, không bao giờ đọc sách của cha nó để lại, không biết cách tùy cơ ứng biến, vậy tuyệt đối không phải là người có tài làm Đại tướng, vậy mong Đại vương đừng trọng dụng nó".

Triệu Vương bèn triệu kiến bà mẹ, hỏi rõ căn do.

Bà mẹ đáp :

- Cha của Quát là Xa khi làm tướng, được tướng thưởng đều chia cả hết cho tướng sĩ của mình. Và ngày thụ mệnh thì sống ngay trong quân ngũ, đồng cam cộng khổ với tướng sĩ, không khi nào về nhà. Mọi việc gì đều hỏi ý kiến rộng rãi của các tướng sĩ, không dám tự chuyên mà hành động. Nay Triệu Quát làm tướng, được ban cho vàng và gấm vóc thì chở hết về nhà riêng. Làm tướng như vậy có được không ? Cha nó trước khi lâm chung, có cảnh báo với tôi rằng. "Quát nếu làm tướng, thì sẽ đưa binh sĩ của nước Triệu vào chỗ thất bại". Tôi mãi ghi nhớ lời nói trên, vậy mong Đại vương nên chọn một tướng tài khác, tuyệt đối không thể dùng Quát ?

Triệu Vương nói:

- Ý trẫm đã quyết, vậy xin đừng nói nữa.

Mẫu thân của Triệu Quát nói:

- Đại vương không chịu nghe theo lời khuyên của tôi nếu có bại trận, thì xin miễn đừng bắt tội liên đới với cả nhà tôi.

Triệu Vương chấp thuận lời yêu cầu của Triệu mẫu.

Triệu Quát bèn dẫn đại quân rời khỏi Hàm Đan, nhắm hướng Trường Bình tiến tới. Những môn khách được Phạm Thụ phái đi nghe ngóng ở Hàm Đan, sau khi được biết Triệu Quát nói với Triệu Vương những lời nói như trên, và được Triệu Vương cử làm Đại tướng, đang chọn ngày để xuất quân thì cấp tốc trở về Hàm Dương để báo tin. Tần Vương bàn với Phạm Thụ :

- Hai quân Tần và Triệu đã giằng co kéo dài, vậy nhất định phải do Võ An Quân mới có thể kết thúc cuộc chiến này.

Thế là Tần Vương bèn cử Bạch Khởi làm Thượng tướng, Vương Hột làm Phó tướng. Đồng thời ra lệnh cho tất cả tướng sĩ phải giữ bí mật tin này. Nhà vua ra lệnh rất nghiêm :

- Ai dám tiết lộ tin Võ An Quân làm Tướng, thì lập tức chém đầu không tha.

Riêng Triệu Quát sau khi xua quân tới Trường Bình, Liêm Pha bèn xem qua phù tiết, rồi trao quân tịch cho Triệu Quát, còn mình thì dẫn hơn một trăm thân binh trở về Hàm Đan. Sau khi Triệu Quát tiếp nhận ấn soái, bèn thay đổi tất cả những gì Liêm Pha đã thi hành. Ông ta tập hợp tất cả những hào lũy bố trí tản mát lại thành một đại doanh. Lúc bấy giờ có mặt Phùng Đình trong quân ngũ, bèn lên tiếng can gián nhưng Triệu Quát không nghe. Cùng một lúc đó, Triệu Quát lại dùng tướng sĩ của mình mang theo, thay thế tất cả những tướng sĩ cũ, rồi ra lệnh nghiêm khắc, nếu quân Tần tới thì phải dừng cầm chiến đấu. Một khi chiến thắng thì truy kích tới cùng không tha, đừng bao giờ để cho một tên lính, một kỵ mã của quân Tần được trở về !

Bạch Khởi sau khi tới quân ngũ, nghe Triệu Quát thay đổi hết những mạng lệnh của Liêm Pha, bèn phái ba nghìn binh Tần đi khiêu chiến. Triệu Quát bèn xua hơn một vạn quân ra nghênh địch. Quân Tần đại bại rút chạy trở về. Bạch Khởi đứng trên cao nhìn vào quân Triệu, nói với Vương Hột :

- Tôi đã biết cách đánh thắng Quân Triệu rồi ?

Triệu Quát sau khi đắc thắng, đã hoa chân múa tay, quên đi tất cả, sai người đến trước doanh trại của quân Tần để hạ chiến thư, Bạch Khởi bèn nói với Vương Hột :

- Thông thả sẽ quyết chiến ?

Thế rồi Bạch Khởi ra lệnh lui quân ra xa mười dặm, đại quân cho hạ trại tại chỗ đóng quân cũ của Vương Hột. Triệu Quát thấy quân Tần đã rút lui, cười nói :

- Quân Tần đã sợ ta rồi !

Dứt lời, Triệu Quát bèn sai giết bò bày rượu để khao thưởng tướng sĩ. Đồng thời truyền lệnh :

- Ít hôm nữa, khi quyết chiến ta nhất định sẽ bắt sống Vương Hột, để làm trò cười cho chư hầu chơi !

Để làm cho địch quân càng thêm mê hoặc, càng thêm có tư tưởng khinh địch, Bạch Khởi bèn xuống lệnh cho các tướng: Tướng quân Vương Bôn, Vương Lăng mỗi người dẫn một vạn binh, dẫn chiến xa, để cùng đánh luân phiên với Triệu Quát. Chỉ cho phép thua, không cho phép thắng. Chỉ cần ai dụ được quân Triệu đến tấn công doanh trại của Tần, thì kể đó là một chiến công. Lại sai Đại Tướng Tư Mã Thác, Tư Mã Cánh mỗi người dẫn một vạn rưỡi quân theo đường tắt đi vòng ra phía sau lưng của quân Triệu, cắt đứt đường vận lương của họ. Ông lại sai Đại tướng Hồ Thương dẫn hai vạn binh, đóng ở vùng phụ cận. Chờ khi thấy quân Triệu mở cửa doanh trại để xuất kích quân Tần, thì ào ra sát phạt, cắt họ thành hai đoạn. Sai Đại tướng Mông Ngao, Vương Tiễn, mỗi người chỉ huy năm nghìn khinh kỵ, để làm lực lượng cơ động, tiếp ứng bất cứ lúc nào. Riêng Bạch Khởi và Vương Hột thì cố thủ tại doanh trại chính. Tất cả mọi việc được sắp xếp xong, trên mặt Bạch Khởi hiện lên một nụ cười mà người thường khó trông thấy. Đúng là : “An bày địa võng thiên la, để chờ tóm gọn quân thù kiêu căng ?”.

Riêng Triệu Quát thì xuống lệnh cho tướng sĩ, phải nấu cơm ăn no vào lúc canh tư, canh năm thì lo thu

thập hành trang, và đến bình minh thì dàn chiến xa tiến tới. Họ đi không đến năm dặm đường thì gặp binh Tần và bắt đầu đánh nhau. Triệu Quát phái tiên phong Phó Bảo ra quân trước. Tướng Tần là Vương Bôn xông tới nghênh chiến. Đồi bên đánh chừng ba mươi hiệp, Vương Bôn giả vờ thua chạy. Phó Bảo không biết đây là kế của quân Tần, bèn thúc ngựa đuổi theo. Triệu Quát lại ra lệnh Vương Dung chỉ huy quân đội tiếp lên tiếp ứng, gặp tướng Tần là Vương Lăng. Đồi bên đánh nhau mấy hiệp thì Vương Lăng thua chạy. Triệu Quát thấy quân Triệu đặc thắng liên tiếp, bèn đích thân xua quân đuổi theo, có ý định đánh bại quân Tần trận này. Nhưng người có nhiệm vụ giữ Thượng Đảng là Phùng Đình lại can ngăn :

- Người Tần rất gian trá, việc bại quân của họ chưa đáng tin. Nguyên soái đừng vội truy kích.

Triệu Quát không nghe, hấp tấp đuổi theo ngoài mười dặm, và đã đến trước doanh trại của quân Tần.

Vương Bôn và Vương Lăng chạy bọc theo doanh trại, các cửa chính nơi doanh trại quân Tần thì không mở. Triệu Quát bèn truyền lệnh áp tới tấn công để phá hủy doanh trại của Tần. Họ đánh liên tiếp mấy hôm, nhưng vì doanh trại của Tần quá kiên cố, nhất là quân Tần phản kháng rất ngoan cường, nên quân Triệu lớp chết lớp bị thương vô số, trong khi doanh trại của quân Tần thì vẫn đứng trơ trơ như một ngọn núi Thái Sơn.

Triệu Quát sai người ra lệnh cho hậu quân rời doanh trại cùng tiến lên. Nhưng ngay lúc đó, tướng Triệu là Tô Xạ phi ngựa đến báo :

- Hậu doanh đã bị tướng Tần là Hồ Thương dẫn binh đánh xuyên hông, cắt đứt liên lạc với tiền quân rồi, không thể tới được.

Triệu Quát cả giận, nói :

- Hồ Thương quả là vô lý ta sẽ đích thân đi thảo phạt hắn ?

Triệu Quát lại phái người đi nghe ngóng xem quân Tần tiến quân ra sao. Số người này trở về báo:

- Quân Tần ở phía Tây đông nghẹt, nhưng phía đông thì không thấy người.

Triệu Quát bèn xuống lệnh đại quân chuyển sang phía Đông. Họ đi chưa được hai ba dặm đường, thì Mông Ngao từ trong ào ra sát phạt, to tiếng nói:

- Bớ thằng con nít Triệu Quát, nhà ngươi đã trúng kế Võ An Quân của ta rồi, thế tại sao chưa chịu xuống ngựa đầu hàng ?

Triệu Quát cả giận, chong giáo muốn đánh nhau với Mông Ngao, nhưng biên tướng Vương Dung nói :

- Không cần phải nhọc công đến nguyên soái, để tôi xông tới lập chiến công.

Vương Dung bèn xông lên đánh nhau quyết liệt với Mông Ngao.

Trong khi đôi bên chưa phân thắng bại, thì đại quân của Vương Tiễn lại kéo tới, hợp nhất cùng quân của Mông Ngao, ra sức sát phạt quân Triệu, khiến quân Triệu chết và bị thương vô số.

Triệu Quát thấy quân Tần quá dũng mãnh, đoán biết không thể thủ thắng, bèn đánh chiêng thu quân rồi hạ trại tại cạnh một vùng có nhiều thủy thảo. Phùng Đình lại khuyên ngăn :

- Hiện nay quân ta mặc dù thất lợi, nhưng vẫn còn sức chiến đấu, nếu cố gắng giao tranh với quân Tần, còn có hy vọng phá được vòng vây, trở về đại doanh trại. Nếu hạ trại ở đây, chung quanh đều thụ địch, hậu quả sẽ khó lường trước, vậy xin nguyên soái suy nghĩ kỹ.

Triệu Quát không nghe, ra lệnh cho binh sĩ đắp lũy cao, đào hào sâu để cố thủ. Một mặt sai người phi báo cho Triệu Vương để xin quân cứu viện, một mặt ra lệnh đi tìm hậu đội để lấy lương hướng. Nào ngờ đường vận lương đã bị Tư Mã Cảnh dẫn binh cắt đứt. Thế là phía trước mặt là đại quân của Bạch Khởi chặn đường, còn đại quân của Hồ Thương, Mông Ngao thì chặn ở phía sau. Mỗi ngày quân Tần đều truyền mạng lệnh của Võ An Quân, kêu gọi quân Triệu đầu hàng. Tới chửng đó, Triệu Quát mới biết Bạch Khởi đang có mặt trong quân Tần thật sự, nên khiếp sợ suýt nữa đã vỡ mặt.

Riêng Tần Vương sau khi được tin báo thắng trận của Võ An Quân, biết mấy chục vạn quân Triệu đang bị bao vây tại Trường Bình, bèn đích thân đến Hà Nội (nay là vùng Tầm Dương, thuộc tỉnh Hà Nam), ra lệnh cho tất cả con trai từ mười lăm tuổi trở lên, đều phải tòng quân để bổ sung cho quân Tần. Đồng thời, nhà vua cũng ra lệnh cho tất cả các cánh quân ở chung quanh, phải phối hợp hành động với quân chủ lực, tìm chặn đường vận lương cũng như chặn đường quân tiếp viện của Triệu.

Quân Triệu bị quân Tần vây khốn suốt bốn mươi sáu ngày, đã cạn lương thực, binh sĩ giết nhau để lấy thịt ăn là chuyện xảy ra hằng ngày. Triệu Quát xuống lệnh ngăn cấm hành động đó, nhưng không làm sao ngăn cấm được. Triệu Quát thấy viện binh lâu quá mà không đến, nếu kéo dài tình trạng này thì không cần quân Tần ra tay, bản thân quân Triệu cũng sẽ tự tiêu hao hết. Thay vì ngồi chờ chết, vậy tại sao không nghĩ tới liều chết phá vòng vây, để tìm con đường sinh lộ ? Triệu Quát bèn chia quân ra thành bốn cánh : Phá Báo chỉ huy một cánh phá vòng vây thoát ra hướng Đông. Tô Xạ chỉ huy một cánh phá vòng vây thoát ra hướng Tây. Phùng Đình chỉ huy một cánh phá vòng vây thoát ra hướng Nam. Vương Dung chỉ huy một cánh phá vòng vây ra hướng Bắc. Ông ta dặn dò bốn cánh quân này hãy đồng loạt đánh trống đánh chiêng, rồi tràn lên chiến đấu. Nếu có cánh quân nào mở được đường máu, thì Triệu Quát sẽ thông báo cho ba cánh quân kia cùng thoát ra bằng con đường đó.

Nào ngờ Võ An Quân đã sớm có sự phòng bị, xuống lệnh cho những tay thiện xạ mang cung tên mai phục khắp bốn phía, hễ thấy binh tướng từ trong doanh trại của quân Triệu xông ra, thì thẳng tay bắn giết. Chính vì vậy mà bốn cánh quân Triệu tràn lên ba bốn lần đều bị quân Tần dùng loạn tiễn bắn lui trở về, không sao thoát ra được. Không còn cách nào khác hơn, Triệu Quát phải xuống lệnh ngừng cuộc chiến đấu để phá vòng vây. Họ lại chịu bao vây thêm một tháng nữa. Trong vòng một tháng đó, quân Triệu giết nhau để lấy thịt ăn, người chết vô số kể. Triệu Quát hết sức tức giận, bèn chọn năm nghìn người khỏe mạnh nhất, mặc loại áo giáp dày, ngồi trên những con tuấn mã thiện chiến, sẵn sàng chiến đấu. Triệu Quát một mình cầm kích xông lên phía trước, Phó Báo, Vương Dung bám sát theo sau, định liều mạng phá vòng vây một lần nữa.

Tướng Tần là Vương Tiễn, Mông Ngao thấy thế, cùng xông tới chặn Triệu Quát không cho thoát đi. Đồi bên đánh nhau ngoài ba mươi hiệp, dần dần Triệu Quát cảm thấy núng thế, bèn hươu kích đâm về phía đối phương một lượt rồi quay đầu ngựa nhắm doanh trại của Triệu bỏ chạy trở về. Không ngờ hai

chân trước của con ngựa bị vấp, khiến đầu ngựa chúi xuống, và Triệu Quát bị nó ném từ trên lưng xuống mặt đất.

Bình Tần thấy thế, bèn giương cung bắn ào ào tới, khiến Triệu Quát chỉ trong chốc lát, khắp cả thân mình đều trúng tên, giống như một cơn nhím. Thế là cuộc đời của "danh tướng trên giấy", đành chịu vùi thây dưới chân núi Thái Hành Sơn. Phó Báo và Vương Dung cũng lần lượt bị chết trong chiến đấu. Quân Triệu như rắn không đầu, hàng ngũ hỗn loạn cả lên. Tô Xạ dẫn Phùng Đình cùng bỏ chạy. Phùng Đình nói :

- Tôi đã mấy lần khuyên ngăn Triệu Quát, nhưng ông ấy không nghe. Nay đến thế này rồi, đúng là trời muốn diệt ta, vậy còn chạy đi đâu nữa.

Dứt lời, Phùng Đình tuốt kiếm tự sát. Chỉ còn Tô Xạ nhân lúc hỗn loạn, cố mở một con đường máu chạy thoát về phía Bắc, và đến ẩn thân tại đất của người Hồ.

Bạch Khởi trông thấy quân Triệu rối loạn hàng ngũ, mất cả tinh thần chiến đấu, bèn dựng ở nơi cao một lá cờ chiêu hàng. Quân Triệu thấy cờ, đều vứt bỏ vũ khí quỳ xuống đất tung hô "vạn tuế" ba lần.

Sau khi Bạch Khởi đã chiêu hàng quân Triệu, bèn sai người cắt đầu Triệu Quát, đưa đến trước doanh trại của quân Triệu để tiếp tục chiêu hàng. Lúc bấy giờ, quân Triệu còn hơn hai mươi vạn ở trong doanh trại. Họ nhìn thấy chủ soái đã bị giết, nên không còn lòng dạ nào tiếp tục chiến đấu nữa nên tất cả đều bằng lòng chịu hàng. Trong nhất thời, không giáp, vũ khí bị ném xuống đất chông chát cao như núi. Tất cả xe cộ nặng trong doanh trại của quân Triệu, đều bị quân Tần tịch thu.

Bạch Khởi bèn bàn với Vương Hột :

- Trước đây khi quân ta chiếm được Dã Vương, thì Thượng Đảng xem như đã thuộc về ta rồi. Thế mà quân dân tại đây không muốn đầu hàng nhà Tần, lại bằng lòng đầu hàng nhà Triệu. Nay số quân Triệu đầu hàng tổng cộng hơn tất cả bốn mươi vạn. Một khi họ làm phản, thì ta biết làm sao để đề phòng đây ?

Bạch Khởi bèn xuống lệnh chia hàng binh ra mười doanh trại, phái mười tướng lĩnh dẫn hai chục vạn quân Tần đến để trông coi. Đồng thời, ông cũng ban cho quân Tần nhiều bò và rượu để khao thưởng, và rêu rao:

- Ngày mai này Võ An Quân sẽ tuyển lựa quân Triệu. Phàm những người chiến đấu giỏi, sẽ được võ trang trở lại, rồi đưa về nước Tần để sử dụng. Riêng những binh sĩ già yếu, thì sẽ trả về cho nước Triệu.

Quân Triệu nghe thế hết sức vui mừng. Ngay đêm đó, Võ An Quân lại truyền một lệnh đến cho mười vị tướng có nhiệm vụ canh giữ quân Triệu :

- Đến đâu canh một, tất cả binh sĩ của Tần đều dùng một miếng vải trắng cột ngang đầu. Những người không có cột vải trắng tức là quân Triệu, phải giết tất cả.

Quân Tần được lệnh liền tiến hành ngay. Hàng binh của Triệu không có sự đề phòng nào, mà trong tay cũng không có vũ khí, nên đành thúc thủ chịu chết. Số chạy thoát ra khỏi doanh trại, liền bị quân tuần tiễu của Mông Ngao, Vương Tiễn giết chết. Thế là bốn mươi vạn quân Triệu đã bị giết sạch trong một đêm, máu chảy thành suối. Nước sông Dương Cốc (một con sông tại địa phương đó) đã trở thành đỏ ngầu, nên đến nay vẫn được mọi người gọi là "Đơn Thủy". Võ An Quân sai binh sĩ chặt đầu quân Triệu chất thành đống trước doanh trại, được gọi là núi đầu lâu. Nếu tính chung số hàng binh bị giết tại Trường Bình, kể cả số hàng binh mà Vương Hột đã bắt được trước đây, tổng cộng lên đến bốn mươi lăm vạn người, đều bị giết sạch. Quân Tần chỉ chừa lại hai trăm bốn mươi người còn trẻ, tha cho họ trở về Hàm Đan để kể lại tình trạng đó tạo thêm uy thế cho quân Tần.

Riêng Triệu Vương ban đầu nhận được tin thắng trận của Triệu Quát báo về, trong lòng hết sức vui mừng. Nhưng sau đó nghe tin quân Triệu bị bao vây tại Trường Bình, liền triệu tập quần thần lại để bàn bạc việc đưa quân đi cứu viện. Nhưng, cũng liền đó, nhà vua nhận được tin Triệu Quát đã chết ngoài mặt trận, còn bốn chục vạn quân Triệu đầu hàng đã bị Bạch Khởi giết sạch trong vòng một đêm, chỉ chừa hai trăm bốn mươi người cho trở về Triệu. Triệu Vương kinh hoàng thất sắc. Quần thần không ai là không run rẩy. Trong nhất thời, khắp cả thành Hàm Đan, con khóc cha, cha khóc con, anh khóc em, em khóc anh, vợ khóc chồng nổi lên bi thảm khắp phố phường. Duy chỉ có bà mẹ của Triệu Quát, là lên tiếng, nói :

- Kể từ khi Triệu Quát được cử làm tướng, tôi đã biết nó chắc chắn sẽ bị bại trận, khó sống sót trở về rồi !

Do bà mẹ của Triệu Quát đã có lời thanh minh trước, nên Triệu Vương không bắt tội liên lụy đối với bà, trái lại, đã ban cho bà nhiều lương thực, gấm vóc để an ủi. Nhà vua cũng không quên phái người đến tận nhà lão tướng Liêm Pha để tạ lỗi, ngỡ ý đáng tiếc là trước kia đã thay đổi tướng chỉ huy ngoài mặt trận như vậy.

Trong khi khắp cả nước Triệu đang kinh hoàng, thì quan lại ngoài biên cương lại báo về :

- Tần Vương đã chiếm lĩnh Thượng Đảng, tất cả mười bảy thành ở đây đều đầu hàng nước Tần. Nay Võ An Quân đang xua đại quân tiến tới, bảo là sẽ chiếm luôn Hàm Đan.

Triệu Vương cấp tốc triệu tập quần thần lại, lên tiếng hỏi :

- Ai có thể giúp quả nhân đẩy lui binh Tần.

Quần thần đều ngơ ngác nhìn nhau, không ai lên tiếng cả.

Bình Nguyên Quân trở về nhà, hỏi qua tất cả các môn khách đều không có ai làm được việc đó. Cũng may lúc bấy giờ có mặt Tô Đại đang là xá nhân của Bình Nguyên Quân, nghe vậy, bèn nói với ông ta:

- Nếu Đại tôi có thể đến Hàm Dương, thì tôi sẽ ngăn chặn được binh Tần tấn công nước Triệu.

Bình Nguyên Quân hỏi biện pháp của Tô Đại ra sao. Tô Đại bèn nói tỉ mỉ kế hoạch của mình, Bình Nguyên Quân cho rằng có thể thi hành được, bèn đem kế hoạch của Tô Đại tâu lại cho vua Triệu nghe.

Vua Triệu cũng cho rằng có thể thi hành. Thế là nhà vua liền ban tiền và vàng cho Tô Đại, để làm kinh phí cho Tô Đại đến hoạt động ở nước Tần.

Tô Đại ngày đi đêm nghỉ, không mấy hôm đã đến Hàm Dương. Ông vào ra mắt Phạm Thụ, được Phạm Thụ đón tiếp trọng hậu, hỏi :

- Việc gì mà tới đây ?

- Tôi tới đây là vì chuyện của ngài - Tô Đại đáp.

Phạm Thụ ngạc nhiên, nghĩ bụng. "Ta có chuyện gì khó khăn đâu ? Đối phương nói như vậy, ắt hẳn là có nguyên do, nên mới không ngại đường xa nghìn dặm tới đây, vậy ta cần phải hỏi cho rõ".

Phạm Thụ bèn hỏi :

- Tô tiên sinh có điều gì cần chỉ giáo tôi ?

- Có phải Võ An Quân đã giết chết con trai của Mã Phục Tứ không ? - Tô Đại lên tiếng hỏi lại Phạm Thụ.

- Đúng thế ? - Phạm Thụ đáp.

- Có phải hiện nay ngài có ý định bao vây Hàm Đan chăng ? - Tô Đại lại hỏi.

- Đúng vậy ? - Phạm Thụ đáp.

Võ An Quân dụng binh như thần, bản thân ông ấy là tướng của nước Tần, từng đánh và chiếm được hơn bảy chục thành, từng chém đầu gần một triệu binh sĩ của đối phương. Dù cho Y Doãn, Lữ Vọng thời xưa cũng không sánh kịp. Nay thừa thắng Võ An Quân định cử binh vây Hàm Đan, và chắc chắn Hàm Đan sẽ bị hạ. Nước Triệu sẽ bị diệt vong. Một khi nước Triệu diệt vong, thì nước Tần sẽ hoàn thành đế nghiệp. Một khi nước Tần đã hoàn thành đế nghiệp, thì Võ An Quân sẽ trở thành vị công thần đứng hàng đầu, cho dù Y Doãn dưới triều vua Thang, Lữ Vọng dưới triều vua Châu cũng không bằng được. Ngài dù hiện giờ thế lực rất cao, nhưng đến chừng đó vẫn bị xem là người thấp hơn ông ấy một bậc - Tô Đại phân tích rất tường tận.

Phạm Thụ nghe qua, cảm thấy lời nói của đối phương là có lý, bèn chồm người tới trước, hỏi :

- Vậy theo ý của tiên sinh, thì tôi phải làm sao ?

Tô Đại chậm rãi, bình tĩnh đáp :

- Chi bằng ngài nên cho nước Hàn và nước Triệu cắt đất để cầu hòa. Một khi Hàn và Triệu cắt đất cầu hòa, thì đó là công lao của ngài. Tiếp đến, ngài tìm cách giải trừ binh quyền của Võ An Quân. Như vậy, thì địa vị của ngài ở nước Tần sẽ vững như núi Thái Sơn.

Phạm Thụ nghe qua hết sức vui mừng, bèn bày tiệc để khoản đãi Tô Đại. Qua ngày hôm sau Phạm Thụ

vào yết kiến Tần Vương, nói :

- Binh Tần chinh chiến ở bên ngoài đã lâu, chắc chắn rất mệt mỏi, vậy cần cho họ nghỉ ngơi một thời gian. Giờ đây, ta cho sứ thần sang nước Hàn và nước Triệu để phủ dụ, bảo họ nên cắt đất để cầu hòa.

Tần Vương nói :

- Như thế cũng được. Vậy trăm phiên Tướng quốc lo liệu cho việc đó.

Phạm Thu bèn đem nhiều vàng bạc, gấm vóc tặng cho Tô Đại, để ông ta đi sang nước Hàn và nước Triệu du thuyết về vấn đề này. Hai vua Hàn và Triệu đang khiếp sợ binh lực của nước Tần, tha thiết muốn cắt đất cầu hòa, nên đồng ý kế hoạch của Tô Đại ngay.

Nước Hàn bằng lòng cắt giao cho Tần một thành là Viên Ung (nay nằm trong vùng Nguyên Dương, tỉnh Hà Nam), còn Triệu bằng lòng cắt sáu thành. Cả hai nước đều sai sứ thần đến Tần để cầu hòa. Ban đầu Tần vương chê nước Hàn chỉ giao có một thành là quá ít, nhưng sứ thần của nước này nói:

- Mười bảy huyện ở Thượng Đảng, đều là đất của nước Hàn, nay đều thuộc về nước Tần cả rồi.

Tần Vương nghe qua, cất tiếng cười rồi chấp nhận. Đồng thời, nhà vua cũng xuống lệnh triệu Võ An Quân kéo quân trở về nước.

Bạch Khởi chiến thắng liên tiếp, đang muốn xua quân tấn công Hàm Đan, bỗng được lệnh vua bảo kéo quân trở về, biết đây là mưu kế của Phạm Thu nên hết sức tức giận. Từ đó giữa Bạch Khởi và Phạm Thu có sự oán ghét nhau.

Kể từ ngày Bạch Khởi kéo quân trở về nước, trong lòng luôn luôn âm ức, thường nói với mọi người chung quanh :

- Triệu sau khi đại bại tại Trường Bình, vua tôi họ trong thành Hàm Đan hoang mang đến cực độ. Nếu thừa thắng kéo quân tấn công, thì không quá một tháng sẽ hạ được thành này. Chỉ đáng tiếc là Ứng Hâu (Phạm Thu) không biết thời thế, nên chủ trương rút quân về, để mất một cơ hội quý nghìn vàng !

Tần Vương nghe vậy cảm thấy rất hối hận, nói :

- Bạch Khởi biết Hàm Đan có thể hạ được, thế tại sao lại không tâu lên sớm hơn ?

Nhà vua bèn xuống lệnh cho Bạch Khởi làm tướng, muốn ông kéo quân đi đánh Triệu lần thứ hai. Bạch Khởi lúc đó đang bệnh, không thể nhận lệnh vua được. Vua Tần bèn cử Đại Tướng Vương Hột, Vương Lăng dẫn mười vạn quân Tần đi phạt Triệu, bao vây kinh thành Hàm Đan.

Triệu vương đã học được bài học trước kia, nên lại sử dụng Liêm Pha làm tướng để chống lại quân Tần. Liêm Pha phòng thủ rất nghiêm ngặt, lại tự bỏ gia sản của mình để chiêu mộ đội cảm tử, luôn thừa lúc đêm tối ra ngoài thành đánh lén vào doanh trại của quân Tần, khiến quân Tần nhiều phen bị bại trận.

Ít lâu sau Bạch Khởi khỏi bệnh. Tần vương muốn cử ông đi thay Vương Lăng. Bạch Khởi tâu :

- Hàm Đan bây giờ không dễ chi hạ được. Trước đây sau khi quân Triệu đại bại ở Trường Bình, vua tôi họ đều hoang mang, nếu thừa thắng kéo tới tấn công ngay, trong khi sự phòng thủ của họ có nhiều sơ hở, sức chống trả yếu ớt, thì chẳng bao lâu ta sẽ lấy được Hàm Đan. Nay sau hơn hai năm, họ đã có sự chuẩn bị đầy đủ, lại sử dụng lão tướng Liêm Pha là người có nhiều mưu lược, không như Triệu Quát. Hơn nữa, chư hầu thấy Tần vừa bằng lòng để Triệu cắt đất cầu hòa, nay bỗng lại kéo quân tấn công, sẽ cho Tần là nước không giữ chữ tín, cùng nhau “hợp tung” để giúp Triệu thì hy vọng chiến thắng của nước Tần rất là mong manh.

Tần Vương không nghe, buộc Bạch Khởi phải thi hành theo lệnh, nhưng Bạch Khởi kiên quyết từ chối. Tần Vương lại sai Phạm Thụ đi mời Bạch Khởi. Nhưng do Vô Lăng Quân Bạch Khởi căm tức Phạm Thụ đã ngăn cản không cho mình lập công trước kia, nên lấy cớ còn bệnh không ra tiếp kiến. Tần vương hỏi Phạm Thụ:

- Vô An Quân có bệnh thật chẳng?

Phạm Thụ đáp :

- Không thể biết, nhưng việc ông ấy cương quyết từ chối không chịu làm tướng và điều đã khẳng định rồi.

Tần Vương tức giận nói :

- Bạch Khởi cho rằng nước Tần không còn tướng giỏi, ngoài ông ta thì không còn ai hơn. Cuộc chiến thắng tại Trường Bình trước đây, ban đầu là do Vương Hột chỉ huy, vậy Vương Hột chả lẽ không bằng ông ta sao ?

Thế là Tần Vương liền phái mười vạn quân sĩ, cử Vương Hột chỉ huy, thay thế cho Vương Lăng.

Vương Hột kéo quân bao vây thành Hàm Đan suốt năm tháng trời mà không hạ được. Bạch Khởi nghe tin bèn nói với những người đến thăm :

- Tôi đoán trước là Hàm Đan không dễ chi hạ được. Thế mà Tần Vương không chịu nghe theo tôi. Nay thì như thế nào rồi ?

Trong số người tới thăm có người quan hệ mật thiết với Phạm Thụ, bèn tiết lộ những lời nói đó. Phạm Thụ lại đi tâu với Tần Vương, quyết cử Bạch Khởi ra làm đại tướng. Tần Vương cũng tán thành. Không ngờ Bạch Khởi lại giả bệnh từ chối. Tần Vương cả giận, xuống lệnh xóa bỏ tước hiệu và lấy lại đất phong của Bạch Khởi, giáng chức xuống làm binh sĩ thường, và đuổi về Âm Mật (nay là Cố Nguyên, thuộc tỉnh Ninh Hạ), buộc phải tức khắc rời khỏi Hàm Đan không được chậm trễ.

Bạch Khởi nhận được lệnh vua, than rằng:

- Phạm Lãi có nói : “Khi thỏ rừng đã chết, thì chó săn cũng bị làm thịt luôn”. Ta đã tận công chiếm được hơn bảy mươi thành cho nước Tần, thế mà nay đành chịu làm thịt !

Bạch Khởi liền rời khỏi Hàm Dương theo cửa phía Tây, khi đi tới Đổ Bru thì tạm nghỉ để chờ hành lý. Phạm Thư lại tâu với Tần Vương :

- Bạch Khởi ra đi, trong lòng rất bức tức, nên có lời oán trách. Việc ông ấy cáo bệnh là không thực. E rằng ông ta sẽ đến nước khác làm tướng, gây tai vạ cho nước Tần.

Tần vương giật mình, bèn ban một thanh kiếm bén và xuống lệnh cho Bạch Khởi phải tự xử.

Khi sứ giả tới Đổ Bru truyền lệnh của Tần Vương. Võ An Quân cầm thanh kiếm trong tay, cất tiếng than:

- Ta có tội gì với trời, mà cuộc đời của ta phải kết thúc như thế này đây ? - Dừng lại một lúc lâu, ông lại cất tiếng than tiếp - Cố nhiên là ta đáng chết, vì trong trận đánh Trường Bình, hơn bốn chục vạn quân Triệu đầu hàng, ta đã dúi gậy họ để giết sạch trong một đêm. Họ có tội tình gì chứ ? Như thế, tội ta đáng chết nghìn lần là phải rồi !

Nói dứt lời, Bạch Khởi dùng gươm tự sát. Một đời danh tướng, mà lại kết thúc mạng sống của mình như thế. Ông đã trở thành vật hy sinh trong khuynh đảo nhau giữa những người có quyền thế trong giai cấp thống trị. Cái chết của Bạch Khởi, làm cho nước Tần mất đi một vị tướng lãnh kiệt xuất. Điều đó đối với nước Tần đang trên đà đi tới sự nghiệp thống nhất vĩ đại, quả là một sự tổn thất lớn lao. Phạm Thư đã dùng mưu trí để giành chiến thắng ở Trường Bình, bằng cách dùng kế phản gián để Triệu phải đổi tiếng chỉ huy, tạo điều kiện cho quân Tần đắc thắng. Đó là biết người biết ta, nhìn xa thấy rộng. Nhưng ông lại tin lời nói của Tô Đại, ganh ghét Bạch Khởi, hại ngầm một vị lương tướng, để trở thành một tội nhân trong lịch sử của triều đại nhà Tần, tự mình bôi lem cả cuộc đời mình mà không bao giờ tẩy xóa được.

9. Nhường Chức Cho Thái Trạch

Châu Noãn Vương năm thứ năm mươi tám (257 trước công nguyên), sau khi Bạch Khởi chết, Phạm Thư tiến cử người thân tín của mình là Trịnh An Bình lên làm tướng tấn công nước Triệu, nhưng bị Bình Nguyên Quân của nước Triệu đánh bại. Trịnh An Bình dẫn hai vạn binh sĩ chạy sang đầu hàng Triệu. Căn cứ theo pháp luật đương thời của nước Tần, Phạm Thư bị tội liên lụy và sẽ bị tru di cả tam tộc. Nhưng Tần Chiêu Vương nghĩ ông là người từng có công lớn, nên đã tha thứ. Chẳng những không trị tội mà trái lại còn ban cho nhiều thức ăn để an ủi.

Thế nhưng, sang năm thứ ba (255 trước công nguyên), một người thân tín khác của Phạm Thư là Vương Kê, đang làm Thái thú Hà Đông, nhưng lại tư thông với chư hầu, chuyện bị bẽ và bị xử tử. Phạm Thư dù dính líu đến chuyện khả nghi đó nhưng Tần Chiêu Vương vẫn không bắt tội. Dù vậy, trong nhiều dịp lâm triều, nhà vua thường cất tiếng than :

- Nay Võ An Quân Bạch Khởi đã chết, Trịnh An Bình lại phản bội, còn Vương Kê thì tư thông với địch quốc. Bên ngoài cường địch quá nhiều, bên trong lại thiếu tướng giỏi, khiến quả nhân cảm thấy hết sức lo buồn.

Phạm Thư nghe lời nói có ngụ ý sâu xa đó, tự biết mình đã bị thất sủng, địa vị đang bấp bênh, nên vừa xấu hổ lại vừa sợ, bắt buộc phải nghĩ đến kế rút lui. Tuy nhiên, Phạm Thư vẫn không muốn buông bỏ chức vụ, quyền thế, và cuộc sống phú quý vinh hoa. Do vậy, ông chỉ lấy cớ bệnh để tránh né, thường không đi họp triều, nhằm kéo dài thời gian để suy tính.

Lúc bấy giờ, có người nước Yên là Thái Trạch đến nước Tần. Người này có tướng mạo rất đặc biệt, trong túi không một trong xu, nhưng tài hoa rất xuất chúng. Trong thời Chiến quốc, chiến loạn diễn ra liên miên, Thái Trạch đã học được phép biện luận của những nhà tung hoành, có ý định đến các nước chư hầu để tìm người trọng dụng, vươn lên hưởng một cuộc đời vinh hoa phú quý. Nhưng Thái Trạch đi khắp các nước trong thiên hạ, tới bái kiến các chư hầu lớn nhỏ, nhưng không có vị quốc vương nào tỏ ra tán thưởng ông ta cả. Khi đến nước Triệu, Thái Trạch bị đuổi ra khỏi nước này. Và khi ở nước Ngụy, ngay cả nôi cơm của mình cũng bị người ta đoạt mất. Thái Trạch kêu trời trời không nghe, kêu đất đất lặng thinh. Giữa lúc nghèo khổ cùng cực, bỗng ông ta được biết Ứng Hầu ở nước Tần là Phạm Thư, trước kia có trọng dụng hai người, nay cả hai đều bị phạm tội. Ông ta nghĩ thầm : "Đây có lẽ là thời cơ may mắn đã tới với ta, bèn hối hả thu thập hành trang, đi bắt kể ngày đêm để tới nước Tần.

Khi Thái Trạch đến kinh đô của nước Tần là Hàm Dương, trước khi tìm cách vào bái kiến Tần Chiêu Vương, ông ta nhờ nhiều người tạo dư luận giúp mình, rêu rao : "Từ nước Yên mới có một người tên Thái Trạch đến. Người này là một nhà mưu lược giỏi ăn nói nhất hiện nay. Nếu ông ta gặp được Tần Vương, thì chắc chắn sẽ được Tần Vương trọng dụng và bãi chức Thừa tướng của Phạm Thư". Những lời đồn đại đó nhanh chóng thấu tai Phạm Thư. Phạm Thư hết sức tức giận, nghĩ bụng : "Chuyện Tam Hoàng Ngũ Đế, học thuyết của Bách gia Chu Tử ta đã học thuộc lòng.

Hầu hết các nhà biện luận đã bị ta biện bác đến thua xiềng liềng. Vậy, một gã Thái Trạch nhỏ bé kia thì làm gì được ta, mà định cướp lấy ngôi vị Thừa tướng của ta chứ ? Thằng bé này không biết tự lượng sức, ăn nói ngông cuồng, vậy ta phải gặp nó để xem nó có tài ba tới đâu? Sau khi đã quyết định, Phạm Thụ bèn phái người đi gọi Thái Trạch đến, với ý định sẽ biện luận tay đôi với Thái Trạch để cho hắn biết mặt.

Phạm Thụ triệu kiến Thái Trạch, trong lòng vốn đang bức tức. Thế mà Thái Trạch sau khi tới nơi, chỉ vòng tay thi lễ chứ không quỳ lạy. Thái độ ngạo mạn đó làm cho Phạm Thụ càng không dần được cơn giận trong lòng. Cho nên vừa mở miệng là Phạm Thụ chất vấn ngay đối phương :

- Nhà ngươi cao rao sẽ đến đây thay thế ngôi vị Thừa tướng của ta, thực sự có chuyện đó hay chẳng ?

Thái Trạch bình tĩnh trả lời:

- Bẩm, có chuyện đó.

Phạm Thụ hỏi:

- Thế thì nhà ngươi hãy nói rõ xem, căn cứ do đâu để nhà ngươi làm được chuyện đó ?

Thái Trạch thấy đối phương ăn nói thiếu khiêm tốn, nên cũng lên giọng biếm nhẽ thẳng thừng, không khách sáo :

- Kia ! Tại sao ngài hiểu vấn đề chậm chạp đến thế ? Mùa Xuân thì cày ruộng, mùa Hè thì cuốc đất, mùa Thu thì thu hoạch, mùa Đông thì cất giữ. Trải qua bốn mùa là đã hoàn thành sứ mệnh, nên tất cả bốn mùa đều tự nhiên rời đi. Đời người cũng vậy, thân thể khỏe mạnh, tay chân linh hoạt, đầu óc tỉnh táo, tai không điếc, mắt không hoa, chẳng phải là điều mà người đời mong muốn hay sao ?

Phạm Thụ không hiểu đối phương muốn nói gì, chỉ lên tiếng đáp :

- Đúng vậy.

Thái Trạch lại nói :

- Một người có bản tính nhân nghĩa, biết tôn đạo và biết bố đức, thực hiện được lý tưởng của mình, người trong thiên hạ do chịu ân mà ai cũng vui vẻ, ai cũng kính yêu, nên bằng lòng tôn người đó lên làm quốc vương của mình. Như vậy, chẳng phải là điều hy vọng của những người làm nghề này như chúng ta đây hay sao ?

Phạm Thụ lại đáp:

- Đúng vậy.

Thái Trạch nói :

- Ngồi trên địa vị của người phú quý hiển vinh, xử lý vạn vật, đâu theo nề nếp đó, hoàn toàn có trật tự, mọi nơi đều yên bề. Về mặt tuổi thọ, có thể hưởng được hết tuổi trời cho, mà không chết bất đắc kỳ tử, giúp thiên hạ vĩnh viễn kế thừa đạo thống của ông cha, luôn giữ gìn sự nghiệp của ông cha truyền tận hậu thế. Vừa được tên tuổi tốt đẹp, lại vừa có thành tích trị quốc cụ thể, ân trạch ban ra rộng rãi, đời đời đều khen tặng, không bao giờ gián đoạn. Như vậy, chẳng phải trời cao đối với người biết tôn đạo, đã ban cho những điều tốt đẹp, sự cát tường và thiện sự, mà thánh nhân từng nói đây sao ?

Phạm Thụ trầm ngâm một lúc lâu, đáp :

- Đúng vậy !

Tiếp đó, Thái Trạch bắt đầu chuyển đầu đề, nói :

- Còn những người như Công Tôn Ưởng của nước Tần, Ngô Khởi của nước Sở, Đại phu Văn Chung của nước Việt, thì cuộc đời họ kết thúc như thế phải chăng mọi người đều bằng lòng?

Phạm Thụ đoán biết Thái Trạch muốn dùng ba nhân vật này để nói bóng nói gió mình, khiến lập luận của mình bị rơi vào thế bí, nên cố ý không trả lời theo hướng của Thái Trạch, mà đáp :

- Cái đó thì có chi lại không được. Công Tôn Ưởng phụng sự cho Tần Hiếu Công, từng dốc hết lòng trung thành của mình, luôn chí công vô tư, trấn áp bọn gian tà, thưởng phạt phân minh, phơi gan trải mật, không biết sợ gian nguy. Ông ấy đoạt quân đội của Ngụy công tử Mão, bình định được giang sơn nước Tần, ra sức tạo phước cho bá tánh, cuối cùng đánh bắt được kẻ thù chung quanh, mở rộng cương thổ cho nước Tần. Ngô Khởi phụng sự cho Sở Điệu Vương, nghiêm cấm mọi người không được lấy chuyện tư làm hại chuyện công, dựa vào sự gièm pha để hãm hại người trung trực, khi nghe kiến nghị thì không để ý tới những người cầu kết bè đảng, khi bàn quyết sách thì không nghe những kẻ chỉ biết đua nịnh, làm việc không sợ gian nan nguy hiểm, thi hành việc nghĩa không tránh những khó khăn, để cho nước Sở có thể xưng bá, gặp bất cứ chuyện hiểm nguy gì ông ấy cũng không sợ. Còn Đại phu Văn Chung phụng sự cho Việt Vương Câu Tiễn, cho dù nhà vua gặp phải một hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm, ông ấy vẫn một mực trung thành, không dám chệnh mảng. Nhà vua cho dù đang đứng trước sự diệt vong, ông ấy vẫn đem toàn bộ tài năng của mình để xoay xở, không hề bỏ đi. Đứng trước sự thành công ông ấy không khoe khoang, đứng trước sự giàu sang ông ấy không kiêu ngạo. Như ba người đó đúng là những người đã thể hiện Nghĩa và Trung đến mức cực điểm. Cho nên người quân tử có thể vì đại nghĩa mà chết, xem chết như về, thà là chết một cách quang vinh, chứ không chịu sống trong sự khuất phục nhục nhã. Người có học ra làm việc chính trị, là những người đã sẵn ý chí liều chết để thành danh, vì chuyện nghĩa thì dù chết cũng không ân hận. Như vậy, thì có chi gọi là không được.

Thái Trạch thấy Phạm Thụ không mắc bẫy mình, bèn tiếp tục tấn công đối phương :

- Có một nhà vua thánh triết, lại có đại thần hiền minh, đây là cái phước của thiên hạ. Quốc vương sáng suốt, hiểu biết nhiều, đại thần ngay thẳng, đây là cái phúc của quốc gia. Cha nơn từ, con cái hiếu thảo, chồng thành thực, vợ trung trinh, đây là cái phước của gia đình. Tỉ Can đã dốc hết lòng trung thành của mình, nhưng vẫn không cứu được sự diệt vong của nhà Ân Thương. Ngũ Tử Tư là người trí dũng hơn người, thế mà vẫn không gìn giữ được vận nước của nhà Ngụ. Thân Sinh Khác biết giữ hiếu đạo, nhưng Tấn Quốc vẫn xảy ra nội loạn. Những người đó đều là trung thần hiếu tử cả, thế mà quốc

gia của họ vẫn không tránh khỏi hỗn loạn, suy vong. Đây là tại sao vậy ? Đây là do không có những nhà vua anh minh, cũng như những bậc làm cha hiền lương để nghe theo lời khuyên ngăn của lương thần hiếu tử. Cho nên người trong thiên hạ xem hành vi của nhà vua họ là một điều sỉ nhục, đồng thời, tỏ ra tiếc thương cho những bậc lương thần đó. Công Tôn Ưởng, Ngô Khởi, Đại phu Văn Chung đều là những bề tôi hoàn toàn đúng, nhưng quốc vương của họ thì sai. Do vậy, người trên đời đều phê bình ba người đó tuy dốc hết sức lực của mình để giúp nước, nhưng lại không mang đến cho nước nhà những điều tốt đẹp nào. Chẳng lẽ họ lại hy vọng đời mình sẽ gặp phải những kết cục ngang trái thế sao ? Nếu họ dù có giành được cái tiếng trung hiếu sau khi đã bị hại, thì Vi Tử cũng không thể gọi được là người Nhân, Khổng Tử cũng không thể được xem là ông Thánh, Quản Trọng không thể được xem là một con người vĩ đại. Họ tạo dựng nên sự nghiệp, chẳng lẽ lại không muốn được triệt để thực hiện hay sao ? Vừa giữ được mạng sống cho mình, lại vừa giành được tiếng tốt, đây là điều tốt nhất. Tuy có được tiếng tốt để mọi người noi gương nhưng bản thân mình lại gặp điều bất hạnh, thì đó là điều kém hơn. Còn người tên tuổi bị người ta nguyên rủa, nhưng gìn giữ được mạng sống cho mình, thì đó là người được xếp vào hạng bét !

Phạm Thụ thấy Thái Trạch nói thấu tình đạt lý, nên không thể không tỏ ra tán đồng. Bầu không khí trong nhà đã xuất hiện một sự hòa hợp, đầy tình bạn.

Thái Trạch dừng lại trong chốc lát, rồi lại nói tiếp :

- Công Tôn Ưởng, Ngô Khởi, Đại phu Văn Chung, đều là bề tôi cả. Họ đã dốc hết lòng trung thành, lo xây dựng sự nghiệp cho nhà vua, tất nhiên đều là người mà ngài cảm thấy ngưỡng mộ rồi. Nhưng riêng Hoàng Yêu phụng sự cho Châu Văn Vương, Châu Công phụ tá cho Thành Vương, chẳng lẽ lại không dốc hết lòng trung thành hay sao ? Nếu đứng về mối quan hệ giữa vua tôi mà bình luận, thì Công Tôn Ưởng, Ngô Khởi, Đại phu Văn Chung, so với Hoàng Yêu, Châu Công, người nào khiến cho người ta ngưỡng mộ hơn ?

Phạm Thụ đáp:

- Công Tôn Ưởng, Ngô Khởi, Đại phu Văn Chung đều không bì kịp họ.

Thái Trạch nói:

- Thế thì quốc vương của ngài về các mặt như có lòng nhân ái đối với kẻ trung lương, cư xử khoan dung đối với các lão thần, luôn thân mật không hề sơ sót đối với người hiền trí và người có đạo nghĩa, còn đối với các công thần thì không bao giờ làm trái với sự tín nghĩa, vậy thì so với Tàn Hiếu Công, Sở Điệu Vương, Việt Vương Câu Tiễn ai tốt hơn ?

Phạm Thụ đáp :

- Tôi không biết nên trả lời ra sao mới phải.

Thái Trạch nói :

- Hiện nay quốc vương của Tàn Quốc, đối với các mặt như thân cận với trung thần thì không hơn được

Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương, và Việt Vương Câu Tiễn. Thế thì tiên sinh đứng về các mặt như hiền trí mưu, trừ nguy nan, sửa sang quốc chính, dẹp họa loạn, khai hoang trồng tía, xúc tiến cho nước giàu binh mạnh, cũng như đề cao địa vị của quân vương và nước nhà, làm cho tên tuổi của quốc vương truyền xa khắp cả nước, và truyền ra đến cả nước ngoài, ai ai cũng biết, vậy tiên sinh so với Công Tôn Ưởng, Ngô Khởi và Đại phu Văn Chung thì sao?

Phạm Thụ đáp:

- Không bằng.

Thái Trạch nói :

- Hiện nay quốc vương đứng về mặt thân cận với trung thần, không quên các lão thần, so với Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương, và Câu Tiễn đều không bằng. Trong khi tiên sinh đứng về mặt xây dựng sự nghiệp cho nước Tần, cũng như tranh thủ sự thân cận và tín nhiệm của quốc vương, cũng không bằng Công Tôn Ưởng, Ngô Khởi và Đại phu Văn Chung. Thế mà ngài lại ngồi trên địa vị tôn quý, hưởng được bổng lộc rất to, sự giàu sang của cá nhân vượt hơn hẳn ba người trên. Vậy mà đến nay ngài vẫn chưa có ý nghĩ kịp thời rút lui, cho nên tôi e rằng tai họa sẽ giáng xuống ngài còn ghê gớm hơn cả ba người trên nữa. Tôi không khỏi lo lắng cho ngài đấy ! Tục ngữ có nói : “Mặt trời khi đứng giữa đỉnh đầu, thì sẽ dần dần lặn xuống phía Tây. Mặt trăng đến ngày rằm tròn trịa, thì sẽ bắt đầu khuyết dần”. Sự vật khi phát triển đến cực điểm, thì sẽ bắt đầu suy thoái. Đó là quy luật của trời đất. Việc tiến lên hay thối lui, việc thêm nhiều hay bớt lại, đều phải căn cứ theo sự phát triển của tình thế mà có sự thay đổi tương ứng. Đó là nguyên tắc mà thánh nhân bao giờ cũng gìn giữ. Cho nên có thể nói : "Quốc gia cai trị có phương pháp, thì người ta vui lòng ra làm quan, cai trị không có phương pháp, thì người ta sẽ rút lui đi quy ẩn. Thánh nhân cũng nói : “Rồng bay trên trời, sẽ có lợi cho việc phụ tá quân vương”. Lại nói : “Nếu sự phú quý mà không hợp đạo nghĩa, thì đối với tôi như là phù vân, không đáng nghĩ tới”. Hiện nay, những việc oán cừu trước kia của ngài đã được trả xong. Những người có ơn đối với ngài đã được báo đáp, như vậy, tức là dục vọng đã đạt được rồi. Thế mà còn chưa chịu kịp thời thay đổi ý định. Theo tôi như vậy là không thể được. Loài chim trả, loài chim hồng cốc, loài tê giác, loài voi to, nếu xét về hoàn cảnh sinh sống của chúng, thì không dễ gì bị chết. Nhưng sở dĩ chúng bị chết, là do bị sự mê hoặc của những miếng mồi ngon. Với trí tuệ của Tô Tần, của Trí Bá, thì đâu phải không thể tránh được sự uy hiếp, sỉ nhục, và chết chóc ? Thế mà họ vẫn gặp phải tai họa sát thân. Đó là vì họ bị lợi lộc làm mờ mắt, tham lam mà không thể tự tiết chế. Do vậy, thánh nhân quy định ra lễ nghĩa, là để tiết chế dục vọng. Lấy tiền tài của dân, nhất định phải có mức độ. Sử dụng sức lực của dân, cũng không thể làm trái với thời tiết, và phải dừng lại khi thấy đã thích hợp. Dục vọng của thánh nhân không bao giờ thái quá, hành sự không bao giờ kiêu căng, mà thường thích ứng với quy luật khách quan. Được như vậy thì địa vị thống trị của mình sẽ truyền nối đời đời, không bao giờ gián đoạn. Xưa kia Tề Hoàn công đã chín lần hội họp liên minh với các chư hầu, giữ yên thiên hạ, nhưng khi bắt đầu cuộc họp tại Quỳ Khuru, thì ra Hoàn Công lại bộc lộ thái độ kiêu căng tự mãn. Do vậy, chín nước chư hầu kia liền rời bỏ ông ta ngay. Quân đội của Ngô Vương Phù Sai có thể vô địch trong thiên hạ, thế mà nhà vua đã quá ỷ ưu thế đó của mình, miệt thị các nước chư hầu, xâm lăng Tề, Tấn, cho nên đã gặp phải cái họa sát thân, mất nước. Hạ Dục (dũng sĩ của nước Vệ thời nhà Châu, có sức mạnh năng được nghìn cân), và Thái Sứ Kiều (người Tề thời Chiến Quốc, con gái là Trương Vương Hậu của nước Tề) cả đời thét ra lửa, oai khiếp cả ba quân, thế mà cuối cùng lại bị một tên tầm thường không có tiếng tăm giết chết. Đây là do họ lúc ở vào địa vị cao cả nhất, thì không giữ được đạo nghĩa, không biết khiêm tốn

với mọi người, không biết tiết kiệm trong sinh hoạt, nên mới tạo ra cái bi kịch đó!

- Công Tôn Ưởng đã chế định pháp lệnh cho Tần Hiếu Công ngăn chặn nguồn gốc sản sinh ra gian tà, người có công thì được thưởng những chức vụ xứng đáng, người có tội thì bị trừng phạt đúng tội. Ông cũng đã thống nhất cân, đong, đo, đếm, điều tiết tiền bạc để sự lưu thông cân đối, phá bỏ những ranh giới cũ về mặt địa lý, đất đai, giúp cho bá tánh thống nhất được tập tục, giúp cho sức dân được nghỉ ngơi, lại khuyến khích nghề nông, khẩn hoang canh tác, nhà nào có hai người đàn ông đã thành niên thì được ở riêng. Ngoại trừ làm ruộng tích lũy lúa thóc, họ còn luyện tập tác chiến. Do vậy, khi có chiến tranh thì họ có thể mở rộng lãnh thổ, khi chiến tranh chấm dứt thì họ lo việc sản xuất, đẩy nhanh cho đất nước giàu mạnh. Dưới sự cai trị của Công Tôn Ưởng, nước Tần trở thành vô địch, xưng hùng trong các chư hầu. Nhưng khi công lao vĩ đại của ông vừa thành công, thì bị tội xé xác.

- Bạch Khởi chỉ huy mấy vạn quân cùng tác chiến với Sở. Chỉ trong một trận đánh là chiếm được vùng Yên, Sính, và hỏa thiêu Di Lăng. Qua trận thứ hai là đã nuốt chửng được Thục Quận và Hán Trung ở phía Nam. Đồng thời, ông cũng vượt qua nước Hàn và nước Ngụy để đánh một nước mạnh khác là nước Triệu, đại bại con trai của Mã Phục là Triệu Quát, khiến bốn mươi vạn binh mã của nước Triệu đều chết sạch trong trận Trường Bình. Tiếng ông thét như sấm nổ, ngoài trận địa máu kẻ thù chảy thành sông. Kế đó, quân Tần lại kéo tới bao vây Hàm Đan, khiến cho nước Triệu phải chịu một sự uy hiếp hết sức nặng nề. Bạch Khởi đã xây dựng đế nghiệp cho nước Tần, phát huy được tác dụng là người đặt nền tảng. Nước Sở và nước Triệu nguyên là hai cường quốc, thù địch đối đầu sống chết với nước Tần. Từ đó trở đi, nước Sở và nước Triệu đều khiếp sợ nước Tần, không còn dám tranh giành ngôi vị với nước Tần nữa. Tình thế có lợi đó là do Bạch Khởi tạo nên. Ông ấy đã chinh phục hơn bốn mươi thành thị. Nhưng công lao vĩ đại của ông vừa mới hoàn thành, thì Tần Vương đã ban cho ông một thanh bảo kiếm, ép ông phải tự sát tại Đỗ Bưu.

- Ngô Khởi đã chế định pháp lệnh cho Sở Điệu Vương, làm yếu thế lực của các đại thần, truất bỏ những quan viên bất tài, dẹp bớt những quan chức chưa cần thiết, chặn đứng những lời xin xỏ của kẻ quyền quý, thống nhất tập tục của nước Sở, cấm chỉ bọn du thủ du thực suốt ngày chỉ biết ăn chơi, chọn lựa những binh sĩ vừa biết cày ruộng vừa biết tác chiến, để đi chinh phục các nước Dương, Việt ở phía Nam, thôn tính các nước Trần, Thái ở phía Bắc, phá vỡ "liên hoành", xóa bỏ "hợp tung", khiến những người du thuyết không sao có thể mở miệng được. Ông còn ngăn cấm việc kết bè kết đảng để mưu cầu tư lợi, ổn định việc chính sự của nước Sở, tiếng tăm lừng lẫy trong thiên hạ oai khiếp tất cả chư hầu. Nhưng, đại công vừa mới hoàn thành, thì Ngô Khởi đã bị xử phân thân !

- Đại phu Văn Chung đã nghĩ nhiều mưu kế sâu xa cho Việt Vương Câu Tiễn, giải tỏa được sự bao vây cực kỳ nguy hiểm của Ngô Quân tại Cối Kê. Trong khi mất nước thì biết nghĩ cách tìm một con đường sống, trong khi bị nhục thì biết mưu đồ cách tái sinh, thu gom lưu dân, củng cố thành ấp, khai khẩn đất hoang để làm ruộng, hướng dẫn bá tánh bốn phương, tập trung nhân lực bên ngoài triều đình cũng như trong dân gian, phụ tá cho Câu Tiễn rửa nhục báo thù, kết cục đã đánh bại được Ngô Quốc, giúp nước Việt xưng bá trong thiên hạ. Công lao hiển hách của Đại phu Văn Chung sau khi hoàn thành, thì Việt Vương Câu Tiễn bỏ rơi ông, và đã xử tử ông.

- Bốn người trên do khi thành công mà không chịu rút lui, nên mới gặp thảm họa như vậy. Kết cục bất hạnh đó, như người đời thường nói, chỉ biết vươn ra là không biết co lại, chỉ biết tiến mà không biết lùi. Phạm Lãi là người hiểu rõ cái lý lẽ đó, nên sau khi thành công, ông đã rời khỏi ngay quan trường,

đi làm nghề buôn để trở thành giàu có với cái tên Đào Chu Công mà người đời thường khen ngợi, sống tiêu điều tự tại, hưởng hết tuổi thọ của trời ban.

- Ngài không thấy người ta ném xúc xắc đó sao ? Có người muốn đặt tụ to để giành lấy phần toàn thắng, nhưng có người lại đặt tụ nhỏ, để ăn chia thành quả với người thắng lợi. Việc đó ngài đều hiểu rất rõ. Hiện nay ngài đã là Thừa tướng của nước Tần, sách hoạch bao nhiêu mưu kế cho nhà vua, ngay đến ngôi nhà này ngài cũng không bước ra khỏi, ngay đến chiếc chiếu ngồi này ngài cũng không rời đi, thế mà ngài có thể trị cho các chư hầu phải khuất phục, chiếm đất Tam Xuyên để củng cố Nghi Dương, chiếm những con đường mòn hiểm yếu, để chặn đứng đường trở về của Phạm Thị và Trung Hành Thị tại núi Thái Hành, khiến sáu nước không thể hợp tung, lại sửa sang hàng nghìn dặm sạn đạo, đi thông đến Thục Quận và Hán Trung, khiến người trong thiên hạ đều sợ hãi nước Tần. Giờ đây, mục đích của nước Tần đã được hoàn toàn thực hiện, công lao của ngài đã tiến lên mức độ cao tột nhất. Đây chính là lúc ăn chia thành quả với kẻ thắng lợi là nước Tần. Thế mà ngài còn chưa kịp thời rút lui. Như vậy, cái đang chờ ngài chỉ còn là tai vạ như Công Tôn Ưởng, Bạch Khởi, Ngô Khởi và Đại Phu Văn Chủng đã nhận lãnh trước đây. Tôi nghe nói : "Dùng nước soi mặt thì có thể thấy được diện mạo của mình. Dùng người soi mặt thì có thể thấy được chuyện cát hung". Trong "Thư Kinh" có nói : "Ở trên sự thành công thì không thể ngồi lâu được". Nếu một khi tai họa như bốn người trên ập đến, thì ngài sẽ đối phó ra sao ?

- Tại sao bây giờ ngài không trao trả quả ấn Thừa tướng, nhường chức vụ cho một người hiền tài khác, rút lui ra khỏi quan trường, tìm đến một nơi núi non có cảnh trí xinh đẹp nào đó, để sống một cuộc đời ẩn cư. Như vậy ngài sẽ giành được tiếng thơm là người thanh liêm như Bá Di, vĩnh viễn là Ứng Hầu, đời này truyền tụng qua đời khác, ai ai cũng tôn sùng. Đồng thời, làm như vậy ngài cũng sẽ giành được lời khen là người khiêm nhường như Hứa Do, Diên Lăng Quý Tử, cũng như giành được tuổi thọ lâu dài như Vương Kiêu, Xích Tùng Tử mà trong truyền thuyết đã mô tả như những bậc tiên. Làm như vậy nếu so với tai vạ, thì cái nào thích hợp hơn ? Ngài chuẩn bị sẽ đi con đường nào. Ngài ức chế bản thân mình không muốn rời đi, do dự thiếu quyết đoán, thì tai họa của bốn người nói trên sẽ ập tới với ngài đấy ! Trong sách "Kinh Dịch" có nói : "Rồng bay tận trên cao, nhất định sẽ có chuyện đáng hối tiếc xảy ra". Đó chính là sự nguy hại do có thể lên mà không thể xuống, có thể đưa ra mà không thể thu vào, có thể đi mà không thể trở lại. Vậy, xin ngài hãy suy xét cho kỹ đi nào !

Nghe qua những lập luận trường thiên đại hải của Thái Trạch, Phạm Thu như vừa tỉnh cơn mộng, cất tiếng khen tặng liên tiếp, nói :

- Đúng! Đúng! Tôi nghe nói : "Chỉ lo chạy theo sự thực hiện dục vọng mà không biết là đủ, thì sẽ bị mất đi những dục vọng đó. Khi đã có những đồ vật ở trong tay, nếu không biết là đủ, thì sẽ bị mất đi tất cả những đồ vật đó". Những lời dạy của tiên sinh, Phạm Thu tôi sẽ nghe theo cả.

Thế là Phạm Thu bèn mời Thái Trạch ngồi vào bàn, khoản đãi đúng theo lễ tiết của một vị thượng khách.

Sau mấy hôm, nhân lúc họp triều, Phạm Thu tâu với Tần Chiêu Vương:

- Có một vị khách vừa từ Sơn Đông đến, tên gọi Thái Trạch. Người này biết ăn nói, giỏi biện luận, am hiểu tất cả mọi việc về Tam Hoàng Ngũ Bá, lại am hiểu về những sự chuyển biến của thế tục. Quốc

chính của nước Tần có thể phó thác cho ông ấy. Thần đã gặp nhiều người, nhưng chưa gặp ai bằng Thái Trạch, chính thần cũng không bằng ông ấy, cho nên thần cả gan tiến cử lên Đại vương.

Tần Chiêu Vương triệu kiến Thái Trạch cùng luận bàn quốc sự với ông ta, và tỏ ra hết sức hợp ý, bèn cử Thái Trạch làm Khách Khanh. Phạm Thư nhân đó, xin trả ấn từ quan. Tần Chiêu Vương không đồng ý, nhất quyết bảo ông tiếp tục giữ nhiệm vụ Thừa tướng của nước Tần. Phạm Thư bèn lấy cơ bị bệnh nặng để từ chối, nhưng thực ra là không muốn tuân theo mệnh lệnh của nhà vua. Tần Chiêu Vương đành phải bãi chức Thừa tướng của Phạm Thư. Và do mưu lược của Thái Trạch được Tần Chiêu Vương rất tán thưởng, nên đã cử Thái Trạch lên thay thế chức Thừa tướng. Riêng Phạm Thư sau khi từ chức, bèn trở về đất phong của mình và ít lâu sau đã chết tại nơi ấy.

Sau này, Thừa tướng Lý Tư của Tần Thủy Hoàng trong bức thư "Can gián lệnh đuổi khách", đã đánh giá công lao của Phạm Thư cống hiến cho nước Tần thật cao : “Chiêu Vương được Phạm Thư, củng cố việc triều chính, ngăn chặn những tặc đoan, thôn tính dần đất đai của các nước chư hầu, giúp cho Tần hoàn thành đế nghiệp”. Đúng thế, Phạm Thư giữ chức Thừa tướng cho nước Tần ngoài mười năm, đối nội đã thực hành chủ trương “Vững cội yếu cành”, tiến hành hàng loạt những cải cách để củng cố chế độ trung ương tập quyền. Đối ngoại đã cực lực đề xướng mưu lược ngoại giao "hòa hoãn nước xa, tấn công nước gần". Đối với bên trên đã kế thừa thành quả của Thương Ưởng, đối với dưới đã tạo ra tiền đề cho Lý Tư tiếp tục phát huy, có một tác dụng to lớn giúp cho lịch sử của nước Tần phát triển, tạo nền tảng vững chắc để cho nước Tần tiến lên nhất thống thiên hạ. Cho dù xét về mặt phẩm cách chính trị, Phạm Thư có những tì vết. Nhưng, tì vết không làm mất giá trị một viên ngọc. Ông vẫn xứng đáng là một vị Thừa tướng nổi danh trong lịch sử nước Tần, là một nhà chính trị hiếm có ở thời cổ của nước Trung Quốc.

VII. Trương Lương - Bậc Thầy Của Đế Vương

Một hôm vào năm Tần Thủy Hoàng thứ 25 (218 trước công nguyên), một đoàn xe ngựa của Tần Thủy Hoàng được quân đội nhà Tần hộ vệ nghiêm ngặt, ồ ạt đi trên con đường quan đạo Bắc Lăng Sa, thuộc Dương Võ (nay là vùng Đông Nam huyện Nguyên Dương thuộc tỉnh Hà Nam). Đột nhiên, từ trong rừng rậm năm sát cạnh đường đi, có hai người mặc áo đen nhanh nhẹn nhảy ra, xông tới một cỗ xe có tàn lộng bằng lụa vàng. Sau một tiếng hét to, một người trong số hai người này tay cầm một trái chùy sắt nặng 20 cân, đánh mạnh vào cỗ xe đó. Xong, cả hai nhanh nhẹn chạy trở vào rừng, nhảy lên lưng hai con ngựa đã chuẩn bị sẵn, bỏ chạy như bay. Trái chùy sắt của họ đã đánh nhằm vào cỗ xe phụ, khiến cỗ xe này bị đánh nát tan. Tần Thủy Hoàng do không ngồi trong cỗ xe này, nên may mắn thoát chết.

Sau khi biết được chuyện gì đã xảy ra, Tần Thủy Hoàng kinh hoàng thất sắc, bèn xuống lệnh truy nã thích khách. Nhưng, thích khách đã biến mất từ lúc nào. Tần Thủy Hoàng vẫn còn căm tức, nên xuống lệnh truy lùng khắp trong toàn quốc suốt mười hôm, nhưng vẫn không bắt được thích khách.

Việc Tần Thủy Hoàng bị ám sát, đây là lần thứ ba. Lần thứ nhất xảy ra khi nước Tần đang tiến hành tiêu diệt sáu nước, Kinh Kha đã lấy cơ hiến dâng bản đồ nước Yên, giấu một thanh đoản đao trong cuộn bản đồ, khi mở bản đồ ra hết thì thanh đoản đao cũng xuất hiện. Kinh Kha chụp lấy thanh đoản đao đuổi theo Tần Vương bỏ chạy quanh những cây cột trong cung điện. Người ám sát Tần Thủy Hoàng lần thứ hai là Cao Tiệm Ly, một người bạn thân của Kinh Kha tiến hành. Sau khi Kinh Kha chết, Cao Tiệm Ly muốn báo thù cho bạn, nên đã dùng thuốc xông hai mắt mình trở nên mù lòa, rồi cải trang thành một nghệ sĩ dân gian, thừa cơ Tần Thủy Hoàng đánh đàn trúc, ông đã tiến hành việc ám sát. Nhưng lần ám sát này cũng không thành công. Người chủ mưu ám sát Tần Thủy Hoàng lần thứ ba, chính là Trương Lương, nhân vật mà bài viết này sẽ giới thiệu. Một người mà về sau được người đời khen tặng là một nhà mưu lược ngồi yên trong triều đình để sách hoạch mọi thứ, và trở thành “bậc thầy của đế vương”.

Năm 202 trước công nguyên, cuộc chiến tranh giữa Sở và Hán đã kết thúc, Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, tức là Hán Cao Tổ.

Đến tháng năm, Hán Cao Tổ thết tiệc quần thần tại Nam Cung ở Lạc Dương. Trong buổi tiệc, Lưu Bang đã hỏi các đại thần:

- Do nguyên nhân nào mà trăm giảnh được thiên hạ ? Còn Hạng Võ thì lại bị mất thiên hạ.

Quần thần nhao nhao bàn luận. Có người khen tặng do Lưu Bang đảm lược hơn người, thưởng phạt phân minh, lại sẵn sàng chia sẻ lợi ích với mọi người trong thiên hạ, cho nên đã giành được thiên hạ một cách dễ dàng. Cũng có người bảo Hạng Võ do đó ký với người hiền tài, nghi ngờ những người có tài đức, thưởng phạt không phân minh, cho nên mới bị mất thiên hạ. Nhưng, Lưu Bang cho rằng, điều quan trọng nhất là do mình biết phân xét người và biết dùng người, lại sẵn sàng theo lời khuyên đúng đắn. Lưu Bang nói :

- Việc ngồi trong triều đình để vận trù mưu lược, quyết định những sự thắng lợi ngoài xa nghìn dặm, thì trăm không bằng Tử Phòng. Việc trấn thủ quốc gia, phủ dụ bá tánh, liên tục cung cấp quân lương, giúp trăm khỏi phải lo đến những điều đó, thì trăm không bằng Tiêu Hà. Còn việc chỉ huy hàng triệu binh sĩ, đánh là thắng, tấn công thành là hạ được thành, thì trăm không bằng Hàn Tín. Ba vị này đều là nhân kiệt, và trăm có thể dùng họ. Đây là nguyên nhân khiến trăm lấy được thiên hạ. Trong khi đó, Hạng Vũ ngay đến chỉ một mình mưu thần là Phạm Tăng, mà cũng không thể sống chung được, cho nên thiên hạ mới lọt vào tay trăm.

Tư Mã Thiên trước kia, tướng Trương Lương là một bậc đại trượng phu có thân hình vạm vỡ to lớn, oai phong lẫm liệt, nhưng khi nhìn thấy bức họa Trương Lương, ông mới lấy làm lạ. Vì Trương Lương chỉ là một thư sinh nho nhã, yếu đuối, trông giống như đàn bà. Tại sao Tư Mã Thiên lại có sự ước đoán về hình tượng Trương Lương như vậy ? Điều đó tất nhiên là có quan hệ đến việc Trương Lương là người sống trong thời loạn, thế mà không cam tâm chịu sống một cuộc đời tầm thường, để cuối cùng đã dẫn thân vào cuộc chiến tranh Hán Sở đầy oanh liệt.

1. Nhận Sách Tại Hạ Phi

Trương Lương (? - 189 trước công nguyên), tự Tử Phòng, sinh tại Thành Phụ (nay là địa phương nằm về phía Đông Nam huyện Bắc, tỉnh An Quý) thuộc nước Hàn cuối đời Chiến Quốc. Ông xuất thân từ một gia đình quý tộc. Ông nội là Trương Khai Địa, từng làm Tể tướng cho Hàn Chiêu Hầu, Hàn Tuyên Huệ Vương, Hàn Tương Vương, thân phụ là Trương Bình, nối tiếp cha làm Thừa tướng cho Hàn Hy Vương, Hàn Hoàn Huệ Vương.

Năm Tần Vương Chánh (Thủy Hoàng) thứ 7 (230 trước công nguyên), Tần diệt Hàn. Lúc bấy giờ Trương Bình đã chết, Trương Lương còn nhỏ, chưa ra làm quan, trong nhà vẫn còn hơn ba trăm đầy tớ, vẫn còn phong độ của một thế tộc. Do thiên đường cũ đã bị hủy diệt, nên Trương Lương cũng như bao nhiêu thế hệ trẻ thuộc tầng lớp quý tộc sót lại, trong lòng bao giờ cũng cháy hừng hực ngọn lửa phục thù. Ông có ý đồ muốn ám sát Tần Thủy Hoàng để trả mối thù cho nước Hàn. Do vậy, mới có chuyện xảy ra như kể trên. Tuy nhiên, việc ông hăng hái hoạt động để trả mối thù riêng của mình, chỉ đưa đến thất bại và bản thân lâm vào một hoàn cảnh đầy nguy hiểm, chứ không thể làm thay đổi gì được cho đại cục trong thiên hạ. Đó là lẽ tất nhiên của lịch sử.

Nhưng, bất luận là thiên đạo hay nhân sự, trong tất nhiên bao giờ cũng đi kèm với rất nhiều trường hợp ngẫu nhiên. Giữa lúc Trương Lương sa vào cảnh cùng đường mặc lộ, thì ông lại may mắn gặp được Hoàng Thạch Công tại Hạ Phi. Chính do sự "ngẫu nhiên" đó, đã đưa đến một vận hội chuyển biến cho ông, giúp ông tiến bộ vượt bậc trong vấn đề học vấn, để tạo vốn liếng cho mình phụ tá những bậc đế vương sau này. Vậy, chúng ta hãy nghe lại câu chuyện mang tính truyền kỳ này như sau:

Một hôm, Trương Lương rảnh rỗi, tản bộ đến đầu Cầu Hạ Phi trông thấy cụ già cởi giày và làm rơi xuống cầu. Cụ già quay lại gọi Trương Lương :

- Bớ thằng bé ! Hãy xuống lượm giày cho ta !

Trương Lương cố đè nén sự bất mãn trong lòng, xuống cầu nhặt chiếc giày lên cho cụ già. Cụ già ngồi trên cầu, bảo Trương Lương mang giày giúp cụ. Đứng trước một sự kiện có tính làm nhục như vậy, mỗi người có sự tu dưỡng khác nhau, tất nhiên cũng sẽ có sự phản ứng khác nhau. Ban đầu Trương Lương do ý thức quý tộc vốn có của mình, kết hợp với tính nóng nảy của tuổi trẻ, muốn vung tay tát cho cụ già một cái tát. Nhưng, cuối cùng do ông đã từng trải qua bao nhiêu tang thương biến đổi trong cuộc đời, chịu đựng bao nhiêu sự trui rèn qua những ngày sống phiêu bạt, trôi nổi, nên lòng dạ rộng rãi của một người thanh niên có chí, đã giúp ông giữ bình tĩnh trở lại.

Trương Lương khom người xuống, mang giày giúp cho cụ già. Xong, cụ già cười dài rồi bỏ đi. Nhưng đi được chừng một dặm đường, cụ già bỗng quay lại chiếc cầu khen tặng Trương Lương :

- Thằng bé nhà ngươi có thể dạy dỗ đây.

Cụ già hẹn với Trương Lương, sáng sớm năm hôm sau trở lại chiếc cầu này để gặp nhau. Sau năm hôm, cụ già cố ý đi sớm đến cầu, rồi lên giọng giận dữ, quở trách Trương Lương :

- Cùng hẹn với một cụ già, thế tại sao lại đến chậm ? Năm hôm sau trở lại đây một lần nữa !

Đúng năm hôm, Trương Lương thức giấc ngay từ lúc nửa đêm, đến cầu chờ đợi cụ già. Điều đó chứng tỏ Trương Lương là người chịu đựng được sự thử thách. Cho nên thái độ chân thành cũng như tinh thần ẩn nhẫn của Trương Lương đã làm cho cụ già cảm động, sẵn sàng tặng cho Trương Lương một vật quý báu vô giá, đó là quyển “Thái công binh pháp”.

Cụ già này chính là một nhân vật huyền bí trong truyền thuyết : Hoàng Trạch Công, một cao sĩ quy ẩn trong sơn động, được mọi người gọi là "Di Thượng Lão Nhân" (Cụ già trên cầu). Từ đó Trương Lương ngày đêm lo nghiên cứu binh thư, tạo được một bước tiến bộ quan trọng trong quá trình đào tạo cho mình trở thành rường cột của đất nước. Trong quá trình đó, sự gặp gỡ là bất ngờ, nhưng thiên tư thì không thể xem nhẹ. Riêng lòng “thành khẩn”, chịu “khắc khổ” là những yếu tố cần phải có.

Trong mười năm đọc sách và làm hiệp khách, khiến Trương Lương có cơ hội tiếp xúc với nhiều mặt trong xã hội, và trở thành nguồn gốc để giúp ông hấp thu trí tuệ. Trong khi đó, nhân tình thế thái chuyển biến khó lường mà ông nhận thấy được, lại giúp ông lĩnh hội một cách sâu sắc những ý nghĩa thâm sâu trong quyển “Thái công binh pháp”. Trong mười năm đầy rẫy những biến động, bất ổn đó, thiên kiến quý tộc cũ của ông, có khi còn che chắn tầm nhìn của ông. Nhưng một nhân vật sáng suốt trong giai cấp thống trị, một khi thay da đổi thịt, từ trong doanh lũy cũ xông ra cuộc đời, thì đối với thế giới chung quanh sẽ có sự nhận xét càng sáng tỏ, tư tưởng cũng được trui luyện càng sắc bén hơn.

Năm 210 trước công nguyên, lịch sử nước Tần lại xảy ra một sự kiện trọng đại : vị đế vương kiệt xuất là Tần Thủy Hoàng bị bệnh và chết đột ngột. Tần Nhị Thế Hồ Hợi lên nối ngôi. Từ đó, việc triều chính của nhà Tần đã tuột dốc một cách nhanh chóng. Bao nhiêu mâu thuẫn xã hội đầy phức tạp đã xuất hiện cùng một lúc. Chỉ một năm sau, vào tháng bảy năm Tần Nhị Thế nguyên niên (209 trước công nguyên), một cơn bão tố chánh trị đã ập xuống. Trần Thắng, Ngô Quảng dựng cờ khởi nghĩa tại Thôn Đại Trạch. Giữa trận bão táp cách mạng đó, đủ thứ nhân vật đã đua nhau xuất hiện trên vũ đài chính trị. Trương Lương cũng dựa vào vũ đài xã hội rộng lớn đó để thi triển kỹ tài của mình.

Tháng giêng năm Tần Nhị Thế thứ hai (208 trước công nguyên), Cảnh Câu đã tự đứng lên xưng làm Sở Vương tại Lưu Huyện. Trương Lương dẫn một số đông đến định xin gia nhập. Không ngờ đi mới nửa đường thì gặp Bái Công Lưu Bang đang dẫn hàng nghìn người đánh chiếm Hạ Phi. Hai người gặp nhau đã tỏ ra rất hợp ý nhau, nên Bái Công gọi Trương Lương là Cứu Tướng. Trương Lương thường lấy "Thái Công Binh Pháp" để nói cho Lưu Bang nghe. Cứ mỗi lần nghe, Lưu Bang lĩnh hội ngay, và đã áp dụng kế sách trong binh pháp một cách tha thiết. Trương Lương thấy vậy không khỏi khen rằng :

- Bái Công chừng như là một vị minh chúa trời sai xuống, và có một sự thông minh bẩm sinh !

Lần gặp gỡ này, có thể nói là một lần gặp gỡ đặc thù, quyết định cho sự thành công trong đời của Trương Lương. Trong nước Trung Quốc cổ, mặc dầu có một câu nói nổi tiếng là : "Vua chọn bề tôi, nhưng bề tôi cũng chọn vua". Tuy nhiên do phạm vi hoạt động của mọi người quá hạn hẹp, cũng như tầm nhìn quá nông cạn, nên sự chọn lựa cũng bị giới hạn rất nhiều. Ở mức độ nào đó thì sự thành bại

của một con người lại thường quyết định ở sự may mắn, hoặc như mọi người thường gọi đó là "số mạng" (nếu không giải thích "số mạng" theo chủ nghĩa thần bí thì cũng không nên xem đó là một thứ duy tâm luận thuần túy, mà nó có thể được coi là đại danh từ cho sự "may mắn"). Chính nhờ ở sự may mắn đặc biệt đó, Trương Lương mới được theo giúp cho Lưu Bang, một nhà chính trị kiệt xuất đương thời, chứ không phải là Hạng Võ, một con người chỉ biết làm theo ý mình, hay là một nhân vật chỉ có hư danh rỗng tuếch nào khác. Từ đó, vua tôi họ rất tương đắc, chẳng khác nào cá với nước được gặp nhau. Một người có lòng dạ khoáng đạt, sẵn sàng nghe theo lời can gián tốt, còn một người lại thông minh tuyệt đỉnh, từng bày ra nhiều mưu lược rất hay.

2. Mưu Lược Tây Tiến

Tháng Sáu năm Tần Nhị Thế thứ hai (208 trước Công nguyên), Hạng Lương đưa người cháu của Sở Hoài Vương là Hùng Tâm lên làm Sở Hoài Vương. Trương Lương do nhớ đến quê hương của mình, nên vội vàng đề nghị với Hạng Lương:

- Nay ngài đã lập hậu duệ của vua Sở lên làm Sở Vương, trong khi đó các công tử của Hàn Vương có “Hoành Dương Quân Thành” là hiền nhất, có thể lập làm vương để thêm vây cánh.

Hạng Lương chấp nhận đề nghị đó, cho tìm được Hàn Thành, lập lên làm Hàn Vương, và cử Trương Lương làm Tư Đồ. Trương Lương cùng Hàn Vương dẫn hơn một nghìn binh, đi về phía Tây để chiếm lại đất cũ của Hàn (tức địa bàn cũ của nước Hàn thời Chiến Quốc), và tiếp tục kéo quân hoạt động trong vùng Dĩnh Xuyên (nay là trung bộ tỉnh Hà Nam). Có khi họ chiếm được một số thành rồi lại bị quân Tần đoạt lại, giằng co nhau không phát triển được.

Cuối năm Tần Nhị Thế thứ hai, Sở Hoài Vương ra lệnh cho Hạng Võ, Lưu Bang chia quân tiến đánh nước Tần ở phía Tây. Lưu Bang theo đường Dĩnh Xuyên, Nam Dương, dự định theo đường Võ Quan để vào Quan Trung.

Tháng tư năm Tần Nhị Thế thứ ba (207 trước công nguyên), Lưu Bang kéo quân tới Dĩnh Xuyên, hợp chung với quân đội của Trương Lương lại làm một, đánh chiếm hơn mười thành. Lưu Bang sai Hàn Vương ở lại giữ vùng đất mới chiếm, rồi cùng Trương Lương dẫn quân tiếp tục tiến về phía Nam.

Tháng sáu cùng năm, Lưu Bang đại phá quân Tần tại Nam Dương, khiến Thái thú Nam Dương phải lui về giữ Uyển Thành. Lúc bấy giờ, Lưu Bang đang nóng lòng muốn tiêu diệt nước Tần, nên định đi vòng Uyển Thành để tiến thẳng đến Võ Quan. Trương Lương sau khi suy nghĩ chín chắn, thấy Bái Công lúc bấy giờ binh mã còn yếu, tướng lĩnh còn ít, vậy làm sao có thể thọc sâu vào vùng kinh kỳ của nước Tần để đánh nhau với binh lực hùng mạnh của họ. Hơn nữa, nơi đặt quân trị của quân Nam Dương là Uyển Thành, vốn là một cứ điểm rất quan trọng của triều nhà Tần. Nó cũng chính là cây đinh ở dưới chân của Lưu Bang, cần phải nhổ bỏ nó đi mới được. Nếu đi vòng tránh nó để tiếp tục tấn công, thì cái hại sẽ không ít, và đó là phạm phải điều đại cấm kỵ của binh gia. Con đường đúng đắn nhất, là phải có chỗ đứng chân cho vững, rồi một mặt đi đều bước với các cánh quân đồng minh, một mặt vừa tiến về phía Tây vừa tăng cường binh lực của mình. Do vậy, Trương Lương bèn hiến kế với Lưu Bang :

- Bái Công mặc dù nóng lòng muốn vào quan ải, nhưng do binh Tần còn đông lại có địa thế hiểm yếu. Vậy nếu không hạ Uyển Thành thì Uyển Thành sẽ đánh từ phía sau lưng chúng ta. Trong khi đó, quân Tần ở phía trước cũng ào tới sát phạt, như vậy là vô cùng nguy hiểm.

Lưu Bang là người thông minh, nên vừa nghe qua là đã hiểu ngay. Ông liền xuống lệnh cuốn cờ im trống, rồi kéo trở lại Uyển Thành. Đến lúc trời vừa bình minh, thì đại quân của ông đã bao vây Uyển Thành ba lớp. Bái Công nghe theo kiến nghị của Trần Khôi, lấy việc tấn công tâm lý là chính, xuống lệnh chiêu dụ Thái thú Nam Dương và hứa sẽ tha chết cho tất cả quan lại cũng như nhân dân đang có mặt trong Uyển Thành. Đứng trước binh lực mạnh mẽ của Lưu Bang đang bao vây dưới chân thành,

Thái thú Nam Dương hết sức sợ hãi, nay thấy có một con đường sông, bèn băng lòng mở cửa thành đầu hàng.

Lưu Bang giữ đúng lời hứa, phong cho ông ta chức “Ân Hầu”, vừa khỏi phải bỏ tiền ra mua chuộc, mà cũng không phải cắt đất để lôi kéo. Đó là một cuộc mua bán không vốn, thuận tiện. Do một nước cờ thắng thế nên cả bàn cờ cũng chuyển biến theo. Toàn quận mấy mươi thành nghe tin đều đua nhau đầu hàng. Nam Dương là một quận lớn, quan lại binh sĩ và dân chúng rất đông, lương thực tích lũy rất nhiều. Lưu Bang bèn dừng quân ở lại đây để chiêu binh mãi mã, tích trữ lương thảo, nhờ vậy mà quân lực của ông đã nhanh chóng phát triển lên hơn hai vạn người.

Cùng một lúc đó, mặt trận ở phía Bắc đang đánh nhau dữ dội tại Cự Lộc. Binh mã quân Tần do Chương Hàm chỉ huy đã đầu hàng Hạng Vũ. Sau khi cây trụ quân sự quan trọng của triều đình nhà Tần bị ngã đổ, thì binh lực cũng cạn kiệt, sự chi viện không còn nữa. Tình hình đó làm cho hai chiến trường ở phía Nam và phía Bắc hỗ trợ được nhau, giúp Lưu Bang thuận lợi tiến quân quét sạch mọi trở lực. Hơn nữa, Lưu Bang đi tới đâu thì ra lệnh nghiêm cấm binh sĩ của mình không được cướp bóc, giết chóc, nên được dân Tần hoan nghênh giúp đỡ nhiều mặt. Cuộc hành quân nhờ đó mà có tiến độ nhanh hơn. Đến tháng tám cùng năm, Lưu Bang đã hạ được Võ Quan, cửa ngõ tiến vào Quan Trung để thọc sâu vào nội địa của triều đình nhà Tần.

Từ chỗ thất lợi ở hai mặt trận phía Nam và phía Bắc, khiến nội bộ giai cấp thống trị của nhà Tần càng mâu thuẫn gay gắt hơn. Thừa tướng của Tần là Triệu Cao, biết tội mình không sao trốn thoát, nên đã thẳng tay giết chết Tần Nhị Thế Hồ Hợi, rồi lập Tử Anh lên làm vua Tần. Triệu Cao lại phái sứ định thông đồng với Lưu Bang để tiến hành nội công ngoại kích, chia đất làm vua tại Quan Trung. Lưu Bang đã thấy thắng lợi hiện ra trước mắt, vậy nào bằng lòng hợp mưu với Triệu Cao, để chia sẻ một phần quyền lợi cho tên quyền thần này ? Cho nên ông vẫn một mực nghe theo những mưu lược của Trương Lương, thừa thắng đánh mạnh vào phía Tây.

Tháng chín cùng năm, quân đội của Lưu Bang đã tiến tới Nghiêu Quan. Nghiêu Quan là nơi dựa vào thế hiểm trở của thiên nhiên, là cổ họng của kinh đô Hàm Dương, và cũng là quan ải cuối cùng để bảo vệ kinh thành này. Quân Tần đã cho trọng binh đóng giữ tại đây. Lưu Bang kéo quân tới trước cửa quan ải, định xua hai vạn binh sĩ ào lên tấn công, nhưng Trương Lương lắc đầu lia lịa, nói :

- Quân Tần vẫn còn mạnh, vậy không thể liều lĩnh được.

Lưu Bang nôn nóng hỏi kế hoạch đối phó với địch, Trương Lương bèn nghĩ ra một mưu kế để chiếm quan ải này, nói:

- Thần nghe tướng giữ quan ải là con của một anh đồ tể, mà những người buôn bán nhỏ đó bao giờ cũng ham tiền. Vậy, mong Bái Công cứ ở yên trong doanh trại, và sai người ra ngoài chuẩn bị đầy đủ dụng cụ cho năm vạn người nấu ăn, rồi lên núi cao cắm cờ xí rợp trời để nghi binh. Sau đó, phái Lê Thực Kỳ mang một số vàng bạc to đi mua chuộc tướng Tần.

Lưu Bang nghe thế cả mừng, liền điều động tướng sĩ chia ra làm những việc do Trương Lương đã nói, rồi phái Lê Thực Kỳ, một mưu thần giỏi biện luận, đi cùng với Lục Giả vào doanh trại của Tần, tiến hành việc hối lộ và thừa cơ dụ hàng. Tướng Tần thấy khắp đồi núi đâu đâu cũng cờ xí rợp trời, nhất

thời không biết đó là hư hay thực, nên trong lòng vẫn đã sợ hãi. Chúng lại tham lam tiền bạc, găm vóc, nên ngổ ý bằng lòng trở giáo cùng hợp tác với quân của Lưu Bang, tiến vào tập kích Hàm Dương.

Lưu Bang biết tướng Tần đã trúng kế, nên với sự quyết đoán của một nhà chính trị, ông mừng rỡ định hợp tác với quân đầu hàng của Tần để tiến về phía Tây. Nhưng, với một nhà mưu lược thâm trầm như Trương Lương, lại lên tiếng can ngăn :

- Hiện nay chỉ có tướng Tần chịu đầu hàng, e rằng binh sĩ sẽ không nghe theo. Vậy chi bằng nhân lúc họ đang chênh mảng, thiếu cảnh giác, ta tiến lên đánh bại họ là hơn.

Lưu Bang vui vẻ nghe theo lời khuyên, dẫn quân đi vòng qua Nghiêu Quan, vượt qua Quý Sơn, đại phá quân Tần tại Lam Điền. Do xuất kỳ bất ý, nên đánh trận đầu tiên là đã thắng ngay, rồi xua quân kéo thẳng tới Bá Thượng (nay là địa phương nằm về phía Đông thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây), uy hiếp Thủ đô của nước Tần là Hàm Dương.

Tháng mười năm nhà Hán nguyên niên (206 trước công nguyên), vua Tần là Tử Anh vì không thể tiếp tục chống đỡ, nên đã ngồi một cỗ xe ngựa do ngựa trắng kéo, mang theo cả ấn vua và phù thư, mở cửa thành ra đầu hàng. Một triều đại nhà Tần đồ sộ, khi tuột dốc đã nhanh chóng tan rã như thế, âu đó cũng là một tấm gương soi cho người cầm vận mệnh của đất nước.

Lưu Bang chỉ trong vòng không đầy một năm, mà đã xua quân tiến thẳng vào nội địa của nước Tần, lấy Quan Trung một cách dễ dàng, và xô ngã bạo Tần cũng không khó khăn. Điều đó tất nhiên là do triều đại nhà Tần quá hủ bại mục nát, mà cũng do Hạng Võ đã chiến thắng được chủ lực của quân Tần tại mặt trận phía Bắc, đánh sập lực lượng vũ trang của Tần ở các quận huyện, khiến Lưu Bang trong quá trình tiến về hướng Tây, không chạm trán với một lực lượng nào mạnh của quân Tần. Tuy nhiên, nếu không có các văn thần võ tướng đã chỉ huy quân đội tấn công, đã dùng mưu trí để chiếm lĩnh thành trì, nhất là dưới sự chỉ đạo chiến lược chiến thuật vô cùng đúng đắn của Trương Lương, thì muốn chém tướng đoạt ải, giành thắng lợi nhanh chóng và dễ dàng như thế, cũng là chuyện không thể có được.

3. Khuyên Chúa An Dân

Việc lật đổ vương triều nhà Tần, chỉ là thắng lợi bước đầu trong việc giành lấy thiên hạ của Lưu Bang. Dù vậy, thắng lợi cũng rất dễ làm cho đầu óc của những người phàm phu tục tử phải choáng váng. Ngay đến Lưu Bang, một nhà chính trị kiệt xuất như thế, mà cũng không tránh khỏi sa ngã. Khi Lưu Bang mới tiến vào cung Tần, thấy cung điện nguy nga rực rỡ, chó ngựa xinh đẹp, của quý đầy kho, gái đẹp đầy hậu cung, thì muốn được tọa hưởng vinh hoa phú quý. Đối với việc này, nhiều bộ hạ của Lưu Bang cảm thấy hết sức bất an. Võ Thành Phàn Khoái đã mạnh dạn can gián, chỉ trích Lưu Bang là muốn "làm một ông nhà giàu". Nhưng, với những lời can gián đơn giản như vậy, hoàn toàn không thể làm cho Lưu Bang thay đổi ý định.

Trương Lương biết đối với đại đa số người mà nói, muốn vượt qua quan ải an lạc vui chơi, còn khó khăn hơn là vượt qua quan ải gian nguy sống chết. Hàm ý giữa sống và chết là tuyệt đối, nhưng sự an lạc bản thân nó tồn tại ý nghĩa tử vong lại rất mơ hồ, không dễ chi nhìn thấy. Đối với một người anh hùng bị sa ngã trước sắc đẹp, người đời thường chê cười, nhưng hầu hết đều tha thứ chứ không bác bỏ. Do vậy, muốn cho Lưu Bang xa rời những con chó khôn, những con ngựa đẹp, bao nhiêu tiếng đàn hay, tiếng hát dịu dàng, cũng như bao nhiêu sắc đẹp, thì cần phải tìm cách làm cho ông ta thức tỉnh. Cho nên, Trương Lương đã khéo léo khuyên rằng :

- Trước kia do nhà Tần vô đạo, nên Bái Công mới có thể kéo quân tới được nơi đây. Vậy nếu muốn trừ đi những thế lực vô đạo còn tồn tại, thì bản thân mình phải mặc áo vải, phải ăn chay. Nếu nay mới vừa tiến vào đất Tần, là mình đã nghĩ tới chuyện ngồi yên hưởng lạc, thì chẳng hóa ra mình lại tiếp tay cho vua Kiệt làm điều bất nhân hay sao?”. Lời tục thường nói : “Thuốc đắng dã tật, lời thật khó nghe”. Vậy, mong Bái Công hãy nghe theo lời khuyên của Phàn Khoái và bao nhiêu người khác.

Trương Lương với một thái độ bình tĩnh, lời nói dịu dàng, nhưng đã vạch trần sự “vô đạo của nhà Tần”, “tiếp tay cho vua Kiệt làm điều bất nhân”, là những câu nói đánh mạnh vào tâm lý, để làm thức tỉnh sự si mê của Lưu Bang. Cách nói như vậy, còn sâu sắc hơn là cách giận dữ la ó, khiến cho người nghe càng dễ tiếp nhận. Thủ pháp khuyên ngăn đó chính là nghệ thuật của những mưu thần dùng can gián nhà vua.

Tuy nhiên, Trương Lương tuyệt đối không khoa trương tài biện luận của mình. Vì trong giờ phút đó, phải có cả các quan văn lẫn các quan võ, hiệp trợ với nhau, thì mới tiến hành can gián hữu hiệu được. Riêng Lưu Bang là một người sáng suốt, đó là điều không thể phủ nhận. Rốt cục, ông đã bằng lòng niêm phong cung điện, kho tàng, tài vật của triều đại nhà Tần, rồi kéo quân trở về Bái Thượng, chờ đợi những cánh quân của Hạng Võ và những cánh quân khởi nghĩa khác kéo tới.

Trong thời gian này, tập đoàn Lưu Bang còn thi hành một loạt những biện pháp chánh trị có tính thấy xa hiểu rộng. Ông đã tụ tập phụ lão, hào kiệt ở các huyện lại, để cùng "ước pháp ba chương": Ai giết người thì đền mạng, ai gây thương tích hoặc cướp của người khác thì phải bị tội". Đồng thời ông còn tuyên bố : “Xóa bỏ tất cả pháp luật của nhà Tần. Quan lại thì giữ nguyên chức vụ. Phàm người không

có những hành động tàn bạo thì chớ nên sợ hãi. Ngoài ra, ông còn phái người đi cùng quan lại cũ của triều đại nhà Tần, đến các huyện, các thôn ấp, để phổ biến rộng rãi những ý kiến trên. Kết quả người Tần vui mừng, tranh nhau dẫn bò dê, gánh rượu và thức ăn tới hiến cho quân sĩ. Bái Công bảo binh sĩ của ông đừng nhận. Ông nói : “Lương thực còn rất nhiều, không phải thiếu thốn, vậy đừng làm nhọc tới người khác”. Nhân dân thấy thế càng vui mừng. Họ lo sợ Bái Công không ở lại để làm Tần Vương.

Những biện pháp an dân nói trên, đã giúp Bái Công Lưu Bang tranh thủ được nhân tâm. Đối với việc sau này ông trở lại Quan Trung, lấy đó làm căn cứ địa để tranh giành thiên hạ với Hạng Võ, tạo được một nền tảng chính trị thật vững chắc.

4. Hồng Môn Đại Yến

Sau khi diệt nhà Tần xong, mấy cánh quân chống Tần phải phân phối quyền lực và lợi ích trong thiên hạ ra sao ? Xoay quanh vấn đề này, đã dẫn đến những cuộc tranh chấp mới. Thực ra, người có thực lực nhất phải kể là Hạng Võ, kế đó là Lưu Bang. Do vậy, việc phải xử lý mối quan hệ đứng đắn với Hạng Võ, chính là nhiệm vụ cấp bách của Lưu Bang.

Thuở ban đầu, khi Lưu Bang và Hạng Võ còn "thờ chung" một chúa là Sở Hoài Vương, thì Sở Hoài Vương có giao kết : "Ai vào Quan Trung trước, thì người đó sẽ là vương". Lưu Bang tuy nhanh chóng vào Quan Trung trước, tiêu diệt được triều đình nhà Tần, nhưng đứng về sức mạnh quân sự lật đổ nhà Tần mà nói, không sao bì kịp với chiến công của Hạng Võ. Ngay từ lúc đầu khi chia quân ra thành hai lộ, Sở Hoài Vương và các tướng lãnh chung quanh nhà vua, đã có ý thiên vị đối với Lưu Bang. Họ để Lưu Bang tiến theo con đường phía Nam là con đường dễ dàng hơn. Trái lại, họ để cho Hạng Võ tiến quân theo đường phía Bắc, là nơi phải chạm trán với chủ lực của quân Tần do Chương Hàm chỉ huy.

Trận đại chiến tại Cự Lộc đã cầm chân Hạng Võ, không thể tiến nhanh được. Trong khi đó, cuộc chiến diễn ra tại phía Bắc đã chia sẻ áp lực quân sự cho Lưu Bang. Do vậy, nay Lưu Bang muốn xưng Quan Trung Vương, để ra lệnh cho quần hùng, chiếm địa vị bá chủ về mặt chính trị, thì chắc chắn Hạng Võ, một người không thua sút ai, sẽ không thể chấp nhận.

Một điều quan trọng hơn, ấy là thực lực giữa Lưu Bang và Hạng Võ chênh lệch nhau quá xa. Sau khi chiến thắng tại Cự Lộc, Hạng Võ đã thu nhận hàng binh, biên chế lại thành quân đội của mình (nhưng về sau Hạng Võ hoài nghi số hàng binh này có tâm trạng không ổn định, sau khi vào quan ải chúng có thể nổi loạn, nên đã chôn sống tất cả hai chục vạn (rêu rao là một triệu). Còn Lưu Bang, sau khi tiêu diệt quân Tần xong, quân lực của ông chỉ có mười vạn (rêu rao là hai chục vạn). Xét về tướng tài, thì bản thân Hạng Võ là một tướng lĩnh có sức mạnh nhắc được nghìn cân, oai phong nổi tiếng, và dưới cờ của ông ta, lại còn có những tướng thuộc hạng nhất cả. Những tướng thiện chiến dũng cảm như Kinh Bố, Long Thả, Chung Ly Muội, v.v... và những mưu sĩ như Phạm Tăng, Trần Bình v.v... đúng là mãnh tướng và những nhà mưu lược tập hợp quanh Hạng Võ đông đảo hơn bao giờ hết. Mặc dù sự khôn ngoan cảnh giác của Lưu Bang là có thừa, nhưng đáng tiếc về mặt vũ dũng thì lại thiếu. Bộ tướng của Lưu Bang như Châu Bột, Quán Anh, Phàn Khoái, Trí Tâm còn thua Kinh Bố, Long Thả, Chung Ly Muội lúc bấy giờ. Sở trường độc đáo của Lưu Bang lúc bấy giờ là biết người và giỏi sử dụng người, có lòng dạ phóng khoáng độ lượng. Nhưng cho dù đó là yếu tố quan trọng về mặt chính trị, nhưng không thể chỉ dựa vào nó mà xoay chuyển được tình thế. Phải trên cơ sở đó, từ từ xúc tích lực lượng, mới có hy vọng chuyển thế yếu thành thế mạnh được.

Dưới tình hình mạnh yếu chênh lệch như vậy, thế mà Lưu Bang lại có một đạo lại sử dụng mưu lược sai lầm. Có người kiến nghị với Lưu Bang :

- Vùng đất Quan Tây rất giàu có, hơn hẳn mười lần khắp nơi trong thiên hạ, địa thế lại hiểm yếu. Nếu nay Chương Hàm đầu hàng Hạng Võ, Hạng Võ phong cho Chương Hàm làm Ung Vương, sai ông ta

xung vương tại vùng Quan Trung, vậy một khi Chương Hàm đến, thì Bái Công e rằng không thể chiếm được vùng đất này. Chi bằng giờ đây nên phái quân trấn giữ Hàm Cốc Quan, đừng cho những cánh quân chư hầu tiến vào, rồi sau đó tập trung binh sĩ ở vùng Quan Trung để tăng cường lực lượng cho mình, lấy đó đối kháng với Hạng Vũ.

Lưu Bang đã nghe theo kế ấy, lên Trương Lương tự ý phái quân tới đóng giữ tại Hàm Cốc Quan. Qua đó khiến giữa Sở và Hán vốn đã có sự mâu thuẫn nhau, lại càng trở thành gay gắt thêm.

Khi Hạng Vũ xua quân tới Hàm Cốc Quan, thấy cửa quan ải đóng kín, bên trên quan ải lại có quân của Lưu Bang đóng giữ, liền dùng đòn nôi giận, sai Anh Bố dẫn quân tràn tới tấn công. Vào tháng mười hai, quân Hạng Vũ đánh hạ Hàm Cốc Quan, tiến vào trú đóng tại Tân Phong và Hồng Môn (hai địa phương này đều nằm về phía Đông Bắc của Lâm Động, thuộc tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Sau đó, Hạng Vũ chân chinh quân ngũ, định cùng Lưu Bang đánh một trận chết sống.

Mưu sĩ của Hạng Vũ là Phạm Tăng, nói với Hạng Vũ:

- Trước kia Lưu Bang là một con người ham tiền tài và háo sắc, thế mà kể từ ngày vào quan ải cho tới nay, ông ta lại tỏ ra không ham tiền tài và nữ sắc như trước. Qua đó đủ thấy ý chí của ông ta không phải nhỏ, vậy nên kiên quyết tiêu diệt ông ta đi, tuyệt đối đừng bỏ lỡ cơ hội tốt.

Nào ngờ việc chuẩn bị ráo riết để đánh nhau với Lưu Bang của Hạng Vũ, đã kinh động tới người chú ruột là Hạng Bá. Giữa Hạng Bá với Trương Lương là đôi bạn chí thân với nhau. Hạng Bá muốn báo đáp lại cái ơn cứu mạng trước đây của Trương Lương, nên đứng ngồi không yên, bèn quyết định báo tin này cho Trương Lương biết.

Ngay trong đêm đó, Hạng Bá cưỡi một con ngựa, âm thầm rời khỏi Hồng Môn, đi thẳng tới chỗ Lưu Bang đóng quân. Ông tìm gặp Trương Lương, đem kế hoạch của Hạng Vũ và Phạm Tăng nói rõ cho Trương Lương biết. Đồng thời, khuyên Trương Lương nên nhanh chóng rời khỏi Lưu Bang, đừng ở đây chờ chết uổng mạng.

Trương Lương là người đầu óc luôn bình tĩnh, lại túc trí đa mưu. Sau khi nghe qua lời nói của Hạng Bá, sắc mặt vẫn điềm nhiên, ung dung đáp :

- Tôi phụng mệnh Hàn Vương, đưa Bái Công vào bên trong quan ải. Nay Bái Công có chuyện nguy cấp, nếu tôi lên bỏ đi thì thật là bất nghĩa. Vậy chi bằng để tôi nói cho ông ấy hay đã.

Hạng Bá nghe lời nói của Trương Lương thật có tình lý, nên càng khâm phục tư cách của người bạn, bằng lòng để cho Trương Lương đi báo tin với Lưu Bang. Thế là Trương Lương lập tức đi vào trướng của Lưu Bang, kể lại tất cả những lời nói của Hạng Bá. Lưu Bang nghe qua thì cả kinh.

Trương Lương hỏi Lưu Bang :

- Theo ngài dự đoán, binh sĩ của ngài có thể chống trả nổi với đại quân của Hạng Vũ hay không ?

Lưu Bang trầm ngâm một lúc, đáp:

- Thật ra không tài nào chống trả nổi. Vậy, bây giờ phải có biện pháp ra sao ?

Trương Lương nói:

- Bây giờ chỉ còn cách nhờ Hạng Bá tranh thủ Hạng Võ mà thôi. Vậy ngài hãy đi gặp Hạng Bá, nói cho ông ấy biết là ngài tuyệt đối không dám phản lại Hạng Võ.

Lưu Bang quả đúng là một bậc anh kiệt, biết tùy thời cơ mà ứng biến, lại biết khi nào phải tiến, khi nào phải lùi. Ông bèn hỏi Trương Lương :

- Tình bạn giữa khanh và Hạng Bá ra sao ?

Trương Lương kể lại chuyện mình trước đây từng cứu mạng cho Hạng Bá cho Lưu Bang nghe. Chính nhờ vậy, Hạng Bá mới tìm đến để báo tin.

Lưu Bang lại hỏi :

- Tuổi khanh và Hạng Bá ai lớn hơn ?

Trương Lương đáp:

- Hạng Bá lớn hơn tôi.

Lưu Bang hỏi :

- Nếu vậy thì hãy mời ông ấy vào đây, để tôi cư xử với ông ấy như một vị huynh trưởng.

Trương Lương liền bước trở ra, mời Hạng Bá nên vào gặp mặt Lưu Bang một lần. Hạng Bá vốn không có ý định đó, mà chỉ muốn tới đây để thông báo cho Trương Lương kịp thời bỏ đi. Nhưng bây giờ đứng trước tình hình này, ông không nỡ từ chối, nên đành phải nghe theo Trương Lương vào ra mắt Lưu Bang.

Lưu Bang thấy Hạng Bá vào, tỏ thái độ như người bạn cố tri mới vừa gặp lại, bày tiệc khoản đãi ngay. Trước tiên, Lưu Bang tôn Hạng Bá làm huynh trưởng, rồi lại kết làm thông gia. Sau đó, mới dùng lời uyển chuyển nói :

- Sau khi tôi vào quan ải, đã thanh tra hộ khẩu tại đây, cũng như đã niêm phong phủ khố, hoàn toàn không dám đá động chi đến, mà chỉ chờ Hạng tướng quân tới xử lý mà thôi. Sở dĩ tôi phái binh giữ Hàm Cốc Quan, chủ yếu là để bọn đạo tặc không thể tự do ra vào, đề phòng có chuyện bất trắc xảy ra. Sau khi tôi chiếm được Hàm Dương, ngày đêm trông ngóng Hạng tướng quân đến, để chuyển giao cho ông ấy xử lý mọi việc. Tôi nào dám mưu phản đâu ? Vậy, xin nhờ ngài trở về nói rõ tình hình đó cho Hạng Võ biết.

Qua những lời nói khôn khéo của Lưu Bang, Hạng Bá tin là thật, bèn hứa với Lưu Bang sẽ làm theo lời

yêu cầu của ông. Hạng Bá còn nói thêm :

- Sáng sớm ngày mai này, ngài cần phải đích thân đến gặp Hạng Võ để nói rõ mọi việc, và ngỏ ý xin lỗi.

Lưu Bang đành phải đồng ý.

Sau khi Hạng Bá trở về đến doanh trại của quân Sở, bèn đem những lời nói của Lưu Bang nói lại cho Hạng Võ nghe và nói thêm :

- Nếu không có Lưu Bang tiến quân vào quan ải trước, thì ngài làm sao có thể vào quan ải dễ dàng như thế này ? Người ta đã lập được đại công, thế mà ngài không ban thưởng, còn định xua quân đánh người ta thì thật là bất nghĩa. Bây giờ ngài nên thừa cơ hội này, chiêu đãi Lưu Bang cho tốt mới được.

Hạng Võ là người giỏi chiến đấu, nhưng đầu óc lại rất đơn giản. Nghe qua lời của Hạng Bá, cảm thấy cũng có lý, nhưng Hạng Võ muốn kiểm nghiệm một lần nữa, bằng cách ngày mai này khi Lưu Bang đến doanh trại của mình, ông ta sẽ cất vấn và quở trách thẳng Lưu Bang, rồi mới quyết định mọi việc sau.

Sáng sớm hôm sau, Lưu Bang dẫn Trương Lương, Phan Khoái và ngoài một trăm kỵ binh tới Hồng Môn. Sau khi gặp Hạng Võ, Lưu Bang đi thẳng vào vấn đề, vừa xin lỗi Hạng Võ vừa nói :

- Tôi và tướng quân phụng mệnh chỉ huy đại binh đi đánh Tần. Ngài quét chúng ở phía Bắc sông Hoàng Hà, còn tôi đánh chúng tại phía Nam sông này. Nhưng không ngờ tôi lại có thể vào quan ải trước để lật đổ triều đình nhà Tần, và nay thì gặp ngài ở đây. Anh em ta gặp mặt nhau, đáng lý là việc hết sức vui mừng. Nhưng không dè lại có kẻ tiểu nhân nào đó, tìm cách ly gián, làm cho giữa chúng ta có sự hiểu lầm nhau.

Lời nói của Lưu Bang nghe rất có tình lý. Theo như lời giao kết trước đây của Sở Hoài Vương thì việc Lưu Bang tiến vào quan ải là danh chánh ngôn thuận, không có điểm nào gọi là vượt quyền cả. Trái lại, Hạng Võ chính là kẻ đã làm trái những điều giao kết trước đây. Như vậy, hai chữ "tiểu nhân" sẽ được người đời dùng để mắng Hạng Võ mà thôi. Vì Hạng Võ không phải là một nhà chính trị giỏi ăn nói, giỏi ứng xử, nên khi bị lúng túng đã nói huých toẹt ra :

- Đây là do Tả Tư Mã Tào Vô Thương của Bái Công nói cho tôi nghe đấy chứ. Ông ấy bảo ông muốn xưng Quan Trung Vương và cử Tử Anh làm Thừa tướng, nếu không phải vậy, thì tôi đâu đến đòi giận dữ như thế này.

Sau đó, Hạng Võ mời Lưu Bang dự tiệc. Trong bữa tiệc, Phạm Tăng luôn luôn đưa mắt ra hiệu cho Hạng Võ cũng như nhiều lần đưa chiếc ngọc bội đang mang lên cao, để ra ám hiệu cho Hạng Võ phải quyết tâm giết chết Lưu Bang. Nhưng lúc bấy giờ Hạng Võ không có phản ứng gì, vẫn điềm nhiên lo uống rượu. Tất cả những việc đó Trương Lương đều nhìn thấy, nên vội vàng nghĩ thầm đối sách để ứng phó.

Phạm Tăng thấy Hạng Võ không có ý muốn giết Lưu Bang, để lỡ mất một cơ hội thật tốt, nên liền rời bàn tiệc, bảo Đại tướng Hạng Can ra múa kiếm để giúp vui, rồi thừa cơ giết chết Bái Công. Thế là

Hạng Can liền bước ra múa kiếm để thực hiện sự xúi bẩy của Phạm Tăng. Nhưng ý đồ đó đã bị Hạng Bá thấy được. Ông này cũng vội tuốt kiếm bước ra múa, và luôn đứng chắn ngang Lưu Bang để che chở, khiến Hạng Can không làm sao xuống tay được.

Trương Lương thấy tình thế quá nguy cấp, bèn vội vàng rời khỏi chỗ ngồi ra gặp Phàn Khoái, nói:

- Hạng Can múa kiếm là có ý giết Bái Công.

Trương Lương bèn sai Phàn Khoái cấp tốc bước vào để cứu giá. Phàn Khoái nghe qua, thấy sự việc quá nguy cấp, bèn một tay cầm kiếm, một tay cầm thuẫn, xô ngã người vệ sĩ gác cửa rồi xông vào trong trướng, đôi mắt tròn tròn xoe, giận dữ nhìn thẳng vào Hạng Võ. Hạng Võ thấy thế không khỏi giật mình, vội vàng lên tiếng hỏi:

- Đây là ai vậy ?

Trương Lương đáp :

- Đây là Tham Thừa Phàn Khoái của Bái Công.

Hạng Võ lên tiếng khen :

- Đúng là tráng sĩ! Vậy hãy mau mời rượu !

Phàn Khoái nhận lấy ly rượu, đứng tại chỗ uống một hơi cạn ly.

Hạng Võ thấy Phàn Khoái tự nhiên như vậy, nên vui vẻ nói:

- Hãy thưởng cho ông ấy một chiếc đùi heo ?

Phàn Khoái để chiếc thuẫn xuống đất, rồi để đùi heo lên trên? Dùng kiếm xắt từng miếng bỏ vào miệng nuốt trọn. Không mấy chốc cả một chiếc đùi heo to đã nằm gọn trong bao tử của Phàn Khoái. Hạng Võ nhìn xem đến ngẩn ngơ, lại lên tiếng hỏi:

- Này tráng sĩ, còn có thể uống rượu nữa được không ?

Phàn Khoái bình tĩnh như thường, to tiếng đáp:

- Tôi đây chết cũng không biết sợ, vậy chả lẽ sợ uống rượu hay sao?

Hạng Võ kinh ngạc nói:

- Lời nói đó nghĩa là sao ?

Phàn Khoái đáp :

- Trước đây, Sở Hoài Vương cũng như các chư hầu có giao kết trước: Ai vào Hàm Dương trước thì người đó được xưng vương. Hiện giờ Bái Công đã đánh bại quân Tần, tiến vào Hàm Dương, lại hoàn toàn không dám lấy một thứ gì, niêm phong tất cả kho tàng, cung thất, rút quân ra đóng tại Bá Thượng để chờ Đại vương tới chủ trì. Bái Công là người có công cao và từng chịu nhiều gian khổ, thế mà ngài không tưởng thưởng, trái lại còn nghe theo lời gièm pha, muốn sát hại kẻ có công. Như vậy, chẳng phải lại đi vào vết xe đổ của triều đại nhà Tần và bị tiêu diệt đó sao ? Tôi cảm thấy thật khó hiểu.

Nghe những lời nói thẳng nhưng rất có lý của Phàn Khoái, Hạng Võ trở mặt líu lưỡi, tự thấy mình sai, nên không thể đối đáp gì được cả. Mà chỉ nói liên tiếp để mời Phàn Khoái ngồi. Đến chừng đó, Phàn Khoái mới bước đến ngồi bên cạnh Trương Lương.

Lưu Bang thấy không khí dịu lại, biết nơi này không thể ở lâu, bèn chộp lấy cơ hội đó để thoát thân. Ông liền nói với Hạng Võ :

- Thưa Đại vương, tôi cần đi cầu xí một tí.

Hạng Võ đã say, nên không suy nghĩ nhiều khoát tay đồng ý. Lưu Bang liền rời khỏi bàn tiệc. Trương Lương, Phàn Khoái cũng đi theo. Phàn Khoái nói nhỏ với Lưu Bang:

- Ngựa đã chuẩn bị sẵn, xin Bái Công mau rời khỏi nơi này.

Lưu Bang hỏi :

- Không cáo từ mà rời đi, vậy có phải lễ chăng ?

Trương Lương nói :

- Đứng trước một chuyện quan trọng thì không cần nói tới tiểu tiết. Bây giờ người ta là dao là thớt, còn mình là cá là thịt, lúc nào cũng có thể bị nguy hiểm cả, vậy còn nghĩ chi tới chuyện cáo từ !

Lưu Bang lại hỏi

- Sau khi tôi bỏ đi rồi thì khanh sẽ nói sao với Hạng Võ?

Trương Lương đáp :

- Ngài cứ việc thoát thân cùng Phàn Khoái, còn tôi sẽ có cách đối phó sau.

Thế là Lưu Bang được Phàn Khoái và một số người nữa hộ vệ, chọn đường tắt đi với một số khinh kỵ gọn nhẹ, nhắm hướng Bái Thượng bỏ chạy như bay, để Trương Lương ở lại đối phó cùng Hạng Võ.

Khi Trương Lương đoán biết số người của Lưu Bang đã về tới doanh trại, mới ung dung trở lại đại trướng của Hạng Võ, Hạng Võ hỏi :

- Bái Công đâu rồi ?

Trương Lương từ trong áo lấy ra một đôi ngọc trắng, và một đôi ngọc đầu trình lên, nói :

- Bái Công đã say, sợ có điều thất lễ, nên không thể trở vào cáo từ. Ông ấy đưa cho tôi đôi ngọc trắng để dâng lên Đại vương, và đôi ngọc đầu để kính hiến Á phụ. Ông ấy thấy thủ hạ của ngài có người muốn gây sự với ông ấy nên đã ra đi một mình. Bây giờ chắc là đã tới doanh trại rồi.

Hạng Võ nhận lấy đôi ngọc trắng, vừa thưởng ngoạn vừa nói:

- Ôi! Tại sao Bái Công không từ giã mà bỏ đi như thế ?

Trương Lương đáp :

- Đại vương và Bái Công có tình huynh đệ như thủ túc, nhưng những thủ hạ của Đại vương thì lại hiềm khích với Bái Công, muốn tìm cách giết chết ông ấy để giá họa cho Đại vương. Đại vương mới bình định được thiên hạ, cần phải tỏ ra là người khoan hậu với mọi người, là người có nhân nghĩa với thiên hạ, vậy không nên nghi kỵ Bái Công, nếu Bái Công chết, thì thiên hạ tất nhiên sẽ cười chê Đại vương. Vậy Đại vương hà tất phải ôm lấy cái tiếng xấu hổ. Thí dụ như Biện Trang múa kiếm đâm cạp, nhưng để thực hiện một kế hoạch khác. Bái Công không tiện nói rõ ra, nên chỉ tìm cách thoát thân để tránh họa, chờ sau này Đại vương sẽ hiểu. Đại vương là một vị chúa oai dũng sáng suốt, một khi hiểu được rồi, thì sẽ không trách tội Bái Công tại sao không từ giã mà lại bỏ đi như vậy.

Hạng Võ có tánh đa nghi, nên nghe qua lời nói của Trương Lương thì nghi ngờ Phạm Tăng có âm mưu muốn giết Bái Công, nên đưa mắt nhìn đăm đăm vào Phạm Tăng một lúc lâu. Phạm Tăng do không thực hiện được mưu kế của mình, trong lòng hết sức bức bối. Giờ đây trông thấy Hạng Võ nhìn mình lom lom, nên lửa giận lại bùng cháy. Ông ta đứng phắt dậy, chụp lấy đôi ngọc đầu của Trương Lương vừa tặng, ném mạnh xuống đất, rồi tuốt gươm chặt vỡ thành từng mảnh. Xong, ông ta hầm hầm bỏ đi ra khỏi đại trướng. Khi ra tới ngoài, ông ta ngửa mặt lên trời than rằng :

- Ôi Một người tính tình cứng rắn, chỉ biết làm theo ý mình như vậy, thì không thể tính toán chi với nhau được cả. Kẻ giành được thiên hạ sau này, chắc chắn sẽ là Lưu Bang ? Chúng ta hãy chờ đợi để làm những tên tù binh của hắn!

Lưu Bang trở về đến Bá Thượng, liền sai người bắt giải Tào Vô Thương đến trước mặt. Lưu Bang giận đến sắc mặt tái xanh, to tiếng hỏi:

- Bớ Tào Vô Thương, nhà ngươi biết tội chưa ?

Tào Vô Thương thấy mọi việc bị đổ bể, sợ hãi đến run cầm cập, vội vàng quỳ ngay xuống đất dập đầu xin tha:

- Xin Bái Công tha chết ! Bái Công tha chết !

Lưu Bang nói :

- Nhà ngươi là đồ bán chúa để cầu vinh ? Ta đối xử với ngươi không tệ, thế mà không ngờ nhà ngươi

lại ăn cháo đá bát, ra ngoài định hãm hại ta. Bây giờ nhà ngươi có gì để nói nữa chẳng ?

Tào Vô Thương dầm đìa nước mắt, tự tát vô mặt mình, nói :

- Tôi không phải là con người ! Tôi không phải là con người! Tôi có lỗi với Bái Công. Tôi có lỗi với tất cả anh em.

Lưu Bang nói:

- Đồ ăn cháo đá bát như ngươi, đã đặt điều nói dối, làm cho ta suýt nữa đã mất mạng, nếu không giết nhà ngươi, thì lẽ trời làm sao dung tha cho nhà ngươi được ? Bây giờ, hãy mang Tào Vô Thương ra ngoài trướng chém đầu thị chúng.

Phàn Khoái và hai binh sĩ nữa, đã dẫn Tào Vô Thương ra chém ở trước cửa trướng.

Sau mấy hôm, Hạng Võ xua quân tiến về phía Tây, tàn sát cả thành Hàm Dương, giết chết Tử Anh và phóng hỏa thiêu rụi cung điện của nhà Tần, kể cả A Phòng Cung chạy dài đến ba trăm dặm. Ngọn lửa to cháy liên tục ba tháng chưa tắt. Hạng Võ còn thu gom hết tất cả bảo vật trong hoàng cung, cũng như tất cả những mỹ nữ ở đây về làm của riêng cho mình. Kinh thành Hàm Dương đổ sộ nguy nga, chỉ trong chốc lát đã trở thành một đống gạch vụn. Bá tánh của vùng Quan Trung thấy hành động của Hạng Võ, đều căm thù ông ta, và ủng hộ Lưu Bang. Lúc bấy giờ Hàn Sinh kiến nghị với Hạng Võ:

- Vùng đất Quan Trung chính là một vùng đất trù phú trời ban. Phía trái có địa hình hiểm trở thiên nhiên của núi Hào Sơn và Hàm Cốc, phía phải có dãy núi Lũng Thục làm bình phong, trên có đồng cỏ rộng nghìn dặm chăn nuôi rất tốt, dưới có đất đai phì nhiêu trồng được các loại ngũ cốc. Khi thiên hạ thái bình, có thể dùng thuyền theo hai dòng sông Hoàng Hà và Vị Thủy, chở mọi thứ vật tư từ Quan Đông vào đây. Khi thiên hạ có loạn lạc thì xuôi thuyền mà xuống, tấn công được bốn hướng. Nếu xây dựng kinh đô tại đó, thì bá nghiệp có thể hoàn thành.

Nhưng Hạng Võ nhìn thấy Hàm Dương đã bị lửa thiêu rụi, cảnh vật hoang tàn, lại đang nhớ quê hương, nên không đồng ý xây dựng kinh đô tại Quan Trung. Hạng Võ nói :

- Phú quý mà không trở về quê hương, cũng như người mặc áo gấm đi giữa đêm tối, thử hỏi có ai biết ?

Qua câu trả lời đó, làm cho Hàn Sinh lỡ khóc lỡ cười. Về sau, Hàn Sinh nói với người chung quanh :

- Mọi người đều bảo, người Sở là những người lột da khỉ để mà đội, đúng là như thế.

Ngụ ý câu nói trên, tức khinh khi Hạng Võ chỉ có hình dáng con người, nhưng lại không có tư tưởng con người. Có kẻ đem câu nói đó báo lại cho Hạng Võ. Ông ta nổi trận lôi đình, liền ra lệnh cho thủ hạ đem Hàn Sinh bỏ vào chảo nước sôi giết chết.

Hạng Võ lại phái người đi gặp Sở Hoài Vương, yêu cầu nhà vua thay đổi minh ước trước kia. Nhưng Sở Hoài Vương không đồng ý. Hạng Võ cả giận, xuống lệnh buộc Sở Hoài Vương phải dời về Giang

Nam, xây dựng kinh đô tại Sâm Huyện (nay là Sâm Huyện, tỉnh Hồ Nam). Bên ngoài Hạng Võ tỏ ra tôn kính nhà vua, gọi là "Nghĩa Đế" nhưng kỳ thực thì tước bỏ hết quyền lực của nhà vua. Để trả thù Sở Hoài Vương, Hạng Võ còn đem đất phong của nhà vua phân chia hết cho các chư hầu.

5. Giúp Hán Diệt Sở

Tháng hai năm 206 trước công nguyên, Hạng Võ tự lập làm Tây Sở Bá Vương định đô tại Bành Thành (nay là thành phố Từ Châu, tỉnh Giang Tô). Hạng Võ và Phạm Tăng muốn hạn chế sự phát triển của Lưu Bang, bèn lấy cớ đất Thục cũng là đất Hán Trung, đem phong cho Lưu Bang làm Hán Vương, thống lãnh vùng đất Ba và Thục ở xa xôi, xây dựng kinh đô tại Nam Trịnh (nay là Hán Trung, tỉnh Thiểm Tây). Để kiểm chế Lưu Bang, chặn đường ông tiến ra phía Đông. Hạng Võ lại chia vùng Quan Trung ra làm ba : phong hàng tướng của triều nhà Tần là Chương Hàm làm Ung Vương, thống lãnh vùng đất phía Tây Hàm Dương, xây dựng kinh đô tại Phế Khuru (nay là vùng đất đông nam Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây). Phong Tư Mã Hân làm Tái Vương, thống lãnh vùng đất phía Đông Hàm Dương và phía Tây Hoàng Hà, xây dựng kinh đô tại Lịch Dương (nay là vùng đất đông bắc Lâm Đồng, tỉnh Thiểm Tây), phong Đổng Ế làm Địch Vương, thống lãnh Thượng Quận (nay là vùng đất phía Bắc của tỉnh Thiểm Tây), xây dựng kinh đô tại Cao Nô (nay là thành phố Diển An thuộc tỉnh Thiểm Tây). Ngoài ra, Hạng Võ còn cắt đất Quan Đông ra để phong cho mười bốn Chư Hầu Vương. Riêng Hạng Võ thì tự xưng Tây Sở Bá Vương xem là bá chủ trong thiên hạ.

Lưu Bang thấy Hạng Võ làm trái mình ước, trong lòng hết sức bất bình, muốn cử binh tiến đánh Hạng Võ. Nhưng Tiêu Hà cho rằng thời cơ chưa chín mùi, nên ra sức can ngăn :

- Đất Ba Thục mặc dù là đất hiểm ác, nhưng dầu sao cũng còn khá hơn là ngồi chờ chết ?

Lưu Bang không đồng ý như vậy, bèn hỏi :

- Tại sao lại gọi là chờ chết ?

Tiêu Hà phân tích :

- Hiện nay địch đông ta ít, binh sĩ của Hạng Võ rất tinh nhuệ. Trong tình trạng đó mà tác chiến, thì chắc chắn bị bại chứ không còn chi phải hoài nghi. Như vậy, không phải tự tìm lấy cái chết hay sao ? Thay vì làm như vậy, tại sao Đại vương không kiên nhẫn chịu lép hơn một người, để tranh thủ niềm tin của hàng vạn người. Cũng như xưa kia Châu Vương nên tạm cư trú tại vùng Ba và Thục, để nuôi quân dưỡng sức, chiêu hiền đãi sĩ, chờ khi cơ hội chín mùi rồi xua quân bình định Tam Tấn, tranh thủ hùng với Hạng Võ.

Các võ tướng như Châu Bột, Quán Anh, Phàn Khoái cũng đua nhau tới khuyên giải. Riêng Trương Lương cũng ủng hộ ý kiến của Tiêu Hà. Chừng đó Lưu Bang mới dần được cơn giận, không nói đến chuyện tấn công Hạng Võ nữa.

Để biểu dương Trương Lương, Hán Vương Lưu Bang đặc biệt ban cho Trương Lương một trăm dật vàng (mỗi dật từ hai chục đến hai mươi bốn lạng), trân châu hai đấu. Trương Lương chỉ vì sự nghiệp của Lưu Bang, nên đem hết số báu vật này tặng lại cho Hạng Bá. Lưu Bang biết được lại ban thêm cho

Trương Lương nhiều báu vật nữa, để Trương Lương mang đi mua chuộc Hạng Bá, nhờ Hạng Bá nói tốt cho Lưu Bang trước mặt Hạng Võ, và xin vùng đất Hán Trung. Hạng Bá thấy lợi quên nghĩa, bèn tận tình nói giúp Lưu Bang. Quả nhiên Hạng Võ đã bằng lòng. Như vậy, Hán Vương đem ba quận ở phía Nam Tần Lĩnh và vùng đất mình được chia, hợp lại thành một vùng rộng lớn, định đô tại Nam Trịnh (nay nằm về phía Đông Bắc Nam Trịnh, tỉnh Thiểm Tây).

Vùng Ba, Thục và Hán Trung, đất đai rất phì nhiêu, sản vật rất phong phú, cư dân đông đảo. Tuy nhiên, vì có sự cách trở về mặt địa lý, giao thông bế tắc, ra vào rất khó khăn nên vùng đất này muốn tiến về phía Đông sẽ gặp nhiều điều bất tiện. Chính vì vậy, những vị chúa có hoài bão lớn trong lịch sử, khi thực lực có đầy đủ rồi, thì họ không bao giờ ở yên tại vùng đất này cả. Hạng Võ không cho Lưu Bang làm Hán Vương, chính là muốn hạn chế không cho Lưu Bang phát triển về phía Đông. Nhưng, vùng đất Ba Thục và Hán Trung, cũng có ưu thế địa lý của nó để giữ, khó tấn công. Nếu quân lực yếu kém chưa đủ sức tranh bá với thiên hạ, thì lui vào đây ở yên để tự bảo vệ, tích lũy lực lượng dần dần, thì vùng đất này đúng là một vùng đất quý báu. Hán Vương Lưu Bang lúc bấy giờ là người đang ở vào thế yếu, nên Lưu Bang, Tiêu Hà và Trương Lương mới quyết tâm xin phong vùng đất phía Tây này.

Tháng tư năm này, các chư hầu vương đều kéo quân trở về đất phong của mình. Hạng Võ cấp cho Lưu Bang ba vạn binh mã, nhưng riêng số người tự nguyện chạy theo Lưu Bang cũng lên đến mấy vạn. Trương Lương luôn nhớ tới Hàn Vương Thành, nên không thể theo Lưu Bang đến Nam Trịnh, nhưng ông lại tỏ ra lưu luyến, không thể rời xa. Cho nên ông quyết định tiễn đưa Lưu Bang trước rồi sau đó mới đi Dương Địch. Họ vượt qua Đỗ Huyện (nay là địa phương ở phía Đông Nam thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) và chuyển về hướng Nam để vào Thục Trung (tức Tử Ngọ Cốc, nằm về phía Nam thành phố Tây An). Trương Lương tiếp tục đưa Lưu Bang đi đến Bao Cốc (nay là Bao Thành, thuộc tỉnh Thiểm Tây).

Bao Cốc còn gọi là Bao Tà Đạo, nằm giữa những dãy núi chồm chở, chung quanh là núi cao hố sâu, vách núi lại thẳng đứng, ngoằn ngoèo kéo dài hàng trăm dặm. Giữa dãy núi này có con sông Bao Thủy chảy qua. Đây là con sông chảy từ Thiểm Tây xuống đến Tứ Xuyên, được xem là thủy lộ ăn thông Nam Bắc. Do vậy, nó chính là con đường mà các nhà quân sự từ xưa tới nay đều dốc sức tranh giành. Do vách núi cao lại đứng, không có đường đi, nên người ta phải dùng gỗ bắc đường đi trên lưng chừng vách núi, gọi là Sạn Đạo. Sự hiểm trở của nó đúng như câu "chỉ cần một người giữ, là có thể chống lại hàng vạn người".

Lưu Bang thấy đường đi hiểm trở, khuyên Trương Lương đừng đưa tiễn nữa. Trương Lương đành phải nghe theo. Trước khi chia tay, Trương Lương chỉ vào con đường Sạn Đạo trên lưng chừng vách núi, nói với Lưu Bang :

- Sau khi ngài đi qua rồi, hãy đốt cháy con đường Sạn Đạo này đi. Làm như vậy, một là đề phòng các chư hầu có thể đánh vào Ba Thục, lại có thể chứng tỏ với Hạng Võ, là ngài sẽ không bao giờ trở lại vùng đất phía Đông nữa. Từ đó, khiến Hạng Võ sẽ chệnh mảng ý chí chiến đấu của ông ta.

Kế hoạch này, chính là kế hoạch "công khai đốt cháy Sạn Đạo" mà người đời sau thường tán tụng. Lưu Bang thi hành theo diệu kế của Trương Lương, sau khi đoàn quân qua xong, bèn ra lệnh đốt cháy con đường Sạn Đạo này.

Trương Lương sau khi trở về đến đất Hàn, mới được biết do mình đi theo phụ tá cho Lưu Bang, khiến Hạng Vũ oán ghét, nên không cho Hàn Vương Thành đến đất phong của mình, mà lại bắt ông ấy theo Hạng Vũ đi về Bành Thành. Sau khi tới Bành Thành, Hạng Vũ lại giáng chức Hàn Vương Thành xuống làm Vương Hầu, và chẳng bao lâu sau giết chết ông ta.

Lúc bấy giờ, do sự cắt đất phong vương cho các chư hầu của Hạng Vũ có chỗ bất công, khiến mối mâu thuẫn giữa các chư hầu càng thêm gay gắt. Điền Vinh trước tiên cử binh chống Hạng Vũ tại nước Tề. Trần Dư do không được phong vương, nên cũng bất mãn Hạng Vũ, bèn liên hợp với Điền Vinh để đối phó với Tây Sở Bá Vương.

Tháng tám năm này, Hán Vương Lưu Bang tiếp nhận kiến nghị của Hàn Tín, thừa cơ “bí mật vượt qua Trần Thương”, xua quân ra vùng Quan Trung, đánh bại Ung Vương Chương Hàm. Riêng Tái Vương Hân, Địch Vương Ế, cũng lần lượt đầu hàng Lưu Bang. Lưu Bang lại xua quân ra Võ Quan. Hạng Vũ nghe tin cảm thấy hết sức lo ngại, nên một mặt đưa quân tới Dương Hạ (nay là Thái Khương, thuộc tỉnh Hà Nam) một mặt phong Trịnh Xương làm Hán Vương, để đối phó với Lưu Bang.

Trương Lương lo ngại Hạng Vũ sẽ đưa binh đánh Lưu Bang, nên đã viết một phong thư gửi đến Hạng Vũ nói: “Do Hán Vương trên danh nghĩa không phù hợp với thực tế, nên mới chiếm Quan Trung. Chỉ cần ông ấy chiếm được vùng đất Quan Trung đúng như sự giao kết đầu tiên, sẽ không phát triển về phía Đông nữa”. Trương Lương còn đem việc Điền Vinh và Trần Dư liên hợp với nhau, đang có ý đồ chống lại Hạng Vũ, báo cho Hạng Vũ biết, để xoay sự chú ý của Hạng Vũ về phía Điền Vinh, buông lỏng sự đề phòng đối với Lưu Bang.

Tháng mười năm 205 trước công nguyên, Trương Lương trở về đến Hán Trung, được Lưu Bang phong làm Thành Tín Hầu. Lúc bấy giờ Lưu Bang đã khôi phục được Quan Trung, xây dựng kinh đô tại Lịch Dương (nay là vùng đất nằm về phía bắc Lâm Đồng, tỉnh Thiểm Tây). Điền Vinh bị thất bại trong cuộc khởi binh, nên bị giết chết. Con của Điền Vinh là Điền Quảng thay cha lên làm Tề Vương, tiếp tục chống lại Hạng Vũ.

Hạng Vũ được biết Hán Vương Lưu Bang đang phát triển thế lực về hướng Đông, nhưng không có cách nào để đưa binh đối phó, vì Hạng Vũ muốn đánh bại Điền Quảng trước để bình định đất Tề, rồi mới xua quân đánh Lưu Bang sau. Điều đó làm cho Lưu Bang có thời cơ để lợi dụng. Tháng tư cùng năm, Lưu Bang xua năm mươi sáu vạn đại quân vượt qua Lạc Dương đến Ngoại Hoàng (nay là vùng đất nằm về phía Đông Nam Lan Khảo, tỉnh Hà Nam). Bành Việt trước đây từng liên hợp với Điền Vinh để chống Lưu Bang nay cũng dẫn ba vạn quân về quy phục Lưu Bang. Lưu Bang phong ông ta làm Tướng Quốc nước Ngụy và đánh nhau với Hạng Vũ tại vùng đất Lương, còn Lưu Bang thì dẫn đại quân thọc thẳng xuống Bành Thành.

Sau khi Hạng Vũ nghe tin, vội vàng tuyển chọn ba vạn tinh binh quay trở về Bành Thành. Với mưu lược của Phạm Tăng, Hạng Vũ dùng ba vạn tinh binh đánh bại mấy mươi vạn quân của Lưu Bang. Quân Hán chết và bị thương ngoài hai chục vạn người. Lưu Bang chỉ dẫn theo mấy chục kỵ binh bỏ chạy đến Hạ Ấp (nay là Đẳng Sơn, thuộc tỉnh Giang Tô).

Qua trận đánh trên, chẳng những làm cho chủ lực của Lưu Bang bị tổn thất nặng nề, mà còn khiến cho các chư hầu trước đây đã đầu hàng Lưu Bang, thấy vậy cũng đua nhau trở mặt, chạy sang đầu hàng

Hạng Võ. Lưu Bang không còn cách nào khác, bèn nói :

- Vùng đất Quan Đông ta không cần nữa. Vậy ai có thể phá Sở lập được đại công, thì ta sẽ tặng cho người đó!

Trương Lương nói :

- Cửu Giang Vương Kinh Bô là mãnh tướng của nước Sở. Nhưng, giữa ông ta và Hạng Võ có sự bất đồng rất sâu xa. Riêng Bành Việt cũng đã liên hợp với Tề, đánh nhau với quân Sở tại đất Lương. Hai người này đều có thể lợi dụng được. Còn các tướng lĩnh của Hán Vương, chỉ có Hàn Tín là người có thể giao cho trọng trách hoạt động độc lập một mình. Nếu đem đất Quan Đông chia cho ba người trên, thì họ nhất định sẽ đánh bại được quân Sở.

Lưu Bang nghe qua đôi buồn làm vui, một mặt phái người đi du thuyết Cửu Giang Vương Kinh Bô, một mặt đi liên hệ với Bành Việt. Về sau, Lưu Bang đã nhờ vào sức của ba người này để đánh thắng Hạng Võ.

Tháng năm năm 205 trước công nguyên, Lưu Bang chuyển quân về Huỳnh Dương, thu thập những lực lượng còn sót lại để củng cố đội ngũ. Tiêu Hà cũng từ Quan Trung đưa tới nhiều binh sĩ mới để bổ sung, cũng như nhiều vật tư để tiếp tế. Quân Hán nhờ đó mà khôi phục sức mạnh trở lại, chặn Hạng Võ ở về phía Đông của Huỳnh Dương. Lưu Bang còn xuống lệnh xây đường giữa Huỳnh Dương và Ngao Thương, để tiện vận tải lương thực từ Ngao Thương đến để dùng.

Nhằm làm suy yếu Hạng Võ, Lưu Bang phái Hàn Tín vượt qua sông Hoàng Hà để tấn công An Ấp (nay là Hạ Huyện, tỉnh Sơn Tây). Tháng chín, Hàn Tín bắt sống được Ngụy Vương Báo, rồi tiếp tục xua quân đánh Yên, Đại, tạo thanh thế ủng hộ cho Lưu Bang, cô lập Hạng Võ. Tháng mười năm 204 trước công nguyên, Hàn Tín lại đánh bại được quân Triệu tại Tỉnh Hình, bắt sống được Triệu Vương Yết. Ít lâu sau, Cửu Giang Vương Kinh Bô kéo quân về đầu hàng nhà Hán, Lưu Bang để cho ông ta trấn giữ Thành Cao.

Lúc bấy giờ, Hạng Võ cũng ra sức tiến đánh Lưu Bang, và bao vây Lưu Bang ló ló tại Huỳnh Dương, cắt đứt đường vận lương của quân Hán. Lưu Bang rầu lo, không an tâm, bèn cho gọi mưu sĩ Lê Thực Kỳ để bàn kế hoạch đối phó. Lê Thực Kỳ cho rằng xưa kia triều đại Thương Thang phạt Kiệt, Võ Vương phạt Trụ, đã từng phong vương cho tất cả hậu duệ của những nước đã bị tiêu diệt. Tàn Thủy Hoàng gồm thu lục quốc, đã thẳng tay chém giết, làm cho hậu duệ của nước chư hầu đều không còn một mảnh đất cắm dùi. Chính vì vậy nên nhà Tần mới bị thất bại. Lê Thực Kỳ kiến nghị Lưu Bang nên cắt đất phong vương cho hậu duệ của sáu nước. Ông cho rằng làm như vậy thì mới tranh thủ được bá tánh, tranh thủ được các chư hầu ủng hộ mình, để cuối cùng xưng bá trong thiên hạ. Lưu Bang nghe qua luôn miệng khen ngợi là hay, xuống lệnh đúc ấn tín, để Lê Thực Kỳ đi tiến hành kế hoạch trên.

Lúc bấy giờ Trương Lương vừa bước vào triều kiến Lưu Bang. Lưu Bang đang ăn cơm, thấy Trương Lương vào bèn đem kế hoạch trên nói cho Trương Lương nghe, và trưng cầu ý kiến Trương Lương.

Trương Lương nghe qua cả kinh, hỏi Lưu Bang:

- Ai đã hiến một kê tôi tề với ngài như vậy ? Nếu làm thế thì sự nghiệp của ngài xem như phải tay !

Lưu Bang vội vàng hỏi:

- Tại sao vậy ?

Trương Lương bước tới trước, cầm lấy một chiếc đũa múa may trong không khí và phân tách rành mạch. Ông cho rằng : xưa kia triều Thương Thang phạt nhà Hạ, cắt đất phong con cháu của Hạ Kiệt làm Vương, còn Châu Võ Vương phạt Thương, lại phong cho con cháu của Ân Trụ làm Vương. Đó là vì họ có thể không chế được những người đó. Còn bây giờ Lưu Bang có thể không chế được Hạng Võ hay không ? Sau khi Châu Võ Vương phạt Trụ, từng biểu dương những bậc lương thần hiền tướng, lại lo sửa sang lăng mộ cho các thánh nhân, mở kho lương thực ở Quy Kiều và kho tiền tài ở Lộc Đài để cứu tế cho bá tánh nghèo khó. Còn bây giờ quân Hán đang gặp khó khăn về mặt lương thảo, vậy làm sao có đủ điều kiện để làm những việc như thế đó ? Hơn nữa, sau khi Châu Võ Vương tiêu diệt nhà Thương, để bày tỏ là mình sẽ không tiếp tục đánh giặc nữa, giúp nhân dân có thể an cư lạc nghiệp, nên mới đem ngựa chiến thả rong nuôi tại núi Nam Sơn, và thu gom binh khí lại cất giữ. Còn nay Lưu Bang đang đứng trước việc Hạng Võ xua quân bao vây lớp lớp thắng bại chưa biết ngã ngũ về ai. Nhất là, bộ hạ của Lưu Bang phải xa rời xứ sở, phải đi chinh chiến khắp nơi, là chỉ có ý muốn kiếm được một số đất đai do Lưu Bang phong cho. Nếu đem đất đai phong hết cho những hậu duệ của lục quốc trước đây, thì những người này đâu còn hy vọng chi nữa. Như vậy, chắc chắn họ sẽ bỏ rơi Lưu Bang trở về quê hương xứ sở, phục vụ cho chủ cũ của mình. Như vậy, còn ai theo Lưu Bang để giành thiên hạ nữa ? Nhất là hiện nay nước đang mạnh nhất là Sở. Cho dù hậu duệ của sáu nước có được phong vương, thì với thế lực yếu kém của họ, chắc chắn cũng sẽ lần lượt chạy hết về với Sở, còn ai theo Lưu Bang nữa ?

Sự phân tích của Trương Lương hết sức tinh tế và chính xác. Trước tiên ông cho rằng hoàn cảnh thời xưa và hiện nay hoàn toàn khác nhau, nên đã phản đối việc học theo cách cũ của các thánh nhân tiên hiền hồi trước.

Kể đó, ông cũng thấy sờ dĩ trước đây, Thang Võ phong vương cho hậu duệ của Hạ Thương, là khi đại cục đã hoàn toàn ổn định, nhà vua có thể không chế trong toàn thiên hạ. Còn nay thì Sở và Hán đang phân tranh, thắng bại chưa biết ngã ngũ về ai. Trước hết, ông cho rằng trước kia Võ Vương đem tiền bạc, lương thực của địch quốc cất giữ, để xoa dịu vết thương chiến tranh của bản thân mình, còn nay Hán Vương đang bận rộn trong việc quân sự, thì có rảnh đâu mà lo tới chuyện cứu tế người khác. Ông cũng cho rằng xưa kia sờ dĩ nhà vua mang vũ khí cất hết vào kho, thả ngựa chiến thả rong nuôi tại Nam Sơn, để cho bò trâu được ngơi nghỉ trong vườn đào là do tình hình đã chuyển sang thời đại thanh bình. Còn bây giờ khói lửa chiến tranh mịt mù khắp bốn phía, vậy tuyệt đối không thể nào bãi bỏ vũ lực mà lo văn trị được.

Điều quan trọng nhất, là Trương Lương chủ trương cắt đất và đem tước vị phong cho những tướng lãnh có công to, để tất cả mọi người trong thiên hạ đi theo Hán Vương chinh chiến, xem đó là một cách quan trọng để lôi kéo các tướng sĩ. Ngoài ra, Trương Lương cũng thấy được con cháu của các vương trong lục quốc, hiện nay đều sa sút hủ bại, nếu cắt đất để phong cho họ, thì sẽ làm phân tán lực lượng chống Hạng Võ, và cuối cùng sẽ bị quân Sở đánh bại từng người một. Cho dù có người giỏi tái xuất hiện đi nữa, thì họ cũng đứng riêng một mình, chứ nào chịu lệ thuộc vào Lưu Bang. Sự phân tách trên của Trương Lương, nếu so với việc trước đây xin lập lại Hán Vương, thì kể là một sự tiến bộ rất

nhanh về mặt tư tưởng, đóng góp một trang quan trọng trong lịch sử phát triển về tư tưởng chính trị cổ đại của nước Trung Quốc.

Lưu Bang nghe qua, đã hiểu được mọi lẽ, vội vàng để chén đũa xuống, và nhả những gì đang nhai trong miệng ra, lên tiếng mắng liên tiếp :

- Thằng nhóc con đó suýt nữa đã làm hỏng đại sự của ông rồi !

Nói dứt lời, ra lệnh hủy bỏ tất cả những ấn tín đã chuẩn bị xong.

Trước đây, khi Trần Thắng khởi nghĩa, thì các quý tộc cũ cũng muốn lật đổ triều đại nhà Tần. Mục tiêu chống Tần của họ đều nhất trí với nhau. Trần Thắng cắt đất phong cho hậu duệ của lục quốc, tạm thời còn có thể có tác dụng lôi kéo, xây dựng vây cánh cho mình, và cô lập triều đại nhà Tần. Hơn nữa, đất trong thiên hạ lúc bấy giờ chưa phải thuộc về Trần Thắng, cho nên Trần Thắng lấy đất của triều đại nhà Tần để phong cho hậu duệ lục quốc cũ, vừa được tiếng tốt lại vừa có ân huệ thực tế. Nhưng nay đối với Lưu Bang mà nói thì hoàn toàn khác hẳn.

Sở và Hán đang tranh thiên hạ. Sở mạnh hơn Hán, thắng bại chưa biết ngã về ai, nhất là lục quốc, cũng không phải ai ai cũng muốn chống lại Hạng Vũ. Nếu Lưu Bang lấy đất của mình chiếm được chia cho hậu duệ của lục quốc, thì cũng có nghĩa là tự mình làm suy yếu mình, giúp cho kẻ địch dễ dàng thắng lợi hơn.

Cũng là cắt đất phong vương cho lục quốc, nhưng tình thế khác nhau thì cũng có hiệu quả khác nhau. Nhưng sau khi triều đình nhà Tần bị diệt vong, Hạng Vũ cắt đất phong vương cho các chư hầu, thì kết quả là các chư hầu đều đứng lên chống lại. Đó là một bài học đau thương. Trương Lương mặc dù là quý tộc của nước Hàn, nhưng ông đã đứng trên góc độ toàn quốc, nên đối với tình thế lúc bấy giờ có một sự hiểu biết thấu đáo và có sự phân tích khách quan chính xác, bộc lộ ông là người có kiến thức cao và có hùng tài đại lược.

Tháng năm, năm 205 trước công nguyên, Hạng Vũ bao vây Huỳnh Dương. Quân đội của Sở và Hán đã đánh nhau giằng co tại Huỳnh Dương, Thành Cao, Quảng Vũ kéo dài hơn một năm.

Để đánh lạc hướng Hạng Vũ, dụ cho Hạng Vũ lui quân, Lưu Bang sử dụng kế của Trương Lương đề xuất việc nghị hòa. Điều kiện là lấy Huỳnh Dương làm ranh giới. Vùng đất phía Tây của Huỳnh Dương thuộc Hán, vùng đất phía Đông của Huỳnh Dương thuộc Sở. Hạng Vũ cũng muốn nghị hòa, nhưng Phạm Tăng đã khuyên Hạng Vũ :

- Hiện nay ưu thế trước mắt không phải thuộc về Hán, vậy Đại vương nên đem quân đánh vỡ phòng tuyến Thành Cao của Hán, thì sẽ đối phó với Lưu Bang một cách dễ dàng. Trận đại thắng tại Bành Thành là cơ hội trời cho, nếu không thừa thắng tiêu diệt Lưu Bang, thì sau này sẽ hối hận không còn kịp nữa.

Hạng Vũ chấp nhận đề nghị của Phạm Tăng, xua quân tấn công mạnh vào quân Hán, và đã có đạo hạ được Thành Cao, Lưu Bang suýt nữa bị bắt sống.

Lưu Bang bị thua, hết sức giận dữ, bèn vấn kế Trương Lương và Trần Bình. Trương Lương nói:

- Mưu thần giỏi nhất của Hạng Võ là Phạm Tăng, Chung Ly Muội. Hạng Vương là người có tính khoan dung nhân hậu ngoài mặt, nhưng kỳ thực thì bên trong lại dễ nghi kỵ, dễ tin lời gièm pha, chỉ dùng người thân tín chứ không dùng người tài. Vậy nếu chúng ta bằng lòng bỏ ra một số vàng bạc châu báu lớn, để tiến hành kế phản gián, khiến vua tôi của Sở nghi ngờ nhau, khiến Phạm Tăng, Chung Ly Muội và những người giỏi mưu lược bị thất thế, thì việc đánh bại nước Sở, tiêu diệt Hạng Võ, nhất định sẽ thành công.

Lưu Bang nói :

- Kế này rất tuyệt, vậy hãy theo ý kiến của khanh mà tiến hành.

Trương Lương nói:

- Trần Bình là người hiểu rõ doanh trại của Sở, vậy kế này ngoài Trần Bình ra, không ai có thể tiến hành được.

Lưu Bang phấn khởi, sai người mở phủ khố lấy ra mấy vạn lạng vàng và vô số châu ngọc trao cho Trần Bình nhận lãnh, để tiến hành kế ly gián. Trần Bình nguyên là người ở trong hàng ngũ của Hạng Võ, do sau một thời gian dài thấy không được trọng dụng, lại biết tách Hạng Võ thường làm theo ý mình, chỉ sử dụng người thân, nên mới bỏ Hạng Võ chạy sang đầu hàng Lưu Bang. Trần Bình đã dùng số vàng và châu báu nói trên, đi mua chuộc quân Sở, để họ loan tin đồn nhảm khắp mọi nơi :

- Chung Ly Muội, Phạm Tăng đã bán mạng cho Hạng Vương, công lao hiển hách, thế mà vẫn không được cắt đất phong vương. Chính vì vậy mà số người này đang liên kết với quân Hán, để chung sức tiêu diệt Hạng Võ, được Lưu Bang cắt đất phong vương. Do số người đồn tin nhảm rất đông, nên chẳng mấy chốc tin này lọt vào tai Hạng Võ, khiến Hạng Võ đối với Chung Ly Muội, Phạm Tăng và những mưu sĩ chung quanh mình, tỏ ra không còn tín nhiệm như trước kia nữa.

Giữa lúc Hạng Vương bắt đầu có lòng nghi ngờ, thì nhân dịp Hạng Võ phái sứ giả đến doanh trại quân Hán, Trương Lương bèn nảy ra một mưu kế. Ông đem mưu kế này nói rõ cho Lưu Bang nghe, được Lưu Bang hết sức tán thưởng. Chờ khi sứ giả của Sở tới, Lưu Bang bèn sai người mang những món ăn làm từ tam sinh là bò, dê, heo, đội mâm trên đầu cung kính chuẩn bị để chiêu đãi sứ giả của quân Sở. Khi những sứ giả này tới gần số người mang thức ăn trên bồng buột miệng kêu lên :

- Ôi chao ! Chúng tôi đã chuẩn bị suốt cả buổi, nhưng nay các vị tới đây lại là sứ giả của Hạng Vương phái đến, chứ nào phải là sứ giả của Á Phụ như chúng tôi được nghe tin.

Nói dứt lời, những người này mang tất cả những thức ăn đó trở vào nhà bếp, và đổi lại một số thức ăn hết sức tồi tệ để chiêu đãi sứ giả của quân Sở.

Số sứ giả này sau khi làm xong công việc thì trở về doanh trại của quân Sở, đem chuyện mình bị làm nhục nói lại cho Hạng Vương nghe. Do vậy, Hạng Vương càng nghi ngờ hơn đối với Phạm Tăng, và dần dần không còn tín nhiệm Phạm Tăng nữa. Cho nên khi Phạm Tăng đề nghị nên chụp lấy cơ hội này đánh chiếm thành Huỳnh Dương, thì Hạng Vương do nghi kỵ Phạm Tăng, nên không nghe theo kế hoạch

của ông ta. Khi Phạm Tăng biết Hạng Vương có lòng nghi kỵ mình, không còn tin dùng mình nữa, thì vừa phần nộ, vừa đau lòng, bèn nói với Hạng Vương:

- Nói chung, đại cục trong thiên hạ đã định, vậy xin ngài hãy tự lo liệu. Nay tôi đã già rồi, xin ngài cho phép tôi cáo lão, trở về quê.

Hạng Vương đồng ý với một thái độ bạc bẽo. Phạm Tăng do tuổi đã cao, nên đi mới nửa đường thì do nhọc mệt và buồn khổ, sau lưng nổi lên một mục ghẻ độc, và đã chết trước khi trở về tới nhà. Năm đó ông đã bảy mươi bốn tuổi. Ít lâu sau, Chung Ly Muội cũng bị tước bớt binh quyền. Từ đó, bên cạnh Hạng Võ chẳng những không còn mưu thần, mà cũng không còn tướng giỏi. Hạng Võ chỉ dựa vào tính nóng nảy, nông cạn của mình để hành động, nên đã bị mắc mưu của đối phương liên tiếp, khiến tình thế ngày một tuột dốc. Rốt cuộc, mọi người đã quay lưng lại với Hạng Võ, khiến ông ta bị vây tại Cai Hạ, không ai tiếp ứng, đành phải tự sát. Đó là chuyện sau này.

Riêng quân Hán tuy có Trương Lương, Trần Bình hiền nhiều kế hay, giành được thắng lợi liên tục. Nhưng hoàn cảnh bị bao vây một cách khốn đốn vẫn chưa giải tỏa được. Thành Huỳnh Dương vẫn bị quân Sở bao vây kín mít, dù nước cũng không chảy lọt. Trong thành lương thực mỗi ngày một cạn, tướng sĩ mỗi ngày một mệt mỏi. Thấy vậy, Trương Lương bèn hiến kế, bảo Lưu Bang trá hàng, rồi nhân đêm tối ông mở cửa thành phía Đông cho hai nghìn phụ nữ đi ra dụ địch, còn bản thân mình và Lưu Bang, thì mở cửa thành phía Tây thoát đi.

Tháng mười năm 203 trước công nguyên, quân Sở dùng phục binh bắn trúng ngực Lưu Bang bị thương, nhưng Lưu Bang giả vờ ôm chân mình nói to :

- Quân địch bắn trúng ngón chân của tôi rồi !

Lưu Bang vừa la vừa lui vào hậu tướng. Trương Lương thấy vậy không khỏi khen ngợi sự lanh trí của Lưu Bang, vừa che mắt được quân Sở, lại vừa giấu kín việc bị thương của mình đối với quân Hán. Nhưng thương thế của Lưu Bang không phải nhẹ, ông nằm trên giường thực lâu mà không dậy nổi. Nếu một khi binh sĩ biết được, chắc chắn sẽ hoang mang. Trái lại, nếu để quân Sở biết tin, thì sĩ khí của quân Sở sẽ lên cao nguy. Suy nghĩ đến đây Trương Lương bèn đi gặp mặt Lưu Bang, khuyên ông nên cố gắng ngồi dậy, cưỡi ngựa đi kiểm duyệt quân đội, để trấn an binh sĩ của mình. Hạng Võ thấy Lưu Bang vẫn tiếp tục chỉ huy bình thường, thì không dám thừa cơ để mở cuộc đại tấn công.

Cuộc chiến giằng co kéo dài tại vùng Huỳnh Dương, Thành Cao mà Hạng Võ không hạ được thành Huỳnh Dương, nên đã nghe theo kế của Phạm Tăng, mang người cha, Lữ Trĩ, và hai đứa con của Lưu Bang ra trước chân thành Huỳnh Dương, rồi to tiếng kêu gọi lên đầu thành :

- Bớ thằng con nít Lưu Bang hãy nghe đây! Nếu nhà ngươi không chịu đầu hàng, thì trẫm sẽ nấu cha và vợ nhà ngươi đây !

Nói dứt lời, liền thấy mấy tướng sĩ của quân Sở xúm nhau bắc một chảo dầu to lên, rồi đốt lửa cho bùng cháy. Kế đó, lại thấy hai tên lính dẫn Thái Công và Lữ Trĩ ra trước trận tiền.

Lưu Bang nghe tin, cùng mọi người lên lầu thành xem qua, thấy thế không khỏi rơi lệ. Trương Lương vội vàng lên tiếng an ủi :

- Đại Vương đừng quá đau khổ. Đây là kẻ của Phạm Tăng, Thái Công không bao giờ bị đem nấu dầu mà sợ!

- Lưu Bang vội vàng hỏi lý do tại sao?

Trương Lương nói :

- Hạng Võ bí quá, nên muốn dùng cách này để ép chúng ta phải đầu hàng. Nếu kế này không thành mà chúng thật sự muốn đem nấu Thái công, thì trong quân Sở còn có Hạng Bá, chắc chắn sẽ đứng ra ngăn cản. Hơn nữa, đối với con người của Hạng Võ mà chúa công tỏ ra khiếp sợ, thì sẽ trúng kế hắn. Hắn được voi sẽ đòi tiên. Chúng ta phải tỏ ra thật cứng rắn, đừng để cho hắn nắm được chỗ nhược. Như vậy mới mong cứu được Thái công ra khỏi miệng cọp.

Nói dứt lời, Trương Lương lại kề miệng sát tai Lưu Bang nói nhỏ một hồi. Lưu Bang có vẻ bình tĩnh hơn, bèn to tiếng nói với Hạng Võ ở dưới chân thành :

- Bớ thằng con nít Hạng Võ nghe đây! Ta và nhà ngươi cùng phụng sự Nghĩa Đế, kết minh làm anh em. Vậy, cha ta cũng tức là cha ngươi, nếu ngươi muốn nấu cha ngươi thì trên tình cảm anh em, hãy cho ta một chén canh để uống !

Nói dứt lời, Lưu Bang quay lưng bỏ đi.

Hạng Võ nghe xong, tức tối nói:

- Hừ ? Nhà ngươi đúng là một tên tiểu nhân vô liêm sỉ, là một con người vong ơn phụ nghĩa. Bay đâu! Hãy ném Thái công và Lữ Trĩ vào chảo dầu cho ta !

Bốn tên lính cùng khiêng Thái công, Lữ Trĩ định ném vào chảo dầu. Quả nhiên không ngoài sự tiên liệu của Trương Lương, giữa lúc nghìn cân treo sợi tóc đó, Hạng Bá đã dũng dạc bước ra, to tiếng nói :

- Chậm đã ! - Hạng Bá quay sang Hạng Võ thì lễ nói tiếp - Bẩm Đại vương, không thể làm như vậy được!

- Há ? - Hạng Võ lộ sắc không vui, hỏi tiếp - Tại sao lại không được ?

Hạng Bá đáp:

- Bẩm Đại vương, Hán - Sở tương tranh không tương quan gì tới họ cả. Nay nếu đem nấu cha và vợ của Lưu Bang, thì mối thù giữa Hán Sở lại càng thêm sâu đậm, người trong thiên hạ sẽ chê cười Đại vương, bảo chúng ta là những người bất nhân bất nghĩa, bất trung bất hiếu. Hơn nữa, thần nghe nói Lưu Bang từ trước tới nay không hề quan tâm tới gia quyến của mình. Vừa rồi chẳng phải Đại vương đã nghe hắn nói đây sao ? Hắn còn đòi Đại vương cho hắn một chén canh để uống nữa đây! Đối với một con người như vậy, dù có giết cha, giết vợ của hắn cũng không bỏ ích gì, chỉ có hại là bản thân mình bị tiếng đời nguyên rửa mà thôi. Thần thấy chỉ bằng cứ giữ hai mạng sống của họ lại, để sau này còn dựa

vào đó uy hiệp Lưu Bang.

Hạng Vũ nghe xong cảm thấy cũng có lý. Đối với việc đem nấu cha và vợ của Lưu Bang, Hạng Vũ vốn không đồng tình, dù kể ấy có thành công chẳng nữa, Lưu Bang chịu quy hàng mình, thì khi chur hầu biết được một Tây Sở Bá Vương đường đường như thế này, lại không thể dùng vũ lực để chiến thắng, mà lại phải dùng cách đem nấu cha và vợ của người ta, để uy hiệp người ta phải đầu hàng. Như vậy, thì còn mặt mũi nào nữa ? Hạng Vũ bèn xuống lệnh :

- Hãy giải cha và vợ Lưu Bang trở về doanh trại, chờ ngày sau sẽ xử.

Trong khi Hán Vương Lưu Bang gặp bao nhiêu điều nguy khốn như vậy, thì Hàn Tín lại đang hết sức đắc ý vì lần lượt Hàn Tín đã chiếm được các vùng đất của Yên, Triệu và Đại. Sau đó, lại chiếm được cả đất của Tam Tề. Lúc bấy giờ Lưu Bang đang đóng quân tại Quảng Võ. Hàn Tín phái người đưa thơ đến Lưu Bang. Trong thơ đại khái nói : "Tề Quốc là một nước gian trá, lật lọng, lại ở sát nách nước Sở, vậy xin phong tôi làm Tề Giả Vương, để tiện thu phục nước Tề".

Lưu Bang xem qua bức thư, lửa giận trong lòng liền bốc lên, to tiếng mắng trước mặt người sứ giả:

- Ta bị vây khốn ở đây từ bấy lâu nay, trông sớm trông chiều mong nhà người đến đây tiếp cứu, thế mà nhà người lại ở đây đòi tự lập làm vương !

Lúc bấy giờ, Trương Lương cũng đang ngồi bên cạnh Lưu Bang. Ông tinh táo xét đoán, thấy việc Hàn Tín bỏ rơi hoặc ngã về ai, sẽ có tác dụng quyết định sự thắng bại của người đó trong cuộc chiến tranh Hán Sở. Nếu ông ta quy thuận Lưu Bang, thì Lưu Bang sẽ thắng lợi. Trái lại, nếu ông ta quy thuận Hạng Vũ, thì Hạng Vũ sẽ đánh bại Lưu Bang. Vậy nếu muốn chiến thắng Hạng Vũ thì phải lợi dụng Hàn Tín. Hơn nữa, Hàn Tín tự lập làm vương ở tận đất Tề xa xôi, Lưu Bang không thể can thiệp được, cơ bản là không có cách nào để ngăn ông ta cả. Là một nhà mưu lược chính trị, cần phải kịp thời ứng biến trước tình thế thay đổi nhanh chóng. Trương Lương nghe Lưu Bang to tiếng mắng, vội vàng lấy chân mình khều nhẹ chân của Lưu Bang, rồi khẽ tai nói nhỏ :

- Hán đang bị thất lợi, chả lẽ có thể chận không cho Hàn Tín xưng vương hay sao ? Chi bằng cứ thuận tiện lập ông ta làm vương, để ông ta tự giữ yên phần mình. Bằng không, e sẽ sinh bất trắc.

Lưu Bang cũng là người lạnh trí, giỏi ứng biến, nên cảm thấy lời nói của mình vừa rồi là bất lợi nên thay đổi ngay thái độ, to tiếng mắng tiếp :

- Người đại trượng phu sau khi đã bình định được chur hầu, thì phải lên làm Chân vương, chứ có đâu lại xin làm Giả vương ?

Lưu Bang gần đây vẫn thường mắng mọi người, nên việc to tiếng mắng của ông không có chi lạ. Nhất là câu mắng trước và câu mắng sau lại khớp ý với nhau một cách tài tình, không ai có thể nhận ra sơ hở.

Tháng hai năm đó, Lưu Bang sai Trương Lương cầm ấn tín đi sứ sang nước Tề, phong Hàn Tín làm Tề vương. Qua hành động có tình cảm thuận theo ý muốn của đối phương đó, quả nhiên đã giữ được Hàn

Tín tiếp tục đứng trong đội ngũ của mình, chuẩn bị về mặt tổ chức để sau này hợp sức đánh bại Hạng Võ.

Đối với kế hoạch thuận theo tình thế như trên, Tuân Duyệt thời Đông Hán đã có bài bình luận rất hay : "Lấy cái không phải của mình (chỉ đất Tề không phải là đất của Lưu Bang) để ban cho người khác, trên hành động chỉ là một ân huệ vu vơ, nhưng lại thu được cái phúc thực sự". Ý muốn nói, Lưu Bang dùng một vùng đất vốn không phải của mình để ban cho Hàn Tín, một hành động ban ơn mà không tổn hại gì tới mình cả. Nhưng về sau lại thu được những điều lợi ích thực sự cho mình.

Lúc bấy giờ, sau khi trải qua một thời gian giằng co lâu dài, tình thế chiến tranh giữa Sở và Hán đã dần dần có sự chuyển biến. Nếu so sánh về mặt thực lực thì mỗi lúc càng có lợi cho Lưu Bang hơn, trái lại, rất bất lợi cho Hạng Võ. Do vậy, Hạng Võ cũng cố gắng lôi kéo Hàn Tín. Ông ta phái Võ Thiệp đi ly gián mối quan hệ giữa Hàn Tín và Lưu Bang, khuyên Hàn Tín nên chia ba thiên hạ, xưng bá ở một phương. Hàn Tín không bằng lòng. Sau đó, mưu sĩ Khoái Triệt thấy Võ Thiệp không thuyết phục được Hàn Tín, cũng khuyên Hàn Tín nên tạo thành thế chân vạc, xưng vương một cõi, nhưng Hàn Tín khôn khéo từ chối. Điều đó cho thấy, tầm nhìn cao xa và xác thực của Trương Lương quả hơn người một bậc. Trong tình hình như vậy, nếu không giữ Hàn Tín đứng yên trong đội ngũ của mình, thì ưu thế của Hán quân sẽ không duy trì được và hậu quả của chiến tranh Sở-hán không biết sẽ kết cục ra sao.

Do Hàn Tín đã đứng vững chân tại Trung du sông Hoàng Hà, uy hiếp Hạng Võ từ đông bắc. Trong khi đó số người của Bành Việt lại tiếp tục quấy rối quân Sở ở phía nam, làm cho quân Sở bị yếu dần, và khiến Hạng Võ bốn bên thù địch. Thêm vào đó, Hạng Võ đang bị cô lập, không ai chi viện, lương thực lại khiếm khuyết, nên bắt buộc phải nghị hòa với Lưu Bang.

Đôi bên lấy Hồng Câu làm ranh giới để chia thiên hạ. Vùng đất phía tây Hồng Câu thuộc Hán, vùng đất phía đông Hồng Câu thuộc Sở.

Đến tháng chín, để biểu lộ sự chân thành trong việc hòa giải, Hạng Võ sau khi thả Thái Công và Lữ Hậu bị bắt trước đây, bèn rút quân trở về hướng đông.

Lưu Bang từ khi chống Tần trở lại đây, liên tục chiến đấu suốt mấy năm dài, vào sanh ra tử, mấy lần may mắn thoát nạn. Giờ đây thấy đã nghị hòa với Sở, nên cũng có ý định rút quân đi về phía Tây. Nhưng, Trương Lương lại cho rằng đây chính là một cơ hội tốt nhất để tiêu diệt Hạng Võ, giành lấy thiên hạ. Nếu hưu chiến giữa chừng, thì bao nhiêu công lao trước đây xem như bị phế bỏ. Ông chỉ rõ : hiện nay Lưu Bang đang chiếm quá nửa giang san, chư hầu khắp các nơi đều quy phục, nếu không thừa cơ hội này đánh mạnh thêm, để cho Hạng Võ có thời gian nghỉ ngơi, thì cũng giống như để cho cạp dưỡng sức, hậu hoạn rất to lớn. Lưu Bang tiếp nhận ý kiến của Trương Lương, thay đổi ý định, xé bỏ hòa ước, quay đầu ngựa trở lại tiếp tục tấn công về hướng đông.

Tháng mười năm 202 trước công nguyên, Lưu Bang truy kích Hạng Võ đến Cố Lăng (nay là địa phương nằm về phía nam Thái Khương, tỉnh Hà Nam). Trước đó, Lưu Bang đã hẹn với Hàn Tín và Bành Việt, cùng hội sư tại Cố Lăng để vây đánh Hạng Võ. Thế nhưng Hàn Tín, Bành Việt không tới nơi đúng kỳ hẹn. Quân Sở thừa cơ quân Hán tiến sâu một mình vào đất Sở, phản công mãnh liệt, khiến quân Hán bị đại bại. Lưu Bang đành phải đắp lũy cao để cố thủ, trong lòng hết sức nôn nóng.

Ông hỏi Trương Lương phải đối phó như thế nào ? Trương Lương phân tích nói :

- Hiện nay quân Sở sắp bị đánh bại, thế mà Hàn Tín và Bành Việt đều chưa được định rõ ranh giới đất phong của mình. Do vậy, tất nhiên là họ không đến để trợ chiến. Nếu ngài bằng lòng cùng chia thiên hạ với họ, thì họ sẽ kéo quân đến ngay. Hàn Tín mặc dù đã được phong làm Tề Vương, nhưng điều đó không phải là bản ý của Đại vương, cho nên tới nay Hàn Tín vẫn còn nghi ngại. Riêng Bành Việt vốn bình định được đất Lương, cần phải thụ phong, do khi Ngụy Vương Báo còn sống, ngài mới phong cho ông ấy chức Tướng Quốc thôi. Bây giờ Ngụy Vương Báo đã chết rồi, vậy Bành Việt cần phải được phong Vương, thế mà ngài vẫn chưa phong cho ông ta. Vậy xin ngài hãy lấy đất từ Trần (nay là Hoài Dương, tỉnh Hà Nam) chạy về phía đông cho tới Đông Hải, phong cho Hàn Tín. Và lấy đất ở phía Bắc Tuy Dương (nay là vùng phía nam Thương Khuru, tỉnh Hà Nam) chạy dài cho tới Cốc Thanh (nay là vùng đất phía đông A Nam, tỉnh Sơn Đông) phong cho Bành Việt. Quê hương của Hàn Tín ở tại đất Sở từ lâu ông ta đã muốn có được đất đai ở vùng quê hương của mình. Vậy, nếu Đại vương mang số đất đai đó phong cho họ, thì họ sẽ hài lòng, và sẽ kéo quân tới để trợ chiến ngay. Như vậy, thì việc đánh bại nước Sở sẽ rất dễ dàng.

Lưu Bang tiếp nhận kiến nghị của Trương Lương. Quả nhiên Hàn Tín, Bành Việt đều kéo quân tới để hội sư.

Tháng mười hai năm đó, quân Hán dưới sự chỉ huy của Hàn Tín, đã bao vây Hạng Võ tại Cai Hạ (nay là khu vực nằm về phía nam Linh Bích, tỉnh An Huy). Hạng Võ muốn phá vòng vây, nên đã phát động một cuộc phản kích tại Cai Hạ. Đích thân Hạng Võ chỉ huy tinh binh của mình, để chiến đấu mãnh liệt với quân Hán bao vây. Hàn Tín trá bại để kéo dài trận tuyến, rồi mới dùng kỵ binh đánh kẹp hai bên hông, tiêu diệt từng đoạn quân Sở, đánh bại cuộc phản kích phá bao vây của Hạng Võ. Trong lúc đánh nhau, cứ tối lại thì quân Hán cất tiếng hát những bài hát của nước Sở ở khắp bốn bên, làm Hạng Võ hết sức hoang mang. ông ta hốt hoảng hỏi:

- Quân Hán đã chiếm lĩnh kinh đô của nước Sở rồi sao ? Tại sao trong quân Hán có nhiều người hát những bài hát của nước Sở như vậy ?

Thực ra, đó chỉ là một cuộc chiến tranh tâm lý của Trương Lương, muốn dùng những bài hát này làm tan rã ý chí chiến đấu của quân Sở.

Hiện tượng “bốn bên đều hát” quả nhiên đã thu được hiệu quả to lớn. Quân Sở không còn ý chí chiến đấu nữa, ngay đến Hạng Võ cũng cảm thấy tâm trí bấn loạn, ngồi buồn uống rượu một mình. Cuối cùng, quân Sở đã bị tiêu diệt toàn bộ. Hạng Võ chỉ dẫn theo một ít binh sĩ thân tín, mở đường máu thoát ra khỏi vòng vây, nhưng vì cảm thấy không còn mặt mũi nào gặp lại phụ lão ở Giang Đông nữa, nên Hạng Võ đã tự sát bên bờ sông ô Giang. Cuộc chiến tranh Hán Sở kéo dài bốn năm, đã kết thúc qua sự thắng lợi của Lưu Bang.

Sau đó, Lưu Bang phong cho Tề Vương Hàn Tín làm Sở Vương, định đô tại Hạ phi. Phong Bành Việt làm Lương Vương, định đô tại Định Đào. Năm 202 trước công nguyên, Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, xây dựng triều đại nhà Hán.

6. Khuyến Việc Định Đô

Triều đình nhà Hán mới vừa được xây dựng, vậy việc định đô ở đâu, có tương quan đến vấn đề tồn vong, thịnh suy rất lớn. Thoạt tiên, Hán Cao Tổ Lưu Bang muốn định đô lâu dài tại Lạc Dương, nhưng quần thần đối với việc này có rất nhiều ý kiến khác nhau.

Tháng năm năm 202 trước công nguyên, người Tề là Lâu Kính trên đường đi đến đồn biên phòng tại Lũng Tày, có đi ngang Lạc Dương. Ông này vào yết kiến Cao Tổ, khuyên nên định đô tại Quan Trung. Lưu Bang đối với việc đó vẫn còn do dự, chưa quyết định, bèn vấn kế quần thần của mình.

Lúc bấy giờ các đại thần của Lưu Bang hầu hết là người lục quốc ở Sơn Đông, nên họ chủ trương định đô tại Lạc Dương. Lý do là : Lạc Dương phía đông có Thành Cao, phía tây có Hào Sơn, Mãnh Trì, sau lưng dựa sông Hoàng Hà, trước mặt có Doãn, Lạc. Chung quanh có núi sông bao bọc, địa hình hiểm trở.

Lâu Kính thì đứng về mặt chính trị kinh tế, quân sự và lịch sử để phân tích việc xây dựng kinh đô tại Quan Trung, là có những ưu thế khác. Ông nói : Thứ nhất về địa hình Quan Trung là nơi bốn bên đều hiểm trở, tiến có thể công, thoái có thể thủ. Thứ hai, Quan Trung có địa lợi, vì đất đai phì nhiêu, hệ thống sông ngòi kinh rạch có lợi cho việc sản xuất nông nghiệp. Thứ ba, đóng đô ở Quan Trung thì không lo ngại chi cả. Vì phía Tây, Tây Nam và Tây Bắc đều không có một thế lực chính trị nào thống nhất to mạnh. Thứ tư Quan Trung được nhân hòa, vì cuối đời nhà Tần, trong số các chư hầu thì Lưu Bang tiến vào quan ải trước tiên, "Ba chương ước pháp" cũng được thi hành tại đây trước, nên rất đắc nhân tâm. Thêm vào đó, một thời gian dài, nhà vua đã chiếm giữ vùng Ba, Thục, Hán Trung, hình thành thế lực tại Quan Tây, nên gốc rễ đã ăn sâu một cách vững chắc. Thứ năm, Quan Trung đã từng được các triều đại nhà Châu, nhà Tần xây dựng suốt mấy trăm năm, luôn luôn là trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng của khắp cả nước. Đến giai đoạn Hán Sở phân tranh, chiến tranh thường xảy ra trong vùng Huỳnh Dương và phụ cận, từng ảnh hưởng đến Lạc Dương, nhưng chưa bao giờ ảnh hưởng đến vùng đất Quan Trung, khiến nơi đây rất ít bị tàn phá.

Dựa vào những ưu thế nói trên, lại dựa vào những nơi hiểm yếu thiên nhiên như Hào Quan, Hàm Cốc Quan, là những nơi đã nắm yết hầu giao thông Đông Tây, vậy nếu định đô ở đây thì như Lâu Kính nói : "Ví như đánh nhau với người ta mà không nắm được cô họng, không đánh vào lưng, thì làm sao chiến thắng đối phương được. Nay bệ hạ tiến vào quan ải và xây dựng kinh đô tại vùng đất cũ của triều đại nhà Tần, thế chính là đã nắm yết hầu của thiên hạ rồi, sẽ không chế thiên hạ một cách vĩnh viễn và chắc chắn".

Trong số các quần thần, chỉ có Trương Lương là ủng hộ kiến nghị của Lâu Kính. Trương Lương trước tiên phản bác chủ trương xây dựng kinh đô tại Lạc Dương, vì ông cho rằng : "Lạc Dương mặc dù có Thành Cao, Hào Sơn, Mãnh Trì, Hoàng Hà, Lạc Thủy, là những nơi có địa hình hiểm yếu, nhưng Lạc Dương là nơi có vùng đất hẹp và nhỏ, diện tích không quá mấy trăm dặm, trong khi đất đai lại bạc màu, lại dễ bị thụ địch từ bốn mặt, không phải là đất dụng võ. Trong khi đó, Quan Trung phía trái có

Hàm Cốc Quan, Hào Sơn, phía phải có Lũng Sơn, Mân Sơn, chính giữa đất đai rộng rãi lại phì nhiêu, phía nam có vùng Ba Thục giàu có, phía Bắc có đồng cỏ tiện lợi cho việc chăn nuôi. Cả ba phía Tây, Bắc và Nam đều hiểm trở, dễ phòng thủ. Riêng phía Đông lại tiện lợi trong việc khống chế các chư hầu. Khi thiên hạ thái bình, có thể dùng hai dòng sông Hoàng Hà và Vị Thủy để chuyên chở vật tư trong cả nước, cung ứng cho Kinh Sư. Nếu chư hầu phản loạn, chiến tranh xảy ra khắp nơi, thì có thể xuôi dòng đi xuống, ra quân đánh bốn phương, lương hướng và vật tư cũng có thể vận chuyển cung cấp đều đều, đúng là, thành vàng ngàn dặm, nước riêng của trời".

Tư tưởng xây dựng kinh đô của Trương Lương cho thấy ông là một nhân tài mưu lược có lòng dạ rộng rãi, có tầm nhìn cao xa. Ông không như một số người khác xuất phát từ cảm tình cá nhân, từ tư lợi cá nhân, mà đứng trên tầm cao của toàn cục, nghĩ tới chuyện cai trị và giữ yên cho đất nước lâu dài. Trong thời cổ đại, điều đó thật là đáng quý.

Sau khi nghe Trương Lương phân tích, Lưu Bang cho là phải, nên đã "chọn ngày lên đường đến đóng đô tại Quan Trung".

7. Xin Phong Cho Ung Xi

Năm 201 trước công nguyên, Lưu Bang đại phong cho các công thần. Do Trương Lương chủ yếu là một mưu thần, không có chiến công, nên Lưu Bang để ông được quyền chọn ba vạn hộ tại nước Tề để làm phong ấp. Trương Lương vội vàng từ tạ, nói :

- Trước kia thần đứng lên tại Hạ Phi, và được gặp bệ hạ tại Lưu Thành, đó là ý trời đã giúp thần, trao thần cho bệ hạ. Về sau, bệ hạ tin nhiệm thần và đã dùng nhiều kế sách của thần, cho nên phong cho thần đất Lưu là thần đã hài lòng lắm rồi, có đâu còn đòi hỏi đến ba vạn hộ ?

Lưu Bang cố khuyên để phong ba vạn hộ cho Trương Lương, nhưng Trương Lương cương quyết từ chối không nhận. Cuối cùng Lưu Bang đành phải theo sự thỉnh cầu của Trương Lương, phong cho ông làm Lưu Hầu.

Lúc bấy giờ, Lưu Bang đã phong cho ngoài hai mươi đại công thần. Riêng những người khác thì ngày đêm tranh công, khiến Lưu Bang rất khó xử trí, và không có cách nào tiếp tục phong cho họ. Trương Lương thì trái lại, chẳng những không tranh công, mà còn từ chối đất phong cho mình không nhận, chứng tỏ ông là người có tiết tháo cao thượng, siêu thoát ra ngoài thế tục.

Một hôm, Lưu Bang đi trên một con đường phức đạo ở Nam Cung tại Lạc Dương, thấy các tướng lĩnh tùm năm tùm ba ngồi trên mặt cát, thì thầm nói nhỏ với nhau, bèn hỏi Trương Lương họ đang bàn việc gì.

Trương Lương làm ra vẻ ngạc nhiên, nói :

- Chẳng lẽ bệ hạ vẫn chưa biết hay sao ? Họ đang mưu phản đấy !

Lưu Bang kinh ngạc, hỏi :

- Hiện nay thiên hạ vừa mới thái bình, thế tại sao họ lại muốn mưu phản ?

Trương Lương đáp :

- Bệ hạ chẳng qua xuất thân từ một bá tánh bình thường, và những người đó đi theo bệ hạ để giành thiên hạ, chính là muốn được phong quan tấn tước. Nay bệ hạ đã trở thành thiên tử, số người được bệ hạ phong toàn là những bạn bè chí thân của bệ hạ, còn số người bị bệ hạ trị tội, thì toàn là những người thù cũ của bệ hạ. Giờ đây, nếu lấy hết cả thiên hạ ra để chia cho họ, cũng không đủ chia cho mỗi người một phần. Họ đang lo ngại mình không được phong thưởng, lại sợ bị phạm một lỗi lầm nào đó mà bị bệ hạ giết đi, cho nên họ tụ tập ở đây để bàn tán chuyện mưu phản.

Lưu Bang lo lắng, hỏi :

- Theo ý kiến của Khanh thì phải làm sao ?

Trương Lương hỏi lại Lưu Bang:

- Trong bình sinh, người bị bệ hạ ghét mà ai ai cũng biết đó là ai ?

Lưu Bang đáp :

- Ung Xi và ta vốn có mối oán ghét cũ, vì hắn từng phản bội ta, khiến ta khó xử. Ta vốn muốn giết hắn, nhưng niệm tình hắn có nhiều công lao, nên không nỡ làm như vậy.

Trương Lương nói:

- Nếu thế thì bệ hạ hãy nhanh chóng phong cho Ung Xi đi. Khi mọi người thấy một người như Ung Xi mà cũng được phong, thì tất nhiên họ sẽ an tâm cả.

Thế là Lưu Bang bèn mở tiệc, triệu tập quần thần đến, rồi phong Ung Xi làm Thập Phương Hầu trước mọi người. Kết quả đúng như Trương Lương tiên liệu. Sau khi tiệc tan, quần thần liền cùng nhau bàn tán : “Một người như Ung Xi mà cũng được phong hầu, thì chúng ta còn lo gì nữa”.

Một cuộc phong ba chính trị đã được Trương Lương dùng một kế nhỏ, là đã xóa tan một cách dễ dàng, và kết cục thì mọi người đều vui vẻ.

Sử gia Bắc Tống là Tư Mã Quang bình luận về chuyện này có nói : Trương Lương làm như vậy, đã giúp cho Lưu Bang tránh được một nguy cơ chính trị, do chỉ biết dùng người thân và chỉ ban thưởng theo tình cảm riêng tư gây ra, khiến quần thần đánh tan được lòng nghi kỵ. Nhà chính trị Bắc Tống là An Vương Thạch cũng có viết một bài thơ nói :

*Hán nghiệp tồn vong phủ ngưỡng trung,
Lưu Hầu ư thử mỗi thung dung.
Cố Lãng thủy nghị Hàn Bành địa,
Phức đạo phương đồ Ung Xi phong.*

Dịch:

Nhà Hán tồn vong phút chốc thôi,
Lưu Hầu thông thả góp công rồi.
Cố Lãng bàn đến Bành Hàn đất,
Phức đạo mưu phong Ung Xi thôi.

Trong bài thơ đã khẳng định tác dụng của Trương Lương trong quá trình đánh bại Hạng Võ, củng cố triều đình nhà Hán.

8. Rút Lui Khi Đã Thành Công

Sau khi xây dựng triều đình nhà Hán, thì cuộc đấu tranh giành quyền lợi trong nội bộ tập đoàn thống trị ngày càng gay gắt, quyết liệt. Trương Lương, một người có ngoại hình như phụ nữ, luôn bệnh hoạn, nhất là sau khi tiến vào quan ải thì sức khỏe của ông ngày một xuống, cho nên ông dứt khoát “gác bỏ chuyện công danh phú quý ngoài tai”. Ông đóng cửa không tiếp khách, ở yên mãi trong nhà không ra ngoài, lấy triết lý thanh cao để bảo vệ tấm thân và có một thái độ sẵn sàng rút lui khi sự nghiệp đã hoàn thành, suốt ngày sống yên bề di dưỡng thân thể, tu tiên học đạo.

Ông đã hợp tác với Lưu Bang nhiều năm, biết rõ Lưu Bang là người chỉ có thể cùng chia sẻ hoạn nạn, chứ không thể cùng hưởng phú quý vinh hoa. Ông thường nói với mọi người :

- Nhà tôi liên tiếp nhiều đời làm Tể tướng cho Hàn Quốc. Sau khi Hàn Quốc bị tiêu diệt, tôi đã bỏ ra nhiều vàng tiền và gia sản, để trả thù cho nước Hàn. Chuyện tôi hành thích Tần Vương đã làm chấn động thiên hạ, giờ đây tôi dựa vào ba tác lữ để phụ tá cho hoàng đế, được phong làm Vạn Hộ Hầu. Đối với một bá tánh bình thường mà nói, được thế đã là thành công to lớn rồi, cho nên Trương Lương tôi hoàn toàn mãn nguyện. Tôi bằng lòng buông bỏ mọi việc trong đời, để đi theo Xích Tùng Tử du lịch khắp thiên hạ.

Trương Lương mượn cơ theo Thần Đạo, có thể đây là một toan tính khôn khéo. Đối với việc này, đại sự gia đời nhà Tống là Tư Mã Quang đã có lời bình luận : “Trời sinh ra con người có sống có chết, cũng như trời có đêm có ngày, đó là một điều rất tự nhiên, không thể chống cự lại được. Tự cổ chí kim, chưa ai thoát ra khỏi quy luật đó để tồn tại một mình trên đời cả. Với tài ăn nói thấu tình đạt lý của Tử Phòng, tất nhiên biết chuyện thần tiên chỉ là chuyện mù mờ không có thực, nhưng ông lại bảo mình đi theo Xích Tùng Tử để du lịch khắp thiên hạ, cho thấy ông đúng là người thông minh, khôn khéo. Phải xem công danh như thế nào, chính là một vấn đề khó xử nhất của người làm bề tôi. Trong số tam kiệt được Hán Cao Tổ khen tặng, Hoài âm Hầu Hàn Tín bị giết, Thừa tướng Tiêu Hà bị tống giam vào ngục điều đó chẳng phải họ sau khi được công to mà không biết dừng bước đây sao ? ! Cho nên Tử Phòng lấy cơ đi theo thần tiên, rời bỏ nhân gian, sống một cuộc đời siêu thoát bên ngoài thế tục, xem công danh như là vật ngoài thân, chẳng màng chi tới vinh hoa phú quý, thì thực là người biết "lấy mình triết để bảo vệ tấm thân".

Năm 197 trước công nguyên, trong nội bộ hoàng thất thường xảy ra chuyện Thích Phu Nhân tranh giành sự sủng ái và muốn phế bỏ con trưởng để lập con mình lên ngôi vị hoàng tử. Trước đây, Lưu Bang đã lập Lữ Trĩ lên làm hoàng hậu và người con của Lữ Trĩ là Lưu Doanh lên làm Thái tử. Về sau, Lữ Hậu thường sống tại Trường An, còn Thích Phu Nhân thì luôn sống bên cạnh Lưu Bang, nên được Lưu Bang hết sức sủng ái. Thời gian kéo dài, Thích Phu Nhân thường khóc lóc với Lưu Bang, xin phế Lưu Doanh, để lập con riêng của mình là Triệu Vương Như ý lên làm thái tử. Trong khi đó, Lưu Bang đối với thái tử Lưu Doanh cũng tỏ ra không hài lòng, thường nói:

- Như ý giống ta, còn Lưu Doanh thì thiếu lòng nhân, không giống ta.

Cho nên Lưu Bang muốn phế bỏ Lưu Doanh để lập Như ý lên làm Thái tử. Cho dù nhiều đại thần đã cực lực khuyên ngăn, nhưng Lưu Bang vẫn không hề thay đổi ý định của mình.

Trong khi Lữ Hậu hết sức buồn rầu, không có biện pháp nào để giải quyết thì có người nói với bà, Trương Lương tức trí đa mưu, lại được sự tín nhiệm của hoàng đế, thế tại sao không đi thỉnh giáo nơi ông ấy xem ông ấy có biện pháp gì giúp cho. Lữ Hậu nghe qua mừng rỡ, bèn bảo người anh ruột là Kiến Thành Hầu Lữ Thích Chi đi tìm gặp Trương Lương.

Lúc bây giờ Trương Lương đang sống một cuộc đời sinh thoát ngoài thế tục, không muốn can dự vào chuyện của người khác, nhưng khổ nỗi đứng trước lời yêu cầu tha thiết của Lữ Thích Chi, ông đành phải tiếp kiến ông ta.

Lữ Thích Chi nói với Trương Lương :

- Ngài là mưu thần của bệ hạ, giờ đây bệ hạ muốn phế bỏ Thái tử, vậy ngài đâu thể ngó lơ cho được ?

Trương Lương nói :

- Trong khi tôi cùng bệ hạ lo việc tranh giành thiên hạ, thường sống trong những hoàn cảnh khôn đốn, cho nên những lời tôi nói bệ hạ mới chịu nghe. Còn bây giờ thiên hạ đã thái bình rồi, bệ hạ giải quyết mọi việc từ lòng ân ái riêng tư, muốn lập Thái tử khác, đó là chuyện riêng trong tình cốt nhục của người, cho dù có một trăm Trương Lương đi nữa, cũng không làm gì được.

Lữ Thích Chi ngồi im không chịu đi, nhất định yêu cầu Trương Lương nghĩ cho một biện pháp. Trương Lương thấy không thể thoái thác, bèn nói :

- Đối với chuyện này, dùng lời lẽ để thuyết phục không bao giờ thành công đâu. Hiện nay có bốn cụ già rất được hoàng thượng tôn trọng, nhưng vì hoàng thượng đối với mọi người thường ngạo mạn, thất lễ, cho nên họ thà là ẩn cư vào núi sâu, chứ không bằng lòng góp sức với triều đình. Hoàng thượng luôn luôn tôn trọng bốn người này, vậy nếu Thái tử Lưu Doanh có thể tìm cách mời họ đến làm môn khách cho mình, và thường dẫn họ ra vào triều đình, cố ý để cho hoàng thượng trông thấy họ đang phụ tá cho Thái tử, thì địa vị của Thái tử tất nhiên sẽ được củng cố.

Lữ Hậu nghe theo lời dạy của Trương Lương, phái người mang bức thư do chính Thái tử viết, kèm theo lễ vật trọng hậu để đón bốn cụ già nói trên vào triều đình.

Năm 196 trước công nguyên, Kinh Bô mưu phản. Lúc bấy giờ Lưu Bang đang bệnh, nên dự định sai Thái tử Lưu Doanh dẫn quân đội đi dẹp loạn. Bốn cụ già này nhận ra dụng ý chân thật của Lưu Bang, bèn nói với Lữ Thích Chi :

- Để Thái tử chỉ huy quân đội đi dẹp loạn, cho dù có thắng đi nữa thì địa vị cũng không thể cao hơn ngôi vị Thái tử. Trái lại, nếu không lập được chiến công mà trở về, thì sẽ gặp tai họa và mất đi ngôi vị Thái tử ngay. Đó là chưa nói cùng đi xuất chinh với Thái tử, còn có một số tướng lĩnh khác. Họ đều là những mãnh tướng từng theo hoàng đế đi bình định thiên hạ. Giờ đây thấy Thái tử chỉ huy họ, cũng

giống như một con cừu non ngoan ngoãn, đi chỉ huy một bầy sói thì chắc chắn họ sẽ không bao giờ dốc hết sức mình ra để làm việc cho Thái tử đâu. Do vậy, chắc chắn Thái tử sẽ khó lập được chiến công.

Bốn cụ già bèn kiến nghị với Lữ Hậu, nên mau tìm gặp Lưu Bang, khóc lóc xin xỏ, bảo nếu để Thái tử chỉ huy quân đội đi dẹp loạn, Kinh Bó biết được sẽ không bao giờ sợ và sẽ tiếp tục đánh về phía Tây. Tuy hoàng thượng đang bệnh, nhưng nếu ngự giá thân chinh, thì các tướng lĩnh sẽ không bao giờ dám chệnh mảng cả.

Lữ Hậu quả nhiên đi tìm gặp Lưu Bang. Lưu Bang nghe qua, tỏ vẻ không vui, nói :

- Ta đã sớm biết thằng bé đó sẽ không làm trọn trách nhiệm được, vậy vẫn phải để cha nó xuất chinh thôi ?

Khi Lưu Bang chỉ huy quân đội lên đường, quần thần đều đến Bá Thượng để tiễn hành. Trương Lương tuy bệnh nhưng cũng cố gắng tới nơi. ông nói với Lưu Bang :

- Thân đáng lý phải đi theo bệ hạ để xuất chinh, nhưng khổ nỗi đang bệnh quá nặng, nên không thể đi được. Người Sở rất hung tợn, vậy xin hoàng thượng đừng tranh phong với họ làm gì.

Trương Lương còn kiến nghị, nên để Thái tử Lưu Doanh làm Tướng quân, để giám hộ tình hình quân đội tại Quan Trung. Lưu Bang đồng ý, cử Trương Lương làm phụ tá cho Thái tử. Lúc bấy giờ Thúc Tôn Thông, đang giữ chức Thái tử Thái Phó, Trương Lương được cử làm Thái tử Thiếu Phó.

Trước khi Lưu Bang lên đường xuất chinh, từng triệu tập các tướng lĩnh lại để bàn bạc. Đặng Công Hạ Hầu Anh đã tiến cử Tiết Công nguyên là Lệnh Doãn của nước Sở, hiến kế cho Lưu Bang. Tiết Công nói với Lưu Bang:

- Kinh Bó đứng lên tạo phản có thể áp dụng ba kế, tức thượng kế, trung kế và hạ kế. Nếu hấn chiếm lấy nước Ngô ở phía đông, nước Sở ở phía Tây, rồi lại chiếm lấy Tề và Lỗ, uy hiếp Yên và Triệu, khiến các chư hầu ở Sơn Đông đều phản đối nhà Hán, thì đó là thượng kế. Nếu hấn lấy nước Ngô ở phía Đông nước Sở ở phía tây, rồi đánh thốc về phía tây để chiếm đất đai của nước Hàn và nước Ngụy cũ, chiếm Ngao Thương là nơi có nhiều lương thực, chặn mất cửa ải nơi Thành Cao, thì đó là trung kế. Nếu hấn lấy Ngô ở phía đông, rồi liên minh với Nam Việt, tiếp cận với Trường Sa ở phía Nam, thì đó là hạ sách.

Tiết Công còn phân tách cho Lưu Bang nghe :

- Nếu Kinh Bó sử dụng thượng kế thì thiên hạ sẽ đại loạn. Nếu sử dụng trung kế, thì thắng bại chưa biết ngã về ai. Nếu sử dụng hạ kế thì hấn sẽ nhanh chóng thất bại. Kinh Bó là người hữu dũng vô mưu, chắc chắn sẽ áp dụng hạ kế. Vậy xin bệ hạ lập tức xua quân thân chinh ngay để ngăn chặn Kinh Bó thi hành thượng và trung kế.

Lưu Bang nghe theo lời khuyên của Tiết Công, cử binh lên đường thân chinh, khí thế rất hào hùng.

Lưu Bang và Kinh Bó hội chiến tại đất Thù. Hai quân xây lũy chong mặt nhau. Chủ soái đôi bên

khóac khôi giáp, lên ngựa ra ứng chiến. Lưu Bang và Kinh Bô đã đối thoại trước mặt trận. Lưu Bang to tiếng trách mắng:

- Ta phong cho người làm Hoài Nam Vương, thế tại sao người lại tạo phản ?

Kinh Bô đáp một cách trắng trợn:

- Tôi cũng muốn làm hoàng đế kia mà!

Kinh Bô là bề tôi đứng lên tạo phản, trả lời như vậy chẳng những không cổ xúy được sĩ khí của mình, mà còn khiến cho quân Hán phẫn nộ. Lưu Bang một mặt trách mắng, một mặt chỉ huy tấn công. Cho dù Kinh Bô đã dốc hết sức để chống trả, nhưng cuối cùng vẫn bị thất bại.

Quả nhiên, mọi việc diễn ra không ngoài sự tiên liệu của Tiết Công. Kinh Bô dẫn hơn một trăm ngàn quân chạy hướng Trường Sa. Trường Sa Vương Ngô Thần nguyên là nội huynh của Kinh Bô, cho nên Kinh Bô muốn chạy về đây để nương nhờ. Nhưng rốt cục bị Trường Sa Vương phái người bí mật đón đường giết chết. Một đời danh tướng như Kinh Bô, thế mà lại bị chết vô nghĩa như vậy.

Sau khi Lưu Bang bình định được Kinh Bô trở thì bệnh tình càng thêm nặng, nên muốn phế lập Thái tử ngay. Trương Lương khuyên ngăn nhưng Lưu Bang không nghe. Trương Lương bèn lấy có bệnh, không đề cập tới vấn đề đó nữa. Thái Phó Thúc Tôn Thông dùng những kinh nghiệm thời xưa để khuyên Lưu Bang. Ông nói : Nước Tần vì phế lập Thái tử đã gây ra cuộc nội loạn kéo dài mấy mươi năm, khiến thiên hạ đều chê cười. Rồi lại lấy việc Tần Thủy Hoàng không lập Thái tử trước, kết cục bị Triệu Cao soán đoạt quyền hành, giả mạo chiếu thư để lập Hồ Hợi lên nối ngôi, khiến cho nước Tần bị diệt vong. Lưu Bang thấy quần thần đã mấy lần cực lực khuyên ngăn việc này, biết họ không muốn thay đổi Thái tử, đưa Triệu Vương Như ý lên, nên đành nói với Thúc Tôn Thông :

- Được rồi ! Ta chẳng qua là nói đùa thế thôi, chứ làm sao có thể thay đổi Thái tử được.

Dù ngoài miệng nói thế, nhưng trong lòng Lưu Bang vẫn chưa dẹp bỏ hẳn ý định phế lập Thái tử.

Có lần trong một buổi tiệc, Thái tử Lưu Doanh đứng bên cạnh để hầu, bốn lão già đi theo sát Thái tử. Tất cả họ đều tuổi trên tám mươi, râu tóc bạc phơ, áo mũ chỉnh tề. Lưu Bang thấy vậy lấy làm lạ, hỏi qua mới biết họ chính là Đông Viên Công, Giáp Lý tiên sinh, Khởi Lý Quý và Hạ Hoàng Công. Lưu Bang không khỏi giật mình, hỏi :

- Ta cho gọi các người, thế mà các người vẫn không đến, còn tìm nơi trốn lánh ta. Hiện nay tại sao các người lại bằng lòng đi theo con ta như thế ?

Bốn lão già đồng thanh nói :

- Hoàng thượng lúc nào cũng xem khinh nho sinh, cứ mở miệng ra là mắng. Chúng tôi không muốn bị làm nhục, cho nên mới tìm chỗ xa để lánh mặt. Nay nghe nói Thái tử là người nhân hiếu, biết kính trọng bậc hiền tài, đối xử tốt với nho sinh, nên trong thiên hạ tất cả mọi người không ai là không muốn góp sức cùng Thái tử. Chính vì vậy mà chúng tôi tự nguyện đến đây.

Lưu Bang thấy Thái tử đã có vây cánh, cho dù muốn thay Triệu Vương Như ý lên làm Thái tử, e rằng sau khi mình chết thì Triệu Vương cũng không thể đứng vững chân được. Do vậy, Lưu Bang mới dứt khoát từ bỏ ý định phế lập Thái tử.

Trong cuộc đấu tranh nội bộ của giai cấp thống trị nói trên, đã từng làm rung động cả triều đình lẫn ngoài dân gian, nhưng nhờ có sự tính toán của Trương Lương, nên rốt cục Lữ Hậu và Thái tử Lưu Doanh đã giành được chiến thắng. Qua đó, triều đình nhà Hán tránh được một sự động loạn về chính trị có thể xảy ra, và củng cố sự thống trị của triều đình, về mặt khách quan có lợi cho sự ổn định thời cuộc lúc bấy giờ.

Tháng tư năm 195 trước công nguyên (nhà Hán năm thứ 2), Lưu Bang giá băng tại Trường Lạc Cung. Thái tử Lưu Doanh lên nối ngôi. Đến năm 189 trước công nguyên (Huệ Đế năm thứ 6), Trương Lương qua đời được ban thụy hiệu là Văn Thành Hầu, mai táng tại Hoàng Thạch Cương dưới chân núi Cốc Thành.

Theo sách sử ghi chép, thì Trương Lương có lúc đi theo Hàn Tín, tiến hành việc chỉnh lý và biên soạn tất cả các loại sách binh thư đang lưu truyền dưới triều nhà Hán. Năm Khai Nguyên nguyên niên triều nhà Đường, đã cho xây miếu, thờ Thái Công Thượng Phụ, và trong miếu có bàn thờ phụ bên cạnh của Lưu Hầu Trương Lương. Dưới triều vua Túc Tông nhà Đường đã truy tặng thụy hiệu cho Khương Thái Công là Võ Thành Vương, đồng thời tuyển chọn mười võ tướng tài ba qua các triều đại để thờ, gọi là “Thập Triệt”, trong đó Trương Lương là một.

Nhìn xuyên suốt cuộc đời của Trương Lương, nhận thấy ông sở dĩ thành người phò tá tốt mà nghìn năm còn khen tặng, được hậu thế xem là một mưu thần lỗi lạc chẳng những do ông có thể ngồi trong triều đình tính toán mưu lược để quyết định mọi sự thắng lợi ở ngoài nghìn dặm xa, giúp Lưu Bang xây dựng nên vương triều Tây Hán, mà còn do ông có thể tùy thời thế mà có những quyết định thích hợp, biết tiến lên cũng như biết dừng lại đúng lúc, cuối cùng hoàn thành được sự nghiệp đúng như tiên liệu. Nhất là ông có thể bảo tồn được thân mình trong thời đại phong kiến đầy rẫy những bi kịch. Nói tóm một câu, thì ông chính là người được "công thành danh toại".

Trong số các mưu thần của thời Tần Hán thì Trương Lương là người có sự suy tư thâm trầm hơn Trần Bình, tích cực và thiết thực hơn Khoái Triệt, lòng dạ khoáng đạt hơn Phạm Tăng. Trương Lương Tiêu Hà và Hàn Tín được gọi là tam kiệt đầu nhà Hán, nhưng ông không bị sự tủ nhục như Tiêu Hà từng bị tống giam vào ngục, và cũng không kết thúc cuộc đời “thở chết làm thịt chó săn” như Hàn Tín. Ông đúng là một người có phong độ của một bậc đại gia, và có thể nói ông là hóa thân của trí tuệ.

VIII. Quách Gia - Một Mưu Lược Gia Không Bao Giờ Tính Toán Sai

Một đêm vào cuối năm 208 sau công nguyên. Tại Nam Quận.

Một bữa tiệc có ngụ ý đặc biệt đang diễn ra.

Lúc bấy giờ, người chủ buổi tiệc này chính là Tào Tháo, một nhân vật khét tiếng đời Tam quốc, chừng như đang quá say. Phải chăng là buổi tiệc sắp tàn ? Hay là tử lượng của Tào Tháo có giới hạn ? Câu trả lời đều là không phải.

Thì ra, vào mùa thu này, Tào Tháo đích thân xua đại quân tiến xuống phía Nam, chiếm được Kinh Châu, đánh bại Lưu Bị, nhất nhất đều thuận lợi cả. Ông định ning sẽ nuốt chửng được Giang Hán, hoàn thành sự nghiệp thống nhất to tát của mình, để từ đó tên tuổi được ghi vào sử xanh, tiếng thơm lưu lại muôn đời. Không ngờ qua trận đánh Xích Bích, toàn quân đã bị thảm bại, vớt cả khôi giáp. Trước tiên là một trận hỏa công, sau đó là một trận mưa dầm, làm cho đại quân của Tào A Man tan thành mây khói, chiến bại liên tiếp. Giờ đây, ông đang dẫn tàn binh bại tướng vừa về tới Nam Quận. Tào Nhân liền tổ chức một buổi tiệc rượy cho ông. Như vậy, không làm cho ông cảm cảnh sinh tình sao được ?

Mượy rượy giải sầu sầu thêm sầu!

Giờ đây, Tào Tháo cảm thấy vô cùng đau đớn, dù có hồi hận cũng không còn kịp nữa. Vậy nào còn hứng thú gì để gởi gắm tình cảm vào ly rượy nồng ?

Trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa" hồi thứ năm mươi viết như thế này : "Sau khi thoát khỏi tai họa nơi Hoa Dung Đạo, đi tới Cốc Khẩu, nhìn lại thấy quân binh đi theo mình chỉ còn có hai mươi bảy kỵ binh. Lúc bấy giờ trời đã tối và đã gần đến Nam Quận... Thế là ông bèn dẫn mọi người vào Nam Quận để nghỉ ngơi... Tháo điếm binh tướng, thấy người bị thương rất nhiều, bèn ra lệnh cho các tướng nghỉ ngơi. Tào Nhân bày tiệc rượy để cho Tào Tháo giải sầu. Các mưu sĩ đều có mặt". Chính vì vậy nên mới có cảnh tượng như đã nói trên. Tháo cảm thấy tâm trạng buồn bã, hết sức đau khổ...

"Tào bồng ngựa mặt lên trời khóc to. Các mưu sĩ hỏi : Sau khi Thừa tướng từ hang cọp thoát ra, chẳng hề có vẻ chi khiếp sợ. Nay đang ngồi trong thành, người đã có ăn, ngựa đã có cỏ, đang lo việc tu chỉnh binh mã để phục thù, vậy có gì lại khóc ? Tào Tháo đáp : Ta khóc Phụng Hiếu đây ! Nếu Phụng Hiếu còn, chắc chắn ta không bao giờ bị thất bại như thế này cả. Nói dứt lời, Tào Tháo đấm ngực mình, khóc rống lên, nói tiếp : Buồn thay Phụng Hiếu! Đau thay Phụng Hiếu ! Tiếc thay Phụng Hiếu ! Các mưu sĩ đều im lặng, tự cảm thấy xấu hổ... "

Thế thì, Quách Phụng Hiếu đó là ai ? Ông có chỗ nào hơn người ? Có thể làm cho Tào Tháo, một nhân vật "kiệt xuất siêu phàm" lại phải nhớ mãi không quên. Thậm chí, sau trận thảm bại tại Xích Bích, Tháo vẫn thương tiếc không nguôi ? Đọc qua những trang sau, bạn đọc có lẽ sẽ hiểu được một phần nào...

1. Bỏ Viên Đầu Tào

Quách Gia (170 - 207), tự Phụng Hiếu, người Dương Dịch, Dĩnh Xuyên (nay là Ngụ Huyện, tỉnh Hà Nam).

Quách Gia sinh vào cuối thời Đông Hán, trong thiên hạ đang xáo trộn không yên, ngoại thích và hoạn quan nối tiếp nhau chuyên quyền, khiến việc triều chính đen tối, hủ bại. Năm công nguyên 184, xảy ra cuộc khởi nghĩa Huỳnh Cân có thanh thế rất to lớn. Từ đó trở đi, dù vương triều đông Hán dốc hết sức ra trấn áp những cuộc khởi nghĩa của nông dân, nhưng kỳ thực thì triều đại này trên danh nghĩa thì còn tồn tại mà thực chất là đã mất rồi. Vì nhanh chóng sau đó, cường hào ở các địa phương cũng như các châu mục, quận thú, đều cử binh nổi dậy, tình trạng quân phiệt cát cứ, đánh lẫn nhau diễn ra liên miên bất tận.

Quách Gia thời tuổi trẻ đã có chí lớn, có kiến thức cao xa, khi tình hình loạn lạc khắp thiên hạ, ông đóng cửa khổ học, và đã học được nhiều kiến thức về chính trị, quân sự và lịch sử, từ đó ông hình thành được những kiến giải chính trị độc đáo của riêng mình. Năm khoảng hai mươi tuổi, chính là lúc xảy ra những cuộc loạn lạc khắp cả trong thiên hạ, ông mai danh ẩn tích chưa bộc lộ tài năng của mình. Nhưng về chỗ riêng tư, ông đã chú ý kết giao với những bậc anh hùng hào kiệt, dù bình nhật ông không hề giao du với những người thế tục ở ngoài đời, bình tĩnh chờ đợi những sự thay đổi của tình thế. Do vậy, người lúc bấy giờ vẫn chưa biết tài năng của ông, mà chỉ có những kẻ sĩ quen thân và cùng chí thú với ông, mới tỏ ra hết sức tán thưởng tài hoa của ông mà thôi.

Công nguyên năm 189, thủ đô Lạc Dương lại xảy ra một sự cố kinh thiên động địa. Đại tướng Quân Hà Tiến với tư cách là người phụ trách, định giết sạch bọn hoạn quan chuyên quyền trong triều đình, không ngờ cơ mưu bị bại lộ. Bọn hoạn quan ra tay trước, giết chết Hà Tiến khi ông này chưa kịp khởi sự. Kế đó, viên Châu Mục Tỉnh Châu là Đồng Trác, lại mang binh tiến vào kinh thành để chuyên chế việc triều chính, uy hiếp các đại thần. Đồng Trác còn sâu độc giết chết Thái hậu, tự đứng ra tiến hành mọi việc phế lập. Năm sau, các Châu mục và Quận thú của vùng Quan Đông, đua nhau khởi binh và tôn Viên Thiệu lên làm Minh Chủ, xua quân thảo phạt Đồng Trác.

Đại khái vào giai đoạn này, Quách Gia muốn khẳng định tài năng phi thường của mình để thực hiện những hoài bão to tát, quyết định rời khỏi gia đình, dấn thân vào một thế giới đang hỗn loạn, nhiễu nhương, để tìm một vị minh chủ, xây dựng sự nghiệp cho bản thân mình. Do lúc đó Đồng Trác đang làm loạn, nên Quách Gia muốn nhân cơ hội này đóng góp công lao vào sự nghiệp chung.

Giữa lúc binh mã ở Quan Đông nổi dậy, thì thanh thế của Minh chủ Viên Thiệu rất to lớn. Nhà họ Viên bốn đời giữ chức Tam Công, môn sinh và quan lại dưới tay cũng có mặt trong khắp thiên hạ. Bản thân Viên Thiệu cũng có tham vọng muốn tranh giành thiên hạ với mọi người, nên sau khi khởi binh, từng hỏi bộ hạ :

- Phụ giúp họ Viên ư ? Hay là phụ giúp cho họ Đồng ?

Trước sự tấn công mãnh liệt của quân Quan Đông, Đông Trác quyết định dời đô về Trường An. Mấy triệu nhân khẩu ở vùng Lạc Dương cũng bị cưỡng ép phải dời đi. Dưới sự xua đuổi của bộ binh và kỵ binh, bá tánh đua nhau bỏ chạy. Do giày xéo lên nhau, hoặc do đói khát, bị cướp bóc, khiến cho số nạn nhân này nằm chết đầy đường. Cung điện, miếu mạo, quan thự, suốt một phạm vi hai trăm dặm, không còn thấy nhà cửa chi nữa.

Việc hưng binh của các cường hào ở vùng Quan Đông, tuy lấy khẩu hiệu trừ gian cứu nước. Nhưng sau khi Đông Trác dời đô về phía Tây, thì binh mã của các cường hào Quan Đông lại không tiến về phía Tây để lo việc cần vương, mà trái lại chém giết lẫn nhau hoặc tàn sát bá tánh, cướp của dân lành. Năm công nguyên 192, Đông Trác bị Vương Doãn và Lữ Bố hợp mưu, giết chết. Bộ tướng của Đông Trác là Lý Giác, Quách Phiếm, Phàn Trụ, Trương Tế, kéo quân đánh vào Trường An, đại chiến với Tam Phụ, giết Vương Doãn và bá tánh ở Trường An hơn một vạn người. Lữ Bố bị bại, bỏ chạy ra khỏi quan ải. Về sau, Quách Phiếm và Lý Giác đều bị bộ hạ của họ giết chết. Thế lực của quân phiệt tại Lương Châu cơ bản đã bị tiêu diệt.

Chỉ trong vòng ít năm sau, đã nhanh chóng hình thành các tập đoàn cát cứ tương đối lớn, trong số đó có Viên Thiệu, Tào Tháo, Công Tôn Toản, Lưu Biểu, Lưu Chương, Viên Thuật, Tôn Sách là những người có thế lực to lớn nhất. Như vậy, muốn thực hiện ý chí hào hùng của mình, Quách Gia chỉ có thể chọn chừa cho mình trong số những người đó.

Trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa", đã miêu tả sự xuất hiện của Quách Gia ở hồi thứ mười. Phần này nói đến Tào Tháo đang ra sức thu gom những bậc hiền tài. Tuân Vực tiến cử Trình Dục lên cho Tào Tháo. Trình Dục bèn nói với Tuân Vực :

- Mỗ là người tài năng kém cỏi, không đáng kể cho ngài tiến cử. Một vị đồng hương với ngài họ Quách tên Gia, tự Phụng Hiếu, chính là một hiền sĩ hiện nay, vậy tại sao không giới thiệu ông ấy?

Tuân Vực chợt nhớ ra, nói :

- Suýt nữa tôi đã quên mất!

Sau đó, Tuân Vực trình lên cho Tào Tháo, mời Quách Gia đến Côn Châu để cùng bàn bạc việc lớn trong thiên hạ. Thật ra, đoạn miêu tả này không hoàn toàn đúng với sự thật lịch sử. Sau khi quân Quan Đông ly tán, Viên Thiệu trước tiên đoạt lấy Kỳ Châu và ra sức thu gom nhân tài ở các địa phương. Quách Gia nghe Viên Thiệu là người dùng lễ để đối đãi với người hiền tài, hơn nữa, thanh thế của Viên Thiệu lúc bấy giờ đang nổi bật, ai ai cũng nghe danh. Do vậy, Quách Gia bèn tìm tới để xin gia nhập đội ngũ của Viên Thiệu, hy vọng dựa vào Viên Thiệu để thi triển tài năng của mình. Thế nhưng, bản thân của Viên Thiệu bề ngoài xem ra như rất phóng khoáng, nhưng kỳ thực thì lòng dạ lại đa nghi, yêu người có hiền tài nhưng lại không thể dùng được. Cho nên Quách Gia không được Viên Thiệu trọng dụng.

Sau một thời gian quan sát, Quách Gia nhận thấy Viên Thiệu tuy bề ngoài có thanh thế rất to, nhưng lại có rất nhiều nhược điểm cũng không kém phần quan trọng. Lúc bấy giờ hai người đồng hương của Quách Gia là Tân Bình, Quách Đồ cũng đang phục vụ dưới trướng của Viên Thiệu. Quách Gia nói với họ :

- Kẻ sĩ có trí mưu, việc quan trọng nhất là phải chọn lựa mình chúa. Chỉ có như vậy, mình mới có thể thi triển được chí hướng, lập được công danh. Hiện nay Viên Công chỉ muốn học cách chiêu hiền đãi sĩ như Châu Công thuở trước, nhưng lại hoàn toàn không biết cái lẽ sử dụng con người. Ông ấy chỉ thu gom nhân tài nhưng lại không biết trọng thị nhân tài. Đứng trước mọi công việc, ông ấy thích nghe những mưu lược nhưng lại không thể quyết đoán. Vậy muốn góp sức với ông ấy để cứu thiên hạ ra khỏi cảnh nguy nan, xây dựng bá nghiệp, thì thực khó khăn biết bao nhiêu.

Thế là Quách Gia đã mạnh dạn rời khỏi doanh trại của Viên Thiệu, để đi tìm một vị minh chủ khác.

Dưới điều kiện lúc bấy giờ, một thư sinh, một văn nhân mưu sĩ như Quách Gia, tuy có tài năng hơn người, nhưng trong tay lại không có một tấc đất, một tên lính. Ông chỉ có thể dựa vào những nhân vật có thực lực có địa vị chính trị, thì mới phát huy được tài hoa của mình. Điều đó cũng giống như loại dây leo, không tự đứng thẳng lên được, mà phải bò theo thân cây to mới có thể vượt được lên cao. Có người ví những phần tử trí thức như là một con ong, mà ong thì phải bám vào một tấm da. Tấm da thời phong kiến cát cứ, mặc dù có thể phân biệt tốt xấu qua tiêu chuẩn nhân nghĩa đạo đức, nhưng tiêu chuẩn đó lại có sự co giãn khá to, lại thường được chung diện trang trí bề ngoài.

Cho nên, một phần tử trí thức nên ngã về tập đoàn nào ? Nên theo cá nhân nào ? Nên chọn lựa "tấm da" nào ? Rất nhiều tình huống mà thường thường bản thân mình không thể chủ động được, chỉ phải nghe theo sự sắp xếp của số mạng.

Nhưng cái "thường thường" đó, lại không phải là tuyệt đối.

Ngoài số mệnh ra, còn phải xem sự nỗ lực của cá nhân ra sao. Do vậy, những giới mưu sĩ thông minh, phải giỏi chọn lựa đối tượng để phụ tá. Tục ngữ thường nói "Chim khôn chọn nhánh mà đậu". Đó là điều kiện tiên quyết để quyết định cho sự thành công của mình. Quách Gia từng nói :

- Phàm người trí giả, phải biết nhận xét và chọn lựa mình chúa. Nếu vị chúa đó là người u mê, nhu nhược, khó tạo dựng, như Hậu Chủ Lưu Thiện, thì cho dù người phụ tá có là bậc siêu nhân, đầy đủ trí tuệ tài năng đi nữa, e rằng cũng phí uổng công sức mà thôi. Thậm chí, còn do chủ nhân của mình bị thất bại, mà mình phải chịu chung số phận thiệt thân. Như Trần Cung từng phụ tá cho Lữ Bố, Điền Phong từng đi theo Viên Thiệu, đều là những người như thế cả. Chỉ có những người mình phụ tá là bậc võ dũng thông minh, thì người mưu sĩ mới có thể phát huy được tài năng của mình, mới có thể lập nên một số sự nghiệp lớn lao. Như sau này Châu Do đã phụ tá cho Tôn Quyền, Gia Cát Lượng đã phụ tá cho Lưu Bị, đều là những giai thoại trong lịch sử cả.

Trái lại, người đồng hương của Quách Gia là Quách Đồ, trước sau như một vẫn bám theo cha con Viên Thiệu và Viên Đàm, về sau binh bại đã bị giết. Những thí dụ tương tự như thế, trong lịch sử nhiều đến nỗi không kể xiết. Điều đó vừa là bi kịch của kẻ sĩ, mà cũng là sự bất hạnh của thời đại.

Cho nên Quách Gia với tư cách là một nhà mưu lược, chỗ khôn ngoan sáng suốt của ông, chính là chỗ xét đoán một cách chính xác Viên Thiệu chẳng qua là người chỉ có hư danh, đối với trọng trách hưng vong của thiên hạ không sao gánh vác nổi, sự thất bại là chuyện khó tránh. Do vậy, tuyệt đối không thể chọn ông ta làm "chúa" của mình.

Lúc Quách Gia rời khỏi doanh trường của Viên Thiệu, thì cũng là lúc Tào Tháo đang mở rộng thế lực, và đang cảm thấy rất thiếu nhân tài. Trước đó, vị mưu sĩ Dĩnh Xuyên là Hí Chí Tài phục vụ dưới trướng của Tào Tháo, được Tào Tháo kính trọng. Chẳng may, Hí Chí Tài chết sớm. Tào Tháo bèn viết một bức thư cho Cao Tham Tuân Vực, nói : "Kể từ ngày Hí Chí Tài qua đời, gần như tôi không có ai để cùng bàn bạc những kế hoạch quan trọng. Vậy ông bấy lâu nay biết ở khu vực Dĩnh Xuyên có nhiều bậc kỳ sĩ, xem có ai thay thế nhiệm vụ của Hí Chí Tài được không ?"

Tuân Vực bèn giới thiệu Quách Gia. Tào Tháo triệu kiến ngay. Hai người đàm luận với nhau về nhiều vấn đề đại sự trong thiên hạ, và tỏ ra rất hợp ý nhau. Trong cuộc đàm luận đó, Tào Tháo phát hiện người thanh niên này có tài năng và kiến thức siêu việt, nên cao hứng nói :

- Người sẽ giúp cho ta hoàn thành sự nghiệp lớn, chính là người này rồi !

Sau cuộc hội kiến, Quách Gia cũng vui mừng, vì gặp được một vị chúa sáng suốt, lại có hùng tài đại lược, nên sau khi bước ra ngoài đã vui mừng nói:

- Tào Công đúng là một vị minh chúa mà tôi muốn gởi thân.

Hai người đều tỏ ra ưa thích nhau, và thường bảo là gặp nhau quá muộn. Tào Tháo bèn cử Quách Gia với tuổi đời hai mươi chín, giữ chức Tư Không Quân Tế Tửu. Tháng mười niên hiệu Kiến An nguyên niên đời Tào Tháo (196) ông được cử làm Tư Không. Và đến tháng giêng năm thứ ba (198) thì lần đầu tiên đặt ra chức "Quân Sư Tế Tửu", Quách Gia giữ chức Tư Thông Quân Tế Tửu, tức là chức Quân Sư Tế Tửu tại phủ Tư Không, một quan chức giữ nhiệm vụ tham gia về quân sự. Từ đó, Quách Gia là "Quân sư cao tham" dưới trướng của Tào Tháo, đã dốc hết tâm trí của mình để mưu hoạch mọi vấn đề thuộc về quân sự.

Tào Tháo lúc bấy giờ đã lấy được Cỗn Châu, lại đón Hán Hiến Đế đến Hứa Đô, dùng cách "bắt ép nhà vua để ra lệnh cho chư hầu", giành được quyền chủ động về mặt chính trị. Năm Kiến An nguyên niên, Tào Tháo lại tiếp nhận kiến nghị của Mao Giới, Táo Kỳ, xây dựng đồn điền ở Hứa Hạ, thu được lúa hàng triệu斛, rút tĩa được kinh nghiệm quý báu về mặt cung ứng quân lương.

Tất nhiên, nếu so sánh với Viên Thiệu, Tào Tháo chỉ có một địa bàn rất nhỏ hẹp, binh mã rất thiếu thốn, thế lực còn yếu. Thế mà Quách Gia đã mạnh mẽ rời bỏ "kẻ mạnh" là Viên Thiệu, không chút luyến tiếc, để đi tuyền chọn Tào Tháo là người thế lực yếu kém hơn. Xem đó là vị chúa để mình an thân lập mệnh. Điều đó chứng tỏ Quách Gia là người có đôi mắt cao xa, cũng như có sự quyết đoán đầy tài năng.

2. Hiến Kế Quét Trung Nguyên

Tào Tháo kể từ ngày chiếm được Côn Châu và Dự Châu, xây dựng căn cứ địa tại hai nơi này, đã tiến hành hàng loạt chiến dịch, lần lượt đánh bại một số quân hùng, xóa đi nỗi lo sát nách, để tương lai có thể phóng tay đánh nhau một trận quyết định với Viên Thiệu.

Trước đây, hồi năm công nguyên 193, phụ thân của Tào Tháo từ Hoa Huyện trở về quê, đã bị quân binh của thủ hạ Đào Khiêm, vị Châu mục Từ Châu sát hại. Tào Tháo nghe tin hết sức giận dữ, cử binh đi báo thù và đã hạ liên tiếp mười thành. Đào Khiêm bại trận phải lui đến Đàm Thành. Mùa hè năm sau, Tào Tháo lại cử binh đánh Từ Châu lần thứ hai, và chôn sống mấy vạn người tại Tứ Thủy. Ít lâu sau, Đào Khiêm vì quá lo buồn nên đã bệnh chết. Lúc tiến hành hai cuộc hành quân này, Quách Gia chưa đến gia nhập vào đội ngũ của Tào Tháo. Nhưng trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa" đã miêu tả Quách Gia là người đã sách hoạch hai cuộc hành quân nói trên, đó là lời nói của những nhà viết tiểu thuyết, không cần phải bàn đến.

Tiếp theo là trận tấn công tiêu diệt Lữ Bố. Lữ Bố tự là Phụng Tiên, người Cửu Nguyên (nay là địa phương nằm về phía tây bắc thành phố Bao Đầu tại khu tự trị Nội Mông Cổ), thuộc quận Ngũ Nguyên. Lữ Bố nguyên là bộ tướng của Đinh Nguyên, Thứ sử Tĩnh Châu, nhưng hắn đã bán chủ cầu vinh, bằng cách giết Đinh Nguyên để đầu hàng Đông Trác. Sau đó Lữ Bố lại giết Đông Trác chạy theo Vương Doãn. Đây là một con người "cứng rắn nhưng vô lễ, chỉ có cái dũng của kẻ thất phu" là một nhân vật điển hình thường phản phúc về mặt chính trị. Lữ Bố bị Lý Giác, Quách Phiếm đánh đuổi bỏ chạy ra khỏi Trường An, chẳng khác chi một con chó chết chủ, đi lang thang khắp mọi nơi. ông ta trước tiên tìm đến nương nhờ Viên Thuật, sau đó lại chạy theo Trương Dương, rồi lại chạy theo Viên Thiệu.

Khi Tào Tháo thảo phạt Từ Châu, thì không ngờ tại vùng hậu phương Côn Châu xảy ra phản loạn. Trương Mạc, nghe theo lời khuyên của Trần Cung, nghênh đón Lữ Bố, có ý đồ nhân cơ hội Tào Tháo vắng mặt, tấn công chiếm lấy Côn Châu. Cũng may có Tuân Vực, Trình Dục đã cố thủ Quyên Thành, Phạm Huyền, và Đông An, khiến Tào Tháo vẫn còn căn cứ để tiến thoái. Tào Tháo nghe tin đồn dẫn quân trở về cứu. Sau khi trận đánh tại Định Đào và Cự Dã, đại bại Lữ Bố, mới cứu vãn được tình thế hết sức nguy cấp.

Sau khi Lữ Bố bị đánh bại, đã bỏ chạy tới Từ châu để nương nhờ Lưu Bị. Sau đó, Lữ Bố lại bất ngờ đánh chiếm Hạ Phi (nay là Phi Huyện, tỉnh Giang Tô) của Lưu Bị, tự xưng là Từ Châu Mục. Sau khi Lưu Bị mất đất đứng chân, bèn dẫn bộ hạ đến đầu Tào Tháo. Trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa" hồi thứ 6 có viết : "Tháo đã dùng cái lễ đãi với thượng khách để chiêu đãi, Huyền Đức bèn đem chuyện Lữ Bố nói cho Tào Tháo nghe. Tào Tháo bảo : "Bố là con người bất nghĩa, vậy ta và hiền đệ phải ra sức giết nó". Huyền Đức lên tiếng cảm tạ. Tháo thết tiệc khoản đãi, cho tới tối mới đưa ra cửa. Tuân Vực vào yết kiến Tào Tháo, nói : "Lưu Bị là một anh hùng, vậy cần phải sớm giết đi, nếu không thì sẽ có hậu họa". Tháo không trả lời. Sau khi Tuân Vực bước ra, thì Quách Gia bước vào, Tháo hỏi : "Tuân Vực khuyên ta nên giết Huyền Đức, vậy phải làm sao ?". Gia đáp : "Không được. Chúa công hưng binh là vì nghĩa, nhằm trừ bạo cho bá tánh, vậy phải dựa vào sự tín nghĩa mà chiêu mộ những bậc hào kiệt,

như vậy mà vẫn còn sợ họ không chịu. Nay Huyền Đức là người có tiếng anh hùng, vì khôn cùng nên tới đây nương nhờ, nếu giết đi thì sẽ có hại đến việc chiêu mộ người hiền tài. Tất nhiên những kẻ sĩ có trí mưu trong thiên hạ hiện nay, nghe được sẽ hoài nghi, không ai dám tìm tới nữa. Như vậy, chúa công sẽ lấy ai mà bình định được thiên hạ? Lấy việc giết một người bảo là trừ hậu hoạn, để gây ra sự nghi ngờ cho tất cả mọi người, thì sự an nguy đối với ta là điều không thể không nhận xét cho kỹ". Tào Tháo cả mừng, nói: "Lời nói của Khanh thật đúng với ý ta". Ngày hôm sau, Tào Tháo bèn viết biểu tiến cử Lưu Bị làm Châu Mục Dự Châu. Trình Dục can rằng: "Lưu Bị không bao giờ chịu ở dưới quyền người khác, vậy chi bằng nên sớm giết đi". Tháo đáp: "Hiện nay là giai đoạn phải dùng tới những vị anh hùng, vậy không thể giết một người mà làm mất nhân tâm trong khắp thiên hạ. Đó chính là ý kiến giống nhau giữa ta với Quách Phụng Hiếu, nên không nghe theo lời của Dục khuyên".

Đối với chuyện này, trong "Quách Gia Truyện" của "Tam Quốc Chí", phần chú giải của Bùi Tùng dẫn từ "Ngụy Thư", thì đại để không giống nhau. Đối với một việc nhỏ như thế, đã phản ánh tầm nhìn chiến lược của người có mưu lược và có quyền hành, thì Tào Tháo và Quách Gia đều giống nhau. Ngay đến Tuân Vực, Trình Dục và những nhân vật được gọi là "túi khôn" nổi tiếng đương thời cũng không bì kịp.

Mặc dù tạm thời lung lục được Lưu Bị, nhưng hoàn cảnh của Tào Tháo vẫn không phải là một hoàn cảnh lý tưởng. Lúc bấy giờ phía Bắc có Viên Thiệu, Công Tôn Toản, phía Nam có Viên Thuật, Lưu Biểu, Tôn Sách, Lưu Chương, Trương Lỗ, phía Tây có Mã Đằng, Hàn Toại, Trương Dương, phía Đông có Lữ Bố. Riêng Côn Châu và Dự Châu là hai vùng đất nằm tại khu vực tứ chiến. Đúng ra Tào Tháo đang ở vào hoàn cảnh bốn bề đều có thể lực kinh chống nhau. Cho nên Tào Tháo và các mưu sĩ của ông, ngày đêm phân tích tình hình, nghiên cứu xem phải làm thế nào để đánh bại quân hùng ở Trung Nguyên. Họ nhận thức mình là người đang ở vào thế chiến nội tuyến, lại đứng trước tình hình địch mạnh ta yếu. Viên Thiệu tất nhiên là kẻ thù chủ yếu nhất, còn Lữ Bố là kẻ thù hung ác nhất. Qua đó, cuối cùng họ đã xác định được phương châm chiến lược là "yếu trước mạnh sau, lần lượt đánh bại từng kẻ thù một".

Mùa Thu năm Kiến An thứ ba (công nguyên 198) Tào Tháo quyết định đánh Lữ Bố ở phía Đông. Đối với việc này, trong quân ngũ của Tào Tháo từng có nhiều ý kiến khác nhau. Một số tướng lĩnh cho rằng Lưu Biểu, Trương Tú ở phía sau lưng, nếu viễn chinh Lữ Bố e rằng sẽ gặp nguy hiểm. Trước đó, Tào Tháo thường hỏi ý kiến của Tuân Vực và Quách Gia:

- Nay ta muốn thảo phạt kẻ bất nghĩa, nhưng sức mạnh của ta không đủ đối địch, vậy phải làm sao?

Tuân Vực chủ trương đánh Lữ Bố. Ông cho rằng:

- Không đánh Lữ Bố trước thì Hà Bắc (chỉ Viên Thiệu), cũng sẽ khó chinh phục.

Quách Gia cũng nói:

- Viên Thiệu hiện đang vây đánh Công Tôn Toản ở phía Bắc, vậy có thể nhân cơ hội này cử binh sang phía Đông đánh Lữ Bố. Nếu không tiêu diệt Lữ Bố trước, một khi Viên Thiệu kéo quân tới xâm phạm, Lữ Bố sẽ cử binh chi viện cho ông ta, thì hậu hoạn sẽ vô cùng to lớn.

Một mưu sĩ khác là Tuân Du cũng cho rằng:

- Lữ Bố là tướng vô cùng kiêu dũng, lại ỷ mình được Viên Thuật giúp đỡ, nên để mặc cho hắn tung hoành giữa vùng Hoài Thủy và Tứ Thủy, thì một số hào kiệt tất nhiên sẽ hưởng ứng. Bây giờ nên thừa lúc Lữ Bố mới tạo phản, nội bộ còn chưa đồng tâm nhất trí với nhau, ta tiến đánh tức khắc, nhất định sẽ được thành công.

Được sự trù hoạch của các mưu sĩ, mùa Thu năm đó, Tào Tháo đích thân chỉ huy đại quân tiến vào phía Đông để thảo phạt Lữ Bố. Tháng mười đánh chiếm được Bành Thành, Lữ Bố lui về giữ Hạ Phi. Quân Tào lại bao vây Hạ Phi và Tào Tháo lại viết thư khuyên Lữ Bố đầu hàng. Lữ Bố vốn có ý đầu hàng, nhưng mưu sĩ Trần Cung khuyên nên tử thủ Hạ Phi, rồi lại phái người phá vòng vây đi cầu cứu với Viên Thiệu.

Do tướng sĩ của Lữ Bố liều chết giữ thành, nên quân Tào dù đã tấn công mãnh liệt suốt hai tháng, mà thành Hạ Phi bé nhỏ vẫn đứng trơ trơ. Tào Tháo thấy đánh lâu mà không hạ được thành, trong lòng rất bực bội. Thêm vào đó, quân đội đã tác chiến liên miên không được nghỉ ngơi, tướng sĩ đều mệt mỏi, lương thảo tiếp tế cũng gặp khó khăn, nên chuẩn bị rút lui trở về Hứa Đô, để chỉnh đốn đội ngũ, rồi sẽ tìm dịp tấn công sau.

Một đạo binh mệt mỏi, mà lại đưa đi viễn chinh, là điều tối kỵ của binh gia. Đại quân hạ trại đóng dưới chân một ngôi thành kiên cố, nếu kéo dài thời gian mà không hạ được thành, thì lại càng bất lợi. Giờ đây, binh mã của Tào Tháo và Lữ Bố đều vô cùng mệt mỏi. Vậy, nếu ai có thể tiếp tục kiên trì cuộc chiến đấu, thì người đó sẽ có hy vọng thắng lợi. Trong giờ phút quan trọng này, các mưu sĩ nghe tin Tào Tháo chuẩn bị rút quân đều hết sức hốt hoảng. Tuân Du lập tức đến khuyên ngăn Tào Tháo đừng rút quân. Quách Gia cũng nói :

- Trước kia, cả đời Hạng Võ đã đánh hơn bảy mươi trận lớn nhỏ, chưa từng bị bại, thế mà chỉ một trận đánh tại Cai Hạ, ông ta đã sa vào thế thân chết nước mắt. Nguyên nhân chính vì ông ta quá ỷ mình kiêu dũng thiện chiến, nhưng lại thiếu mưu lược. Giờ đây Lữ Bố cũng là người hữu dũng vô mưu, lại liên tiếp bị bại trận, nhuệ khí đã mất, dũng khí đã tiêu tan. Cho nên oai lực của Lữ Bố tuyệt đối không làm sao bì kịp Hạng Võ. Trong khi đó hoàn cảnh bại trận khốn khó của ông ta hiện nay càng trầm trọng hơn Hạng Võ xưa kia nhiều hơn. Vậy, nếu chúng ta thừa thắng tấn công mạnh lên, thì thành Hạ Phi nhất định sẽ chiếm được, Lữ Bố nhất định sẽ bị bắt sống.

Tào Tháo nghe qua lời khuyên của hai người rất có lý, nên tiếp tục chỉ huy quân đội của mình tấn công vào thành Hạ Phi.

Việc khuyên ngăn Tào Tháo đừng rút lui là chuyện không khó. Mà khó ở chỗ tướng sĩ và bá tánh trong thành Hạ Phi, do ai ai cũng sợ thành bị hạ thì tất cả sẽ bị chém giết, nên họ đã quyết tâm cố thủ. Như vậy, phải làm thế nào để hạ được thành, mới là vấn đề chủ yếu. Tất nhiên chỉ một mực tấn công, rõ ràng không phải là thượng sách. Trong thời điểm này, đúng là thời điểm có đất dụng võ của các mưu sĩ. Họ chủ trương dùng nước của hai con sông Tứ Thủy và Nghi Thủy để nhận chìm thành Hạ Phi. Dùng nước để thay thế binh sĩ.

Tào Tháo đang cảm thấy bí lối, nên khi được diệu kế này tất nhiên là vui mừng ngoài sức tưởng tượng. Ông ta lập tức xuống lệnh cho binh sĩ đào kinh dẫn nước hai con sông nói trên, chảy cuồn cuộn vào chân thành Hạ Phi. Thế là ngôi thành vững chắc như sắt thép kia, lại không chịu đựng nổi sự công phá

của dòng nước. Chỉ trong chốc lát, nó đã ngập sâu xuống nước mây xích. Quân dân trong thành thấy không còn hy vọng, bèn tự tìm đường sống cho mình, không còn nghĩ tới chuyện giữ thành nữa. Thế là mạnh ai nấy bỏ chạy.

Những viên đại tướng của Lữ Bố như Hầu Thành, Tống Hiến, Ngụy Tục liền làm binh biến, để tìm sống trong cái chết, bắt trói Trần Cung và một số nhân vật quan trọng khác, kéo ra đầu hàng Tào Tháo. Riêng Lữ Bố thì dẫn tàn quân lui về giữ Bạch Môn Lâu tại thành Hạ Phi, nhưng rốt cục cũng phải bó tay chịu trói. Tào Tháo liền triệu tập văn võ bá quan tại Bạch Môn Lâu - để xử trí Lữ Bố. Lúc bấy giờ Lữ Bố còn cầu nhau là đã trói mình quá chặt. Tào Tháo cười nói :

- Trói cộp mà không trói chặt sao được ?

Lữ Bố ngụ ý muốn đầu hàng, và xin tha mạng cho mình. Tào Tháo thấy Lữ Bố là người phản phúc vô thường, hết sức căm ghét, nên xuống lệnh thắt cổ giết chết ông ta. Tào Tháo lại gạt lệ giết người ân nhân là Trần Cung, rồi cho mai táng đúng theo lễ nghi. Từ đó, Tào Tháo đã khống chế được một vùng đất rộng lớn tại phía Nam sông Hoàng Hà.

Sau cùng, Tào Tháo lại tiến hành một cuộc càn quét các thế lực cát cứ trong vùng. Năm Kiến An nguyên niên (công nguyên 196), Trương Tú Nguyên là bộ hạ của Đổng Trác, đã chạy theo người chú là Trương Tế từ Quan Trung kéo về vùng Nam Dương. Sau khi Trương Tế chết, Trương Tú dẫn binh đội của mình đến nương nhờ Lưu Biểu. Nam Dương ở gần Hứa Xương, đối với Tào Tháo là một cái gai đâm vào sau lưng mình. Do vậy, vào mùa Xuân năm Kiến An thứ hai, Tào Tháo trước tiên nhắm Trương Tú để tấn công. Trương Tú chiến bại, mang cả quân đội đầu hàng. Nhưng ít lâu sau hẳn lại hối hận, nên thừa dịp đêm khuya đánh lén vào doanh trại của Tào Tháo, gây thương vong nặng nề. Con trai cả của Tào Tháo là Tào Ngang, và cháu là Tào An đều bị chết trận. Do vậy Tào Tháo đành phải lui quân.

Năm sau, một lần nữa Tào Tháo lại xua quân thảo phạt Trương Tú. Trương Tú cầu cứu với Lưu Biểu. Tháng năm, quân Tào Tháo thụ địch cả phía trước lẫn phía sau, nên buộc phải rút lui. Đến năm công nguyên 199, qua lời khuyên của mưu sĩ Giả Hủ. Trương Tú dẫn binh mã của mình đến Hứa Xương đầu hàng Tào Tháo, được Tào Tháo phong làm Dương Võ Tướng quân.

Trước đó, tức vào năm Kiến An thứ hai, Viên Thuật tự xưng đế tại Thọ Xuân. Đây chính là sự biểu hiện cụ thể đối với việc chống lại triều đình nhà Hán. Tào Tháo liền dùng danh nghĩa "Tuân lệnh Thiên tử đi thảo phạt kẻ phản thần" cử binh tiến đánh Viên Thuật. Đến tháng chín, trước áp lực của Tào Tháo, Viên Thuật phải bỏ chạy về phía Nam sông Hoài. Chỉ ít lâu sau thì Viên Thuật bệnh chết.

Trong khi quân Tào tiến đánh Lữ Bố, Trương Dương ở Hà Nội đã kéo quân ra Dã Vương (nay là Tầm Dương), lên tiếng ủng hộ Lữ Bố. Nhưng không bao lâu sau, Trương Dương bị bộ tướng của mình là Dương Sứ giết chết. Tiếp đó, Huy Cố lại giết chết Dương Sứ, kéo quân đi nương tựa Viên Thiệu. Tháng tư năm Kiến An thứ tư (công nguyên 199), Tào Tháo phái Đại tướng Tào Nhân đánh chiếm Xạ Khuyển (nay là địa phương nằm về hướng Đông Bắc Tầm Dương, tỉnh Hà Nam), giết chết Huy Cố, khống chế được quận Hà Nội.

Trong khoảng thời gian hơn hai năm, Tào Tháo đã lần lượt đánh bại Viên Thuật, Trương Tú, tiêu diệt

được Lữ Bô, Huy Cô, cải thiện tình thế chiến lược, và từng bước một chuyển từ thế yếu sang thế mạnh, sáng tạo điều kiện thuận lợi để sau này đánh nhau với Viên Thiệu. Trong quá trình đó. Quách Gia đã nhiều lần đi theo quân đội xuất chinh, và đã hiển nhiều kế hay, phát huy tác dụng đầy đủ của một viên tham mưu cao cấp phụ tá cho Tào Tháo.

3. Bàn Về Mười Điều Thắng

Đối với Tào Tháo mà nói, thì Viên Thiệu ở phía Bắc là kẻ thù lớn nhất. Trước khi trận đánh tại Quan Độ xảy ra, Tào Tháo luôn nghĩ đến việc xua quân chinh phạt Viên Thiệu, nhưng trong lòng vẫn lo lắng binh lực của mình không đủ, nên về mặt tâm lý cảm thấy rất mâu thuẫn. Do vậy, Tào Tháo muốn nghe ý kiến của những mưu sĩ dưới tay mình.

Trước tiên, Tào Tháo từng nói với Tuân Vực :

- Viên Thiệu là kẻ bất nghĩa, ta muốn cử binh chinh phạt hắn, nhưng thực lực của ta e không thể đối địch nổi, vậy phải làm sao ?

Tuân Vực dùng đôi mắt của nhà mưu lược, từ các mặt "độ thắng", "mưu thắng", "võ thắng", "đức thắng" để phân tích cho thấy Tào Tháo tất nhiên sẽ thắng Viên Thiệu. Qua những lời phân tích đó, làm cho nổi bật khoản trong lòng Tào Tháo được giải tỏa, và niềm tin sẽ thắng Viên Thiệu được củng cố hơn.

Về sau, Tào Tháo lại hỏi ý kiến của Quách Gia như đã từng hỏi Tuân Vực. Quách Gia phân tích càng sâu sắc hơn, nói:

- Giữa Lưu Bang và Hạng Võ, quân lực chênh lệch nhau rất nhiều, đó là việc ngài đã biết. Thế nhưng Lưu Bang là người có trí mưu hơn Hạng Võ, cho nên cuối cùng Hạng Võ đã bị Lưu Bang đánh bại.

Quách Gia khuyên Tào Tháo nên noi gương cách dùng trí của Lưu Bang và nên học kinh nghiệm trong lịch sử về cách dùng sức yếu để đánh thắng kẻ mạnh, nên vững tin cách dùng trí để thủ thắng.

Tiếp đó, Quách Gia lại phân tích tình trạng thực lực giữa Tào Tháo và Viên Thiệu, và nhận định :
"Thiệu có mười điều bại, còn ngài có mười điều thắng. Tuy binh mạnh, nhưng hắn không làm chi được cả". Cũng tức là nói Viên Thiệu có mười điểm không bằng Tào Tháo, cho nên dù Viên Thiệu có binh lực mạnh hơn, vẫn sẽ bị thất bại. Đối với Viên Thiệu mà nói, tức là hắn có mười điều bại, còn đối với Tào Tháo mà nói, thì ông ta lại có mười điều thắng. Mười điều bại, mười điều thắng đó là:

Thứ nhất, là "đạo thắng". "Thiệu quá phiến tiết về mặt lễ nghi, còn ngài thì theo sự tự nhiên vốn có". Đây là nói những biện pháp ổn định xã hội của Tào Tháo rất hợp với quy luật tự nhiên. Còn Viên Thiệu thì làm nhiều loạn thiên hạ, khiến dân sống không yên. Đó là điều đã đặc thắng trước tiên về mặt "đạo". Đó là nhìn chung về mặt tổng thể, là sự cân nhắc đánh giá về mặt hay dở giữa Tào Tháo và Viên Thiệu. Quách Gia trước tiên đặt thiên tính của con người lên hàng đầu xếp nó vào mục thứ nhất trong mười yếu tố để thủ thắng. Qua đó có thể nhận ra những kẻ sĩ thời bấy giờ, rất trọng thị vấn đề thiên tính. Ở Trung Quốc, tư tưởng "thiên đạo tự nhiên", bắt nguồn từ Đạo gia. Đến thời Đông Hán, nó trở thành mệnh đề triết học của Vương Sung, nói rõ sự vận động của tự nhiên. Sự phát sinh, phát triển của nó, là hoàn toàn tự nhiên, không có một thứ "lực" nào ở bên ngoài chi phối. Thiên tính của con

người, là thiên tính tự nhiên, phải phù hợp theo tự nhiên. Bản thân con người có cái lực của tự nhiên, có cái lực của sinh mệnh, là vật tồn tại tự nhiên có năng động và hoàn toàn tự do. Mỗi người ai cũng có bản tính thiên phú năng lực, và tình dục, v.v... Bản chất của con người là tự nhiên, là tự do. Do vậy, không nên dùng "lễ nghi phiền tiết" để ràng buộc. Một khi tính cách của con người bị ràng buộc, thì sự phát triển của thiên tính tất nhiên sẽ gặp trở ngại, khiến sức mạnh bản chất của con người không phát huy được bình thường. Những phân tử trí thức trong thời đại phong kiến, hầu hết đều không thoát khỏi sự cầm cố đó. Cuối đời Đông Hán, quần hùng nổi dậy, khiến cục diện Nho gia được độc tôn trước kia bị chao đảo. Cho nên có một số người trí thức trọng thị hơn vấn đề nên theo thiên tính tự nhiên của con người, theo ý chí tự do của con người, nên đối với những sự ràng buộc có thái độ phản đối. Họ mong dựa vào đó để phát huy tác dụng năng động lên đến mức không thể tưởng tượng được. Tào Tháo và Quách Gia là những phân tử trí thức thuộc loại này. Bảo là "thuận theo tự nhiên" chính là dựa theo quy luật tự nhiên mà làm việc, để phát huy một cách đầy đủ bản tính nội tại của con người, không để cho con người bị lễ giáo ràng buộc.

Thứ hai là "nghĩa thắng" : Thiệu đế ngược dòng, còn ngài thuận theo xu thế để chỉ huy thiên hạ". Viên Thiệu hưng binh không có danh nghĩa, còn Tào Tháo rước Hán Hiến Đế về với mình, để lấy danh nghĩa Hoàng đế mà ra lệnh cho thiên hạ. Cho nên Tào Tháo là người có danh chánh ngôn thuận, đây là "nghĩa" thắng hơn Viên Thiệu. Những năm cuối đời Đông Hán, quyền lực của Hoàng đế bị suy sụp, triều cương bại hoại. Hán Hiến Đế chẳng qua là một chiêu bài trong tay của những người quân phiệt mà thôi. Tuy nhiên, nói cho cùng, Hoàng đế dầu sao cũng là người tượng trưng cho chính quyền tối cao phong kiến, trên danh nghĩa vẫn là vị tối cao trong thiên hạ. Kể từ đời Xuân Thu Chiến Quốc trở đi, những tay quyền thần, những tay gian hùng trong chính trị, có ý muốn xưng bá trong thiên hạ, đều biết cách lấy danh nghĩa của Thiên tử, xem đó là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc tranh quyền đoạt lợi của họ. Năm Kiến An nguyên niên (công nguyên 196), Tào Tháo đón Hán Hiến Đế và xây dựng đế đô tại Hứa Xương. Từ đó, Tào Tháo thường lấy danh nghĩa của Thiên tử để hiệu triệu và ra lệnh một cách đường hoàng, một cách danh chánh ngôn thuận, để chinh phạt những người khác chính kiến với mình, về mặt chính trị, Tào Tháo nhờ đó đã nắm được quyền chủ động. Về sau, Gia Cát Lượng lúc còn ở tại Long Trung, khi luận bàn về tình thế trong thiên hạ lúc bấy giờ cũng nói :

- Tào Tháo bắt ép Thiên tử để ra lệnh cho chư hầu, nên không thể tranh phong với ông ta.

Qua đó cho thấy, tấm chiêu bài Hán Hiến Đế, về mặt chính trị vẫn còn có một tác dụng nhất định.

Thứ ba là "trị thắng" : Cuối đời nhà Hán về mặt cai trị không còn nghiêm chỉnh là do quá buông lỏng. Thiệu lấy sự buông lỏng để trị sự buông lỏng, nên không thể củng cố được việc cai trị. Ngài trái lại, đã dùng sự cứng rắn, nghiêm chỉnh khiến cho từ trên tới dưới biết tự kiềm chế mình. Đời Đông Hán, kể từ Hoàn, Linh trở đi, việc cai trị có nhiều khuyết điểm, làm cho chính lệnh quá lỏng lẻo, việc cai trị quá buông lỏng để cho các cường hào và các đại tộc tha hồ cướp giạt đất đai. Bản thân Viên Thiệu xuất thân từ gia đình cao môn sĩ tộc. Ông cố của Viên Thiệu là Viên An, làm quan tới chức Tư Đồ, "Từ An trở xuống, bốn đời giữ chức Tam Công. Do đó mà quyền thế nổi bật trong thiên hạ". Viên Thiệu sống trong khu vực cai quản của mình, chẳng những không uốn nắn những tệ đoan xuất hiện trong cuối đời nhà Hán, mà trái lại càng buông lỏng đối với những cường hào và những đại tộc, để mặc cho họ hiếp đáp bá tánh. Cường hào muốn làm chi thì làm, thu gom nhiều đất đai, trong khi người dân thì vừa nghèo vừa không có thể lực, nên lúc nào cũng phải nộp địa tô thậm chí còn phải bán vợ đợ con mà chưa đủ tiền để nộp tô. Trong khi đó, những người trong các tộc lớn như Viên Thiệu, lại chiêu nạp

những người lưu vong, những người phạm tội. Do vậy, sự mâu thuẫn về giai cấp trong thông tri của họ hết sức gay gắt. Đúng như Tào Tháo về sau đã nói : "Muốn cho bá tánh gần gũi mình, nhưng giáp binh quá mạnh, thì làm sao họ gần gũi được?"

Trái lại, Tào Tháo đã mạnh dạn uốn nắn những tề đoan nói trên, chú ý khống chế thế lực của các cường hào và "trừng trị nặng tề cường hào cướp đất". Do vậy, Viên Thiệu lấy bụng lỏng để trị bụng lỏng, trong khi Tào Tháo thì lại mạnh dạn uốn nắn những tề đoan đó. Sự sáng suốt giữa hai người chỉ qua đó cũng đủ thấy rõ. Điều đó, chính là điều mà Khúc Gia bảo là "trị thẳng".

Thứ tư là "độ thẳng": Thiệu bề ngoài có vẻ phóng khoáng, nhưng nội tâm lại đa nghi, dùng người bao giờ cũng nghi ngờ, cho nên chỉ biết dùng người thân cũng như bà con em cháu. Trái lại, ngài bề ngoài giản dị dễ gần còn nội tâm thì luôn sáng suốt, dùng người không nghi, cứ có tài là dùng, không cần biết là thân hay sơ. Viên Thiệu trong lịch sử, đúng là một thủ lĩnh của một tập đoàn quân sự không biết dùng người. Ông ta cũng là người không phân biệt được ai hiền ai ngu, là điển hình của một nhân vật chỉ biết làm theo ý riêng của mình. Bề ngoài ông ta có vẻ rất phóng khoáng, rất đại lượng, nhưng trong thực tế thì lòng dạ của ông ta lại rất hẹp hòi, khí độ rất bé nhỏ. Khi dùng người thì đa nghi, cho nên hầu hết chỉ dùng những bà con thân thích, những em út của mình. Tào Tháo trái lại sáng suốt và hiểu biết hơn, ai là người có tài thì ông trọng dụng. Về mặt khí độ ông hơn hẳn Viên Thiệu.

Thứ năm là "mưu thẳng": Viên Thiệu là người tiếp nhận nhiều mưu kế, nhưng lại không biết quyết đoán, đó là chỗ dở, Tào Tháo trái lại khi nhận được những kế sách tốt, thì thi hành ngay, và luôn ứng biến một cách linh động. Viên Thiệu cứ gặp việc gì thì luôn có thái độ do dự, thường để mất cơ hội tốt. Còn Tào Tháo xử lý những việc lớn quả đoán, lại giỏi tùy cơ ứng biến. Cho nên về mặt mưu lược và quyết sách, Tào Tháo hơn hẳn Viên Thiệu.

Thứ sáu là "đức thẳng": Thiệu cho gia tộc mình nhiều đời qua là một gia tộc có học thức, nên thường đàm luận những vấn đề cao siêu để được tiếng khen. Những kẻ sĩ có tính thích nói suông, thích khoe khoang, thường chạy theo Viên Thiệu. Tào Tháo trái lại, lấy lòng thành thực để cư xử với người, không phô trương một cách rộng tuếch, và luôn lấy sự cần kiệm để hướng dẫn người dưới quyền. Nhưng đối với người có công, thì ông không bao giờ tỏ ra bủn xỉn. Những kẻ sĩ có lòng trung thành, chính đáng, có tầm nhìn xa, có thực học, thường bằng lòng đến để được Tào Tháo dùng. Viên Thiệu dựa vào sự cao quý của gia tộc, thường thích được tiếng khen, cho nên những người theo về với ông ta, đều thích những danh vọng hão huyền, không có những bản lĩnh thực tế. Tào Tháo trái lại, lấy nhân nghĩa và sự thành tâm để đối đãi với người, còn bản thân thì nghiêm túc cần kiệm, giản dị. Khi thưởng cho người có công, không bao giờ tỏ ra keo cú. Cho nên những người có tài năng và có tinh thần thiết thực trong thiên hạ, đều bằng lòng đến phụ tá cho Tào Tháo. Đó là sự hơn hẳn Viên Thiệu về mặt Đức.

Thứ bảy là "nhân thẳng" : Thiệu nhìn thấy người cơ hàn, thì lộ sắc thương xót, nhưng nếu không thấy thì không bao giờ nghĩ tới. Đó chính là lòng nhân của đàn bà. Tào Tháo trái lại, đối với việc nhỏ trước mắt, nhiều khi bỏ qua, còn đối với việc lớn, thì luôn luôn nghĩ tới, và bao giờ cũng gia ân hơn hẳn người ta mong đợi. Tuy không nhìn thấy, nhưng về mặt suy nghĩ lúc nào cũng chu đáo, không bao giờ có sự thiếu sót cả". Tào Tháo chú ý phát triển sản xuất, khôi phục kinh tế, ổn định xã hội, đem quyền lợi đến cho người dân thường. Viên Thiệu thì trái lại, bỏ lỏng cho bọn cường hào, để chúng mặc tình tham lam vợ vét, khiến người dân không sao sống nổi. Nhưng đối với những chuyện nhỏ nhặt, thì lại có

vẻ giả nhân giả nghĩa. Cho nên có thể nói Tào Tháo về mặt Nhân, hơn hẳn lòng nhân kiêu đàn bà của Viên Thiệu, cho nên Tào Tháo là người đắc nhân tâm.

Thứ tám là “minh thắng” : Dưới trướng của Viên Thiệu, thì đại thần tranh quyền, lời gièm pha lúc nào cũng có. Trái lại ngài biết dùng Đạo để nắm người dưới, luôn giúp đỡ cho người bất hạnh. Viên Thiệu xuất thân từ gia tộc quan liêu giàu có, quen nghe những lời dua nịnh, thường chỉ yêu những người dua nịnh sống bên cạnh mình. Chúng nói gì thì nghe theo nấy, lại ghét người nói thẳng, không muốn nghe ý kiến của họ. Bản thân Viên Thiệu là người nông nổi, độ lượng không to, tất nhiên là người dẫn đến tình trạng những người trí giả dưới tay mình ngấm ngấm đấu tranh với nhau, còn đại thần thì tranh quyền đoạt lợi, mưu trí trở thành liều thuốc độc làm tan rã bản thân. Viên Thiệu bao giờ cũng nghe theo những lời gièm pha, luôn bị những lời gièm pha mê hoặc. Kết cục, người ngay thẳng và những trí giả thì bị hãm hại, còn bọn ti tiện tiểu nhân thì hoành hành không biết sợ ai. Trái lại, Tào Tháo dùng người có phương pháp, không bao giờ chịu nghe lời gièm pha, nội bộ luôn đoàn kết. Cho nên về mặt "Minh" đã thắng hẳn Viên Thiệu.

Thứ chín là "văn thắng": Thiệu là người không biết phân biệt thị phi, còn ngài đối với những người chân chính thì dùng lễ để đãi ngộ, người không chân chính thì trừng trị bằng pháp luật. Cho nên, từ đó gọi ngài là người thắng hơn Viên Thiệu về mặt nhận xét thị phi, cũng tức là "văn thắng".

Thứ mười là “võ thắng”: Viên Thiệu không hiểu về quân cơ, lại thích phô trương thanh thế. Trong khi đó ngài có tài dùng số ít để đánh thắng số đông, việc dụng binh tài tình như thần, có tài năng quân sự kiệt xuất, khiến kẻ thù đều sợ hãi. Đó chính là sự hơn hẳn Viên Thiệu về mặt quân sự.

Quách Gia đúng là một nhân vật nổi bật trong số các nhân vật được xếp hàng "túi khôn" của Tào Tháo. Qua sự phân tích mười điều thắng trên đây cho thấy sự nhận xét của ông rất xác thực và sáng suốt. Chúng ta tạm gác bỏ những lời nói không thực lòng mình để đề cao một người và hạ thấp người khác, để nhận xét sự so sánh của ông giữa hai nhân vật chánh trị mà chính ông đã đứng trên cao nhìn xuống, thì đúng là chí lý. Về các mặt thuật lãnh đạo chính trị, tài năng quân sự, thuật quản lý, thuật đối nhân xử thế giữa hai người, ông đều đề xuất một thứ tiêu chuẩn để nhận xét đánh giá. Quách Gia trước hết đặt thiên tính của con người lên hàng đầu, phản ánh những nhà trí mưu thời bấy giờ đối với vấn đề thiên tính đãi trọng thị. Sáu điều nói tiếp theo sau, ông đã trước hết nêu cao lá cờ thuận theo ý dân, đề xuất chính sách khoan dung và nghiêm khắc hỗ trợ nhau, nhấn mạnh việc dùng người thì phải tin, tuyệt đối không thể nghi kỵ một cách vô cớ và nếu là người có tài thì dùng, mà không bao giờ tạo ra mối quan hệ thân thích. Về mặt sách lược, thì cần phải đánh những trận có chuẩn bị chu đáo, tuyệt đối không manh động liều lĩnh. Phải biết nắm thời cơ, biết sáng tạo thời cơ. Cư xử với người phải chân thành, không giả dối ngoài mặt. Phải có tầm nhìn toàn cục, đối với người đối với việc, phải suy xét toàn diện, tránh sợ mất cái này, sợ mất cái khác, thoát ly quần chúng. Phải biết chặn đứng bọn dua nịnh nói năng dối trá, phải vạch trần bộ mặt xấu xa của bọn chuyên ly gián. Bản thân mình phải đường đường chính chính, đối với lời đồn đại vô căn cứ, phải biết tìm hiểu nguồn gốc, phân tích hư thật. Xử lý vấn đề bao giờ cũng phải rõ ràng, thưởng phạt phải phân minh, bất kỳ làm việc gì đều phải biết cách dùng thế yếu để thắng thế mạnh, mạnh dạn và có bản lĩnh. Đối với lý luận khái quát của một nhân vật trí mưu thời phong kiến, quả có giá trị để người hậu thế kế thừa và noi gương.

Đồng thời, Quách Gia đã có một sự phân tích toàn diện giữa Viên Thiệu và Tào Tháo về các mặt chính trị, kinh tế, chính sách, thực lực quân sự, đắc nhân tâm hoặc không đắc nhân tâm, thậm chí đến khí chất

và tài năng cá nhân, đã mô tả toàn diện rất sâu sắc, từ đó rút ra được kết luận "mười điều thắng" của Tào Tháo, đúng là có tính dự kiến và suy đoán rất khoa học. Những mưu sĩ khác của Tào Tháo như Tuân Vực, Giả Hủ, cũng từng phân tích và dự đoán tình hình giữa Viên Thiệu và Tào Tháo trước khi trận đánh tại Quan Độ xảy ra, và cũng dự kiến được Tào Tháo sẽ đánh bại Viên Thiệu. Tất cả những điều dự đoán đó về sau đều được sự thực chứng minh là đúng.

Tuân Vực từng dự đoán Tào Tháo có "bốn điều thắng" tức độ thắng, mưu thắng, võ thắng và đức thắng. Còn Giả Hủ thì dự kiến Tào Tháo có "Minh thắng Thiệu, dũng thắng Thiệu, sử dụng người thắng Thiệu, quyết định thời cơ thắng Thiệu". Có thể nói, những điều mà người trí giả thấy được đều có chỗ giống nhau, và đã có sự quyết đoán như nhau. Đối với việc nâng cao lòng tin cho Tào Tháo, sự dự đoán đó có một tác dụng quan trọng. Có điều là sự phân tích của Quách Gia là tường tận nhất, tế nhị nhất, có chiều sâu nhất, và chuẩn xác nhất. Điều đó không phải là một sự đoán mò, hoặc một sự trùng hợp ngẫu nhiên, mà được xây dựng từ nền tảng hiểu rõ tình huống của đôi bên, và dựa vào quy luật phát triển của sự vật để tiến hành diễn dịch, suy lý, khái quát, phân tích, và đi đến một kết luận rất khoa học. Quách Gia có thể dự kiến một cách chính xác, khoa học về "mười điều thắng" của Tào Tháo, chứng minh ông là một mưu sĩ rất giỏi và rất sáng suốt.

4. Dự Đoán Về Tôn Sách

Trong thời Tam Quốc, nước Ngô hùng cứ tại Giang Đông, thời gian lập quốc dài nhất. Cơ nghiệp của nước Ngô là do người thiếu niên anh hùng Tôn Sách khai sáng.

Tôn Sách tự Bá Phù, là người Phú Xuân (nay là Phú Dương, tỉnh Triết Giang, thuộc Ngô Quận). Ông sinh vào năm thứ tư niên hiệu Hy Bình thời Đông Hán (175 sau công nguyên), trong một gia đình đại tộc nổi danh tại địa phương. Cha của Tôn Sách là Tôn Kiên, tự Văn Đài, trước kia từng làm Huyện Lệnh. Sau khi bùng nổ cuộc đại khởi nghĩa Huỳnh Cân, Tôn Kiên đã chỉ huy "Thiếu niên trong thôn ấp", kết hợp với hơn một nghìn tráng đinh chiêu mộ được, theo Hữu Trung Lang Tướng là Chu Tuấn trấn áp quân khởi nghĩa. Do có công trong tác chiến, nên được cất nhắc làm Biện Bộ Tư Mã. Về sau, ông lại theo Xa Kỵ Tướng Quân là Trương Ôn đến Dương Châu, tiến công vào thế lực cát cứ tại địa phương do Biên Chương và Hàn Toại cầm đầu. Sau khi trở về kinh được cử làm Nghị Lang.

Năm thứ tư niên hiệu Trung Bình đời vua Hán Linh Đế (công nguyên 187) Tôn Kiên được triều đình ủy nhiệm làm Thái Thú Trường Sa. Ông đã lần lượt trấn áp các cuộc nông dân khởi nghĩa tại ba quận Trường Sa, Đình Lăng, Quế Dương, và được phong làm Ô Hoàn Hầu. Khi các chư hầu ở Quan Đông cử binh thảo phạt Đổng Trác, Tôn Kiên cũng cử binh hưởng ứng và trên đường tiến quân đã tiêu diệt những lực lượng không thuộc phe của mình. Nhờ đó, lực lượng của ông càng ngày càng to. Khi ông đến Lỗ Dương (nay là Lỗ Sơn, tỉnh Hà Nam) thì có dịp hội kiến với Viên Thuật. Viên Thuật dâng biểu tâu xin cử ông làm Phá Lỗ Tướng Quân, Thứ Sử Dự Châu. Năm thứ ba niên hiệu Sơ Bình đời vua Hán Hiến Đế (năm 192), khi Viên Thuật và Lưu Biểu tranh giành Kinh Châu, thì Tôn Kiên đi làm tiên phong và đánh bại liên tiếp Đại tướng Huỳnh Tổ của Lưu Biểu. Khi tiến lên bao vây Tương Dương, ông bị binh sĩ của Huỳnh Tổ bắn tên giết chết.

Trong khi Tôn Kiên chết thì Tôn Sách đang ở tại Thọ Xuân (nay là Thọ Huyện, tỉnh An Huy), tuổi mới vừa mười bảy, mười tám. Với độ tuổi thiếu niên anh tuấn đó, Tôn Sách thích kết nạp người hào hiệp thông minh, và luôn nuôi chí phục thù cha. Tháng mười hai năm nguyên niên niên hiệu Hưng Bình đời vua Hán Hiến Đế (công nguyên 194), ông đi Giang Đô (nay là Dương Châu, tỉnh Giang Tô) để thỉnh giáo với Trương Hoàn, một danh sĩ tại Giang Hoài, về tình thế trước mắt. Ông hỏi Trương Hoàn :

- Hiện nay triều đình nhà Hán đang suy vi, thiên hạ đang nhiễu nhương, tiên phụ tôi đang cùng họ Viên đánh bại Đổng Trác, công danh chưa toại thì lại bị Huỳnh Tổ sát hại. Sách tôi tuy còn nhỏ, nhưng chí không nhỏ, muốn tìm đến Viên Dương Châu để xin lại số binh lính trước đây của cha tôi, rồi sẽ theo cậu tôi tại Đơn Dương, thu thêm những người thất lạc hàng ngũ, để chiếm cứ Ngô Hội, báo thù rửa hận, đồng thời cũng làm phen giậu cho triều đình. Vậy ngài thấy thế nào ?

Trương Hoàn bèn nói rõ với Tôn Sách về tình hình hiện nay :

- Nay ngài muốn theo con đường của tiên phụ, để trở thành một vị võ tướng hữu danh, nếu đến Đơn Dương và thu binh tại Ngô Hội, thì hai vùng Kinh Dương sẽ có thể hợp nhất, mối thù xưa có thể báo

được. Chiếm lấy vùng Trường Giang, phân đầu để tạo uy tạo đức, diệt trừ bọn cát cứ xấu xa, không phò Hán thất, thì công lao có thể sánh với Hoàn, Văn, chứ nào phải chỉ làm phen giậu thôi đâu ? Hiện nay, đời loạn nhiều khó khăn, nếu mọi việc thành công, thì nên kết hợp cùng với những người đồng chí hướng, lo xây dựng vùng đất phương Nam.

Tôn Sách tiếp nhận ý kiến của Trương Hoàn, quyết định sẽ chiếm giữ vùng Giang Đông. Năm thứ ba niên hiệu Hưng Bình (công nguyên 195) một bộ hạ cũ của Tôn Kiên là Chu Trị thấy Viên Thiệu là người không có đức, cũng khuyên Tôn Sách nên lấy Giang Đông để xây dựng cơ nghiệp. Lúc bấy giờ, người cậu của Tôn Sách là Ngô Cảnh tiến đánh Phàn Năng, Trương Anh, đã kéo dài hơn một năm mà chưa thắng được. Tôn Sách thừa cơ bèn hiến kế với Viên Thuật :

- Nhà tôi có ơn cũ tại phía Đông, bằng lòng giúp cậu chinh phạt Hoàn Giang. Một khi Hoàn Giang bị hạ, thì sẽ chiêu mộ binh sĩ tại nơi đó ít nhất cũng được ba vạn người, để giúp sứ quân ngài không phò Hán thất.

Viên Thiệu đối với việc đó cảm thấy rất hứng thú bèn cử ông làm Chiết Xung Hiệu úy dẫn binh vượt qua sông. Tôn Sách chỉ huy tướng sĩ cũ của cha mình đông chừng một nghìn người, trong đó có Trình Tấn, Huỳnh Cái, Hàn Đương, Chu Trị, Lữ Phạm, v.v... ngựa chừng mấy mươi con, kéo sang hướng Đông. Những tân khách lúc ở Thọ Xuân như Trương Khâm, Châu Thái, Trần Võ, v.v... cũng dẫn mấy trăm binh mã theo Sách vượt sông. Về sau, Châu Do cũng dẫn binh nghinh tiếp và trợ giúp cho tiền bạc, lương thực. Khi đến Lịch Dương (nay là Hòa Huyện, tỉnh Giang Tô), thì binh lực của Tôn Sách đã lên đến năm sáu nghìn người.

Sau khi Tôn Sách qua sông, chỉ trong vòng bốn năm ông đã liên tục chinh chiến, đánh Đông dẹp Bắc, tiêu diệt toàn bộ thế lực cát cứ ở Giang Đông, mở mang sáu quận tại đây là Đơn Dương, Ngô Quận, Cối Kê, Dự Chương, Lư Giang, Lư Lăng, xưng bá một cõi tại Giang Đông, để xây dựng sự nghiệp cho mình thời gian khai quốc nhanh chóng của Tôn Sách, hơn hẳn Tào Tháo và Lưu Bị.

Thời thế tạo anh hùng, nhưng anh hùng cũng tạo thời thế. Tôn Sách sở dĩ thành công, điều trước tiên là do quyết sách chiến lược đúng đắn. Vì "thời loạn chiếm giữ và khai thác vùng biên cương" là một quyền sách cho thấy ông là người có tầm nhìn xa rộng và sự quả đoán hơn người. Kế đó, Tôn Sách còn là người giỏi thu phục nhân tâm, "giỏi dùng người, nên kẻ sĩ ai ai cũng vui vẻ góp sức với ông cho đến chết mới thôi". Hơn nữa, kỷ luật quân đội của ông rất nghiêm minh, quân ông kéo tới đâu thì con gà con chó, trái ớt cọng hành đều không xâm phạm, cho nên bá tánh ai ai cũng ủng hộ ông. Tất nhiên, một yếu quan trọng khác nữa là Tôn Sách dụng binh "mạnh mẽ thần tốc" kéo tới đâu thắng tới đó, không ai dám đương đầu. Vì đó chính là phẩm chất của một vị đại tướng có tài năng chỉ huy trác tuyệt của ông. Kể từ ngày ông vượt sông Trường Giang cho tới nay, đánh đâu thắng đấy, ai nghe nói đến Tôn lang kéo binh tới nơi, thì đều cuống vó bỏ chạy trước. Viên Thuật từng khen ngợi rằng :

- Nếu tôi có được một đứa con trai như Tôn Lang, thì dù có chết cũng không còn gì ân hận.

Một năm sau khi Tôn Sách vượt sông khai thác vùng Giang Đông, thì đất đai ngày một rộng, thế lực ngày một to, được xem như đã đủ lông đủ cánh, nên muốn thoát ly khỏi Viên Thuật để tự lập. Ông nghe Viên Thuật đang nuôi giấc mộng làm hoàng đế tại Thọ Xuân, bèn chực lấy cơ hội đó cắt đứt quan hệ với Viên Thuật. Tháng giêng năm thứ hai niên hiệu Kiến An (công nguyên 197), sau khi Viên Thuật

xung đê, Tôn Sách liền áp dụng chính sách liên kết với Tào Tháo ở phương Bắc để chống lại Viên Thuật. Tào Tháo liền dâng biểu phong cho Tôn Sách làm Ky Đô úy, kế thừa chức Ô Hoàn Hầu, kiêm luôn chức Thái Thú Cối Kê. Về sau, Tào Tháo biết Tôn Sách đã bình định được vùng Giang Nam thì lại rất lo lắng. Nhưng vì binh lực của Tào Tháo không đủ để tranh phong với Tôn Sách ở một vùng xa xôi này, nên đành chỉ đưa mắt nhìn. Tôn Sách đánh nhau với thế lực cát cứ trong vùng rộng cả nghìn dặm, và chiếm được trọn vẹn vùng Giang Đông. Tào Tháo tuy luôn luôn tìm cách lôi kéo Tôn Sách, nhưng Tôn Sách thì không bao giờ bằng lòng chịu sự tiết chế của Tào Tháo.

Năm thứ năm niên hiệu Kiến An (công nguyên 200), trong khi Tào Tháo và Viên Thiệu giằng co tại Quan Độ, hậu phương lỏng lẻo, Tôn Sách bèn chọn thời cơ này, thực hiện kế hoạch "đánh lén vào Hứa Xương, để rước vua nhà Hán". Tôn Sách bố trí quân đội đâu vào đấy, tập kết tại bờ sông chờ đợi. Khi tin tức này truyền đến doanh trại của Tào Tháo, tập đoàn các mưu sĩ của Tào Tháo đều "lấy làm lo sợ". Vì Tôn Sách là người dũng cảm thiện chiến, lại có mưu sĩ trứ danh là Châu Do trợ tá. Do vậy, đối với Tào Tháo đây là một sự uy hiếp cực kỳ to lớn.

Nhưng, chỉ có Quách Gia là có ý kiến khác hơn mọi người. Ông cho rằng Tôn Sách là một thế lực không đáng lo ngại. Ông đoán, hành động này của Tôn Sách khó mà thành công. Mọi người cảm thấy khó hiểu đối với sự nhận định trên. Quách Gia bèn giải thích rồi suy đoán thêm :

- Tôn Sách vừa mới thôn tính Giang Đông, những người bị Tôn Sách giết đều là anh hùng hào kiệt cả. Dưới tay của họ có rất nhiều môn khách và tướng sĩ sẵn sàng tìm cách trả thù cho chủ nhân của mình. Trong khi đó, Tôn Sách lại rất xem thường, không chú ý phòng bị. Mặc dù dưới tay Tôn Sách có hàng triệu binh mã, nhưng một khi ông ấy đi một mình trong chỗ hoang vắng, nếu có thích khách mai phục đánh lén, thì Tôn Sách chỉ có thể dùng sức cá nhân của mình để đối phó mà thôi. Theo tôi thấy, con người này chắc chắn sẽ chết dưới tay của một kẻ thất phu.

Mọi người nghe qua lời tiên đoán của Quách Gia, vẫn bán tín bán nghi. Họ tin lời phân tích trên của Quách Gia là có lý, nhưng vẫn nghi ngờ Tôn Sách phải chăng "thực sự chết dưới tay của một kẻ thất phu". Nhưng không bao lâu sau, sự dự đoán chừng như khó tin ấy, lại được sự thật chứng minh là đúng. Sử chép : "Sách đến Giang Đông chưa bao lâu, thì quả bị môn khách của Hứa Công giết chết". Tất cả mọi người đều không tiếc lời khen ngợi sự tiên đoán của Quách Gia, và hết sức bái phục ông.

Thì ra, Hứa Công lúc giữ chức Thái Thú Ngô Quận, từng dâng biểu lên vua nhà Hán, kiến nghị "Triệu Tôn Sách trở về Kinh Ấp", "nếu để ông hoạt động ở ngoài thì sẽ gây họa cho đời". Tôn Sách biết được tin này hết sức giận dữ, bèn chỉ huy một toán quân tiến phía Nam, chiếm lấy Tiền Đường (nay là vùng phụ cận Hàng Châu, tỉnh Triết Giang), để chặn không cho Hứa Công liên minh được với Cối Kê Vương là Lang, để chống cự với mình, rồi sau đó mới chuyển quân đánh lên phía Bắc. Chỉ trong một trận là chiếm được Ngô Quận, bắt Hứa Công và ra lệnh cho binh sĩ lấy thừng thắt cổ giết chết.

Sau khi Hứa Công chết, có ba môn khách thường tìm cơ hội để trả thù cho chủ mình, nhưng họ chưa gặp thời cơ thuận tiện.

Bình nhật, Tôn Sách rất thích đi săn bắn, thường dẫn theo một ít tùy tùng rồi đi vào rừng săn thú. Bộ hạ của Tôn Sách thấy vậy thường khuyên ông đừng đi ra ngoài một cách liêu lĩnh như vậy. Tôn Sách dù thấy lời khuyên trên là có lý, nhưng vẫn không thể thay đổi tập quán vốn ưa thích của mình. Trong

"Tam Quốc Diễn Nghĩa" miêu tả việc này như sau : "Một hôm, Tôn Sách dẫn quân đi săn ở Tây Sơn, thuộc vùng Đơn Đô. Ông đuổi theo một con nai to, nên đã thúc ngựa vượt lên núi. Trong khi đang truy đuổi, thấy trong rừng cây có ba người cầm giáo mang cung đứng ở đấy. Tôn Sách gò cương ngựa hỏi: "Các người là ai ?". Đáp : "Chúng tôi là quân sĩ của Hàn Đương đang săn nai ở đây". Trong khi Sách định thúc ngựa bỏ đi, thì một người cầm giáo nhắm đâm vào đùi của Sách. Sách cả kinh, vội vàng lấy gươm rồi thúc ngựa xông tới chém. Nhưng lưỡi gươm gãy và rơi xuống đất, chỉ còn cán gươm cầm trong tay. Một người nữa cầm cung lấp tên bắn trúng gò má của Sách. Sách nhổ mũi tên trên gò má, rồi lấy cung lấp tên bắn trả lại người đó. Đối phương trúng tên ngã xuống chết tại chỗ. Hai người còn lại bèn cầm giáo đâm Sách túi bụi và la to "Bọn ta đây là gia khách của Hứa Công, đặc biệt tìm tới nơi này để trả thù cho chủ nhân !". Sách không còn vũ khí gì khác, phải lấy cây cung để chống trả, vừa chống vừa bỏ chạy. Hai người kia đuổi theo không tha. Sách bị trúng mấy mũi giáo, con ngựa cũng bị thương. Giữa lúc nguy cấp, thì Trình Tấn dẫn mấy người tới nơi. Sách la to : "Giết giặc ?". Trình Tấn dẫn đám đông xông lên, dùng loạn đao bằm nát những gia khách của Hứa Công thành một đồng thịt vụn. Khi họ quay lại xem Tôn Sách, thấy ông máu chảy đỏ mặt, bị thương rất nặng. Họ liền cắt vạt áo dài để rịt vết thương, rồi cứu Tôn Sách về Đô Hội để dưỡng bệnh".

Ngay đêm đó, Tôn Sách vì bị thương quá nặng nên đã chết. Năm chết ông mới hai mươi sáu tuổi. Người em là Tôn Quyền lên thay thế chỉ huy toàn bộ binh mã.

Cái chết của Tôn Sách được Quách Gia đoán trúng. Ông ta chết lúc sắp sửa tấn công Hứa Đô, đó âu cũng là ngẫu nhiên thôi. Do vậy, Bùi Tùng khi chú thích "Tam Quốc Chí" có nói : "Gia biết Tôn Sách có tính khinh nhờn, nên chắc chắn sẽ chết dưới tay của một kẻ thất phu, và mọi việc xảy ra đúng như Quách Gia đã tiên liệu. Nhưng đó cũng chưa phải là người thượng trí, vì chưa đoán được Tôn Sách sẽ chết vào năm nào. Nay Tôn Sách chết đúng vào năm chuẩn bị đánh Hứa Đô, đó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên". Nhưng ông ấy có thể đoán biết Tôn Sách "chắc chắn sẽ chết dưới tay của một kẻ thất phu, chứng tỏ ông đối với các tập đoàn chính trị, quân sự, đều hiểu rất sâu. Đối với động hướng của họ, ông hiểu rõ từng chi tiết. Đối với những nhân vật chủ chốt có tính tình ra sao, ông cũng hiểu rất cặn kẽ. Là một nhà mưu lược kiệt xuất, Quách Gia tuy suốt ngày phải bận rộn với chuyện quân vụ trong doanh trại của Tào Tháo, nhưng đối với sở trường sở đoản, mâu thuẫn nội bộ, xu thế phát triển của các thế lực ở Giang Đông dưới sự thống trị của Tôn Sách, thì ông hiểu rõ mồn một. Điều đáng quý hơn, ấy là ông còn có tài năng rất cao để khái quát, phân tích và suy đoán những tài liệu phong phú có sẵn trong tay của mình, nên mới có thể dự kiến một cách chính xác, mà người thông thường không làm sao tưởng tượng nổi.

5. Dùng Trí Đánh Bại Họ Viên

Sau khi hai tập đoàn lớn của Tào Tháo và Viên Thiệu nổi dậy, thì họ đều có ý đồ xưng vương. Do đó, đôi bên luôn xung đột và việc đi đến đánh nhau bằng quân lực là điều không thể tránh khỏi.

Ngay từ niên hiệu Sơ Bình nguyên niên (công nguyên 190), Viên Thiệu đã từng nói :

- Tôi phải chiếm cứ và đóng giữ Hoàng Hà ở phía Nam, và khống chế Yên, Đại ở phía Bắc, rồi sau đó mới chỉ huy tướng sĩ ở phía Bắc đại hà, tiến xuống phía Nam để giành thiên hạ.

Đến tháng sáu năm thứ tư niên hiệu Kiến An (công nguyên 99), Viên Thiệu sau khi tiêu diệt được Công Tôn Toản và chiếm được bốn châu Thành, Ký, Tín, U, thì quân đội đã tăng lên mấy vạn người, thế lực càng thêm hùng mạnh. Ông triệu tập các tướng lãnh và các mưu sĩ lại để nghiên cứu các phương án tác chiến. Trải qua một cuộc tranh luận kịch liệt, cuối cùng ông đã lấy ý kiến của Quách Đồ Thẩm Phối, xác định phương châm tác chiến và lập tức tiến công, tập trung binh lực, đánh thốc vào Hứa Xương. Do vậy, ông liền chọn mười vạn tinh binh, một vạn ngựa chiến, tám nghìn kỵ binh người Hồ, tiến xuống phía Nam dự định đánh lấy Hứa Xương.

Sau khi Viên Thiệu xuất quân, một số văn thần võ tướng của Tào Tháo đều sợ hãi. Trải qua sự giải thích và động viên của Tào Tháo và Tuân Vực, họ mới tạm ổn định và đoàn kết nhất trí, đưa binh đi nghênh địch với một niềm tin vững chắc. Lúc bấy giờ Tào Tháo điều hai vạn tinh binh và tiến quân đến Lê Dương vào tháng tám năm công nguyên 199, chủ động chặn đánh địch.

Không ngờ, giữa lúc Tào Tháo bố trí quân lực để tác chiến với Viên Thiệu, thì vào tháng mười hai năm công nguyên 199, Lưu Bị, người vốn trước đây từng nương nhờ vào Tào Tháo, lại đứng lên giết chết Thứ Sử Từ Châu là Xa Trụ, chiếm lấy Từ Châu, Hạ Phi cùng một số địa phương khác, rồi tiếp tục cử binh chống lại Tào Tháo, tạo thế hưởng ứng từ xa với Viên Thiệu. Lúc bấy giờ, quận Đông Hải và các quận gần đó, hầu hết đều chạy theo Lưu Bị. Quân đội của Lưu Bị tăng lên đến mấy vạn người, thanh thế khá to. Đứng trước tình hình bất ngờ đó, Tào Tháo vì muốn tránh đối địch với hai chiến tuyến, liền chuẩn bị tự mình thân chinh, nhanh chóng đánh bại Lưu Bị.

Ngoài ra, Tào Tháo từ lâu đã nhận thấy trong tương lai, người đứng ra tranh thiên hạ với mình chính là Lưu Bị. Cho nên ông từng nói với Lưu Bị :

- Anh hùng trong thiên hạ chỉ có sứ quân và Tào này thôi ?

Trước kia, khi Lưu Bị thất bại chạy đến nương nhờ, Tào Tháo đã ra sức lôi kéo. Về sau, Lưu Bị muốn đưa quân đi đánh Viên Thuật, Tào Tháo cũng đồng ý để cho Lưu Bị rời đi.

Lúc bấy giờ, Quách Gia từng nắm cương ngựa lại, khuyên can :

- Thả Lưu Bị tất sẽ có biến đây - ông còn nói thêm - cho dù không giết Lưu Bị, thì cũng không nên để

cho ông ấy ra đi.

Quách Gia còn dẫn một câu cổ ngữ : "một ngày thả địch, hậu hoạn muôn đời" để làm bằng chứng. Tào Tháo nghe qua cảm thấy rất hối hận, bèn sai Hứa Chử cưỡi ngựa đuổi theo. Nhưng, Lưu Bị như cá đã vào biển, như chim đã bay vào trời xanh, một ra đi không bao giờ trở lại. Tào Tháo rất hối hận vì đã không nghe lời nói của Quách Gia. Giờ đây, Lưu Bị đã công khai phản lại, tất nhiên Tào Tháo không thể xem thường được.

Nhưng các tướng lãnh dưới trướng của Tào Tháo cảm thấy rất khó hiểu, nên nói với Tào Tháo :

- Người tranh thiên hạ với ngài chủ yếu là Viên Thiệu. Hiện nay Viên Thiệu đang xua quân tiến đánh, vậy tại sao ngài lại buông bỏ Viên Thiệu không đánh, mà lại đông chinh để đánh Lưu Bị ? Vạn nhất Viên Thiệu thừa cơ sau lưng mình trống rỗng, đánh vào thì phải đối phó ra sao ?

Tào Tháo giải thích:

- Lưu Bị là một ánh kiệt trong quần hùng, nay nếu không trừ, tất sẽ có hậu hoạn.

Trong thời điểm căng thẳng đó, Quách Gia đã tán thành ý kiến của Tào Tháo. Ông nói:

- Viên Thiệu là người có tính chậm chạp, cho dù có tiến đánh cũng không thể nhanh chóng. Trong khi đó Lưu Bị mới cử binh không bao lâu, nhân tâm chưa quy phục, lực lượng chưa to, phải đánh thực nhanh chóng thì có thể đánh bại được ông ta. Đây là một cơ hội sinh tử tồn vong, tuyệt đối không thể để mất.

Tào Tháo hạ quyết tâm, chính mình chỉ huy tinh binh đi bất kể ngày đêm tiến về phía đông, nhanh chóng đánh chiếm được Bành Thành, Hạ Phi, bức hàng Quan Vũ. Toàn quân của Lưu Bị bị đánh tan rã, vợ con bị bắt sống. Bản thân Lưu Bị phải bỏ chạy đến Hà Bắc để nương nhờ vào Viên Thiệu.

Việc kéo quân đông chinh để đánh Lưu Bị, có thể nói là khúc nhạc mở đầu cho trận đại chiến Quan Độ. Đối với Tào Tháo mà nói, trận đánh nhau với Viên Thiệu sẽ bùng nổ nay mai, vậy nếu không nhanh chóng dập tắt thế lực phản loạn của Lưu Bị, để nó từ một tia lửa nhỏ bùng cháy rộng ra khắp mọi nơi, thì Tào Tháo sẽ lâm vào khốn cảnh là hai mặt đều thụ địch. Vậy, trước khi trận đại chiến bùng nổ, cần phải tiêu diệt kẻ thù thứ yếu để củng cố hậu phương, đó là một hành động hết sức sáng suốt. Tào Tháo có quyết sách như vậy là hoàn toàn chính xác. Nhưng ý kiến của các tướng lãnh không phải hoàn toàn không có lý. Vì đối với Viên Thiệu mà nói, một khi Lưu Bị khởi binh đánh Tào Tháo, thì đúng là thời cơ tuyệt hảo để cho Viên Thiệu tấn công quân Tào. Cho nên, sự lo ngại của các tướng lãnh cũng là một vấn đề quan trọng.

Khi thấy các tướng lãnh tỏ ý phản đối, thì ngay cả Tào Tháo cũng tỏ ra do dự, chưa dám quyết định dứt khoát. Ông bèn hỏi ý kiến Quách Gia. Sau khi nghe qua lời phân tích của Quách Gia, thì bao nhiêu nỗi lo ngại trong lòng ông đều bay đi tất cả. Quách Gia đã phân tích tình hình của Viên Thiệu và Lưu Bị, cho thấy nếu Tào Tháo đông chinh, Viên Thiệu có thể vẫn ngồi yên để xem thành bại, chứ không tức khắc tiến binh (về sau sự thực đã chứng minh là đúng). Được vậy tất nhiên là tốt. Nhưng, nếu vạn nhất Viên Thiệu có xuất binh, thì "tốc độ tiến quân cũng không nhanh", do Viên Thiệu có "tính chậm

chạp và đa nghi". Như vậy, sẽ cho Tào Tháo một khoảng thời gian quý giá có thể lợi dụng được, mặc dù nó rất ngắn ngủi. Then chốt là ở chỗ quân Tào trong khoảng thời gian hết sức ngắn ngủi đó, có thể nhanh chóng giành được thắng lợi trong cuộc dẹp loạn hay không? Nếu việc đông chinh kéo dài thời gian, khó đánh bại được Lưu Bị ngay, thì kế hoạch đông chinh không thể thực thi được. Mà điểm này phải từ sự so sánh lực lượng giữa đôi bên mà quyết định. Riêng Quách Gia, đối với các mặt binh lực, sức chiến đấu, sĩ khí, dân tâm của đôi bên đã phán đoán nếu "đánh gấp thì sẽ thắng". Điều đó cũng hoàn toàn phù hợp với quy luật cơ bản của quân sự học. Qua luận chứng của Quách Gia, khiến Tào Tháo lập tức củng cố niềm tin của mình hơn, và đã giành được thành công.

Về phía Viên Thiệu, trong khi Tào Tháo mở cuộc đông chinh thì mưu sĩ Điền Phong kiến nghị :

- Tào Tháo và Lưu Bị đang đánh nhau, chiến sự chắc là không thể giải quyết nhanh chóng được. Vậy ngài nên cử binh tấn công vào hậu phương của Tào Tháo, thì chỉ đánh một trận thôi, là có thể giành được thắng lợi.

Điền Phong tuy nhận xét lầm Tào Tháo không có cách nào đánh bại được Lưu Bị một cách nhanh chóng, nhưng kiến nghị nên thừa lúc đối phương sơ hở mà tấn công của ông ta, lại chính là điều mà tập đoàn Tào Tháo đang lo ngại nhất. Nhưng Viên Thiệu mượn cớ con mình bị bệnh, không tiếp nhận kiến nghị của Điền Phong, mà vẫn tiếp tục án binh bất động. Điền Phong thấy vậy cất tiếng than : "Gặp cơ hội nghìn năm một thuở mà lại lấy cớ hài nhi bị bệnh, bỏ mất thời cơ. Đại sự đã hỏng rồi, thực đáng tiếc thay!". Dứt lời, ông giậm chân thờ dài rồi bỏ đi ra.

Qua câu chuyện trên, có thể nhận thấy Quách Gia đối với thời cơ đã nắm rất kịp thời. Nắm vững tình huống diễn biến phức tạp của sự vật, cũng như những sự thay đổi bất ngờ có thể có của nó, rồi căn cứ vào điều kiện cụ thể, không buông bỏ thời cơ, chính là trí tuệ cần có của các nhà mưu lược. Thời cơ thường chỉ đến một lần rồi qua mất, không bao giờ trở lại. Mọi người vẫn thường nói "Bỏ qua dịp tốt, tiếc rẻ nghìn đời" để cảnh báo mọi người nên kịp thời nắm lấy mọi diễn biến của sự vật, nắm lấy khâu quan trọng nhất, và biết ứng biến tùy thời cơ. Tất cả những việc đó đều phải có đôi mắt sáng suốt. Khi thời cơ vừa xuất hiện là đã nhận thấy ngay, chụp nó liền, quyết không để cho nó thoát đi. Về mặt này, Quách Gia và Điền Phong rõ ràng là người đã có đôi mắt như vậy. Quách Gia bảo việc đông chinh đánh Lưu Bị là "thời cơ sống chết, không thể bỏ qua". Điền Phong thì nói : "Thời cơ hiếm có lại để mất đi. Đại sự đã hỏng rồi". Mặc dù đôi bên đã nói trong trường hợp khác nhau, nhưng phản ánh họ có cùng một ý nghĩa, thời cơ nghìn năm một thuở hết sức quý báu. Phải chăng có thể nắm được nó, là một vấn đề cực kỳ trọng đại, có ảnh hưởng rất sâu xa.

Cố nhiên việc phát hiện thời cơ là một vấn đề quan trọng. Nhưng, cuối cùng phải chăng có thể nắm được nó mới là điều đáng nói. Về mặt này, Quách Gia đã thành công, còn Điền Phong thì đã thất bại. Nguyên nhân sâu xa của sự thành công và thất bại đó, vì họ đều là mưu sĩ, chỉ có quyền kiến nghị chứ không có quyền định đoạt. Cả hai người đều phát hiện thời cơ, nói rõ phương pháp để nắm lấy thời cơ, nhưng người định cuối cùng lại là Tào Tháo và Viên Thiệu. Kết cục, một người thì tiếp nhận, còn người khác thì buông bỏ, cho nên mới dẫn tới kết quả hoàn toàn khác nhau.

Tất nhiên, mỗi sự vật đều có hướng đi khác nhau của nó, và trong quá trình vận hành đó, lại có nhiều sự chuyển biến xảy ra. Như vậy, nó đề xuất cho mọi người nhiều khả năng để chọn lựa. Luôn nắm lấy thời cơ, thì phải dự kiến cho được hướng đi cuối cùng của sự vật, gạt bỏ tất cả những khả năng khác.

Như vậy, đương nhiên là có tính nguy hiểm trong đó. Cho nên một nhà mưu lược cần có năng lực phán đoán và dự kiến một cách gan dạ, thông minh chuẩn xác. Cho nên có thể nói, khả năng dự kiến chính là khả năng không thể thiếu được của những nhà mưu lược. Riêng về mặt này, nếu so sánh giữa Điền Phong và Quách Gia, thì rõ ràng Điền Phong kém hơn một bậc.

Quách Gia dự kiến khi đông chinh để đánh Lưu Bị, thì có thể giành được thắng lợi nhanh chóng. Trong khoảng thời gian này Viên Thiệu rất có khả năng xuất binh. Nhưng cho dù có xuất binh, thì cũng do bản tính chậm chạp nên không ảnh hưởng to lớn đối với tình hình chung. Về sau, sự thực đã nhất nhất chứng minh tính chuẩn xác của dự đoán trên. Trong khi đó, Điền Phong có một sai lầm thứ nhất, là dự đoán Tào Tháo không thể đánh thắng Lưu Bị nhanh chóng. Thứ hai, chính bản thân ông đã không chọn được người chúa sáng suốt. Dù ông có thể nghĩ ra nhiều mưu kế hay, nhưng chả lẽ ông lại không hiểu rõ vị chúa công của mình là người có tánh cách ra sao? Ông nuôi ảo tưởng, Viên Thiệu sẽ nghe theo những kiến nghị của mình. Chính vì vậy mà ông khó tránh khỏi nhiều sự thất bại. Tính dự kiến chuẩn xác phải đặt trên cơ sở biết người. Quách Gia đối với Viên Thiệu tỏ ra hiểu biết sâu sắc hơn so với Điền Phong. Điều đó chính là lý do đưa Quách Gia đến nhiều sự thành công.

Sau khi đánh bại Lưu Bị, Tào Tháo nhanh chóng rút quân về Quan Độ. Tháng hai năm thứ năm niên hiệu Kiến An (công nguyên 200), Viên Thiệu tiến quân đến Lê Dương, phía Nhan Lương xưa quân bao vây tấn công Bạch Mã, để đảm bảo an toàn cho chủ lực vượt sông, Tào Tháo đã áp dụng chiến thuật thanh đông kích tây, để hấp dẫn quân của Viên Thiệu đến Diên Tân, rồi mới cấp tốc đưa quân đến giải vây cho Bạch Mã. Đại quân của Tào Tháo đi chưa được mười dặm thì đã gặp Nhan Lương. Nhan Lương vừa trông thấy quân Tào thì kinh hoàng thất sắc, vội vàng dàn trận để nghênh chiến. Tào Tháo ra lệnh cho Trương Liêu, Quan Vũ vừa nhìn thấy lá đại kỳ của Nhan Lương liền thúc ngựa chạy nhanh như bay đến phía dưới lá cờ chém chết Nhan Lương giữa hàng triệu binh sĩ. Quân Nhan như rắn mất đầu, rối loạn hàng ngũ nên việc giải vây Bạch Mã đã tiến hành một cách dễ dàng.

Viên Thiệu nghe tin cả giận, ra lệnh cho toàn quân vượt sông để truy kích. Ông ta còn ra lệnh cho Đại tướng Văn Sữu dẫn năm nghìn binh làm tiên phong đi mở đường.

Lúc bấy giờ, quân Tào đang rút lui về Quan Độ. Khi tới bờ nam Diên Tân, Tào Tháo ra lệnh cho kỵ binh gỡ bỏ yên ngựa, và không mấy chốc, chiến mã bỏ chạy loạn xạ, vũ khí vứt đầy đất. Văn Sữu nhanh chóng đuổi kịp, thấy quân Tào đã bỏ chạy, bèn bảo binh sĩ thu lượm chiến lợi phẩm. Nào ngờ, sau một tiếng ra lệnh của Tào Tháo, sáu trăm tinh binh đang mai phục sẵn, nhanh nhẹn phi thân lên lưng ngựa, xông ra chém giết quân của Viên Thiệu với khí thế mãnh liệt chưa từng có. Quân Viên Thiệu không kịp đề phòng, vừa giao phong là đã bại trận. Đại tướng Văn Sữu cũng trở thành ma không đầu dưới lưỡi đao của đối phương.

Viên Thiệu bị hao binh tổn tướng, nhưng nhất định không chịu thua. Ông ta ra lệnh cho chiến sĩ tiếp tục tiến binh và truy đuổi theo tới Quan Độ, mới xuống lệnh hạ trại đóng binh. Lúc bấy giờ, quân Tào đã bố trí trận địa xong từ lâu, đắp lũy thật kiên cố. Viên Thiệu ra lệnh cho binh sĩ của mình đắp những núi đất to bên ngoài doanh trại của Tào Tháo, rồi bố trí những tay bắn cung giỏi lên trên cao bắn xuống. Quân binh của Tào Tháo phải dùng thuẫn để che tên, mới có thể đi lại được trong doanh trại.

Bị bắn liên miên như vậy, Tào Tháo cảm thấy thực lo lắng, bèn triệu tập các mưu sĩ lại để bàn cách đối phó. Cuối cùng, trong doanh trại của Tào Tháo sáng chế ra được một loại "xe sấm sét". Trên loại

xe này đặt một cái máy bắn đá, có sức mạnh bắn những viên đá mườì mấy cân bay ra xa ngoài ba trăm bộ. Nhờ vậy những ụ đất cao cũng như những đài cao của Viên Thiệu, đều bị bắn sập. Những tay bắn cung bị đá bắn trúng vỡ đầu đổ máu, thương vong vô số. Viên Thiệu liền ra lệnh cho binh sĩ lợi dụng đêm tối, lén đào địa đạo định bất thần tấn công vào doanh trại của Tào Tháo. Quân Tào sau khi phát hiện, bèn đào những rãnh chắn ngang, cắt đứt địa đạo của đối phương. Kế hoạch đánh lén của Viên Thiệu xem như thất bại hoàn toàn.

Do vậy, hai quân chong mặt nhau nhiều ngày, mà tình hình không có sự tiến triển chi cả.

Mấy hôm sau, lương thực của quân Tào bắt đầu khiếm khuyết, sĩ tốt bắt đầu mỗi mệ, Tào Tháo có ý định rút bỏ Quan Độ lui về giữ Hứa Xương. Nhưng mưu sĩ Tuân Vực viết thư khuyên : “Tuy nay lương thực trong quân đội khiếm khuyết, nhưng chưa bằng tình hình khiếm khuyết lương thực hai quân Sở và Hán đánh nhau tại Huỳnh Dương và Thành Cao. Lúc bấy giờ Lưu Bang và Hạng Võ không ai chịu rút lui cả. Vì kẻ nào rút lui trước thì kẻ đó sẽ bị thiệt hại to. Nay ngài với một binh lực yếu kém hơn, mà đã chia ranh giữ đất, nắm lấy yết hầu của đối phương để chúng không thể tiến lên được. Tình hình đó đã kéo dài nửa năm rồi, vậy một khi tình hình diễn biến đến mức cùng cực, thì tất nhiên sẽ có biến động. Đến chừng đó, chúng ta sẽ dùng kỵ binh tập kích, chắc chắn sẽ giành được thắng lợi thôi”. Thế là Tào Tháo quyết tâm tăng cường phòng thủ, chịu đựng khó khăn trước một tình thế đầy gay go, để chờ sự biến động, rồi mới chụp lấy thời cơ mà đánh đối phương.

Quả nhiên, nội bộ của Viên Thiệu đã bộc lộ sự mâu thuẫn. Mưu sĩ Hứa Do hiến kế cho Viên Thiệu, bằng lòng để cho ông ta nhân lúc Hứa Đô phòng thủ lỏng lẻo, phái một cánh binh đi vòng qua Quan Độ tập kích Hứa Đô. Viên Thiệu không nghe, cố chấp nói:

- Ta phải dẫn đầu để bắt Tào Tháo !

Vừa lúc đó, người nhà của Hứa Do vì phạm pháp nên bị bắt giam. Hứa Do nghe được tin này thì cả giận, ngay trong đêm đã chạy sang đầu hàng Tào Tháo. Mới vừa định cời hia nằm ngủ, nghe tin Hứa Do xin yết kiến, Tào Tháo vui mừng, bèn đi chân không ra nghênh đón. Vừa trông thấy mặt, Tào Tháo vỗ tay cười, nói :

- Có ông tới đây, thì đại sự của tôi có hy vọng thành công rồi!

Hứa Do bèn cung cấp tin cho Tào Tháo biết, hiện quân đội của Viên Thiệu đang dự trữ lương thực tại Ô Sào, việc canh phòng không nghiêm ngặt. Hứa Do kiến nghị Tào Tháo phái một cánh quân lén vào đấy, đốt sạch lương thảo đi. Nếu được vậy, thì "không quá ba ngày, Thiệu chắc chắn sẽ đại bại".

Tào Tháo nghe qua vui mừng, lập tức hành động ngay. Ông để Tào Hồng, Tuân Du ở lại giữ đại doanh, còn chính mình thì dẫn bộ binh và kỵ binh hơn năm ngàn người, trương cờ quân Viên Thiệu, lợi dụng đêm tối, âm thầm theo đường tắt đến Ô Sào. Đến nửa đêm thì họ đã tới nơi. Quân Tào liền bao vây kho lương, nổi lửa đốt khắp bốn bên, thiêu rụi một vạn xe lương thực của quân Viên Thiệu.

Tin tức lương thảo bị đốt cháy truyền đến tiền tuyến, quân của Viên Thiệu đều sợ hãi hoang mang mất cả bình tĩnh. Đại tướng Trương Hợp, Cao Lãm quay ngược mũi giáo, dẫn binh sĩ dưới tay mình chạy sang đầu hàng Tào Tháo. Tào Tháo thừa thế đẩy mạnh cuộc tấn công, xuất kích toàn diện. Quân Viên Thiệu bỏ chạy tứ tán. Viên Thiệu và con trai của ông là Viên Đàm chưa kịp mặc khôi giáp, dẫn tám

trăm kỵ binh hốt hoảng bỏ chạy về Hà Bắc.

Sau trận chiến bại tại Quan Độ, thế lực của Viên Thiệu cũng còn to lớn, nhưng bản thân ông lại quá buồn lo, nên đã ngã bệnh và ói máu chết vào năm thứ bảy niên hiệu Kiến An (công nguyên 202). Lúc bấy giờ, tập đoàn họ Viên vẫn còn thế lực to lớn. Đưa con trai nhỏ của Viên Thiệu là Viên Thượng đóng tại Nghiệp Thành, chỉ huy quân đội cũ của cha. Riêng Viên Đàm, Viên Khang thì không chế hầu hết đất đai ở vùng phía Bắc sông Hoàng Hà.

Mấy đứa con trai của Viên Thiệu, mỗi người đều có ý đồ khác nhau, không đoàn kết nhau, mạnh ai nấy lo mở rộng thế lực riêng của cá nhân mình. Lúc Viên Thiệu còn sống, họ tranh giành quyền nói ngời với nhau nên ai cũng bổ sung và mở rộng thực lực của mình. Họ dựa vào bè cánh đấu tranh với nhau không ngừng nghỉ. Mưu sĩ Thảm Phôi, Phùng Kỷ, ủng hộ Viên Thượng là người con nhỏ được Viên Thiệu ưa thích. Còn Tân Bình, Quách Đồ thì ủng hộ người con trai trưởng của Viên Thiệu là Viên Đàm. Sau khi Viên Thiệu chết, Thảm Phôi truyền di mệnh giả của Viên Thiệu, đưa Viên Thượng lên nói ngời. Viên Đàm tất nhiên rất bất mãn, thường có những lời lẽ oán trách.

Viên Thượng cũng nghi ngờ người anh cả của mình, nên cấp cho quân đội rất ít. Viên Thượng còn phái Phùng Kỷ đi theo Viên Đàm, trên danh nghĩa là đệ phụ tá, nhưng kỳ thật là để theo dõi. Viên Đàm nhiều lần yêu cầu tăng thêm binh mã, nhưng Viên Thượng và Thảm Phôi vẫn một mực không nghe. Vì quá tức giận, Viên Đàm đã giết Phùng Kỷ. Như vậy, mối mâu thuẫn giữa anh em họ Viên lại càng gay gắt hơn.

Sau trận đánh Quan Độ, Tào Tháo để cho binh sĩ của mình được nghỉ ngơi, rồi mới lợi dụng mối mâu thuẫn giữa Viên Thượng và Viên Đàm, xua quân vượt sông Hoàng Hà, tiến lên phía Bắc để chinh phạt. Tháng chín năm thứ bảy niên hiệu Kiến An, quân Tào tấn công Viên Đàm đang đóng binh tại Lê Dương. Đàm không đủ sức chống trả, buộc phải cấp báo và xin viện binh với Viên Thượng. Viên Thượng muốn phái binh giúp cho anh, nhưng sợ Viên Đàm mượn quân rồi không trả. Vậy nếu ngồi nhìn mà không cứu thì lại sợ Lê Dương bị mất, không có lợi cho mình. Do vậy, Viên Thượng để Thảm Phôi ở lại giữ Nghiệp Thành, còn bản thân mình thì dẫn đại quân đi cứu viện Lê Dương. Kết quả Viên Đàm, Viên Thượng, Viên Khang, Cao Cán (cháu họ ngoại của Viên Thiệu) đều bị đại bại, bỏ Lê Dương lui về bảo vệ Nghiệp Thành. Tào Tháo chiếm cứ được Lê Dương là cửa ngõ quan trọng của Ký Châu, dựa vào đó tạo điều kiện thuận lợi để tiến lên tiêu diệt tập đoàn họ Viên.

Do quân Tào chiến thắng liên tiếp, nên các tướng lĩnh đều phấn khởi, muốn thừa thắng truy kích và bao vây để hạ Nghiệp Thành. Giữa lúc mọi người đang phấn khởi thì Quách Gia bỗng đề xuất nên dừng ngay cuộc tấn công, rút quân trở về để mở ngay cuộc Nam chinh đánh Lưu Biểu. Mọi người hoang mang không hiểu ra sao. Họ liên tưởng trước đây khi đánh Lữ Bố tại Hạ Phi, Quách Gia đã áp dụng chiến thuật thừa thắng tấn công tới tấp. Trước tình hình binh mã của đối phương đang mệt mỏi, nên chỉ tấn công có hai tháng, là đã bắt sống được Lữ Bố và giết đi. Nay anh em họ Viên đang bại trận liên tiếp, chỉ cần bao vây Nghiệp Thành và tấn công mạnh, thì sẽ hạ được thành này một cách nhanh chóng. Thế tại sao lại chủ trương rút quân? Nếu giờ đây điều quân xuống phía Nam để chinh phạt Lưu Biểu, há chẳng phải để cho hai anh em họ Viên có thì giờ nghỉ ngơi dưỡng sức hay sao?

Đôi với việc này, Quách Gia tất nhiên có kiến giải độc đáo của mình. Ông giải thích cho mọi người một cách tự tin:

- Lúc còn sinh tiền, Viên Thiệu tỏ ra thương yêu hai đứa con trai này nhất, cho nên việc nói ngời chưa thể quyết định dứt khoát. Nay có Quách Đồ, Phùng Kỷ làm mưu thần, thì chắc chắn anh em họ sẽ tranh

giành với nhau, và cuối cùng sẽ đường ai nấy đi, xem nhau như kẻ thù. Nếu chúng ta tấn công quá gấp, buộc họ phải đoàn kết lại để đối phó với chúng ta. Trái lại, nếu chúng ta chậm lại việc tấn công, thì họ sẽ từ chỗ tranh giành nhau đi tới chỗ đánh nhau. Vậy, nay chi bằng chúng ta rút quân tiến xuống phía Nam, giả vờ như thọc vào Kinh Châu để đánh Lưu Biểu, rồi chờ xem sự diễn biến giữa hai anh em họ. Một khi nội bộ của họ xảy ra biến loạn, thì chúng ta sẽ xua quân xuất kích, và chỉ một trận đánh thôi, là có thể bình định được vùng Hà Bắc.

Quách Gia đề xuất mưu lược này, có thể nói là kế “ngao cò tranh nhau, ngư ông đắc lợi”. Đây là một phương án hữu hiệu nhất để tiêu diệt hai anh em nhà họ Viên, và chỉ tốn một nửa công sức cũng thu được thành quả to gấp nhiều lần. Trước tình thế thắng lợi liên tiếp như trên, nếu thừa thắng tiến lên tiêu diệt hai anh em họ Viên, thì chừng như là một điều hoàn toàn hợp lý. Đồng thời, đại đề cũng có thể giành được sự thành công. Nhưng một “khi bị dòn vào chân tường”, sức liều mạng của một con người có thể chống cự nổi với hàng vạn người khác. Hai anh em họ Viên chiếm đóng Nghiệp Thành là nơi đã được Viên Thiệu kinh doanh nhiều năm, tất nhiên không phải dễ hạ. Huống hồ gì thực lực của họ Viên vẫn còn tương đối to, nếu vây đánh, họ sẽ chống cự một cách ngoan cường, dẫn đến ta phải trả giá đắt. Cho nên cách đánh đó không phải là một cách đánh sáng suốt.

Lúc bấy giờ, do quân lực của Tào Tháo đã áp sát Nghiệp Thành, nên mỗi mâu thuẫn trong tập đoàn họ Viên tất nhiên được họ xem là thứ yếu. Những mưu sĩ sáng suốt, thường biết lợi dụng mỗi mâu thuẫn trong nội bộ của kẻ thù để giành thắng lợi. Trong nội bộ kẻ thù không mâu thuẫn, họ cũng tìm đủ cách tạo ra những mối mâu thuẫn cho chúng. Giờ đây, mặc dù trong nội bộ tập đoàn họ Viên mâu thuẫn lớp lớp, nhưng đứng trước đại địch thì những mối mâu thuẫn đó tất nhiên không thể bùng nổ được. Do vậy, Quách Gia chủ trương dừng cuộc tấn công, chính là để tạo điều kiện cho mỗi mâu thuẫn đó tiếp tục phát triển, dẫn đến hai anh em chúng tàn sát với nhau. Như vậy, quân Tào sẽ thừa cơ mà không chế địch, mượn tay địch để làm suy yếu thực lực của địch, còn ta thì ngồi không thủ lợi. Đây quả là một diệu kế không cần đánh mà vẫn khuất phục được người.

Nghe qua lời giải thích của Quách Gia, mọi người đều gật đầu cho là phải. Tào Tháo vui vẻ chấp nhận kiến nghị của Quách Gia. Tháng tám năm thứ tám niên hiệu Kiến An (công nguyên 203), Tào Tháo xuống lệnh mở cuộc Nam chinh để đánh Lưu Biểu. Lúc bấy giờ Lưu Biểu ở Kinh Châu đã ổn định được ba quận Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương ở phía Nam, và đang chú ý theo dõi sự diễn biến tình hình ở Trung Nguyên. Cho nên việc Tào Tháo rút quân về phía Nam, đã làm cho Lưu Biểu sợ hãi, không dám liều lĩnh xua quân tiến lên phía Bắc để khuấy phá vùng đất do Tào Tháo kiểm soát.

Như vậy là đủ rồi. Vì cái mà Tào Tháo cần, là để cho hai anh em họ Viên thấy hiệu quả của một cuộc tiến quân giả vờ. Sau khi Tào Tháo rút lui, đã để lại Giả Tín giữ Lê Dương, Tào Hồng giữ Quan Độ, còn mình thì trở về Hứa Xương. Kế đó, ông mới xua quân về phía Nam, làm động tác giả như kéo quân đánh Lưu Biểu. Mặc dù Tào Tháo kéo quân về phía Nam nhưng cứ đi một bước thì quay mặt lại nhìn ba lần, để theo dõi mọi sự động tĩnh giữa hai anh em họ Viên. Khi Tào Tháo kéo quân tới Tây Bình (nay nằm về phía Tây huyện Tây Bình, tỉnh Hà Nam) thì nhận được tin tức Viên Đàm phái Tân Tử đến xin đầu hàng và cầu cứu.

Thì ra, tất cả mọi diễn biến đúng như sự tiên liệu của Quách Gia. Sau khi quân Tào rút lui về phía Nam, thì Viên Đàm và Viên Thượng vốn đang sợ hãi, cảm thấy vui mừng. Kế đó, hai anh em liền bắt đầu tranh giành Ký Châu. Viên Đàm lấy cớ truy kích, yêu cầu Viên Thượng trang bị cho mình vũ khí và

khôi giáp tốt hơn. Viên Thượng không bằng lòng, Viên Đàm cả giận, lại được Quách Đồ và Tân Bình xúi bẩy, xua quân tấn công Viên Thượng. Kết quả, Viên Đàm đại bại kéo trở về, bỏ chạy đến Bình Nguyên (nay nằm về phía Nam Bình Nguyên, tỉnh Sơn Đông). Viên Thượng cũng dẫn binh đuổi theo và bao vây chặt chẽ vùng Bình Nguyên, rồi từ bốn mặt đánh vào. Viên Đàm thấy khó giữ được Bình Nguyên, và trong khi không còn kế gì, đành phải nghe theo kiến nghị của Quách Đồ, phái người em trai của Tân Bình là Tân Tử chạy sang Tào Tháo xin đầu hàng và xin cấp tốc tăng viện.

Tào Tháo thấy hai anh em họ Viên quả nhiên đã đánh nhau, trong lòng cả mừng. Nhưng đối với việc Viên Đàm xin đầu hàng, thì ông vẫn còn nghi ngại. Mưu sĩ Tuân Do cho rằng:

- Hiện nay trong thiên hạ đang lắm chuyện xảy ra, quần hùng ai ai cũng muốn tranh đoạt thiên hạ, nên lúc nào cũng đấu trí đấu sức. Trong khi đó thì Lưu Biểu chỉ lo gìn giữ vùng đất giữa Trường Giang và Hán Thủy, chứ không nghĩ đến điều chi khác. Như vậy cũng đủ thấy ông ta là người không có chí lớn. Riêng họ Viên thì chiếm cứ vùng đất Tứ Xuyên, binh mã đông đến mấy chục vạn. Viên Thiệu sau nhiều năm xây dựng thế lực đã có cội vững rễ sâu. Nếu hai người con trai của ông ta sống chung một cách hòa thuận, lo gìn giữ sự nghiệp của cha thì sẽ rất khó bình định. Nhất là nếu cả hai cùng hợp nhất lực lượng lại, để lo đối phó với lực lượng xâm phạm từ bên ngoài, thì lại càng khó đối phó hơn. Nhưng giờ đây hai anh em họ thù địch nhau, quyết một còn một mất, đúng là thời cơ trời cho, vậy phải thừa lúc họ đang nổi loạn, nhanh chóng bình định hai anh em họ Viên để thống nhất thiên hạ. Đây là thời cơ hiếm có không thể để mất.

Tào Tháo lại hỏi Tân Tử, xem việc xin đầu hàng là thực hay là giả dối. Tân Tử là người đã quyết định chạy theo Tào Tháo, nên liền đáp:

- Minh công không cần hỏi đây là thực hay là giả, mà chỉ dựa vào tình thế để xét đoán cũng đủ biết rồi. Họ Viên liên tiếp mấy năm đều bại trận, bên ngoài thì binh sĩ mệt mỏi, bên trong thì giết hại mưu thần, anh em cấu xé nhau, đất nước bị chia hai. Thêm vào đó nạn đói xảy ra liên tiếp, thiên tai nhân họa không ngừng, bất kể là người trí hay người ngu, đều chịu nạn như nhau cả. Đó là ý trời muốn tiêu diệt họ Viên. Nay minh công cử binh tấn công Nghiệp Thành, Viên Thượng nếu không kéo quân trở về cứu, thì sẽ mất sào huyệt, trái lại, nếu trở về cứu, thì Viên Đàm sẽ nối gót theo sau. Với cái uy của minh công mà đem đi đánh bọn binh sĩ mệt mỏi, thì nào có khác chi gió mùa Thu quét lá vàng. Tại sao ngài không tiêu diệt lực lượng của họ Viên ở đây, mà lại kéo đi chinh phạt Kinh Châu? Kinh Châu là nơi giàu có, dân và nước đều hòa thuận, vị tất có thể làm gì họ được. Hơn nữa, cái họa từ bốn phương tới, không có họa nào bằng cái họa Hà Bắc. Nếu Hà Bắc được bình định, thì sự nghiệp xưng bá sẽ hoàn thành. Vậy mong minh công suy nghĩ kỹ.

Tào Tháo nghe qua, lấy làm đồng cảm, nói :

- Ta đánh Lữ Bố, Biểu không chống ta. Khi ta đánh Quan Độ, Biểu cũng không cứu Viên Thiệu. Đó là một tên giặc chỉ biết tự lo cho mình, vậy ta để đấy đánh nó sau. Nay Viên Đàm và Viên Thượng đều là kẻ gian xảo, vậy nên thừa lúc chúng có nội loạn đánh chúng trước. Viên Đàm dù có xảo trá tới đâu, rốt cục cũng phải bó tay mà thôi. Nay hấn chịu giúp ta đánh bại Viên Thượng, chiếm lấy đất đai, thì đó là điều rất có lợi cho ta.

Thế là Tào Tháo liền chấp nhận lời xin đầu hàng của Viên Đàm, và lập tức ra binh để cứu viện. Nhằm

tiên lên một bước lung lạc Viên Đàm. Vào tháng mười năm đó, Tào Tháo đưa quân đến ngay Lê Dương, lại còn cùng Viên Đàm kết thành thân gia. Viên Thượng biết tin Tào Tháo đưa binh vượt sông Hoàng Hà tiến về phía Bắc, hốt hoảng tháo bỏ vòng vây Bình Nguyên, lui về giữ Nghiệp Thành.

Tháng hai năm thứ chín niên hiệu Kiến an (công nguyên 204), Viên Thượng lại ra quân tấn công Viên Đàm để Tô Do, Thẩm Phối ở lại giữ Nghiệp Thành. Tào Tháo thừa cơ ra quân tiến đến Hoàn Thủy, Tô Do dẫn binh sĩ dưới tay chạy ra đầu hàng. Tào Tháo liền đánh thốc vào Nghiệp Thành. Thẩm Phối đóng cửa thành cố thủ không ra. Quân Tào ra sức tấn công Nghiệp Thành, đắp núi đất, đào địa đạo, dùng đủ cách mà vẫn không hạ được.

Đến tháng tư, Tào Tháo để Tào Hồng chỉ huy quân đội tiếp tục tấn công Nghiệp Thành, còn riêng mình thì chỉ huy một cánh quân khác đi tảo thanh xung quanh thành này. Trước tiên, Tào Tháo chiếm được Doãn Khải, Từ Cốc, bức hàng Hàn Phạm, Lương Kỳ.

Đến tháng năm, quân Tào đào chung quanh Nghiệp Thành một con kênh dài bốn mươi dặm, sâu rộng hai trượng, dẫn nước Chương Thủy vào kênh, để làm một vành đai bao vây Nghiệp Thành.

Nghiệp Thành bị bao vây bốn tháng, trong thành hết lương thực, quá nửa bá tánh ở trong thành bị chết đói. Đến tháng bảy, Viên Thượng dẫn chủ lực một vạn người trở về cứu nguy cho Nghiệp Thành. Tướng lĩnh thủ hạ của Tào Tháo đều cho rằng : Đây là một đạo binh kéo về sào huyệt, mỗi người đều có sức chiến đấu rất cao, vậy chi bằng nên tránh họ là hơn.

Tào Tháo nói :

- Viên Thượng nếu theo đường lớn trở về thì ta nên tránh nhuệ khí của hắn. Trái lại, nếu hắn men theo đường Tây Sơn mà về, thì có thể bắt sống tất cả chúng được.

Rốt cục, Viên Thượng quả đã xua quân theo đường Tây Sơn đến, và đã hạ trại tại bờ sông Phủ Thủy, gặp phục binh của Tào Tháo đánh bại. Viên Thượng dẫn tàn binh chạy về Kỳ Sơn, rồi lại trốn đến Trung Sơn. Viên Thượng bị bại trận liên tiếp, cuối cùng phải dẫn tàn binh chạy đến U Châu để nương nhờ người anh kế là Viên Khang.

Đến tháng tám, đứa cháu của Thẩm Phối là Thẩm Vinh có nhiệm vụ phòng thủ cửa đông của Nghiệp Thành, nhân đêm khuya đã mở toang cửa thành để nghênh đón quân Tào. Nghiệp Thành do đó bị hạ. Thẩm Phối bị đem xử tử.

Trong khi quân Tào Tháo vây đánh Nghiệp Thành, thì Viên Đàm đã thừa cơ chiếm nhiều địa phương tại vùng Hà Bắc. Sau khi hạ được Nghiệp Thành, Tào Tháo bèn xua quân Bắc tiến, tấn công Viên Đàm. Qua những trận đầu, Viên Đàm đều thất lợi, phải lui về giữ Nam Bì (nay là phía Đông Bắc huyện Nam Bì, tỉnh Hà Bắc). Tháng giêng năm thứ mười niên hiệu Kiến An (công nguyên 205), quân Tào Tháo bất chấp trời đang giá rét, tiến quân xuất kích. Chỉ trong một trận đã hạ được Nam Bì, xử tử Viên Đàm, Quách Đồ. Đến đây thì hai châu Ký, Thanh đều bị Tào Tháo chiếm lĩnh. Kế đó, Tào Tháo lại xua quân Bắc tiến chiếm U Châu của Viên Khang, Viên Thượng. Hai anh em họ Viên đã trở thành kinh cung chi điều, nghe tin vội vàng bỏ trốn đến Ô Hoàn ở phía Tây. U Châu do vậy đã rơi vào tay Tào Tháo. Những mưu hoạch tài tình của Quách Gia để tiêu diệt hai anh em họ Viên, đến đây đã được thực hiện toàn bộ.

Sau khi Tào Tháo đánh chiếm được Ký Châu, Quách Gia bèn kiến nghị Tào Tháo nên triệu kiến tất cả những danh sĩ có tên tuổi tại địa phương, và bố trí quan chức cho họ để tạo sự ổn định và niềm tin. Hành động này, đã huy động tính tích cực của tất cả những nhân sĩ ở châu Thanh, Ký, U, có lợi cho việc củng cố quyền thống trị của Tào Tháo ở phía Bắc. Có thể nói đó là một mưu lược nhằm củng cố nền tảng một cách sâu xa.

Tháng hai năm thứ mười hai niên hiệu Kiến An (công nguyên 207), Tào Tháo cử hành lễ đại phong cho ngoài hai mươi đại công thần tại Nghiệp Thành. Tất cả những người này đều được phong hầu. Trong số đó có Quách Gia là người trong quá trình chiến đấu thảo phạt hai anh em họ Viên, đề xuất nhiều mưu lược hay, lập được đại công, nên được phong làm Vũ Dương Đình Hầu.

Sau khi Tào Tháo bình định được Hà Bắc, thì việc cấp bách nhất là việc thảo phạt Ô Hoàn.

Ô Hoàn là một dân tộc thiểu số chuyên nghề du mục, săn bắn, ở phía Bắc nước Trung Quốc. Đầu những năm Đông Hán, nơi sinh sống của họ là ở phía Tây Liêu Ninh và phía Đông Bắc Hà Bắc. Cuối đời Đông Hán, thế lực của Ô Hoàn ngày một mạnh lên, nhất là Thiên Vu Thập Đột ở Liêu Tây là mạnh mẽ nhất. Cuối đời Hán, kỵ binh Ô Hoàn nổi tiếng trong thiên hạ. Nhiều thủ lĩnh của các tập đoàn quân sự ở phía Bắc đều phải nương tựa vào họ. Viên Thiệu khi còn sống, có mối liên quan mật thiết với Ô Hoàn Tam Quận. Sau khi đánh bại Công Tôn Toản, Viên Thiệu đã mượn danh nghĩa Hán Hiến Đế, phong cho Thập Đột làm Thiên Vu Ô Hoàn. Sau khi Viên Thiệu chết, Ô Hoàn Tam Quận tiếp tục cấu kết với họ Viên để cùng nhau hoành hành. Năm thứ mười niên hiệu Kiến An (công nguyên 205), Viên Thượng, Viên Khang, chạy vào Ô Hoàn hy vọng dựa vào lực lượng của Ô Hoàn giúp đỡ để chống lại Tào Tháo. Chính vì vậy, Thập Đột đã nhiều lần đưa quân vào quây nhiễu Hán Quận, và xung đột trực tiếp với quân Tào. Họ muốn giúp đỡ họ Viên khôi phục lại cơ nghiệp cũ. Để triệt để tiêu diệt thế lực tàn dư của họ Viên, thống nhất miền Bắc, Tào Tháo chuẩn bị viễn chinh Ô Hoàn.

Viễn chinh Ô Hoàn không phải là một công việc đơn giản. Lúc bấy giờ Lưu Bị đang nương tựa Lưu Biểu ở Kinh Châu, luôn luôn khuyên Lưu Biểu nên xua quân đánh Tào Tháo. Nếu Lưu Biểu nhân cơ hội quân Tào kéo đi đánh Ô Hoàn, xua quân tập kích Hứa Xương vốn đang phòng thủ lỏng lẻo, thì hậu quả thực không sao tưởng tượng nổi.

Đối với việc này, Tào Tháo tỏ ra thận trọng. Bèn triệu tập hết văn võ đại thần ở dưới tay mình cùng họp bàn đối sách. Các tướng đều không tán thành việc cử binh đi viễn chinh Ô Hoàn. Họ cho rằng : "Anh em họ Viên chẳng qua là một bọn người bỏ trốn, thực sự không đáng lo. Riêng người Di Địch thì có tánh tham, nhưng không có thân tình. Vậy, Ô Hoàn làm sao trở thành lực lượng để cho Viên Thượng sử dụng được ? Nếu đại quân kéo đi viễn chinh, thâm nhập sâu vào địa khu của Ô Hoàn, Lưu Bị tất nhiên sẽ khuyên Lưu Biểu ở Kinh Châu thừa cơ tập kích Hứa Đô. Vạn nhất xảy ra sự cố, đến chừng đó dù hối hận cũng không còn kịp nữa".

Trong khi mọi người nhao nhao phản đối, thì Quách Gia đã bác bỏ mọi ý kiến trên, cực lực tán thành việc viễn chinh Ô Hoàn. Ông nói với Tào Tháo :

- Chúa Công tuy là người oai danh rung chuyển cả thiên hạ, nhưng Ô Hoàn ở mình nằm ở một vị trí xa xôi hẻo lánh, tất nhiên là không có sự đề phòng. Thừa cơ hội không chuẩn bị trước, bất thần tập kích

họ thì nhất định sẽ thủ thắng dễ dàng. Hơn nữa, Viên Thiệu khi sinh tiền, thường ban ơn cho quân quan và bá tánh ở Hà Bắc cũng như ở Ô Hoàn. Nay Viên Thượng, Viên Khang vẫn còn sống ở đây, vậy ảnh hưởng của họ không thể đánh giá thấp. Đồng thời, bá tánh ở bốn châu Thanh, Ký, U, Tí, mặc dù hiện nay đều tỏ ra quy phục chúng ta, nhưng sự quy phục đó chẳng qua là vì sợ uy lực, còn bản thân chúng ta thì chưa ban ân gì cho họ cả. Nếu ta buông lỏng công việc bắc phạt để tiến hành cuộc nam chinh thì Viên Thượng sẽ dựa vào sự giúp đỡ của Ô Hoàn, triệu tập đồng đảng cũ của họ Viên, rồi thừa cơ phản công lại chúng ta. Một khi Ô Hoàn nổi dậy, thì người Hán ở Hà Bắc sẽ đua nhau đứng lên hưởng ứng. Riêng Thập Đột cũng sẽ nhân cơ hội đó thực hiện dã tâm xâm chiếm đất đai. Đến chừng đó e rằng Thanh Châu, Ký Châu sẽ không phải là đất của ta nữa. Riêng Lưu Biểu ở Kinh Châu, chẳng qua là một nhà chính trị chuyên nói suông. Bản thân ông ta không có tài năng bằng Lưu Bị, khó chống chế được Lưu Bị. Cho nên nếu ông ta trọng dụng Lưu Bị, thì sợ Lưu Bị sẽ vượt ra ngoài sự khống chế của mình. Trái lại, nếu không trọng dụng Lưu Bị, thì Lưu Bị nào thực lòng góp sức với ông ta. Cho nên giữa họ có mối quan hệ phức tạp và tế nhị, khiến họ không thể có những hành động quan trọng đáng kể. Cho nên chúng ta dù dốc hết toàn lực binh mã trong nước đi viễn chinh, Lưu Biểu cũng không có những hành động gì quan trọng. Vậy xin Tào công đừng lo ngại đối với việc đó.

Quách Gia đã phân tích chi rõ tính tất yếu, tính khả năng, và tính ăn chắc trong vấn đề viễn chinh Ô Hoàn, khiến Tào Tháo định được lòng tin. Nhất là ông phân tích cho thấy Lưu Biểu ở Kinh Châu, không thể tạo thành sự uy hiếp nào đáng kể, nên tập đoàn văn võ đại thần của Tào Tháo nghe qua như trút được phiến đá đè nặng trong lòng. Tháng hai năm thứ mười hai niên hiệu Kiến An, Tào Tháo bắt đầu cử binh đi viễn chinh ở phía Bắc.

Tháng năm, đại quân đến Dịch Huyện (nay là địa phương nằm về phía Tây Bắc Hùng Huyện, Hà Bắc). Quách Gia bèn đề xuất chiến thuật và sách lược cụ thể để chiến thắng Ô Hoàn. Ông nhận thấy quân Tào đi rất chậm chạp, bèn kiến nghị ngay với Tào Tháo :

- Binh quý thần tốc! Hiện nay chúng ta lặn lội nghìn dặm để tập kích kẻ thù, thế mà xe cộ nặng nề quá nhiều, hành động quá chậm chạp, e rằng sẽ khó đoạt được thắng lợi. Hơn nữa quân địch một khi hay tin tất nhiên sẽ có chuẩn bị đối phó. Vậy chi bằng hãy bỏ những xe chuyên chở nặng nề ở lại, chọn toàn khinh kỵ đi bất kể ngày đêm, để tập kích vào lúc kẻ địch không phòng bị.

Tào Tháo nghe qua, bèn chấp thuận kiến nghị trên. Quân Tào chỉ chọn toàn khinh binh để hành quân, và đi theo những con đường nhỏ mà Ô Hoàn buông lơì sự phòng bị, lén vượt qua Lư Long Tắc (nay là Hỷ Phong Khẩu, tỉnh Hà Bắc), lại vượt qua Bạch Đàn (nay là Khoan Thành, tỉnh Hà Bắc) và Bình Cương (nay là Bình Tuyên, tỉnh Hà Bắc) rồi lại xuyên qua Tiên Bi Đình, chọc thẳng vào Liễu Thành (nay là địa phương nằm ở phía nam Triều Dương, tỉnh Liêu Ninh).

Khi quân Tào đến Bạch Lang Đồi, vì còn cách đại bản doanh của Thập Đột ở Liễu Thành chỉ ngoài hai trăm dặm, nên Ô Hoàn đã phát hiện. Thập Đột và anh em Viên Thượng, cùng với Thiên Vu Lô Bang ở Liêu Tây, Thiên Vu Ô Diên ở Hưu Bắc Bình, dẫn mấy vạn kỵ binh ào tới chặn đánh, Tào Tháo lên núi Bạch Lang Sơn quan sát thấy binh mã của đôi bên đang xung phong chém giết, mặc dù binh sĩ của Tào Tháo đều trang bị nhẹ, số lượng cũng ít hơn. Nhưng khi họ kéo tới đây là đã có sự chuẩn bị về tinh thần. Trái lại, kỵ binh của Ô Hoàn xem như rất hung tợn, sĩ khí rất cao, nhưng do ứng chiến quá hấp tấp, nên quân tâm không khỏi mất ổn định. Tào Tháo ra lệnh cho Trương Liêu làm tiên phong, phóng tay xuất kích, khiến các cánh quân của địch phối hợp không ăn ý nhau, bị đánh rối loạn cả hàng

ngũ, và cuối cùng bị thảm bại. Thiên Vu Thập Đột bị giết binh sĩ của Ô Hoàn cũng như binh sĩ người Hán chết và hàng trên hai chục vạn.

Hai anh em Viên Thượng và Viên Khang cũng như Thiên Vu Túc Phúc Hoàn ở Liêu Đông, sau khi bị chiến bại, bèn dẫn mấy nghìn kỵ binh chạy sang Công Tôn Khang ở Liêu Đông. Các bộ tướng của Tào Tháo đều yêu cầu lập tức phát binh để truy kích. Nhưng Tào Tháo nói :

- Cần chi phải ra quân ? Ta chờ Công Tôn Khang đem thủ cấp của hai anh em họ Viên đưa đến đây.

Quả nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn, Công Tôn Khang đã đưa thủ cấp của Viên Thượng và Viên Khang đến.

Thì ra, Viên Thượng và đồng bọn sau khi đến Liêu Đông đã có ý đồ cướp đoạt binh mã của Công Tôn Khang. Viên Thượng là người có sức mạnh, nên nói với Viên Khang:

- Từ nay trở đi, nếu Công Tôn Khang tới tương kiến thì anh em mình phải bắt hãn giết ngay để chiếm cứ Liêu Đông, thì mới mong khôi phục được cơ nghiệp cũ.

Không dè Công Tôn Khang cũng tính toán như họ : "Giờ đây không giết Viên Khang, Viên Thượng, thì làm sao ăn nói với đất nước? Thế là, ông bèn cho mai phục sẵn tại Mã Phong nhiều binh sĩ tinh nhuệ, khỏe mạnh, rồi mới phái người đi mời anh em họ Viên. Khi anh em Viên Thượng đến nơi, thì phục binh ào ra bắt hai người trói ngay lại, đem bỏ ngoài trời lạnh. Đến chùng đó mà Viên Thượng còn bảo Công Tôn Khang mang chiếu ra cho mình, vì lạnh quá chịu không nổi. Viên Khang nghe thế bèn thở dài, nói :

- Đầu ta còn phải mang đi xa nghìn dặm, vậy làm sao có chiếu được ?

Anh em họ Viên bị chém đầu, rồi lấy thủ cấp đưa đến cho Tào Tháo. Đến đây thì xem như Tào Tháo đã cơ bản thống nhất được cả miền Bắc.

Trong cuộc chiến tranh chinh phạt Ô Hoàn, ban đầu Quách Gia đã bác bỏ những lời bàn tán của số đông, phân tích tình thế trong thiên hạ, có một kiến giải sâu sắc và độc đáo, khiến mọi người ai ai cũng tâm phục, nhất là đã củng cố niềm tin cho Tào Tháo để quyết định cuộc chiến viễn chinh. Sau khi xuất chinh, Quách Gia đã kịp thời đề xuất chủ trương "binh quý thần tốc", dùng kinh binh để tiến nhanh, đánh cho địch không kịp trở tay. Giúp cho cuộc viễn chinh này nhanh chóng thu được thắng lợi toàn diện. Rốt cục hai anh em họ Viên đã bị giết.

Trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa", đã quy công cho Quách Gia đối với sự thắng lợi trong cuộc viễn chinh nói trên. Hồi thứ 33 viết : "Bây giờ Tào Tháo án binh bất động tại Dịch Châu. Hạ Hầu Đôn, Trương Liêu vào bẩm rằng : "Nếu không đánh Liêu Đông thì có thể trở về Hứa Đô, vì e rằng Lưu Biểu sẽ sinh tâm chướng". Tháo đáp : "Chờ nhận thủ cấp của hai anh em họ Viên thì sẽ rút quân". Mọi người đều cười thâm, bỗng có tin báo Công Tôn Khang ở Liêu Đông phái người đưa thủ cấp viên Viên Khang và Viên Thượng đến, mọi người cả kinh. Sứ giả trình lên một bức thư, Tào Tháo cười to nói : "Quả không ngoài tiên liệu của Phụng Hiếu"... Các quan đều lên tiếng hỏi : "Tại sao lại không ngoài tiên liệu của Phụng Hiếu!". Tào Tháo bèn đưa lá thư của Quách Gia ra. Bức thư đại khái nói :

“Nay nghe tin Viên Khang, Viên Thượng đã chạy sang đầu Liêu Đông. Minh Công chớ vội ra quân. Công Tôn Khang lâu nay sợ họ Viên thôn tính mình, nên đối với anh em họ Viên có lòng nghi ngờ. Nếu ta xuất binh đánh họ, thì họ sẽ dốc hết sức ra nghênh địch, không thể hạ được nhanh chóng. Trái lại, nếu ta chậm trễ, thì Công Tôn Khang và anh em họ Viên sẽ mưu đồ giết hại lẫn nhau. Đó là thế tất nhiên vậy.”

Mọi người nghe qua đều nhảy nhót khen tuyệt. Trong quyển tiểu thuyết này bản Quách Gia chết và để lại bức thư trên cho Tào Tháo, nhằm làm nổi bật việc "Quách Gia để di kế lại bình định Liêu Đông". Tất nhiên, đó là sự sắp xếp của nhà viết tiểu thuyết, còn chính sử thì không nói rõ đây là mưu kế của Quách Gia. Tuy nhiên, mưu kế trong bức di thư này, hoàn toàn giống hệt với mưu kế của Quách Gia trước đây. Đã tạo điều kiện cho anh em Viên Thượng và Viên Đàm đánh nhau. Về sau Tào Tháo dâng biểu lên Hán Hiến Đế, trong tờ biểu có nói : " Việc bình định Ô Hoàn, làm chấn động cả Liêu Đông, giết chết cả tên cầm đầu là Viên Thượng công đó thực ra là của Quách Gia". Do vậy, nếu bảo là di kế của Quách Gia, cũng là chuyện có thể.

Tóm lại, trong cuộc chiến đấu viễn chinh Ô Hoàn, Quách Gia từ đầu chí cuối đã phát huy một tác dụng tham mưu hết sức tài tình, giúp Tào Tháo hoàn thành sự nghiệp lớn là thống nhất cả miền Bắc.

6. Tuổi Trẻ Chết Sớm

Trên đường tiến quân viễn chinh Ô Hoàn, Quách Gia do không hợp thủy thổ nên đã ngã bệnh nằm trên xe. Đến khi ông theo Tào Tháo viễn chinh trở về, lại do làm việc quá mệt nhọc, bệnh tình càng nặng hơn. Tào Tháo luôn phái người đến chăm sóc cho Quách Gia, tỏ ra lo lắng và chu đáo, nhưng không ngờ, vị mưu sĩ tài hoa đang thời trẻ trung này, do bệnh quá nặng nên đã già từ cõi đời vào cuối năm thứ mười hai niên hiệu Kiến An (công nguyên 207).

Lúc Quách Gia chết, chỉ mới ba mươi tám tuổi, chính là cái tuổi đang sung sức, khiến mọi người đều hết sức thương tiếc. Sau khi ông qua đời, Tào Tháo đích thân đến điếu tang, và tỏ ra hết sức đau lòng. Vì đối với triều đình bị mất đi một đại thần quan trọng, đối với cá nhân bị mất đi một người phụ tá tài ba", cho nên Tào Tháo đã buột miệng kêu lên :

- Buồn thay Phụng Hiếu ! Đau thay Phụng Hiếu ! Tiếc thay Phụng Hiếu !

Sở dĩ Tào Tháo thương tiếc và đau đớn như vậy, cũng không có gì lấy làm lạ. Vì sau khi viễn chinh Ô Hoàn thắng lợi trở về, Tào Tháo hết sức vui mừng, và đang chuẩn bị xua quân tiến xuống phía Nam để quét sạch các thế lực đối đầu, thống nhất cả nước Trung Quốc, đang cần tới một người mưu thần, một "túi khôn" có thể ngồi trong quân trường mà tính toán kế mưu giành thắng lợi ngoài xa nghìn dặm như Quách Gia. Thế mà Quách Gia lại ra đi trong thời điểm đó, quả là một sự tổn thất nặng nề đối với sự nghiệp to lớn của Tào Tháo. Trận đánh Xích Bích sau này, là một thất bại nặng nề về các mặt chánh trị và quân sự trong cuộc đời nhưng mã của Tào Tháo, lại xảy ra trong khi Quách Gia vừa tạ thế chẳng bao lâu. Chính vì không có một người phụ tá tài ba để cùng bàn về mưu lược, nên sự thất bại đó mới xảy đến. Thảo nào Tào Tháo đã đau đớn than rằng : "Nếu Quách Phụng Hiếu còn sống, thì cô gia không đến nỗi như thế này ?".

Sau khi Quách Gia chết, Tào Tháo đau đớn nói với Tuân Du và những mưu thần ở bên cạnh:

- Các ngài tuổi tác đều suýt soát với tôi, duy chỉ có Quách Phụng Hiếu là nhỏ nhất. Tôi chuẩn bị sau khi chiến loạn được bình định xong, sẽ phó thác mọi việc sau này cho ông ấy. Nhưng, không ngờ ông ấy với tuổi trung niên lại yếu tử. Chẳng lẽ đây là số mạng đã định như thế hay sao.

Trong bức thư gửi cho Tuân Vực, Tào Tháo lại tưởng nhớ tới Quách Gia, nói "Quách Phụng Hiếu tuổi chưa đầy bốn mươi, cùng sống và làm việc bên cạnh tôi mười một năm qua, không ngại gian nan hiểm trở từng cùng mọi người chia ngọt xẻ bùi. Quách Gia là người thông tình đạt lý, phân tích thế sự chính xác rõ ràng, nên tôi muốn đem chuyện sau này phó thác cho Quách Gia, nhưng không ngờ ông ấy lại ra đi trước tôi, thực khiến cho ai cũng phải hết sức đau lòng. Quách Phụng Hiếu là người hiểu tôi nhất. Người trong thiên hạ biết nhau không có nhiều. Do vậy, tôi càng thương tiếc hơn. Nhưng, còn có cách nào cứu vãn được ?"

Tào Tháo không chỉ một lần bày tỏ ý muốn phó thác mọi việc sau này cho Quách Gia. Qua đó đủ thấy, Tào Tháo đối với Quách Gia trọng thị và tin cậy đến mức độ nào. Tào Tháo lại dâng biểu cho Hán

Hiên Đế, yêu cầu truy tặng phong thưởng cho Quách Gia. Trong tờ biểu văn có nói : "Cổ Quân Tê Tửu Vũ Dương Đình Hầu Quách Gia, là người trung trinh lương thiện, trí cao đức đẹp, thông tình đạt lý, cứ mỗi khi gặp việc lớn, mọi người tranh cãi mỗi ý mỗi khác nhau, thì ông chỉ nói một lời là đã giải quyết mọi việc đâu ra đó, và mọi kẻ sách của ông không bao giờ có chỗ sai sót. Kể từ ngày đi vào quân lữ, theo thần đông chinh bắc phạt mười một năm, lập được nhiều công huân lớn, như bắt sống Lữ Bố, chiếm Tuy Cố, trăm Viên Đàm, bình định Hà Bắc, vượt qua núi non hiểm trở để bình định Ô Hoàn, oai danh rung chuyển cả vùng Liêu Đông. Ông còn tiêu diệt Viên Thượng, công lao không ai sánh bằng. Trong khi thần chuẩn bị biểu dương công huân của ông, thì ông lại chết quá sớm. Khi nhớ lại công của Quách Gia, ai ai cũng không sao quên được. Vậy cần phong thêm thực ấp cho đủ một nghìn hộ, để biểu dương người đã chết, cổ xúy người đời sau".

Đối với lòng trung thành và tài năng của Quách Gia, Tào Tháo đã tán dương một cách đầy nhiệt tình. Đối với việc Quách Gia chết sớm, Tào Tháo tỏ ra vô cùng thương tiếc. Hán Hiến Đế sau khi đọc xong tờ biểu, liền truy tặng thụy hiệu cho Quách Gia là Trinh Hầu.

Trong tập đoàn "túi khôn" của Tào Tháo, Quách Gia là người trẻ tuổi lại hoạt động sôi nổi nhất. Tào Tháo bảo ông là người "thấu tình đạt lý", như vậy là Tào Tháo rất biết người. Quách Gia đúng là một con người có tính tình cởi mở, hào phóng, thậm chí không câu nệ tiểu tiết. Trần Quân từng nhiều lần nói với Tào Tháo, Quách Gia "không chú ý sửa đổi hạnh kiểm", nhưng Quách Gia vẫn không để ý tới, vẫn "sống một cách tự nhiên". Do vậy, Tào Tháo lại càng nể trọng ông hơn nữa. Quách Gia là một con người tài hoa tuyệt vời, lại không câu nệ tiểu tiết, vậy đáng lý ra có nhiều người oán trách ông, nhưng trong sự thật thì trái ngược lại. Điều đó chủ yếu là Quách Gia giỏi xử lý những mối quan hệ giữa con người và con người, luôn sống hòa thuận người chung quanh, vinh nhục cùng chia sẻ. Nhất là mối quan hệ với vị chủ soái là Tào Tháo, Quách Gia luôn tỏ ra hòa hợp, thân mật đến mức "đi thì chung xe, ngồi thì chung chiếu", được Tào Tháo xem là tri kỷ. Cùng làm việc chung với một con người có quyền thế, có mưu lược như Tào Tháo, lúc nào cũng tiềm ẩn một sự nguy hiểm đối với mình cả. Vì "gần vua như gần cọp" là câu nói không phải ngoa. Đã có bao danh thần mưu sĩ chết dưới lưỡi đao của Tào Tháo rồi. Trong khi đó, thì mối quan hệ giữa Quách Gia và Tào Tháo lại hoàn toàn hòa hợp với nhau. Điều đó một mặt có thể do Quách Gia đối với sự nghiệp của Tào Tháo là rất cần thiết, mặt khác có thể do cách giải quyết những mối quan hệ giữa con người của Quách Gia, bao giờ cũng tròn trịa, khôn khéo. Điều đó chứng tỏ ông tuy là một mưu lược gia kiệt xuất, nhưng cũng có sự khôn khéo khác trong cuộc sống. Điều khiến Tào Tháo luôn thương nhớ tới Quách Gia, không ngoài do ông vừa có tài năng lại vừa có lòng trung thành. Kể từ khi ông rời bỏ doanh trại của Viên Thiệu chạy sang doanh trại của Tào Tháo, bao giờ cũng trung thành với tập đoàn của họ Tào. Điều đó ai ai cũng thấy. Do vậy, Tào Tháo bao giờ cũng ghi nhớ mãi mãi lòng trung thành và tài năng xuất chúng của ông, gọi ông là người "trung hậu", lúc nào cũng muốn lập công, không kể chi tới mạng sống. Đối với con người như vậy, có ai quên được bao giờ ? Chỉ riêng trí mưu và tài năng của Quách Gia, cũng đủ làm cho Tào Tháo hết lòng ngưỡng mộ. Tào Tháo bảo Quách Gia là "khi nghĩ mưu lược thì không bao giờ có sai sót", "gặp có cuộc họp bàn rộng rãi hoặc đứng trước kẻ đại địch cần ứng biến, thần chưa kịp có quyết định gì thì Quách Gia đã nghĩ ra cách đối phó trước. Trong việc bình định thiên hạ, có nhiều mưa trí, công lao rất to". Tào Tháo lại bảo Quách Gia "Người này có tầm quan sát và nhận xét về việc binh sự, giỏi hơn tất cả mọi người". Có thể làm cho Tào Tháo, một người được đánh giá là "phi thường hơn tất cả mọi người", không tiếc lời tán thưởng, đủ thấy trí mưu của Quách Gia là hơn hẳn mọi người khác. Lòng trung thành và tài năng của Quách Gia, chẳng những làm cho Tào Tháo khâm phục, mà cũng để lại cho người hậu thế những ấn tượng rất sâu sắc.

Quách Gia đảm nhận việc tính toán mưu kế cho Tào Tháo suốt mười một năm, có công lao siêu việt đối với sự nghiệp phát triển và thống nhất vùng đất miền Bắc của tập đoàn họ Tào, đồng thời, cũng đã đóng góp công sức quan trọng cho sự phát triển của lịch sử nói chung. Quách Gia tuổi trẻ tài cao, chẳng những sáng suốt lựa chọn người xứng đáng để phục vụ, mà còn có thể nhìn xuyên suốt tình hình trong khắp thiên hạ, biết người biết ta, có dự kiến xuất sắc đối với những diễn biến của tình hình. Ông còn giỏi lợi dụng mâu thuẫn, biết cách "chỉ huy" kẻ thù. Trong đầu óc ông luôn có những mưu kế tuyệt diệu, và còn có đôi mắt nhìn xa thấy rộng, ý thức chiến lược rất cao siêu. Ông chẳng những là một vị phụ tá có kỳ tài, một vị tham mưu cao cấp dưới trướng của Tào Tháo trong đời Đông Hán, mà còn do ông có nghệ thuật cao siêu trong vấn đề đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đã đóng góp đáng kể vào kho tàng trí tuệ quý giá trong thời cổ đại của nước Trung Quốc qua nhiều nội dung phong phú.

Sau cùng, chúng ta nên lấy bài thơ ca ngợi Quách Gia trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa", để kết thúc bài viết này. Thơ rằng :

*Thiên sinh Quách Phụng Hiếu,
Hào kiệt quán quân anh.
Phúc nội tàng kinh sử,
Hung trung ân giáp binh.
Vận mưu như Phạm Lãi,
Quyết sách tự Trần Bình.
Khả tích thân tiên táng,
Trung Nguyên lương đống khuyh.*

Dịch :

Trời sinh Quách Phụng Hiếu,
Hào kiệt đứng hàng đầu.
Bụng chứa đầy kinh sử,
Giáp binh tiềm ẩn sâu.
Ra mưu như Phạm Lãi,
Quyết sách tự Trần Bình.
Đáng tiếc chết quá sớm,
Rường cột Trung Nguyên chinh.

IX. Lưu Cơ - Nhà Mưu Lược Xây Dựng Triều Minh

Lưu Cơ, tự Bá Ôn, người Thanh Điền, Triết Giang. Sinh vào năm thứ tư niên hiệu Chí Đại, đời vua Võ Tông nhà Nguyên, đỗ tiến sĩ năm thứ tư niên hiệu Chí Thuận (công nguyên 1333) đời nhà Nguyên. Đến năm thứ hai mươi niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1360) đời vua Huệ Tông triều nhà Nguyên, Lưu Cơ đã gần năm mươi tuổi, nhận lời mời của Chu Nguyên Chương đến Ứng Thiên, để trù hoạch quân cơ cho Chu Nguyên Chương, bắt đầu một cuộc sống huy hoàng, thông đạt, đem đầy bụng kinh luân của mình ra để thi triển. Lưu Cơ chết vào năm thứ tám, niên hiệu Hồng Vũ (công nguyên 1375) đời vua Thái Tổ triều nhà Minh, hưởng dương sáu mươi lăm tuổi.

Về mặt quân sự, Lưu Cơ được mọi người gọi là nhà chiến lược, có thể so sánh với Trương Lương, Khổng Minh. Về mặt chính trị, ông được mọi người gọi là nhà tư tưởng. Trong văn học sử, ông được mọi người xem là một nhà thơ trứ danh cuối đời nhà Nguyên đầu đời nhà Minh. Ông là tiến Sĩ triều nhà Nguyên, được mời ra làm quan, nhưng đã từ chối sự tiến cử của Sở Tài, để trở thành một vị khai quốc nguyên huân của triều nhà Minh. Ông là người có tài dụng binh như thần, đoán việc rất sáng suốt. Nhưng đối với sự hoài nghi của nhà vua thì đành chịu bó tay. Mặc dù ông biết rút lui đúng lúc, để quy ẩn thoát thân, nhưng rốt cục không tránh được cảnh "hết chim bẻ ná, thỏ chết làm thịt chó săn". Cuộc đời của ông, rất đáng cho chúng ta tìm hiểu, nghiên cứu.

1. Năm Mười Mới Xuống Núi

Tổ tiên của Lưu Cơ là Hào Môn đại tộc ở huyện Thanh Điền. Ông sơ của Lưu Cơ là Lưu Hào, học vấn uyên bác, rất có mưu lược. Lưu Hào thường làm Hàn Lâm Chương Thư cho triều nhà Tống. Sau khi triều nhà Tống bị diệt vong, người địa phương từng đứng lên tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa chống Nguyên, nhưng đều bị thất bại. Những người sống sót trong cuộc khởi nghĩa này đã bỏ chạy tứ tán, tìm nơi ẩn náu. Đối với cuộc khởi nghĩa trên, Lưu Hào tỏ ra rất đồng tình. Về sau, triều đình phái quan viên mang theo danh sách những người khởi nghĩa còn sống để bắt giữ và tịch thu tài sản. Người sứ giả trên đường đi, ghé trọ tại nhà Lưu Hào. Ông bèn tìm hiểu tình hình rồi giả vờ ân cần tiếp đãi. Chờ cho người sứ giả uống rượu say, bèn khóa cửa lại rồi phóng hỏa đốt cháy ngôi nhà. Thế là danh sách tìm bắt những người khởi nghĩa bị cháy thành tro. Nhờ đó mà số người này tránh khỏi tai họa.

Lưu Cơ đã lớn lên trong một gia đình như thế, tất nhiên là được sự hun đúc rất tốt đẹp. Ngay từ nhỏ, Lưu Cơ ham học, và đã đọc rất nhiều sách vở. Đối với sách của người xưa viết về thiên văn, địa lý, cách dụng binh để đánh giặc, ông say mê đọc mãi không khi nào rời khỏi tay. Việc chú tâm nghiên cứu sách vở mang đến nhiều lợi ích cho Lưu Cơ, chẳng những làm cho trí tuệ của ông được mở mang, mà còn thúc đẩy ông tha thiết muốn lập chí lớn, muốn xây dựng sự nghiệp cho mình.

Năm mười bốn tuổi, ông đã là một thiếu niên rất tài hoa. Cha ông mời mấy ông thầy đến để dạy, nhưng do những ông thầy này học vấn không cao, không thể thỏa mãn được những điều muốn học của Lưu Cơ, nên họ phải từ chức. Cuối cùng, cha ông mời được một danh nho có tài học uyên bác ở vùng Giang Nam, là Trịnh Phục Sơ đến dạy. Ông này cũng cảm thấy Lưu Cơ là một đứa trẻ khác hẳn những đứa trẻ bình thường.

Một hôm, Trịnh Phục Sơ cùng các học sinh của mình đang tìm hiểu về việc Khổng Tử đã đi chu du liệt quốc như thế nào, đã truyền đạo ra sao. Lưu Cơ bỗng đứng dậy, nói:

- Khổng Tử tuy là người có đạo đức cao, bản thân lại là người nước Lỗ, thế mà nước mình bị bại trận, vẫn không tìm cách cứu vãn được. Học nhiều mà lại vô vi thì có phải là một thư sinh vô dụng hay không? Người đại trượng phu không nên như thế!

Trịnh Phục Sơ nghe qua không khỏi kinh hoàng thất sắc. Sau đó ông nói với người cha của Lưu Cơ:

- Đây không phải là một đứa bé bình thường đâu. Sau này chắc chắn nó sẽ trở thành rường cột của quốc gia đây!

Quả nhiên, đến năm thứ tư niên hiệu Chí Thuận triều nhà Nguyên (công nguyên 1333), với tuổi đời chỉ mới hai mươi ba, mà Lưu Cơ đã đỗ tiến sĩ, áo gấm về làng, và được cử làm Huyện Thờ huyện Cao An tại Giang Tây, cũng như được cử giữ chức Nho Học Phó Đề Cử tại Giang Triết.

Lưu Bá Ôn đã là một thiếu niên đặc chí, nên tha thiết muốn tận trung góp sức với triều đình nhà

Nguyên, để làm nên những sự nghiệp oanh liệt. Nhưng lúc bấy giờ đang cuối triều nhà Nguyên, quan trường rất hủ bại, quan viên đều tham ô, cả xã hội đang lung lay sắp sụp đổ. Dù vậy, Lưu Cơ vẫn không cảm thấy nguy cơ bão táp sắp ập tới, và ngôi nhà đô sộ của triều nhà Nguyên sẽ sụp đổ tan tành. Ông một mặt tự lấy mình làm gương, luôn giữ thanh liêm, một mặt đấu tranh thẳng thừng với bọn tham quan ô lại. Nhưng ông ra làm việc chẳng bao lâu, thì bị người chung quanh ghét, tìm cách gièm pha và bài xích, đưa đi chỗ khác. Ông đã vấp phải một trở lực to lớn khi vừa bước ra cuộc đời. Ít lâu sau, do ông viết đơn tố cáo viên giám sát ngự sử không làm tròn trách nhiệm, nên đắc tội với thượng cấp bị đuổi về nhà.

Dù lần đầu tiên gặp trở lực trong quan trường, nhưng vẫn không làm cho người trẻ tuổi đầy nhiệt tình như Lưu Cơ chán nản. Trái lại, ông cho rằng do mình học thức còn quá nông cạn, kinh nghiệm xã hội chưa đủ chưa đi sâu vào cuộc đời, chưa hiểu rõ mọi sự hiểm ác trong quan trường, nhất là ông cũng nhận thức được triều đình nhà Nguyên do quá hủ bại, nên người ngay thẳng mới không có chỗ đứng chân, vậy đừng nói chi là làm chuyện gì khác. Bởi thế, trong những ngày trở về quê ẩn cư, ông đã ngày đêm nghiên cứu "Châu dịch", bát quái binh thư, chiến sách, như một kẻ đói khát cố nuốt lấy thức ăn. Ông cũng không quên giao du rộng rãi với các vị tân khách, bằng hữu để mở rộng ảnh hưởng của mình, chuẩn bị sẵn sàng bước trở ra xã hội lần thứ hai.

Lưu Cơ biết đã có cây ngô đồng thì không lo chi chim phượng hoàng không đến.

Quả nhiên, sau một thời gian trôi qua, tiếng tăm của Lưu Cơ ngày càng to, thậm chí có người còn cho rằng tài năng của ông có thể ví với Gia Cát Lượng. Do vậy, có nhiều văn sĩ ở Giang Nam đã đua nhau đến cửa xin chỉ giáo. Lưu Cơ cảm thấy ngày mình xuất đầu lộ diện sẽ không còn xa nữa.

Lúc bấy giờ là cuối đời triều Nguyên, sự mâu thuẫn trong xã hội hết sức gay gắt, nông dân ở các nơi đua nhau khởi nghĩa, chỗ này vừa yên thì chỗ khác nổi dậy. Hàn Sơn Đồng ở Dịch Thành (nay là Dịch Thành, Hà Bắc) và Lưu Phúc Thông ở Dĩnh Châu (nay là Phụ Dương, tỉnh An Huy) cùng khởi binh tại Nhữ Dĩnh, La Điền (nay là La Điền, tỉnh Hồ Bắc). Từ Thọ Huy khởi binh ở Kỳ Hoàng, Định Viễn (nay là Định Viễn, tỉnh An Huy). Quách Từ Hưng khởi binh ở Hào Châu, Thái Châu (nay là Đông Đài, tỉnh Giang Tô). Trương Sĩ Thành khởi binh ở Cáo Bưu... quân khởi nghĩa hết sức sôi nổi. Cứ cuộc khởi nghĩa này lại càng to hơn cuộc khởi nghĩa trước.

Trong khi đó, tại vùng Giang Triết có Phương Quốc Trân là người Hoàng Nham, do bị vu cáo thông đồng với giặc, nên tức giận giết chết kẻ thù của mình, rồi dẫn ba anh em quy tụ hải tặc đông đến mấy nghìn người, liên tục khuấy phá ở vùng Giang Triết. Triều đình nhà Nguyên mấy lần phái binh để tiêu diệt nhưng đều không thành. Ngay đến một Bột Thiếp Mộc là Hành Tĩnh Tả Thừa Giang Triết cũng suýt bị chúng bắt sống. Trong khi không còn cách nào khác hơn, triều đình hứa cho Phương Quốc Trân được làm quan và được hưởng bổng lộc cao. Nhưng Phương Quốc Trân là người có bản tánh ngoan cường, mấy lần đầu hàng rồi mấy lần phản lại, khiến nhân tâm hoang mang. Hành Tĩnh Giang Triết thấy Phương Quốc Trân như thế, nên đã nghĩ tới Lưu Cơ, tiến cử ông làm Đô Sự tại Nguyên Soái Phủ. Lưu Cơ đã ở yên một chỗ ngoài mười năm không bước ra xã hội, lần này cảm thấy trước mắt mình như bừng sáng lên. Ông vừa đến nhiệm sở, liền chủ trương dùng vũ lực để tiêu diệt Phương Quốc Trân. Ông cho rằng anh em họ Phương đứng lên làm loạn, không kể gì đến ân huệ của triều đình từng ban cho, vậy "không tiêu diệt thì không thể răn đe người hậu thế". Đồng thời, ông cũng hoạch định phương án tiêu trừ.

Phương Quốc Trân từ lâu đã nghe tiếng Lưu Cơ là người có tài năng, nên rất lo sợ, vội vàng phái người đem một số lớn vàng bạc bảo vật đến hối lộ cho ông. Nhưng Lưu Cơ tuyệt đối không nhận. Phương Quốc Trân lại sai người đi theo đường biển lên Bắc Kinh, hối lộ cho một yếu nhân có thể lực tại kinh đô, khiến triều đình quyết định sẽ tiến hành phủ dụ Phương Quốc Trân và ban cho chức tước. Lưu Cơ dù nằm mộng cũng không ngờ được chuyện lại xảy ra như thế. Ông đang bố trí binh lực thì triều đình xuống lệnh khiển trách ông tự tiện tác oai tác phúc. Việc đoạt mất binh quyền của ông là chuyện không nói, họ còn đưa ông giam lỏng tại Thiệu Hưng. Lưu Cơ quá tức giận, từ quan trở về quê hương của mình tại Thanh Điền.

Năm thứ mười sáu niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1356), Hành tỉnh của triều nhà Nguyên lại cử Lưu Cơ giữ chức Đô Sự, để ông đi phủ dụ Ngô Thành Thất và đồng bọn khởi nghĩa tại An Sơn. Lưu Cơ tự chiêu mộ binh nghĩa dũng, tổ chức thành bộ đội, rồi áp dụng cả hai phương pháp cứng rắn và xoa dịu : Ai đầu hàng triều đình thì sẽ được khoan dung, thậm chí còn cử làm quan. Ai chống lại mệnh lệnh của triều đình thì bắt được sẽ bị xử tử. Do đó, cánh nghĩa quân này đã bị tiêu diệt.

Đến năm mười bảy niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1357), nông dân ở vùng rừng núi Triết Đông nổi lên khởi nghĩa. Hành tỉnh lại triệu Lưu Cơ đi tảo trừ. Cùng với Thạch Mạt Nghi Tôn, ông giữ chức Hành Khu Mật Viện Phán Quan tại Giang Triết, cùng giữ Xứ Châu. Kinh Lược Sứ là Lý Quốc Phụng dâng sớ khen ngợi tài cán của Lưu Cơ, xin triều đình nhà Nguyên trọng dụng ông. Nhưng bọn quý tộc đang chấp chính trong triều đình sợ đắc tội với Phương Quốc Trân, nên chỉ để ông làm Tổng Quản Phủ Phán, chứ không để ông chỉ huy quân đội. Lưu Cơ thấy tài năng của mình không được phát huy, nên lại bỏ quan trở về Thanh Điền.

Các nhà giàu tại Thanh Điền sợ Phương Quốc Trân tới cướp bóc, giết chóc, nên đã đua nhau nương tựa vào Lưu Cơ, tổ chức một đạo võ trang riêng của địa chủ trong vùng. Họ xây hào lũy để tự bảo vệ gia sản của mình. Quân đội của Phương Quốc Trân thấy vậy không dám xâm phạm.

Tài năng của Lưu Cơ không được triều nhà Nguyên sử dụng tốt, nên không thể phát huy. Trong những ngày ẩn cư tại Thanh Điền, Lưu Cơ tuân theo lời cổ huấn của Khổng Tử : "Nước có đạo thì ra làm quan, nước không đạo thì nằm nhà đọc sách". Ngày ngày ông luôn đọc sách như lời dạy của người xưa, chờ cơ hội gặp người tri ngộ. Tất cả những sách thuộc về thiên văn, binh pháp, Tứ thư, Ngũ kinh, thi từ, văn chương, không sách nào mà ông không đọc. Ông còn yêu thích làm thơ, viết văn để bộc lộ tâm trạng có tài mà không gặp thời của mình, cũng như tấm lòng muốn báo quốc nhưng lại không có điều kiện. Trong bài thơ "Cảm hoài", ông viết :

*Ngô thiên áp Tàn đức,
Thoại khí sinh nghệ đang,
Tu thân sĩ thiên mệnh,
Vạn thạch toàn kì danh*

Dịch :

*Trời Ngô đè Tàn đức,
Khí lành sinh núi xinh,*

*Tu thân chờ mệnh trời,
Muôn đá giữ thanh danh*

Trong bài thơ dùng chữ "Tàn" để ám chỉ triều nhà "Nguyên", vừa phân tích chính xác thời cuộc, lại vừa bộc lộ tình cảm trong lòng mình.

Trong bài thơ họa với Trương Đức Bình, ông viết :

*Giả Nghị tấu thư ai tự khóc,
Khuất Nguyên tâm sự khổ thù luân.*

Dịch :

*Giả Nghị tấu vua buồn tự khóc,
Khuất Nguyên nỗi khổ nói cùng ai ?*

Trong "Ba bài cảm hứng" ông viết :

*Cần khôn xír xír tinh kỳ mǎn,
Nhục thực hà nhân vẫn thái di ?*

Dịch :

*Cần khôn cò xí rọp trời,
Người ăn thịt cá đời nào hỏi (kẻ hái rau) vi.*

Lưu Cơ cảm thán những cuộc khởi nghĩa sôi nổi của nông dân, tuy đã khuấy động cuộc sống yên tĩnh của giai cấp địa chủ, nhưng đối với bọn quan liêu cao cấp, tâm hồn đã chai sạn, tham sống sợ chết, vẫn nửa tỉnh nửa mê, không quan tâm chi cả. Đối với những chí sĩ thương nước thương dân như Giả Nghị, Khuất Nguyên, thì triều đình lại không hiểu được tâm trạng của họ. Ông oán trách triều đình không hỏi đến những người đi hái rau vì để sống, không dùng đến những người bụng đầy kinh luân như ông, cũng như những người có tuyệt kỹ đang ẩn cư trong dân gian, trong những túp "chòi tranh" thô lậu.

Lưu Cơ nhục mạ những cuộc nông dân khởi nghĩa ở khắp địa phương là đạo tặc, là một lũ cướp, và oán trách quân đội của triều đình trấn áp nông dân kỷ cương quá bại hoại, không ra hồn gì. Trong bài "Ưu hoài", ông viết:

*Quần đạo tung hoành bán Cửu Châu,
Can qua mǎn mục kỷ thời hưu ?
Quan tào các hữu doanh sinh kế,
Tướng soái hà tăng vị quốc mưu ?
Mãnh hổ phong lang an tiến thực,
Nông phu điền phụ khổ chu cầu.
Ức cường phù nhược tu thiên thảo,
Khả quái vô nhân tá trợ trù*

Dịch :

[1]

*Bọn cướp tung hoành nửa Cửu Châu,
Can qua khắp chốn biết bao lâu ?
Quan viên chỉ biết vơ đây túi,
Tướng soái mấy ai vì nước đâu ?
Cọp dữ, sài lang được hiến dâng,
Nông phu rẫy bái hạch sách dân.
Trị cường giúp nhược trời thảo phạt,
Chỉ lạ không ai giúp đỡ dân.*

Trong bài họa thơ “ngày xuân trong sáng” của Thạch Mạt Công, ông viết :

*Xích Mi thanh độc chung hà tại,
Bạch mã huyền cân mạc mạn cuồng.
Tướng soái như lâm tu phát tủng,
Thái bình công nghiệp vọng Tiêu Trương.*

Dịch :

*Xích Mi cười ghé nay còn đâu,
Ngựa trắng khăn vàng chóng ngông cuồng.
Tướng soái như rừng cần giữ nếp,
Thái bình chỉ đợi Tiêu và Trương* [2].

Trong bài thơ họa lại bài "Cảm hứng" của Mạnh Bá Chân, đối với quân khởi nghĩa quàng khăn đỏ đi theo Chu Nguyên Chương, ông gọi thẳng chúng là đạo tặc và viết :

*Ngũ tãi Giang Hoài bách chiến trường,
Càn khôn cử mục tổng kham thương.
Dĩ văn đạo tặc đa ư nghĩ,
Vô nại quan quân bạo tự lang*

Dịch:

*Năm năm trăm trận ở Giang Hoài,
Nhìn khắp nơi nơi thực thảm thay.
Nghe đồn đạo tặc đông như kiến,
Khổ nỗi quan quân ấy họa tai !*

Trong bài “Nghe Cao Bru nộ tiền", ông viết :

*Văn đạo Cao Bưu dĩ triệt vi,
Khước sâu Hoài Điện vị toàn quy.
Thánh triều nhĩ trọng hoài nhu sách,
Chư tướng dương tri lỗ lược phi.*

Dịch :

*Nghe đồn Cao Bưu đã giải vây,
Hoài Điện còn lo thiếu người này.
Thánh triều ban lệnh nên mềm mỏng,
Vây tướng cướp dân ấy tội đày.*

Những chữ “Giang Hoài”, “Hoài Điện” đều chỉ Chu Nguyên Chương, còn “thánh triều” là chỉ triều nhà Nguyên. Lưu Cơ oán trách trong những cuộc nông dân khởi nghĩa, “quan quân hung bạo như sài lang”. Những tướng lãnh chỉ huy quân đi trấn áp chỉ lo “cướp bóc”, không cần biết việc “cướp bóc” sẽ dẫn đến hậu quả tai hại như thế nào. Từ trong những câu thơ trên, chúng ta có thể thấy được Lưu Cơ trước khi theo Chu Nguyên Chương thì lập trường, tư tưởng và tình cảm của ông, đều đứng về phía triều đình nhà Nguyên. Nhưng qua đó chúng ta cũng có thể thấy được, Lưu Cơ đã nhận thức được nền chính trị của triều nhà Nguyên đã hủ bại, cũng như quan viên toàn là bọn bất tài. Trong bài “Lời của người bán cam” ông đã có ngụ ý sâu xa, chỉ trích quan lại triều nhà Nguyên là “Vàng ngọc bên ngoài, nhưng bên trong thì hủ bại”, “giặc cướp nổi lên mà không biết bình định, bá tánh khốn khổ mà không biết cứu tế, quan lại làm bậy mà không biết ngăn cấm, thi hành pháp luật mà không biết lý lẽ, ngồi không ăn cơm mà không biết nhục”.

Qua ảnh hưởng sâu rộng của bao nhiêu cuộc khởi nghĩa nông dân đại quy mô, và trải qua hơn hai mươi năm khi bị biếm, nên lúc được đưa lên cao trong hoạn trường, đã khiến người tráng niên Lưu Cơ vốn am hiểu quân sự và có chính nghĩa, đối với sự thống trị dị tộc của triều đình nhà Nguyên, dần dần đã có sự giác ngộ, nên niềm tin đối với triều đình bắt đầu lung lay. Ông ngưỡng mộ những nhà quân sự kiệt xuất thời cổ như Gia Cát Lượng, Tô Định, Nhạc Phi. Trong cuộc sống đầy buồn khổ, ông viết những bài như “Điếu Gia Cát Võ Hầu phú”, “Điếu Tô Dự Châu phú”, “Điếu Nhạc tướng quân phú”, trong từng câu từng chữ, ông bộc lộ sự kính nể và ngưỡng mộ của ông đối với những vị anh hùng dân tộc này, và cũng bộc lộ sự chán ghét của ông đối với giai cấp thống trị quý tộc Mông Cổ. Đây chính là sự chuẩn bị về mặt tư tưởng để ông đi theo Chu Nguyên Chương.

Trong sách “Úc Ly Tử”, ông đã dùng hình thức ngụ ngôn để bày tỏ học thức uyên bác của mình, lại thể hiện tư tưởng sáng tạo rất phong phú, giúp người xem phải tự cảnh tỉnh một cách sâu xa. “Úc Ly Tử” vừa là tên sách, vừa là sự tự xưng của tác giả, nội dung đề cập đến nhiều mặt rất rộng, từ cá nhân đến gia đình, xã hội, quốc gia. Từ chính trị đến kinh tế, quân sự, ngoại giao, từ tư tưởng đến lý luận, thần tiên quỷ quái. Gần như cái gì cũng bao quát cả. Nó vừa là một sự tổng kết kinh nghiệm trong những ngày ra làm quan ở những giai đoạn trước, vừa là cơ sở lý luận thâm hậu cho việc lập quốc trị loạn sau này.

Quyển “Bách Chiến Kỳ Lược” là một bộ sách trước tác về lý luận quân sự, cũng được ông viết ra trong thời kỳ đó. Chỉ đáng tiếc là bộ sách này về sau bị Chu Nguyên Chương giữ kín trong triều đình, không thể lọt ra ngoài. Và hiện nay thì không còn thấy nó đâu nữa, chỉ còn lưu truyền trong dân gian

một số quyển chép tay mà thôi.

Khoảng những năm niên hiệu Nguyên Phong đời vua Tống Thành Tông, từng tổng hợp các quyển sách binh thư thời cổ lại viết thành quyển "Võ Kinh". Quy định sáu bộ binh thư là "Tôn Tử", "Ngô Tử", "Lục Thao", "Tur Mã Pháp", "Tam Lược", "Úy Liêu Tử", "Lý Vệ Công Vấn Đối", là những quyển sách mà người dụng binh cần phải đọc. Riêng quyển "Bách chiến kỳ lược" chính là bút ký của Lưu Cơ khi đọc "Võ Kinh". Đồng thời, trong quyển bút ký này, ông còn sưu tập tất cả những tư liệu quan trọng tản mát trong số sách từ đời Tiên Tần cho tới đời Ngũ Đại, kéo dài 600 năm. Một điều đáng nói hơn, ấy là trong quyển bút ký này, Lưu Cơ đã dựa vào kinh nghiệm thực tiễn và tâm đắc của mình trong vấn đề quân sự, đề xuất một số kiến giải rất có giá trị.

Trong quyển "Bách chiến kỳ lược" Lưu Cơ đã kế thừa và phát triển những tinh hoa trong tư tưởng biện chứng về quân sự của các binh gia thời cổ. Một mặt ông phản đối việc lạm dụng lực lượng quân sự, và đứng từ góc độ trị quốc để nói đến vấn đề trị quân, cũng như đứng trên lập trường của một nhà chính trị, để bàn về vấn đề quân sự. Ông cho rằng những người hiếu chiến chắc chắn sẽ bị diệt vong. Mặt khác, ông cực lực nhấn mạnh về mặt chiến lược, chiến thuật, chủ trương khi sống trong yên ổn phải nhớ đến hồi nguy nan, khi sống trong bình yên, phải nhớ đến hồi loạn lạc, "bên trong phải chân chính văn đức, bên ngoài phải củng cố võ bị". Về mặt chiến lược Lưu Cơ còn chủ trương "người thiện chiến sẽ ít kẻ thù", và cho rằng "người ít kẻ thù là người hưng thịnh, còn người nhiều kẻ thù là người sẽ bị diệt vong". Ông phản đối việc gây thù địch với khắp mọi nơi, và chủ trương phân hóa làm tan rã quân địch, lấy địch chế địch.

Trong quyển "Bách chiến kỳ lược", những quan điểm biện chứng về quân sự như trên, vẫn thường thấy luôn. Cho dù những tiêu đề trong sách cũng bộc lộ rõ điểm này, như : tín chiến dữ giáo chiến, công chiến dữ thủ chiến, tiến chiến dữ thoái chiến, hoãn chiến dữ tốc chiến, phân chiến dữ hợp chiến, cơ chiến dữ bảo chiến (đánh khi có lòng tin và đánh để dạy tướng sĩ, đánh để tấn công và đánh để giữ thành giữ đất, đánh để tiến lên và đánh để rút lui, đánh thông thả và đánh cấp tốc, đánh bằng cách chia quân ra và đánh bằng cách hợp nhất binh lại, đánh trong khi tướng sĩ đói và đánh trong khi tướng sĩ no)... Từng vấn đề một, ông đứng từ góc độ tương phản hoặc đối lập để giải thích rõ ràng nguyên tắc dụng binh. Ông đề xuất phép xây dựng quân đội bằng cách vừa có lòng tin vừa có sự giáo dục, việc ban ân và việc trừng phạt phải đi song đôi, nhất là trong vấn đề thưởng phạt cần phải nghiêm minh công bằng. Ông nêu ra hàng loạt những tình huống khác nhau và phương lược tác chiến linh hoạt, cơ động.

Dưới ngòi bút của các nhà sử học, Lưu Bá Ôn còn là một kỳ nhân, một thần nhân. Ông am hiểu sâu xa về "Dịch" học, có thể dựa vào hiện tượng thiên nhiên để đoán biết việc con người. Thậm chí có thể tiên đoán mọi việc, có thể hô phong hoán vũ, và xem ông là Gia Cát Khổng Minh của Thanh Điền. Năm thứ mười chín niên hiệu Chí Chính triều đại nhà Nguyên (công nguyên 1359), Chu Nguyên Chương lãnh đạo một toán quân khẩn đở trước sau chiếm lĩnh được Chư Ký, Cù Châu và Xứ Châu, cũng như trước sau đã tiêu diệt những cứ điểm quân sự bị cô lập của quân Nguyên ở phía Đông Nam. Lực lượng quân sự ở triều nhà Nguyên ở Triết Đông đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Hầu hết các địa phương ở Triết Đông đều được bình định xong.

Chu Nguyên Chương phấn khởi, ra sức quy tụ các phần tử trí thức, các nhân sĩ nổi tiếng ở các địa phương. Ông hy vọng số người này sẽ phụ tá cho mình hoàn thành sự nghiệp lớn, giúp mình mở rộng

địa bàn, ổn định trật tự xã hội.

Lưu Cơ là người rất có danh vọng ở Triết Đông, tất nhiên cũng là người được Chu Nguyên Chương mời về giúp cho ông ta. Nhưng do tư tưởng của Lưu Cơ phản đối quân khởi nghĩa khấn đờ, và xem họ là "đạo tặc". Nhưng do thế lực của ông vừa yếu vừa cô lập, nên không thể chống cự với Chu Nguyên Chương. Do vậy, khi Chu Nguyên Chương phái người đến mời ông ra phụ tá, thì ông đã tìm lời khôn khéo để từ chối. Đến khi Hồ Đại Hải đánh chiếm được Xứ Châu, một lần nữa lại mang lễ vật trọng hậu, nhiều tiền bạc đến mời Lưu Cơ, nhưng ông lại dùng lời uyển chuyển từ chối một lần nữa, không chịu quy thuận. Về sau, viên Tổng chế xứ Châu là Tôn Viêm viết một bức thư dài đến mấy nghìn chữ, phân tích nhiều mặt lợi hại và nói rõ sẽ xóa bỏ hết những chuyện cũ đã qua, yêu cầu ông xuất sơn để vừa bảo toàn được tính mệnh của bản thân và gia đình, vừa có thể làm quan để chung lo việc thiên hạ. Cùng một lúc đó, các bằng hữu của Lưu Cơ cũng viết thơ đốc thúc, nên ông mới nhận lời mời của Chu Nguyên Chương.

Đứng trước tình hình quyết liệt như vậy, vào tháng ba năm thứ hai mươi niên hiệu Chí Chính triều nhà Nguyên (công nguyên 1360), Lưu Cơ cuối cùng đã quyết định đi Ứng Thiên Phủ (nay là Nam Kinh) để tìm hiểu thái độ của Chu Nguyên Chương xem đối với mình ra sao.

Lúc bấy giờ ông đã gần năm mươi tuổi. Mãi cho đến khi rời khỏi Thanh Điền, ông vẫn còn bán tín bán nghi. Có người khuyên ông nên dẫn bộ đội của mình đi theo, nhưng ông không bằng lòng. Ông trao bộ đội của mình lại cho người em ruột là Lưu Bệ và những gia nhân đặc lực lo việc chỉ huy. Ông bảo họ cần phải bảo vệ tốt quê hương, đề phòng Phương Quốc Trân kéo đến tấn công.

2. Đánh Bại Trần Hữu Lượng

Lưu Quốc Cơ đến Ứng Thiên không bao lâu, được Chu Nguyên Chương triệu kiến. Chu Nguyên Chương dùng lễ thượng khách để tiếp đãi ông, rồi lại sai người đưa ông vào ở tại Lễ Hiền Quán. Lưu Cơ thấy Chu Nguyên Chương đối với mình rất thành tâm thành ý, nên tự cho rằng mình đã gặp được minh chúa. Cho nên ông liền dâng lên cho Chu Nguyên Chương mười tám kế sách về tình hình trước mắt, phân tích cả tình hình bên trong lẫn bên ngoài. Ông đặt kế hoạch xây dựng đất nước và tiêu diệt triều nhà Nguyên, cũng như phương châm tảo trừ những thành phần tiềm loạn khác. Chu Nguyên Chương nghe qua kế hoạch của Lưu Cơ thì vui mừng ngoài sức tưởng tượng, bèn giữ ông ở lại bên mình để cùng bàn những kế hoạch cơ mật, và tôn xưng ông là "Lão Tiên sinh" hoặc "Trương Lương của nhà Hán".

Sự tín nhiệm của Chu Nguyên Chương giúp cho Lưu Cơ có cơ hội thực hiện nguyện vọng vì dân vì nước của mình, cũng giúp cho tài năng chính trị và quân sự của ông có đất dụng võ. Thế là ông đã nghĩ ra nhiều mưu lược, giúp Chu Nguyên Chương đánh Đông dẹp Bắc, tranh giành thiên hạ ở Trung Nguyên, làm nên một sự nghiệp to lớn đầy oanh liệt. Ông trở thành nhân vật trung tâm trong những túi khôn, cũng như làm mưu sĩ trung thành của Chu Nguyên Chương. Thậm chí, đến lúc tuổi già sắp cáo lão về quê, ông cũng không quên củng cố đế nghiệp cho Chu Nguyên Chương.

Công nguyên năm 1371, Chu Nguyên Chương sau khi định đô tại Trung Đô xong, cảm thấy vô cùng phấn khởi, định xua quân tiêu diệt quân Khuếch Khoáng, Lưu Cơ trước khi trở về Thanh Điền, còn gửi một tấu chương cuối cùng lên cho Chu Nguyên Chương, nói :

- Phượng Dương, tuy là quê hương của hoàng đế, nhưng không phải là nơi có thể xây dựng kinh đô. Vậy ngài không thể xem thường.

Nhưng Chu Nguyên Chương không thực sự quan tâm đến tờ tấu chương của Lưu Cơ, vội vàng xua quân Tây chinh, kết quả đại bại, phải lui quân trở về. Khuếch Khoáng cuối cùng đã chạy vào sa mạc ở vùng Tây Bắc, và trở thành mối họa biên cương kéo dài. Sau việc đó, Chu Nguyên Chương cảm thấy hết sức hối hận.

Lưu Cơ khi mới tới Ứng Thiên, đã giúp cho Chu Nguyên Chương hai việc lớn trong vấn đề chiến lược quân sự. Trong thời điểm đó chính là thời điểm then chốt để lực lượng chính trị, quân sự của Chu Nguyên Chương phát triển hùng mạnh. Sau khi Chu Nguyên Chương khởi binh đã lợi dụng Lưu Phúc Thông đang đánh nhau với quân Nguyên ở phía Bắc, xua quân tiến về phía Nam, lần lượt chiếm Trừ Châu, lấy Thái Bình, chiếm Kiến Khang, tấn công Giang Triết, lực lượng quân sự mỗi ngày lớn mạnh, nhưng về mặt chính trị, Chu Nguyên Chương vẫn tôn Phụng Tiểu Minh Vương là Hàn Lâm Nhi, xưng là hậu duệ của nhà Tống, và được Tiểu Minh Vương phong cho tước hiệu, lấy niên hiệu là Long Phượng.

Đến ngày tết nguyên đán năm thứ hai mươi một niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1361), Chu Nguyên Chương thiết ngự tọa tại Trung Thư Tỉnh ở Nam Kinh, quay mặt về hướng Tiểu Minh Vương quỳ lạy

để chúc tết. Văn võ bá quan cũng quỳ lạy theo. Chỉ có một mình Lưu Cơ là không lạy. Chu Nguyên Chương hỏi nguyên do, Lưu Cơ đáp :

- Ông ta chẳng qua là một tên chăn trâu mà thôi, vậy tôn phụng để làm gì ?

Lưu Cơ cho rằng, trong khi quần hùng nổi dậy khắp bốn phương, thì người muốn hoàn thành sự nghiệp lớn của mình, cần phải thoát ra khỏi sự ràng buộc của người khác và hoàn toàn độc lập. Chu Nguyên Chương nghe qua, lấy làm cảm động, về sau đã hủy bỏ Tiều Minh Vương Hàn Lâm Nhi.

Lúc bấy giờ Chu Nguyên Chương có hai kinh địch, một là Trần Hữu Lượng đang chiếm cứ vùng Hồ Quảng, nắm giữ vùng đất thượng du sông Trường Giang. Một người khác là Trương Sĩ Thành, đang xưng bá tại Tô Hàng, chiếm một vùng đất phì nhiêu giàu có. Vị trí chiếm đóng của hai người này trở thành thế gọng kềm, có thể đánh kẹp Chu Nguyên Chương vào giữa, tạo thế uy hiếp rất to. Chu Nguyên Chương quyết định chủ động tiến đánh họ, để phá vỡ thế nguy hiểm đó. Có người chủ trương nên đánh Trương Sĩ Thành trước, vì họ cho rằng lực lượng của Trương Sĩ Thành yếu, lại gần, nên dễ thủ thắng. Hơn nữa, vùng Giang Nam là khu vực có sản vật dồi dào, đánh chiếm được sẽ có lợi về mặt quân nhu. Chu Nguyên Chương hỏi ý kiến Lưu Cơ, Lưu Cơ chủ trương nên đánh Trần Hữu Lượng trước. Ông nói :

- Chúa công chiếm được vùng Kim Lăng là nơi có địa hình hiểm yếu, điều kiện địa lý rất tốt. Nhưng ở phía Đông Nam có Trương Sĩ Thành, ở phía Tây Bắc có Trần Hữu Lượng. Hai người này đã nhiều phen gây tổn hại cho ngài. Vậy cần phải tiêu diệt hai tên giặc này, để trừ hậu hoạn, mới có thể nghĩ đến chuyện bình định Trung Nguyên ở phía Bắc. Trương Sĩ Thành là người tầm thường không có chí lớn, chỉ muốn giữ vùng đất mà hiện nay ông ta đang chiếm được, nên không có hành động gì đáng kể, vậy tạm thời mặc kệ ông ta. Riêng Trần Hữu Lượng thì khác. Hắn là người có rất nhiều tham vọng, là một kẻ thù nguy hiểm nhất. Hắn lại có nhiều tinh binh, nhiều chiến thuyền lớn, lại chiếm vùng thượng du của chúng ta, không lúc nào là không nghĩ tới chuyện thôn tính chúng ta cả. Đứng trước tình hình này, về mặt chiến lược chúng ta không thể đánh một lần hai mặt trận, mà cần phải tập trung lực lượng để tiêu diệt Trần Hữu Lượng trước. Sau khi Trần Hữu Lượng bị tiêu diệt xong, thì Trương Sĩ Thành sẽ bị cô độc, chỉ đánh là thắng thôi. Sau đó, mới tiến lên phía Bắc để lấy Trung Nguyên, thì bá nghiệp có thể hoàn thành.

Chu Nguyên Chương nghe xong, cảm thấy ý kiến của Lưu Cơ rất toàn diện, nên gạt bỏ tất cả ý kiến của những người khác, tiếp nhận kế sách của Lưu Cơ. Kế sách này đã giúp cho Chu Nguyên Chương nắm được kẻ thù chính trong quá trình xây dựng đế nghiệp cho mình, rồi lần lượt mới đánh bại từng kẻ thù một, để thực hiện phương châm chiến lược là không thụ địch từ nhiều phía.

Lưu Cơ chẳng những định rõ mục tiêu chiến lược giúp cho Chu Nguyên Chương, mà còn có sự cống hiến lớn lao qua nhiều hành động quan trọng để bình định Trần Hữu Lượng, giúp Chu Nguyên Chương thống nhất cả nước Trung Quốc.

Tháng năm nhuận năm thứ hai mươi niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1360), Trần Hữu Lượng đoạt được thành Thái Bình của Chu Nguyên Chương, giết chết người con nuôi của Chu Nguyên Chương là Chu Văn Tồn và viên tướng thủ thành là Hoa Vân, rồi cử hành nghi lễ xưng đế tại ngôi miếu Ngũ Thông tại Thái Thạch, đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Đại Nghĩa, rồi đốc ý kéo quân chiến

thăng trở về Giang Châu. Sau đó, Trần Hữu Lượng còn hẹn với Trương Sĩ Thành cùng đánh chiếm Ứng Thiên, nhưng Trương Sĩ Thành chưa chịu. Thế là Trần Hữu Lượng tự mình xua đoàn chiến thuyền, từ Giang Châu xuôi theo dòng Trường Giang tiến xuống phía Đông, nhắm mục tiêu là Ứng Thiên. Đoàn quân của Trần Hữu Lượng tiến xuống ồ ạt, khí thế hùng tráng.

Khi tin tức này truyền đến Ứng Thiên, thì cả thành Ứng Thiên đều chấn động. Chu Nguyên Chương vội vàng triệu tập quần thần để thương thảo đối sách. Có người bảo Trần Hữu Lượng dũng cảm thiện chiến, nhuệ khí đang cao, lại chiếm giữ được vùng Giang, Sở, khống chế cả thượng du sông Trường Giang, địa thế hiểm trở, binh tướng mạnh mẽ, thế lực to lớn, vậy nếu tranh phong với ông ta, thì chỉ là đem trứng chọi đá, tự tìm lấy sự diệt vong. Vậy chi bằng hãy hiến thành Ứng Thiên cho ông ta, rồi quy phục dưới cờ cửa ông ta là tốt nhất. Có người lại cho rằng Trần Hữu Lượng mới vừa chiếm được thành Thái Bình, khí thế đang lên, vậy chi bằng trước tiên hãy lùi về Kiến Khang, Chung Sơn, là nơi có vương khí, có thể chiếm giữ ở đây để chờ khi nhuệ khí của Trần Hữu Lượng xuống, thì ta mới xua quân quyết chiến với hắn. Có người bảo Trần Hữu Lượng chẳng qua là một gã đánh cá ở Miện Dương, chỉ là một tên tiểu lại, vậy nên cùng hắn quyết chiến một trận sống chết tại Kiến Khang. Vạn nhất nếu không thắng được, thì rút lui cũng chưa phải muộn.

Chu Nguyên Chương cho rằng những chủ trương đó chưa phải là thượng sách, nhưng bản thân mình thì không thể giải thích tại sao. Ông ngó quanh mọi người có mặt trong phiên họp, thấy Lưu Cơ đôi mắt sáng ngời, im lặng không nói. Chu Nguyên Chương đoán biết vị quân sư của mình đang có diệu kế trong lòng. Ông bèn mời Lưu Cơ vào trong một phòng riêng, hỏi tại sao ông không nói chi cả. Lưu Cơ tức giận đáp :

- Trước tiên phải chém những người chủ trương đầu hàng và bỏ chạy về Chung Sơn, thì mới nêu cao được chính khí, tiêu diệt được tên giặc họ Trần.

Chu Nguyên Chương nói :

- Tiên sinh có kế hoạch cụ thể chi không ?

Lưu Cơ đáp :

- Trần Hữu Lượng lần này kéo đến đánh ta với một tinh thần kiêu binh, lại dùng một cánh quân vốn đã mệt mỏi đưa đi đánh tận nơi xa. Trong khi đó, ta đã học được bài học thất thủ thành Thái Bình vừa qua, lại có một đạo binh nghỉ ngơi đầy đủ sức khỏe để đánh họ. Phàm ai đi đúng thiên đạo thì người đó sẽ đắc thắng. Vậy chúng ta còn sợ gì không thắng được hắn ? Hiện giờ việc làm cấp bách của chúng ta là mở toang cửa phủ khó với một tấm lòng chân thành, để nhằm củng cố lòng dân và lòng binh sĩ. Binh pháp xưa có nói một ngày chạy ba trăm dặm để bôn tập kẻ thù, cho dù chưa đánh nhau thì đội quân đó cũng bị tan rã. Tại sao vậy ? Vì binh sĩ quá mệt mỏi. Chúng ta có thể rút lui bỏ một số địa phương, rồi chờ hết quân lương đi, giả vờ như bỏ chạy. Kế đó, chúng ta lại phái người trá hàng, để dẫn dụ Trần Hữu Lượng nhanh chóng bôn tập. Riêng chúng ta thì đặt nhiều ổ mai phục trên đường tiến binh của chúng, lại phái binh cắt đứt hậu lộ của chúng, khiến chúng không thể tiếp ứng giữa cánh quân đi đầu và cánh quân đi sau, cũng như khiến việc tiếp tế quân lương của chúng gặp trở lực, làm cho binh sĩ của chúng hoang mang. Việc mai phục tấn công sẽ làm cho mọi sự bố trí của địch bị xáo trộn. Việc dùng một cánh quân nghỉ khỏe để đánh một cánh quân mệt nhọc, khiến nhuệ khí của chúng bị bẻ

gãy. Vậy thì có lý nào lại không đánh thắng được chúng. Sau khi đánh thắng, chúng ta sẽ thừa thắng truy kích, khiến Trần Hữu Lượng bỏ chạy thực mạng, và ta chẳng những thu hồi được đất đai đã mất mà còn chiếm được những đất đai trước đây thuộc về chúng. Một khi Trần Hữu Lượng bị thất bại nặng nề như vậy, thì chúng ta sẽ tiến lên một bước, không chế hấn dễ dàng thôi. Việc xây dựng đế nghiệp được quyết định trong hành động này. Vậy đây là cơ hội trời ban, có đâu lại bỏ qua ?

Nghe lời giải thích của Lưu Cơ, Chu Nguyên Chương cảm thấy rất vững niềm tin. Sau đó, họ cùng nhau sắp đặt mưu kế bí mật, trước tiên sai Hồ Đại Hải kéo quân đánh Tích Châu để không chế con đường rút lui của Trần Hữu Lượng. Chu Nguyên Chương lại sai các tướng Thường Ngô Xuân, Phùng Quốc Thắng, Hoa Cao, Tư Đạt, dẫn quân đi đặt những ổ mai phục, chuẩn bị xuất kích khi thời cơ đến. Sau khi sự bố trí đâu vào đấy Chu Nguyên Chương bèn mời người bạn thân của Trần Hữu Lượng là Khang Mâu Tài, viết một bức thư mật, giả vờ hẹn với Trần Hữu Lượng để làm nội ứng, bảo ông ta phải nhanh chóng kéo quân tới tấn công thành Ứng Thiên.

Sau khi Trần Hữu Lượng nhận được bức thư, không khỏi mừng thầm, nói:

- Phen này thì nắm chắc thắng lợi trong tay rồi!

Do nôn nóng muốn thủ thắng, để chiếm lĩnh vùng đất Kiến Khang, là một vùng đất quý về mặt phong thủy, nên hấn đã xuống lệnh tức khắc khởi binh để tấn công. Riêng về Chu Nguyên Chương thì tích cực chuẩn bị : trước hết đặt một ổ mai phục bên cạnh Thạch Khôi Sơn với quân số đông ba vạn người, rồi lại xuống lệnh phá hủy chiếc cầu gỗ tại Giang Đông, đưa đá và sắt tới để tạo chướng ngại trên dòng sông, chờ chiến thuyền của Trần Hữu Lượng sa vào bẫy.

Quả nhiên, khi đoàn chiến thuyền của Trần Hữu Lượng đi vào một con sông hẹp, và khi đến cầu Giang Đông thì không thấy chiếc cầu gỗ nữa, mà dưới dòng sông toàn là đá tảng to. Trần Hữu Lượng cả kinh, vội vàng dùng mật khẩu để liên lạc, nhưng không có ai trả lời. Đến chừng đó, hấn mới biết mình đã bị trúng kế, nhưng muốn thoái lui cũng không còn kịp nữa.

Quân đội của Chu Nguyên Chương khi thấy chiến thuyền của Trần Hữu Lượng đã đến cầu Giang Đông liền phát cờ vàng, phục binh từ khắp bốn phía nhảy ra, đánh kẹp Trần Hữu Lượng từ trên bộ lẫn dưới sông. Không mấy chốc, toàn quân của Trần Hữu Lượng bị đánh tan tác. Bản thân của Trần Hữu Lượng phải nhảy xuống thuyền con bỏ trốn. Chu Nguyên Chương chỉ huy đại quân thừa thắng truy kích, lấy lại thành Thái Bình, rồi tiến quân bảo vệ được cả Kiến Khang.

Sau trận chiến này, Chu Nguyên Chương khao thưởng các tướng sĩ và đã dùng một phần thưởng cao cấp đặc biệt, gọi là "Khắc thắng thưởng" để thưởng cho Lưu Cơ. Lưu Cơ cho rằng mình chỉ cần có dịp đem hết tài năng để sử dụng, giúp nước giúp dân, chứ không cần nghĩ tới danh lợi trước mắt. Cho nên ông đã kiên quyết từ chối phần thưởng trên. Từ đó trở về sau, tên tuổi Lưu Cơ chấn động khắp mọi nơi. Mọi người đều gọi ông là Gia Cát Khổng Minh tái thế.

3. Kỳ Tập Thành Giang Châu

Sau khi Trần Hữu Lượng rút quân trở về Giang Châu, không cam tâm chịu thất bại, bèn phái bộ tướng đem một lực lượng to lớn đánh chiếm trọng trấn An Khánh, thuộc vùng đất của Chu Nguyên Chương. An Khánh là cửa ngõ tại biên giới phía Tây của Chu Nguyên Chương, nên ông muốn mượn cơ hội này để tiếp tục thảo phạt Trần Hữu Lượng. Nhưng trong lòng ông vẫn cảm thấy do dự, chưa thể quyết định dứt khoát, bèn trưng cầu ý kiến của quân sư Lưu Cơ. Lưu Cơ phân tích tình hình trước mắt, cho rằng hiện nay tướng sĩ của Chu Nguyên Chương đang có sĩ khí rất cao, thêm vào đó cuộc hành quân này là nhằm lấy lại phần đất bị địch chiếm, ra quân hoàn toàn có danh nghĩa. Vậy nếu trước khi diễn ra trận đánh, có sự phát động tốt trong hàng ngũ quân đội của mình, thì chắc chắn sẽ thắng được Trần Hữu Lượng một cách dễ dàng, để tiêu diệt sinh lực của hắn. Khi có vị “Gia Cát Khổng Minh” này ủng hộ, Chu Nguyên Chương liền quyết định một lần nữa xua quân thảo phạt Trần Hữu Lượng.

Dựa theo ý kiến của Lưu Cơ, trước khi xuất quân, Chu Nguyên Chương tuyên bố với các tướng sĩ :

- Trần Hữu Lượng giết chúa tiếm xưng hoàng đế, lại xâm phạm lãnh thổ của ta, giết chết tướng sĩ của ta. Qua hành động của hắn, nếu không tiêu diệt hắn thì không xóa được nỗi căm hờn trong lòng dân, không tiêu diệt hắn thì không an ủi được quốc hồn của ta.

Lời nói của Chu Nguyên Chương làm cho tướng sĩ đều phấn nộ và hăng hái, thề chết chiến đấu với Trần Hữu Lượng. Sau đó, Chu Nguyên Chương mới sắp xếp toàn quân để tiến về phía Tây. Chu Nguyên Chương và Lưu Cơ cùng ngồi một chiếc thuyền "Long Tượng" to căng buồm chạy ngược lên thượng du sông Trường Giang. Suốt trên đường đi, tinh thần chiến đấu của các tướng sĩ rất cao, luôn sôi nổi hăng hái. Hàng vạn chiến thuyền đang vượt Trường Giang, cờ xí rợp trời, trông thực hùng tráng.

Nhưng, cuộc chiến đấu diễn ra không hoàn toàn thuận lợi. Tướng của Trần Hữu Lượng là Trương Định vừa dũng cảm vừa thiện chiến, lại giỏi về mưu lược. Cộng thêm thành trì An Khánh rất kiên cố, địa thế rất hiểm yếu, dễ phòng thủ mà khó tấn công, nên tướng sĩ của Chu Nguyên Chương dù đánh rất dũng cảm, nhưng suốt một hôm mà vẫn không thu được một tiến triển nào.

Đêm đến, Chu Nguyên Chương buồn buồn không vui, triệu Lưu Cơ tới để bàn bạc đối sách. Lưu Cơ nói với Chu Nguyên Chương :

- Đại quân của chúng ta từ xa kéo tới, vốn có ý định chỉ đánh một trận là hạ được thành An Khánh. Thế nhưng đánh suốt cả ngày mà không giành được tấc đất tướng sĩ đều tỏ ra uể oải. Trong khi đó, Trương Định là tướng dũng cảm, thành An Khánh lại kiên cố, nếu tiếp tục đánh thì sẽ kéo dài rất lâu. Trần Hữu Lượng một khi biết ta đang đánh giằng co ở đây, nhất định sẽ phái binh mã tới quyết chiến để báo mối thù thất bại vừa rồi. Như vậy, ta sẽ bị quân địch từ bên trong lẫn bên ngoài hiệp lực tấn công, chắc chắn sẽ bại.

Chu Nguyên Chương nghe qua, thờ dài hỏi:

- Chẳng lẽ không còn biện pháp nào, mà phải bỏ thành An Khánh rút lui hay sao? Một khi cánh cửa này đã bị mở toang, cộp dũ sẽ vào nhà, thì từ nay về sau làm thế nào yên ổn được?

Lưu Cơ khoát tay nói với Chu Nguyên Chương:

- Chúa công nên an tâm. Chúng ta chỉ tạm thời bỏ An Khánh, chứ nào phải bỏ luôn. Sách "Võ kinh" có nói: Ta muốn đánh mà địch cố thủ trong lũy cao hào sâu, không đánh với ta, mà ta vẫn tiếp tục đánh giằng co với chúng, thì tất nhiên chúng sẽ phải viện binh tới nơi. Vậy An Khánh là nơi đây nguy hiểm, thành trì vững chắc như đồng, đủ sức để đánh giằng co lâu dài với ta. Sở dĩ hiện nay Trần Hữu Lượng chưa dám đưa binh đến nghênh chiến, là do hắn quá sợ ta đó thôi. Vậy, chúng ta nên bỏ rơi An Khánh, tiến nhanh về phía Tây, áp sát Giang Châu, đánh thốc vào sào huyệt của chúng, thì Trần Hữu Lượng nhất định phải rút quân từ An Khánh để cứu Giang Châu. Như vậy, An Khánh có chạy đi đâu mà sợ? Chẳng phải ta sẽ hạ được An Khánh dễ dàng hay sao? Như vậy là nhất cử lưỡng tiện, có sợ gì mà không làm?

Chu Nguyên Chương nghe xong, vỗ tay khen là tuyệt. Ông hoàn toàn nghe theo kế sách của Lưu Cơ, ngay trong đêm đó, xua quân tiến lên phía Tây, nhưng lại cho cắm nhiều cờ và đốt nhiều đồng lửa hơn tại doanh trại cũ. Ông cũng cho cột những con dê sống để chúng kéo dùi đánh trống, chiêng âm âm ngày đêm, khiến quân giặc trong thành không khỏi hoang mang sợ hãi.

Trong khi đó, Chu Nguyên Chương ra lệnh cho hầu hết lực lượng đang bao vây An Khánh rút lui, chỉ để lại một ít binh sĩ làm nghi binh cầm chân giặc. Toàn quân của Chu Nguyên Chương cuốn cờ im trống, men theo dòng sông tiến lên phía Tây và chẳng mấy chốc đã áp sát Giang Châu. Giữa lúc binh sĩ của Trần Hữu Lượng còn đang ngon giấc, thì binh sĩ của Chu Nguyên Chương ào lên tấn công. Bọn lính giữ thành Giang Châu tưởng đâu binh thần từ trên trời rơi xuống, hốt hoảng lo ứng chiến. Trần Hữu Lượng cũng vội vàng phát binh đối phó, nhưng không còn cứu vãn được tình thế đang thảm bại nữa. Tất cả các mặt trận tại Giang Châu đều bị phá vỡ. Trần Hữu Lượng phải dẫn vợ con bỏ chạy. Hắn thừa đêm tối chạy đến Võ Xương. Quân thủ thành Giang Châu đầu hàng và Chu Nguyên Chương đã chiếm thành này một cách nhanh chóng.

Trên đường bỏ chạy, Trần Hữu Lượng bắt được mấy tên binh sĩ của Chu Nguyên Chương, hỏi ra mới biết đây là mưu của Lưu Cơ nên hắn ngửa mặt lên trời than rằng:

- Dưới tay ta thiếu một mưu sĩ như Lưu Bá Ôn. Sau này kẻ tiêu diệt ta, chắc chắn chính là Bá Ôn rồi. Chẳng lẽ ý trời nghiêng về Chu Nguyên Chương, nên mới sai Bá Ôn tới trợ giúp đó chăng?

Lưu Cơ chẳng những có mưu lược trác tuyệt về mặt quân sự, mà các mặt chính trị, ngoại giao ông cũng có những mưu lược linh hoạt. Ông vừa sử dụng cách đánh chiếm, lại vừa sử dụng cách phủ dụ. Bất cứ đâu đâu ông cũng dựa vào tình huống cụ thể mà áp dụng sách lược cũng như biện pháp linh động để thủ thắng.

Hồ Đình Thoại là Thừa tướng tỉnh Giang Tây của Trần Hữu Lượng, từ lâu đã nghe tới oai danh của Chu Nguyên Chương, nay lại càng sợ hãi mưu lược thần tình của Lưu Cơ, nên sai bộ tướng là Trịnh

Nhân Kiệt đến doanh trường của Chu Nguyên Chương xin cầu hòa. Chu Nguyên Chương mời Trịnh Nhân Kiệt vào bên trong để cùng thương thảo. Hầu hết các điều kiện đôi bên đã thỏa thuận xong, chỉ còn một điều kiện sau cùng là "không giải giới bộ đội dưới quân của Hồ Đình Thoại" thì Chu Nguyên Chương còn tỏ ra do dự, lộ sắc khó xử, vì ông sợ về sau toán quân này sẽ gây chuyện rắc rối. Nhưng Lưu Cơ cho rằng đây là cơ hội để phân hóa và làm tan rã quân địch, và cũng là cơ hội tốt để vừa ra oai vừa ban ân. Cho nên khi Lưu Cơ trông thấy Chu Nguyên Chương do dự chưa trả lời, thì vội vàng lấy chân mình đá vào chân chiếc ghế ngồi có lưng tựa của Chu Nguyên Chương. Khi Chu Nguyên Chương nghe tiếng chân đá vào chân ghế, đoán biết ý đồ của Lưu Cơ, nên liền bằng lòng lời yêu cầu của đối phương, còn viết thư riêng để an ủi Hồ Đình Thoại, khen ông ta sáng suốt. Chẳng bao lâu sau, Hồ Đình Thoại công khai tuyên bố đầu hàng. Các phủ, châu, huyện ở chung quanh Hồ Đình Thoại như Dư Can, Kiến Xương, Cát An và Nam Khang, cũng noi gương lần lượt xin đầu hàng, toàn bộ đến nghe theo lệnh của Chu Nguyên Chương.

Tháng mười, thành Kiến An, một ngôi thành bị tấn công đầu tiên và kéo dài chưa hạ được, cũng bị binh đội của Chu Nguyên Chương đánh chiếm.

4. Hồn Chiến Tại Hồ Thắm Dương

Tháng hai năm thứ hai mươi ba niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1363), Chu Nguyên Chương quyết định thân chinh để giải cứu An Phong (nay nằm về phía Nam Thọ Huyện, tỉnh An Huy) để giải vây cho bộ tướng của mình là Lữ Trân, đang bị Trương Sĩ Thành bao vây. Lưu Cơ phân tích tình hình chung, cho rằng việc làm này không phù hợp với chiến lược trước kia đã quy định, tức phải đánh bại Trần Hữu Lượng trước rồi mới tiêu diệt Trương Sĩ Thành sau. Do vậy, ông đã cực lực khuyên ngăn Chu Nguyên Chương không nên ra quân. Ông nói :

- Vạn nhất Trần Hữu Lượng thừa cơ đến tấn công, thì ta sẽ gặp tình cảnh tiến thoái lưỡng nan. Hơn nữa, cứu được Tiểu Minh Vương Hàn Lâm Nhi thì an trí ông ta thế nào ? Nên tiếp tục để cho ông ta làm Minh Vương, hay là đưa ông ta đi giam ở một nơi khác. Hoặc, đem ông ta giết đi ? Nếu đem giam hoặc giết ông ta, thì bây giờ đi cứu ông ta làm gì? Chi bằng cứ mượn tay Trương Sĩ Thành giết chết ông ta là hơn. Còn nếu để ông ta tiếp tục làm Minh Vương, há chẳng phải tự mình tạo chuyện rắc rối cho mình, tự tìm người đội lên đầu để họ cai quản mình sao ? Chu Nguyên Chương cho rằng nếu An Phong thất thủ, thì Ứng Thiên cũng sẽ mất đi tầm bình phong, vậy cứu An Phong tức là bảo vệ cho Ứng Thiên. Cho nên Chu Nguyên Chương vẫn tự mình thân chinh như đã định.

Quả mọi việc không ngoài sự tiên liệu của Lưu Cơ, khi Chu Nguyên Chương cử binh đến cứu viện cho An Phong, thì Trần Hữu Lượng bèn thừa cơ xua quân tấn công. Hắn điều động mấy trăm chiến thuyền, năm sáu mươi vạn quân đội, dốc hết sức mạnh để bao vây Hồng Đô (nay là thành phố Nam Xương, tỉnh Giang Tây), và đã nhanh chóng chiếm Cát An, Lâm Giang, và Vô Vĩ Châu. Nam Xương bị vây hơn tám mươi ngày, kịch chiến liên tục đêm ngày mấy mươi hôm, tình trạng hết sức nguy cấp. Chu Nguyên Chương nghe thế mới biết lời tiên đoán của Lưu Cơ thực là chính xác, nên tự trách mình : "Vi không nghe lời tiên sinh nên mới có sự thất bại ngày hôm nay". Lưu Cơ lên tiếng an ủi :

- Bây giờ tình ngộ vẫn còn chưa muộn.

Chu Nguyên Chương bèn đích thân dẫn hai chục vạn đại binh đi cứu viện, ra lệnh cho Lưu Cơ ở lại giữ Ứng Thiên.

Trần Hữu Lượng nghe nói Chu Nguyên Chương dẫn binh tới cứu viện, sợ hãi mặt thụt dích, nên vội vàng tháo vòng vây và bố trí trận địa tại hồ Thắm Dương, chuẩn bị nghênh chiến. Quân cứu viện của Chu Nguyên Chương tới nơi, liền bắt đầu kịch chiến với quân địch trên hồ Thắm Dương. Giai đoạn đầu của trận đánh, Chu Nguyên Chương nhiều lần gặp cảnh thất lợi, suýt nữa lâm nguy. Bí quá, Chu Nguyên Chương bèn ra lệnh cho Từ Đạt về Ứng Thiên thay thế Lưu Cơ.

Lưu Cơ đi bắt kể ngày đêm. Sau khi đến nơi, bèn cùng Chu Nguyên Chương bàn bạc chiến thuật để phá địch. Hai người đều chủ trương dùng hỏa công. Nhưng Chu Nguyên Chương vẫn lo hướng gió không ổn định, thuyền nhiều khó đốt cháy hết, nếu không khéo lửa còn có thể cháy đến thuyền mình như chơi. Căn cứ theo sự quan sát hiện tượng thiên văn của Lưu Cơ, ông đoán đến hoàng hôn thì sẽ có gió Đông

bắc thổi. Họ liền chuẩn bị ngay bảy chiếc thuyền nhỏ, bên trên chất nhiều hình nộm bằng rom để nghi binh, lại đổ nhiều dầu lên cỏ sậy khô, còn chứa trong thuyền rất nhiều thuốc súng và lưu huỳnh, nhanh chóng cho thuyền tiến ra giữa hồ. Khi tới gần chiến thuyền của địch, binh sĩ bèn quăng móc để móc dính thuyền địch và thuyền hỏa công, rồi nổi lửa đốt.

Chỉ trong khoảnh khắc, lửa cháy ngất trời. Những thuyền to đều bị cháy. Cuộc chiến đấu giữa đôi bên diễn ra vô cùng ác liệt, một ngày phải tiếp lửa đến mấy chục lần. Tiếng hò reo sát phạt, tiếng sóng gió, tiếng lửa cháy hòa lẫn lại làm một, nghe thật rùng rợn. Trong khi kịch chiến, tướng sĩ hai bên thương vong rất nhiều. Trần Hữu Lượng không tiên liệu được điều đó nên sự tổn thất của hắn càng to hơn.

Có lần, Chu Nguyên Chương đang ngồi trên thuyền chỉ huy để ra lệnh chiến đấu, bỗng Lưu Cơ đang ngồi bên cạnh nhảy vọt lên, la to :

- Ngồi sao tai nạn sắp đi qua, vậy mời chúa công hãy mau đổi thuyền !

Chu Nguyên Chương là người vốn rất bình tĩnh trong lúc chiến đấu, nghe thế cũng không khỏi giật mình, quay mặt nhìn lại ông thấy Lưu Cơ hai tay khoát lia lịa, to tiếng nói tiếp :

- Hãy hỏa tốc đổi thuyền ngay !

Chu Nguyên Chương chưa kịp hiểu ra chuyện gì, thì đã bị Lưu Cơ và mấy vệ sĩ theo hầu sát một bên, cùng kéo ông qua một chiếc thuyền khác. Chu Nguyên Chương ngồi chưa vững, đã nghe một tiếng nổ 'ầm' thực to. Thế là chiếc thuyền chỉ huy của Chu Nguyên Chương đã bị trúng đạn đại pháo của Trần Hữu Lượng, vỡ thành từng mảnh vụn, và chìm lìm xuống đáy hồ. Lúc bấy giờ Chu Nguyên Chương mới tỉnh thần trở lại, và hiểu chuyện gì đã xảy ra, lên tiếng khen ngợi Lưu Cơ là người tính toán như thần.

Thì ra, Lưu Cơ thấy Chu Nguyên Chương do nóng lòng muốn chiến thắng, nên không chú ý tới việc nghi trang chiếc thuyền chỉ huy của mình, mà cho thuyền đi lại tự nhiên giữa chiến trận. Trong khi đó, đối phương đã phát giác Lưu Cơ đoán biết Trần Hữu Lượng chắc chắn sẽ ra lệnh cho pháo binh của mình tập trung bắn vào thuyền chỉ huy của Chu Nguyên Chương. Nhân lúc bấy giờ trên trời cũng vừa xuất hiện một hiện tượng khác thường, mà người đời thường gọi là "vì sao khô nạn". Lưu Cơ bèn hối Chu Nguyên Chương thay đổi chiếc thuyền chỉ huy, và may mắn tránh được một tai họa có thể quyết định cho sự thành bại của Chu Nguyên Chương.

Riêng Trần Hữu Lượng và các tướng lĩnh của ông ta, trông thấy chiếc thuyền chỉ huy của Chu Nguyên Chương bị bắn chìm, ai ai cũng cho rằng Chu Nguyên Chương đã chết, không còn gì phải nghi ngờ nữa. Toàn quân của Trần Hữu Lượng đều vỗ tay reo hò, nâng ly chúc mừng nhau. Giữa lúc họ đang vui mừng cuồng nhiệt đó, bỗng thấy thuyền chỉ huy của Chu Nguyên Chương lại xuất hiện để chỉ huy tấn công, nên tất cả không khỏi kinh hoàng thất sắc, cho rằng Chu Nguyên Chương được thần tiên phò hộ. Cả trận địa của Trần Hữu Lượng vì thế mà rối loạn cả lên. Quân đội của Chu Nguyên Chương bèn thừa cơ cho chiến thuyền của mình xoay quanh những chiến thuyền lớn của đối phương để tấn công, khi ẩn khi hiện, chẳng khác gì những con rồng thần đang bơi trên mặt nước, khiến Trần Hữu Lượng bối rối không biết cách nào để đối phó. Tướng sĩ của Chu Nguyên Chương thấy vậy, tinh thần phấn chấn hẳn lên, hò reo rung chuyển cả mặt hồ. Lúc đó mặt hồ cũng bắt đầu nổi sóng to, mây mù bắt đầu bao kín trên trời, tạo điều kiện tốt để quân Chu Nguyên Chương mở cuộc tấn công dữ dội. Chiến thuyền của

Chu Nguyên Chương bé nhỏ hơn, nhưng nhờ đó mà nó di chuyển nhanh hơn, thích hợp để sử dụng lối đánh hỏa công. Chiến thuyền to của Trần Hữu Lượng cứ đưa lưng ra chịu đánh. Có những chiếc bị đánh chìm, có những chiếc bị hỏa công đốt cháy như cây đuốc.

Cuộc hỗn chiến tại hồ Thầm Dương kéo dài ba hôm vẫn chưa phân thắng bại. Về sau, Lưu Cơ kiến nghị với Chu Nguyên Chương nên đưa quân chủ lực ra cửa hồ, chặn con đường lưu thông của địch quân, rồi dùng biện pháp "đóng cửa đánh chó", để cắt đứt đường vận chuyển lương thực của địch. Do lương thực thiếu thốn, binh sĩ mệt mỏi, nội bộ của Trần Hữu Lượng bắt đầu nghi kỵ lẫn nhau, nên quân của Trần Hữu Lượng đã nhanh chóng bị đánh bại. Một số lớn bị bắt và đầu hàng. Trần Hữu Lượng khi chường mặt để quan sát tình hình, bỗng một mũi tên lạc bắn trúng, chết ngay tại chỗ. Quân đội của Chu Nguyên Chương đã trả một giá rất cao về mặt thương vong, và trải qua mấy lần nguy hiểm, rốt cục đã đánh bại triệt để cánh quân của tên cường địch này.

Sau khi trở về đến Ứng Thiên, Chu Nguyên Chương tỏ ý hối hận đối với quyết sách trước đây của mình, nói với Lưu Cơ :

- Đáng lý tôi không nên cử binh đi cứu An Phong. Nếu Trần Hữu Lượng thừa cơ hội đó đánh thốc vào Ứng Thiên, thì quân ta tiến cũng không thành công, mà thoái cũng không có nơi để cố thủ, đại sự chắc chắn sẽ tiêu tan. Cũng may hắn không tấn công Ứng Thiên, mà lai bao vây Nam Xương. Nam Xương đã cố thủ được ba tháng, giúp tôi có thời gian để tập trung binh lực. Trần Hữu Lượng đã sử dụng một kế sách tồi như vậy, không bị diệt vong thì đợi chừng nào.

Qua mấy chiến dịch chủ yếu để bình định Trần Hữu Lượng, Lưu Cơ lúc nào cũng có sẵn mưu lược trong tâm trí, và mỗi kế hoạch của ông đều có hiệu quả rất cao. Nhất là qua cuộc chiến tại hồ Thầm Dương, đánh bại quân Hán của Trần Hữu Lượng, đã tạo được nền tảng để xây dựng bá nghiệp của triều nhà Minh. Tư tưởng chiến lược và chiến thuật của Lưu Cơ trong trận đánh hồ Thầm Dương, rất đáng được mọi người nghiên cứu và rút kinh nghiệm.

5. Bình Định Trương Sĩ Thành

Về mặt chiến lược, Lưu Cơ đã hiến cho Chu Nguyên Chương phương châm tiêu diệt Trần Hữu Lượng trước rồi bình định Trương Sĩ Thành sau, giúp Chu Nguyên Chương nắm được quyền chủ động trong quá trình giành thiên hạ. Khi cuộc chiến bình định quân Hán của Trần Hữu Lượng ở phía Tây đã dần dần kết thúc, thì Chu Nguyên Chương tập trung binh lực, quay mũi giáo chĩa về hướng Đông, tấn công vào Ngô Quốc do Trương Sĩ Thành dựng lên.

Khi Trương Sĩ Thành chiếm cứ được vùng Triết Tây, phía Bắc liên kết được với Lương Hoài, dựa vào sức mạnh vũ lực của mình, đã mấy phen xâm chiếm những vùng đất thuộc thế lực của Chu Nguyên Chương. Lưu Cơ cho rằng đây là một nhóm quân đội bất nghĩa. Mục đích nổi dậy của họ chẳng phải nhằm cứu dân cứu nước, mà chỉ tham lam một cuộc sống phú quý vinh hoa. Do vậy chúng mặc tình cướp bóc của nhân dân bá tánh. Trong khi đó, quân đội của chúng ta thì khác hẳn, không cướp bóc, không lạm sát, không đốt nhà cửa, đúng là một quân đội nhân nghĩa. Có vậy mới tranh thủ được lòng dân. Là một nhà chính trị trứ danh, Lưu Cơ trước tiên đề xuất những kiến nghị trên, giúp cho quân đội của Chu Nguyên Chương trở thành một quân đội có kỷ luật, cao hơn hẳn quân đội của Trương Sĩ Thành một bậc. Là nhà quân sự, Lưu Cơ trong những hành động cụ thể để đánh Trương Sĩ Thành, cũng đã thực hiện tư tưởng quân sự của ông.

Vào năm hai mươi ba niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1363), Trương Sĩ Thành bao vây thành Kiến Đức. Vị nguyên soái giữ thành là Lý Văn Trung nghe tin cả giận, muốn đánh một trận chết sống với hắn. Nhưng lúc đó có mặt Lưu Cơ tại thành Kiến Đức. Ông bèn giải thích tường tận cho Lý Văn Trung nghe. Trong sách "Bách chiến kỳ lược" của ông, có nói đến chiến thuật "lấy quân đội ăn no để chờ đánh quân đội bị đói": "Phàm kẻ địch từ xa kéo đến, lương thực tiếp tế đều gặp khó khăn, địch đói còn ta no, vậy ta có thể cố thủ trong thành, và tìm cách cắt đứt nguồn lương thực cũng như đường chuyên chở lương thực của địch, rồi cùng chong mắt giăng co với địch. Phe địch nhất định sẽ gặp khó khăn lương thực. Tướng sĩ ăn không no, tất nhiên dễ sinh loạn. Do vậy, quân địch chắc chắn sẽ chủ động triệt thoái. Đến chừng đó, ta sẽ bí mật phái kỵ binh phục kích giữa đường, rồi cho quân ở phía sau truy đuổi theo, chắc chắn sẽ giành được toàn thắng". Dựa vào đó, Lưu Cơ cho rằng :

- Chỉ ba hôm sau Trương Sĩ Thành nhất định sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp tế lương thảo, và buộc phải triệt thoái. Khi hắn rút lui thì ta đuổi theo, chắc chắn chỉ cần đánh một trận là bắt sống được hắn.

Lý Văn Trung mặc dù bán tín bán nghi, nhưng nghe Lưu Cơ nói hữu lý nên ra lệnh vét hết lương thực ở ngoài thành, rồi đóng cửa thành cố thủ. Đồng thời, nhân đêm tối bí mật phái những cánh quân nhỏ đi mai phục chờ địch.

Ba hôm sau, Lưu Cơ thông thả dẫn Lý Văn Trung và các tướng sĩ lên đầu thành quan sát. Quan sát một lúc Lưu Cơ nói một cách tự tin :

- Giặc Trương đã bỏ chạy rồi!

Các tướng sĩ nhìn thấy doanh trại của Trương Sĩ Thành vẫn còn cờ xí rạp trời, không khác chi bình thường, lại nghe từng hồi trống đánh vang rền, nên nghi ngờ không dám cử binh ra ngoài.

Lưu Cơ nhiều lần hỏi thúc, Lý Văn Trung mới chịu xuống lệnh mở cửa thành cho quân xuất kích. Khi tiến tới doanh trại của Trương Sĩ Thành, quả nhiên mọi việc đúng như sự tiên liệu của Lưu Cơ, doanh trại địch trống rỗng, chủ lực của Trương Sĩ Thành đã toàn bộ rút chạy, chỉ còn lại cờ xí và một số binh lao nhợc. Lý Văn Trung bèn xuống lệnh truy kích. Tức thì, những con ngựa chiến đua nhau chạy như bay, mãi đến Đông Dương mới đuổi kịp bộ đội của Trương Sĩ Thành. Sau một trận kịch chiến, quân đội của Trương Sĩ Thành vốn đang đói lại đang mệt mỏi, nên không sao chống đỡ nổi. Chẳng mấy chốc, toàn bộ thảm bại và bị Lý Văn Trung bắt sống vô số.

Riêng Phương Quốc Trân là người Đái Châu thuộc vùng Triết Đông, khởi binh đứng lên chống nhà Nguyên vào năm thứ tám niên hiệu Chí Chính, chiếm các châu huyện như Khánh Nguyên, Ôn, Đái ở vùng duyên hải. Quân Nguyên mấy lần thảo phạt nhưng không thể tiêu diệt. Lưu Cơ cũng đã từng liên lạc nhiều lần với ông ta trước đây. Đến năm thứ mười ba niên hiệu Chí Chính triều nhà Nguyên, Lưu Cơ giữ chức Hành Tỉnh Đô Sự ở Triết Đông, xuất phát từ bản tính bảo vệ cho giai cấp thống trị, ông kiến nghị :

- Họ Phương cầm đầu nổi loạn, mấy lần đầu hàng lại mấy lần làm phản vô cùng hung ác và xảo quyệt, không thể tha thứ, phải bắt lấy để quy án đem chém đầu theo pháp luật.

Nhưng Phương Quốc Trân đã hối lộ một nhóm quan viên của triều nhà Nguyên, nên trong cuộc họp bàn tại triều đình, họ không nghe theo kiến nghị của Lưu Cơ, mà lại kiến nghị với nhà vua cho Phương Quốc Trân đầu hàng. Chúng lại buộc tội Lưu Cơ là "ăn nói vượt quyền", "lạm quyền", rồi không dùng ông nữa. Sau khi Phương Quốc Trân được triều đình nhà Nguyên ban cho chức quan, vẫn nắm giữ binh lực trong tay không nghe theo sự điều khiển của triều đình, lại lợi dụng danh nghĩa quan chức, tha hồ vợ vét tài sản của lương dân, cướp đoạt quốc khố, để củng cố thêm lực lượng của mình, mở rộng địa bàn chiếm đóng.

Phương Quốc Trân mặc dù từng có "duyên nợ" với Lưu Cơ như vậy, nhưng nói cho cùng, Phương Quốc Trân vẫn là người giỏi xem gió trở cờ, lại luôn ngưỡng mộ người có tài năng. Cho nên đối với Lưu Cơ vẫn một mực kính trọng không nhớ thù xưa. Mẫu thân của Lưu Cơ chết, Phương Quốc Trân phái người tới đưa thơ chia buồn. Giờ đây, Lưu Cơ cho rằng kẻ thù chủ yếu của Chu Nguyên Chương chỉ là Trần Hữu Lượng, Trương Sĩ Thành, còn đối với thế lực dù không phải nhỏ như Phương Quốc Trân, tạm thời có thể lợi dụng mà không dùng phương pháp cũ "bắt để chém đầu" nữa.

Do vậy, Lưu Cơ bèn viết một phong thư dài nói rõ cho Phương Quốc Trân hiểu về uy đức và thế lực quân sự hiện nay của Chu Nguyên Chương, hy vọng ông ta nên tìm hiểu thời cuộc để xây dựng sự nghiệp lớn. Lưu Cơ cũng viết cho Chu Nguyên Chương một phong thư, nói rõ ý nghĩa lợi dụng Phương Quốc Trân và xin Chu Nguyên Chương phái người đi chiêu dụ Phương Quốc Trân.

Sau khi Phương Quốc Trân nhận được thư của Lưu Cơ, bèn nói với người em :

- Hiện nay vận nước của triều nhà Nguyên sắp chết, quần hùng đang nổi dậy khắp nơi. Nhưng chỉ có quân đội của Chu Nguyên Chương là kỷ luật nghiêm minh, không ai đánh thắng nổi. Giờ đây ông ta lại

tiền quân xuống Vụ Châu ở phía Đông, e rằng khó tranh phong được cùng ông ta. Phương chi, những thế lực thù địch của ông ta chỉ có Trương Sĩ Thành ở phía Đông và Trương Hữu Lượng ở phía Nam. Vậy chi bằng ta nên theo lời khuyên của Lưu Cơ, tạm thời dựa vào họ Chu, xem đó là một thế lực giúp đỡ ta, để ta ngồi yên chờ diễn biến.

Vừa lúc đó, lại có sứ giả của Chu Nguyên Chương phái tới để chiêu dụ Phương Quốc Trân. Phương được mọi người chung quanh khuyên nhủ, nên quyết định đầu hàng Chu Nguyên Chương, bằng lòng hợp lực để tấn công Trương Sĩ Thành. Phương Quốc Trân còn hiến cho Chu Nguyên Chương năm chục cân vàng, một trăm cân bạc, và nhiều vải vóc.

Từ việc chiêu hàng Phương Quốc Trân thành công, có thể nhận ra tư tưởng quân sự, chính trị của Lưu Cơ là linh hoạt, sâu sắc, cũng hết sức thực dụng. Chính tư tưởng này đã giúp cho Chu Nguyên Chương bình định được quân Hán của Trần Hữu Lượng, quân Ngô của Trương Sĩ Thành, và tiêu diệt một số thế lực chống đối khác.

6. Bị Tiểu Nhân Phỉ Báng

Tháng giêng năm thứ hai mươi bốn niên hiệu Chí Chính triều nhà Nguyên (công nguyên 1364), Chu Nguyên Chương lên ngôi làm Ngô Vương, qua sự khuyến khích của Lý Thiện Trường và Từ Đạt, và cử Lý Thiện Trường làm Tả tướng quốc, Từ Đạt làm Hữu tướng quốc, Lưu Cơ làm Thái Sử Lệnh. Lưu Cơ do tinh thông thiên văn, sau khi được cử làm Thái Sử Lệnh, bèn dựa trên cơ sở "Lịch thụ thời" của triều nhà Nguyên, tu chỉnh lại lịch pháp, đặt ra "Lịch đại thống", và được ban hành vào năm thứ nhất sau khi Ngô Vương tấn thăng Hoàng đế, và trở thành lịch pháp suốt cả triều đại nhà Minh. Do năm đó là năm mậu thân, nên được gọi là "Lịch đại thống mậu thân".

Lúc bấy giờ, chính quyền do Chu Nguyên Chương xây dựng đã biến chất. Chu Nguyên Chương từ một đại biểu của giai cấp nông dân, đã chuyển biến thành đại biểu của giai cấp địa chủ phong kiến. Trong một dịp Chu Nguyên Chương nằm mộng, bèn định giết một toán tù nhân để hóa giải cơn ác mộng trên. Lưu Cơ từ quan điểm hòa hoãn mới mâu thuẫn giai cấp, đã lấy cớ giải mộng khuyên Chu Nguyên Chương nên ngưng lại việc hành hình số tù nhân đó, để tránh tình trạng lạm sát những người vô tội. Ông giải thích giấc mộng của Chu Nguyên Chương là sẽ "được kẻ sĩ, cũng như được nhiều hiền tài". Chẳng bao lâu, Châu Hải Ninh quy hàng, Chu Nguyên Chương cho rằng đây là sự ứng nghiệm của giấc mộng, nên giao số tù nhân mà nhà vua định hành hình cho Lưu Cơ xử lý. Lưu Cơ đã thả hết số phạm nhân này.

Năm thứ hai mươi tám niên hiệu Chí Chính (công nguyên 1368), Chu Nguyên Chương xưng đế và chính thức xây dựng triều đại nhà Minh, thay niên hiệu gọi là Hồng Võ, định đô tại Nam Kinh. Lý Thiện Trường, Từ Đạt từ chức Tướng quốc đổi thành chức Tả hữu Thừa tướng. Lưu Cơ cử làm Ngự Sử Trung Thừa kiêm Thái Sử Lệnh. Tại buổi đại lễ đăng cơ của Chu Nguyên Chương, Thái Sử Lệnh Lưu Cơ thay mặt hoàng đế đọc chúc văn. Và, trong khi Hoàng đế phong chức cho các công thần thì Lưu Cơ là người đọc bản sắc phong của Hoàng đế.

Trong những năm Long Phụng, quân đội của Chu Nguyên Chương không ngớt mở rộng, biên chế không thống nhất nhau. Sự xưng hô của tướng tá cũng rất hỗn loạn. Sau khi Chu Nguyên Chương xưng Ngô Vương, từng xuống lệnh dựa vào cấp chỉ huy như Thiên Hộ, Bá Hộ, Tổng Kỳ, Tiểu Kỳ để biên chế lại quân đội có hiệu quả, tăng cường sức chiến đấu cho toàn quân. Đến năm Hồng Võ nguyên niên (1368), dựa trên cơ sở Lưu Cơ lại "tâu lập Quân Vệ Pháp", tức ở những địa phương quan trọng được đặt Vệ, những địa phương kém quan trọng hơn thì đặt Sở, "từ Kinh Sư cho đến quận huyện đều được đặt Vệ và Sở". Đại để quân số đông 5600 người thì đặt một Vệ, vị trưởng quan gọi là chỉ huy Sứ, Quân số 1120 người thì gọi là Thiên Hộ Sở, vị trưởng quan gọi là Thiên Hộ. Dưới Thiên Hộ Sở đặt Bá Hộ Sở, và Tổng Kỳ, Tiểu Kỳ, lấy Đô Chỉ Huy Sứ Ty làm cơ cấu quân sự tối cao tại địa phương, đã tăng cường và củng cố quyền lực thống trị của vị Hoàng đế phong kiến triều nhà Minh.

Sau mấy mươi năm chiến loạn giữa quần hùng, đời sống của nhân dân vô cùng đồ thán, quốc gia suy sụp, bá tánh khôn đốn, vậy cần phải cấp bách để cho dân được nghỉ ngơi. Vì muốn cho bá tánh được sống yên, Chu Nguyên Chương lại hỏi về phép cai trị đất nước với Lưu Cơ. Lưu Cơ đáp :

- Sau những ngày tuyết sương, tất nhiên phải đến ngày Xuân âm áp. Hiện nay uy quyền của đất nước đã được củng cố, vậy phải dần dần có phép cai trị khoan dung. Vì đời sống của người dân phải được chăm sóc một cách nhân ái, cho nên phải lấy lòng nhân để cai trị dân. Từ các triều đại Tống, Nguyên, pháp chế tuy có nhưng thực ra cũng như không, buông lỏng quá lâu ngày. Giờ đây trước hết cần phải chỉnh đốn kỷ cương, ban hành pháp điển, rồi mới có thể thi hành việc cai trị nhân ái được.

Lưu Cơ lấy tư tưởng "Nhân chính" truyền thống của Nho gia để làm cơ sở lý luận cai trị nước. Ông cho rằng phép cai trị đất nước, phải dùng song song một thể chế cai trị nhân đức, đi đôi với việc dùng hình pháp để răn đe, nhưng phải lấy cai trị nhân đức làm chủ đạo. Trước tiên, ông phản đối dùng phương thức hung bạo, tàn nhẫn, mà đối với bá tánh phải có lòng nhân ái. Đồng thời ông cho rằng cai trị theo thể chế nhân đức, cũng cần phải có pháp luật nghiêm minh để đảm bảo. Mục đích sử dụng hình pháp là để không sử dụng hình pháp nữa. Một khi có pháp luật thì phải tuân theo. Việc chấp pháp phải nghiêm minh để cho mọi người đều sợ, để từ đó xây dựng trật tự thống trị của chế độ phong kiến.

Ông đã có những chủ trương rõ ràng như thế về mặt lý luận, và trong thực tế, ông cũng làm đúng như vậy.

Ông đã giúp Chu Nguyên Chương thẩm định lại một số án oan đã tồn đọng từ nhiều năm qua, và đã tiến hành minh oan rửa nhục cho những người đó. Ông cũng đã cứu một toán tù nhân thoát chết, do nhà vua nằm mộng nên muốn giết họ để giải tỏa cơn ác mộng của mình như đã nói trên. Từ đó, Thái Tổ ủy thác cho Lưu Cơ xử lý tất cả những vấn đề tội phạm quan trọng. Lưu Cơ cố gắng xét xử họ bằng một thái độ khoan dung để lung lạc và ổn định nhân tâm.

Ngoài ra, Lưu Cơ còn xin với Hoàng đế chấn chỉnh lại pháp luật, định ra những pháp chế mới, để ngăn chặn việc tùy nghi xử tội lương dân, và cũng nghiêm cấm việc lạm sát những người vô tội. Chu Nguyên Chương xuống lệnh thực thi những đề nghị của Lưu Cơ. Ít lâu sau, Lưu Cơ đã thảo ra nhiều pháp lệnh và trở thành cơ sở để sau này triều đại nhà Minh đưa vào đó mà lập pháp. Bộ "Đại Minh Luật" được ban bố hồi năm thứ ba mươi niên hiệu Hồng Võ, chính là dựa trên cơ sở của những pháp lệnh này để tu chỉnh hoàn thiện.

Tháng tư lịch nhà Hạ, tức niên hiệu Hồng Võ nguyên niên (1368), trong dịp bắc phạt Trung Nguyên thắng lợi, chiếm được Sơn Đông và Hà Nam. Chu Nguyên Chương từ Ứng Thiên (Nam Kinh) đi Biện Lương (Khai Phong), để đại hội các tướng bắc phạt, nghiên cứu chiến cuộc và bố trí những bước đánh chiếm Đại Đô của nhà Nguyên. Nhà vua để Lưu Cơ và Lý Thiện Trường ở lại giữ Nam Kinh.

Lúc bấy giờ Lưu Cơ đang giữ chức Ngự Sử Trung Thừa, tức một trưởng quan tại Ngự Sử Đài, có nhiệm vụ lãnh đạo các giám sát ngự sử để phát hiện những hành vi phi pháp, trái luật của các quan lại. Lưu Cơ cho rằng cuối hai triều Tống và Nguyên do kỷ cương không nghiêm, nên dẫn đến bị mất thiên hạ. Do vậy ông yêu cầu các ngự sử quan phải chú ý phát hiện những hành vi trái pháp luật của quan lại, và phải thực tâm tra xét để xử lý. Bất luận người vi phạm pháp luật có quyền thế đến đâu, có chức tước cao đến đâu cũng mặc. Nếu những cận thần có nhiệm vụ túc trực bảo vệ triều đình mà phạm pháp, thì ông trước tiên báo cáo lên cho Hoàng Thái Tử biết, rồi mới định theo pháp luật mà trị tội. Mọi người đều khiếp sợ trước việc chấp pháp nghiêm khắc của Lưu Cơ, nên không dám vi phạm pháp luật một cách bừa bãi.

Trong thời gian này, Lý Thiện Trường có một người thân tín là Lý Bân đang giữ chức Đô Sự tại Trung Thư tỉnh bị phạm pháp và bị kết tội chém. Lý Thiện Trường bèn ra mặt xin tội cho Lý Bân, nhưng Lưu Cơ với một thái độ nghiêm chỉnh, chấp pháp bất vị thân, sẵn sàng đón nhận nguy hiểm, không để ý gì tới chuyện xin xỏ của Lý Thiện Trường. Do đây là một sự kiện quan trọng, nên Lưu Cơ theo thông lệ viết sớ báo lên với Chu Nguyên Chương, chờ hoàng đế phê chuẩn xong thì mới đem Lý Bân ra chém.

Nhưng sự kiện này đã khiến Lý Thiện Trường có sự đố kỵ với Lưu Cơ. Lý Thiện Trường nguyên là người được Chu Nguyên Chương thu nhận đưa vào làm thư ký Mạc phủ sau khi ông cử binh chẳng bao lâu. Thời Chu Nguyên Chương xưng vương nước Ngô, Lý Thiện Trường được cử làm Tả tướng quốc. Sau khi Chu Nguyên Chương xưng đế, ông ta lại được cử làm Tả thừa tướng. Trong triều đình, ông ta luôn luôn là người đứng hàng đầu. Sau khi Lý Bân bị giết, Lý Thiện Trường có ý trả thù. Vào tháng bảy nhuận, khi Chu Nguyên Chương từ Khai Phong trở về Nam Kinh, Lý Thiện Trường đã cực lực phỉ báng Lưu Cơ. Năm đó trời hạn hán, ông ta bảo do Lưu Cơ chém Lý Bân dưới đàn đảo võ, nên trời cho là bất kính, tức giận, khiến cuộc đảo Võ mất hiển linh. Ngoài ra, một số người khác vốn đang bắt nạt Lưu Cơ, cũng đua nhau nói xấu ông.

Chu Nguyên Chương dựa theo sự mê tín để xem xét nguyên nhân trời hạn hán. Khi nhà vua hỏi đến Lưu Cơ, ông bèn tâu :

- Trong chiến tranh có nhiều chiến sĩ chết, vợ con và thân nhân của họ hoặc thất lạc hoặc sống cô quả không được ai lo lắng tới. Cho nên âm khí và oán khí xông lên trời xanh. Đó là một nguyên nhân. Kế đó, bao nhiêu công thợ đã chết phơi thây, rã xác ngoài đồng nội, không ai chôn cất. Đó là nguyên nhân thứ hai. Những quan viên đầu hàng tại vùng Giang Triết, đều bị đưa vào trong quân đội, để cả nhà họ đời này qua đời khác phải xung quân, sống trong những Vệ, Sở cố định, khiến họ luôn luôn oán trách. Đó là nguyên nhân thứ ba. Với ba nguyên nhân trên, kết hợp lòng oán hận của con người và lòng oán hận của trời, nên dẫn đến trời không mưa. Vậy, mong bệ hạ nên xử lý những việc trên cho tốt hơn.

Chu Nguyên Chương tiếp nhận ý kiến của Lưu Cơ, ban bố ngay một số biện pháp khẩn cấp. Nhưng sau mười mấy hôm trời vẫn không mưa, khiến Chu Nguyên Chương giận dữ. Trước tình hình đó, Lưu Cơ cảm thấy hết sức lúng túng. Cho nên nhân dịp bà vợ của ông qua đời, ông lấy lý do phải về quê để lo việc ma chay cho vợ, bèn cáo lão từ quan.

7. Góp Ý Chọn Thừa Tướng

Trước khi Lưu Cơ cáo lão về quê, từng dâng lên cho Chu Nguyên Chương hai kiến nghị. Lúc bấy giờ, đại tướng Từ Đạt đã chiếm được Đại Đô của triều nhà Nguyên (nay là Bắc Kinh). Chu Nguyên Chương có ý định sẽ lấy quê hương cũ của mình là Phượng Dương để làm Trung Đô. Đồng thời cũng đang có kế hoạch tập trung binh lực để tiêu diệt viên thống soái của nhà Nguyên là Khuếch Khoách Thiết Mộc Nhi. Lưu Cơ nói :

- Phượng Dương tuy là quê hương cũ của bệ hạ, nhưng điều kiện địa lý ở nơi đây không tốt, vậy không nên xây dựng kinh đô tại đây. Riêng quân Nguyên tuy đã bại trận, nhưng Vương Bảo Bảo (tức Khuếch Khoách Thiết Mộc Nhi), vẫn là một tiềm lực quân sự của nhà Nguyên. Vậy, việc dụng binh đối với ông ta cần phải hết sức thận trọng. Vì ông ta là người dụng binh linh hoạt, nếu xem thường sẽ bị gặp trở lực.

Lưu Cơ rời đi ba tháng sau, Chu Nguyên Chương cảm thấy lời nói của ông rất có lý, lại nghĩ tới thời gian qua, lúc nào ông cũng trung thành với triều đình, nên nhà vua tự xuống lệnh biểu dương công luan của Lưu Cơ, và triệu ông trở lại Nam Kinh.

Chu Nguyên Chương chán ghét sự chuyên quyền hống hách của Lý Thiện Trường, nên có ý muốn đổi người lên thay chức vụ Thừa tướng. Nhà vua từng trưng cầu ý kiến của Lưu Cơ về người có thể lên giữ chức vụ này. Lưu Cơ nói với Chu Nguyên Chương :

- Lý Thiện Trường là người có công lớn trong quá trình xây dựng nước, đức cao vọng trọng, được các tướng yêu quý, có thể điều động các tướng dễ dàng, vậy không nên thay đổi.

Chu Nguyên Chương nói :

- ông ta đã mấy phen mưu hại khanh, thế tại sao khanh còn nói tốt cho ông ấy. Theo trẫm, tốt nhất là khanh nên lên giữ chức Thừa tướng vậy.

Dưới tình trạng tập đoàn Hoài Tây của Lý Thiện Trường nắm quyền, Lưu Cơ biết mình không sao có thể đứng vững chân tại triều đình được. Do vậy, ông vội vàng từ chối, nói :

- Muốn thay thế rường cột thì phải dùng gỗ to, chứ không thể dùng nhiều cây bé nhỏ cột lại mà thay thế được. Vì chẳng bao lâu sau, nó sẽ bị sức nặng của ngôi nhà đè bẹp mất.

Chu Nguyên Chương lại hỏi những người như Dương Hiến, Ưông Quảng Dương và Hồ Duy Dung như thế nào ? Dương Hiến tuy là bạn của Lưu Cơ, nhưng Lưu Cơ không do vậy mà tiến cử ông ta. Lưu Cơ bèn có lời bình luận rằng :

- Dương Hiến tuy có đầy đủ tài năng để làm Thừa tướng, nhưng lòng dạ thiếu rộng rãi. Một vị Thừa

tướng phải "có lòng dạ như một dòng sông, biết lầy nghĩa lý để mà xét đoán, không thể xử sự theo tình cảm" còn Uông Quảng Dương thì Lưu Cơ cho rằng lòng dạ quá hẹp hòi, còn kém hơn cả Dương Hiến. Riêng đối với Hồ Duy Dung, ông cho rằng nếu được cử làm Thừa tướng thì cũng như trao cho ông đánh một cỗ xe, chẳng những ông ta đánh xe không tốt, mà còn làm cho gọng xe gãy đi nữa là khác !

Sau khi đã bàn tới bàn lui, cuối cùng Chu Nguyên Chương nói:

- Xem ra vị Thừa tướng của trẫm, chỉ có tiên sinh đảm nhận mới được mà thôi. Nhưng Lưu Cơ một lần nữa nói rõ khuyết điểm của mình. Ông bảo ông ghét cay ghét đắng những kẻ thích nói xấu những người khác, tính tình thiên lệch, lại nóng nảy, nên không thể làm tốt những việc cần bình tĩnh, không khéo, e rằng sẽ không xứng đáng với ân điển của hoàng thượng. Ông cũng nói thêm, những người hiền tài có mặt đều không thích hợp để làm Thừa tướng. Nhưng thiên hạ rộng lớn như thế này, có lo chi thiếu người đủ tài năng. Chỉ cần cố gắng tìm kiếm, thì nhất định sẽ tìm được người thích hợp hơn.

Cuối cùng, Chu Nguyên Chương cho rằng ông quá khắt khe, quá cầu toàn, nên không nghe theo lời khuyên cáo của ông, cử Dương Hiến, Uông Quảng Dương, Hồ Duy Dung làm Thừa tướng. Kết quả, đúng như Lưu Cơ đã tiên liệu, những người này đã gây ra nhiều vấn đề rắc rối. Việc Lưu Cơ bình luận về người có đủ điều kiện để ra làm Thừa tướng, không dựa vào sự ưa thích hoặc sự không ưa thích của cá nhân mình, mà chỉ dựa vào tài năng thực sự để tiến cử với nhà vua. Ông chỉ nghĩ đến chuyện chung của đất nước, và nói lên những ý kiến rất sáng suốt, có tầm nhìn xa, chứng tỏ ông là người có tài xét đoán rất đặc biệt.

Lý luận và thực tiễn trong việc trị quốc của Lưu Cơ xuất phát từ chỗ vì dân, vì vua. Ông chủ trương lấy "nhân" và "pháp" để tương trợ nhau, và luôn chú trọng đến việc đề bạt nhân tài, khiến những năm đầu niên hiệu Hồng Vũ, nền chính trị của triều đại nhà Minh khá trong sáng.

Năm thứ ba niên hiệu Hồng Vũ (1370), Lưu Cơ được cử giữ chức Học Sĩ Hoàng Văn Quán. Trong lịch sử, Hoàng Văn Quán là nơi to nhất dùng tàng trữ tranh sách và các loại văn hiến khác. Học Sĩ Hoàng Văn Quán chương quản việc hiệu đính các loại tranh và sách, cũng như lo việc dạy dỗ con em của hoàng gia, quý tộc về kinh sử. Trong tờ chiếu cáo mệnh gọi cho Lưu Cơ, Chu Nguyên Chương đã nhớ lại công lao to lớn của Lưu Cơ trước khi kiến quốc, có nói : "Ban đầu khi trẫm đến Triết Hữu, các người đã hưởng ứng việc cử binh hợp chính nghĩa của trẫm, đến khi trẫm về kinh sư, các người cũng đến phụ tá cho trẫm. Lúc bấy giờ dân ở Quát Thương (Xứ Châu) vẫn chưa hoàn toàn quy thuận. Kịp khi tiên sinh đến thì tình thế ở Triết Đông mới triệt để ổn định". Ý nghĩa trong lời nói trên, là hy vọng Lưu Cơ sẽ tiến lên một bước phát huy ảnh hưởng của mình tại Hoàng Văn Quán.

Tháng mười một cùng năm, Chu Nguyên Chương đại phong công thần đã có công trong việc thống nhất miền Bắc nước Trung Quốc. Lưu Cơ được phong làm Thành ý Bá, và cử giữ các chức "Khai Quốc Dịch Vận Thủ Chính Văn Thần", "Tư Chính Đại Phu", "Thượng Hộ Quân" đem đến cho Lưu Cơ một danh dự rất cao.

Một hôm vào năm thứ tư niên hiệu Hồng Vũ (1371), trên một ngọn núi có phong cảnh xinh đẹp tại khu núi Thanh Điền, cây cối xanh um, những cội tùng đơn độc đứng ngạo nghễ, trăm chim đua hót, tiếng nước suối chảy róc rách bên tai. Trên một con đường mòn ngoằn ngoèo nằm giữa hoa cỏ rừng núi, có một cụ già râu dài, tóc bạc, người dong dỏng cao, hai mắt sáng, đang nhìn ngắm những con chim nhỏ

bay lượn khắp nơi trong rừng, cảm thấy tâm hồn vô cùng sáng khoái. Cụ già cất tiếng ngâm bài "Quy khứ lai từ" của Đào Uyên Minh.

*Vân vô tâm dĩ xuất tu,
Điều quyện phi nhi tri hoàn,
Cảnh ế ế dĩ tương nhập,
Phủ cô tòng nhi bàn hoàn.
Quy khứ lai hề,
Thỉnh tức giao dĩ tuyệt du.*

Dịch :

Mây vô tâm rời đỉnh núi,
Chim mệt mỏi bay trở về.
Nắng ảm đạm sắp tắt lịm,
Vuốt cổ tòng lòng lê thê.
Hãy trở về đi chừ,
Xin chấm dứt sự giao tiếp,
Để tha hồ đi ngao du.

Cụ già này chính là Lưu Cơ, một nhân vật tiếng tăm lẫy lừng, trước đây không lâu, ông từ biệt Chu Nguyên Chương, cáo lão trở về quê nhà. Phải chăng ông đã buồn chán đối với cảnh quan trường ? Chu Nguyên Chương đối với công lao hạn mã do ông đã lập được, không bao giờ lãng quên. Nhà vua bao giờ cũng ban thưởng đối với từng công lao của ông. Kể từ ngày ông rời núi cho tới nay, ông đã lần lượt giữ các chức quan to như Ngự Sử Trung Thừa kiêm Thái Sử Lệnh, Thái tử Tán Thiện Đại Phu, Hoàng Văn Quán Học Sĩ, Khai Quốc Dịch Vận Thủ Chính Văn Thần, Tư Chính Đại Phu, Thượng Hộ Quân, v.v... Đến năm công nguyên 1370, ông lại được phong Tước Thành ý Bá, bổng lộc mỗi năm hai trăm bốn mươi thạch, như vậy trong quan trường ông cũng đã là người danh vọng hiển hách.

Có điều cần nói đến, ấy là những năm đầu khai quốc, Chu Nguyên Chương đối với việc thu thuế lương tại Xứ Châu, vẫn theo chế độ cũ của nhà Tống là mỗi mẫu thêm năm hộp. Nhưng Chu Nguyên Chương muốn cho quê hương của Lưu Bá Ôn đời đời truyền tụng sự tích tốt đẹp của ông, nên đã đặc biệt xuống lệnh, thuế lương tại Thanh Điền không thêm, để cho ân huệ của Lưu Cơ được trải rộng ra khắp thôn ấp của mình. Như vậy, cũng xem là một điều vinh dự cho ông.

Thế thì tại sao ông lại quy ẩn vào rừng núi ? Ngoài việc ông cương quyết chém Lý Bân và do đó đắc tội Lý Thiện Trường ra, nguyên nhân căn bản là vì ông đã nhận thức được một cách sâu sắc ý nghĩa chân thật của cuộc sống, chân lý của lịch sử, và những tang thương biến đổi của nhân thế. Ông tự biết cá tính của mình, tài năng của mình, chỉ có thể phát huy được trong một thời điểm nhất định, trong một phạm vi nhất định mà thôi. Nếu thay đổi thời điểm, thay đổi hoàn cảnh, thì vị tất ông có thể thích ứng được. Việc "thỏ chết làm thịt chó săn" là việc nào phải hiếm hoi trong lịch sử ?

Nhưng cũng không thiếu gì trường hợp khi sự việc đã hoàn thành thì biết kịp thời rút lui. Phạm Lãi từng bơi thuyền ra đi trên hồ rộng, và đi khắp bốn phương. Trương Lương đã mạnh dạn rút lui kịp thời. Họ được sống một cuộc sống có tuổi thọ cao, tránh được những bi kịch như Văn Chủng, Thương

Uông, Lý Tư, Hàn Tín. Với một người khảng khái và có tiết tháo, có tri thức sâu rộng, có đầu óc triết lý như Lưu Cơ, những sự kiện lịch sử đó hết sức quen thuộc. Do vậy, tất nhiên ông cũng hiểu được ý nghĩa trong những sự kiện trên. Từ góc độ đó mà xét, thì việc ông quy ẩn là điều tất nhiên.

Con người thường khi đã đánh mất một cái gì mới biết chân giá trị của vật đó. Vào mùa đông cùng năm, sau khi Lưu Cơ trở về quê quy ẩn, Chu Nguyên Chương mới cảm thấy Lưu Cơ đối với mình là quan trọng biết chừng nào: Do vậy, ông bác bỏ tất cả dư luận chung quanh, đích thân viết một bản chiếu văn, nói rõ tường tận công huân của Lưu Cơ và triệu Lưu Cơ trở về kinh, ban thưởng nhiều tiền bạc và tài vật quý báu, lại truy tặng cho tổ phụ, thân phụ của Lưu Cơ làm Vĩnh Gia Quận Công, cũng như phong thêm chức tước và mời Lưu Cơ trở vào cung.

Nhưng Lưu Cơ lúc đó đã hiểu thấu tình đời, cũng biết được trong triều đình nhà Minh tập đoàn Hoài Tây đang chiếm ưu thế tuyệt đối, mình sẽ không làm gì được. Cho nên ông cương quyết từ chối không nhận một thứ của vua ban, để trở về quê tiếp tục quy ẩn.

Sau khi Lưu Cơ trở về đến quê hương, hằng ngày ngoài việc du sơn ngoạn thủy, di dưỡng tinh thần, ngâm thơ làm văn để thổ lộ tình cảm ra, ông còn thích cùng uống rượu đánh cờ với dân làng, bình phẩm những bức tranh, những bức chữ viết đẹp, hoặc cùng với trẻ con nô đùa, nói chuyện đủ thứ, hoàn toàn quên mất địa vị của mình, tự xem mình như một bình dân bá tánh. Qua đó, ông hưởng được một cuộc sống phiêu diêu thế ngoại, quên hết những điều vinh nhục trong đời, để siêu thoát ra khỏi cảnh trần ai thế tục.

Có khi ông còn đàm luận với những tiểu phu, những ngư phủ về những chuyện vui trong núi rừng, những nhả hứng trên dòng sông. Cũng có khi ông cùng tản bộ với những lão già trồng dâu, làm ruộng, để cùng nhau bàn bạc về phép dưỡng sinh. Nhưng, ông tuyệt đối không bao giờ nhắc đến công danh chiến tích của mình trước kia, và cũng không thích người khác đề cập tới chuyện đó. Nếu có ai nói cùng ông những lời đua nịnh, chắc chắn ông sẽ bất mãn, thậm chí ông sẽ không tiếp xúc với người đó nữa. Do vậy, mọi người trong làng quen biết ông đều gọi ông là "Bá ôn huynh", chứ không gọi chức danh của ông nữa. Cho nên những người chưa từng biết ông, vẫn tưởng ông là một ẩn sĩ thông thường, muốn gác bỏ thế sự ngoài tai.

Viên huyện lệnh Thanh Điền từ lâu đã ngưỡng mộ tài học của Lưu Cơ, nghe ông trở về quê hương, nhiều lần xin gặp mặt nhưng Lưu Cơ dứt khoát không tiếp, hoặc lấy lời uyển chuyển để từ chối. Đối với việc viên huyện lệnh đề nghị chăm sóc, chiếu cố ông, ông cũng không tiếp nhận. Qua câu chuyện sau đây cho thấy việc mai danh ẩn tích của ông, cũng có ít nhiều màu sắc truyền kỳ.

Một hôm, có một người ăn mặc theo lối nông dân, tìm đủ cách mới hỏi ra chỗ ở của Lưu Cơ. Ông ta phải lặn lội nhọc nhằn mới vào được núi sâu và xin ra mắt Lưu Cơ. Lúc bây giờ Lưu Cơ đang dùng một chiếc chậu rất thô sơ để rửa chân, khi nghe có người xin gặp, ông vẫn tưởng đó là những người cùng quê đi qua đường, nên vui vẻ bằng lòng tiếp kiến, và cho người nhà dẫn người nhà quê đó vào chòi tranh. Người này bảo mình chưa từng quen biết với ông, nhưng trong câu chuyện hai người tỏ ra rất hợp ý nhau. Ông giữ người này ở lại để dùng một bữa cơm gạo kê. Sau khi ăn xong, người nhà quê này nói :

- Xin Lưu học sĩ tha tội nói dối của tiểu thần. Thực ra, tiểu thần đây là Tri huyện Thanh Điền từ lâu đã

ngưỡng mộ học thức và tính tình của tiên sinh, nên mới cải trang đến đây yết kiến.

Lưu Cơ nghe xong kinh ngạc, vội vàng đứng lên, nói :

- Xin tha thứ cho sự bất kính của tiểu dân, Cơ này xin cáo từ.

Nói dứt lời, Lưu Cơ bèn đi ra khỏi chòi tranh, bỏ rơi viên huyện lệnh ngồi tại đây ngơ ngác, một lúc sau mới buồn bã ra về. Từ đó trở đi, viên huyện lệnh này không bao giờ được trông thấy hình bóng của Lưu Cơ lần thứ hai nữa.

Lưu Cơ cắt đứt sự qua lại với các quan viên và những người giàu có, hành tung không cố định, cử chỉ khác thường, thể hiện phong cách của một văn nhân có tính ngông. Kỳ thực, đây chính là sự thể hiện khác thường của cá tính vốn "ngay thẳng, ghét những chuyện xấu, và thường không vừa lòng đối với nhiều sự việc trong đời". Ông định dùng hành động không bình thường có tính cực đoan đó, để tránh tai họa cho mình, và chống lại với sức quyến rũ của tư tưởng tế thế vốn có, tạo điều kiện cho cá tính của mình được phát triển. Nhưng nói cho cùng, ông vẫn là người đọc nhiều kinh sách, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng "nhập thế" Nho gia, nên ông càng muốn siêu thoát bao nhiêu, thì chuyện phiền muộn trong thế gian càng quấy rầy ông bấy nhiêu.

Sự việc xảy ra như thế này : Sau khi Lưu Cơ quy ẩn chẳng bao lâu, Hồ Duy Dung được cử giữ chức Tham tri chính sự tại Trung thư tỉnh. Ông này vẫn ghim trong lòng việc Lưu Cơ trước đây đã nói những lời không tốt đối với mình, bèn mượn cớ gièm pha Lưu Cơ trước mặt Chu Nguyên Chương.

Thì ra, gần quê hương của Lưu Cơ là Thanh Điền, có một địa phương tên gọi Đạm Dương. Nơi đây đường giao thông thủy lục đều thuận lợi. Núi sông ao hồ nối liền nhau, dễ thủ khó tấn công. Trước kia nó là một trong những vùng đất không ai quản lý, bọn thổ phỉ thường ra vào, bọn trộm cắp thường tụ tập gây rối. Phương Quốc Trân cũng đã phát tích từ mảnh đất này, quy tụ quân sĩ rồi đứng lên chống lại triều đình, gây tai họa cho nước cho dân không ít. Lưu Cơ mắt thấy tai nghe mọi nguyên nhân xảy ra ở đây, nên trong lòng cảm thấy rất lo lắng. Khi ông còn làm quan ở triều đình, đã từng dâng sớ yêu cầu nhà vua cho đặt "Tuần Kiểm Ty" tại đây để lo việc trấn thủ, tiết chế. Nhờ đó mà bọn đột nhà cướp của, hãm hiếp trộm đạo, mới không dám hoành hành tự do như trước.

Sau khi Lưu Cơ trở về quy ẩn, gặp phải bọn đào binh Minh Dương làm phản gây rối, phương hại đến sự an toàn của triều đình. Đám phiến loạn này thường quấy nhiễu bá tánh, không việc ác nào mà chúng không làm. Nhưng quan viên địa phương của nhà Minh muốn giấu chuyện này không cho Thái Tổ biết. Lưu Cơ nói cho cùng vẫn là một người nhiệt tình, nóng tính, rất ghét bọn giết người cướp của, mặc dù ông không ra mặt, nhưng để cho đứa con trai là Lưu Liễn, dâng sớ thẳng lên Hoàng đế để báo cáo việc này, mà không thông qua Trung thư tỉnh.

Hồ Duy Dung biết được chuyện này thì hết sức vui mừng, cho rằng cơ hội trả thù Lưu Cơ đã đến. Hắn sách hoạch một cách tỉ mỉ, rồi xúi giục đồng đảng là Hình Bộ Thượng Thư Ngô Vân tố cáo Lưu Cơ, vu khống ông tranh đoạt vùng đất Đạm Dương với bá tánh. Vì Đạm Dương là một địa phương dựa lưng vào núi, trước mặt là sông, phong thủy rất tốt, lại có "vương khí" nên Lưu Cơ muốn xây mộ địa nơi đó, để mưu đồ chuyện bất chính về sau. Vì bá tánh không chịu nhường cho ông ta, nên ông ta đã phái "Tuần Kiểm Ty" lấy danh nghĩa quan quân để xua đuổi bá tánh, khiến bá tánh tức giận nổi lên làm loạn.

Tờ sớ tố cáo rất sinh động, khiến ai xem cũng phải tin là thật. Sau khi Ngô Chương Vân trình tờ tố cáo lên triều đình, Hồ Duy Dung bèn mượn chuyện công để báo thù riêng, xin nhà vua xử phạt nặng nề, và yêu cầu cho bắt đứa con trai của Lưu Cơ.

Minh Thái Tổ xem qua tờ tấu văn, cảm thấy Lưu Cơ cũng thật quá đáng, nên rất bực tức. Nếu xét xử theo bình thường, thì chuyện này chắc chắn cả nhà Lưu Cơ sẽ bị bắt và giết cả chín tộc. Nhưng Chu Nguyên Chương nghĩ tình Lưu Cơ là vị khai quốc công thần, có công lao rất to, không nhân tâm buộc tội ông, chỉ xử phạt tượng trưng là cắt hết bổng lộc đã ban cho ông, rồi có minh thư chuyển đến để cho ông biết rõ mọi việc đã xảy ra.

Sau khi Lưu Cơ tiếp nhận văn thư của Thái Tổ, kinh ngạc như sét đánh ngang mày. Ông suy tới nghĩ lui, đoán biết bên trong việc này có người muốn hãm hại. Vậy phải đi gặp Thái Tổ ngay để nói rõ nguyên nhân, làm sáng tỏ mọi việc, mới mong tránh khỏi đại họa. Thế là ông thu xếp hành trang tức khắc lên đường vào Nam Kinh. Sau khi tới Nam Kinh, ông phát hiện tình thế đối với mình hết sức bất lợi, vì bên trong lẫn bên ngoài triều đình đều là bè đảng của Hồ Duy Dung cả, chẳng ai hằng lòng nói tốt cho ông đâu. Do vậy, ông bèn xóa bỏ ý định thanh minh với Thái Tổ, để tránh gặp cảnh bị mọi người tố cáo, làm cho Thái Tổ càng không vui. Thế là ông thay đổi ý định ban đầu, vào ra mắt Thái Tổ để lên tiếng tự trách, và xin nhà vua trị tội. Chu Nguyên Chương thấy thái độ của ông hết sức thành thật, nên không truy cứu, và câu chuyện trên xem như đã giải quyết xong.

Sau khi gặp phải sự kiện trên, Lưu Cơ biết cuộc sống quy ẩn theo kiểu Đào Uyên Minh là không thể thực hiện được. Và để tránh có thể tiếp tục bị vu cáo nữa, ông dứt khoát dọn đến Nam Kinh ở, và không bao giờ dám ra khỏi nhà. Chẳng mấy hôm, Lưu Cơ bị ngã bệnh. Ít lâu sau, Thái Tổ lại thăng Hồ Duy Dung làm Thừa tướng. Lưu Cơ đang bệnh nghe được tin này, cảm thấy đau đớn, nói :

- Hồ Duy Dung lên làm Thừa tướng, chắc chắn sẽ sinh đại họa, quốc gia sẽ gặp đại loạn, sinh linh lại phải chịu tai ương. Nếu lời nói của tôi không ứng nghiệm, thì đó chính là đại hồng phúc của bá tánh nhân dân. Trái lại, nếu lời nói của tôi ứng nghiệm, thì cuộc sống của đông đảo chúng sinh biết làm sao đây ?

Nào ngờ lời nói trên thấu tai Hồ Duy Dung, khiến ông ta càng căm thù Lưu Cơ hơn nữa, quyết tâm tìm cơ hội để trả thù Lưu Cơ, dòn ông vào chỗ chết mới nghe. Trong khi đó, Lưu Cơ do quá phần uất, nên bệnh tình ngày một nặng, nằm liệt giường không còn dậy nổi. Tháng ba năm thứ tám niên hiệu Hồng Vũ, Minh Thái Tổ thấy bệnh tình của Lưu Cơ càng ngày càng nặng, hơi thở chỉ còn thoi thóp, nên không khỏi động lòng trắc ẩn, đích thân viết biểu văn gọi đến Lưu Cơ, và đặt phái sứ giả hộ tống ông trở về quê nhà.

Sau khi trở về quê, bệnh tình của Lưu Cơ không thuyên giảm mà ngày một nặng thêm. Một tháng sau, ông rời khỏi nhân gian, mang theo nỗi u uất trong lòng. Ông chết năm sáu mươi lăm tuổi. Cuộc đời của Lưu Cơ, một bậc mưu lược đại sư có tầm nhìn sâu rộng, đã yên nghỉ vĩnh viễn trên ngọn núi quê hương đầy thê lương như thế.

Cái chết của Lưu Cơ trước tiên có liên quan trực tiếp đến việc gièm pha của Hồ Duy Dung. Sử liệu ghi chép, lúc Lưu Cơ bị bệnh nặng, Hồ Duy Dung giả vờ quan tâm chăm sóc, phái thầy thuốc đến chữa

trị cho ông. Sau khi người thầy thuốc này cho Lưu Cơ uống một thang thuốc, thì trong bụng Lưu Cơ xuất hiện một vật cứng như đá, to bằng nắm tay. Lưu Cơ là người có tâm hồn khoan hồng đại độ, tuyệt đối không nghĩ rằng Hồ Duy Dung sẽ dùng thủ đoạn đê hèn như thế để hãm hại mình. Đúng là ông đã dùng lòng dạ của người quân tử, để đo lòng dạ của kẻ tiểu nhân.

Ngoài ra, cái chết của Lưu Cơ cũng có tương quan đến bản tính đa nghi của Minh Thái Tổ. Nhà vua đối với một vị công thần lúc nào cũng trung thành với nhà vua, mà vẫn không yên tâm. Đối với bản sớ tố cáo Lưu Cơ của bè đảng Hồ Duy Dung, nhà vua không cho điều tra cặn kẽ để tìm hiểu sự thật, mà lại kết luận một cách mù quáng. Như vậy, không làm cho Lưu Cơ đau khổ sao được ? Tất cả những việc đó, chứng minh Lưu Cơ trước đây xin về quê quy ẩn là một người có tầm nhìn rất xa. Chẳng qua vì sự quy ẩn của ông không triệt để, nên cuối đời vẫn chạy không thoát cái cảnh “chó săn bị làm thịt”.

Cho đến chết, Lưu Cơ vẫn không quên lòng trung thành muốn góp sức với vương triều nhà Minh. Trước khi lâm chung, ông đã dùng tâm huyết của mình viết ra một bản tấu chương dự đoán thời thế, nhân sự, để tâu trình lên Minh Thái Tổ. Điều đó cho thấy tâm trạng vừa bi phần vừa lạnh nhạt, vừa âm ỉ lại vừa nặng tình của một vị mưu sĩ ngay thẳng, nói lên tính cách của Lưu Cơ vừa phiêu dạt khoáng đạt, lại vừa không thể gác bỏ mọi chuyện của trần thế ngoài tai. Điều đó phản ánh rõ rệt tính cách điển hình của một người nho học. Lưu Cơ nằm trên giường bệnh, chỉ còn da bọc xương, hơi thở thoi thóp, thế mà vẫn cố gắng gọi người con trai là Lưu Liên đến bên cạnh, rồi dùng bàn tay run run lấy từ dưới gối ra một quyển sách nhỏ đã ngả màu vàng, trao cho con, nói :

- Đây là một quyển sách có tương quan đến hiện tượng thiên văn và nhân sự. Nó chính là kinh nghiệm được tổng kết từ thực tiễn quân sự cũng như từ việc trị quốc nhiều năm qua của cha. Con hãy mang nó đến trao cho triều đình, và tâu với hoàng thượng là đừng để cho người hậu thế học tập.

Quyển sách trên chính là quyển "Thiên văn thư" mà cho tới ngày nay, mọi người đều có cảm giác là nó hết sức thần bí. Về sau, Thái Tổ xuống lệnh xếp quyển sách này cùng với quyển "Bách chiến kỳ lược", là loại văn hiến cơ mật, không được công bố ra ngoài. Do vậy, về sau cả hai quyển sách này đều bị thất truyền. Có thể nói đây là một sự tổn thất to đối với lịch sử.

Ông lại trao cho đứa con trai kế là Lưu Cảnh một bản tấu chương khác, dạy rằng :

- Phép cai trị thì phải có khoan dung, có trừng trị, chẳng khác nào một sự tuần hoàn, có lúc phải nói lỏng, có lúc phải siết chặt. Khi cần thanh trừng trong thiên hạ thì phải có hiệu lệnh nghiêm minh, kẻ có tội phải bị xử chém, phải lấy phép nước để trị dân. Nhưng khi thiên hạ thái bình, nhất là như hiện nay, thì phải nghĩ tới chuyện dưỡng sức dân, phải lấy phép cai trị nhân đức mà cai trị dân, giảm thiểu hình phạt, thực thi nhân nghĩa. Những nơi có địa thế hiểm yếu quan trọng, thì cần phải gắn chặt với kinh sư. Ta vốn muốn viết một tờ di biểu nói rõ quan điểm trên, nhưng do Hồ Duy Dung đang nắm quyền triều chính, dù có viết cũng không có tác dụng gì, trái lại, sẽ gây hại cho các con. Ta tin chắc Hồ Duy Dung sẽ có chuyện xảy ra. Sau khi hấn có chuyện, thì hoàng thượng nhất định sẽ nghĩ tới ta. Nếu hoàng thượng có hỏi gì về ta, thì các ngươi hãy dâng lên cho nhà vua bản tấu chương cơ mật này. Hai người con trai ứa lệ, im lặng gật đầu nhận lệnh của cha.

Về mặt triều đình, sau khi Dương Hiến, Ưng Quán Dương lần lượt bị tội và bị cách chức, Hồ Duy Dung nắm hết quyền bính ở Trung thư tỉnh, chuyên quyền độc đoán, lạm dụng sự sinh sát để mưu đồ tư lợi, kết bè kết đảng để làm lợi riêng tư. Tất cả những bản tấu chương của các quan bên trong lẫn bên

ngoài triều đình, Hồ Duy Dung đều xem qua trước. Thấy bản tấu chương nào có lợi cho mình thì hẳn trình lên nhà vua, thấy bản tấu chương nào có hại cho mình thì hẳn giữ lại, giấu kín không báo lên cho vua biết. Đồng thời, hẳn tìm cơ hội để trừng trị quan viên nào vạch trần những tội lỗi của hẳn. Trong nhất thời, bao nhiêu vụ án đẫm máu đã xảy ra, khiến ai ai cũng cảm hờn, oán hận, khiến cả triều đình đều ngột ngạt không khí đen tối.

Chu Nguyên Chương cảm thấy mọi việc không ổn, đồng thời cũng thấy được những hành động khác thường của Hồ Duy Dung. Cho nên nhà vua bèn liên tưởng đến việc Lưu Cơ trước đây có nói sau khi dùng thuốc của Hồ Duy Dung thì trong bụng xuất hiện một vật cứng to bằng nắm tay. Lúc bấy giờ Thái Tổ vẫn không để ý, nghĩ rằng Lưu Cơ đa nghi, nhưng nay nhớ lại thì mới thấy đó là một vấn đề nghiêm trọng. Chắc chắn có người đã lợi dụng thang thuốc này để mưu hại Lưu Cơ. Thế là nhà vua ra lệnh tra xét về cái chết của Lưu Cơ. Hồ Duy Dung biết mọi việc sắp bị bại lộ, nên nghĩ bụng : “Nếu hoàng thượng tra xét cái chết của vị công thần này, khi biết được sự thật, thì làm sao có thể tha thứ cho ta ? Vậy để bại lộ mà chết, thì chi bằng nổi lên làm loạn có chết cũng cam. Vậy ta phải tiên hạ thủ vi cường, biết đâu còn tìm được cơ hội sống sót”. Thế là hẳn cấu kết với bè đảng của hẳn, liên lạc với giặc lùn ở ngoài biển, cũng như tàn binh của triều Nguyên, bí mật chuẩn bị việc đột kích vào triều đình để giết hại Thái Tổ, lật đổ vương triều nhà Minh. Không ngờ mọi việc bị bại lộ, Thái Tổ kết tội hẳn mưu phản và đem chém. Số người liên lụy đến vụ án này lên đến hàng nghìn người. Sự tiên liệu của Lưu Cơ quả đã ứng nghiệm. Sau khi vụ án Hồ Duy Dung giải quyết xong, quả nhiên Chu Nguyên Chương lại nghĩ đến Lưu Cơ. Hai đứa con trai của Lưu Cơ bèn tuân theo lệnh cha, dâng lên triều đình "Thiên văn thư" và bản mật tấu. Thái Tổ tiếp nhận những di vật này, có cảm tưởng như trông thấy vị lão thần trung thành với mình, nên đã cảm động đến rơi lệ. Nhà vua nói với hai đứa con trai của Lưu Cơ :

- Khi Lưu Bá Ôn còn sống. Cả triều đình đều là bọn "Hồ đảng", chỉ riêng có một mình ông ấy là không theo chúng, nên mới bị chúng thù (bỏ thuốc độc).

Năm thứ mười ba niên hiệu Hồng Võ (1380) Chu Nguyên Chương ban bố cáo mệnh, ra lệnh cho con cháu của Lưu Cơ được hưởng tước lộc truyền từ đời này qua đời khác của Thành ý Bá. Lưu Cơ mặc dù chưa từng chính thức giữ chức Thừa tướng của triều đình, nhưng với tài đức của ông, công huân trác tuyệt của ông, đã được người hậu thế hoài niệm và tôn kính. Minh Võ Tông đã khen tặng ông là người "Độ giang sách sĩ vô song, khai quốc văn thần đệ nhất" (nhà mưu lược có một không hai đã giúp cho triều nhà Minh vượt sông đê bình định thiên hạ, cũng là bậc văn thần khai quốc đứng hàng đầu).

Lưu Cơ là một phần tử trí thức của giới địa chủ, thời trẻ tuổi sự học vẫn đã uyên thâm, là người "thông cổ kim chi biến" (tinh thông mọi sự diễn biến tự cổ chí kim). Thoạt tiên ông từng phục vụ cho giới thống trị của triều nhà Nguyên, nhưng về sau do bất mãn trước sự hủ bại đen tối của Nguyên Thuật Đế, nên đã đi theo con đường chống lại sự áp bức dân tộc, và bị lôi cuốn vào dòng xoáy của cuộc nông dân khởi nghĩa cuối đời nhà Nguyên. Ông theo Chu Nguyên Chương Nam chinh Bắc chiến, vận trù định mưu cho đế quốc đại Minh. Ông đã cống hiến cho triều nhà Minh nhiều sách lược quan trọng. Ông làm quan thanh liêm ngay thẳng, lúc nào cũng chống lại tham quan ô lại, chủ trương làm việc cho đất nước một cách trong sạch. Ông có tính ngay thẳng, không biết sợ cường quyền, không a dua theo bọn quyền quý. Ông là người siêu thoát trong những cuộc đấu tranh giữa các hệ phái chính trị trong triều đình, tự mình giữ mình trong sạch, đứng ngoài sự quyến rũ về vật chất. Chỉ đáng tiếc một người tài trí hơn người như ông, lại không thoát khỏi sự hãm hại của kẻ tiểu nhân hèn hạ. Đứng trước sự vu cáo ông không có cách nào chống đỡ, dẫn đến phải ôm hận mang xuống tuyền đài. Sự thật đó phản ánh một cách sâu sắc sự khuyh đảo tàn nhẫn giữa nhau trong tập đoàn chính trị xã hội phong kiến.

X. Phạm Văn Trình - Nhà Mưu Lược Đã Giúp Triều Thanh Tiến Vào Quan Âm

Nhìn theo chiều dọc của lịch sử Trung Quốc, cứ mỗi lần thay đổi triều đại, thay chủ nắm giang sơn, thì chính là lúc nhân tài xuất hiện đông đảo, anh hùng đâu đâu cũng thấy. Câu cổ huấn "thời thế tạo anh hùng" đúng là một câu nói rất chí lý. Trong các nhân vật lịch sử đủ loại hình thì những mưu sĩ, những bề tôi tài năng có thể "ngồi trong triều đình để tính toán mưu lược, quyết định sự thắng lợi ngoài xa nghìn dặm" là những người được người ta chú ý nhất. Vì họ cũng giống như những nhà đạo diễn của lịch sử. Biết bao nhiêu sự kiện lịch sử là do sự sách hoạch tinh tế của họ mới trở thành phong phú, đa dạng, hấp dẫn mọi người. Những nhân vật lịch sử như Khương Tử Nha, Trương Lương, Gia Cát Lượng, Triệu Tấn, Lưu Bá Ôn v.v... đều là những nhân vật mà ai ai cũng biết đến. Trong thời kỳ chuyển đổi giữa nhà Minh và nhà Thanh cũng không ngoài cái lệ đó. Trong giai đoạn này đã xuất hiện một nhà mưu lược tài năng phi thường, có tên gọi là Phạm Văn Trình.

1. Sống Kiếp Nô Lệ

Phạm Văn Trinh, tự Hiến Đẩu, sinh vào năm thứ hai mươi lăm niên hiệu Vạn Lịch triều nhà Minh (1597). Thế hệ trước trong gia đình của ông vào đời nhà Minh đã từ Giang Tây bị biếm đi Thẩm Dương và "ở tại Phủ Thuần Sở". Ông sơ của ông là Phạm Thông, từng giữ chức Binh bộ Thượng thư trong những năm Gia Tĩnh đời nhà Minh, ông nội là Phạm Thâm, từng giữ chức Độ Đồng Tri Vệ chỉ huy tại Thẩm Dương đời nhà Minh. Phạm Văn Trinh từ nhỏ đã hiếu học, thông minh hơn người. Năm thứ bốn mươi ba niên hiệu Vạn Lịch đời nhà Minh (1615), ông thi đỗ sinh viên (tú tài) tại huyện Thẩm Dương. Lúc đó ông mới mười tám tuổi.

Trong khi Phạm Văn Trinh đang phân khởi, quyết tâm làm cho được một cái gì đó trên con đường sĩ tiến, thì tai họa đã ập xuống đầu.

Năm thứ bốn mươi sáu niên hiệu Vạn Lịch (1618), thủ lĩnh của chính quyền Hậu Kim là Nỗ Nhĩ Cáp Xích xua quân tiến xuống phía Nam, đánh chiếm Phủ Thuần và một số địa phương khác, thắng tay bắt người cướp của, và mang ba chục vạn cả người lẫn gia súc do họ bắt được, đem phân phối cho các quan binh có công. Phạm Văn Trinh năm đó hai mươi một tuổi, cũng là một trong những người bị bắt sống, nên đã bị đưa đi làm nô lệ.

Hậu Kim là chính quyền do một dân tộc thiểu số ở vùng Đông Bắc Trung Quốc là tộc Nữ Chân (tiên thân của Mãn tộc) xây dựng lên. Người Nữ Chân là một dân tộc thiểu số rất lâu đời ở trong nội địa nước Trung Quốc. Tổ tiên của họ là người Túc Thận thời Xuân Thu Chiến Quốc. Đến đời hậu Hán, Tam Quốc, họ được gọi là "Áp Lô". Đời Bắc Ngụy được gọi là "Vật Cát". Đời Tùy, Đường gọi là "Mô Hơ". Đến niên hiệu Thiên Phục năm thứ ba đời Đường Chiêu Tông (903) trở về sau, mới chính thức được gọi là "Nữ Chân". Trong lịch sử Trung Quốc, nước "Bột Hải" trong đời Đường, cũng như nước "Kim" từng chong mặt với triều Bắc Tống, đều là chính quyền do dân tộc thiểu số Nữ Chân đã lần lượt thành lập.

Đến triều nhà Minh trở đi, tộc Nữ Chân đã sống ở vùng phía Bắc Trường Bạch Sơn, chạy dài đến biển ở phía Đông, và khắp vùng lưu vực sông Hắc Long Giang. Trên một vùng đất rộng rãi như thế, tộc Nữ Chân chia ra làm ba bộ phận lớn là Hải Tây, Kiến Châu và Dã Nhân. Đi đôi với sự hủ hóa trong việc thống trị của triều nhà Minh, các quan phủ đối với người Nữ Chân áp bức ngày càng nặng nề. Do vậy, mối mâu thuẫn giữa tộc Nữ Chân và triều nhà Minh ngày một gay gắt. Thời kỳ giữa và cuối đời nhà Minh, tập đoàn thống trị nhu nhược bất tài của triều đình, không làm sao vực dậy được triều đại của họ. Cho nên đối với tộc Nữ Chân ngày càng tăng cường sự phản kháng, họ phải áp dụng chính sách lôi kéo bộ phận này, đánh bộ phận khác, nhằm "chia để trị". Lúc bấy giờ nhà Minh có một vị võ tướng "trần liêu" tên gọi Lý Thành Lương, đã nghĩ đủ mưu kế để tạo ra mối mâu thuẫn giữa hai tộc Nữ Chân là Hải Tây và Kiến Châu. Ông ta trước tiên lợi dụng Vương Đài là tù trưởng của Cáp Đạt Bộ thuộc tộc Nữ Chân Hải Tây, giết chết Vương Cảo nguyên là Hữu Vệ Đô Đốc của Kiến Châu. Để trừ khử mối lo ngại, Lý Thành Lương vào năm thứ 10 niên hiệu Vạn Lịch, lại tiến lên một bước, phái binh giúp đỡ chúa thành Đồ Luân là Nê Kham Ngoại Lan, tấn công con trai của Vương Cảo là A Đài. Vợ của A Đài

là em bà con họ nội với Nỗ Nhĩ Cáp Xích, nên ông nội là Khiếu Trường và cha là Tháp Thất của Nỗ Nhĩ Cáp Xích vội vàng đến ngoài thành Cổ Liệt nơi A Đài trú đóng, yêu cầu Nê Kham Ngoại Lan đình chỉ cuộc tấn công, để hai người đi khuyên A Đài đầu hàng. Do việc khuyên đầu hàng chưa thành, nên quân Minh và quân Nê Kham Ngoại Lan liên hợp nhau tấn công hạ thành, rồi thẳng tay chém giết, và đã giết luôn Tháp Thất và Khiếu Trường trước đây vào thành để khuyên A Đài đầu hàng nhằm cứu người thân của mình. Sự kiện này tạo ra mối hận thù thâm xương khắc cốt giữa triều nhà Minh và Nỗ Nhĩ Cáp Xích.

Năm thứ niên hiệu Vạn Lịch (1583), Nỗ Nhĩ Cáp Xích với tuổi hai mươi lăm, đã hưng binh trên cơ sở mười ba bộ giáp trụ của cha mình để lại. Trước tiên ông ta đánh chiếm được thành Đồ Luân. Chúa thành là Nê Kham Ngoại Lan hốt hoảng bỏ chạy. Nỗ Nhĩ Cáp Xích xua quân truy đuổi không buông tha. Trên đường truy đuổi, ông ta lần lượt hạ từng bộ lạc của tộc Nữ Chân, và cuối cùng đã giết được kẻ thù, thống nhất các bộ lạc Nữ Chân lại làm một.

Đến năm thứ bốn mươi ba niên hiệu Vạn Lịch (1615), Nỗ Nhĩ Cáp Xích đang phấn khởi qua mấy cuộc chiến thắng, thực lực của ông ta lại không ngớt hùng mạnh thêm, nên đã tuyên bố thành lập chính quyền "Đại Kim" (sử gọi là "Hậu Kim"), đặt niên hiệu là Thiên Mệnh. Nỗ Nhĩ Cáp Xích lên ngôi Khả Hãn với tuổi đời năm mươi tám.

Chính quyền Hậu Kim được thành lập chẳng bao lâu thì Nỗ Nhĩ Cáp Xích bèn lấy cớ triều nhà Minh vô cớ sinh sự, "giết cha và ông nội của ông ta" và một số vấn đề khác gọi chung là "bảy mối thù lớn" để hưng binh, mở màn cho cuộc chiến tranh trả thù đối với triều nhà Minh.

Năm thứ ba niên hiệu Thiên Mệnh (1618), Nỗ Nhĩ Cáp Xích dẫn binh tướng tinh nhuệ hơn hai vạn người, kéo thẳng phía Tây, rồi dùng thế tiến công nhanh như sấm sét, chiếm được hai thành Đông Châu và Mã Căn Đơn. Tiếp đó, ông lại phái một "thương đội" năm mươi người đi trước, và đại binh lên bám sát theo sau, thừa dịp mưa đêm vừa mới tạnh, bất thần đến sát chân thành Phủ Thuận, và hạ được thành này trong nháy mắt. Do vậy, mới có câu chuyện hơn ba vạn người và gia súc của triều nhà Minh, trong đó có Phạm Văn Trinh bị bắt sống đưa đi.

Qua năm sau, trong trận Tát Nhĩ Hử, Nỗ Nhĩ Cáp Xích lại đánh tổn thương nặng nề quân đội "biên phòng" của triều nhà Minh. Từ đó, cán cân thực lực giữa đôi bên đã thay đổi hẳn.

Chỉ trong vòng mấy năm ngắn ngủi, Nỗ Nhĩ Cáp Xích đã chiếm toàn bộ vùng đất ở phía đông Liêu Hà, rồi lại quay mũi giáo về vùng đất Liêu Tây. Nhờ có quan Kế Liêu Kinh Lược là Tôn Thừa Tông và quan Ninh Tiền Bình Bị Đạo là Viên Sùng Hoán và một số người trung thành với triều đình khác, đã tìm đủ cách xoay sở, mới bảo vệ được sự bình yên khoảng chừng bốn năm cho vùng Quan Ngoại. Nhưng, tên gian thần của triều nhà Minh là Ngụy Trung Hiền, đã lộng quyền, tìm cách cách chức Tôn Thừa Tông, rồi phá bỏ một số cứ điểm phòng ngự cũng như đồn binh quan trọng, khiến việc phòng ngự ở ngoài biên cảnh của triều nhà Minh yếu hẳn đi.

Đầu năm thứ mười niên hiệu Thiên Mệnh (1626), Nỗ Nhĩ Cáp Xích đích thân chỉ huy mười ba vạn đại quân thừa sự sơ hở của triều nhà Minh, đã đánh thốc vào nội địa của triều đình này, phía Nam chạy dài tới tận bờ biển, phía Bắc tới Quảng Ninh, đại lộ được mở rộng, đoàn quân của Nỗ Nhĩ Cáp Xích đầu đuôi không thấy nhau, cờ xí gươm giáo rợp trời, hùng hổ kéo đến sát Chân thành Ninh Viễn. Lúc bấy

giờ Viên Sùng Hoán chỉ có trong tay hai vạn binh mã, lại cô lập không có viện binh, hoàn cảnh hết sức khó khăn, nhưng qua sự kêu gọi của ông ta, toàn dân Ninh Viễn đều đứng lên chiến đấu, dàn trận sẵn sàng chờ quân địch tới.

Ngày hai mươi hai tháng hai, Nỗ Nhĩ Cáp Xích chỉ huy quân Bát Kỳ tinh nhuệ, có cả xe được che chắn bằng những tấm chắn và thang móc, cũng như mọi thứ vũ khí để tấn công thành. Viên Sùng Hoán ra lệnh cho bắn loại đại pháo Hồng Di, nhưng quân Hậu Kim được những cỗ xe có che chắn bằng những tấm sắt yểm hộ, tiến lên sát chân thành, rồi ra sức đào hang để chui vào thành. Quân Minh một mặt ném những bó đuốc có tấm dầu đang cháy xuống để tấn công quân địch, mặt khác phái đội cảm tử ra ngoài thành để chiến đấu. Họ đã đẩy lui được nhiều đợt tấn công của địch.

Ngày hai mươi mốt, quân Hậu Kim thừa đêm tối lại mở cuộc tập kích, nhưng vẫn không thắng được. Đến ngày hai mươi sáu, họ bắt buộc phải tháo vòng vây rút lui.

Nỗ Nhĩ Cáp Xích kể từ ngày hưng binh lúc ông ta hai mươi lăm tuổi, đã kéo dài cuộc chiến đấu đến bốn mươi ba năm, tự cho rằng mình là một tướng "hễ đánh là phải thắng, hễ tấn công là phải hạ thành", nhưng không ngờ lại bị thất bại trước Viên Sùng Hoán, nên buồn rầu kém vui. Trên lưng ông ta bỗng mọc một mụn nhọt độc và không đầy một năm sau thì chết.

Sau khi Nỗ Nhĩ Cáp Xích chết, người con trai thứ tám của ông ta là Hoàng Thái Cực lên nối ngôi Đại Hãn vào năm thứ 11 niên hiệu Thiên Mệnh (1626), đổi niên hiệu là Thiên Thông. Sau khi Hoàng Thái Cực tiến hành thay đổi to tát đối với một số chính sách trước, số mệnh của Phạm Văn Trình cũng nhờ đó mà thay đổi theo.

2. Nhờ Họa Được Phước

Sau khi Hoàng Thái Cực lên ngôi được tám hôm, bèn ra lệnh cho dân Hán được chia khu để ở riêng, và biên chế thành hộ dân thông thường, chọn quan viên người Hán thanh liêm đến để cai quản. Nhờ đó mà bốn chục phần trăm những thanh niên người Hán khỏe mạnh đang là nô lệ ở các trang viên, được khôi phục lại địa vị của một người dân bình thường. Chẳng những thế, Hoàng Thái Cực lại đổi mới quan niệm, gạt bỏ thiên kiến của người cha trước đây đối với những phần tử Hán tộc. Ông nhiều lần tuyển dụng, đề bạt, cũng như tiến cử những quan viên người Hán và người Mông Cổ, để dựa vào tài năng mà sử dụng, khiến không ít những người trí thức Hán tộc và Mông Cổ nhiệt liệt ủng hộ, bằng lòng thực tâm dốc hết sức mình để báo đáp hoàng ân.

Năm thứ ba niên hiệu Thiên Thông (1629), Hoàng Thái Cực cho thành lập Văn Quán, yêu cầu Văn Quán lấy những việc hay dở của các đế vương nhiều triều đại làm tấm gương soi, và ghi chép hết những điều hay dở hiện nay. Việc làm đó, khiến cho mọi người liên tưởng đến một nhà vua nổi tiếng là Đường Thái Tông, đã có lời răn dạy rất chí lý là "lấy đồng để soi gương thì có thể sửa nguy ngăn áo mào. Lấy chuyện cổ để soi gương thì có thể biết được việc hưng phế, lấy người để soi gương thì có thể biết được hay dở". Hoàng Thái Cực thiết lập Văn Quán cốt để biết sự hưng phế cũng như cái được cái mất trong đời. Sau khi Văn Quán được thành lập, thì một nhu cầu cấp bách là phải tìm được người đủ tài năng để làm việc ở đây. Do vậy, tháng tám cùng năm, Hoàng Thái Cực lại ban bố một chỉ dụ: "Tự cổ các quốc gia đều sử dụng song song cả văn lẫn võ. Dùng võ để dẹp yên những cuộc loạn lạc, dùng văn để xây dựng cuộc sống thái bình. Nay trẫm muốn chấn hưng văn trị, nên định mở kỳ thi để tuyển chọn những người có tài trong các sinh viên đưa ra sử dụng. Vậy, tất cả những gia đình người Mãn, người Hán, người Mông, từ Bối lặc trở xuống, nếu có nuôi sinh viên trong nhà, đều phải để họ đi ứng thí. Đến ngày một tháng chín này, ta sẽ ra lệnh cho các đại thần cùng làm giám khảo để tuyển chọn. Tất cả mọi nhà đều không được cãi lệnh. Người thi đỗ ta sẽ cho những tráng đinh khác đến thay thế."

Phạm Văn Trinh cũng thuộc vào thành phần "sinh viên" mà trong văn bản nhà vua nói tới. Vì những người này đều là những người bị bắt sống, được xem như chiến lợi phẩm dùng tưởng thưởng cho những người có công, nên họ đã trở thành gia nô. Theo chỉ dụ trên, thì chủ nhà không được "cãi lệnh". Đồng thời, nếu người gia nô đó được đỗ trong kỳ thi và được rút đi làm việc, thì nhà vua sẽ thay vào một gia đình khác cho gia chủ.

Số sinh viên được ứng thí trong kỳ thi này có hơn ba trăm người, và thi đỗ gần hai trăm. Phạm Văn Trinh là một trong những người thi đỗ. Nhờ vậy, Phạm Văn Trinh từ chỗ bị họa lại được phước. Ông dựa vào sự thông minh và tài trí của mình, từ thân phận một tên gia nô đã vươn lên chức vị hiển hách đứng đầu các quân thần.

Trong "Thanh sử cảo" đối với quá trình của Phạm Văn Trinh ghi chép có chỗ khác hơn sự thật. Theo phần "Phạm Văn Trinh bản truyện" chép Thái Tổ là Nỗ Nhĩ Cáp Xích sau khi đánh chiếm được thành Phủ Thuận, thì Phạm Văn Trinh và người anh bèn chủ động đi yết kiến Nỗ Nhĩ Cáp Xích. Nỗ Nhĩ Cáp Xích thấy Phạm Văn Trinh có thân hình to lớn nên có cảm tình. Sau khi cùng nói chuyện, Nỗ Nhĩ Cáp

Xích rất tán thưởng sự hiếu biết của Phạm Văn Trinh, lại được biết Phạm Văn Trinh là hậu duệ của Phạm Thông, nguyên là Binh Bộ Thượng Thư của triều nhà Minh trong những năm Gia Tĩnh, nên rất xem trọng, bèn dặn dò các Bồi lạc:

- Đây là hậu duệ của danh thần, cần phải chú ý nâng đỡ.

Nếu bình tĩnh mà xét, thì đoạn sử này sẽ khiến cho mọi người phải đặt nghi vấn. Vì Nô Nhĩ Cáp Xích là người rất ác cảm đối với "thư sinh" của triều nhà Minh. Ông cho rằng "tất cả mọi điều đáng ghét đều do bọn này mà ra", nên căm hận chỉ muốn giết chết họ. Riêng thần dân của triều nhà Minh đối với việc tộc Nữ Chân nổi dậy cướp bóc chém giết, làm toàn những điều xấu, điều ác nên cũng rất căm thù. Đứng về mặt tình cảm mà nói, thì Phạm Văn Trinh một khi đã trở thành nô lệ, bị người Nữ Chân xem như súc vật, trong khi ông là hậu duệ của một nguyên lão đại thần triều nhà Minh, thì chắc chắn không bao giờ ông chủ động đi yết kiến Nô Nhĩ Cáp Xích cả. Mà sự thật là Nô Nhĩ Cáp Xích sau khi chiếm được Phủ Thuận, đã bắt tất cả những "thư sinh" của triều nhà Minh, thẳng tay chém giết. Trong khi hàng loạt những "thư sinh" phải chịu chém đầu, thì trong đó có một người tướng mạo đường đường phong độ khác biệt, so với những thư sinh hủ lậu hoàn toàn khác hẳn. Cho nên Nô Nhĩ Cáp Xích mới động lòng trắc ẩn, tha chết cho ông và giao qua "quân cờ đỏ viền biên" để làm nô lệ. Người thí sinh đó chính là Phạm Văn Trinh (quyển "Thanh sử cảo" với ý đồ mỹ hóa vị Hoàng đế của nước mình, cũng như giấu kín giai đoạn chịu nhục của Phạm Văn Trinh mà sau này trở thành công thần của triều Mãn Thanh, nên mới bẻ cong ngòi bút để tô vẽ chuyện đẹp đẽ như vậy).

Mọi người thường nói : qua đại nạn mà không chết tất sẽ được cái phúc về sau. Câu nói đó, quả thật đã ứng nghiệm vào trường hợp của Phạm Văn Trinh. Sau khi Hoàng Thái Cực lên nối ngôi vua và đã thay đổi nhiều quốc sách quan trọng, hóa giải được mối mâu thuẫn giữa hai dân tộc Mãn và Hán, khiến thần dân của Hán tộc trong khu vực cai trị của họ, dần dần thay đổi thái độ thù địch, để phục tùng họ một cách tự nguyện. Cũng qua những chính sách cởi mở đó, đã giúp cho Phạm Văn Trinh được ứng thí, khiến ông thoát khỏi kiếp nô lệ và được xuất đầu lộ diện sau này.

3. Dàn Dàn Nổi Danh

Năm thứ ba niên hiệu Thiên Thông (1629), Hoàng Thái Cực sau khi chinh đốn nội chính xong, bèn hưng binh để phạt Minh. Phạm Văn Trinh cũng đi theo quân đội xuất chinh. Kể từ ngày Nỗ Nhĩ Cáp Xích bị Viên Sùng Hoán đánh bại tại Ninh Viễn nên buồn rầu ngã bệnh chết, thì Hoàng Thái Cực cũng từng độ sức nhiều lần với Viên Sùng Hoán ở tuyến Ninh Viễn, Cẩm Châu, nhưng đều bị đánh bại phải rút trở về. Cho nên lần này được sự sách hoạch của Phạm Văn Trinh, họ đã thay đổi tuyến tiến quân. Đại quân được người Mông Cổ thuộc bộ Ca Lạc Tầm làm hướng đạo, từ Hỷ Phong Khẩu vượt qua Trường Thành, tiến sâu vào nội địa của triều nhà Minh. Trong trận đánh này, Phạm Văn Trinh tự mình đảm đương mọi mặt, phát huy tác dụng quan trọng. Ông nhận lệnh chỉ huy một biên sư men theo Phan Gia Khẩu, Mã Lang Dụ, Tam Đồn Doanh, Mã Lang Quan, Đại An Khẩu tiến quân để sách ứng với Chủ lực. Phạm Văn Trinh là người trí dũng song toàn, đã hạ được liên tiếp năm thành của triều nhà Minh. Quân Minh tập trung quân lực để chống trả quyết liệt. Họ đã xua quân tới bao vây Đại An Khẩu rất chặt chẽ. Phạm Văn Trinh đã dùng hỏa công để giải vây, và đã phối hợp với chủ lực rất có hiệu quả. Sau đó, Hoàng Thái Cực chỉ huy quân chủ lực tiến thẳng đến Vĩnh Bình (nay nằm trong địa phận tỉnh Hà Bắc) ở phía tây và trao cho Phạm Văn Trinh trọng trách ở giữ Tôn Hóa, là một vùng đất chiến lược. Quân Minh thừa sơ hở ập tới tấn công, áp sát chân thành với một khí thế ồ ạt. Phạm Văn Trinh đã gắng sức chống trả, lấy số ít để đánh thắng số đông, bảo vệ được sự an toàn cho đại bản doanh của quân Hậu Kim. Do Phạm Văn Trinh lập được nhiều chiến công liên tiếp, nên được phong làm "Thế chức du kích".

Sau khi Hoàng Thái Cực đứng vững chân tại Tôn Hóa, bèn từ Kế Châu vượt Tam Hà, chiếm Thuận Nghĩa rồi đánh thẳng đến Thông Châu, lại vượt sông tiến lên uy hiếp Bắc Kinh.

Viên Sùng Hoán trước đây từng kiến nghị với triều đình nên tăng cường binh lực tại Kế Môn, để phòng ngừa quân Hậu Kim có thể đi theo đường vòng mà tiến vào khu vực Bắc Kinh. Nhưng đáng tiếc là kiến nghị của ông không được triều đình chấp thuận, nên Hoàng Thái Cực đã có dịp lợi dụng khe hở đó. Hoàng Thái Cực xua quân tiến thẳng đến vùng Nam Hải Tử, cách cửa ải bảo vệ thành Bắc Kinh xa hai dặm thì hạ trại. Triều đình nhà Minh nghe tin hốt hoảng cả lên. Viên tổng binh của triều đình nhà Minh là Mãn Quế xua quân chống địch ở bên ngoài cửa Đức Thắng Môn và An Định Môn. Pháo binh trên thành của nhà Minh liền bắn yểm trợ, nhưng họ lại bắn cả vào quân đội của mình, khiến Mãn Quế cũng bị thương, đành phải dẫn tàn quân lui trở vào thành ngồi chờ chết.

Viên Sùng Hoán được tin Hoàng Thái Cực đi vòng để vào phía trong quan ải bèn dẫn binh mã từ Ninh, Cẩm kéo trở về kinh sư để cứu viện. Quân đội của ông đi bất kể ngày đêm để bám cho kịp quân của Hoàng Thái Cực. Sau khi đến Kế Châu, ông đã dùng tốc độ hành binh hai ngày đêm vượt qua ba trăm dặm đường và đuổi đến ngoại Ô thành Bắc Kinh, rồi cùng kịch chiến với quân Hậu Kim ở bên ngoài cửa Quảng Cừ Môn suốt sáu tiếng đồng hồ, không chế được mọi hành động của kẻ địch, khiến nhuệ khí của quân Hậu Kim bị giảm sút. Hoàng Thái Cực đích thân ra trận tiền để quan sát doanh trại của Viên Sùng Hoán, thấy trận thế của đối phương quá chặt chẽ, biết không thể chiến thắng được, bèn theo kiến nghị của Phạm Văn Trinh và một số tướng lĩnh khác xuống lệnh rút quân, và sử dụng kế ly gián.

Thì ra, Hoàng Thái Cực trong lần tiến binh vào quan ải này, trên đường rút lui đã bắt sống được hai tên thái giám, bèn bí mật ra lệnh cho phó tướng Cao Hồng Trung và Bao Thừa Tiên cố ý ngồi thật gần hai tên thái giám đó, rồi giả vờ kể tai nói nhỏ với nhau:

- Việc rút quân hôm nay, thật ra là kế sách của Hoàng thượng (chỉ Hoàng Thái Cực). Trước đây không lâu Hoàng thượng đã một mình cưỡi ngựa đến trận tiền của Viên tòng phủ để cùng mật đàm một thời gian dài với hai người do Viên tuần phủ phái đến. Viên tuần phủ đã mật ước với chúng ta, cho nên việc đánh bại triều nhà Minh chỉ là việc trước mắt thôi.

Sau đó, họ lại cố ý tạo điều kiện cho một tên thái giám họ Dương có dịp trốn thoát. Viên thái giám này trở về Bắc Kinh, bèn đem “những điều cơ mật trọng đại”, do mình nghe được tâu lại cho hoàng đế Sùng Trinh. Lúc bấy giờ, trong triều đình có một số người chống lại Viên Sùng Hoán, từ lâu đã vu cáo ông là kẻ dẫn sói vào nhà, nhằm uy hiếp triều đình, buộc triều đình phải chấp thuận chủ trương nghị hòa với Hậu Kim của ông, và qua đó đôi bên sẽ ký hiệp ước bất bình đẳng trước sự uy hiếp của quân Hậu Kim. Hoàng đế Sùng Trinh là một ông vua chỉ thích làm theo ý mình, độc đoán lại đa nghi. Đối với Viên Sùng Hoán ông vốn đã có lòng nghi ngờ, nên khi nghe lời tâu của viên thái giám họ Dương, thì không cần biết trắng đen, phải trái, triệu Viên Sùng Hoán vào triều đình vấn tội, trách cứ ông tại sao đưa viện binh về quá trễ, rồi bắt ông hạ ngục. Qua năm sau, Viên Sùng Hoán đã bị xử lăng trì. Chỉ cần Phạm Văn Trinh thi hành một kế mọn như vậy, cũng đủ cho triều đình nhà Minh tự phá hủy bức tường thành của mình.

Sau khi Hoàng Thái Cực dùng kế để nhô được gai trước mắt là Viên Sùng Hoán, xóa được nỗi bận tâm về sau, thì vô cùng mừng rỡ. Các tướng lĩnh của ông thấy không còn điều gì đáng ngại nữa, bèn đua nhau yêu cầu thừa cơ đánh thốc vào Bắc Kinh. Nhưng Hoàng Thái Cực nói :

- Nay nếu tấn công thành thì có thể chiếm được. Nhưng nếu qua sự tấn công này mà ta mất đi một hoặc hai tướng tài, thì dù có lấy được một trăm ngôi thành như thế cũng không vui.

Do vậy, ông xua quân đánh thẳng vào Lư Câu Kiều, và tiến kích doanh trại lớn của Mãn Quế và một số tổng binh khác gồm bốn vạn người, đóng tại bên ngoài cửa thành Vĩnh Định Môn. Bốn vạn quân Minh bị đánh tan tác, rã rời hàng ngũ. Sau đó, Hoàng Thái Cực lại chuyển quân đến Thông Châu, rồi tiến về phía đông để chiếm bốn thành Thông Hóa, Vĩnh Bình, Thiên An, Loan Châu (đều nằm trong tỉnh Hà Bắc hiện nay), rồi cho quân đóng giữ, còn ông thì dẫn đại đội binh mã trở về. Xem ra, Hoàng Thái Cực đã áp dụng chiến thuật tiêu diệt quân sinh lực của triều nhà Minh, rồi mới tiến hành việc chiếm thành, chiếm đất sau.

Việc Hoàng Thái Cực cho quân đóng giữ bốn ngôi thành vừa chiếm được, là có ý định sẽ dùng cách đánh giáp công để đánh Sơn Hải Quan. Nhưng sau khi ông rút quân, thì Đại Học Sĩ triều nhà Minh là Tôn Thừa Tông bèn tổ chức binh lực chiếm lại bốn ngôi thành này. Do vậy, đã làm xáo trộn kế hoạch của Hoàng Thái Cực khiến ông ta hất sức giận dữ. Tiếp đó, Hoàng Thái Cực lại được tin quân Minh ngày đêm lo xây dựng lại thành Đại Lãng Hà, với ý đồ sẽ tiến lên một bước để khôi phục vùng đất ở ngoài biên cương đã bị mất. Như vậy, Hoàng Thái Cực làm sao chịu ngồi nhìn cho được ? Vào tháng tám năm thứ năm niên hiệu Thiên Thông (1631), thành Đại Lãng Hà vừa mới được xây dựng một nửa, thì Hoàng Thái Cực xua đại binh đánh bọc hậu ngôi thành này. Ông ta đã áp dụng chiến thuật vây thành

để đánh viện binh. Quân nhà Minh giữ thành vì “cạn hết lương thực, nên quân và dân phải ăn thịt lẫn nhau”, rốt cuộc buộc phải đầu hàng.

Trong chiến dịch này, có một đạo quân Mông Cổ đầu hàng, nhưng một số binh sĩ vì không chịu đầu hàng nên đã ám sát tướng lĩnh của họ rồi bỏ trốn. Hoàng Thái Cực nghe tin tức giận, định giết hết số binh sĩ Mông Cổ còn ở lại. Phạm Văn Trinh bèn dùng lời uyển chuyển khuyên ngăn:

- Những binh sĩ không bỏ trốn, chứng tỏ họ thành tâm quy phục. Nếu giết họ đi, thì đối với việc này cũng vô bổ, mà từ nay về sau sẽ ảnh hưởng đến chính sách dụ hàng của ta.

Hoàng Thái Cực thấy Phạm Văn Trinh xuất phát từ lợi ích lâu dài nên có lời khuyên ngăn, liền vui vẻ chấp nhận kiến nghị đó. Nhờ vậy mà năm trăm binh sĩ vô tội nói trên mới khỏi bị giết.

Lúc bấy giờ còn có một cánh quân đội của triều nhà Minh dựa vào địa thế hiểm yếu để cố thủ Tây Sơn, dù Hoàng Thái Cực xua quân tấn công nhiều lần nhưng vẫn không chiếm được, trong lòng nôn nóng, Phạm Văn Trinh vốn có sẵn mưu kế dụ hàng, nên một mình một ngựa không kể an nguy, đến trước trại quân Minh dùng ba tác lưởi phân tích mọi điều lợi hại để dụ hàng đối phương. Rốt cục, quân Minh đã được cảm hóa và thành tâm chịu hàng. Hoàng Thái Cực hết sức vui mừng, đem tất cả số binh mã đầu hàng nói trên giao cho Phạm Văn Trinh thống lĩnh.

Năm thứ sáu niên hiệu Thiên Thông (1632), Hoàng Thái Cực tiếp tục đánh chiếm đất đai vùng biên cương của triều đình nhà Minh. Sau khi đạo quân của Hoàng Thái Cực tiến vào Quy Hóa (nay là thành phố Hồ Hòa Đạo Đặc) Hoàng Thái Cực vốn có ý định thọc sâu vào nội địa của triều nhà Minh, nên đã triệu tập các đại thần trong đó có Phạm Văn Trinh để bàn bạc về chiến sách. Phạm Văn Trinh căn cứ tình thế chiến lược giữa đôi bên, đã đề ra một phương án công khai và một phương án bí mật : Phương án công khai là dựa vào sĩ khí đang lên cao, sức chiến đấu đang mạnh, xua quân thọc sâu vào nội địa của triều nhà Minh, và tiến thẳng vào Bắc Kinh, buộc triều đình nhà Minh phải thỏa hiệp. Sau đó, lại xua quân đến Sơn Hải Quan đập nát thủy môn tại đây rồi rút về, để tạo thanh thế. Muốn thực hiện mục tiêu đó, phải xuất quân từ Nhạn Môn Quan là tiện lợi nhất. Vì con đường này quân Minh thiếu sự đề phòng, cuộc hành quân sẽ không gặp trở ngại chi lớn. Hơn nữa, dọc đường đều là vùng dân cư giàu có, có thể mượn ngựa và lương thực của họ để dùng. Nếu Đại Hãn thấy việc ra quân của mình thiếu danh nghĩa, thì có thể nói với bá tánh là Khả Hãn của Sát Cáp Nhĩ đã bỏ trốn, nên binh mã của ông ta đều chạy sang hàng ngũ của Hoàng thượng. Nay Hoàng thượng muốn nghị hòa với triều đình nhà Minh, nhưng khổ nỗi đường đi quá xa, đi bộ thì không biết chừng nào mới tới, nên cần mượn ngựa của họ để cho binh sĩ quy phục của Sát Cáp Nhĩ tạm dùng. Nếu nghị hòa thành công, thì sẽ tính theo giá ngựa hiện tại trả tiền lại cho bá tánh. Còn nghị hòa bất thành, đôi bên đánh nhau, thì nhờ trời phù hộ ta chiếm được vùng đất biên cương này, thì sẽ miễn thuế nhiều năm cho bá tánh ở đây để bù lại những thiệt thòi do chiến tranh gây ra cho mọi người. Như vậy thì Hoàng thượng có thể xuất sư một cách đường hoàng. Và, nếu không làm được như vậy, thì Hoàng thượng có thể viết thư trao cho các quan lại giữ biên cương của triều nhà Minh, để họ chuyển về nhà vua của họ, định kỳ hạn cho họ trả lời. Với tình hình các văn thần của triều nhà Minh đang đấu đá với nhau, cũng như các tướng ở ngoài biên cương không thống nhất nhau, chắc chắn họ sẽ không làm sao trả lời kịp thời hạn do ta quy định. Đến chừng đó, Hoàng thượng sẽ có lý do để ra quân đánh vào những nơi họ thiếu phòng bị một cách bất ngờ, rồi thừa dịp đánh thốc luôn vào Bắc Kinh. Vì phương án sau là phương án mượn cơ nghị hòa để làm cho triều đình nhà Minh mất cảnh giác, rồi thừa cơ hành động một cách bất ngờ, để thực hiện sách

lược chiếm thành chiếm đất, cho nên chúng ta tạm gọi nó là phương án “bí mật”.

Mặc dù Hoàng Thái Cực không đem kế sách này ra thực thi, nhưng qua kế hoạch chu đáo, cẩn mật, tỏ ra là người biết mình biết ta, hiểu rõ tình hình nội bộ của triều đình nhà Minh như vậy, quả là một diệu kế hiếm có.

Vào năm thứ năm niên hiệu Thiên Thông (1631), lúc Hoàng Thái Cực bao vây tấn công thành Đại Lăng Hà, thì viên Tuần phủ Đãng Thái là Tôn Nguyên Hóa, từng phái Tham quân Khổng Hữu Đức dẫn binh đi cứu viện. Nhưng bộ đội của ông này khi kéo tới Ngô Kiều, thì gặp tuyết to, không có lương thực để ăn, triều đình cũng không ngó ngàng chi tới, nên một số quân sĩ phải trốn trại ra ngoài cướp bóc. Tình hình này liền được Lý Cửu Thành, một tên tham quan ô lại đã tham lam công quỹ, và đang sợ bị tử tội lợi dụng ngay. Ông ta sách động toán quân này nên đứng lên làm phản. Khổng Hữu Đức là người cũng có ý đồ bất chính, nên thừa cơ chấp nhận ngay. Tháng giêng năm sau, Khổng Hữu Đức cùng với Cảnh Trọng Minh, một viên Tham quân khác có nhiệm vụ đóng giữ tại Đãng Châu, cùng đánh chiếm thành Đãng Châu. Khổng Hữu Đức tự xưng là Đô Nguyên Soái, đúc ấn tín để dùng riêng, rồi phong Cảnh Trọng Minh và một số người nữa làm Tổng Binh. Họ xua quân đi đánh chiếm thành trấn, cướp bóc khắp nơi, không chuyện tàn ác gì mà không làm.

Hoàng đế Sùng Trinh thấy tình hình xảy ra như vậy, buộc phải phái đại quân đi tiêu trừ. Năm thứ 7 niên hiệu Thiên Thông (1633), Khổng Hữu Đức phái sứ đến cầu viện với Hậu Kim. Hoàng Thái Cực nghe tin hết sức vui mừng, bèn phái Phạm Văn Trinh và một số tướng lĩnh khác dẫn quân đi sách ứng. Phạm Văn Trinh dựa vào tài năng của mình, một lần nữa lại dụ hàng thành công. Hàng tướng Khổng Hữu Đức và Cảnh Trọng Minh về sau đã trở thành những võ tướng có công lao hạn mã trong việc dành thiên hạ cho triều đại nhà Thanh.

4. Được Sự Tin Dùng

Năm thứ 9 niên hiệu Thiên Thông (1635), Hoàng Thái Cực tuyên bố hủy bỏ xưng hiệu “Nữ Chân”, chính thức đặt danh hiệu của bộ tộc là "Mãn Châu". Tháng năm năm thứ hai, Hoàng Thái Cực lại đổi tên nước “Đại Kim” thành "Đại Thanh", chính thức thành lập triều đình nhà Thanh và lên ngôi hoàng đế.

Sau khi Hoàng Thái Cực xưng đế, đối với cơ cấu văn võ của triều đình đều bổ sung, mở rộng. ông đã mở rộng Văn Quán trước đây thành ra Nội Tam Viện : tức Nội Quốc Sử Viện, Nội Bí Thư Viện, Nội Hoàng Văn Viện. Mỗi Viện đặt một Đại Học Sĩ chủ trì. Hoàng Thái Cực cử Phạm Văn Trinh làm Đại Học Sĩ Nội Bí Thư Viện, tước quan được thăng làm Nhị đẳng "Giáp lạc chương kinh" (tiếng Hán gọi là Tham Lĩnh).

Để tăng cường binh lực, Hoàng Thái Cực quyết định trên cơ sở đã có "Mãn bát kỳ" và “Mông Cổ bát kỳ”, lại mở rộng thêm "Hán quân bát kỳ". Thế là các đại thần bèn nhất trí tiến cử Phạm Văn Trinh đảm nhiệm "Cổ Sơn Ngạch Chân" (tức Kỳ Chủ, tiếng Hán gọi là Đô Thống). Muốn biết chức "Cổ Sơn Ngạch Chân" là thế nào, cần tìm hiểu sơ qua về cách xây dựng "Bát kỳ" của người Mãn Châu : Thoạt tiên, người Nữ Chân đã dựa vào "Tập" và "Trại" để tiến hành việc sản xuất và những hành động quân sự. Trên cơ sở mười người thì được xem là một đơn vị. Người đầu mục của đơn vị này được gọi là “ngưu lục ngạch” (tức Tiên Chủ, tiếng Hán gọi là Tá Lĩnh).

Về sau, thực lực của họ ngày một phát triển lớn mạnh, nên Nỗ Nhĩ Cáp Xích vào năm thứ 43 niên hiệu Vạn Lịch (1615), đã quy định cứ ba trăm người thì gọi là một "Ngưu lục", năm “ngưu lục” thì hợp thành một “Giáp Lạc Ngạch Chân” (Tham Lĩnh), năm "Giáp Lạc Ngạch Chân" hợp lại thành một "Cổ Sơn" (Kỳ). Trước tiên chỉ có bốn Kỳ là Hoàng, Hồng, Lam, Bạch. Về sau lại tăng lên bốn kỳ nữa là Tương Hoàng, Tương Lam, Tương Bạch, Tương Hồng. Trên cơ sở đó đã hình thành chế độ Bát Kỳ nổi tiếng trong lịch sử, một chế độ kết hợp giữa binh và nông.

Nỗ Nhĩ Cáp Xích là thống soái tối cao của Bát Kỳ. Con cháu của ông ta là thủ lĩnh của mỗi một Kỳ. Mỗi Kỳ Chủ phải trực tiếp nghe theo mệnh lệnh của Đại Hãn, quyền lực và địa vị chỉ thấp hơn Đại Hãn mà cao hơn tất cả mọi người. Sau khi Nỗ Nhĩ Cáp Xích chết, Hoàng Thái Cực nguyên là một Kỳ Chủ lên nối ngôi vua. Đi đôi với việc địa bàn ngày càng mở rộng, Hoàng Thái Cực dựa theo quy chế Bát Kỳ của người Mãn, tổ chức thêm "Mông Cổ Bát Kỳ" và "Hán quân Bát Kỳ". Khi các đại thần đề nghị cử Phạm Văn Trinh đảm nhiệm chức vụ Kỳ Chủ, một chức vụ không phải tầm thường, thì Hoàng Thái Cực trái lại cho rằng “Cổ Sơn Ngạch Chân” chẳng qua là một chức tước trong quân đội mà thôi. Cho nên nhà vua đã phủ quyết ý kiến của các đại thần, yêu cầu chọn lựa người khác. Qua đó đủ thấy sự tín nhiệm của Hoàng Thái Cực đối với Phạm Văn Trinh là có một ý nghĩa sâu xa biết bao nhiêu. Chức Đại Học Sĩ "Nội Bí Thư Viện" tuy là một quan chức thấp, nhưng người giữ chức tước này lại nắm hết bao nhiêu điều cơ mật quan trọng. Những sắc thư dự thảo cho hoàng đế, cũng như bao nhiêu sớ tâu của các nha môn gửi lên, đều phải qua tay quan chức này. Nhất là các thư tín qua lại với các nước đều phải qua tay Đại Học Sĩ của Nội Bí Thư Viện thảo ra cả. Trên thực tế, Phạm Văn Trinh đã đóng vai

trò là người bí thư riêng của Hoàng Thái Cực. Tuy ông không phải là hàng đại thân có nhiệm vụ bàn bạc về việc triều chính, nhưng ông vẫn thường tham gia vào việc xây dựng những phương châm và chính sách quan trọng đối nội cũng như đối ngoại của triều đình. Đồng thời, đối với việc sử dụng và bãi chức của các quan viên quan trọng trong triều đình, ông cũng có một tác dụng quyết định trong đó.

Sự tin dùng của Hoàng Thái Cực đối với Phạm Văn Trinh, gần như đến mức cao tột. Cứ mỗi lần được triệu kiến để thương nghị về việc triều chính, Hoàng Thái Cực đã giữ Phạm Văn Trinh ở lại rất lâu. Lắm khi triệu kiến xong, Phạm Văn Trinh mới trở về tới nhà, chưa kịp ăn uống nghỉ ngơi, thì lại có lệnh nhà vua triệu vào cung tiếp. Phàm gặp những quân quốc đại sự, bao giờ Hoàng Thái Cực cũng hỏi người có trách nhiệm giải quyết là Phạm Văn Trinh biết hay chưa? Lắm khi nhà vua cảm thấy trong đó có vấn đề gì chưa thỏa đáng, bèn hỏi người có trách nhiệm tại sao không đi thương nghị với Phạm Văn Trinh. Nếu người đó trả lời ý kiến của Phạm Văn Trinh cũng giống như vậy, thì Hoàng Thái Cực liền đồng ý và phê chuẩn. Tất cả các văn thư ngoại giao, đều do một tay Phạm Văn Trinh khởi thảo. Ban đầu Hoàng Thái Cực còn đích thân xem qua, nhưng mỗi lần xem nhà vua thấy đầu đầy đều thỏa đáng cả, nên về sau đối với những văn thư thông thường, nhà vua không bao giờ xem lại.

Có lần Phạm Văn Trinh bị bệnh, xin phép nghỉ ở nhà, nhiều công việc do vậy không có ai quyết định giải quyết, nên Hoàng Thái Cực bèn xuống chỉ dụ bảo phải chờ Phạm Văn Trinh hết bệnh xong rồi mới tiến hành giải quyết sau. Đối với những lời khuyên ngăn cũng như những kế sách của Phạm Văn Trinh, Hoàng Thái Cực bao giờ cũng nghe theo. Để đáp lại ơn tri ngộ của Hoàng Thái Cực đối với mình, Phạm Văn Trinh luôn luôn dốc hết tâm sức của mình ra để giúp cho nhà vua tranh giành thiên hạ.

Kể từ ngày Hoàng Thái Cực lên nối ngôi đến năm thứ sáu niên hiệu Sùng Đức (1641), trải qua mười lăm, mười sáu năm, ông đã ba lần xua quân đột nhập vùng Quan Nội nhưng vì không chiếm được Sơn Hải Quan và Cẩm Châu, nên luôn gặp trở lực trong hành động, khó thực hiện trong ý định của mình. Do vậy, Hoàng Thái Cực đã chĩa mũi giáo tiến công của mình về phía Sơn Hải Quan và Cẩm Châu, là nơi gây trở lực không cho ông tiến vào quan ải, trong khi đó, triều nhà Minh cũng nghĩ trăm phương ngàn kế để tăng cường tuyến phòng thủ này.

Năm thứ 4 niên hiệu Sùng Đức (1639), chức vụ Tổng đốc Kế Liêu được thay thế bởi Hồng Thừa Trù, một tướng lĩnh vừa có công trấn áp được những cuộc nông dân khởi nghĩa mà nổi tiếng. Năm thứ sáu niên hiệu Sùng Đức (1641), quân Thanh bắt đầu hành động, phái quân bao vây Cẩm Châu. Tháng bảy năm đó, Hồng Thừa Trù bèn dẫn Ngô Tam Quế và một số tướng lĩnh khác gồm tám Tổng binh và mười ba vạn nhân mã kéo đến để chi viện cho Cẩm Châu. Đại quân tập hợp tại Ninh Viễn, rồi mới chia thành mấy cánh tiến chậm chạp về phía Hạnh Sơn và Tùng Sơn, với chiến pháp tiến chậm nhưng ăn chắc để giành thắng lợi.

Nhưng, vị Binh bộ thượng thư mới được đưa lên giữ chức này là Trần Tân Giáp, lại cho rằng tiến quân chậm chạp như thế chỉ làm hao thêm lương thực, nên phái người tới giám trận, giám quân và đốc chiến cho Hồng Thừa Trù. Do chịu không nổi sự thôi thúc của số người này, nên Hồng Thừa Trù đã liệu lĩnh bỏ lương thảo lại Bút Giá Cương bên ngoài Hạnh Sơn và Thập Sơn thuộc vùng Ninh Viễn, chỉ dẫn sáu vạn binh mã tiến lên. Ông ra lệnh cho số binh mã còn lại, cấp tốc bám theo mình. Khi Hồng Thừa Trù đến vùng Tùng Sơn và Hạnh Sơn, thì cho kỵ binh đóng ở ba mặt đông, nam và tây của núi Tùng Sơn, còn bộ binh thì bố phòng tại Khổng Phong Cương, nằm cách Cẩm Châu sáu bảy dặm đường, xây hào lũy chong mặt với quân Thanh.

Hoàng Thái Cực được tin triều nhà Minh phái viện binh đến, thì vào tháng tám bèn dẫn đại quân từ Thanh Kinh (nay là thành phố Thẩm Dương) đến hạ trại đóng tại vùng đất giữa Tùng Sơn và Hạnh Sơn, cắt đứt sự liên hệ của quân Minh giữa hai khu vực này, đồng thời cũng cắt đứt đường rút lui của Hồng Thừa Trù. Tiếp đó, Hoàng Thái Cực lại cho quân đi đoạt hết lương thực tại núi Tháp Sơn. Hồng Thừa Trù hoàn toàn bị động, và bị vây khốn tại Tùng Sơn. Hơn nửa năm sau, do Hồng Thừa Trù bị bộ hạ bán đứng, mở cửa thành cho quân Thanh tiến vào, nên ông bị bắt sống.

Hoàng Thái Cực biết Hồng Thừa Trù sẽ là người có tác dụng hết sức to lớn đối với việc mình tiến vào làm chủ Trung Nguyên, nên đã cho người tiếp đãi ông ta thực tốt. Mặt khác, lại cử Phạm Văn Trinh tới để dụ hàng.

Phạm Văn Trinh đến chỗ giam giữ Hồng Thừa Trù, ông này biết đối phương đến để làm gì, nên to tiếng mắng Phạm Văn Trinh là người không có xương sống, cúi đầu để phụng sự cho nhà Thanh, cam tâm làm chó săn cho người. Ông còn tỏ ra quyết liệt chết để tận trung báo quốc, chứ không chịu quỳ gối đầu hàng. Phạm Văn Trinh không đi tranh biện với ông, chỉ nói qua với ông một số chuyện cổ kim cũng như chuyện sống chết, được mất. Trong khi đôi bên đang nói chuyện, thì từ trên nóc nhà bỗng có một cục bụi bắn rơi xuống áo của Hồng Thừa Trù. Hồng Thừa Trù bèn lấy tay phủi bụi bắn đó. Hành động này của ông được Phạm Văn Trinh nhìn thấy, nên trong lòng đã có sự tính toán riêng.

Phạm Văn Trinh liền từ giã Hồng Thừa Trù, đến tâu với Hoàng Thái Cực :

- Hồng Thừa Trù chắc chắn sẽ không liều chết.

Vì sống trong cảnh ngộ như thế này, mà ông ta còn tỏ ra thương tiếc chiếc áo của mình đến như vậy, thì huống hồ chi là tính mạng của bản thân. Hoàng Thái Cực nghe qua lấy làm vui mừng, đích thân đến ngục thất để thăm Hồng Thừa Trù. Nhà vua thấy Hồng Thừa Trù chỉ mặc một chiếc áo đơn phong phanh, liền cởi chiếc áo da lông chồn của mình ra, đích thân khoác vào người cho Hồng Thừa Trù, rồi quan tâm hỏi :

- Tiên sinh có lạnh không ?

Cử chỉ đó làm cho Hồng Thừa Trù hết sức xúc động và ngạc nhiên đến trợn mắt há mồm một lúc lâu mới lên tiếng nói :

- Thực quả không hổ danh là một vị chúa tài năng có tiếng trong đời !

Nói đoạn, Hồng Thừa Trù quỳ lạy rồi dập đầu xin hàng.

Đối với việc Hồng Thừa Trù đầu hàng, còn có một thuyết cho rằng đích thân Hoàng hậu đã xuống nhà lao để khuyên lơn an ủi. Theo thuyết này thì khi Hồng Thừa Trù bị bắt đưa đến Thịnh Kinh, đã tuyệt thực liên tiếp mấy hôm, thề sẽ chết để tỏ lòng trung thành. Nhưng sau khi Phạm Văn Trinh biết được ông không quyết tâm chết, thì Hoàng Thái Cực bèn sai người tiếp xúc tìm đủ cách khuyên ông đầu hàng, nhưng ông vẫn cự tuyệt không nghe. Về sau, Hoàng Thái Cực qua sự tiết lộ của một số người đầu hàng, biết Hồng Thừa Trù là người háo sắc, nên đã phái từng nhóm mỹ nữ đến để quyến rũ nhưng cũng

không có hiệu quả. Cuối cùng, Hoàng Thái Cực phái người ái thiếp xinh đẹp nổi tiếng một thời của mình là Bát Nhĩ Tế Cát Đặc Thị mang theo một bình nước nhân sâm nhỏ tới gặp Hồng Thừa Trù. Bát Thị nhìn thấy ông này đang ngồi quay mặt vào vách, không ngớt khóc lóc, cố khuyên lơn thế nào cũng không nghe. Bát Thị không khỏi động lòng trắc ẩn, nói với một thái độ đầy chân tình :

- Tướng quân dù có tuyết thực đi nữa, chả lẽ lại không uống một tí nước trước khi tự nghĩa hay sao ?

Lời nói của Bát Thị nghe thật ngọt ngào, tình cảm rất chân thật, lại đưa bình nước sâm lên tận môi, nên Hồng Thừa Trù đã hớp nhẹ một hớp. Một chốc sau, Bát Thị lại khuyên lơn, rồi đưa bình nước lên tận môi ông một lần nữa. Hồng Thừa Trù rốt cục không cưỡng lại được mùi thơm ngon của nước sâm, nên đã uống liên tiếp.

Mấy ngày sau, Bát Thị cũng đến khuyên lơn và mang cả thức ăn ngon dâng cho Hồng Thừa Trù. Dần dần, Hồng Thừa Trù thay đổi ý định, bắt đầu chịu ăn cơm và đã đầu hàng.

Bất luận Hoàng Thái Cực đã dùng biện pháp nào để dụ hàng Hồng Thừa Trù đi nữa, thì việc đáng nói ở đây chính là Phạm Văn Trinh chỉ qua thái độ “phủ bụi” nhỏ nhen mà đã đoán biết được Hồng Thừa Trù không quyết tâm liều chết, đủ thấy Phạm Văn Trinh là người có sự nhận xét thật nhạy bén, không hổ danh là một nhà mưu lược có tài.

Đến năm thứ tám niên hiệu Sùng Đức (1643), Hoàng Thái Cực bệnh chết. Trong vương thất nhà Thanh đã xảy ra một cuộc tranh giành ngôi vị. Kết cục, Hoàng tử Phúc Lâm mới sáu tuổi được đưa lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Thuận Trị, do hai người hoàng thúc của nhà vua là Đa Nhĩ Cổn và Tế Nhĩ Cáp Lang làm phụ chính.

Năm Thuận Trị nguyên niên (1644), Đa Nhĩ Cổn nối tiếp sự nghiệp chinh phạt triều nhà Minh chưa hoàn thành của Hoàng Thái Cực, xua quân bắt đầu đánh nhau với nhà Minh. Phạm Văn Trinh tổng kết bài học kinh nghiệm trong cuộc gian chiến với quân Minh trong thời gian qua, dâng sớ tâu : “Bá tánh ở Trung Nguyên chịu khổ từ lâu, ai ai cũng mong muốn có một vị minh chúa để giúp họ có thể an cư lạc nghiệp, yên ổn làm ăn. Trước đây quân ta từng đánh sâu vào nội địa của triều nhà Minh, nhưng chỉ chém giết, đốt phá, cướp bóc, rồi rút lui, cho nên sự nghiệp chinh phạt nhà Minh phải giữa chừng bỏ dở. Bá tánh cho rằng chúng ta chỉ là những người tham lam tiền của, gia súc, chứ không có chí lớn, nên trong lòng họ vẫn hoài nghi, không có sự tín nhiệm gì đối với chúng ta cả. Nay cần phải gia nghiêm kỷ luật, cấm ngặt không cho mọi người xâm phạm tới cây kim sợi chỉ của dân, lại tuyển dụng người có tài năng để dùng, cứu tế cho những người đói khổ, để bá tánh hiểu được chúng ta quyết tâm chiếm lấy Trung Nguyên và có thành ý trong việc đối xử với bá tánh. Được như vậy, thì vùng đất từ phía Bắc sông Hoàng Hà trở đi, chỉ trong nháy mắt sẽ được bình định”.

Phạm Văn Trinh cũng đã nhiều lần nhắc nhở tầng lớp thống trị tối cao của nhà Thanh :

- Trời bao giờ cũng có đức hiếu sinh. Từ xưa tới nay chưa bao giờ nghe ai háo sát mà được thiên hạ bao giờ. Nếu chỉ muốn thống trị vùng Quan Đông thôi, thì không cần phải nói. Trái lại, nếu muốn lập quốc tại Trung Nguyên, thống nhất Hoa Hạ, thì không thể không tỏ lòng thương yêu bá tánh.

Những lời kiến nghị trên của Phạm Văn Trinh là muốn cho tầng lớp quý tộc Mãn Châu từ bấy lâu nay

đã xem chiến tranh là dịp để tàn sát, cướp bóc, thì nay phải thay đổi thái độ, xem chiến tranh là để dành quyền thống trị trong toàn quốc. Sách lược nay đối với việc khai quốc của triều nhà Thanh, có một tác dụng rất quan trọng.

Vừa lúc đó bỗng có tin cho biết Lý Tự Thành đã đánh chiếm kinh đô của triều nhà Minh. Đa Nhĩ Cổn vội vàng cho triệu Phạm Văn Trinh đang nghỉ dưỡng bệnh tại suối nước nóng ở Cái Châu (Nay là Cái Huyện thuộc tỉnh Liêu Ninh) về triều đình để bàn đối sách. Phạm Văn Trinh cho đây là tình hình cực kỳ có lợi cho việc tiến quân vào Trung Nguyên. Đây chính là cơ hội trời ban, tuyệt đối không được bỏ lỡ, mà phải hỏa tốc tiến binh ngay. Ông phân tích:

- Lý Tự Thành mặc dù có trong tay cả triệu binh mã, nhưng thế của hắn đang bắt đầu xuống. Vì hắn đã phạm ba điều đại kỵ, khiến hắn không thể tránh khỏi số phận bị thất bại : một là bức tử Sùng Trinh đế, buộc vị chúa của mình phải thắt cổ chết tại Ngõ Sơn, khiến cho cả trời lẫn con người đều oán ghét. Hai là đã đánh đập tra khảo các quan lớn nhỏ, tổng tiền nhưng người phú thương, làm cho các tầng lớp trên và giữa trong xã hội đều vô cùng bất mãn. Ba là đốt nhà, cướp của, hãm hiếp phụ nữ, khiến bá tánh hết sức thất vọng, hết sức oán ghét. Ba điều thất sách đó, khiến hắn đã hoàn toàn mất nhân tâm. Hơn nữa những tướng lãnh xuất thân từ nông dân của hắn, đang choáng váng cả đầu óc trước những sự thắng lợi, và ý mình có công nên sinh ra kiêu ngạo, tham lam hưởng lạc, thiếu tầm nhìn xa rộng. Như vậy, chỉ cần đánh một trận là có thể đánh bại được chúng. Về phía ta trên dưới một lòng, binh cường tướng mạnh, nếu có thể, ưu đãi người trí thức ở Trung Nguyên, cứu tế bá tánh đang gặp khổ nạn, quân đội đi đến đâu tỏ lòng nhân nghĩa đến đấy, lấy việc thảo phạt quân nổi loạn làm danh nghĩa, thì có lo chi đại công không thành ?

Phạm Văn Trinh sau đó đã đến ngay quân đội, đích thân khởi thảo văn cáo tiến quân, hiểu dụ quan dân của triều nhà Minh : "Quân đội chúng tôi đặc biệt kéo tới đây, là để báo mối thù giết vua giúp cho các người. Nhất định sẽ không bao giờ có cử chỉ lạm sát những người vô tội. Kẻ mà chúng tôi cần tru diệt, chính là những bọn giặc đang nổi loạn. Quân đội chúng tôi là quân đội chính nghĩa, quan viên của triều đình nếu ai chịu quy thuận đều được giữ nguyên chức tước. Riêng bá tánh nếu quy phục, thì sẽ được sống yên lo việc làm ăn. Quân đội chúng tôi giữ nghiêm kỷ luật, nhất định sẽ không làm hại đến các người".

Để làm thay đổi tập quán xấu của quân đội trước đây, Đa Nhĩ Cổn cũng xuống lệnh cho toàn quân: "Lần hành quân này không như mọi lần khác, mà chính là một cuộc hành quân theo ý trời để định quốc an dân, hoàn thành sự nghiệp lớn". Đồng thời, ông xuống lệnh khắp các đơn vị quân đội "Tuyệt đối không được giết người vô tội, không được cướp giật tiền của, không được đốt nhà của dân".

Sách lược chĩa mũi giáo về phía nông dân khởi nghĩa của Phạm Văn Trinh, đã chuyển hóa một cách hữu hiệu mối mâu thuẫn giữ triều đình nhà Minh và quân đội nhà Thanh, thành một đồng minh "Minh Thanh", và đẩy nghĩa quân của nông dân khởi nghĩa về phía mâu thuẫn chung giữa họ. Chiêu này của ông thật quá lợi hại, khiến trên đường hành quân, đi tới đâu quân Minh trở giáo, tướng giữ thành đầu hàng tới đó. Quân Thanh bèn lợi dụng quân đội đầu hàng của nhà Minh, hợp sức trấn áp nghĩa quân của nông dân và đã chiếm lấy thành Bắc Kinh một cách dễ dàng. Khi mới vào thành Bắc Kinh, Đa Nhĩ Cổn đã tự làm gương cho tất cả tướng sĩ. Ông chỉ dẫn một ngàn quân túc vệ đi vào trong thành, còn tất cả kỵ binh đều đóng ở ngoài thành. Ông quy định nếu ai không có cờ lệnh của Cửu Vương (Đa Nhĩ Cổn) thì không được phép ra vào để tránh tình trạng quấy nhiễu bá tánh.

Trong thành Bắc Kinh lúc bấy giờ, vì sau khi xảy ra nhiều cuộc tao loạn, nhân tâm đang hoang mang nơm nớp lo sợ. Đứng trước tình hình căng thẳng đó, Phạm Văn Trinh đã hiệp trợ với Đa Nhĩ Cổn để ban bố hàng loạt những biện pháp ổn định nhân tâm.

Trước tiên, họ cử hành lễ phát tang ba ngày cho vua Sùng Trinh Hoàng đế và hoàng hậu, rồi bố cáo với thiên hạ để “tranh thủ đại nghĩa”. Đồng thời, còn cử người bảo vệ lăng mộ của nhà Minh, và tuyên bố :

- Các vương triều đại nhà Minh cũ, nếu tới quy thuận thì sẽ giữ nguyên chức tước.

Qua những biện pháp đó, khiến cho thành viên trong vương thất của triều nhà Minh cảm thấy có thể tiếp nhận được sự thống trị của nhà Thanh. Do vậy, những người quyết liều chết để khôi phục tông thất nhà Minh, cũng khó tìm được lý do để hiệu triệu người khác.

Kế đó, Đa Nhĩ Cổn còn ban chỉ dụ đến quan viên người Hán - các cấp trong thành - cứ tiếp tục giữ nguyên các chức vụ và đi làm việc bình thường. Đồng thời, ông cũng đem đến một số quyền lợi nhất định đối với những người này. Như về mặt chính trị, chẳng những quy định các quan viên đầu hàng sẽ được thăng cấp hay đã chết thì sẽ được lập miếu thờ, người quy ẩn sẽ được mời ra trọng dụng. Đồng thời, ông cũng ra lệnh cho các nha môn trong triều đình cũng như ở bên ngoài, khi dùng con dấu đều nhất luận phải có chữ Mãn và chữ Hán song song, khiến các quan viên người Hán bề ngoài được bình đẳng với quan viên người Mãn, tất cả đều có chức có quyền như nhau. Về mặt kinh tế, tất cả quan viên đang làm việc, cũng như quan viên đang nghỉ hưu, những người đỗ cử nhân, nhưng người đỗ cống, giám sinh, đều được giảm một phần sưu dịch nhất định. Đồng thời, giúp cho các địa chủ người Hán phục hồi nghiệp cũ. Qua đó, mua chuộc được đại đa số những quan viên, thân sĩ người Hán tộc.

Để tiếp một bước lung lạc nhân tâm, Phạm Văn Trinh còn dựa theo bộ sổ cũ để thu thuế. Cuối đời nhà Minh, thuế khóa không ngớt tăng, và bắt nhân dân đóng nhiều khoản thuế khác nhau, danh mục phiền toái khiến bá tánh gánh vác rất nặng nề. Khi nghĩa quân của nông dân nổi dậy tiến vào thành Bắc Kinh, đã nổi lửa đốt toàn bộ sổ sách. Chỉ riêng sổ sách đời Vạn Lịch vẫn còn, và mức độ thu thuế thấp hơn hiện tại. Do vậy, có người kiến nghị dựa vào sổ sách cũ để lập sổ sách mới, nhưng Phạm Văn Trinh kiên quyết không đồng ý. ông nói :

- Cho dù chúng ta thu thuế bằng với mức cũ đi nữa, e rằng bá tánh cũng khó đóng nổi, huống hồ chi lập sổ mới để tăng cao hơn ?

Triều đình nhà Thanh đã tiếp nhận ý kiến của ông. Nhờ đó mà bá tánh giảm được gánh nặng về thuế khóa, hòa hoãn được mối mâu thuẫn giữa triều đình và bá tánh. Ngoài ra, đối với những người neo đơn, cô quả, thiếu ăn, thiếu mặc, Phạm Văn Trinh cũng cho người lo việc cứu tế, giúp họ có một cuộc sống tạm no đủ.

Những biện pháp nói trên đã thu được hiệu quả rất tốt, khiến quan dân cũ của triều nhà Minh trên từ công khanh, quý tộc, đến bá tánh bình dân ở dưới, đều xóa bỏ được phần lớn tình cảm thù địch đối với nhà Thanh. Qua đó, đã hóa giải được ý chí chống đối của họ, giúp cho đại cục được yên ổn trở lại. Ảnh hưởng to lớn do những biện pháp trên tạo ra, khiến như Sử Khã Pháp, một danh tướng chống

Thanh đang đóng ở Dương Châu, trong một bức thư gửi cho Phúc Vương của Nam Minh, cũng phải than rằng:

- Với việc thi hành nhân chính của triều đình Mãn Thanh như vậy, trong khi ta lại mất hết nhân tâm, thần e rằng việc khôi phục lại giang sơn sẽ không còn hy vọng, ngay đến tìm một góc xó để an phận cũng không thể được nữa!

Năm thứ hai niên hiệu Thuận Trị (1645), sau khi bình định được Giang Nam, Phạm Văn Trinh vì muốn đảm bảo việc cai trị được ổn định lâu dài, bèn kiến nghị mở khoa thi để lấy người có tài năng. Ông nói :

- Việc trị thiên hạ có ở nhân tâm, trong khi đó thì kẻ sĩ chính là thành phần ưu tú của dân. Một khi kẻ sĩ quy phục thì nhân dân cũng quy phục theo. Vậy nên mở lại các khoa thi hương, thi hội, để thu gom nhân tài.

Triều đình nhà Thanh chấp nhận kiến nghị của Phạm Văn Trinh, quy định cứ đến các năm Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, thì các tỉnh mở khoa thi hương. Và đến các năm Thìn, Sửu, Mùi thì cử hành thi hội. Qua biện pháp đó, giúp cho những phân tử trí thức đang cùng đường bí lối, có được cơ hội ngoi lên, nên họ rất có cảm tình và rất ủng hộ, cho rằng vua nhà Thanh mới chính là một “vị chúa thánh minh”. Với tâm lý được ban cho ân đức, những người đó đã đóng góp nhiều sách lược hay cho triều đình nhà Thanh trong việc trị quốc.

Tầng lớp trí thức cũng giống như linh hồn của một dân tộc. Nếu thái độ của họ chuyển biến, tất nhiên làm cho thái độ của cả dân tộc dần dần chuyển biến theo. Khi lung lạc được nhân tâm của tầng lớp trí thức, thì cũng có nghĩa là nắm được nhân tâm của cả dân tộc. Phạm Văn Trinh với sự ưu đãi nhưng phân tử trí thức, đã nắm được toàn thể nhân tâm. Từng nước cờ của ông đều là những nước cờ cao. Quả thật không hổ danh là một nhà mưu lược có tầm nhìn siêu việt.

5. Hóa Hung Thành Cát

Tầng lớp thống trị của nhà Thanh trong giai đoạn đầu xây dựng sự nghiệp, đối với những kiến nghị và những chủ trương tốt bao giờ cũng sẵn sàng tiếp nhận. Nhờ vậy mà hoài bão về chính trị của Phạm Văn Trinh mới có đất dụng võ, tài năng của ông cũng phát huy được hết mức. Nhưng, đi đôi với sự thống trị ngày càng được củng cố, tập đoàn quyết sách tối cao của nhà Thanh bắt đầu tự phụ, cái gì cũng cho mình là đúng, thậm chí còn thi hành những ngang ngược, hoàn toàn trái hẳn với quốc sách "ổn định bá tánh" do Phạm Văn Trinh cực lực đề ra trước đây.

Đối với "lệnh thế phát" (lệnh cạo đầu), thái độ của Phạm Văn Trinh cũng khác với người nắm quyết sách mà trong thực tế của triều đình nhà Thanh lúc bấy giờ là Đa Nhĩ Cổn.

Sau khi nhà Thanh tiến vào làm chủ Trung Nguyên, đã yêu cầu các dân tộc phải để tóc và ăn mặc theo kiểu truyền thống của dân tộc Mãn, tức đầu phải cạo phần trước trán, và số tóc còn lại thì đánh thành bím rồi để đằng sau ót. Trong khi đàn ông người Hán tộc, từ bấy lâu nay vẫn để tóc dài và búi thành búi tóc trên đỉnh đầu. Hơn nữa, các sĩ đại phu thường vẫn tôn trọng quan niệm "thân thể phu phát, thụ chi phụ mẫu, bất khả hủy thương" (thân thể da tóc, nhận từ cha mẹ, không thể hủy hoại và làm tổn thương), cho việc cạo tóc là điều tuyệt đối không thể làm được.

Thực ra, kiểu tóc chỉ là vấn đề tập tục trong xã hội, cạo hay không cạo chẳng phải là chuyện to tát chết sống chi. Nếu áp dụng bằng phương thức thích hợp để hấp dẫn mọi người, thì rất có thể khiến mọi người noi theo và dần dần trở thành phổ biến, trở thành thời thượng. Nhưng, nếu lấy đó để làm tiêu chuẩn chính trị, nhất là trong một thời cơ chưa chín mùi, lại đem việc cạo đầu để làm thành tiêu chí phải chăng là chịu thần phục, cưỡng bách chấp hành, thì kết quả sẽ trái ngược lại.

Thật ra, ngay từ lúc Mãn Thanh mới tiến vào quan ải, đã từng xuống lệnh cạo đầu thắt bím, khiến "nhân dân hốt hoảng, bỏ trốn đi nơi khác hàng nghìn, hàng vạn người". Vì lúc bấy giờ tình hình chưa ổn định, Mãn Thanh chưa đứng vững chân, nên Đa Nhĩ Cổn bất đắc dĩ phải thu hồi mạng lệnh trên. Nhờ đó, mới tránh được một sự xáo trộn to lớn trong xã hội.

Nhưng đến năm thứ hai niên hiệu Thuận Trị (1645), sau khi nhà Thanh đã ở vào thế ổn định được trong cả nước. Đa Nhĩ Cổn lấy làm phấn khởi, cho rằng việc đoạt lấy thiên hạ là việc dễ dàng như trở bàn tay, nên ông ta tha hồ muốn làm gì thì làm. Thêm vào đó, lại có một số quan viên người Hán tộc muốn tỏ ra mình là người trung thành với triều đình Mãn Thanh, như Phùng Thuyên, Tôn Chi Hải và một số người nữa đã chủ động cạo đầu thắt bím, nhằm tích cực hưởng ứng ý đồ của Đa Nhĩ Cổn. Họ hăng hái ủng hộ việc tái ban lệnh cạo đầu thắt bím.

Sở dĩ có một số bộ phận quan viên người Hán nhiệt tình ủng hộ chủ trương "cạo đầu thắt bím" như thế, là có nguyên nhân. Nghe đâu, sau khi nhà Thanh tiến vào quan ải, lúc hoàng đế lâm triều, các đại thần người Mãn và các đại thần người Hán đầu hàng, chia thành hai toán riêng biệt đứng ở dưới cung điện. Có một đại thần triều nhà Minh đầu hàng Mãn Thanh là Tôn Chi Hải, xuất thân tiến sĩ, muốn lấy lòng

chúa mới người Mãn tộc, nên chủ động cạo đầu thắt bím, ăn mặc áo hẹp tay, cũng giống như người Mãn, rồi đứng chen vào đội ngũ của các đại thần người Mãn.

Nhưng, các đại thần người Mãn đã đuổi ông ta ra. Ông ta đành phải trở lại đội ngũ của các hàng thần người Hán. Nhưng số hàng thần người Hán này cũng không cho ông ta đứng chung. Ông ta quá thẹn, nên mới dâng sớ tâu: “Tâu bệ hạ... nay vạn sự đều đổi mới, thế mà áo mũ và cách để tóc thì vẫn giữ theo nếp cũ của người Hán. Như vậy có nghĩa là bệ hạ đã bị người Hán khuất phục, chứ không phải bệ hạ khuất phục được người Hán”.

Do vậy, triều đình nhà Thanh mới quyết định ban bố lệnh cạo đầu. Khi tin tức truyền ra, cả triều đình xôn xao. Ngự sử đại phu Tôn Khai Tâm chỉ trích Phùng Thuyên và Tôn Chi Hải, cũng như một số người Hán khác tán thành việc cạo đầu tóc bím là "bọn người tham địa vị và muốn được sự sùng tín". Ban hành việc cạo đầu chỉ làm "trở ngại cho việc quy thuận của người Hán". Nhưng, Đa Nhĩ Cổn hoàn toàn không để ý chi tới lời phản đối của một số đại thần người Hán, mà vẫn ngang nhiên xuống lệnh :

- Nếu ai còn chuyện này mà viết bản tấu chương tâu lên vua, nhằm giữ nguyên chế độ của nhà Minh trong nhân dân địa phương, không chịu tuân theo chế độ của bản triều, thì sẽ bị chém không tha!

Sau khi lệnh cạo đầu được ban ra, mâu thuẫn dân tộc liền trở nên gay gắt, thậm chí, nó phát triển đến mức : “Thà giữ tóc chứ không giữ đầu, thà giữ đầu chứ không giữ tóc”. Tình hình căng thẳng ngoài sự tiên liệu của mọi người. Cả vùng Giang Nam vốn đã được ổn định, lúc bấy giờ lại "nhân tâm chao đảo" xáo trộn khắp nơi. Mọi người nhao nhao đứng lên phản đối thà "thiệt thân hoặc tan nhà nát cửa, hủy diệt cả nơi thờ phượng tổ tông, rơi đầu chứ không thềm sợ". Tầng lớp thống trị của Mãn Thanh cũng trở lại lễ thói cũ, khôi phục lại tính tàn nhẫn của chủ nô đối với nô lệ, có những hành động vô cùng hung ác, đàn áp đẫm máu, giết người, cướp của, đốt nhà, không gì mà họ không làm. Phạm Văn Trinh nhìn thấy cục diện "an cư lạc nghiệp" do mình đã bỏ ra công sức của nửa đời người để tạo dựng nên cho bá tánh, nay đã trở thành ảo ảnh, trong lòng hết sức đau đớn, hết sức bất bình.

Lệnh cạo đầu thắt bím chẳng những gây ra làn sóng phản đối mãnh liệt trong bá tánh, mà còn làm chậm trễ tiến trình thống nhất thiên hạ của triều đình Mãn Thanh. Do vậy, có một số quan ngự sử dũng cảm dâng sớ liên tiếp lên nhà vua, tố cáo những quan chức có tương quan mật thiết đến lệnh cạo đầu thắt bím. Nhưng Đa Nhĩ Cổn là người có quyền lực áp đảo hẳn nhà vua còn trẻ tuổi. Do vậy, ai thuận theo ông ta thì tồn tại, ai chống ông ta thì bị trừ khử. Một số người phản đối lệnh cạo đầu thắt bím đã lần lượt bị truất phế. Còn những người ủng hộ lệnh này thì chẳng những không bị bãi quan, mà ngày càng được trọng dụng. Như Phùng Thuyên sau đã được ban đặc ân “có quyền cưới hỏi với người Mãn Châu”, và dần dần đã thay thế địa vị đứng đầu nội các của Phạm Văn Trinh.

Tất cả những hành động của Đa Nhĩ Cổn đều trái ngược với hoài bão chính trị của Phạm Văn Trinh. Do vậy, Phạm Văn Trinh đã áp dụng một thái độ bất hợp tác với Đa Nhĩ Cổn, chống lại ông ta bằng hành động tiêu cực.

Tháng hai năm Thuận Trị thứ ba (1646), Đa Nhĩ Cổn lệnh cho các Đại Học Sĩ phải "viết bản trình tấu rõ ràng khi có việc cần tâu". Nhưng Phạm Văn Trinh lấy cớ “phàm có điều gì nghe thấy thì gặp mặt trình tấu bằng miệng, chứ không cần viết văn bản” để thoái thác lệnh trên. Đa Nhĩ Cổn đối với việc Phạm Văn Trinh không làm theo ý kiến của mình, cảm thấy rất bất mãn nên lấy cớ "người thường có

bệnh, lại làm việc quá mệt nhọc, vậy nên sớm nghỉ hưu tốt hơn", để tước đoạt quyền lực của Phạm Văn Trinh. Mấy tháng sau, quan tuần phủ Cam Túc là Huỳnh Đồ An dâng sớ xin từ quan để trở về phụng dưỡng cha mẹ. Bộ chủ quản cho rằng đây là "mượn cớ để trốn tránh trách nhiệm, vậy phải cách chức". Phạm Văn Trinh không đồng ý, đem việc này báo cho Vương Tế Nhĩ Cáp Lang là một vị phụ chính khác, và có lời xin :

- Phụng dưỡng cha mẹ là cảm tình cao quý nhất, vậy không nên cách chức.

Đa Nhĩ Cỗn thấy Phạm Văn Trinh không bẩm báo chuyện này với mình, mà lại đi thỉnh thị với Tế Nhĩ Cáp Lang, nên giận dữ. Lấy cớ "tự ý có quan hệ" với phụ chính vương Tế Nhĩ Cáp Lang, bắt Phạm Văn Trinh đưa sang pháp ty vấn tội. Nhưng chỉ mấy hôm sau thì thả ra.

Năm thứ năm niên hiệu Thuận Trị (648), Đa Nhĩ Cỗn thắng thế trong cuộc đấu tranh nội bộ của vương thất nhà Thanh, nên đã mượn cớ xóa bỏ tước vị Thân vương của Tế Nhĩ Cáp Lang, khiến từ trước tới nay có hai vị thân vương phụ chính, thì nay chỉ có một mình Đa Nhĩ Cỗn ôm hết đại quyền trong tay. Xuất phát từ mục đích không thể nói với ai, Đa Nhĩ Cỗn ra lệnh cho Đại học sĩ Cương Lâm sửa đổi "Thanh Thái Tổ Thực Lục" và bảo Phạm Văn Trinh phải tham gia công việc này. Phạm Văn Trinh biết đây là chuyện hệ trọng, không thể làm liều, nhưng lại không thể cãi lệnh, nên ông mượn cớ dưỡng bệnh, đóng cửa không ra khỏi nhà. Tháng mười hai năm Thuận Trị thứ bảy (1650), Đa Nhĩ Cỗn bệnh chết. Đầu năm sau hoàng đế Thuận Trị thứ (Phúc Lâm) bắt đầu đích thân điều hành việc triều chính. Các đại thần bèn tố cáo Đa Nhĩ Cỗn lúc sinh tiền đã "chuyên quyền", "tiếm vị", lại bảo Hoàng Thái Cực theo thứ tự thì đáng lý không thể lên ngôi vua, tức việc lên ngôi vua của Hoàng Thái Cực là không hợp lẽ. Vua Thuận Trị sau khi cho điều tra nắm rõ sự thật, đã tước bỏ tôn hiệu của mẹ và vợ Hoàng Thái Cực, và phế bỏ việc thờ ông trong tôn miếu, tịch thu cả tài sản, giết hết bọn vây cánh. Cương Lâm và những người có dính líu đến chuyện sửa đổi "Thanh Thái Tổ Thực Lục" đều bị xử tử. Đáng lý Phạm Văn Trinh cũng bị liên lụy, nhưng do ông không phải đồng đảng của họ và hầu như không có tham gia thực sự vào việc sửa đổi trên, nên đã được xử nhẹ là cách chức. Nhưng chỉ ít lâu sau thì được phục chức trở lại.

Phạm Văn Trinh do biết giữ vững lập trường chính trị của mình, không tham dự vào bè phái riêng của Đa Nhĩ Cỗn một cách liều lĩnh, nhất là trong việc sửa đổi "Thanh Thái Tổ Thực Lục" chứng tỏ ông có tầm nhìn xa rộng, đóng cửa giả bệnh không làm việc nên mới thoát khỏi tai vạ.

6. Cuối Đời Tốt Đẹp

Năm thứ chín niên hiệu Thuận Trị (1652), triều đình nhà Thanh cử Phạm Văn Trinh giữ chức Nghị Chính Đại Thân. Sau khi Phạm Văn Trinh trở lại triều đình, đã nhanh chóng chuyển phương châm chính trị của hoàng đế Thuận Trị vừa mới đích thân nắm quyền không bao lâu, trở vào quỹ đạo lấy nhân đức để cai trị thiên hạ. Đối với chính quyền của Nam Minh áp dụng chính sách "chiêu hàng phủ dụ", sắc phong cho Trịnh Thành Công làm Hải Trưng Công, và cho phép ông giữ quân đội riêng để bảo vệ quyền lực của chính mình. Những thế lực vũ trang chống Thanh khác, nếu chịu đầu hàng thì đều được xóa bỏ tội trước.

Triều đình lại phái Hồng Thừa Trù đi kinh lược các vùng Hồ Quảng, Vân Quý, với nhiệm vụ được triều đình giao là phải "thu phục nhân tâm là chính". Đối với những người, những thế lực đã quy phục, thì cần phải an ủi phủ dụ. Đối với những người, những thế lực chưa chịu quy phục, thì chiêu hàng một cách thành tâm. Nhờ đó, mà tình hình vốn hết sức căng thẳng trước đây đã dần dần dịu lại.

Lúc bấy giờ, chính phủ Mãn Thanh đang gặp khó khăn về kinh tế rất trầm trọng. Lương và tiền ở các tỉnh đều không đủ dùng. Do vậy, Phạm Văn Trinh đã viết sớ tâu lên nhà vua kiến nghị thực hiện chế độ đồn điền, khẩn hoang. Ông nói :

- Đất đai bỏ hoang, thuế khóa sẽ thất thu, lương thực sẽ khiếm khuyết, đối với quốc gia hết sức bất lợi. Nếu quân đội tiến hành chế độ đồn điền, khẩn hoang thì sẽ mang đến nhiều lợi ích và sẽ xóa được những khó khăn, giúp quốc gia tạo được nhiều lợi ích. Minh Thái Tổ tự khoe mình nuôi hàng triệu quân mà không tốn của dân một hạt thóc, chính là do sau cuộc chiến loạn cuối đời nhà Nguyên, Minh Thái Tổ đã tiến hành chế độ đồn điền, khẩn hoang nên mới được như vậy. Nay các vùng Hồ Quảng, Giang Tây, Nam, Sơn Đông, Thiểm Tây, là năm tỉnh đã trải qua chiến loạn lâu dài, nhân khẩu thưa thớt, vậy cần phải mở ngay những đồn điền lớn tại đây. Biện pháp có thể thực thi là đặt hai Đạo Viên và bốn Đồng Tri, chuyên môn quản lý về việc xây dựng đồn điền. Đạo Viên chịu trách nhiệm toàn diện, còn Đồng Tri thì mỗi người đảm đương một mặt, để hiệp trợ cho Đạo Viên làm tốt công tác đồn điền. Những quan chức này sẽ do Đốc Phủ ở tỉnh tuyển chọn, đề bạt từ những người liêm khiết. Đồng thời, xem những người được tuyển chọn phải chẳng có thể làm tốt công việc đồn điền, là một trong những tiêu chuẩn đánh giá công và tội của quan Đốc Phủ. Về mặt bổng lộc của các quan viên phụ trách đồn điền, thì năm thứ nhất sẽ lấy từ quỹ riêng của đồn điền để cấp phát. Đến năm thứ hai sẽ lấy từ kho của đồn điền mà chi dụng. Từ đó trở đi, hàng năm phải tự mình chịu trách nhiệm về việc lời hay lỗ, và toàn bộ chi phí xuất từ thu nhập của đồn điền. Riêng bò cày, lúa giống nông cụ để tiến hành công tác khẩn hoang lập đồn điền, đều do các Đạo, Châu, Huyện sở tại cung ứng. Việc xây dựng đồn điền nên bắt tay trước ở những vùng đất hoang rộng lớn, lại tiện việc tưới tiêu, rồi mới dần dần mở rộng ra chung quanh. Những đất đai vô chủ hoặc đất đai có chủ mà bỏ hoang, đều được quy vào đồn điền của triều đình. Bá tánh nếu có ý tự cày cấy nhưng tài lực không đủ, thì quan phủ sẽ cho họ vay trâu cày và hạt giống. Hàng năm sẽ lấy một phần ba trong số thu nhập nộp vào công quỹ. Sau ba năm thì số ruộng đất này cũng như tất cả phương tiện đều thuộc về họ, xem là điền sản riêng của mỗi nông dân. Đối với bá tánh không có tài sản chi cả, thì có thể thuê họ làm và trả tiền công. Lương thực thu được trong năm

thứ nhất tại đồn điền, thì đồn điền hoàn toàn giữ lại để tạo cơ sở tốt cho năm thứ hai. Nếu đồn điền thu hoạch nhiều lương thực, thì có thể đưa số lương thực đã tích trữ lâu cho quân trú phòng đóng gần đây sử dụng, nhưng họ không được đòi hỏi quá nhiều. Từ năm thứ ba trở đi, khi việc thu hoạch lương thực đã sung túc, thì do triều đình phái thuyền, xe, đến đồn điền vận chuyển đi cung cấp cho quân đội. Tuyệt đối không được bắt người tại đồn điền, hoặc sử dụng trâu bò của đồn điền để làm công việc này, nhằm đảm bảo cho người ở đồn điền không bị quấy rầy. Đồng thời, những điền hộ trong đồn điền được ghép thành bảo giáp, để họ tự bảo vệ và giám sát lẫn nhau, ngăn chặn những hành vi gian dối, phi pháp. Các quan viên làm việc ở đồn điền, nếu làm tròn trách nhiệm, thì ba năm được lên hai cấp, bổng lộc được ngang bằng với các tướng giữ biên cương, để đền đáp lại công lao của họ. Trái lại, nếu không làm tròn nhiệm vụ, thì đưa sang cho tuần án điều tra xử phạt. Nếu tuần án vì tình riêng mà bao che, thì sẽ bị tội liên lụy.

Triều đình nhà Thanh đã thực thi chủ trương của Phạm Văn Trinh về việc lập đồn điền, nên đã thu được hiệu quả rất lý tưởng.

Việc xây dựng đồn điền chẳng những tăng thêm sự thu nhập cho triều đình, mà còn làm dịu đi nguy cơ kinh tế vốn đang gay gắt, tăng cường sức mạnh của quốc gia, hấp thu lưu dân trở về với ruộng đất. Tất cả những điều đó, đối với việc khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định cuộc sống của bá tánh, có một tác dụng không thể đánh giá thấp.

Tháng mười một cùng năm. Phạm Văn Trinh cho rằng thời cơ đã chín muồi, bèn tập trung tất cả những bản tâu chương phản đối lệnh cạo đầu thắt bím của Đa Nhĩ Cổn, cũng như việc ông này cách chức các quan viên đã tố cáo bọn Phùng Thuyên trình hết lên cho hoàng đế Thuận Trị xem. Vua Thuận Trị xem qua, nói :

- Các đại thần tố cáo như vậy là hoàn toàn đúng, thế tại sao lại bãi quan họ ?

Phạm Văn Trinh đáp:

- Họ đều là những người trung thành với nhà vua, quyết tâm báo quốc, dám liều chết để tố cáo các nịnh thần, thế mà không ngờ lại bị gán cho những tội danh không đâu. Vậy xin hoàng thượng nên thương yêu họ nhiều hơn, vì họ đều là những trung thần không chịu dùa nịnh.

Hoàng đế Thuận Trị bèn xuống lệnh cho Lại Bộ phục chức tất cả những quan viên đã bị bãi quan trước đây. Nhờ đó mà đã xóa được những oan án lớn.

Năm thứ mười niên hiệu Thuận Trị (1653), Phạm Văn Trinh nhằm vào chế độ sử dụng người của triều đình trong một thời gian dài đã qua, thường tỏ ra trọng người Mãn mà khinh người Hán, cũng như chỉ dùng người thân để kết bè kết cánh cùng các đồng liêu viết sớ tâu lên nhà vua, xin nhà vua xuống sắc lệnh cho các đại thần ở các bộ, các huyện từ tam phẩm trở lên, được phép tự mình tiến cử những nhân tài mà mình quen biết, bất luận họ là người Mãn hay người Hán, bất luận họ đang làm quan to hay nhỏ, đã làm quan lâu hay mới làm quan, không phân biệt người thân hay sơ, chỉ cần có tài là nên mạnh dạn tiến cử. Một vị quan có thể tiến cử mấy người, cũng như mấy người có thể tiến cử cho một vị quan. Sau đó, tập hợp danh sách của họ lại để tại ngự tiền để tiện theo dõi, quan sát nghị luận và hành động của họ, để tìm hiểu kỹ thêm, rồi khi cần đến sẽ tuyển dụng. Đối với người được tiến cử nếu làm tròn

trách nhiệm, lập được thành tích dù lớn hay nhỏ, người tiên cử cũng được thưởng như người được tiên cử. Trái lại, nếu người tiên cử không làm tròn trách nhiệm, hoặc có lỗi làm to hay nhỏ, thì người tiên cử cũng bị xử phạt. Hoàng đế Thuận Trị đã chấp nhận kiến nghị trên.

Kiến nghị này chẳng những làm cho chế độ dùng người từ chỗ chỉ biết dùng người thân, chuyển sang trọng dụng nhân tài. Ngoài ra, còn thể hiện người tiên cử nhân tài bất luận là người Mãn hay người Hán cũng đều xem như nhau, khiến quan viên người Hán tộc trong việc tiên cử nhân tài, cũng được hưởng những quyền lợi ngang như người Mãn tộc. Từ đó, xóa bỏ được sự kỳ thị đối với quan viên người Hán tộc từ trước tới nay, xóa bỏ được tự ti mặc cảm của người Hán tộc, để họ cùng được triều đình tín nhiệm và trọng dụng như người Mãn tộc. Nhờ đó, các quan viên người Hán tộc vui lòng làm hết sức mình cho triều đình. Hồng Thừa Trù là một trong những người Hán tộc được trọng dụng là một bằng chứng.

Trong năm đó, hoàng đế Thuận Trị cử Hồng Thừa Trù đi kinh lược Giang Nam, và đã chỉ thị: “Đối với việc cần phủ dụ hay cần trấn áp, cũng như sự phân phát tiền bạc và lương thực cho quân đội, đều phải nghe theo lệnh của Hồng Thừa Trù, "Hai Bộ Lại và Bộ Binh không được can dự vào!". Do vậy mà Hồng Thừa Trù theo quân đội xuống phía Nam, đã gánh vác trọng trách, hoàn thành sứ mạng trong việc tấn công chiếm thành cũng như dụ hàng đối phương. Ông từng phái người đến Mãn để đón bà mẹ già. Khi bà mẹ đến, nhìn thấy Hồng Thừa Trù thì cả giận, dùng gậy đánh ông, mắng rằng :

- Nhà ngươi đón ta tới đây, có phải để ta làm một lão nô tỳ dưới cờ của ngươi không ? Ta đánh chết nhà ngươi là để trừ một cái hại cho thiên hạ!

Sau đó, bà đã mua thuyền đi trở về Phúc Kiến. Nhưng, Hồng Thừa Trù vì báo đáp ơn tri ngộ của triều nhà Thanh, vẫn không thay đổi ý định, một mực lo làm việc như thường cho đến khi đôi mắt gần như bị mù, mà vẫn chưa nghĩ, cho dù cả đời ông chỉ được cử giữ chức Tam Đẳng Khinh Xa Đô úy. Các quan liêu người Hán tộc trung thành với triều đình Mãn Thanh như thế, đã giúp ích rất nhiều cho tầng lớp thống trị nhà Thanh. Do vậy, vào năm thứ 6 niên hiệu Thuận Trị (1659), triều đình nhà Thanh đã tiến lên quy định : "Không cần phân biệt là người Mãn hay người Hán, mà chỉ cần xem ai có quan hàm cao, thì người đó được giữ ấn". Riêng việc tâu lên triều đình, thì cơ quan viên người Mãn cũng như quan viên người Hán đều phải cùng tâu, không cho phép chỉ để quan viên người Mãn tâu, mà không thấy mặt quan viên người Hán. Ban đầu, các Đại Học Sĩ nếu là người Mãn thì được hàm nhất phẩm, còn người Hán thì chỉ được nhị phẩm. Đến năm thứ mười lăm niên hiệu Thuận Trị (1658), tất cả đều được sửa thành nhất phẩm. Riêng các vị Thượng Thư ở Sáu Bộ, trước đây nếu là người Mãn thì được hàm nhất phẩm, còn người Hán thì nhị phẩm. Đến năm Thuận Trị thứ 6 (1659), đều sửa lại là nhị phẩm. Như vậy triều đình đã tiến lên một bước, xóa bỏ sự cách biệt giữa quan viên người Mãn và quan viên người Hán, tạo điều kiện để họ đoàn kết nhất trí với nhau, cùng góp công với triều đình.

Năm Thuận Trị thứ mười một (1654), hoàng đế Thuận Trị định phái quan viên đến các tỉnh để kiểm tra về hình ngục, nhưng Phạm Văn Trinh tâu :

- Trước đây thần cũng dự định phái các đại thần người Mãn và người Hán đến các địa phương để tuần tra, nhưng do thấy bá tánh đang quá khổ sở, nên đã xóa bỏ ý định đó. Nay các địa phương đang xảy ra lụt lội hạn hán rất nghiêm trọng, nỗi khổ của bá tánh càng trầm trọng hơn, vậy tốt nhất nên ngưng ngay việc phái quan lại đến các địa phương. Nhưng trọng tội mà các địa phương đang giam giữ, có thể

xuống lệnh cho tuần phủ các tỉnh đi tìm hiểu rõ ràng. Nếu thấy có điều khả nghi là oan án, thì họ phải trình lên cho hoàng đế quyết định.

Kiến nghị nhằm tránh gây phiền hà cho người dân đang chịu khổ cũng được hoàng đế Thuận Trị chấp nhận.

Tháng tám cùng năm, nhà vua đã gia ân cho các đại thần phụ chính, đặc biệt phong thêm chức cho Phạm Văn Trinh làm Thiếu Bảo kiêm Thái tử Thái Bảo. Đến tháng chín, lại nâng chức cho Phạm Văn Trinh lên làm Thái phó kiêm Thái tử Thái Sư. Do Phạm Văn Trinh là cựu thần tiên triều, có đại công với quốc gia, nên vua Thuận Trị đã dùng lễ đối xử với ông. Khi Phạm Văn Trinh bị bệnh, chính nhà vua đã điều chế thuốc đưa đến cho ông trị bệnh, còn phái họa sĩ đến tận nhà Phạm Văn Trinh để vẽ hình ông, đem cất giữ vào nội phủ. Nhà vua cũng thường ban cho Phạm Văn Trinh nhiều y phục ngự dụng. Thân người Phạm Văn Trinh to lớn, nên nhà vua cho thợ đến tận nhà đo may, để tất cả áo mũ của ông đều được vừa vặn.

Năm Thuận Trị thứ mười tám (1661), vua Huyền Diệp lên kế vị Phúc Lâm, đổi niên hiệu là Khang Hy. Theo như thường lệ, nhà vua mới lên ngôi phải làm lễ cáo tế với trời đất và tổ tông. Do vậy, với tư cách là một đại thần đức cao vọng trọng, Phạm Văn Trinh được phái đến Thịnh Kinh (nay là thành phố Thẩm Dương) để cáo tế trước lăng mộ của Thái Tông Hoàng Thái Cực. Phạm Văn Trinh quỳ trước lăng mộ của Hoàng Thái Cực khóc hết sức xúc động, thực lâu không thể đứng dậy. Sở dĩ ông cảm động đến như thế, là do trước đây ông có ân tri ngộ với Hoàng Thái Cực, đồng thời, cũng xúc cảm vì bản thân mình đã trải qua những giai đoạn cam go, suýt nữa đã bị mất mạng, thế mà nay ông bảo toàn được tấm thân để tới đây, có một cuộc sống cuối đời tốt đẹp, cho nên ông hết sức bùi ngùi.

Năm Khang Hy thứ năm (1666), Phạm Văn Trinh với tư cách là tam trào nguyên lão đã chết bệnh tại nhà, hưởng thọ bảy mươi tuổi. Vua Khang Hy đích thân viết văn tế, sai Lễ Bộ thị lang là Hoàng Cơ đến cúng tế. Đồng thời, nhà vua còn viết bốn chữ “Nguyên phụ cao phong” để treo trước linh sàng, biểu dương công đức bất hủ của Phạm Văn Trinh.

Cả cuộc đời của Phạm Văn Trinh đã trải qua bốn đời vua và phục vụ cho ba vị chúa, giúp triều đình nhà Thanh sáng lập giang sơn, nên công lao của ông không thua chi Trương Lương đã giúp cho nhà Hán, Lưu Bá Ôn đã giúp cho nhà Minh. Tuy nhiên vì Phạm Văn Trinh đã giúp cho một dân tộc thiểu số đoạt lấy thiên hạ của người Hán, nên trong một thời gian lâu dài mọi người đều có thiên kiến nào đó đối với hành động “phản nghịch” của ông.

Phạm Văn Trinh tự xưng mình là người có “bộ xương của triều Minh, và da thịt của triều Thanh”. Chứng tỏ ông cũng vì vấn đề đó mà chịu đựng sự ray rứt. Trên thực tế, Phạm Văn Trinh đứng trước mọi tình hình phức tạp, có thể hiểu được đại thể, chú ý đến đại cuộc, nói những lời cần nói, làm những việc cần làm, không vì người nào đó mà hạ mình hoặc tự cao, không ngã theo chiều gió, là người thao lược hơn người, lại có thể đem sự hiểu biết của mình truyền đạt cho vị chúa công mà mình đang phụng sự, đem hoài bão chính trị của bản thân, khôn khéo chuyển nó thành hiện thực, để từ đó ổn định cuộc sống của nhân dân, đẩy mạnh sự tiến bộ của xã hội, làm nên những sự nghiệp không bao giờ mai một. Cho nên ông quả không hổ danh là một mưu lược gia có tầm nhìn cao xa và có kiến thức trác tuyệt.

Dịch xong tại TP. Hồ Chí Minh

-- Hết --

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage :

<https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google :<http://bit.ly/downloadsach>

[1] Túc nước Trung Hoa

[2] Túc Tiêu Hà và Trương Lương